

MICHEL NGUYỄN HẠNH sưu tầm và chú giải

會

HỘI

同

ĐỒNG

四

TỨ

教

GIÁO

名

DANH

師

SƯ

(Sách tham khảo)



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
2020

MICHEL NGUYỄN HẠNH sưu tầm và chú giải

會

HỘI

同

ĐỒNG

四

TỨ

教

GIÁO

名

DANH

師

SƯ

Năm Canh Tý 2020

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

NIHIL OBSTAT

Ngày 25 tháng 3 năm 2020



Đức Ông Phêrô Nguyễn Chí Thiết

IMPRIMATUR

Xuân Lộc, Chúa Nhật Lễ Lá, ngày 5 tháng 4 năm 2020



+ Gioan Đỗ Văn Ngân
Giám mục Phụ tá Giáo phận Xuân Lộc
Chủ tịch Ủy ban Giáo lý Đức Tin
Trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam

PHẦN 1

LỜI TỰA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

LỜI TỰA

“Hội đồng Tứ giáo” là một cuốn sách rất nổi tiếng vì đã được tái bản nhiều lần. Ngược nguồn lịch sử, ít là đã 30 lần từ 1867 đến 1959 – nhà in Tân Định tái bản đến 15 lần, nhà in Thái Bình tái bản 12 lần (Lm. Nguyễn Hưng, *Sơ thảo Thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam*, lưu hành nội bộ Tp.HCM 2000). Hiện trong tay chúng tôi có các ấn bản 1867, 1911 và 1924. Theo Lm. giáo sư Phan Tấn Thành, đã có một ấn bản phiên dịch ra tiếng Tây Ban Nha.

Ấn bản 2020 này do nhà nghiên cứu Nguyễn Hạnh thực hiện bằng cách phiên âm và chú giải bản in năm 1867 và 1924. Đây là ấn bản lần thứ 5 trong thời hiện đại, từ năm 1959 – 2020. Năm 1953 và 1959 “Hội đồng Tứ giáo” được in tại nhà in Tân Định. Năm 1996, Linh mục Nguyễn Hưng đã cho in lại ấn bản 1911 toàn bộ “Hội đồng tứ giáo danh sư” gồm bản văn chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Hán trong khuôn khổ lưu hành nội bộ. Năm 2002, một ấn bản tại Hoa Kỳ dựa trên bản in năm 1867.

“Hội đồng tứ giáo”, cũng có tựa đề “Hội đồng tứ giáo danh sư” xuất hiện đầu tiên vào lúc nào và do ai sáng tác cũng chưa có tài liệu nào chính xác đem ra ánh sáng. Theo lời Tựa trong sách, cuộc Hội đàm xảy ra vào thời Lê Cảnh Hưng và chúa Tĩnh Đô Vương tức vào năm 1786. Hiện ấn bản này, theo chúng tôi biết, thì chưa tìm được tông tích. Theo những nghiên cứu của các Giáo sư như Phan Tấn Thành, Trần văn Toàn cũng như Linh mục Nguyễn Hưng (Sách đã dẫn), thì tác giả phải là thừa sai Jacinto Castaneda, vì ông là vị thừa sai (Tây sĩ), một trong hai linh mục bị bắt và trảm quyết vào năm 1773. Quan Sáu được nhắc đến trong sách như người đứng ra tổ chức Hội đồng tứ giáo. Quan đã mời cả hai vị linh mục đang bị giam đến cùng với ba đại diện Tam giáo cổ truyền để trình bày cho Quan biết đạo nào là thật là hư trước khi Quan xin theo đạo như lòng mong ước của thân mẫu Ông là Đức Thượng Trâm. Nhân đó, Tây sĩ (vị thừa sai) đề nghị bàn đến ba vấn đề về nhân sinh: “*Nhân chi bản nguyên sinh tự hà lai?*” (Con người từ đâu đến); “*Nhân chi hiện tại, tại thế hà như?*” (hiện tại phải sống thế nào) và “*nhân chi cứu cánh tử vãng hà sở ý?*” (chết rồi đi về đâu). Cuộc đối thoại giữa các đại diện bốn tôn giáo và nói

cho đúng thì cuộc đối thoại không phải giữa bốn bên mà là hai bên, tức là giữa nhà truyền giáo và bên kia là ba đại diện của Tam giáo, Nho, Lão, Phật. Cuộc đối thoại như trong sách trình bày là một dàn cảnh (x. Phan Tấn Thành ...), chứ không phải là một sự kiện lịch sử, vì Quan Sáu đã mất vào năm 1763 không thể đứng ra triệu tập cuộc mạn đàm này được. Tuy nhiên nội dung bàn luận và người thắc mắc vẫn là những dữ kiện đã xảy ra trong lịch sử, ví dụ như Quan Sáu đã nhiều lần bàn luận với các thừa sai, và đã lãnh bí tích Rửa tội (x. Phan Tấn Thành ...), và trong sinh hoạt thường ngày, Tây sĩ cũng gặp gỡ nhiều vị Hòa thượng, các Nho sĩ và ngay cả các dự tông và tân tông muốn đối chiếu giữa đạo mới là Kitô giáo và Tam giáo cổ truyền.

Hầu hết các Ấn bản trước đây chủ yếu là in lại văn bản chữ Nôm và phiên âm, chứ không có chú giải về bản văn. Năm 1966 Lm. Nguyễn Hưng cho thêm một chú giải lịch sử về vị Quan Sáu và hai vị linh mục (x. Phan Tấn Thành ...).

Theo chúng tôi, Ấn bản 2020 lần này của học giả Nguyễn Hạnh có những giá trị như sau:

1/ Giá trị thực dụng do cách trình bày:

– Sách được thể hiện thành năm phần:

+ **Phần 1:** Lời tựa, Lời nói đầu và Hướng dẫn sử dụng sách.

+ **Phần 2:** Nội dung sách *Hội đồng tứ giáo danh sư* bản Hán Nôm

+ **Phần 3:** Chú giải từ ngữ và điển tích.

+ **Phần 4:** Bản chụp ảnh sách *Hội đồng tứ giáo* quốc ngữ, in năm 1887 để phục vụ cho việc dẫn nguồn trong việc nghiên cứu và So sánh hai bản văn Hội Đồng Tứ Giáo.

+ **Phần 5:** Phụ lục, ý kiến riêng của học giả Nguyễn Hạnh.

– Việc trình bày trong phần 2 được thực hiện theo cách: một bản để đối chiếu nằm ở trang chẵn bên tay trái, ở trang lẻ bên tay phải, tác giả nhập liệu dòng Hán Nôm phía trên, dòng tiếng Việt phía dưới. Với cách trình bày này, người đọc có thể tra cứu và đối chiếu từng từ một “mot à mot”. Hầu hết các từ dùng trong sách đã được chú giải với thí dụ trích từ trong sách. Từ cần tra được chú thích rõ là Hán (H.) hay Nôm (N.). Nếu là Hán với những điển tích kèm theo thì có giải thích điển tích ấy. Nếu là Nôm thì có phần phân tích chữ theo lục thư để người đọc thấy được cái

hay của chữ Nôm. Đây là phần độc đáo nhất...

– Ở phần 3: Việc chụp ảnh và phóng lớn *Hội đồng tứ giáo* quốc ngữ, năm 1887, in lần thứ ba với khổ 11cm x 17cm, để người nghiên cứu có thể so sánh với bản Hán Nôm một cách khả tín. Bởi vì nội dung bản Hán Nôm (năm 1867 và 1924) có nhiều chỗ khác với bản in năm 1887 tại nhà in Tân Định.

– Ở phần 4: Việc quét và phóng lớn sách *Hội đồng tứ giáo* quốc ngữ, năm 1959, in lần thứ mười bốn với khổ 11cm x 16cm, để người nghiên cứu có thể so sánh với bản quốc ngữ in lần thứ ba năm 1887 một cách khả tín. Bởi vì nội dung hai bản quốc ngữ (năm 1887 và 1959) giống nhau nhưng có đôi chỗ khác nhau về cách hành văn.

– Ở phần 5: Lời kết trình bày nhận định ba vấn nạn của con người theo tín ngưỡng dân gian của người Việt và triết lý của tứ giáo (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo và Công giáo).

2/ Giá trị đánh thức và thúc đẩy thể hệ hiện tại và tương lai nghiên cứu:

“Hội đồng Tứ giáo” là một tác phẩm trong kho tàng chữ Nôm công giáo. Linh mục Nguyễn Hưng đã sưu tập được 313 tác phẩm lớn nhỏ đủ các loại từ Truyện các Thánh, Thư chung, Sách kinh... đến Sắc chỉ, Câu đối, và Bia ký (Nguyễn Hưng, op cit). Kho tàng Nôm công giáo này có tầm quan trọng của nó đối với văn hóa nước nhà. Đây là chữ Nôm còn giữ nguyên vẹn và vẫn phát triển cho đến thế kỷ XX. Còn chữ Nôm trong xã hội bị chỉnh sửa khi vua Tự Đức cho thống nhất các sách Nôm để chuẩn bị cho thi Tam trường bằng chữ Nôm. Vào năm 1917, vua Khải Định ra lệnh bãi bỏ việc dạy Hán Nôm trong trường học; năm 1932, vua Bảo Đại ra quyết định dùng chữ quốc ngữ thay cho Hán Nôm; năm 1920, chính quyền Pháp ra lệnh cấm dùng chữ Nôm thì chữ Nôm Công giáo vẫn phát triển đến khoảng giữa thế kỷ XX. Nên biết, hiện chúng ta còn giữ được sách chữ Nôm sớm nhất vào năm 1646 là các tác phẩm của thừa sai người Ý, Linh mục Majorica Dòng Tên, như cuốn “*Truyện các thánh, Thiên Chúa Thánh Mẫu*” và tác phẩm muộn nhất mà chúng tôi có là *Thánh Giáo yếu lý*, in năm 1933, tại nhà in Trung Hòa Nam”.

Vì vậy, Hán Nôm Công giáo đóng góp rất lớn vào việc phát triển ngôn ngữ của dân tộc. Trong đó có việc phiên âm theo la tinh và dùng chữ Nôm theo cách thức đơn giản và thống nhất, hình thức văn xuôi chứ không phải là văn vần, loại văn chương bác học. Nên các bản văn Hán

Nôm Công giáo cho thấy sự phát triển văn hóa tín ngưỡng, văn minh của xã hội người Việt từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX.

Nhân đó, Ấn bản này của học giả Nguyễn Hạnh có tác dụng như thổi hồn mới vào bản văn để có tính cách hiện đại: ví dụ những vấn đề thắc mắc của Nho sĩ hay của Hòa Thượng và Thầy Pháp sư về một số điểm trong giáo lý của thế kỷ XVII và XVIII cũng còn là vấn đề của ngày hôm nay khi dự tông và tân tông, hay người tìm hiểu tôn giáo đặt ra: như Kitô giáo là một đạo du nhập từ ngoại quốc, Đức Mẹ Maria sinh con vẫn còn đồng trinh, Tại sao Đức Giêsu phải chịu cực hình để chuộc tội mà không có quyền phép tha thứ suông, vấn đề tôn kính người chết bên Công giáo có khác gì với việc tôn kính anh hùng dân tộc và các bậc thánh nhân như Khổng Tử, Lão Tử, Phật Thích Ca. Luân lý của Nho giáo về tam cương ngũ thường vv ... cũng giống như luân lý của Kitô giáo thì cần gì phải du nhập đạo mới này làm gì nữa? Lại nữa Tây sĩ trong sách tỏ ra rất thông thạo về văn hóa Á Đông, trích dẫn nhiều sách thánh hiền như Kinh Dịch, Kinh Thi, Đại Học, Luận Ngữ, Khổng Tử Gia ngữ, Tiểu học Cao Ly, Chu Tử vv ... hoặc là dẫn chứng suông *“Chữ rằng”* Lấy từ các sách của Thánh hiền. Tây sĩ tỏ ra rất lão luyện Hán văn cũng như biết nhiều về Tam giáo qua các thắc mắc của Ông. Hội đồng Tứ giáo của thế kỷ XVIII, XIX vẫn còn giá trị hiện đại về việc các đạo hữu thuộc các đạo khác nhau cần hiểu biết nhau, cần đối thoại với nhau tuy việc đối thoại tôn giáo cách đây 300 năm không thể so sánh với tinh thần đối thoại của Công đồng Vaticano II của thế kỷ XX, XXI: *“Giáo hội Công giáo không bao giờ phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo ấy. Giáo hội luôn chân thành tôn trọng những cung cách hành động và lối sống, cũng như những huấn giới vào giáo thuyết của các tôn giáo ...”* (NA 2,2) Tây sĩ cũng nhìn nhận giá trị luân lý của Khổng Tử nhưng không trả lời đúng được vì sao luân lý Kitô giáo lại trội vượt.

Chúng tôi cũng nhận định, theo nội dung và phong cách đối đáp, sách được soạn thảo cho giới trí thức thời đó, ngay cả cho tín hữu và các thừa sai đã có một trình độ hội nhập văn hóa cao, vì bản văn rất thường dùng Hán văn, mà không dịch nghĩa như các đề tài đem ra bàn luận; như Thập giới được viết, không theo lối kinh hạt bình dân phổ biến nơi các tín hữu, mà bằng Hán văn: *“Đệ nhất khâm sùng Thiên Chủ vu vạn vật chi thượng. Đệ nhị*

giới: Vô hô Thiên Chủ danh nhi thuyết phát hư thế. Độ tam giới: Thủ chiêm lễ chi nhật. Độ tứ giới: hiếu kính phụ mẫu. Độ ngũ giới: vô sát nhân. Độ lục giới: vô dâm thê tha nhân. Độ thất giới: Vô thâu đạo. Độ bát giới: Vô vọng vu. Độ cửu giới: Vô nguyên tha nhân thê. Độ thập giới: vô nguyên tha nhân tài”. Đang khi các tác phẩm xuất bản sau, viết bằng văn Nôm như “Điều răn thứ năm chó giết người”... Một phần dụng ý tác giả có lẽ cũng muốn dùng Hán Văn hoặc là dùng kinh sách đã có sẵn bên Trung Hoa để tăng thêm thế giá cho luận chứng của mình, muốn cho thấy rằng đạo mới cũng có giá trị kinh điển thánh hiền như các kinh điển của Tam giáo. Hơn nữa Việc dùng nhiều Hán tự trong tác phẩm cũng là một dấu chứng về tính cách cổ kính của tác phẩm, vì chữ Nôm càng xưa thì càng mang dấu ấn Hán tự nhiều hơn.

Nói tóm lại ấn bản Nôm do học giả Nguyễn Hạnh xuất bản cùng với chú thích từng từ Nôm một là một thúc đẩy thế hệ học giả nhất là Công giáo hiện đại nhất là các chủng sinh và tu sĩ nam nữ cần nghiên cứu các tác phẩm Nôm Công giáo, ý thức về vấn đề đối thoại liên tôn, không nặng tinh thần hộ giáo hay minh giáo theo Công Đồng Trento của Tây Sĩ trong Hội Đồng Tứ Giáo, ý thức về sự quan trọng cần biết về các tôn giáo bạn, và nhu cầu trình bày giáo lý trong tâm tình và tiếng nói dân tộc. Ước mong rồi đây, các thế hệ tương lai để tâm nghiên cứu và đưa ra ánh sáng về nhiều tác phẩm trong kho tàng Hán Nôm công giáo như học giả Nguyễn Hạnh đã mở đầu. Linh mục Nguyễn Hưng đã có công sưu tầm và in lại một số đáng kể các tác phẩm chữ Nôm công giáo. Nhưng cần có những người như học giả Nguyễn Hạnh và học giả Vũ Văn Kính tiên sinh (Tiên sinh đã để lại một cáo bản phân tích và so sánh chữ Nôm giữa hai ấn bản 1867 và 1911), chưa kịp in thì tiên sinh đã từ trần) nghiên cứu so sánh, giải thích và chú giải về những tác phẩm ấy để đem ra ánh sáng sự đóng góp vào văn hóa dân tộc của các thế hệ tiền bối, và từ đó biết được quá trình đem Tin Mừng hội nhập vào văn hóa dân tộc đồng thời mở ra một hướng thần học bản địa. Cảm ơn học giả Nguyễn Hạnh đã mở đường và đánh thức các nhà nghiên cứu Hán Nôm công giáo.

Đức Ông Phêrô Nguyễn Chí Thiết,
Giáo sư nhiều Đại chủng viện tại Việt Nam
Chủ biên Từ Điển Công giáo 2016

LỜI NÓI ĐẦU

“Hội đồng Tứ giáo danh sư” còn được gọi tắt là “Hội đồng Tứ giáo”. Sách viết theo dạng đối thoại giữa đạo Thiên Chúa và Tam giáo (đạo Nho, đạo Lão Tử và đạo Phật). Mục đích không phải để đạo Thiên Chúa bài xích Tam giáo nhưng nhằm hộ giáo và trình bày nội dung giáo lý của đạo Thiên Chúa qua ba chủ đề nhân sinh ở dạng Hán Nôm:

– **nhất viết: nhân chi bản nguyên, sinh tự hà lai** H. 一曰。人之本原生自何來 thứ nhất: nguồn gốc người ta sinh ra từ đâu?

– **nhị viết: nhân chi hiện tại, tại thế hà như** H. 二曰。人之現在在世何如 thứ hai: người ta ở đời này phải làm sao?

– **tam viết: nhân chi cứu cánh, tử vãng hà sở** H. 三曰。人之究竟死往何所 thứ ba: sự cùng sau hết, người ta chết rồi đi đâu?

Trong quyển sách này, người chú giải không chủ đích phân định đúng sai những tư tưởng trong nội dung sách. Bởi lẽ, việc “đối thoại” trong *Hội đồng Tứ giáo danh sư* ở bối cảnh đạo Thiên Chúa đang bị cấm đoán và bị xem là dị giáo, nghịch lại với chính giáo (đạo Nho, đạo Lão Tử và đạo Phật) nên không thấy được những đặc tính cơ bản của đối thoại, đó là: tôn trọng sự khác biệt, bao hàm thái độ dẫn thân, bỏ qua những định kiến, có thái độ bao dung thay vì bất bao dung, không có thái độ “cải đạo” khách thể. Qua việc chú giải từ ngữ, người chú giải muốn làm rõ vũ trụ quan và nhân sinh quan theo tín ngưỡng dân gian và theo tứ giáo (đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật và đạo Công giáo) theo cách hiểu hiện đại để giúp người đọc nhận ra được điểm chung của bốn tôn giáo lớn trên đất Việt, đó là *thần học tam phụ* (*thượng phụ* đối với Thượng Đế, *trung phụ* đối với Hoàng đế và *hạ phụ* đối với phụ mẫu) và “*đạo làm người* – cách sống chuẩn mực ở đời”. Trong đó không có việc phân định “*đạo của tôi đúng, đạo của anh sai*” mà cùng nhau nhìn về một hướng trong việc đối nhân xử thế và hướng về cánh chung.

Khi chú giải, người viết nhận ra một điều thú vị, đó là quyển *Hội đồng Tứ giáo danh sư* được viết ít nhất bởi hai người. Xin xem nơi phần *Hướng dẫn sử dụng sách*.

Michel Nguyễn Hạnh,
Giáo sư Đại chủng viện Thánh Giuse Saigon,
Học viện Công giáo, và một số Học viện ở Saigon, Tp.HCM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Phần 1: Lời tựa, Lời nói đầu, Hướng dẫn sử dụng sách để hiểu khái quát về quyển sách *Hội đồng tứ giáo danh sư*.

Phần 2: Nội dung sách *Hội đồng tứ giáo danh sư* bản Hán Nôm khắc in năm 1924 với phần chú giải từ ngữ và điển tích.

– Nội dung. Trong khi đọc phần Nội dung, người đọc thấy ở trang chẵn là bản in mộc bản bằng chữ Nôm. Cách đọc sẽ theo cách đánh số cột từ 1 đến 11 và đọc từ trên xuống dưới, từ cột phải sang cột trái. Trang lẻ là bản văn với ký tự Nôm ở dòng trên (có đánh số dòng tương ứng với số cột nơi trang chẵn) với cách đọc theo cột từ trái sang phải và phiên âm quốc ngữ tương ứng ở dòng dưới.

Trong các dòng phiên âm quốc ngữ có những chữ in nghiêng, đó là từ hoặc cụm từ Hán. Tất cả những từ Hán đều được giải thích ở Phần 3: Chú giải từ ngữ và điển tích.

– Chú giải từ ngữ và điển tích được sắp xếp theo thứ tự ABC với mục từ được in đậm, kế đó là chữ Nôm hoặc chữ Hán. Liên sau đó là chữ viết tắt in hoa phép lục thư (sáu cách) tạo ra chữ Nôm:

+ ÂH. (âm Hán): một cách của lục thư, mượn âm Hán nhưng hiểu theo nghĩa Nôm. Td: áo 襖 ÂH. đồ mặc để che thân. Td: áo gai 襖菱; áo mũ 襖帽.

+ GT. (giả tá): một cách của lục thư, mượn chữ Hán nhưng đọc trại âm Hán Việt. Td: ất 乙 GT. ất 乙 || N. chắc thế, đúng như vậy. Td: ất là 乙罷.

+ H. (Hán): một cách của lục thư, lấy nguyên âm và nghĩa Hán. Td: ảnh 影 H. bóng, hình. Td: thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình 善惡有報如影隨形 (lành dữ có đáp trả như bóng theo sau hình).

+ HT. (hài thanh): một cách của lục thư, dùng một chữ Hán lấy ý, một chữ Hán lấy âm để tạo ra chữ Nôm. Td: ao 泐 HT. thủy 氵 (lấy ý) + ấu 幼 (lấy âm) || N. trọ từ trong tiếng đôi. Td: ước ao 約泐)

+ HY. (hội ý): một cách của lục thư, dùng hai chữ Hán cùng có ý nghĩa ghép lại để tạo ra chữ Nôm. Td: lạy 禱 HY. lễ 礼 (lấy ý) + bái 拜 (lấy ý) || N. chấp tay, quỳ gối và cúi gập người để tỏ lòng cung kính, theo lễ nghi (lạy bóng lạy gió 禱俸禱盪; lạy quăng không 禱廣空; thờ lạy 禱禱).

+ PÂ. (phiên âm): đọc theo âm la-tinh. Td: a 亞 PÂ. Td: A-Dong 亞容; Ma-ri-a 瑪移亞.

+ KN. (khẩu ngữ): từ dùng trong văn nói. Td:.

+ N. (Nôm): chữ Nôm để phân biệt với chữ Hán. Td: **báng** 謗 ÂH. báng 謗 || N. chê bai, nói xấu, dị nghị. Td: nhạo **báng** 嘲謗.

* Các thí dụ (Td:) trong mục từ đều lấy trong nội dung bản văn của *Hội đồng tứ giáo*.

+ Cụm từ Hán được in đậm phần phiên âm, tiếp theo là chữ Hán. Sau chữ viết tắt H. là phần giải nghĩa. Td: **âm khí lưu hành tắc vi dương; dương khí ngưng tụ tắc vi âm, tổng thị nhất khí nhi vi nhị** 陰氣流行則為陽。為氣聚則為陰。總是一氣而為二 H. khí âm lưu hành thì thành dương, khí dương tụ lại thì làm âm, tóm lại chỉ là một khí mà thành hai.

– Qua phần chú giải từ ngữ có các vấn đề:

+ Hạn chế về việc font Nôm thiếu chữ. Vì vậy, khi chuyển sang ký tự Nôm phải dùng hai tự ghép lại thành một tự. Trong đó:

- ✓ **cụt** 肱 (nhục 月 + cốt 骨) HT. nhục 月 (lấy ý) + cốt 骨 (lấy âm) || N. mất hẳn một đoạn ở một đầu, không trọn vẹn trên chiều dài. Td: hai xương sườn **cụt** đã hóa nên hai Bụt 仁昌肱膊化年台二字.
- ✓ **dây** 糲 HT. (mễ 米 (lấy ý) + đài 苔 (lấy âm) || N. trái với mỏng. (mễ 米 + đài 苔) bánh **dây** 餠糲.
- ✓ **sao** 羣 HT. lao 牢 (lấy âm) + tinh 星 (lấy ý) || N. thiên thể tỏa nhiệt và tự phát ra ánh sáng. Td: ngôi **sao** 羣羣.
- ✓ **thóp** 膊 (nhục 月 + đáp 答) N. khe hở ở sọ của người, nơi các khớp nối của xương trên đỉnh đầu. Td: **thóp** trên đầu 膊連頭.
- ✓ **thờ** 祔 HT. kỳ 祔 (lấy ý) + thiết 余 (lấy âm) || N. tỏ lòng tôn kính thần thánh, người chết bằng hình thức lễ nghi, cúng tế. Td: **thờ** phượng 祔奉; **thờ** lạy 祔禱; **đáng thờ** 當祔.
- ✓ **trái** 鞞 (quả 果 lấy ý + lại 吏 lấy âm) N. quả. Td: **trái** đất 鞞坦.

+ Hạn chế về việc font Nôm thiếu chữ. Vì vậy, khi chuyển sang ký tự Nôm phải dùng tạm từ khác. Trong đó:

- ✓ **đom** HT. (thủ 扌 (lấy ý) + ½ đơm 朙 (lấy âm)) chữ **đom** ở phần nhập liệu trong sách Hán Nôm dùng tạm chữ **đơm** 朙 || N. cúng cơm. Td: **đom** cúng 朙供.
- ✓ **mềm** (khẩu 口 + mâm 饔) nhưng không có font nên thay thế bằng chữ **mềm** 饔 HT. thực 食 (lấy ý) + mâm 饔 (lấy âm) || N. dễ biến dạng dưới tác dụng của ngoại lực. Td: cơm **mềm** 饔饔.

– Qua phần chú giải từ ngữ dễ dàng nhận thấy quyển sách có ít nhất hai người chép, bởi cùng một từ nhưng cách viết khác nhau:

- ✓ **lạ** 邏/邏 GT. la 邏 (canh tuân) || N. không thường thấy, không thường nghe. Td: **lạ** lòng 邏透 (khó hiểu đến mức đáng ngạc nhiên). || Chữ **邏** trong từ **lạ** lòng 邏透 ở các trang 十 (trang 34 trong sách) cột 3 và trang 十一 cột 1 (trang 36 trong sách) giống nhau, bộ sước 辶 + 8 nét. Trong khi đó chữ **lạ** 邏 của từ **lạ** lòng 邏透 ở các trang 廿六 cột 7 (trang 66 trong sách) lại viết khác, bộ sước 辶 + la 羅 19 nét.
- ✓ **sắc** 勅 AH. sắc 勅 (bộ lực 力 + thúc 束) || N. 1. điều răn bảo. Td: sắc Bụt 勅亭. || 2. chiếu thư của vua. Td: sắc phong 勅封 ở trang 廿九 cột 1 (trang 72 trong sách) và trang 六十八 cột 6 (trang 150 trong sách) dùng chữ sắc 勅. Trong khi đó chữ sắc 敕 của từ sắc gia ban 敕加頒, sắc lệnh 敕令 ở trang 卉九 cột 9 (trang 92 trong sách) và trang 四十一 cột 10 (trang 96 trong sách) lại thuộc bộ phác 攴 + thúc 束.

– Đặc biệt, trong trang 十 thập, cột 4 và cột 10 (trang 34 trong sách) dùng từ **tất** với cùng một nghĩa nhưng lại với hai cách viết là **tất** 搃 và **tất** 𢇛:

tất 搃 HT. thủ 扌 (lấy ý) + tất 悉 (lấy âm) || N. không đầy đủ mà bỏ bớt đi một số chi tiết cho nhanh hơn, gọn hơn. Td: kể **tất** 計播. Từ **tất** 𢇛 ở trang 十 thập, cột 4 (trang 34 trong sách).

tất 𢇛 HT. hỏa 火 (lấy ý) + tất 悉 (lấy âm) || N. không đầy đủ mà bỏ bớt đi một số chi tiết cho nhanh hơn, gọn hơn. Td1: kể **tất** 計𢇛. Từ **tất** 𢇛 ở 十 thập, cột 10 (Hán Nôm). Td2: **tất** vậy 𢇛丕. Từ **tất** 𢇛 ở trang 七十八 thất thập bát, cột 7 (trang 34 trong sách).

Phần 3: Chú giải từ ngữ và điển tích sách *Hội đồng tứ giáo danh sư* bản Hán Nôm.

Phần 4: Ảnh chụp Bản Hội đồng tứ giáo bản quốc ngữ, phiên bản 1887 và Bảng so sánh hai văn bản Hội Đồng Tứ Giáo.

Phần 5: Phụ lục, trình bày nhận định của người viết về ba vấn nạn (*Nguồn gốc con người được sinh ra từ đâu? Hiện nay, người ta sống ở đời này như thế nào? Sau cùng, người ta chết rồi đi đâu?*) dưới góc nhìn của tín ngưỡng dân gian của người Việt và tứ giáo (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo và Công giáo).

Michel Nguyễn Hạnh

PHẦN 2

NỘI DUNG BẢN HÁN NÔM HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

(Bản sách Hán Nôm khắc in vào năm 1924, được Đức Giám mục Phê-rô Ma-ri-a Đông truyền tử (cho phép khắc in), in tại Kẻ Sở năm Giáp Tý, 1924. Sách này được khắc lại từ bản sách Hán Nôm do Cố Giu-se Chiêu tân san và truyền tử năm 1867)

會

HỘI

同

ĐỒNG

四

TỨ

教

GIÁO

天主降生一千九百二十四載歲次甲子

Thiên
Chúa
Giáng
Sinh
nhất
thiên
cửu
bách
nhị
thập
tứ
tái
tuế
thứ
Giáp
Tý
1924

Giám
mục
Phê
rô
Ma
ri
a
Đông
truyền
tử

監牧批魯瑪移亞東傳梓

印在几所辭

In
tại
Kẻ
Sở
năm

會同四教名師。

課代德希黎界希景興。主鄭界靖都王固扒特仁柴奇。沒柴方
西沒柴本國盤於儿幣在庫彭。欺氏固茹官愁界注主靖都王
諸固道。麻媯得界德上璿圭於境園。海陽處。本固道。常勸昆
道。雙離茹官胡塗諸別道實虛界兼茹。吏覽茹主崇尙柴修妃
僊共重邊符水法門時。惡得拱悶蹠邊茹主朱呬一門時。易欣。
仍麻吏覽德上璿能吡旦事道。罷得固惡做媯凜時拱沛朝朱
平惡媯。丕固沒得氏茹官喙各道旦營得底吶理道朱得脰祐
邊茹沛債界濫牢。丕固道儒道老子道釋迦吧仁柴奇沛盤拱

1→會同四教名師

2→課代德希黎罽希景興。主鄭罽靖都王固扒特訖柴奇。沒柴方
Thuở đời Đức vua Lê là vua Cảnh Hưng, chúa Trịnh là Trịnh Đô
Vương có bắt được hai thầy cả: một thầy phương

3→西沒柴本國檻於几幣在庫彭。欺衣固茹官耆罽注主靖都王
Tây, một thầy bản quốc, giam ở Kê Chợ tại Khố Bành. Khi ấy có nhà
Quan Sáu, là chú chúa Trịnh Đô Vương,

4→諸固道。麻媯得罽德上簪圭於境園。海陽處。本固道。常勸昆韶
chưa có đạo, mà mẹ người là Đức Thượng Trâm quê ở Cảnh Viên,
Hải Dương xứ, vốn có đạo, thường khuyên con chịu

5→道。雙離茹官胡塗諸別道實虛罽義蒂。吏凭茹主崇尚柴修妣
đạo. Song le nhà quan hồ đồ chưa biết đạo thật hư là đường nào, lại
thấy nhà chúa sùng thượng thầy tu, bà

6→僂共重邊符水法門時悉得拱悶蹺邊茹主朱 一門時易欣。
vãi cùng trọng bên phù thủy pháp môn, thì lòng người cũng muốn
theo bên nhà chúa cho ra nhất môn thì dễ hơn.

7→仍麻吏凭德上簪能叱旦事道。罷得固悉敬媯凜時拱沛朝朱
Nhưng mà lại thấy Đức Thượng Trâm năng nhắc đến sự đạo. Bởi
người có lòng kính mẹ lắm, thì cũng phải chiều cho

8→平悉媯。丕固沒暘 茹官喙各道旦營得底呐理道朱得駘
bằng lòng mẹ. Vậy có một ngày ấy Nhà Quan đòi các đạo đến dinh
người để nói lễ đạo cho người nghe, xem

9→邊蒂沛債罽濫牢。丕固道儒道老子道釋迦吧訖柴奇沛檻拱
bên nào phải trái là làm sao. Vậy có đạo Nho, đạo Lão Tử, đạo Thích
Ca và hai Thầy Cả phải giam cũng

10→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

一

nhất

1
↓

二

2
↓

3
↓

逐旦女。閉除茹官咤浪。本惡些重事實。悶別道。苜界道正底些。

4
↓

奉事。丕各道。奄旦低時。沛盤理之。界理正。齣道共沛。訥沒欺沒。

5
↓

得據次序。朱些。賄買特。

6
↓

署歇儒士浪。申漚德茹官。本從古以來。庄仍沒諾。茹些麻吏十。

7
↓

八國諸候吧。各諾邊方。東尼各等帝王公候士庶。調重。匹道些。

8
↓

尼祕濫正道。群事道外國花郎。界異端之教。仍調。嚙詐非理。苜。

9
↓

固事之實。麻沛盤晦理濫之。否平道。氏固實時。茹主奄庄禁。如。

10
↓

鋪柴花郎。尼固罕灰時。牢茹。希固扒麻濫罪。氏署茹。希奄論處。

11
↓

死余得。曷鋪柴尼。群刀退窰。吏倫入勸誘民愚。朱年吏沛扒。攔。

固空仍之。苜鋪柴花郎。固理之。調之。悶疎底德茹官。審察朱時。

1→ 二
nhì.

2→ 迨旦女。閉除茹官哦浪。本恚些重事實悶別道芾罷道正底些
đưa đến nữa. Bấy giờ Nhà Quan dạy rằng: “Vốn lòng ta trọng sự
thật, muốn biết đạo nào là đạo chính để ta

3→ 奉事。丕各道龟旦低時沛盤理之罷理正勲道共沛訥沒欺沒
phụng sự. Vậy các đạo đã đến đây, thì phải bàn lẽ chi là lẽ chính
trong đạo, cùng phải nói một khi một

4→ 得據次序朱些賸買特。
người, cứ thứ tự, cho ta nghe mới được”.

5→ 畧歇儒士浪。申禪德茹官。本從古以來庄仍沒諾茹些麻吏十
Trước hết Nho sĩ rằng: “Thân lạy Đức Nhà Quan, vốn tông cổ dĩ lai
chẳng những một nước nhà ta, mà lại thập

6→ 八國諸侯吧各諾邊方東尼各等帝王公侯士庶調重巴道些
bát quốc chư hầu và các nước bên phương Đông này, các đẳng đế
vương, công hầu, sĩ thứ đều trọng ba đạo ta

7→ 尼祕濫正道。群事道外國花郎罷異端之教。仍調嚙詐非理芾
này, lấy làm chính đạo. Còn sự đạo ngoại quốc Hoa Lang là dị đoan
chi giáo, những điều dối trá phi lý, nào

8→ 固事之實麻沛盤晦理濫之。沓平道衣固實時茹主龟庄禁。如
có sự gì thật mà phải bàn hỏi lẽ làm chi. Ví bằng đạo ấy có thật thì nhà
chúa đã chẳng cấm. Như

9→ 鋪柴花郎尼固罕灰時牢茹希固扒麻濫罪。衣畧茹希龟論處
phô thầy Hoa Lang này có hẳn hỏi thì sao nhà vua có bắt mà làm tội?
Ấy trước nhà vua đã luận xử

10→ 死余得劓鋪柴尼群刀退窶。吏偷入勸誘民愚朱年吏沛扒搯
tử mấy người. Rày phô thầy này còn đeo thói cũ, lại thâm nhập
khuyến dụ dân ngu, cho nên lại phải bắt giam

11→ 固空仍之。芾鋪柴花郎固理之調之悶疎底德茹官審察朱時
có không nhưng chi. Nào phô thầy Hoa Lang có lý chi, điều chi muốn
thưa để Đức Nhà Quan thăm xét cho thì

1
↓
唉疎。

2
↓
西士浪。申漚德茹官固。瑟贖傷朱衆碎。特呐事道底得察朱事。
3
↓
沛理時衆碎。特箎恩凜。雙離碎。覽調儒士呐浪。本從古以來各。
4
↓
等帝王。祕匹道些。濫真正時。牢。訥序大學浪。自伏羲神農黃帝。
5
↓
堯舜禹湯文武。繼天立極。以道治天下。苗。欺氏。匱固道儒道老。
6
↓
子道釋迦。兜氏。調本從古以來。匱。呷調庄實。爲代三代。術。微買。
7
↓
固匹道氏。麻渚。共浪匹道些。界正道。群道外國界異端之教。氏。
8
↓
丕道儒時於渚魯。道老子買固卒。代茹周於處胡廣。道釋迦於。
9
↓
渚天竺邊西。渚時匹道氏庄沛道外國歌。咄。牢儒士認浪匹道。
10
↓
些。呐。体氏固實庄。吏。噲衆碎。界道花郎雙寶碎。庄沛界得花郎。

1→ 唉疎。

hãy thưa.

2→ 西士浪。申禪德茹官固恚癢傷朱衆碎特唵事道底得察朱事

Tây sĩ rằng: Thân lạy Đức Nhà Quan có lòng rộng thương cho chúng tôi được nói sự đạo để người xét cho sự

3→ 沛理時衆碎特篋恩凜。雙離碎覓調儒士唵浪。本從古以來各

phải lẽ, thì chúng tôi được trông ơn lắm. Song lẽ tôi thấy điều Nho sĩ nói rằng: *Vốn tông cổ dĩ lai*, các

4→ 等帝王祕凹道些濫真正時牢勑中序大學浪。自伏羲神農黃帝

đăng để vương lấy ba đạo ta làm chân chính, thì sao trong tựa Đại Học rằng: “Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế,

5→ 堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下。芾欺衣龟固道儒道老

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ. Nào khi ấy đã có đạo Nho, đạo Lão

6→ 子道釋迦兜。衣調本從古以來龟瞬調庄實。爲代三代術饑買

Tử, đạo Thích Ca đầu. Ấy điều *vốn tông cổ dĩ lai* đã ra điều chẳng thật. Vì đời Tam Đại về sau mới

7→ 固凹道衣麻渚。共浪凹道些罽正道。群道外國罽異端之教。衣衣

có ba đạo ấy mà chớ. Cùng rằng “Ba đạo ta là chính đạo, còn đạo ngoại quốc là *dị đoan chi giáo*”, ấy

8→ 丕道儒時於諾魯道老子買固卒代茹周於處胡廣道釋迦於

vậy đạo Nho thì ở nước Lỗ, đạo Lão Tử mới có rồi đời nhà Chu ở xứ Hồ Quảng, đạo Thích Ca ở

9→ 諾天竺邊西。渚時凹道衣庄沛道外國歇咄。牢儒士認浪凹道

nước Thiên Trúc bên Tây. Chớ thì ba đạo ấy chẳng phải đạo ngoại quốc hết ru? Sao Nho sĩ nhận rằng ba đạo

10→ 些。唵体衣固實庄。吏噲衆碎罽道花郎雙實碎庄沛罽得花郎

ta? Nói thế ấy có thật chẳng? Lại gọi chúng tôi là đạo Hoa Lang, song thật tôi chẳng phải là người Hoa Lang

11→ 會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

三

tam

1
↓

四

2
↓

3
↓

4
↓

5
↓

6
↓

7
↓

8
↓

9
↓

10
↓

11
↓

吧。庄。固。道。苗。界。道。花。郎。共。庄。別。花。郎。界。渚。苗。女。本。衆。碎。界。西。士。
大。西。洋。各。渚。祿。奉。天。主。朱。年。道。衆。碎。噲。界。天。主。之。教。麻。罷。衆。碎。
約。泐。朱。天。下。每。渚。別。道。天。主。麻。祿。奉。朱。代。微。特。享。福。清。閒。連。天。
堂。朱。年。碎。底。茹。圭。坦。渚。麻。絃。郎。邊。尼。千。山。萬。水。不。辭。勞。苦。不。顧。
名。利。沒。固。瑟。悶。執。靈。魂。得。些。特。脫。麻。雀。丕。碎。絃。戈。渚。茹。明。拱。包。
於。帝。沒。丕。辭。段。買。郎。且。渚。尼。閉。數。仍。吹。虐。勸。得。些。濫。事。荅。另。事。
與。麻。儒。士。吏。浪。與。道。氏。固。實。吧。鋪。柴。固。罕。灰。牢。茹。希。固。扒。麻。濫。
罪。時。調。氏。碎。祿。濫。庫。疎。凜。爲。役。茹。希。濫。碎。庄。敢。察。雙。碎。悶。臨。儒。
士。調。訥。欺。乃。浪。從。古。以。來。各。等。帝。王。調。天。慍。祿。匹。道。些。濫。正。道。
時。牢。代。希。秦。始。皇。賄。啞。的。李。斯。麻。焯。歇。典。儒。墳。各。學。路。且。代。東。

1→ 四
tứ.

2→ 吧庄固道蒂罢道花郎共庄别花郎'诺蒂女。本衆碎罢西士
và chẳng có đạo nào là đạo Hoa Lang, cùng chẳng biết Hoa Lang là
nước nào nữa. Vốn chúng tôi là Tây sĩ

3→ 大西洋各诺 徐奉天主。朱年道衆碎噲罢天主之教。麻罷衆
Đại Tây Dương, các nước thờ phượng Thiên Chúa, cho nên đạo
chúng tôi gọi là *Thiên Chủ chi giáo*. Mà bởi chúng tôi

4→ 約渤朱天下每诺别道天主麻 徐奉朱代徽特享福清閒連天
ước ao cho thiên hạ mọi nước biết đạo Thiên Chúa mà thờ phượng
cho đời sau được hưởng phước thanh nhàn trên thiên

5→ 堂。朱年碎底苑圭坦渚麻埒郎邊尼千山萬水。不辭勞苦。不顧
đàng, cho nên tôi để nhà quê đất nước mà đi sang bên này, *thiên sơn*
vạn thủy, bất từ lao khổ, bất cố

6→ 名利。沒固恚悶執靈魂得些特脫麻崔。丕碎埒戈诺茹明拱龟
danh lợi, một có lòng muốn giúp linh hồn người ta được thoát mà
thôi. – Vậy tôi đi qua nước nhà Minh, cũng đã

7→ 於帝沒吵僻段買郎旦诺尼。閑数仍吹慮勘得些濫事苓另事
ở đây một ít năm, giả mới sang đến nước này, bấy lâu những xuôi
ngược, khuyên người ta làm sự lành lánh sự

8→ 典。麻儒士浪。裊道衣固實吧鋪柴固罕灰牢茹希固扒麻濫
dữ. – Mà Nho sĩ rằng: “Nếu đạo ấy có thật và phò thầy có hẳn hoi,
sao nhà vua có bắt mà làm

9→ 罪時調衣碎裊濫庫疎凜。爲役茹希濫碎庄敢察。雙碎悶晦儒
tội”, thì điều ấy tôi lấy làm khó thừa lắm, vì việc nhà vua làm, tôi
chẳng dám xét. Song tôi muốn hỏi Nho

10→ 士調啞欺乃浪。從古以來各等帝王調天慳裊吧道些濫正道
sĩ điều nói khi nãy rằng: “*Tòng cổ dĩ lai*, các đấng đế vương đều yêu
chuộng, lấy ba đạo ta làm chính đạo”,

11→ 時牢代希秦始皇脗啞昉李斯麻粹歇冉儒樽各學路。旦代東
thì sao đời vua Tần Thủy Hoàng nghe lời người Lý Tư mà đốt hết
sách Nho chôn các học trò; đến đời Đông

1 ↓ 漢明帝眩道釋迦麻貶道儒。更且代希宋徽宗眩道老子麻貶
2 ↓ 道釋迦渚時。貶道氏欺苻實欺苻虛。欺苻正欺苻邪。麻等帝王
3 ↓ 欺天欺情欺暗欺岐共禁濫丕時爲理濫牢。嘆儒士唉疎調氏
4 ↓ 未碎仕疎調箕。
5 ↓ 儒士浪。得罪等帝王濫。若該治得判。哦体苻時天下沛。哪據苻
6 ↓ 別特爲理濫牢。

7 ↓ 西士浪。包丕時翁有固據調氏浪。與道固實牢固禁牢固扒得
8 ↓ 麻濫罪濫之。題吏吶浪。道外國罪一種異端非理。時齣道衆碎
9 ↓ 察体尼。一曰。人之本原生自何來。二曰。人之現在在世何如。三
10 ↓ 曰。人之究竟死往何所。氏罪貶調氏。嘆德茹官吧各柴察固沛

11 ↓

- 1→ 漢明帝暱道釋迦麻貶道儒。吏旦代希宋徽宗暱道老子麻貶
Hán Minh Đế, nghe đạo Thích Ca mà biếm đạo Nho; lại đến đòi Vua
Tống Huy Tông nghe đạo Lão Tử mà biếm
- 2→ 道釋迦。渚時凹道衣欺市實欺市虛欺市正欺市邪麻等帝王
đạo Thích Ca. Chớ thì ba đạo ấy, khi nào thật, khi nào hư, khi nào
chánh, khi nào tà, mà Đấng Đế Vương
- 3→ 欺天欺怙欺嗜欺咬共禁濫丕時爲理濫牢。嗔儒士唉疎調衣
khi yêu khi ghét, khi khen khi chê, cùng cấm làm vậy thì vì lẽ làm
sao? Xin Nho sĩ hãy thừa điều ấy,
- 4→ 耒碎仕疎調箕
rồi tôi sẽ thừa điều kia.
- 5→ 儒士浪。得罌等帝王濫弄該治得判咄体市時天下沛啣據市
Nho sĩ rằng: Người là Đấng Đế Vương làm vua cai trị, người phán
dạy thế nào, thì thiên hạ phải vâng cứ, nào
- 6→ 別特爲理濫牢。
biết được vì lẽ làm sao.
- 7→ 西士浪。龟丕時翁竹固據調衣浪。裊道固實牢固禁牢固扒得
Tây sĩ rằng: Đã vậy thì ông đừng có cứ điều ấy rằng: Nếu đạo có thật,
sao có cấm, sao có bắt người
- 8→ 麻濫罪濫之。魁吏啞浪。道外國罌一種異端非理。時勲道衆碎
mà làm tội làm chi? – Và lại nói rằng “Đạo ngoại quốc là *nhất chủng
dị đoan phi lý*” thì trong đạo chúng tôi
- 9→ 察体尼。一曰。人之本原生自何來。二曰。人之現在在世何如。三
xét thế này: *Nhất viết: Nhân chi bản nguyên, sinh tự hà lai? Nhị viết:
Nhân chi hiện tại, tại thế hà như? Tam*
- 10→ 曰。人之究竟死往何所。罌凹調衣嗔德茹官吧各柴察固沛
viết: Nhân chi cứu cánh, tử vãng hà sở? Ấy là ba điều ấy xin Đức Nhà
Quan và các Thầy xét có phải
- 11→ 會同四教名師
HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

五
ngũ

1
↓

2
↓

3
↓

4
↓

5
↓

6
↓

7
↓

8
↓

9
↓

10
↓

11
↓

罪道異端非理噉詐庄。

閉除茹官浪。仍調氏祐。呷拱固理。時鮑翠道沛解義。匹調氏呷
体芻朱些。眩雙唉解沒。睨呷沒調渚。賁從且特。丕調一曰。人之
本原生。自何來。呷濫牢。

畧歆儒士解句氏浪。魴道儒各冉吧各儒士界仍等聖賢調合沒意麻咄浪。每事時罷五行麻呷。麻欺五行諸分趁呷時於論濫沒氣噲呷太極。如啞冉性理浪太極動而生陽。靜而生陰。陽變陰合而生五行。界金木水火土。爲丕拱罷沒氣麻變化萬物。如啞翁程子浪。萬物之始不過散聚而已。罷帝道儒祕太極濫頭檜檜每事麻渚。

六

1→ 六
lục

2→ 罪道異端非理嚙詐庄。
là đạo dị đoan phi lý dối trá chẳng?

3→ 閉除茹官浪。仍調衣祜禡拱固理。時勸罪道沛解義巴調衣罪
Bấy giờ Nhà Quan rằng: Những điều ấy xem ra cũng có lý, thì trong
bốn đạo, phải giải nghĩa ba điều ấy là

4→ 体市朱些𡗗。雙咲解沒眼罪沒調渚買從且特。丕調一曰。人之
thể nào cho ta nghe, song hãy giải một buổi là một điều chó mới
thong thả được. Vậy điều *nhất* viết: *Nhân chi*

5→ 本原生自何來罪濫牢。
bản nguyên sinh tự hà lai là làm sao?

6→ 畧歇儒士解句衣浪。勸道儒各曲吧各儒士罪仍等聖賢調合
Trước hết Nho sĩ giải câu ấy rằng: Trong đạo Nho, các sách và các
Nho sĩ là những đấng thánh hiền đều hợp

7→ 沒意麻咤浪。每事時罷五行麻禡。麻欺五行諸分紛禡時於論
một ý mà dạy rằng: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra, mà khi ngũ hành
chưa phân chia ra, thì ở lộn

8→ 濫沒氣嚙罪太極如啞曲性理浪。太極動而生陽。靜而生陰。陽
làm một khí, gọi là Thái Cực như lời sách Tíck Lý rằng: *Thái Cực động
nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh âm. Dương*

9→ 變陰合而生五行罪金木水火土。爲丕拱罷沒氣麻變化萬物
biến âm hợp nhi sinh ngũ hành là kim mộc thủy hỏa thổ. Vì vậy cũng bởi
một khí mà biến hóa vạn vật

10→ 如咬翁程子浪。萬物之始不過散聚而已。罷帝道儒祕太極濫
như lời ông Trình Tử rằng: *Vạn vật chi thủy bất quá tán tụ nhi dĩ*. Bởi
đấy đạo Nho lấy Thái Cực làm

11→ 頭檜檣每事麻渚。
đầu cột rẽ mọi sự mà chó.

1 ↓

西士浪。本種氣空欺奴動時動買朱旦欺固事之恪於外奴麻

2 ↓

根拏奴吏時買崔動。麻欺奴安時安買朱旦欺固事恪於外奴

3 ↓

麻打動奴買動麻渚。雙離欺頭歐買固沒氣太極時太極渚帝

4 ↓

之麻濫朱奴動欺奴當安。共濫朱奴安欺奴當動。如啞翁邵子

5 ↓

訥訥冉經易浪。無極之前陰含陽也。氏不罷。猶埃哈罪法埃分

6 ↓

訥氣氏。呷塊饒。

7 ↓

儒士浪。自然二氣之道連分呷。

8 ↓

西士浪。翁訥濫丕拱如訥浪。安生呷動。動生呷安。冷生呷爨。爨

9 ↓

生呷冷。吒生呷爨。爨生呷吒。如經易拱沒呢訥。体氏浪。陰爲陽

10 ↓

之母。陽爲陰之父。苟固調之逆聰欣女咄。

11 ↓

- 1→ 西士浪。本種氣空欺奴動時動買朱旦欺固事之恪於外奴麻
 Tây sĩ rằng: Vốn giống khí không, khi nó động thì động mãi, cho đến
 khi có sự gì khác ở ngoài nó mà
- 2→ 垠拵奴吏時買崔動。麻欺奴安時安買朱旦欺固事之恪於外奴
 ngăn cầm nó lại, thì mới thôi động. Mà khi nó yên thì yên mãi cho đến
 khi có sự gì khác ở ngoài nó
- 3→ 麻打動奴買動麻渚。雙離欺頭歇買固沒氣太極時太極洳帝
 mà đã động, nó mới động mà chớ. Song le khi đầu hết mới có một khí
 Thái Cực, thì Thái Cực nhờ đi
- 4→ 之麻濫朱奴動欺奴當安。共濫朱奴安欺奴當動。如啞翁邵子
 gì mà làm cho nó động khi nó đương yên, cùng làm cho nó yên khi nó
 đương động. Như lời ông Thiệu Tử
- 5→ 訥訥經易浪。無極之前陰含陽也。衣丕罷舐埃哈罷法埃分
 nói trong Kinh Dịch rằng: Vô cực chi tiền âm hàm dương dã. Ấy vậy bởi
 tay ai hay là phép ai phân
- 6→ 仝氣衣罽塊饒。
 hai khí ấy ra khỏi nhau.
- 7→ 儒士浪。自然二氣之道連分罽。
 Nho sĩ rằng: Tự nhiên nhị khí chi đạo liền phân ra.
- 8→ 西士浪。翁訥濫丕拱如訥浪。安生罽動。動生罽安。冷生罽爌。爌
 Tây sĩ rằng: Ông nói làm vậy cũng như nói rằng: Yên sinh ra động,
 động sinh ra yên; lạnh sinh ra nóng, nóng
- 9→ 生罽冷。吒生罽媯。媯生罽吒。如經易拱沒坭訥体衣浪。陰爲陽
 sinh ra lạnh; cha sinh ra mẹ, mẹ sinh ra cha; như Kinh Dịch cũng một
 nơi nói thế ấy rằng: Âm vi dương
- 10→ 之母。陽爲陰之父。市固調之逆聰欣女咄。
 chi mẫu, dương vi âm chi phụ. Nào có điều gì nghịch tai hơn nữa ru?

11→ 會同四教名師
 HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

七
 thất

1 ↓

八

2 ↓ 儒士浪。二氣動靜体氏本自畧無窮。

3 ↓ 西士浪。翁罪儒者格物窮理麻群叻体氏時拱如嗽浪。本丐樞

4 ↓ 固沒頭麻崔濫牢朱眈特。爲丕道儒決祕太極濫頭檣樞每事

5 ↓ 時碎諸服。爲太極罪氣空庄沛種声灵固法則之麻生年每事

6 ↓ 特兜。

7 ↓ 次仁。柴法師解句氏浪。冉邊衆碎固夥理燭煉藥。西士悶別檣

8 ↓ 樞開物時包繆吏魍沒句聖太上傳浪。道生一。一生二。二生三

9 ↓ 三生萬物。虛無自然之大道。

10 ↓ 西士浪。符道於頭句氏罪帝之。爲符道罪虛字耳庄沛罪物恒

11 ↓ 固麻於沒命特沛固得哈罪種之格時買固道氏特。朱年符浪。

1→ 八
bát

2→ 儒士浪。二氣動靜体衣。本自畧無窮。
Nho sĩ rằng: Nhị khí động tĩnh thể ấy, vốn từ trước vô cùng.

3→ 西士浪。翁罌儒者格物窮理麻群啞体衣時拱如吸浪。本丐棍
Tây sĩ rằng: Ông là nho giả cách vật cùng lý mà còn nói thể ấy thì cũng như cãi rằng: Vốn cái gậy

4→ 固沒頭麻崔。濫牢朱聃特。爲丕道儒决袂太極濫頭檜體每事
có một đầu mà thôi, làm sao cho nghe được? Vì vậy đạo Nho quyết lấy Thái cực làm đầu cội rễ mọi sự

5→ 時碎諸服。爲太極罌氣空庄沛種声灵固法則之麻生年每事
thì tôi chưa phục, vì Thái cực là khí không, chẳng phải giống thiêng liêng có phép tắc gì mà sinh nên mọi sự

6→ 特兜。
được đầu.

7→ 次仁。柴法師解句衣浪。冉邊衆碎固翹理燐焮凜。西士悶別檜
Thứ hai, thầy Pháp sư giải câu ấy rằng: Sách bên chúng tôi có nhiều lẽ rõ ràng lắm; Tây sĩ muốn biết cội

8→ 體閑物時色縲吏訥沒句聖太上傳浪。道生一。一生二。二生三
rễ muôn vật thì đã tóm lại trong một câu thánh Thái Thượng truyền rằng: Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam,

9→ 三生萬物。虛無自然之大道。
tam sinh vạn vật, hư vô tự nhiên chi đại Đạo.

10→ 西士浪。攄道於頭句衣罌帝之。爲攄道罌虛字耳庄沛'物恒
Tây sĩ rằng: Chử “đạo” ở đầu câu ấy là gì? Vì chử “đạo” là hư tự nhĩ, chẳng phải là vật hằng

11→ 固麻於沒命特沛固得哈罌種之恪時買固道衣特。朱年攄浪。
có mà ở một mình được? Phải có người hay là giống gì khác, thì mới có “đạo” ấy được, cho nên chử rằng:

1 ↓ 天地萬物之道。吏浪。道生一。一界帝之。一界得哈界。一界類格。
 2 ↓ 拱庄固理一空。麻於沒命特女。共浪。虛無大道。本天下初吟奄。
 3 ↓ 曉。梓虛無界。虛空每塘麻群特濫。大道濫牢。簌柴唉察。丐廉界。
 4 ↓ 楫雖界役。馳開拱沛固几濫。買固。諸分僉。丐廉苗罷。虛空自然。
 5 ↓ 麻孕年特。方之歪坦。開物界役。奇倅兼氏。牢群敢。响罷。虛無。
 6 ↓ 自然麻年。响濫歪固。沛理麻。賄特庄。氏各。邊道柴。法師指嘴。
 7 ↓ 虛無自然。濫等檣。檣每事時碎。諸服。
 8 ↓ 次。柴和尚解。句氏倅尼。勸典心燈。頭排九劫。响浪。頭畧。歇固。
 9 ↓ 沒紇霜。界虛無界。佛性。麻紇霜。氏自然。趁唧。濫。分。沒分。撐。濫。
 10 ↓ 歪。沒分。鎖。濫。坦。沒分。鼻。濫。得。閉。除。化。年。沒。牖。界。元。始。沒。分。氏。

- 1→ 天地萬物之道。吏浪。道生一。一罌帝之。一罌得哈罌一罌類恪
Thiên địa vạn vật chi đạo. – Lại rằng: Đạo sinh nhất, nhất là đi gì? Nhất là người hay là nhất là loài khác?
- 2→ 拱庄固理一空麻於沒命特女。共浪。虛無大道。本天下初盼龟
Cũng chẳng có lý nhất không mà ở một mình được nữa. – Cùng rằng: Hư vô đại đạo. Vốn thiên hạ xưa nay đã
- 3→ 曉罌虛無罌虛空每塘麻群特濫大道濫牢。箕柴唉察丐療罌
 hiểu chữ “hư vô” là hư không mọi đàng, mà còn được làm “đại đạo” làm sao? Kia thầy hãy xét cái lều bốn
- 4→ 楫雖罌役匙閑拱沛固几濫買固。諸兮覓丐療市罷虛空自然
 cột, tuy là việc nhỏ mọn, cũng phải có kẻ làm mới có; chưa hề thấy cái lều nào bởi hư không tự nhiên
- 5→ 麻孕年特兜。方之歪坦閑物罌役奇体兼衣。牢群敢呐罷虛無
 mà dựng nên được đâu; phương chi trời đất muôn vật là việc cả thế đường ấy sao còn dám nói bởi hư vô
- 6→ 自然麻年。呐罷丕固沛理麻駟特庄。衣各冉邊道柴法師指喙
 tự nhiên mà nên! Nói làm vậy có phải lẽ mà nghe được chẳng? Ấy các sách bên đạo thầy pháp sư chỉ tiếng
- 7→ 虛無自然濫等檜禮每事時碎諸服。
 “Hư vô tự nhiên” làm Đấng cội rễ mọi sự, thì tôi chưa phục.
- 8→ 次吧。柴和尚解句衣体尼。訥冉心燈頭排九劫呐浪。頭畧歇固
 Thứ ba thầy Hòa thượng giải câu ấy thế này: Trong sách Tâm Đẳng, đầu bài Cửu Kiếp nói rằng: “Đầu trước hết, có
- 9→ 沒紇霜罌虛無罌佛性麻紇霜衣自然紛暉濫吧分。沒分桴濫
 một hạt sương, là “Hư vô”, là “Phật tính”, mà hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: một phần xanh làm
- 10→ 歪。沒分鑽濫坦。沒分鼻濫得。閑睺化年沒魁罌元始。段吧分衣
 trời, một phần vàng làm đất, một phần trắng làm người; bấy giờ hóa nên một tên là Nguyên Thủy. Giả ba phần ấy
- 11→ 會同四教名師
 HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

九
 cửu

1
↓

十

2
↓

吏合吏年沒丐。茀續凜。麻丐茀氏吏化。呷濫罌。沒。呌濫歪。沒。呌濫坦。沒。呌濫吒。沒。呌濫媿。麻萬事牟。冉。逕逕恪。訴呷德佛法。則無窮。匱固訴詳。龜冉心燈秘之排九劫。雙碎唉計。搃沒。匱法。逕朱西士。賧。

5
↓

6
↓

畧歇頭德佛釋迦。匱化年。匱。逕。松層歪。禪得匱化年。楫鎖探歪。

7
↓

8
↓

匱真吧。匱。匱。匱化年。罌。希連歪。匱。昌。舛。舛。匱化年。匱。字。群。仍。昌。舛。時。匱化年。匱。字。群。包。饒。昌。恪。時。匱化年。匱。霖。松。逕。字。匱。頭。踏。

9
↓

匱化年。穆。開。罌。顏。字。大腸。匱化年。滝。奇。麻。小腸。匱化年。滝。馳。共。

10
↓

開萬法。逕。恪。女。雙。矯。叻。歎。時。計。搃。閉。饒。西。士。闕。別。朱。訴。時。仕。朱。

11
↓

祐。龜。各。典。佛。教。

1 → 十
thập

2→吏合吏年沒丐黠懶凜。麻丐黠衣吏化嘿濫罽𦵏。沒𦵏濫𦵏。沒
lại hợp lại nên một cái trứng lớn lắm. Mà cái trứng ấy lại hóa ra làm bốn
tấm; một tấm làm trời, một

3→ 𢀓濫坦。沒𢀓濫吒。沒𢀓濫媿。麻萬事牟冉遇透恪訴𢀓德佛法
tâm làm đất, một tâm làm cha, một tâm làm mẹ. Mà vạn sự màu nhiệm lạ
lùng khác, tỏ ra Đức Phật phép

4→則無窮。龟固訴詳𪗇𪗇心燈秘之排九劫。雙碎咲計播沒𪗇去
tắc vô cùng. Đã có tỏ tường trong sách Tâm Đăng bí chi bài Cửu Kiếp,
song tôi hãy kể tắt một ít phép

5→遷朱西士暄。
lạ cho Tây sĩ nghe.

6→畧歇頭德釋迦化年𠵿逝𠵿層𠵿。𠵿得𠵿化年𠵿𠵿𠵿𠵿𠵿。
Trước hết đầu Đức Phật Thích Ca đã hóa nên ba mươi sáu tầng trời;
lưỡi người đã hóa nên cột vàng chống trời,

7→ 𤑔真吧𤑔𤑔𤑔化年𤑔𤑔𤑔𤑔。𤑔昌𤑔𤑔𤑔𤑔化年𤑔𤑔。群仍昌
hai chân và hai tay đã hóa nên bốn vua trên trời, hai xương sườn cắt
đã hóa nên hai Bụt, còn những xương

8→ 𪛗時𪛗化年𪛗字。群包饒昌恪時𪛗化年𪛗𪛗𪛗𪛗𪛗。𪛗頭躑
sườn thì đã hóa nên ba Bụt; còn bao nhiêu xương khác thì đã hóa nên
ba trăm sáu mươi Bụt, hai đầu gối

9→ 龜化年糝閑罽廚亭。大腸龜化年淹奇。麻小腸龜化年淹髀共
đã hóa nên tám muôn bốn nghìn Bụt. Đại tràng đã hóa nên sông cả;
mà tiểu tràng đã hóa nên sông nhỏ; cùng

10→閑萬法遇憫女。雙嬌啞數時計撚閑饒。西士悶別朱訴時仕朱
muôn vắn phép lạ khác nữa, song kéo nói lâu thì kể tắt bấy nhiêu.
Tây sĩ muốn biết cho tỏ thì sẽ cho

11→祐醜各典佛教。
xem trong các sách Phật giáo.

1 ↓ 西士浪。仍啞柴吶實。罪事選透凜渚。時牢。鼃典儒浪。字買生。呷
2 ↓ 於代茹周。壽昭王。辭次。仁逝。眾腦。胃。得夢。慘於。諾天竺。牒。壽。吒
3 ↓ 罪。淨梵王。媿。罪。摩耶。妃。媿。罪。耶氏。妾。罪。如羅。牒。字。罪。圍。達多。共
4 ↓ 罪。忍辱。號。釋迦。牟尼佛。麻生。呷。歪。坦。包。除渚。時。欺。釋迦。諸生。呷
5 ↓ 歪。坦。時。各。壽。代。上。古。吧。吒。媿。字。共。天下。代。氏。空。固。兜。麻。於。時。濫
6 ↓ 牢。唉。仍。帝。之。朱。誕。柴。吶。濫。丕。固。合。貝。典。吶。固。沛。理。麻。耽。特。庄。
7 ↓ 儒。士。浪。埃。信。埃。庄。默。埃。巴。眾。些。據。理。匱。劄。鼃。典。道。些。麻。吶。未。時
8 ↓ 崔。苗。固。沛。啞。盈。眾。碎。麻。嗽。悲。除。邊。道。西。士。解。句。氏。濫。牢。
9 ↓ 次。眾。西。士。解。体。尼。鼃。典。經。聖。眾。碎。固。啞。浪。厥。初。太。始。無。天。無。地。
10 ↓ 無。神。無。人。物。夫。天。地。萬。物。氣。質。而。亦。全。無。獨。有。一。自。有。自。福。自。

- 1→ 西士浪。仍啞柴啞實罽事遇透凜。渚時牢訥冉儒浪。孛買生
Tây sĩ rằng: Những lời thầy nói, thật là sự lạ lùng lắm. Chớ thì sao
trong sách Nho rằng: *Bụt mới sinh ra*
- 2→ 於代茹周希昭王辭次仁逝罽胸罽罽夢糝於諾天竺。炓希吒
*ở đời nhà Chu, vua Chiêu Vương, năm thứ hai mươi bốn, tháng tư, ngày
mồng tám, ở nước Thiên Trúc; tên vua cha*
- 3→ 罽淨梵王。媿罽摩耶妃媿罽耶氏妾罽如羅。炓孛罽围達多。共
*là Tịnh Phạn Vương, mẹ là Ma Da Phi, vợ là Da Thị, thiếp là Như La, tên
Bụt là Ngã Đạt Đa, cùng*
- 4→ 罽忍辱號釋迦牟尼佛。麻生罽歪坦包睢渚時欺釋迦諸生罽
*là Nhẫn Nhục, hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, mà sinh ra trời đất bao giờ?
Chớ thì khi Thích Ca chưa sinh ra*
- 5→ 歪坦時各希代上古吧吒媿孛共天下代衣空固莞麻於時濫
*trời đất, thì các vua đời thượng cổ và cha mẹ Bụt cùng thiên hạ đời ấy
không có đâu mà ở thì làm*
- 6→ 牢。啞仍帝之朱鞋。柴啞濫丕固合貝冉咄。固沛理麻駟特庄。
*sao, ăn những gì cho sống? Thầy nói làm vậy có hiệp với sách ru?
Có phải lẽ mà nghe được chăng?*
- 7→ 儒士浪。埃信埃庄默埃。巴衆些據理奄割訥冉道些麻啞耒時
*Nho sĩ rằng: Ai tin ai chẳng mặc ai; ba chúng ta cứ lẽ đã chép trong
sách đạo ta mà nói rồi thì*
- 8→ 崔。市固沛啞盈衆碎麻噉悲睢。邊道西士解句衣濫牢。
*thôi; nào có phải lời riêng chúng tôi mà cãi bây giờ. Bên đạo Tây sĩ
giải câu ấy làm sao?*
- 9→ 次罽。西士解体尼。訥冉聖經衆碎固啞浪。厥初太始無天無地
*Thứ bốn. Tây sĩ giải thế này: Trong sách Thánh Kinh chúng tôi có lời
rằng: Quyết sơ thái thủy vô thiên vô địa*
- 10→ 無神無人物。夫天地萬物氣質而亦全無。獨有一,自有,自福,自
*vô thần vô nhân vật; phù thiên địa vạn vật khí chất nhi diệc toàn vô, độc hữu
nhất, tự hữu, tự phúc, tự*

11→ 會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

十一
thập nhất

1 ↓ 德至尊至善至公至智至能之真主也。生天地神人萬物。一命
2 ↓ 而有不藉其質。不有其勞。全能之顯也。天主法則無窮。油麻悶
3 ↓ 孕年每事。魴沒之拱特。雙罷固意。牟再得。奄孕年每事。魴
4 ↓ 魴沒。買孕年類得些。拱罪。賄次。惹。畧時。孕年沒得男。達。牒。罪
5 ↓ 亞容。吏。孕年沒得女。達。牒。罪。咏。喘。底。生。產。昆。招。共。濫。祖。宗。歇。奇
6 ↓ 吧。類。得。些。朱。旦。代。代。朱。年。油。埃。埃。於。泣。東。西。南。北。拱。罷。沒。檜。櫓
7 ↓ 罪。仁。翁。妃。氏。麻。畔。台。汰。朱。年。典。論。語。固。句。浪。四。海。皆。兄。弟。自。天
8 ↓ 主。造。天。立。地。且。屬。計。奄。候。惹。舒。辭。吟。閉。饒。事。奄。計。訴。詳。魴。西。史
9 ↓ 贈。罪。典。識。傳。
10 ↓
11 ↓ 儒士浪。閉。饒。事。柴。叻。拱。罪。唾。傳。奇。漫。錄。麻。洛。爲。天。地。罪。皆。理。氣。

1→ 十二
thập nhị

2→ 德至尊至善至公至智至能之真主也。生天地神人萬物一命
đức, chí tôn, chí thiện, chí công, chí trí, chí năng, chí chân Chủ dĩa. Sinh thiên địa, thần nhân, vạn vật, nhất mệnh

3→ 而有不藉其質。不有其勞。全能之顯也。天主法則無窮。油麻悶
nhi hữu, bất tạ kỳ chất, bất hữu kỳ lao, toàn năng chi hiển dã. Thiên Chúa phép tắc vô cùng, dù mà muốn

4→ 孕年每事魴沒之拱特。雙罷固意牟冉得奄孕年每事魴昞。.
dựng nên mọi sự trong một giây cũng được, song bởi có ý màu nhiệm, Người đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày,

5→ 麻襪歇買孕年類得些拱罍昞次昞。畧時孕年沒得男達昞罍
mà sau hết mới dựng nên loài người ta, cũng là ngày thứ sáu. – Trước thì dựng nên một người nam đặt tên là

6→ 亞容。吏孕年沒得女達昞罍啞嘍底生產昆詔共濫祖宗歇奇
A-Dong, lại dựng nên một người nữ, đặt tên là E-Và, để sinh sản con cháu, cùng làm tổ tông hết cả

7→ 吧類得些朱旦代代。朱年油埃埃於泣東西南此拱罷沒檜檜
và loài người ta, cho đến đời đời, cho nên dù ai ai ở khắp đông tây nam bắc cũng bởi một cội rễ

8→ 罍仝翁妃衣麻罍台汰。朱年冉論語固句浪。四海皆兄弟。自天
là hai ông bà ấy mà ra thay thay, cho nên sách Luận Ngữ có câu rằng: Tứ hải giai huynh đệ. – Từ Thiên

9→ 主造天立地旦罍計奄侯昞廚辭昞。閑饒事奄計訢詳昞西史
Chúa tạo thiên lập địa đến rày kể đã hầu sáu ngàn năm nay, bấy nhiêu sự đã kể tỏ tường trong Tây sử

10→ 噲罍冉識傳。
gọi là sách Sấm Truyền.

11→ 儒士浪。閑饒事柴唵拱罍啞傳奇漫錄麻渚。爲天地罍皆理氣
Nho sĩ rằng: Bấy nhiêu sự thầy nói cũng là lời truyền kỳ mạn lục mà chớ; vì thiên địa là giai lý khí

1 ↓ 之聲成自然。而然。苗固埃生。啍地。天主氏。界主。盈諾鋪柴時。默
2 ↓ 鋪柴。行鋪。調氏。邊方。東尼。濫之。爲鼻。固。而。界主。終奇。吧。天下。萬
3 ↓ 民。時。得些。拱。別。因。牢。自古。及。今。庄。仍。界。庄。固。埃。魂。覽。主。氏。包。除
4 ↓ 麻。吏。鮑。冉。五。經。各。等。聖。賢。包。傳。庄。今。固。覽。呐。且。緒。天主。包。除。煒
5 ↓ 時。濫。牢。氏。庄。界。調。鑿。言。惑。世。誣。民。者。乎。

6 ↓ 西。士。浪。柴。呐。天地。皆。理。氣。之。聲。成。自然。而。然。時。牢。冉。孔。子。家。語
7 ↓ 呐。浪。主。天地。以。生。萬。物。吏。鮑。冉。小。學。高。麗。本。銅。拱。浪。天主。生。天
8 ↓ 生。地。生。人。氏。閉。饒。啍。鮑。冉。時。指。帝。之。庄。指。訴。詳。固。主。生。年。至。坦
9 ↓ 閑。物。啍。此。祐。署。箕。祀。楷。濫。茹。時。特。寶。雙。離。楷。鑿。祀。楷。濫。茹。沒。命
10 ↓ 麻。庄。固。洳。栖。署。苒。煒。調。氏。初。吟。包。固。埃。眩。覽。包。除。庄。况。路。界。呐

- 1→ 之肇成自然而然市固埃生睥睨。天主衣罽主盈諾鋪柴時默
chi triệu thành tự nhiên nhi nhiên, nào có ai sanh ra đâu? Thiên Chúa ấy
 là Chúa riêng nước phô thầy thì mặc
- 2→ 鋪柴竹鋪調衣邊方東尼濫之。爲裊固沛罽主終奇吧天下萬
 phô thầy, đừng phô điều ấy bên phương đông này làm chi. Vì nếu có
 phải là Chúa chung cả và *thiên hạ vạn*
- 3→ 民時得些拱別。因牢自古及今庄仍罽庄仍罽庄固埃襖覓主衣包睺
dân, thì người ta cũng biết. Nhân sao tự cổ cập kim, chẳng những là
 chẳng có ai coi thấy Chúa ấy bao giờ,
- 4→ 麻吏訥冉五經各等聖賢奄傳庄兮固覓訥旦艸 天主包除燁
 mà lại trong sách *Ngũ Kinh* các đẳng thánh hiền đã truyền, chẳng hề
 có thấy nói đến tên Thiên Chúa bao giờ sớt,
- 5→ 時濫牢。衣庄'庄調鑿言惑世誣民者乎。
 thì làm sao? Ấy chẳng là điều *tạc ngôn hoặc thế vu dân giả hồ?*
- 6→ 西士浪。柴訥天地皆理氣之肇成自然而然。時牢冉孔子家語
 Tây sĩ rằng: Thầy nói *thiên địa giai lý khí chi triệu thành tự nhiên nhi*
nhiên, thì sao sách *Khổng Tử Gia Ngữ*
- 7→ 訥浪。主天地以生萬物。吏訥 小學高麗本同拱浪。天主生天
 nói rằng: *Chủ thiên địa dĩ sanh vạn vật*; lại trong sách *Tiểu học Cao lý*
 bản đồng cũng rằng: *Thiên Chủ sanh thiên*,
- 8→ 生地生人。衣閑饒啞訥 時指帝之。庄指訴詳固主生年歪坦
sanh địa, sanh nhân; ấy bấy nhiêu lời trong sách thì chỉ đi gì? Chẳng
 chỉ tỏ tường có Chúa sinh nên trời đất
- 9→ 閑物啣。此祐署箕裊梏濫茹時特實。雙離梏鑿裊梏濫茹沒命
 muôn vật ru? – Thử xem thợ kia lấy gỗ làm nhà thì được thật, song le
 gỗ tạc lấy gỗ làm nhà một mình,
- 10→ 麻庄固洳輶署市燁。調衣初盼奄固埃駟覓包睺庄。况路罽訥
 mà chẳng có nhờ tay thợ nào sớt, điều ấy xưa nay đã có ai nghe thấy
 bao giờ chẳng? Huống lộ là nói

11→ 會同四教名師
 HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

十三
 thập tam

1 ↓

十四

2 ↓ 理氣空罷沒飭奴麻肇成天地拱如啞浪陽生陰陰生陽哈罕
3 ↓ 歪生坦坦生歪吏歪生畔坦自然而然而啞濫歪時庄逆理凜咄
4 ↓ 穿浪天覆地載歪罕茹坦罕坪係固茹時固主所茹固歪坦時
5 ↓ 固主治歪坦買合理麻渚吏穿浪物不自成箕如丐檜磋箕雖
6 ↓ 罕物馳閑與庄固泐狃得些濫時代苗奴固揅茲沒命特方之
7 ↓ 每役馳歪坦包安排制度法則次序兼氏得些祐篋狃歪高欣
8 ↓ 狃陵狃陵高欣氣氣接連渚渚泐舩坦坦蹺罕務麻生畔花菓
9 ↓ 草木渚時餒鯁鯁氣時餒獐鳩狃歪燭創班畔狃陵燭創班畔
10 ↓ 各層歪磋趁連吏分濯睹畔固欺矚欺霄欺靈共濫靈靈電靈
11 ↓ 坦固四時八節春夏秋冬麻生畔花菓草木朱得些唉與庄固

1 → 十四
thập tứ

2→理氣空罷沒飭奴麻肇成天也拱如啞浪陽生陰。陰生陽哈𠵿
 “Lý khí không bởi một sức nó mà triệu thành thiên địa” cũng như lời
 rằng: *Dương sinh âm, âm sinh dương*, hay là

3→ 歪生坦。坦生歪。吏歪生𠵿坦自然而然𠵿濫丕時庄逆理凜咄。
trời sanh đất, đất sanh trời lại trời sinh ra đất, *tự nhiên nhi nhiên*; nói
làm vậy, thì chẳng nghịch lý lắm ru?

4→ 𡗗浪。天覆地載。𡗗𡗗茹坦𡗗𡗗。係固茹時固主所茹。固𡗗坦時
Chữ rãng: Thiên phủ địa tải, trời là nhà, đất là nền. Hễ có nhà thì có
chủ sửa nhà, có trời đất thì

5→固主治歪坦買合理麻渚。吏孛浪。物不自成。箕如丐檜磋箕雖
có chủ trị trời đất, mới hợp lý mà chớ. Lại chữ rằng: *Vật bất tự thành.*
Kìa như cái cối xay kia, tuy

6→ 罌物鈍悶。裊庄固洳牺得些濫時代市奴固搓埒沒命特。方之
là vật nhỏ mọn, nếu chẳng có nhờ tay người ta làm thì đời nào nó có
xoay đi một mình được, phương chi

7→每役𢵑𢵑坦𢵑安排制度法則次序兼衣。得些𢵑𢵑𢵑坦高欣
mọi việc trong trời đất đã an bài chế độ phép tắc thứ tự đường ấy.
Người ta xem thấy mặt trời cao hơn

8→ 栖朧。栖朧高欣氣氣淫蓮諾。諾汙舐坦。坦蹺罌務麻生暎花菓
mặt trắng, mặt trắng cao hơn khí, khí nổi trên nước, nước chảy quanh
đất, đất theo bốn mùa mà sinh ra hoa quả

9→草木。渚時餵鯪。氣時餵鸞鵠。栖坦燿創班暉。栖朥燿創班暉
thảo mộc, nước thì nuôi tôm cá, khí thì nuôi muông chim, mặt trời soi
sáng ban ngày, mặt trăng soi sáng ban đêm,

10→各層歪磁移運吏分濫暄暄。固欺曠欺霄欺盪共濫霰霽電霰
các tầng trời xoay đi vắn lại phân làm đêm ngày, có khi nắng khi
mưa, khi gió, cùng làm sấm sét bão chớp,

11→坦固四時八節春夏秋冬麻生罌花菓草木朱得些㗎。梟庄固
đất có tứ thời bát tiết, xuân hạ thu đông mà sinh ra hoa quả thảo mộc
cho người ta ăn. – Nếu chẳng có

1 ↓ 等坤宮抄權牌欄內時牢哈遣特歪磋茲運吏牢哈遣特翠務
 2 ↓ 台對麻庄磊時節歪台。鼻仍理氣空無知無覺麻安排每事兼
 3 ↓ 氏特咄。咄濫丕乙界翁推諸堵理麻渚。平事翁咄浪。鼻固天主
 4 ↓ 時牢自古及今庄兮固埃祐覽時翁沛別。天主界等慄純神。無
 5 ↓ 形無像。無聲無臭。麻昆相亮。祐祐覽事。声灵濫牢。拱如欺得些
 6 ↓ 咄浪。魔鬼共靈魂。麻每得每固靈魂。納亮。麻翁奄覽魔鬼共靈
 7 ↓ 魂。体苗庄。哈界固特咄浪。罷庄固祐覽時庄信固魔鬼。庄信固
 8 ↓ 靈魂。納亮。咄。吏拱固事庄沛声灵麻得些拱祐庄覽。如靈箕動
 9 ↓ 核檜。苗埃奄祐覽形靈界体苗。哈界固特咄浪。罷庄祐祐覽形靈
 10 ↓ 時庄信固靈咄。氏丕庄沛據昆相祐覽時買信浪固。爲梓浪。據

11 ↓

- 1→ 等坤窖扮權罍檣冉時牢哈遣特歪磋矜運吏。牢哈遣特罍務
Đẳng Khôn Khéo cầm quyền ra máy nhiệm, thì sao hay khiến được
trời xoay đi vắn lại, sao hay khiến được bốn mùa
- 2→ 台對麻庄磊時節丕台。裊仍理氣空無知無覺麻安排每事羌
thay đổi mà chẳng lỗi thời tiết vậy thay? Nếu những lý khí không *wô*
tri wô giác mà *an bài* mọi sự đường
- 3→ 衣特咄。訥濫丕乙罍翁推諸堵理麻渚。平事翁訥浪。裊固天主
ấy được ru? Nói làm vậy ắt là ông suy chưa đủ lẽ mà chớ. Bằng sự
ông nói rằng: “Nếu có Thiên Chúa,
- 4→ 時牢自古及今庄兮固埃祐覽時翁沛別。天主罍等慄純神。無
thì sao *tự cổ cập kim* chẳng hề có ai xem thấy” thì ông phải biết: Thiên
Chúa là Đấng rất *thuần thần, wô*
- 5→ 形無像。無聲無臭。壳麻昆相壳觚祐覽事声灵濫牢。拱如欺得些
hình, wô tượng, wô thanh, wô xú, mà con mắt xác thịt xem thấy sự thiêng
liêng làm sao, cũng như khi người ta
- 6→ 訥浪。魔鬼共靈魂。麻每得固靈魂訥壳。麻翁屯覽魔鬼共靈
nói rằng: ma quỷ cùng linh hồn mà mọi người có linh hồn trong xác,
mà ông đã thấy ma quỷ cùng linh
- 7→ 魂体市庄。哈罍固特訥浪。罷庄固祐覽時庄信固靈魂。庄信固
hồn thể nào chẳng? Hay là có được nói rằng: bởi chẳng có xem thấy
thì chẳng tin có linh hồn, chẳng tin có
- 8→ 靈魂訥壳咄。吏拱固事庄沛声灵麻得些祐庄覽如盪箕動
linh hồn trong xác ru? Lại cũng có sự chẳng phải thiêng liêng, mà
người ta xem chẳng thấy, như gió kia động
- 9→ 核檜。市埃屯祐覽形盪罍体市。哈罍固特訥浪。罷庄祐覽形盪
cây cối, nào ai đã xem thấy hình gió là thể nào? Hay là có được nói
rằng: Bởi chẳng xem thấy hình gió
- 10→ 時庄信固盪咄。衣丕庄沛據昆相祐覽時買信浪固。爲矜浪。據
thì chẳng tin có gió ru? Ấy vậy chẳng phải cứ con mắt xem thấy thì
mới tin rằng có, vì chữ rằng: *Cứ*

11→ 會同四教名師
HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

十五
thập ngũ

1 ↓

十六

2 ↓

3 ↓

4 ↓

5 ↓

6 ↓

7 ↓

8 ↓

9 ↓

10 ↓

11 ↓

理不可據目。群調機歇翕浪。牢初聆翕各典庄。簞咄且牾天主。
煒。氏翕常讀翕。典連連麻咄浪。庄簞濫牢。箕代漢武之時。命日。
碑作爲金人以祭天主。其後有祠天主於天齋。麻天主之稱亦。
即上帝之號。拱沒義。羿希連至。箕經易浪。惟皇上帝降衷于下。
民。吏周書浪。克相上帝。寵綏四方。吏如經詩。詩大雅浪。上帝臨。
汝。詩執競浪。上帝是皇。吏詩蕩浪。蕩蕩上帝下民之辟。詩臣功。
浪。明昭上帝。迄用康年。吏如經易浪。帝出于震。吏典家語咄翕。
孔子浪。主宰天地。氏上帝羿埃。固沛陰陽二氣。無知無覺庄。哈。
羿庄沛。實羿等声灵。創助通別每事。濫希奇連至。鄴坦。該管歇。
天下。龜事福朱儿。濫事苓。龜事禍朱儿。濫事與。氏儒家之所謂。

1→ 十六
thập lục

2→ 理不可據目。群調微歇翁浪。牢初盼鮑各曲庄覺咿旦炆天主
lý, bất khả cú mục. Còn điều sau hết ông rằng: Sao xưa nay trong các sách chẳng thấy nói đến tên Thiên Chúa

3→ 煒。衣翁常讀鮑曲連連麻咿浪。庄覺濫牢。箕代漢武時命日
sốt; ấy ông thường đọc trong sách liên liên, mà nói rằng chẳng thấy làm sao? Kìa đòi *Hán Võ chi thời mệnh Nhật*

4→ 碑作為金人以祭天主。其後有祠天主於天齋麻天主之稱亦
Bì tác vì kim nhân dĩ tế Thiên Chủ; kỳ hậu hữu từ Thiên Chủ ư thiên trai, mà Thiên Chủ chi xưng diệc

5→ 即上帝之號拱沒義罍希連歪。箕經易浪。惟皇上帝降衷于下
tức Thượng Đế chi hiệu cũng một nghĩa là Vua trên trời. Kìa Kinh Dịch rằng: Duy Hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ

6→ 民。吏周書浪。克相上帝寵綏四方。吏如經詩。詩大雅浪。上帝臨
dân. – Lại Chu Thư rằng: *Khắc tương Thượng Đế, sủng tuy tứ phương.*
– Lại như Kinh Thi, thi Đại Nhã rằng: *Thượng Đế lâm*

7→ 汝詩執競浪。上帝是皇。吏詩蕩浪。蕩蕩上帝下民之辟。詩臣功
nhữ, – Thi Chấp cạnh rằng: *Thượng Đế thị hoàng.* Lại Thi Đãng rằng:
Đãng dâng Thượng Đế hạ dân chi tích, Thi Thần Công

8→ 浪。明昭上帝迄用康年。吏如經易浪。帝出于震。吏曲家語啞翁
rằng: *Minh chiêu Thượng Đế ngật dụng Khang niên,* lại như Kinh Dịch
rằng: *Đế xuất vu Chấn.* Lại sách Gia Ngữ lời ông

9→ 孔子浪。主宰天地。衣上帝罍埃。固沛陰陽二氣無知無覺庄。哈
Khổng Tử rằng: *Chủ tế thiên địa.* Ấy Thượng Đế là ai, có phải âm
dương nhị khí vô tri vô giác chẳng? Hay

10→ 罍庄沛實罍等声灵創朗通别每事。濫希奇連歪鄴坦。該管歇
là chẳng phải thật là Đấng thiêng liêng sáng láng thông biết mọi sự,
làm vua cả trên trời dưới đất, cai quản hết

11→ 天下。甞事福朱几濫事苓。甞事禍朱几濫事與。衣儒家之所謂
thiên hạ, xuống sự phước cho kẻ làm sự lành, xuống sự họa cho kẻ
làm sự dữ. Ấy *nhô gia chi sở vị*

1 ↓ 上帝者。即聖經之所謂天主也。但人讀之而不察之耳。題牒上
2 ↓ 帝術。微自欺釋迦排達沒牒玉皇上帝。得世間。朱年邊衆碎
3 ↓ 自帝庄。噲罪上帝。戾浪。得些認浪。玉皇上帝終。雙離。仍等知理
4 ↓ 者。豈可以稱所之異。而謂其古經無所載乎。與丕。題各典經史
5 ↓ 邊大西庄。篤劄牒。義農黃帝。堯舜時各等智者。邊氏拱庄信固
6 ↓ 需義農黃帝。堯舜女。咄。氏罪。閉饒事。危解術。調次一時。濫丕。

7 ↓ 賄次。解調二日。人之現在在世何如。

8 ↓ 調尼儒士解浪。邊道儒聖孔子固傳。慘調濫規模底。咄得些。罪
9 ↓ 格物而後知至。知至而後意誠。意誠而後心正。心正而後身修。
10 ↓ 身修而後家齊。家齊而後國治。國治而後天下平。共咄沛祿上

11 ↓

會同四教名師

十七

- 1→上帝者。即聖經之謂天主也。但人讀之而不察之耳。魁炁上
*Thượng Đế giả tức Thánh kinh chỉ sở vị Thiên Chủ dã, dân nhân độc chi nhi
bất sát chi nhĩ. Vả tên Thượng*
- 2→帝術饒自欺釋迦排達沒炁玉皇上帝得世間。朱年邊衆碎
Đế về sau từ khi Thích Ca bày đặt một tên Ngọc Hoàng Thượng Đế
là người thế gian, cho nên bên chúng tôi
- 3→自帝庄噲得上帝。戾浪。得些認浪玉皇上帝終。雙離仍等知理
từ đây chẳng gọi là Thượng Đế, lệ rằng người ta nhận rằng Ngọc
Hoàng Thượng Đế chung, song le những đấng *tri lý*
- 4→者。豈可以稱所之異。而謂其古經無所載乎。梟丕勳各典經史
*giả, khởi khả dĩ xưng sở chi dị, nhi vị kỳ cổ kinh vô sở tái hồ. Nếu vậy trong
các sách Kinh Sử*
- 5→邊大西庄覓割炁義農黃帝堯舜時各等智者邊衣拱庄信固
bên Đại Tây chẳng thấy chép tên Hy, Nông, Hoàng Đế, Nghiêu,
Thuấn thì các đấng trí giả bên ấy cũng chẳng tin có
- 6→希義農黃帝堯舜女咄。衣罷閉饒事奄解術調次一時濫丕。
vua Hy, Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn nữa ru? Ấy là bấy nhiêu sự
đã giải về điều thứ nhất thì làm vậy.
- 7→暎次仁。解調二曰。人之現在在世何如
NGÀY THỨ HAI: GIẢI ĐIỀU NHỊ VIẾT, NHÂN CHI HIỆN TẠI TẠI
THẾ HÀ NHƯ.
- 8→調尼儒士解浪。邊道儒聖孔子固傳糝調濫規模底咄得些。罷
Điều này Nho sĩ giải rằng: Bên đạo Nho, thánh Khổng Tử có truyền
tám điều làm quy mô để dạy người ta: là
- 9→格物而後知至。知至而後意誠。意誠而後心正。心正而後身修。
*cách vật nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính,
tâm chính nhi hậu thân tu,*
- 10→身修而後家齊。家齊而後國治。國治而後天下平。共咄沛袞上
thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị quốc trị nhi hậu thiên hạ bình.
– Cùng dạy phải thờ Thượng
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

十七
thập thất

1 ↓ 帝共祿神。祭六宗。咄得些修五德。𢆶仁義禮智信。咄侍道五倫。
 3 ↓ 𢆶君臣父子夫婦兄弟朋友。

4 ↓ 西士晦邊儒祿等上帝𢆶等兼𢆶。

5 ↓ 儒士浪。上帝𢆶𢆶。雙庄沛𢆶。𢆶𢆶昆相祐。𢆶𢆶。實𢆶法𢆶。𢆶𢆶。
 6 ↓ 𢆶等上智。哈燭察哈該治於𢆶命𢆶。昆相些祐庄。𢆶𢆶。經易。𢆶。
 7 ↓ 柴程子浪。以形體謂之天。以主宰謂之帝。朱子浪。天地之心。心。
 8 ↓ 是主宰。性理浪。心字自帝。帝者天之主宰也。爲𢆶上帝𢆶天之。
 9 ↓ 主宰。

10 ↓ 西士浪。𢆶𢆶尼固形體空。麻崔。如𢆶典史。𢆶𢆶。胡氏浪。氣浮而。
 11 ↓ 爲天者。不過茫茫一大虛耳。𢆶𢆶氣太虛。𢆶庄沛𢆶物固。𢆶庄。

1→ 十八
thập bát

2→ 帝共事 祿神。祭六宗。哦得些修五德 罷仁義禮智信。哦侍道五倫
Đế, cùng thờ thần, tế lục tông, dạy người ta tu ngũ đức là nhân nghĩa lễ
trí tín, dạy giữ đạo ngũ luân

3→ 罷君臣父子夫婦兄弟朋友。
là quân thần, phụ tử phu phụ, huynh đệ, bằng hữu.

4→ 西士晦。邊儒 祿等上帝罷等兼市
Tây sĩ hỏi: Bên Nho thờ đấng Thượng Đế là đấng dường nào?

5→ 儒士晦。上帝罷丕。雙庄沛罷丕 檮檮昆相祿覓兜。實罷法丕悉丕。
Nho sĩ rằng: Thượng Đế là trời, song chẳng phải là trời xanh xanh
con mắt xem thấy đâu, thật là phép trời lòng trời,

6→ 罷等上智哈燭察哈該治於勉命丕。昆相些祿庄覓兜。經易啞
là Đấng Thượng trí hay soi xét hay cai trị ở trong mình trời, con mắt
ta xem chẳng thấy đâu. Kinh Dịch lời

7→ 柴程子浪。以形體謂天。以主宰謂之帝。朱子浪。天地之心。心
thầy Trình tử rằng: Dĩ hình thể vị chi thiên, dĩ chủ tế vị chi đế. Chu Tử
rằng: Thiên địa chi tâm, tâm

8→ 是主宰。性理浪。心字自帝。帝者天之主宰也。爲丕上帝罷天之
thị chủ tế. Tính lý rằng: Tâm tự tự đế, đế giả thiên chi chủ tế dã. Vì vậy
Thượng Đế là thiên chi

9→ 主宰。
chủ tế.

10→ 西士浪。丕檮尼固形體空麻崔。如勉冉史劄啞胡氏浪。氣浮而
Tây sĩ rằng: Trời xanh này có hình thể không mà thôi, như trong sách
Sử chép lời Hồ Thị rằng: Khí phù nhi

11→ 爲天者。不過茫茫一太虛耳。丕罷氣太虛。丕庄沛罷物固駐庄
vi thiên giả, bất quá mang mang nhất thái hư nhĩ. Trời là khí thái hư, vậy
chẳng phải là vật có sống, chẳng

1 ↓ 固頭庄固腓麻牢吶上帝界惡丕。吏浪。濫沒共丕。於魴命丕。與
2 ↓ 丕丕恒磋茲運吏庄固欺行。如啞太學浪。天運循環。無往不復。
3 ↓ 時上帝包稱界主宰每欺每沛隨丕麻磋茲韻吏濫沒共丕瞞
4 ↓ 賜觥黠坦庄固欺行吶。與固實体氏時庄呷事醜虎怪憐朱上
5 ↓ 帝吶。與庄固丕雲朱時上帝庄固塊苜麻娘序吶。群帝之界上
6 ↓ 帝女。與濫丕時諸窮理。丕吶上帝界等声灵御殿臺連丕共遣
7 ↓ 丕磋茲韻吏麻渚。箕花封人浪。歸于帝鄉。啞周公吶魴篇金滕
8 ↓ 浪。乃命歸于帝庭。氏庄沛界等上帝固殿臺御吶。
9 ↓ 西士吏晦浪。神界埃因爲濫牢麻沛祿。
10 ↓ 儒士浪。易曰。陰陽不測謂之神。又曰。以功德謂之神。以妙用謂

11 ↓

會同四教名師

十九

- 1→ 固頭庄固膝麻牢呐上帝罨悉歪。吏浪。濫沒共歪於魴舍歪。梟
có đầu chẳng có bụng mà sao nói Thượng Đế là lòng trời? – Lại rằng:
Làm một cùng trời, ở trong mình trời, nếu
- 2→ 丕歪怕磋埒運吏庄固欺竹。如啞大學浪。天運循環無往不復
vậy trời hằng xoay đi vùn lại chẳng có khi dừng. Như lời Đại Học
rằng: *Thiên vận tuần hoàn vô vãng bất phục*
- 3→ 時上帝奄稱罨主宰每欺每沛隨歪麻磋埒運吏濫沒共歪睭
thì Thượng Đế đã xưng là Chủ tể mỗi khi mỗi phải tùy trời mà xoay
đi vùn lại làm một cùng trời đêm
- 4→ 睭觥果吏坦庄固欺竹咄。梟固實体衣時庄罨事醜虎怪憐朱上
ngày quanh trái đất chẳng có khi dừng ru, nếu có thật thể ấy thì
chẳng ra sự xấu hổ quái gở cho Thượng
- 5→ 帝咄。梟庄固歪雯朱時上帝庄固坭市麻娘序咄。群帝之罨上
Đế ru? Nếu chẳng có trời che cho thì Thượng Đế chẳng có nơi nào mà
nuơng tựa ru, còn đi gì là Thượng
- 6→ 帝女。梟濫丕時諸窮理。丕呐上帝罨等声灵御殿臺蓮歪。共遣
Đế nữa? Nếu làm vậy thì chưa cùng lý. – Vậy nói Thượng Đế là đáng
thiên liêng ngự đền đài trên trời, cùng khiến
- 7→ 歪磋埒運吏麻渚。箕花封人浪。歸于帝鄉。啞周公呐魴篇金膝
trời xoay đi vùn lại mà chó. Kia Hoa Phong Nhân rằng: *Quy vu đế
huong*, lời Chu Công nói trong thiên Kim Đẳng
- 8→ 浪。乃命歸于帝庭。衣庄沛罨等上帝固殿臺御咄
rằng: *Nãi mệnh quy vu đế đình*, ấy chẳng phải là đáng Thượng Đế có
đền đài ngự ru?
- 9→ 西士吏晦浪。神罨埃因爲濫牢麻沛 徐。
Tây sĩ lại hỏi rằng: Thần là ai? Nhân vì làm sao mà phải thờ?
- 10→ 儒士浪。易曰。陰陽不測謂之神。又曰。以功德謂之神以妙用謂
Nho sĩ rằng: *Dịch viết: Âm dương bất trắc vị chi thần. Hựu viết: Dĩ công
đức vị chi thần, dĩ diệu dụng vị*

11→ 會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

十九

thập cửu

1 ↓
之神。麻沛祿奉。爲固意忌神。啣護國家。人康物盛。如啣聖孔子浪。務民之義。敬鬼神而遠之。可謂智也。

4 ↓
西士浪。沓油神。固沛呷等。声灵法則。時買護民。保國特。雙邊茹儒。噲神。呷陰陽二氣。如啣程子浪。氣之伸者爲神。屈者爲鬼。朱子浪。鬼神只是氣。冉字彙浪。陰氣流行則爲陽。陽氣凝聚則爲陰。總是一氣分而爲二。氏閉饒。啣訴呷神。一皆謂之氣。無知無覺。麻些固年祿。漚竈忌氣。屈伸氏啣護。朱些特事。苓塊事與咄。氏呷祿。漚虛空麻渚。

9 ↓
群事祭六宗。呷体帛女。

10 ↓
儒士浪。鮑經書傳。吏固禮于六宗。望于山川。六宗呷祭時也。祭

1→ 二十
nhị thập

2→ 之神麻沛祿奉。爲固意忌神啣護國家人康物盛。如啣聖孔子
*chi thần mà phải thờ phụng vì có ý cậy thần vâng hộ quốc gia nhân
khang vật thịnh, như lời thánh Khổng Tử*

3→ 浪。務民之義。敬鬼神而遠之。可謂智也。
rằng: Vụ dân chi nghĩa, kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí dã.

4→ 西士浪。沍油神固沛罍等声灵法則時買護民保國特。雙邊茹
*Tây sĩ rằng: Ví dù thần có phải là đấng thiêng liêng phép tắc thì mới
hộ dân bảo quốc được; song bên nhà*

5→ 儒噲神陰陽二氣。如啣程子浪。氣之伸者為神。屈者為鬼。朱
*Nho gọi thần là âm dương nhị khí, như lời Trình Tử rằng: Khí chi thân
giả vi thần, khuất giả vi quỷ. Châu*

6→ 子浪。鬼神只是氣。冉字彙浪。陰氣流行則為陽。為氣聚則為
*Tử rằng: Quỷ thần chỉ thị khí. Sách Tự Vựng rằng: Âm khí lưu hành tắc
vi Dương; Dương khí ngưng tụ tắc vi*

7→ 陰。總是一氣而為二。衣閉饒啣訴暝神一皆謂之氣。無知無
*Âm, tổng thị nhất khí nhi vi nhị. Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra thần nhất giai vị
chi khí, cô tri vô*

8→ 覺麻些固年 袪禡箠忌氣屈伸衣啣護朱些特事苓塊事典咄。
*giác mà ta có nên thờ lạy trông cậy khí khuất thân ấy vâng hộ cho ta
được sự lành khỏi sự dữ ru?*

9→ 衣罍 袪禡虛空麻渚。
Ấy là thờ lạy hư không mà chớ.

10→ 群事祭宗罍体市女。
Còn sự tế lục tông là thế nào nữa?

11→ 儒士浪。勸經書傳吏固禮于六宗。望于山川。六宗罍祭時也。祭
*Nho sĩ rằng: Trong Kinh Thư truyền lại có Lễ vu lục tông, vọng vu sơn
xuyên. Lục tông là tế thì dã, tế*

1 ↓ 寒暑也。祭日也。祭月也。祭星也。祭水旱也。吏祭山川。女。欺。祭。固。
2 ↓ 意祿奉謝恩。閉饒等。氏。缶。燭。創。龜。氣。荅。朱。天。下。特。益。

3 ↓ 西士浪油麻。極。至。極。腋。共。各。崑。辟。開。物。恪。卒。荅。重。望。兼。苴。默。禱。
4 ↓ 時拱庄敢。鯨。排。貝。類。得。些。特。爲。閉。饒。事。氏。辟。物。固。形。體。空。庄。固。
5 ↓ 融。庄。固。知。覺。雙。離。類。得。些。吧。固。形。體。吧。固。性。声。灵。恒。融。朱。年。宰。
6 ↓ 浪。人。靈。於。萬。物。氏。得。些。辟。等。重。望。兼。氏。吏。祿。奉。各。物。憤。下。庄。平。
7 ↓ 命。時。濫。牢。朱。沛。固。沒。欺。祿。禡。祭。禮。正。等。缶。孕。年。閉。饒。事。時。買。年。
8 ↓ 買。沛。理。麻。渚。

9 ↓ 西士吏晦浪。平。几。修。五。德。吧。侍。五。倫。朱。年。時。特。益。之。麻。几。庄。侍。
10 ↓ 固。沛。罪。濫。牢。庄。

1→寒暑也祭曰也祭月也祭星也。祭水旱也。吏祭山川女。欺祭固
hàn thử dã, tế nhật dã, tế nguyệt dã, tế tinh dã, tế thủy hạn dã, lại tế sơn
xuyên nữ; khi tế cố

2→意 祿奉謝恩閉饒等衣龟燿創甕氣苓朱天下特益。
ý thờ phượng tạ ơn bấy nhiêu đáng ấy, đã soi sáng, xuống khí lành
cho thiên hạ được ích.

3→西士浪。油麻栢坦栢朥共各冤穉閑物恪卒苓重望義市默悉
Tây sĩ rằng: Dù mà mặt trời, mặt trăng cùng các ngôi sao, muôn vật
khác, tốt lành trọng vọng dường nào mặc lòng,

4→時拱庄敢跂排貝類得些特。爲閉饒事衣罽物固形体空庄
thì cũng chẳng dám sánh bày với loài người ta được vì bấy nhiêu sự
ấy là vật có hình thể không, chẳng có

5→甞庄固知覺。雙離類得些吧固形体吧固性声灵恒甞朱年字
sống, chẳng có tri giác, song le loài người ta vừa có hình thể vừa có
tính thiêng liêng hằng sống cho nên chữ

6→浪。人靈於萬物。衣得些罽等重望義衣吏 祿奉各物憚下庄平
rằng nhân linh ư vạn vật; ấy người ta là đáng trọng vọng dường ấy lại
thờ phượng các vật hèn hạ chẳng bằng

7→命時濫牢朱沛。固沒欺 祿禡祭禮正等龟孕年閑饒事時買年
mình, thì làm sao cho phải? Có một khi thờ lạy tế lễ chính Đáng đã
dựng nên bấy nhiêu sự thì mới nên

8→買沛理麻渚。
mới phải lễ mà chó.

9→西士吏晦浪。平几修五德吧付五倫朱年時特益之。麻几庄付固
Tây sĩ lại hỏi rằng: Bằng kẻ tu ngũ đức, và giữ ngũ luân cho nên thì
được ích chi? Mà kẻ chẳng giữ có

10→沛罪濫牢庄。
phải tội làm sao chẳng?

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

廿一
nhị thập nhất

1
↓

十二

2
↓

儒士浪。徐神翁曰。善有善報。惡有惡報。吏堦尙書浪。作善降之百祥。作不善降之百殃。

3
↓

4
↓

西士浪。晁固實如丕。牢拱常。覽固。幾几修德。朱旦。薨麻。仍困庫。勿把買。芻固。覽善有善報。堦。渚時。埃報。麻旦。包除買報。氏勢。庄。罪。調。吶。空。咄。

6
↓

儒士浪。几於賢。荅忠孝。朱旦。薨麻。庄特益之時。昆。召。奴。仕。特。麻。渚。

7
↓

西士浪。沓平。吒。翁。賢。荅。立功。積德。麻。庄。特福之。旦。代。昆。召。或。沛。

8
↓

訂醜。涅與。羨。買。麻。吏。特。享。福。時。濫。牢。朱。沛。法。公。平。吏。固。几。卒。涅。

9
↓

仁義忠信。雙。庄。固。昆。芻。輝。祝。氏。体。芻。爲。庄。仍。罪。几。氏。吼。福。善。報。

10
↓

麻。吏。沛。罪。如。啞。翁。孟。子。岐。几。無。繼。後。計。罪。不。孝。之。人。時。濫。牢。渚。

11
↓

1→ 廿二
nhị thập nhị

2→ 儒士浪。徐神翁曰。善有善報。惡有惡報。吏圯尚書浪。作善降之
Nho sĩ rằng: Từ Thần Ông viết: *Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo*; lại
nơi Thượng Thư rằng: *Tác thiện giáng chi*

3→ 百祥。作不善降之百殃。
bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương.

4→ 西士浪。裊固實如丕。牢拱常覓固慙几修德朱旦薨麻仍困庫
Tây sĩ rằng: Nếu có thật như vậy sao cũng thường thấy có nhiều kẻ
tu đức cho đến chết mà những khốn khó

5→ 勿把買。市固覓善有善報兜。渚時埃報麻旦包睭買報。衣体庄
vất vả mãi, nào có thấy *thiện hữu thiện báo* đâu. Chớ thì ai báo mà đến
bao giờ mới báo, ấy thế chẳng

6→ 𠵿調𠵿空𠵿。
là điều nói không ru?

7→ 儒士浪。几於賢苓忠孝朱旦薨麻庄特益之時昆招奴仕特麻渚。
Nho sĩ rằng: Kẻ ở hiền lành trung hiếu cho đến chết mà chẳng được
ích chi thì con cháu nó sẽ được mà chớ.

8→ 西士浪。𠵿平𠵿翁賢苓立功積德麻庄特福之旦代昆招或沛
Tây sĩ rằng: Ví bằng cha ông hiền lành, lập công tích đức mà chẳng
được phúc chi, đến đời con cháu hoặc phải

9→ 都醜涅與羨買麻吏特享福寺濫牢朱沛法公平吏固几卒涅
đưa xấu nét dữ tợn mãi, mà lại được hưởng phúc thì làm sao cho
phải phép công bình? Lại có kẻ tốt nét,

10→ 仁義忠信。雙庄固昆市埽。祝衣体市。爲庄仍𠵿几衣吼福善報
nhân nghĩa, trung tín song chẳng có con nào sốt, chúc ấy thế nào? Vì
chẳng những là kẻ ấy hồng phúc thiện báo

11→ 麻吏沛罪。如啞翁孟子𠵿几無繼後。計𠵿不孝之人時濫牢。渚
mà lại phải tội, như lời ông Mạnh tử chê kẻ vô *kế hậu*, kể là *bất hiếu chi
nhân* thì làm sao? Chớ

1 ↓

時善惡有報如影隨形於兜。咄。濫丕固實咄。氏罷兜。几積德拱

2 ↓

庄。罷罕事賞福。吏几積惡拱。庄怙恃事罰罪。罕包饒。此祐固。夥

3 ↓

几。儒者窮理。麻吏濫。夥事非理。及正時正。及邪時邪。庄固怙生

4 ↓

死罪。福罪之。沒。悶據私慾。命麻。崔。氏。閑饒事。罷兜。麻。呷。罷道。儒

5 ↓

庄。固。咄。罕。等。帛。仕。賞。罰。朱。訴。詳。麻。渚。

6 ↓

儒士浪。庄沛罷調。庄咄朱訴。沒罷調。固几稟受陰陽二氣之順。

7 ↓

連生。呷。賢。荅。証。實。吏。固。几。稟。受。二。氣。不。順。時。生。呷。邪。馳。乾。咄。氏。

8 ↓

丕命。歪。包。付。朱。几。郎。几。慣。几。霸。几。庫。几。智。几。愚。几。荅。几。與。麻。埃

9 ↓

咄。濫。牢。特。

10 ↓

西士浪。包丕。係包饒。几荅几與。皆在天命付朱。時群勸得些遷

11 ↓

- 1→時善惡有報如影隨形於堦。咁濫丕固實咁。衣罷堦几積德拱
thì thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình ở đâu? Nói làm vậy có thật ru? Ấy
bởi đâu kẻ tích đức cũng
- 2→庄箠罕事賞福。吏几積惡拱庄怙恃事罰罪罟包饒。此祐固尅
chẳng trông hãn sự thưởng phúc, lại kẻ tích ác cũng chẳng lo sợ sự
phạt tội là bao nhiêu? Thử xem có nhiều
- 3→几儒者窮理麻吏濫尅事非理。及正時正及邪時邪。庄固怙生
kẻ nho giả cùng lý, mà lại làm nhiều sự phi lý, gặp chánh thì chánh,
gặp tà thì tà, chẳng có lo sinh
- 4→死罪福罟之。沒悶據私慾命麻崔。衣閉饒事罷堦麻罟。道儒
tử tội phúc là gì, một muốn cứ tư dục mình mà thôi. Ấy bấy nhiêu sự
bởi đâu mà ra? Đạo Nho
- 5→庄固咁罕等市仕賞罰朱訢詳麻渚。
chẳng có dạy hãn Đấng nào sẽ thưởng phạt cho tỏ tường mà chớ.
- 6→儒士浪。庄沛罷調庄咁朱訢。沒罷調固几稟受陰陽二氣之順
Nho sĩ rằng: Chẳng phải bởi điều chẳng dạy cho tỏ, một bởi điều có
kẻ bẩm thụ âm dương nhị khí chi thuận
- 7→連生罟賢苓鉅實。吏固几稟受二氣不順。時生罟邪馳乾嗜。衣
liền sinh ra hiền lành ngay thật; lại có kẻ bẩm thụ nhị khí bất thuận thì
sinh ra tà vạy càn dỡ. Ấy
- 8→丕命丕龟付朱几郎几賢。几霸几庫几智几愚。几苓几與。麻埃
vậy mệnh trời đã phú cho kẻ sang kẻ hèn, kẻ giàu kẻ khó, kẻ trí kẻ
ngu, kẻ lành kẻ dữ, mà ai
- 9→咁濫牢特。
dạy làm sao được?
- 10→西士浪。龟丕係包饒几苓几與。皆在天命付朱。時群勸得些遷
Tây sĩ rằng: Đã vậy, hể bao nhiêu kẻ lành kẻ dữ *giai tại thiên mệnh* phú
cho, thì còn khuyên người ta *thiên*

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

廿三
nhị thập tam

1 ↓
 2 ↓ 善改惡。修身積德。濫之女。曷丕法茹。諾欺責罰。几固罪時。庄冤
 3 ↓ 奴咄。芻固沛在奴濫年罪。麻奴。劓罰朱甘。在天命付朱奴稟受
 4 ↓ 祕氣醜氣逆買化。啍濫丕麻罰奴濫牢。如咄濫丕每罪調觀朱
 5 ↓ 天命麻啍台汰。罷帝儿荅拱庄特功福之。儿與拱庄默沛罪磊
 6 ↓ 之咄。咄体氏固沛理麻。賄特庄。
 7 ↓ 穢女。邊儒固祿聖芻女庄。

8 ↓ 儒士浪。庄仍茹儒麻吏各。番主官權奇吧。天下方東尼調祿奉
 9 ↓ 祭禮德聖孔子。吧四配十哲女。噲聖孔子。昇天縱之聖。共先聖
 10 ↓ 先師吧。大成至聖。文宣王。爲得也。固功重述六經。共傳道朱天
 11 ↓ 下特學。共噉得扶護朱各學路。特創智學各典。得也傳。共詩杜

1→ 廿四
nhị thập tứ

2→ 善改惡。修身積德濫之女。裊丕法茹諾欺責罰几固罪時庄寃
thiện cải ác, tu thân tích đức làm chi nữa? Nếu vậy phép nhà nước khi
trách phạt kẻ có tội thì chẳng oan

3→ 奴咄。市固沛在奴濫年罪麻奴貂罰朱甘。在天命付朱奴稟受
nó ru? Nào có phải tại nó làm nên tội mà nó chịu phạt cho cam, tại
thiên mệnh phú cho nó bầm thù

4→ 祕氣醜氣逆買化瞬濫丕麻罰奴濫牢。如訥濫丕每罪調覲朱
lấy khí xấu khí nghịch mới hóa ra làm vậy, mà phạt nó làm sao? Như
nói làm vậy, mọi tội đều đổ cho

5→ 天命麻瞬台汰。罷帝几苓拱庄特功福之。几與拱庄默沛罪磊
thiên mệnh mà ra thay thay; bởi đấy kẻ lành cũng chẳng được công
phúc gì, kẻ dữ cũng chẳng mắc phải tội lỗi

6→ 之咄。訥体衣固沛理麻駟特庄。
gì ru? Nói thể ấy, có phải lẽ mà nghe được chẳng?

7→ 儻女邊儒固 祿聖市女庄。
- Sau nữa bên Nho có thờ thánh nào nữa chẳng?

8→ 儒士浪。庄仍茹儒麻吏各希主官權奇吧天下。方東尼調 祿奉
Nho sĩ rằng: Chẳng những nhà Nho mà lại các vua chúa quan quyền
cả và thiên hạ phương đông này đều thờ phụng

9→ 祭禮德聖孔子。吧四配十哲女。噲聖孔子罷天縱之聖共先聖
tế lễ Đức thánh Khổng Tử, và *Tứ phối*, *Thập triết* nữa; gọi thánh Khổng
Tử là *Thiên Túng chi Thánh* cùng *Tiên Thánh*,

10→ 先師吧大成至聖文宣王。爲得龟固功重連六經共傳道朱天
Tiên Sư và *Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương*, vì Người đã có công
trọng, dọn *Lục Kinh* cùng truyền đạo cho thiên

11→ 下特學。共嗔得扶護朱各學路特創智學各冉得龟傳。共詩杜
hạ được học; cùng xin Người phù hộ cho các học trò được sáng trí,
học các sách Người đã truyền, cùng thi đỗ

1 ↓ 特濫官郎重。朱年係各生徒鄉貢進士欺買詩杜共特職沛飢

2 ↓ 毆麻祭禮禮聖孔子共謝恩得爲匱頒朱開饒恩重氏。

3 ↓ 西士浪茹儒敬翁孔子昇等上智通太匱固功述典傳朱天下

4 ↓ 學仍理公正時甚沛。雙離求懇共得哪護朱特創施共詩杜時

5 ↓ 庄年爲權法氏術沒等造化麻崔。麻翁孔得拱罪人類也時庄

6 ↓ 固法氏爲翁孔子買生哪代周希靈王二十一年於諾魯處山

7 ↓ 東。府兗州縣曲阜。廊昌平。翁罪梁服。吒罪叔梁紇。娛罪顏氏。達

8 ↓ 牒罪丘牒罪仲尼。麻罷得些。覽得上智通太時。噲得罪天縱

9 ↓ 之聖。雙翁子夏晦浪。夫子聖也歟。時得浪。丘博學多識。聖丘不

10 ↓ 知。旦代茹唐希玄宗賞封朱罪文宣王。史旦代希元武宗。加封

11 ↓ 會同四教名師

卅五

- 1→特濫官郎重。朱年係各生徒鄉貢進士欺買詩杜共特職沛入
được làm quan sang trọng; cho nên hể các sinh đồ, hương cống, tiến sĩ, khi mới thi đỗ cùng được chức phải vào
- 2→殿麻祭禮聖孔子。共謝恩得爲卮頌朱閉饒恩重衣。
đền mà tế lễ thánh Khổng Tử, cùng tạ ơn người, vì đã ban cho bấy nhiêu ơn trọng ấy.
- 3→西士浪。茹儒敬翁孔子罍等上智通太卮固功迺冉傳朱天下
Tây sĩ rằng: Nhà Nho kính ông Khổng Tử là Đấng Thượng Trí thông thái đã có công dọn sách truyền cho thiên hạ
- 4→學仍理公正時甚沛。雙離求懇共得啣護朱特創胞共詩杜時
học những lẽ công chính, thì thậm phải; song le cầu khẩn cùng ngài vâng hộ cho được sáng dạ cùng thi đỗ thì
- 5→庄年。爲權法衣術沒等造化麻崔。麻翁孔得拱罍人類也時庄
chẳng nên; vì quyền phép ấy về một đấng Tạo Hóa mà thôi. Mà ông Khổng ngài cũng là *nhân loại* đã thì chẳng
- 6→固法衣。爲翁孔子買生罍代周羞靈王二十一年於諾魯處山
có phép ấy; vì ông Khổng Tử mới sinh ra đời Chu, vua Linh Vương, *nhị thập nhất niên*, ở nước Lỗ, xứ Sơn
- 7→東。府兗州。縣曲阜。廊昌平。翁罍梁服吒罍叔梁紇。媿罍顏氏達
Đông, phủ Diễn Châu, huyện Khúc Phụ, làng Xương Bình; ông là Lương Phục, cha là Thúc Lương Hột, mẹ là Nhan Thị; đặt
- 8→尅罍丘尅罍仲尼。麻罷得些覓得上智通太時嚕得罍天縱
tên là Khâu, tên chữ là Trọng Ni. Mà bởi người ta thấy ngài thượng trí thông thái thì gọi người là *thiên tủng*
- 9→之聖。雙離子夏晦浪。夫子聖也歟時得浪。丘博學多識聖丘不
chỉ thánh. Song ông Tử Hạ hỏi rằng: *Phu tử thánh dã dư?* thì người rằng: *Khâu bác học đa thức; thánh Khâu bất*
- 10→知旦代茹唐希玄宗買封朱罍文宣王。吏旦代希元武宗。加封
tri. – Đến đời nhà Đường vua Huyền Tông mới phong cho là Văn Tuyên Vương; lại đến đời vua Nguyên Võ Tông gia phong
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

廿五

nhị thập ngũ

1 ↓
 2 ↓ 罪大成至聖文宣王。氏翁孔子也。稱實罷得學。凜時別。齋調。雙
 3 ↓ 得。庄沛罪聖。苗固法之。麻。邸護朱埃。創施詩杜吧。特福塊罪塊。
 4 ↓ 次。台。柴法師解。句氏浪。每事些沛。侍於代尼時。也。繆吏沒句德。
 5 ↓ 聖老子浪。勿爲勿意勿辦。渚之天下。侍。閑。饒事朱論時。每得調。
 6 ↓ 特下安從。且。慍暢罪兼苗。

7 ↓ 西士浪。柴。吶。調。氏時高意。邏。迓。凜。庄。曉。特。爲於仍奇吧。得。什。濫。
 8 ↓ 之。熒。實。特。從。且。清。照。凜。雙。埃。劍。朱。麻。咬。民。事。濫。牢。朱。特。誼。希。主。
 9 ↓ 官。權。什。濫。時。秘。埃。魂。朔。該。治。咄。咄。天。下。朱。平。安。哀。沛。據。調。氏。罪。
 10 ↓ 勿。爲。時。牢。各。柴。仍。庫。辱。綻。吹。虐。賄。賄。茲。助。得。些。濫。之。牢。麻。保。陶。
 11 ↓ 墓。瑪。翁。妃。吒。媿。得。些。遠。移。坭。怒。對。坭。箕。牢。保。得。些。攘。辟。對。數。解。

1→ 廿六
nhị thập lục

2→ 罷大成至聖文宣王。衣翁孔子龟稱實罷得學凜時別彪調, 雙
là Đại thành Chí thánh Văn Tuyên Vương. Ấy ông Khổng Tử đã xưng
thật: bởi người học lắm thì biết nhiều điều, song

3→ 得庄沛罷聖。市固法之麻啞護朱埃創胞詩杜吧特福塊罪兜
người chẳng phải là thánh; nào có phép gì mà vâng hộ cho ai sáng dạ
thi đỗ, và được phúc khỏi tội đâu?

4→ 次仁。柴法師解句衣浪。每事些沛佇於代尼時龟繆吏沒句德
Thứ hai: Thầy Pháp sư giải câu ấy rằng: Mọi sự ta phải giữ ở đời này,
thì đã tóm lại một câu Đức

5→ 聖老子浪。勿爲勿意勿辨。渚之天下佇閉饒事朱論時每得調
thánh Lão Tử rằng: *Vật vi, vật ý, vật biện*, chớ chi thiên hạ giữ bấy
nhiều sự cho lộn, thì mọi người đều

6→ 特平安從且愜暢罷兼市
được bình an, thông thả, vui sướng là dường nào.

7→ 西士浪。柴啞調衣時高意遷透凜庄曉特。爲於仍奇吧曙竹濫
Tây sĩ rằng: Thầy nói điều ấy thì cao ý lạ lùng lắm, chẳng hiểu được;
vì ở nhưng cả và ngày đừng làm

8→ 之埤實特從且清閒凜。雙埃劍朱麻安。民事濫牢朱特甦。希主
gì sốt, thật được thông thả thanh nhàn lắm. Song ai kiếm cho mà ăn,
dân sự làm sao cho được sống? Vua chúa

9→ 官權竹濫時裊埃槐朔該治咂咂天下朱平安。裊沛據調衣。罷
quan quyền đừng làm thì lấy ai coi sóc, cai trị dạy dỗ thiên hạ cho
bình an. Nếu phải cứ điều ấy, là

10→ 勿爲時牢各柴仍庫辱猳吹虐晤曙移助得些濫之。牢麻保陶
vật vi, thì sao các thầy những khó nhọc chạy xuôi ngược đêm ngày, đi
chữa người ta làm chi? Sao mà bảo đảm

11→ 墓塢翁妣吒媿得些蓮移坭怒對坭箕牢保得些攘裡對數解
mồ mà ông bà cha mẹ người ta lên, đòi nơi nợ đòi nơi kia? Sao bảo
người ta nhường sao đối số, giải

- 1→厄送灾濫之。勢時鋪柴庄磊道咄。吏浪。勿意知辦罽竹固意市
 ách tổng tại làm chi? Thế thì phô thầy chẳng lỗi đạo ru? Lại rằng: Vật
 ý, vật biện, là đừng có ý nào,
- 2→竹推察帝之肆。唵濫丕。牢朱沛理。箕種物箕群別罽時尋唵。渴
 đừng suy xét đi gì sốt. Nói làm vậy sao cho phải lẽ? Kìa giống vật kia
 còn biết đói thì tìm ăn, khát
- 3→時尋旺。共別種市年唵時買唵。庄年唵時竹。吏如種六畜箕群
 thì tìm uống, cùng biết giống nào nên ăn thì mới ăn, chẳng nên ăn thì
 đừng; lại như giống lục súc kia còn
- 4→別侍茹朱主奴。方之類得些時固性声灵。吏固道德勲命。別三
 biết giữ nhà cho chủ nó, phương chi loài người ta thì có tính thiêng
 liêng, lại có đạo đức trong mình, biết tam
- 5→綱五常麻唵浪。勿意勿辦勢時竹別埃罽吒媿竹別埃罽希羞主
 cương ngũ thường, mà nói rằng: vật ý, vật biện, thế thì đừng biết ai là
 cha mẹ, đừng biết ai là vua chúa,
- 6→竹別埃罽媿默沒於吝論終買。及体市時哈体衣麻崔咄。唵勢
 đừng biết ai là vợ chồng, một ở lẫn lộn chung mãi, gặp thế nào thì
 hay thế ấy mà thôi ru? Nói thế
- 7→時呷調衣固稱朱道濫得咄。沒稱朱類核類矜共各像楷像
 thì ba điều ấy có xứng cho phải đạo làm người ru? Một xứng cho loài
 cây, loài đá cùng các tượng gỗ, tượng
- 8→坦侍道衣麻渚。爲奴庄固役之。庄固意市。共庄別帝之實。
 đất giữ đạo ấy mà chớ; vì nó chẳng có việc gì, chẳng có ý nào, cùng
 chẳng biết đi gì thật.
- 9→西士吏晦。邊法門固徐仍位市庄。
 – Tây sĩ lại hỏi: Bên Pháp môn có thờ những vị nào chẳng?
- 10→柴法師浪。邊道衆碎徐奉翹位凜。雙一罽位德聖奇罽太上老
 Thầy Pháp sư rằng: Bên đạo chúng tôi thờ phụng nhiều vị lắm, song
 nhất là vị Đức Thánh cả là Thái Thượng Lão

11→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

廿七

nhị thập thất

1
↓

廿八

2
↓

君位希玉皇上帝位十二行譴王。麻每沒辭沒吝祭禮朱重休。

3
↓

嶼德聖奇扶護朱天下塊每事與特每事答共朱長生不死。

4
↓

西士浪翁老子買生呷鯨代茹周希靈王元年。腦仁睇森於處。

5
↓

胡廣戶李。銘仲耳。拱固銘罪老聘。吏固銘罪老君。註特慘逝沒。

6
↓

歲麻薙鮑代茹周敬王三十五年。於坦咸關。冉論語西山真氏。

7
↓

浪。老聘楊朱墨翟皆與孔子同時。旦代茹宋真宗甲寅元年帝。

8
↓

謁老子買加號罪太上老君。雙翁老子本拱罪人類於代中古。

9
↓

拱固生固死如得些。茹固法之麻朱得些塊罪特福濫牢特。群。

10
↓

位玉皇寶罪得戶張銘罪儀。罪召的張良。學法老君監斫僊翹。

11
↓

註特匹逝歲麻薙。鮑道氏浪。茹宋希徽宗齟占包。覽張儀執希。

1→ 廿八
nhị thập bát

2→ 君。位希玉皇上帝。位十二行譴王麻每沒辭沒吝祭禮朱重体。
Quân, vị vua Ngọc Hoàng Thượng Đế, vị *Thập Nhị Hành Khiển Vương*
mà mỗi một năm một lần tế lễ cho trọng thể,

3→ 嘆德聖奇扶護朱天下塊每事與特每事苓共朱長生不死。
xin Đức Thánh cả phù hộ cho thiên hạ khỏi mọi sự dữ được mọi sự
lành cùng cho *trường sinh bất tử*.

4→ 西士浪。翁老子買生 彭代茹周希靈王元年。胸仁得森。於處
Tây sĩ rằng: Ông Lão Tử mới sinh ra sánh đôi nhà Chu, vua Linh
Vương nguyên niên, tháng hai, ngày rằm, ở xứ

5→ 胡廣戶李炔仲耳。拱固炔罍老聃。吏固炔罍老君甦特穆逝沒
Hồ Quảng, họ Lý, tên Trọng Nhĩ, cũng có tên là Lão Đàm, lại có tên
là Lão Quân, sống được tám mươi một

6→ 歲。麻蕘訥代茹周敬王三十五年。於坦咸關。冉論語西山真氏
tuổi, mà chết trong đời nhà Chu Kính Vương, *tam thập ngũ niên*, ở đất
Hàm Quan. Sách Luận ngữ Tây Sơn Chân Thị

7→ 浪。老聃陽朱墨翟皆典孔子同時。旦代茹宋真宗甲寅元年。帝
rằng: *Lão Đàm, Dương Châu, Mặc Dịch* giai dĩ *Khổng Tử* đồng thời. Đến
đời nhà Tống Chân Tông, *Giáp Dần nguyên niên, Đế*

8→ 謁老子買加號罍太上老君。雙翁老子本拱罍人類於代中古。
yết Lão Tử mới gia hiệu là Thái Thượng Lão Quân, song ông Lão Tử
vốn cũng là nhân loại ở đời Trung cổ,

9→ 拱固生固死如得些。市固法之麻朱得些塊罪特福濫牢特。群
cũng có sinh có tử như người ta, nào có phép gì mà cho người ta khỏi
tội được phúc làm sao được. Còn

10→ 位王皇實罍得戶張炔罍儀。罍招昤張。學法老君濫砥僊翹。
vị Ngọc Hoàng thật là người họ Trương, tên là Nghi, là cháu người
Trương Lương, học phép Lão Quân làm chức tiên bay,

11→ 甦特巴逝歲麻蕘。訥道衣浪。茹宋希徽宗觔占包甦張儀執希
sống được ba mươi tuổi mà chết. Trong đạo ấy rằng: Nhà Tống, Vua
Huy Tông năm chiêm bao thấy Trương Nghi giúp Vua

1 ↓ 打特賊。旦欺希式。踐疑罪得。氏得道連。濫勅封。朱張儀。濫玉皇。
2 ↓ 上帝。氏希微宗。罪得陽世。罷天張儀。連封濫希。奇連至。訶固沛。
3 ↓ 理特庄。與丕欺畧。希微宗。諸封。時張儀。時連至。諸固埃。濫希上。
4 ↓ 帝咄。魁吏諾。邊茹佛。拱浪。玉皇罪。昆希光。嚴於坦。妙樂。矯罪寶。
5 ↓ 月光。罷庄固。昆欺。齟占。包篋。元后。遣老君。措沒。昆驟。遂朱娘。月。
6 ↓ 光即。時連。紹胎。旦。薛。微。腦。胚。賜。夢。愴。生。特。昆。驟。達。牒。罪。玉。皇。氏。
7 ↓ 罪。啞。邊。茹。佛。時。濫。丕。雙。腦。本。圖。各。諾。天。下。庄。篋。諾。茹。固。牒。罪。妙。
8 ↓ 樂。氏。罪。諾。盈。茹。佛。麻。渚。吏。否。平。吒。媿。天。昆。悶。達。牒。重。朱。昆。時。連。
9 ↓ 特。濫。玉。皇。上。帝。連。丕。咄。事。氏。固。沛。理。麻。眩。特。庄。
10 ↓ 微。女。術。仍。神。行。譴。王。罪。濫。牢。

11 ↓

會同四教名師

廿九

5

- 1→打特賊。旦欺希式踐疑罍得衣得道連濫勅封朱張儀濫玉皇
đánh được giặc, đến khi Vua thức dậy nghĩ là người ấy đắc đạo, liền
làm sắc phong cho Trương Nghi làm Ngọc Hoàng
- 2→上帝。衣希徽宗罍得陽世罷天張儀連封濫希奇連歪。訶固沛
Thượng Đế. Ấy Vua Huy Tông là người dương thế, bởi yêu Trương
Nghi liền phong làm vua cả trên trời, há có phải
- 3→理特庄。裊丕欺畧希徽宗諸封昉張儀時連歪渚固埃濫希上
lẽ được chăng? Nếu vậy khi trước vua Huy Tông chưa phong người
Trương Nghi, thì trên trời chưa có ai làm Vua Thượng
- 4→帝咄。魁吏諾邊茹佛拱浪。玉皇罍昆希光嚴於坦妙樂。嫺罍寶
Đế ru? – Vả lại nước bên nhà Phật cũng rằng: Ngọc Hoàng là con vua
Quang Nghiêm, ở đất Diệu Lạc, vợ là Bảo
- 5→月光。庄固昆欺罍占包覽元后遣老君揜沒昆跡迢朱娘月
Nguyệt Quang. Bởi chẳng có con, khi nằm chiêm bao thấy Nguyên
Hậu khiến Lão Quân ẵm một con trai đưa cho nàng Nguyệt
- 6→光即時連韶胎。旦辭嫺膊脰得夢炆生特昆跡連嫺罍玉皇。衣
Quang tức thì liền chịu thai. Đến năm sau, tháng giêng, ngày mồng
chín, sinh được con trai, đặt tên là Ngọc Hoàng. Ấy
- 7→罍喙邊茹佛時濫丕。雙龜本圖各諾天下庄覽諾市固嫺罍妙
là lời bên nhà Phật thì làm vậy, song trong bản đồ các nước thiên hạ,
chẳng thấy nước nào có tên là Diệu
- 8→樂。衣罍諾盈茹佛麻渚。吏沓平吒媯天昆悶達嫺重朱昆時連
Lạc, ấy là nước riêng nhà Phật mà chớ. Lại ví bằng cha mẹ yêu con
muốn đặt tên trọng cho con, thì liền
- 9→特濫玉皇上帝連歪咄。事衣固沛理麻駟特庄。
được làm Ngọc Hoàng Thượng Đế trên trời ru? Sự ấy có phải lẽ mà
nghe được chăng?
- 10→嫺女術仍神行譴王罍濫牢。
Sau nữa, về những thần Hành Khiển Vương là làm sao?

11→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

廿九

nhị thập cửu

1
↓
法師浪。𢆶𢆶𢆶。𢆶𢆶𢆶於連𢆶。每沒辭𢆶。沒𢆶治。挽兵𢆶。下界。𢆶瘡。
2
↓
𢆶𢆶𢆶得些。爲𢆶𢆶𢆶錢共鑽鉤共禮物。麻踐官行譴買特塊。
3
↓
西士浪。𢆶𢆶行譴𢆶𢆶周王趙王魏王鄭王楚王吳王秦王宋
4
↓
王齊王魯王越王列王。𢆶𢆶𢆶得世間。初代茹周封朱𢆶𢆶
5
↓
諸候麻崔。旦代茹宋固的孟宗買排𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶。旦代
6
↓
黎楊德元年固的鄭千秋吧柴法門𢆶𢆶道謙𢆶𢆶洪𢆶書固
7
↓
𢆶圖十二王行譴印𢆶𢆶𢆶女。雙閉饒得實𢆶人類耳。共𢆶𢆶
8
↓
未如儿格。𢆶固法財之麻𢆶權生死賞罰埃特。𢆶吏𢆶閉饒得
9
↓
𢆶特𢆶𢆶奇𢆶𢆶奇該治𢆶連𢆶。𢆶麻吏𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶挽兵𢆶
10
↓
世間𢆶𢆶得些底𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶𢆶錢紙鑽鉤假。段買
11
↓

1 → 三十
tam thập

2→法師浪。𠵿逝𠵿希於蓮歪每沒𠵿𠵿沒希治挑兵𠵿下界濫瘡
Pháp sư rằng: Là mười hai vua ở trên trời, mỗi một năm, là một vua trị, đem binh xuống hạ giới, làm ốm

3→ 疒濫斃得些。爲丕沛祕錢共鑽鉞共禮物麻踐官行譴買特塊。
đau, làm chết người ta; vì vậy phải lấy tiền cùng vàng bạc cùng lễ vật
mà tiền quan Hành Khiển mới được khỏi.

4→西士浪。逝仁行謹衣罷周王趙王魏王鄭王楚王吳王秦王宋
Tây sĩ rãng: Mười hai Hành Khiển ấy là Chu vương, Triệu vương,
Ngụy vương, Trịnh vương, Sở vương, Ngô vương, Tần vương, Tống

5→王齊王魯王越王列王。衣罷逝仁得世間。初代茹周封朱濫希
 vua, Tề vua, Lỗ vua, Việt vua, Liệt vua ấy là mười hai
 người thế gian, xưa đời nhà Chu phong cho làm vua

6→ 諸侯麻崔。旦代茹宋固𪔐孟宗買排暱嚕罍迺仁希行謹。旦代
chư hầu mà thôi. Đến đòi nhà Tống, có người Mạnh Tông mới bày ra
gọi là mười hai vua Hành khiển. Đến đòi

7→黎楊德元年固昉鄭千秋吧柴法門罽鄭道謙濫曲洪蓼書固
Lê Dương Đức nguyên niên có người Trịnh Thiên Thu và thầy pháp
môn là Trịnh Đạo Khiêm, làm sách Hồng Liễu thư, có

8→驢圖十二王行譴印匍匐衣女。雙閉饒得實罽人類耳共龟鼈
vẽ đồ Thập Nhị Vương Hành Khiển in vào sách ấy nữa. Song bấy
nhiều người thật là nhân loại nhĩ cùng đã chết

9→来如几格。市固法則之麻拵權生死賞罰埃特。魁吏裊閑饒得
rồi như kẻ khác; nào có phép tắc gì mà cầm quyền sanh tử thưởng
phạt ai được? – Và lại nếu bấy nhiêu người

10→ 龟特濫聖奇濫希奇該治諾蓮歪。牢麻吏沛澍渴嚙滌挑兵甕
 đã được làm thánh cả làm vua cả cai trị nước trên trời, sao mà lại phải
 đói khát thềm lạt, đem binh xuống

11→世間揀攤得些底褻軟牀牀牀牀共沒沙錢紙鑽鉛假。段買
thế gian, bóp nặn người ta, để lấy mâm xôi, tấm thịt và rượu cùng
một ít tiền giấy, vàng bạc giả, đoạn mới

1 ↓

助得些朱塊疾癰病惱濫牢。氏仍格勢閑施咬吻濫丕固稱當

2 ↓

朱等濫弄遠歪正。氏罪仍調庄實。朱年龜曲浪秦皇漢武窮極

3 ↓

以求神僊。了無証驗。宋道君奉道之勤。設醮之厚。受辱於漠北。

4 ↓

而道亦不聞。罷帝老子噲罪虛無之道時也合凜。

5 ↓

次匹。柴和尚解句氏浪邊佛教吡得些修五德。沒罪施貼。仁罪

6 ↓

侍齋匹罪忍辱。翠罪修德。齏罪侍惡實。吏戒禁五事。沒罪禁殺

7 ↓

生。仁罪禁咬盜劫。匹罪禁邪淫。翠罪禁吮嚙。齏罪禁旺醢。

8 ↓

西士浪。儿侍吧几庄侍閑饒事仕賞罰濫牢。

9 ↓

柴和尚浪。龜六道德佛釋迦也傳事賞罰訴詳庄固調苗實欣

10 ↓

女。次一。係埃修道佛朱論時特濫佛女。次仁。几侍北劍庄特論

11 ↓

- ## 11→會同四教名師

卉一

77

1 ↓ 時特濫帚連歪。次𠂔。几侍劍沒北女時朱濫神。次翠。几侍劍沒
 2 ↓ 北女時欺蕤未吏扒生濫得恪。次𠂔。几侍劍沒北女時罰年沒
 3 ↓ 神容𠂔庄固坭麻於。朱年𠂔快屈得些。次𠂔。几侍劍沒北女時
 4 ↓ 沛化𠂔種類物禽獸昆蟲。几強劍欣女時強沛年種醜車欣女。
 5 ↓ 西士浪。如𠂔六道固事賞罰体氏時碎𠂔濫事怪憐凜。爲𠂔旺
 6 ↓ 媿沛罰扒生吏濫昆得恪。麻或欺庫巾𠂔於稅𠂔及沛闌茹昆
 7 ↓ 貂奴吐嚙拑打林沛旺媿時濫牢。哈𠂔欺奴𠂔𠂔𠂔林沛旺媿
 8 ↓ 庄𠂔罪亂倫𠂔。吏𠂔旺媿𠂔化𠂔種類𠂔禽獸麻欺昆貂濫𠂔
 9 ↓ 臘折𠂔𠂔𠂔猪林沛旺媿時庄默罪折旺媿𠂔。𠂔𠂔化𠂔濫昆
 10 ↓ 茹恪哈𠂔類物恪。祝氏昆貂拱祿物氏得氏濫旺媿命𠂔。𠂔各
 11 ↓

1→ 卉二
tam thập nhị

2→ 時特濫希連歪。次凹几侍劍沒北女時朱濫神。次罌几侍劍沒
thì được làm vua trên trời; thứ ba, kẻ giữ kém một bậc nữa thì cho
làm thần; thứ bốn, kẻ giữ kém một

3→ 北女時欺斃耒吏扒生濫得恪。次舣几侍劍沒北女時罰年沒
bậc nữa thì khi chết rồi lại bắt sinh làm người khác; thứ năm kẻ giữ
kém một bậc nữa thì phạt nên một

4→ 神容戩庄固坭麻於。朱年仍矜快屈得些。次尅几侍劍沒北女時
thần đông dài, chẳng có nơi mà ở, cho nên những đi khuấy khuấy
người ta; thứ sáu kẻ giữ kém một bậc nữa thì

5→ 沛化罍種類物禽獸昆蟲。几强劍欣女時强沛年種醜車欣女。
phải hóa ra giống loài vật cầm thú côn trùng; kẻ càng kém hơn nữa
thì càng phải nên giống xấu xa hơn nữa.

6→ 西士浪。如舣六道固事賞罰体衣時碎祕濫事怪懌凜。爲梟吒
Tây sĩ rằng: Như trong lục đạo có sự thưởng phạt thế ấy thì tôi lấy
làm sự quái gở lắm, vì nếu cha

7→ 媿沛罰扒生吏昆得恪。麻或欺庫巾矜於稅嚙及沛茹昆
mẹ phải phạt bắt sinh lại làm con người khác, mà hoặc khi khó khăn
đi ở thuê mướn, gặp phải cửa nhà con

8→ 召奴吐嚙搭打林沛吒媿時濫牢。哈罌欺奴祕媿獸林沛吒媿
cháu, nó chửi rửa đập đánh lầm phải cha mẹ, thì làm sao? hay là khi
nó lấy vợ chồng lầm phải cha mẹ,

9→ 庄罍罪亂倫咄。吏梟吒媿化罍類獐鴣禽獸麻欺昆召濫吐
chẳng ra tội loạn luân ru? Lại nếu cha mẹ đã hóa ra loài muông chim
cầm thú, mà khi con cháu làm giỗ

10→ 臘折樓捕駙貉林沛吒媿時庄默罪折吒媿咄。梟罍罍濫昆
chạp, giết trâu bò gà lợn, làm phải cha mẹ thì chẳng mắc tội giết cha
mẹ ru? Nếu đã hóa ra làm con

11→ 茹恪哈罌類物恪祝衣昆召拱袪物衣得衣濫吒媿舍咄。梟各
nhà khác, hay là loài vật khác, chốc ấy con cháu cũng thờ vật ấy
người ấy làm cha mẹ mình ru? Nếu các

1 ↓ 得荅與匱化呬歇濫丕時群埃魑陰府朱昆招沛濫齋濫醺助
 2 ↓ 罪翁妃翁僂濫之女。魁吏邊茹佛哈禁事殺生朱口法矯吏沛
 3 ↓ 化呬類物命匱折氏。匱丕仍翁妃吒媯字吧正身字呬釋迦畧
 4 ↓ 呬逝歲諸固修行仍。姦仙咩實匱殺罰據鴟狌狌凜凜。祝氏欺
 5 ↓ 吒媯字吧正身字釋迦。姦段時濫牢。拱吏化呬仍種六畜類物
 6 ↓ 命匱折睇畧氏咄。姦釋迦匱沛化呬体氏時群埃濫神濫佛女。
 7 ↓ 氏呬仍呬懌逕濫丕朱年各儒士調岐浪。佛者天言。吏浪。異端
 8 ↓ 虛無寂滅之教。吏浪。非聖人之道。麻漢明帝信祿字時。茹儒岐
 9 ↓ 浪。党惡之人。共浪。名教中萬世之罪人。閉饒調匱當實庄群冤女。
 10 ↓ 次畧。西士賈解句氏浪。欺天主賈孕年元祖類得些連頌朱固

- 1→得苓與龟化驛歇濫丕時群埃勲陰府朱昆招沛濫齋濫醺肋
người lành dữ đã hóa ra hết làm vậy, thì còn ai trong âm phủ cho con cháu phải làm chay làm tiểu, chữa
- 2→罪翁妃翁倮濫之女。魁吏邊茹佛哈禁事殺生朱日法矯吏沛
tội ông bà ông vãi làm chi nữa? Và lại bên nhà Phật hay cấm sự sát sinh cho nhật phép, kéo lại phải
- 3→化驛類物命龟折衣。龟丕仍翁妃吒媿李吧正身李釋迦畧
hóa ra loài vật mình đã giết ấy. Đã vậy những ông bà cha mẹ bụt, và chính thân bụt là Thích Ca trước
- 4→巴逝歲諸固修行仍移仙弭實龟殺罰獐鴟猓狍凜凜。祝衣欺
ba mươi tuổi chưa có tu hành, những đi săn bắn, thật đã sát phạt muông chim cày cáo lẩm lẩm; chúc ấy khi
- 5→吒媿李吧正身李釋迦薨段時牢。拱吏化驛仍種六畜類物
cha mẹ bụt và chính thân bụt Thích Ca chết giả thì làm sao? Cũng lại hóa ra giống lục súc loài vật
- 6→命龟折曙畧衣咄。裊釋迦龟沛化驛体衣時群埃濫神濫佛女。
mình đã giết ngày trước ấy ru? Nếu Thích Ca đã phải hóa ra thể ấy thì còn ai làm thân làm Phật nữa?
- 7→衣畧仍啞憐遇濫丕朱年各儒士調吱浪。佛者天言。吏浪。異端
Ấy là những lời gở lạ làm vậy cho nên các Nho sĩ đều chê rằng: *Phật giả yếu ngôn*. Lại rằng: *Dị đoan*
- 8→虛無寂滅之教吏浪。非聖人之道。麻漢明帝信徐李時茹儒吱
hư vô tịch diệt chi giáo. Lại rằng: *Phi thánh nhân chi đạo*, mà Hán Minh Đế tin thờ Bụt thì nhà Nho chê
- 9→浪。党惡之人。共浪。名教中萬世之罪人。閉饒調龟當實庄群冤女。
rằng: *Đảng ác chi nhân*. Cùng rằng *danh giáo trung vạn thế chi tội nhân*. Bấy nhiêu điều đã đáng, thật chẳng còn oan nữa.
- 10→次畧。西士買解句衣浪。欺天主買孕年元祖類得些連頒朱固
Thứ bốn, Tây sĩ mới giải câu ấy rằng: Khi Thiên Chúa mới dựng nên nguyên tổ loài người ta liền ban cho có

11→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

卉三

tam thập tam

1
↓

卉四

2
↓

靈魂合貝壳固智創坤頑。固每仁德共別正等檣櫓頭每事麻
祿奉。吏頒朱正道印。魃魃。每得調別三綱五常。噲罪道性教。
3
↓
罷帝埃埃調別事。荅事與事。福事罪訴詳。吏頒朱每得調固主
4
↓
張魃命台汰。雙拱底任意適情。得些悶朝術塘荅哈罪術塘與
5
↓
時默意命料。麻埃濫事福德時仕特賞。埃濫事罪。磊時仕沛罰。
6
↓
調氏在意命。悶庄沛在埃押兜。微女吏頒朱得些十誠麻侍。罪
7
↓
第一誠。欽崇天主于萬物之上。第二誠。毋呼天主名而說發虛
8
↓
誓。第三誠。守瞻禮之日。第四誠。孝敬父母。第五誠。毋殺人。第六
9
↓
誠。毋淫妻他人。第七誠。毋偷盜。第八誠。毋妄誣。第九誠。毋願他
10
↓
人妻。第十誠。毋願他人財。麻迦調。噲氏繆吏魃。事尼。沒罪敬
11
↓

1→ 卉四
tam thập tứ

2→ 靈魂合貝壳固智創坤頑。固每仁德共別正等檜禮頭每事麻
linh hồn hợp với xác, có trí sáng khôn ngoan, có mọi nhân đức, cùng
biết chính Đấng cội rễ đầu mọi sự mà

3→ 徐奉。吏頒朱至道印匄匄悉。每得調別三綱五常嚕罽道性教。
thờ phượng, lại ban cho chính đạo in vào trong lòng, mỗi người đều
biết tam cương, ngũ thường, gọi là *đạo tính giáo*.

4→ 罷帝埃埃調別事苓與事福事罪訢詳。吏頒朱每得調固主
Bỏ đấy, ai ai đều biết sự lành, sự dữ, sự phúc, sự tội tở tường, lại ban
cho mỗi người đều có chủ

5→ 張匄命台汰。雙拱底任意適情。得些悶朝術塘苓哈罽術塘與
trương trong mình thay thay, song cũng để nhậm ý thích tình, người
ta muốn chiều về đảng lành hay là về đảng dữ

6→ 時默意命料。麻埃濫事福德時仕特賞。埃濫事罪磊時仕沛罰
thì mặc ý mình liệu, mà ai làm sự phúc đức thì sẽ được thưởng, ai
làm sự tội lỗi thì sẽ phải phạt

7→ 調衣在意命悶庄沛在埃押兜。儸女吏頒朱得些十誠麻佇。罽
điều ấy tại ý mình muốn chẳng phải tại ai ép đâu. Sau nữa lại ban cho
người ta thập giới mà giữ là:

8→ 第一誠。欽崇天主于萬物之上。第二誠毋呼天主名而說發虛
*Đệ nhất giới: khâm sùng Thiên Chủ vu vạn vật chi thượng. Đệ nhị giới: vô
hô Thiên Chủ Danh nhi thuyết phát hư*

9→ 誓。第三誠。守瞻禮之日。第四誠。孝敬父母。第五誠。毋殺人。第六
*thệ. Đệ tam giới: thủ chiêm lễ chi nhật. Đệ tứ giới: hiếu kính phụ mẫu. Đệ
ngũ giới: vô sát nhân. Đệ lục*

10→ 誠。毋淫妻他人。第七誠。毋偷盜。第八誠。毋妄誣。第九誠。毋願他
*giới: vô dâm thê tha nhân. Đệ thất giới: vô thâu đạo. Đệ bát giới: vô vọng vu.
Đệ cửu giới: vô nguyện tha*

11→ 人妻。第十誠。毋願他人財。麻逝調隣衣繆吏匄事尼。沒罽敬
*nhân thê. Đệ thập giới: vô nguyện tha nhân tài. Mà mười điều răn ấy tóm
lại trong hai sự này. Một là kính*

1 ↓ 勉天主歇惡歇飭連歇每類。二曰。罪傷天得些如平命丕。凡順時
2 ↓ 賞天堂。郊福。凡逆時。罰沙地獄加刑。微歇吏傳七規只底濫益
3 ↓ 朱得些。罪一曰。領洗。二曰。堅振。三曰。聖體。四曰。痛解。五曰。賦終。
4 ↓ 六曰。品級。七曰。婚配。八曰。七規。法時底麻赦罪。朱凡痛悔改過。
5 ↓ 法時執飭。朱孟道。他薨庄他補道天主傳。

6 ↓ 儒士浪。道天主拱庄。戈道聖孔子特。爲各渚天下邊方尼據沒
7 ↓ 道聖孔子傳時拱堵。帝王公候卿相。君君臣臣。父父子子。夫夫
8 ↓ 婦婦。百姓謳歌。國富民安。茆固沛。移學道天主地。茆道德聖孔
9 ↓ 子固劒調之咄。

10 ↓ 西士浪。翁孔子刊定六經。朱天下方尼特學。仍事沛理時固功

- 1→勉天主歇悉歇飭蓮歇每類。𠂇𠂇傷天得些如平命丕。几順時
mến Thiên Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi loài; hai là thương yêu
người ta như bằng mình vậy. Kể thuận thì
- 2→賞天堂韶福。几逆時罰沙地獄加形。𠂇歇吏傳七規只底濫益
thường Thiên đàng chịu phúc; kẻ nghịch thì phạt sa địa ngục gia
hình. – Sau hết lại truyền *Thất Quy* chỉ để làm ích
- 3→朱得些。𠂇一曰。領洗。二曰。堅振。三曰。聖體。四曰。痛解。五曰。賦終。
cho người ta, là *nhất viết: lãnh tẩy; nhị viết: kiên chấn; tam viết: Thánh
thể; tứ viết: thống giải; ngũ viết: phú chung,*
- 4→六曰。品級。七曰。婚配。衣𠂇七規法時底麻赦罪朱几痛悔改過
lục viết: phẩm cấp, thất viết: hôn phối. Ấy là *Thất Quy*, phép thì để mà xá
tội cho kẻ *thống hối cải quá;*
- 5→法時執飭朱孟道。他𠂇庄他補道天主傳。
phép thì giúp sức cho mạnh đạo, thà chết chẳng thà bỏ đạo Thiên
Chúa truyền.
- 6→儒士浪。道天主拱庄戈道聖孔子特。爲各諾天下邊方尼據沒
Nho sĩ rằng: Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua đạo thánh Khổng Tử
được; vì các nước thiên hạ bên phương này cứ một
- 7→道聖孔子傳時拱堵帝王公侯卿相。君君臣臣父父子子夫夫
đạo thánh Khổng Tử truyền, thì cũng đủ *đế vương, công hầu, khanh
tướng, quân quân, thân thân, phụ phụ, tử tử, phu phu,*
- 8→婦婦百性謳歌。國富民安。𠂇固沛埒學道天主𠂇。𠂇道德聖孔
phụ phụ, bách tính âu ca, quốc phú dân an, nào có phải đi học đạo Thiên
Chúa đâu? Nào đạo Đức thánh Khổng
- 9→子固劒調之咄。
Tử có kém điều chi ru?
- 10→西士浪。翁孔子刊定六經朱天下方尼特學仍事沛理時固功
Tây sĩ rằng: Ông Khổng Tử *san định lục kinh* cho thiên hạ phương này
được học những sự phải lẽ, thì có công
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

卉五

tam thập ngũ

卉六

1 ↓
2 ↓ 重寶雙庄沛得達年淳儒堯。龜典浪蒼帝創文字。拱庄沛得立
3 ↓ 年道麻傳朱時。龜天下買別堯。此祐古者各等帝王。羿堯舜禹
4 ↓ 湯文武天下調。曙羿各等聖帝明王。麻欺氏諸生。羿翁孔時各
5 ↓ 等氏據道。荀學典。荀麻以道治天下。實羿得龜據道性教天主
6 ↓ 頒朱得麻渚。拱如代尼別羿包饒。渚包饒方庄固學典。翁孔子。
7 ↓ 拱庄別翁孔子。羿埃。麻拱別三綱五常人倫道理時在堯。時龜
8 ↓ 固正道天主印。龜。瑟朱每得。如啞龜引畧浪。上帝降衷于下
9 ↓ 民。共啞董子浪。道之大原出於天。吏浪。夫道在天下無古今之
10 ↓ 殊。吏啞。予大學浪。蓋自天降生民。則既莫不與之以仁義禮智
11 ↓ 信之性也。吏啞翁朱子浪。性非有物。只是是一个道理之在於我

1→ 卉六
tam thập lục

2→ 重實雙庄沛得達年孖儒兜。魴浪。蒼帝創文字。拱庄沛得立
trọng thật; song chẳng phải ngài đặt nên chữ Nho đâu. Trong sách
rằng: *Thượng Đế sáng văn tự* cũng chẳng phải Người lập

3→ 年道麻傳朱時魴天下買別兜。此祐古者各等帝王罍堯舜禹
nên đạo mà truyền cho thì trong thiên hạ mới biết đâu, thử xem cổ
giả các đấng đế vương là Nghiêu, Thuấn, Vũ,

4→ 湯文武天下調喙罍各等聖帝明王麻欺衣渚生瞿翁孔時各
Thang, Văn, Võ, thiên hạ đều khen là các đấng thánh đế minh vương
mà khi ấy chưa sinh ra ông Khổng, thì các

5→ 等衣據道市學冉市麻以道治天下。實罍得龟據道性教天主
đấng ấy cứ đạo nào, học sách nào mà *đã đạo trị thiên hạ*. Thật là Người
đã cứ đạo tính giáo Thiên Chúa

6→ 頒朱得麻渚。拱如代尼別罍包饒諾包饒方庄固學冉翁孔子
ban cho Người mà chó. Cũng như đời này biết là bao nhiêu nước, bao
nhiều phương, chẳng có học sách ông Khổng Tử,

7→ 拱庄別翁孔子罍埃。麻拱別三綱五常人倫道理時在兜。時龟
cũng chẳng biết ông Khổng Tử là ai, mà cũng biết *tam cương ngũ
thường, nhân luân đạo lý*, thì tại đâu. Thì đã

8→ 固正道天主印魴魴悉朱每得。如啞龟引畧浪。上帝降衷于下
có chính đạo Thiên Chúa in vào trong lòng cho mọi người, như lời đã
dẫn trước rằng: *Thượng Đế giáng trung vũ hạ*

9→ 民。共啞董子浪。道之大原出於天。吏浪。夫道在天下無古今之
dân. Cùng lời Đồng tử rằng: *Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên*, lại rằng:
Phù đạo tại thiên hạ, vô cổ kim chi

10→ 殊。吏啞序大學浪。盖自天降生民。則既莫不與之以仁義禮智
thù. Lại lời tựa Đại Học rằng: *Cái tự thiên giáng sinh dân, tắc kỳ mạc bất
dư chi dĩ nhân nghĩa lễ trí*

11→ 信之性也。吏啞翁朱子浪。性非有物。只是一个道理之在於我
tín chi tính dã. Lại lời ông Châu tử rằng: *Tính phi hữu vật, chỉ thị nhất
cá đạo lý chi tại ư ngã*

1 ↓ 者。氏閉饒啞訴。嚶道本也。固自造天立地。且吟庄沛道買固塊。
2 ↓ 麻牢儒士。呐浪。各渚邊方。東尼據沒道聖孔子傳。呐濫丕庄逆。
3 ↓ 貝冉咄。題吏孔子之道。一以貫之。沒咄忠恕爲重。共修身齊家。
4 ↓ 治國於代尼麻崔。麻庄咄埃朱別等。苜羿真主也。造成天地神。
5 ↓ 人萬物麻祿奉朱特。黠實無窮代。機時道翁孔子只。羿人道而。
6 ↓ 己矣。平道天主。咄得些朱別等。檜樞閑物麻祿奉朱特。福清閑。
7 ↓ 代代連天堂。氏羿正聖道超性之道也。麻庄重庄實庄。訴詳欣。
8 ↓ 道翁孔子咄。因牢儒士浪。道天主拱庄戈塊。道翁孔子。呐体氏。
9 ↓ 固實庄。
10 ↓ 儒士晦浪。邊道西士固祿神。苜哈羿聖苜庄。

11 ↓

會同四教名師

卉七

6

- 1→者。衣閉饒啞訴暱道本龟固自造天立地旦盼庄沛道買固兜。
giả. Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra đạo vốn đã có từ *tạo thiên lập địa* đến nay, chẳng phải đạo mới có đâu.
- 2→麻牢儒士唵浪。各諾邊方東尼據沒道聖孔子傳。唵濫丕庄逆
Mà sao Nho sĩ nói rằng: Các nước bên phương Đông này, cứ một đạo thánh Khổng Tử truyền? Nói làm vậy chẳng nghịch
- 3→貝冉咄。魁吏孔子之道一以貫之沒咄忠恕爲重共身齊家
vói sách ru? Và lại Khổng Tử chỉ đạo nhất dĩ quán chi một dạy trung thứ vi trọng cùng tu thân, tề gia,
- 4→治國於代尼麻崔。麻庄咄埃朱別等市罍眞主龟造成天地神
trị quốc ở đời này mà thôi, mà chẳng dạy ai cho biết Đấng nào là Chân Chúa đã tạo thành *thiên địa thần*
- 5→人萬物麻 祿奉朱特舛實無窮代儼時道翁孔子只罍人道而
nhân vạn vật mà thờ phụng cho được sống thật vô cùng đời sau, thì đạo ông Khổng Tử chỉ là *nhân đạo nhi*
- 6→已矣。平道天主咄得些朱別等檜禮閑物麻 祿奉朱特福清閒
dĩ hĩ. Bằng đạo Thiên Chúa dạy người ta cho biết Đấng cội rễ muôn vật mà thờ phụng cho được phúc thanh nhàn
- 7→代代連天堂。衣罍正聖道超性之道也。麻庄重庄實庄訢詳欣
đời đời trên thiên đàng. Ấy là chính thánh đạo, siêu tính chi đạo đã. Mà chẳng trọng, chẳng thật, chẳng tỏ tường hơn
- 8→道翁孔子咄。因牢儒士浪.道天主拱庄戈塊道翁孔子。唵体衣
đạo ông Khổng Tử ru? Nhân sao Nho sĩ rằng: Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua khỏi đạo ông Khổng Tử, nói thế ấy
- 9→固實庄。
có thật chẳng?
- 10→儒士唵浪。邊道西士固 祿神市哈聖市庄。
Nho sĩ hỏi rằng: Bên đạo Tây sĩ có thờ thần nào hay là thánh nào chẳng?

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

卉七
tam thập thất

1 ↓ 西士浪。固爲課初欺天主。造成天地。固孕年無數。天神分濫九
 2 ↓ 品底麻。朝直天主。共頒朱沒。天神怒。呖槎批濫頭。該九品氏。
 3 ↓ 閉除呖槎批。貸命特郎重蒙氏。連生惡驕。傲悶。瀟平天主。共悶
 4 ↓ 朱各天神。恪尊敬命。濫主女。欺氏沒。分天神呂。命蹺呖槎批。即
 5 ↓ 時天主。罰將僞氏。共仍衆神。蹺奴。邇塊天堂。罰沙地獄。枯職天
 6 ↓ 神。變爲魔鬼。自氏神。荅神與分。呖塊。麻魴九品。天神氏。分時侍
 7 ↓ 役。朝直天主。分時。扮日月星辰。燭朱天下。分時該役。行風行雨。
 8 ↓ 侍役。春夏秋冬。護國治民。共侍。歇得世。麻欺。吶敬。祿天神。義界
 9 ↓ 固意。忌各等氏。求懇。共天主。扶護。朱些。特每事。荅分魂。分壳。麻
 10 ↓ 崔。庄固意。祿各等氏。平天主。兜。平事各聖。時拱。界人類也。仍麻
 11 ↓

1→ 卉八
tam thập bát

2→ 西士浪。固爲課初欺天主造成天地固孕年無數天神分濫九
Tây sĩ rằng: Có, vì thuở xưa khi Thiên Chúa tạo thành thiên địa có
dựng nên vô số thiên thần, phân làm cửu

3→ 品底麻朝直天主。共頒朱沒天神袍罽呖槎批濫頭該九品衣。
phẩm để mà châu chực Thiên Chúa, cùng ban cho một Thiên thần tên
là Lu-xi-phe làm đầu cai chín phẩm ấy.

4→ 閉睭呖槎批實命侍郎重兼衣連生悉驕傲悶蓮平吳主共悶
Bấy giờ Lu-xi-phe thấy mình được sang trọng đường ấy liền sinh
lòng kiêu ngạo muốn lên bằng Thiên Chúa, cùng muốn

5→ 朱各天神恪尊敬命濫主女。欺衣沒分天神呂命蹻呖槎批。即
cho các Thiên thần khác tôn kính mình làm Chúa nữa. Khi ấy một
phần thiên thần trở mình theo Lu-xi-phe, tức

6→ 時天主罰將僞衣共仍衆神蹻奴。遴塊天堂。罰沙地獄。拮職天
thì Thiên Chúa phạt tướng ngụy ấy cùng chúng thần theo nó, đuổi
khỏi thiên đàng, phạt sa địa ngục, cất chức thiên

7→ 神。變爲魔鬼。自衣神苓神與分隕塊。麻訥九品天神衣分時侍
thần, biến vi ma quỷ. Từ ấy thần lành thần dữ phân ra khỏi. Mà trong
cửu phẩm thiên thần ấy phần thì giữ

8→ 役朝直天主。分時拎日月星辰燭朱天下。分時該役行風行雨
việc châu chực Thiên Chúa, phần thì cầm nhật nguyệt tinh thần soi
cho thiên hạ, phần thì cai việc hành phong hành vũ,

9→ 侍役春夏秋冬。護國治民。共侍歇得世。麻欺訥敬祿天神。義罽
giữ việc xuân hạ thu đông hộ quốc trị dân, cùng giữ hết người thế. Mà
khi nói kính thờ thiên thần, nghĩa là

10→ 固意思各等衣求懇共天主扶護朱些特每事苓分魂分壳麻
có ý cậy các đấng ấy cầu khẩn cùng Thiên Chúa phù hộ cho ta được
mọi sự lành phần hồn phần xác mà

11→ 崔。庄固意 祿各等衣平天主兜。平事各聖時拱罽人類也。仍麻
thôi; chẳng có ý thờ các đấng ấy bằng Thiên Chúa đâu. Bằng sự các
thánh, thì cũng là nhân loại đã, nhưng mà

1 ↓ 課平生也。呷飭祿奉天主。嚴遵誠規。立功行善。功德兼全。朱年
2 ↓ 斃。各天主也。朱濫。斃。跣訴呷。功業得重。望懔。惡天主。稟吧。欺生
3 ↓ 時。段特。蓮天堂。郊福朝直天主。些。噲各等。氏呷聖神。丕欺。叻敬
4 ↓ 各聖。義呷。固意忌各等。氏也。特懔。惡天主。每塘。嘆求保朱。些特
5 ↓ 侍道。朱論。遇埋。微特。濫。伴共得。連渚天堂。氏呷。意敬祿各聖時
6 ↓ 濫丕。

7 ↓ 儒士浪。牢邊道庄。仍祿天神。更仍得世間也。葬麻。噲呷聖時。拱
8 ↓ 特祿。麻邊些祿。仍等靈神。英雄豪傑也。固功名重。望。魴代也。固
9 ↓ 敕加。頒呷上等。中等最靈神。共大王大聖。時邊道更。禁庄朱祿
10 ↓ 奉祭禮時。爲理濫牢。哈呷。悶朱沒道。命年重望。麻。雀。朱年。慳庄

- 1→課平生龜瞬飭 袪奉天主嚴遵誠規。立功行善。功德兼全。朱年
thuở bình sinh đã ra sức thờ phượng Thiên Chúa, *ng nghiêm tuân giới quy, lập công hành thiện, công đức kiêm toàn*; cho nên
- 2→翹客天主龜朱濫翹糾訴瞬功業得重望懌悉天主凜。吧欺生
nhiều lần Thiên Chúa đã cho làm nhiều dấu, tỏ ra công nghiệp người
trọng vọng đẹp lòng Thiên Chúa lắm, và khi sinh
- 3→時段特蓮天堂紹福朝直天主。些噲各等衣罷聖神。丕欺訥敬
thì đoạn được lên thiên đàng chịu phúc châu chực Thiên Chúa. Ta gọi
các đấng ấy là Thánh thần. Vậy khi nói kính
- 4→各聖。義罷固意忌各等衣龜特懌悉天主每塘嗔求保朱些特
các thánh, nghĩa là có ý cậy các đấng ấy đã được đẹp lòng Thiên
Chúa mọi đàng, xin cầu bầu cho ta được
- 5→佇道朱論遇埋穢特濫伴共得蓮諾天堂。衣罷意敬 袪天神各聖時
giữ đạo cho trọn, ngõ mai sau được làm bạn cùng người trên nước
Thiên đàng. Ấy là ý kính thờ thiên thần các thánh thì
- 6→濫丕。
làm vậy.
- 7→儒士浪。牢邊道庄仍 袪天神。吏仍得世間龜薨麻噲罷聖時拱
Nho sĩ rằng: Sao bên đạo, chẳng những thờ thiên thần, lại những
người thế gian đã chết mà gọi là thánh, thì cũng
- 8→特 袪。麻邊些 袪仍等靈神英雄豪傑龜固功名重望勳代。龜固
được thờ? Mà bên ta thờ những đấng *linh thần, anh hùng hào kiệt* đã có
công danh trọng vọng trong đời, đã có
- 9→敕加頒罷上等。中等最靈神。共大王大聖時邊道吏禁庄朱 袪
sắc gia ban là *thượng đẳng, trung đẳng* *tôi linh thần*, cùng *đại vương đại*
thánh thì bên đạo lại cấm, chẳng cho thờ
- 10→奉祭禮時爲理濫牢。哈罷悶朱沒道命年重望麻崔。朱年慳庄
phượng tế lễ, thì vì lẽ làm sao? Hay là muốn cho một đạo mình nên
trọng vọng mà thôi, cho nên ghen chẳng

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

卉九
tam thập cửu

1 ↓ 問朱道恪祿奉欣道命咄。

2 ↓ 西士浪。庄沛体氏塊。沒罪爲事禮。屯固尊卑有別。麻事祿奉祭
3 ↓ 禮。罪役慄重時役氏只稱術。沒天主罪等至尊至重。無對麻雀。
4 ↓ 群各聖恪庄特竣排貝等慄重氏塊。朱年庄特祭禮位。帛台位
5 ↓ 天主矯犯罪僭禮。如啞翁孔子浪。邻社之禮以事上帝。台罪魴
6 ↓ 各神拱固神荅神與固神當敬。固神庄當敬。神荅本聽命於天
7 ↓ 主。噲罪天神。時敬之可也。神與罪几逆命天主。噲罪魔鬼。時罷
8 ↓ 敬之不可也。群各將英雄豪傑得些常咄浪。有時顯靈顯應。罪
9 ↓ 固欺違。咄儿群。群麻稱命罪將怒神箕。氏罪斫鬼借祕形。得仍
10 ↓ 几。屯葬朱得些祐。覓眼前時信麻祿奴。濫主濫神。吏固欺哆鼻
11 ↓

1→ 四十
tứ thập

2→ 悶朱道恪 祿奉欣道命咄。
muốn cho đạo khác thờ phượng hơn đạo mình ru.

3→ 西士浪。庄沛体兜。沒罌爲事禮龟固尊卑有別。麻事 祿奉祭
Tây sĩ rằng: Chẳng phải thể ấy đâu, một là vì sự lễ đã có tôn ti hữu biệt
mà sự thờ phượng tế

4→ 禮罌役慄重時役衣只稱術沒天主罌等至尊至重無對麻崔。
lễ là việc rất trọng, thì việc ấy chỉ xứng về một Thiên Chúa, là Đấng
chỉ tôn chỉ trọng vô đôi mà thôi.

5→ 群各聖恪庄特跂排貝等慄重衣兜。朱年庄特祭禮位市台位
Còn các thánh khác chẳng được sánh bày với Đấng rất trọng ấy đâu,
cho nên chẳng được tế lễ vị nào thay vì

6→ 天主矯犯罪僭禮如啞孔子浪。郊社之禮以事上帝。仁罌勉
Thiên Chúa, kéo phạm tội tiếm lễ như lời ông Khổng Tử rằng: *Giao xã*
chỉ lễ dĩ sự Thượng Đế. – Hai là trong

7→ 各神拱固神苓神與固神當敬固神庄當敬。神苓本聽命於天
các thần cũng có thần lành thần dữ, có thần đáng kính, có thần chẳng
đáng kính: thần lành vốn *thính mệnh ư Thiên*

8→ 主。嚕罌天神。時敬之可也。神與罌几逆命天主嚕罌魔鬼。時罷
Chủ, gọi là thiên thần, thì *kính chi khả dĩ*; thần dữ là kẻ nghịch mạng
Thiên Chúa, gọi là ma quỷ thì bởi,

9→ 敬之不可也。群各将英雄豪傑得些常啞浪。有時顯靈顯應罌
kính chi bất khả dĩ. Còn các tướng anh hùng hào kiệt, người ta thường
nói rằng, *hữu thì hiển linh hiển ứng* là

10→ 固欺蓬哩几群鞋麻稱命罌将怒神箕。衣罌斫鬼借裊形得仍
có khi lên miệng kẻ còn sống mà xưng mình là tướng nọ thần kia. –
Ấy là chước quỷ tá lấy hình người những

11→ 几龟藐朱得些拈凭眼前時信麻 祿奴濫主濫神。吏固欺哆梟
kẻ đã chết, cho người ta xem thấy nhân tiên thì tin mà thờ nó làm
Chúa làm thần. Lại có khi đe nếu

1 ↓ 庄祿時奴濫葬得葬物。固骸兒罷憚葬麻祿。朱年鮑典總論浪。
2 ↓ 虐民事神而海內虛耗。吏典史浪。自少昊氏衰天下之人相懼。
3 ↓ 以神。相惑以怪。家爲巫史。民瀆于祀。天道爲之小變矣。氏鮑史。
4 ↓ 屯岐濫丕吏此祐事代尼。係埃埃麻特濫官年郎重畧時沛濫。
5 ↓ 碎德禘朱歇証吧固功業。吏沛固敕令吧印信德禘頒朱時買。
6 ↓ 特濫官。裒少閉饒事麻群敢稱命罪官氏罪冒稱。裒吏奇肝逐。
7 ↓ 民濫僞共禘氏罪將僞將賊麻渚。方之兒稱命罪神罪聖德禘。
8 ↓ 奇連丕。麻庄仍罪別天主麻庄郊濫碎吏逆命共天主。仍吹逐。
9 ↓ 得些補天主麻只尊祿命。仍兒体氏固沛罪神實咄。氏實罪妖。
10 ↓ 星厲鬼麻渚。吏浪。屯固敕頒罪上等最靈。千古英靈。丕仍敕氏。

- 1→庄 祿時奴濫覓得覓物。固慙几罷憊覓麻 祿朱年勲冉總論浪。
chẳng thờ thì nó làm chết người, chết vật. Có nhiều kẻ bởi sợ chết mà
thờ cho nên trong sách Tổng Luận rằng:
- 2→虐民事神而海內虛耗。吏冉史浪。自少昊氏衰天下之人相懼
Ngược dân sự thần thì hải nội hư hao. Lại sách Sử rằng: Tự Thiếu Hạo thì
suy, thiên hạ chỉ nhân tương cụ
- 3→以神。相惑以怪。家為巫史。民瀆于祀。天道為之小變矣。衣勲史
dĩ thần, tương hoặc dĩ quái, gia vi vu sử, dân độc vu tự, thiên đạo vị chi tiểu
biến hĩ. Ấy trong sử
- 4→龟呿濫丕。吏此祿事代尼。係埃埃麻特濫官年郎重畧時沛濫
đã chê làm vậy. Lại thử xem sự đòi này, hễ ai ai mà được làm quan
nên sang trọng, trước thì phải làm
- 5→碎德希朱歇鉦吧固功業。吏沛固敕令吧印信德希頒朱時買
tôi Đức vua cho hết ngay và có công nghiệp, lại phải có sắc lệnh và
ấn tín Đức vua ban cho thì mới
- 6→特濫官。梟少閉饒事麻群敢稱命罷官衣罷冒稱。梟吏哿肝逐
được làm quan. Nếu thiếu bấy nhiêu sự mà còn dám xưng mình là
quan, ấy là mạo xưng. Nếu lại cả gan giục
- 7→民濫偽共希。衣罷將偽將賊麻渚。方之几稱命罷神罷聖德希
dân làm ngụy cùng vua, ấy là tướng ngụy tướng giặc mà chó. Phương
chỉ kẻ xưng mình là thần là thánh Đức vua
- 8→奇連丕。麻庄仍罷別天主麻庄紹濫碎吏逆命共天主。仍吹逐
cả trên trời, mà chẳng những là biết Thiên Chúa mà chẳng chịu làm
tôi, lại nghịch mạng cùng Thiên Chúa, những xúi giục
- 9→得些補天主麻只尊祿命。仍几体衣固沛罷神實咄。衣實罷妖
người ta bỏ Thiên Chúa mà chỉ tôn thờ mình. Những kẻ thể ấy có
phải là thần thật ru? Ấy thật là yêu
- 10→星厲鬼麻渚。吏浪。龟固敕頒罷上等最靈。千古英靈。丕仍衣
tinh lệ quỷ mà chó. Lại rằng: Đã có sắc ban là thượng đẳng tối linh,
thiên cổ anh linh. Vậy những sắc ấy

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

四十 一
tứ thập nhất

1 ↓ 固沛罪敕共印信天主頒朱仍位氏特濫神聖於連丕庄。實庄
 2 ↓ 沛。氏罪仍敕禘主於代尼封朱麻渚。丕等禘主固權該治閒民
 3 ↓ 時拱固權該治歇各等神氏台汰。爲閉饒位罪將孟忠臣茹禘
 4 ↓ 麻得固賞麻頒敕朱埃時買噲罪神。丕各神氏畧罪恩德禘爲
 5 ↓ 屯傷麻穰封朱。饒罪拱洳民爲屯穢敕百神朱時買特麻崔。平
 6 ↓ 事天主時各將氏課平生庄別得罪等苒。共庄郊祿奉時曷天
 7 ↓ 主牢固認祔各將氏濫朝臣。牢固頒敕朱濫神聖。毀丕儿祿奉
 8 ↓ 天主牢固敢噲各將氏罪聖神麻祿奉濫牢特。吏固坭祿神猗神
 9 ↓ 獵神猗神狂神唵盜神唵眉。麻閉饒種氏拱特邁丕歇咄。氏仍
 10 ↓ 得仍物憤下濫丕固稱當朱些祭禮咄。因牢儒士悶祔仍神氏
 11 ↓

1→ 四十二
tứ thập nhị

2→ 固沛罍共印信天主頒朱仍位衣特濫神聖於蓮歪庄。實庄
có phải là sắc cùng ấn tín Thiên Chúa ban cho những vị ấy được làm
thần thánh ở trên trời chăng? Thật chẳng

3→ 沛。衣罍仍希主於代尼封朱麻渚。丕等希主固權該治閑民
phải, ấy là những sắc vua chúa ở đời này phong cho mà chớ. Vậy
đấng vua chúa có quyền cai trị muôn dân,

4→ 時拱固權該治歇各等神衣台汰。爲閑饒位罍將孟忠臣茹希
thì cũng có quyền cai trị hết các đấng thần ấy thay thay. Vì bấy nhiêu
vị là tướng mạnh, trung thần nhà vua

5→ 麻得固賞麻頒朱埃時買噲罍神。丕各神衣畧罍恩德希爲
mà Người có thưởng mà ban cho ai sắc thì mới gọi là thần. Vậy các
thần ấy, trước là ơn Đức vua vì

6→ 龟傷麻贖封朱。饒罍拱洳民爲龟貳百神朱時買特麻崔。平
đã thưởng mà rộng phong cho, sau là cũng nhờ dân vì đã chạy sắc
bách thần cho thì mới được mà thôi. Bằng

7→ 事天主時各將衣課平生庄別得罍等市。共庄韶 徐奉時劓天
sự Thiên Chúa thì các tướng ấy thuở bình sinh chẳng biết Người là
đấng nào, cùng chẳng chịu thờ phượng thì rày Thiên

8→ 主牢固認褻各將衣濫朝。牢固頒朱濫神聖。裊丕几 徐奉
Chúa sao có nhận lấy các tướng ấy làm triều thần, sao có ban sắc cho
làm thần thánh. Nếu vậy kẻ thờ phượng

9→ 天主牢敢噲各將衣罍聖神麻 徐奉濫牢特。吏固坭 徐神猗神
Thiên Chúa sao dám gọi các tướng ấy là thánh thần mà thờ phượng
làm sao được? Lại có nơi thờ thần hùm, thần

10→ 猗神猗神狂神啞盜神啞眉。麻閑饒種衣拱特蓮歪濫神歇啞。衣仍
khỉ, thần lợn, thần chó, thần ăn trộm, thần ăn mày, mà bấy nhiêu
giống ấy cũng được lên trời làm thần hết ru? Ấy những

11→ 得仍物慣下濫丕固稱當朱得些祭禮啞。因牢儒士悶褻仍神衣
người những vật hèn hạ làm vậy có xứng đáng cho người ta tế lễ ru?
Nhân sao Nho sĩ muốn lấy những thần ấy,

1 ↓ 仍種尸麻終排貝天主貝等聖人罪几祿奉濫碎天主濫牢特。
2 ↓ 儒士浪。西士吱噪神几盜神安眉庄當祿禪。牢邊道祿禪支秋
3 ↓ 沛論罪揀釘麻蕊格憤下庄醜虎欣庄當吱欣咄。

4 ↓ 西士浪。事紹蕊格憤下濫丕拱固欺呷憤麻當吱。吏固欺強祐
5 ↓ 呷實重望當嗜。丕沛祐几紹蕊罪埃吧因爲意苜麻沛紹蕊濫
6 ↓ 丕時買叻特。譬諭訂盜劫箕沛劫蕊梟頭蓮時醜虎麻當吱實。
7 ↓ 爲罪磊奴缶當沛濫丕。若平官將忠臣箕或爲勤王事。爲護國
8 ↓ 保城。麻軍賊劫蕊梟頭蓮時事醜虎氏固當吱咄。實罪年重望
9 ↓ 當敬祿麻渚。拱沒理氏德主支秋沛揀釘紹蕊困難濫丕固意
10 ↓ 贖罪朱奇吧天下時固當吱噪咄。實時翕諸曉訴理氏時買叻

11 ↓

- 1→仍種衣麻跔排貝天主貝等聖人罨几 袪奉濫碎天主濫牢特。
những giống ấy mà sánh bày với Thiên Chúa, với đấng thánh nhân là kẻ thờ phụng, làm tôi Thiên Chúa làm sao được?
- 2→儒士浪。西士吱嚙神几盜神唵睂庄當 袪褻。牢邊道 袪褻支秋
Nho sĩ rằng: Tây sĩ chế nhạo thần kẻ trộm, thần ăn mày, chẳng đáng thờ lạy; sao bên đạo thờ lạy Giê-su
- 3→沛論罪揀釘麻跔格憊下庄醜虎欣庄當吱欣咄。
phải luận tội đóng đinh mà chết cách hèn hạ, chẳng xấu hổ hơn, chẳng đáng chê hơn ru?
- 4→西士浪。事詔跔格憊下濫丕拱固欺睂憊麻當吱。吏固欺強祐
Tây sĩ rằng: Sự chịu chết cách hèn hạ làm vậy, cũng có khi ra hèn mà đáng chê, lại có khi càng xem
- 5→睂實重望當嗜。丕沛祐几詔跔罨埃吧因爲意市麻沛詔跔濫
ra thật trọng vọng đáng khen. Vậy phải xem kẻ chịu chết là ai, và nhân vì ý nào mà phải chịu chết làm
- 6→丕時買唵特。譬喻都盜劫箕沛刮跔梟頭蓬時醜虎麻當吱實。
vậy, thì mới nói được. Thí dụ: đưa trộm cướp kia phải chém chết bêu đầu lên, thì xấu hổ mà đáng chê thật,
- 7→爲罪磊奴也當沛濫丕。若平官將忠臣箕或爲勤王事。爲護國
vì tội lỗi nó đã đáng phải làm vậy; nhược bằng quan tướng trung thần kia, hoặc vì cần vương sự, vì hộ quốc
- 8→保城。麻軍賊刮跔梟頭蓬寺事醜虎衣固當吱咄。實罨年重望
bảo thành mà quân giặc chém chết bêu đầu lên, thì sự xấu hổ ấy có đáng chê ru? Thật là nên trọng vọng
- 9→當敬 袪麻渚。拱沒理衣德主支秋沛揀釘詔跔困難濫丕。固意
đáng kính thờ mà chó. Cũng một lẽ ấy, Đức Chúa Giê-su phải đóng đinh chịu chết khốn nạn làm vậy, có ý
- 10→贖罪朱奇吧天下時固當吱嚙咄。實時翁渚曉理衣時買唵
chuộc tội cho cả và thiên hạ thì có đáng chế nhạo ru? Thật thì ông chưa hiểu lẽ ấy, thì mới nói
- 11→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

四十三
tứ thập tam

1
↓

四十四

2
↓
濫丕麻渚。

3
↓
柴和尚。訥浪。諸別贖罪。朱天下。哈。罪贖罪。朱命庄。爲課。初德佛。

4
↓
釋迦吧德主。支秋。罪。訥。英。俺德。希奇。玉皇。連丕。生。呬。麻德佛。釋。

5
↓
迦固仁厚慈悲。懺。惡。希。吒。凜。年。特。濫。僣。濫。佛。特。坐。蓮。平。德主。

6
↓
支秋。罪。俺庄。特。体。氏。罷。固。性。凶。孽。慘。刻。朱。年。德。希。吒。罰。扒。荅。訶。

7
↓
下界。沛。論。罪。棟。釘。枸。梓。麻。莖。氏。事。跡。得。罪。勢。麻。牢。西。士。稱。浪。德。

8
↓
主。支。秋。贖。罪。朱。天下。時。宅。實。凜。咄。

9
↓
西。士。浪。柴。和。尚。訥。易。眩。凜。祝。爲。邊。茹。佛。稱。浪。玉。皇。罪。昆。希。光。嚴。

10
↓
於。坦。妙。樂。娛。罪。寶。月。光。生。呬。玉。皇。腦。肱。得。夢。趁。除。午。氏。罪。事。跡。

11
↓
玉。皇。宅。劄。濫。丕。麻。牢。柴。浪。罪。訥。英。俺。昆。德。希。奇。連。丕。渚。時。連。丕。

1→ 四十四
tứ thập tứ

2→ 濫丕麻渚。
làm vậy mà chớ.

3→ 柴和尚訥浪。諸別贖罪朱天下哈罽贖罪朱命庄。爲課初德佛
Thầy Hòa thượng nói rằng: Chưa biết chuộc tội cho thiên hạ hay là
chuộc tội cho mình chẳng, vì thuở xưa Đức Phật

4→ 釋迦吧德主支秋罽訖英俺。德希奇玉皇蓮丕生罽麻德佛釋
Thích Ca và Đức Chúa Giê-su là hai anh em, Đức vua cả Ngọc Hoàng
trên trời sinh ra; mà Đức Phật Thích

5→ 迦固仁厚慈悲。懺悉希吒凜。年特濫僊濫佛。特坐座蓮。平德主
Già có nhân hậu từ bi, đẹp lòng vua cha lắm, nên được làm tiên, làm
Phật, được ngồi tòa sen; bằng Đức Chúa

6→ 支秋罽俺庄特体衣。罷固性凶孽慘刻。朱年德希吒罰扒苔甞
Giê-su là em chẳng được thể ấy, bởi có tính hung nghiệt thảm khắc,
cho nên đức vua cha phạt bắt đầy xuống

7→ 下界。沛論罪揀釘构梓麻蕘。衣事跡得'勢麻牢西士稱浪。德
hạ giới, phải luận tội đóng đinh câu rút mà chết, ấy sự tích Người là
thế. Mà sao Tây sĩ xưng rằng: Đức

8→ 主支秋贖罪朱天下時奄實凜咄。
Chúa Giê-su chuộc tội cho thiên hạ, thì đã thật lắm ru?

9→ 西士浪。柴和尚訥易駟凜祝。爲邊茹佛稱浪。玉皇罽昆希光嚴
Tây sĩ rằng: Thầy Hòa thượng nói dễ nghe lắm chúc! Vì bên nhà Phật
xưng rằng: Ngọc Hoàng là con vua Quang Nghiêm

10→ 於坦妙樂娉罽寶月光生罽玉皇膾脰睥夢尪睪午。衣罽事跡
ở đất Diệu Lạc, mẹ là Bảo Nguyệt Quang, sinh ra Ngọc Hoàng, tháng
giêng, ngày mồng chín, giờ ngọ. Ấy là sự tích

11→ 玉皇奄割濫丕。麻牢柴浪。罽訖英俺昆德希奇蓮丕。渚時蓮丕
Ngọc Hoàng đã chép làm vậy, mà sao thầy rằng: là hai anh em con
Đức vua cả trên trời? Chớ thì trên trời

1 ↓ 少希治麻吏沛拱祀玉皇昇得世間挽蓮濫希奇連歪時昇辭
2 ↓ 苜典苜引底跡濫據。平事釋迦昇昆希靖梵王於諾天竺。媿昇
3 ↓ 摩耶妃生呬釋迦昇。夢慘腦胃代茹周希昭王。氏典儒匱劄
4 ↓ 伶伶濫丕麻牢柴群決浪。玉皇昇吒生呬釋迦。苜女。呬濫丕庄
5 ↓ 逆貝典咄。渚時固余佛釋迦。哈昇玉皇固終。媯貝靖梵王包睺
6 ↓ 麻生昆咄。氏調尼群呬。体氏方之調格。

7 ↓ 儒士浪。渚時德主支秋生呬於諾苜麻固濫。特功恩之時乙昇
8 ↓ 朱沒丕儿於坦氏特洳麻崔。苜干之且奇方東尼匱隔坡癸匱
9 ↓ 恪世界。題吏邊尼苜固埃別德主支秋昇埃。苜埃固遣麻牢浪
10 ↓ 紹蕤朱奇萬民特塊罪勢時庄呬調荒唐凜咄。

11 ↓

四十六

1 ↓

2 ↓

3 ↓

4 ↓

5 ↓

6 ↓

7 ↓

8 ↓

女咄。

西士浪。油麻德主支秋欺買降生時於鮑渚樞姚。雙離得也固
意濫恩奇体罪贖罪朱開渚開代女。譬諭如極至雖罪本木於
邊東。雙庄仍罪燭朱沒邊東麻雀。麻吏拱燭創朱奇邊西邊南
邊北女。時恩贖罪尼拱如濫丕。

儒士浪。也丕各等先賢自伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武周公
孔子計罪列位大聖大賢。時德主支秋固贖罪朱仍等聖賢氏

西士浪。固。為罷課初翁亞容罪祖宗些奇惡逆命天主麻咬菓

禁朱年翁亞容共歇昆丐招贖罷翁氏麻生罪拱噲罪淵唯几

逆几偽。罷帝係埃埃脫生罪調默秘罪噲罪祖宗傳庄埃塊

1→ 四十六
tứ thập lục

2→ 西士浪。油麻德主支秋欺買降生時於魴諾樞姚。雙離得龟固
Tây sĩ rằng: Dầu mà Đức Chúa Giê-su khi mới giáng sinh thì ở trong
nước Giu-diêu, song le Ngài đã có

3→ 意濫恩奇体罽贖罪朱閑諾閑代女譬喻如栖坦雖罽本木於
ý làm ơn cả thể, là chuộc tội cho muôn nước, muôn đời nữa. Thí dụ
như mặt trời tuy là vốn mọc ở

4→ 邊東。雙庄仍罽燭朱沒邊東麻崔。吏拱燭創朱奇邊西邊南
bên đông, song chẳng những là soi cho một bên đông mà thôi, lại
cũng soi sáng cho cả bên tây, bên nam,

5→ 邊北女。時恩贖罪尼拱如濫丕。
bên bắc nữa, thì ơn chuộc tội này cũng như làm vậy.

6→ 儒士浪。龟丕各等先賢自伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武周公
Nho sĩ rằng: Đã vậy, các đấng *tiên hiền* từ Phục Hy, Thần Nông,
Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Võ, Chu Công,

7→ 孔子計罽列位大聖大賢。時德主支秋固贖罪朱仍等聖賢衣
Khổng Tử, kể là *liệt vị đại thánh, đại hiền*, thì Đức Chúa Giê-su có
chuộc tội cho những đấng *thánh hiền* ấy

8→ 女咄。
nữa ru.

9→ 西士浪。固。爲罷課初翁亞容罽祖宗些奇悉逆命天主麻唆菓
Tây sĩ rằng: Có, vì bởi thuở xưa ông A-dong là tổ tông ta, cả lòng
nghịch mệnh Thiên Chúa mà ăn quả

10→ 禁朱年翁亞容共歇昆巧招贖罷翁衣麻生罽拱噲罽涓唯几
cấm, cho nên ông A-dong cùng hết con cái cháu chắt bởi ông ấy mà
sinh ra, cũng gọi là dòng dõi kẻ

11→ 逆几僞。罷帝係埃埃脫生罽調默祕罪噲罽罪祖宗傳庄埃塊
nghịch, kẻ ngụy; bởi đấy hễ ai ai thoát sinh ra đều mắc lấy tội, gọi là
tội tổ tông truyền, chẳng ai khỏi

1 ↓ 煒。古言云。何人無罪。夫子曰。獲罪於天無所禱也。亦曰。必待自
2 ↓ 天宥之。然後獲免。爲丕埃埃拱沛泐恩主救世贖罪朱時買特
3 ↓ 囑麻渚。

4 ↓ 儒士浪。裒德主支秋罪主實天下。罪主丕坦麻庄固法赦罪朱
5 ↓ 几犯旦得特咄。牢得吏沛紹難紹蕊時買坦特罪咄。渚時法則
6 ↓ 無窮於堯。法則仍帝之。

7 ↓ 西士浪。實得罪主奇丕坦得些共開物。法則無窮。悶牢時年丕。
8 ↓ 悶赦朱几犯旦得時拱易女。雙本性德主丕慄公慄正欺覓罪
9 ↓ 埃連罰朱公倘時買合德公。平無窮。貽賞罰無窮。魁吏裒據法
10 ↓ 公平沒罰朱倘麻庄救祀庄贖台朱時吏庄顯德仁慈無窮。貽

- 1→**緯**。古言云。何人無罪。夫子曰。獲罪於天無所禱也。亦曰。必待自
sốt. *Cổ ngôn vân: Hà nhân vô tội. Phu tử viết: Hoạch tội ư thiên vô sở đảo*
dã. Diệc viết: Tất đãi tự
- 2→**天宥之**。然後獲免。爲丕埃埃拱沛洳恩主救世贖罪朱時買特
thiên hựu chi, nhiên hậu hoạch miễn. Vì vậy ai ai cũng phải nhờ ơn Chúa
Cứu Thế chuộc tội cho, thì mới được
- 3→**囁麻渚**。
rồi mà chó.
- 4→**儒士浪**。裊德主支秋罌主實天下罌主歪坦麻庄固法赦罪朱
Nho sĩ rằng: Nếu Đức Chúa Giê-su là Chúa thật thiên hạ, là Chúa trời
đất, mà chẳng có phép tha tội cho
- 5→**几犯旦得特咄**。牢得吏沛紹難紹斃時買垵特罪咄。渚時法則
kẻ phạm đến Ngài được ru? Sao Ngài lại phải chịu nạn chịu chết thì
mới đền được tội ru? Chó thì phép tắc
- 6→**無窮於兜**。法則仍帝之。
vô cùng ở đâu? phép tắc những đi gì?
- 7→**西士浪**。實得罌主奇歪坦得些共閑物。法則無窮悶牢時年丕。
Tây sĩ rằng: Thật Ngài là Chúa cả trời đất, người ta cùng muôn vật,
phép tắc vô cùng, muốn sao thì nên vậy,
- 8→**悶赦罪朱几犯旦得時拱易女**。雙本性德主歪慄公慄正欺覽罪
muốn tha tội cho kẻ phạm đến Ngài, thì cũng dễ nữa. Song vốn tính
Đức Chúa Trời rất công rất chính, khi thấy tội
- 9→**埃連罰朱公倘時買合德公平無窮哈賞罰無窮**。魁吏裊據法
ai liền phạt cho công thẳng, thì mới hợp đức công bình vô cùng hay
thưởng phạt vô cùng. Vả lại nếu cứ phép
- 10→**公平沒罰朱倘麻庄救裊庄贖台朱時吏庄顯德仁慈無窮哈**
công bình một phạt cho thẳng mà chẳng cứu lấy, chẳng chuộc thay
cho, thì lại chẳng hiển đức nhân từ vô cùng, hay
- 11→**會同四教名師**
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

四十七
tứ thập thất

四十八

1 ↓

2 ↓ 傷欣哈罰。爲不得屯沛紹難紹。底麻垵台朱類得些時買院
3 ↓ 德瑟苓無窮哈傷無窮庄補類。几固罪。瑟虛扶代代。

4 ↓ 儒士浪。本性自然。埃埃時拱。天命濫畧。渚兮固包。賒覽埃天几
5 ↓ 恪欣命烽。魁吏德主支秋。固傷几固罪。麻赦朱奴空庄罰時計
6 ↓ 𠵿屯慄埋福朱奴凜。理塊麻得吏紹難紹。瑟台朱几固罪時調
7 ↓ 氏庄庫賧庫信凜咄。

8 ↓ 西士浪。調氏庫賧庫信拱沛。爲𠵿事慄險慄。逕魴代。雙此祐仍
9 ↓ 跡魴典体茆。箕如希堯。覽民固罪。則曰。我陷之也。希禹見罪人
10 ↓ 不順道。則下車問而泣之。希成湯。覽天下沛大旱七年時。希連
11 ↓ 𠵿齋削頭。祕命濫獐牲麻祈禱祭禮於內桑林。希太宗。覽螻𠵿

1→ 四十八
tứ thập bát

2→ 傷欣哈罰。爲丕得屯沛紹難紹蕘底麻垌台朱類得些時買院
thường hơn hay phạt. Vì vậy Ngài đã phải chịu nạn chịu chết để mà
đền thay cho loài người ta, thì mới vẹn

3→ 德悉苓無窮哈傷無窮庄補類几固罪蕘虛秩代代。
đức lòng lành vô cùng, hay thường vô cùng, chẳng bỏ loại kẻ có tội
chết hư mất đời đời.

4→ 儒士浪。本性自然埃埃時拱天命濫畧。渚兮固包睎覓埃天几
Nho sĩ rằng: Vốn tính tự nhiên ai ai thì cũng yêu mình làm trước, chớ
hề có bao giờ thấy ai yêu kẻ

5→ 恪欣命埽。魁吏德主支秋固傷几固罪麻赦朱奴空。庄罰時計
khác hơn mình sốt. Và lại Đức Chúa Giê-su có thường kẻ có tội mà
tha cho nó không, chẳng phạt, thì kẻ

6→ 罍屯慄埋福朱奴凜。理兜麻得吏紹難紹蕘台朱几固罪時調
là đã rất may phúc cho nó lắm. Lẽ đâu mà Ngài lại chịu nạn chịu chết
thay cho kẻ có tội, thì điều

7→ 衣庄庫駟庫信凜咄。
ấy chẳng khó nghe, khó tin lắm ru?

8→ 西士浪。調衣庫駟庫信拱沛。爲罍事慄險慄遇邇代。雙此祐仍
Tây sĩ rằng: Điều ấy khó nghe, khó tin cũng phải, vì là sự rất hiếm rất
lạ trong đời; song thử xem những

9→ 体市。箕如希堯覓民固罪則曰。我陷之也。希禹見罪人
tích trong sách thể nào. Kìa như vua Nghiêu, thấy dân có tội tắc viết:
Ngã hãm chi dã. Vua Vũ kiến tội nhân

10→ 不順道。則下車問而泣之。希成湯覓天下沛大旱七年時希連
bất thuận đạo, tắc hạ xa vấn nhi khấp chi. Vua Thành Thang thấy thiên
hạ phải đại hạn thất niên, thì vua liền

11→ 啞齋削頭祕命濫犧牲麻祈禱祭禮於內桑林。希太宗覓螻啞
ăn chay gọt đầu, lấy mình làm muông sinh mà kỳ đảo tế lễ ở nội Tang
lâm. Vua Thái Tông thấy sâu ăn

1 ↓ 歇。癯時浪。他。唉。肝脾朕時欣。仃。唉。癯矯困民。連扒。祔。丐。黃虫憾。
2 ↓ 怵氏麻。喇。姦。氏。各。希。氏。拱。罪。等。至尊。至貴。抄。權。賞。罰。魴。渚。欺。竄。
3 ↓ 罪民麻。群。歸。術。罪。命。唉。嚙。哭。吹。欺。竄。事。災。厄。極。難。旦。魴。渚。時。庄。
4 ↓ 女底朱。民。郊。卞。下。命。龜。甘。郊。祔。奇。矯。困。民。氏。閉。饒。等。拱。罪。人。類。
5 ↓ 也。麻。群。別。傷。民。事。兼。氏。朱。旦。援。料。命。庄。泥。惜。事。黠。命。爲。民。濫。丕。
6 ↓ 方之德。主。支。秋。罪。等。至尊。無對。至仁。至美。卮。生。罪。奇。吧。類。得。些。
7 ↓ 麻。庄。哈。傷。怵。天下。平。各。希。卮。計。畧。咄。

8 ↓ 儒士浪。調。尼。實。罪。奇怪。罪。德。主。支。秋。買。生。罪。於。代。茹。漢。禱。哀。帝。
9 ↓ 罪。代。後。世。麻。卮。贖。罪。朱。代。上。古。中。古。隔。卮。罪。顏。辭。畧。濫。牢。特。

10 ↓ 西士浪。油。德。主。支。秋。買。生。罪。代。後。世。麻。閤。贖。朱。仍。得。代。上。古。時。

- 1→歇魯時浪。他啞肝脾朕時欣佇啞魯矯困民。連扒祕丐黃虫憾
hết lúa thì rằng: Thà ăn gan ruột trâm thì hơn, đừng ăn lúa kéo khốn
dân, liền bắt lấy cái hoàng trùng góm
- 2→恠衣麻訥矦。衣各希衣拱罽等至尊至貴矧權賞罰勑諾欺覓
ghiếc ấy mà nuốt đi. – Ấy các vua ấy cũng là đáng chí tôn chí quý, cầm
quyền thưởng phạt trong nước, khi thấy
- 3→罪民麻群歸術罪命啞嚙哭么。欺覓事災厄極難旦勑諾時庄
tội dân mà còn quy về tội mình, ăn năn khóc lóc; khi thấy sự tai ách
cực nạn đến trong nước, thì chẳng
- 4→女底朱民貂。卞下命甯甘貂祕奇矯困民。衣閉饒等拱罽人類
nữ để cho dân chịu, bèn hạ mình xuống cam chịu lấy cả kéo khốn
dân. Ấy bấy nhiêu đáng cũng là *nhân loại*
- 5→也。麻群別傷民事兼衣朱旦悞料命庄泥惜事甦命爲民濫不。
dã, mà còn biết thương dân sự đường ấy, cho đến nỗi liêu mình chẳng
nề tiếc sự sống mình vì dân làm vậy;
- 6→方之德主支秋罽等至尊無對。至仁至美。庖生瞞奇吧類得些
phương chi Đức Chúa Giê-su là đáng chí tôn vô đối, chí nhân chí mỹ,
đã sinh ra cả và loài người ta
- 7→麻庄哈傷恖天下平各希庖計畧咄。
mà chẳng hay thương xót thiên hạ bằng các vua đã kể trước ru?
- 8→儒士浪。調尼實罽奇怪。罽德主支秋買生瞞於代茹漢希哀帝。
Nho sĩ rằng: Điều này thật là kỳ quái, là Đức Chúa Giê-su mới sinh
ra ở đời nhà Hán, vua Ai Đế,
- 9→罽代後世。麻庖贖罪朱代上古中古隔巴罽廚齋畧濫牢特。
là đời hậu thế, mà đã chuộc tội cho đời thượng cổ, trung cổ, cách ba
bốn ngàn năm trước làm sao được?
- 10→西士浪。油德主支秋買生瞞代後世麻悶贖朱仍得代上古時
Tây sĩ rằng: Dù Đức Chúa Giê-su mới sinh ra đời hậu thế, mà muốn
chuộc cho những người đời thượng cổ, thì
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

四十九
tứ thập chín

1 ↓

2 ↓

3 ↓

4 ↓

5 ↓

6 ↓

7 ↓

8 ↓

9 ↓

10 ↓

11 ↓

拱特。此祐代茹殷天下沛。緡希紂慄毒與該治時困難別罪。美
 苗。各官權分時沛折斃。分時沛搯於囚落別包除塊。朱旦代茹
 周理特希武王寬仁大度。連傳大赦。羈闔囚獄。呬時各官畧代
 希紂。奄於魴氏買特呬塊。拱沒理氏罷罪。朱年靈魂得些閉饒
 代畧油上古中古拱沛。緡魔鬼慄毒與該治。紂於歇台汰。旦代
 緡德主支秋。鄒世呬如希武王贖罪。朱天下時救靈魂代畧於
 獄林。逋買特呬塊。氏事德主支秋生呬代後世麻贖罪。朱代上
 古時濫丕。
 儒士浪。否油德主支秋。奄鄒難鄒斃時買固功重買特。祕功準
 過。呬赦罪特。雙欺諸鄒難諸固功之時。苗贖罪埃特。譬諭如欺

1→ 五十
ngũ thập

2→ 拱特。此祐代茹殷天下沛衺希紂慄毒與該治時困難別罍兼
cũng được. Thử xem đòi nhà Ân, thiên hạ phải tay vua Trụ rất độc
dữ cai trị, thì khốn nạn biết là dường

3→ 市。各官權分時沛折斃。分時沛檻矜囚落別包睢塊。朱旦代茹
nào: các quan quyền phần thì phải giết chết, phần thì phải giam cầm
tù rạc, biết bao giờ khỏi, cho đến đòi nhà

4→ 周。埋特希武王寬仁大度。連傳大赦羈闡囚獄瞬時各官畧代
Chu, may được vua Võ vương khoan nhân đại độ, liền truyền đại xá
mở cửa tù ngục ra thì các quan trước đòi

5→ 希紂奄矜勉衣買特瞬塊。拱沒理衣罷罪朱年靈魂得些閉饒
vua Trụ đã cầm trong ấy mới được ra khỏi, cũng một lẽ ấy, bởi tội
cho nên linh hồn người ta bấy nhiêu

6→ 代畧油上古中古拱沛衺魔鬼慄毒與該治紂矜歇台汰。旦代
đòi trước, dù thượng cổ, trung cổ, cũng phải tay ma quỷ rất độc dữ
cai trị buộc cầm hết thay thay, đến đòi

7→ 饒德主支秋鼃世罍如希武王贖罪朱天下時救靈魂代畧於
sau Đức Chúa Giê-su xuống thế, là như vua Võ vương chuộc tội cho
thiên hạ thì cứu linh hồn đòi trước ở

8→ 獄林逋買特瞬塊。衣事德主支秋生罍代後世麻贖罪朱代上
ngục Lâm-Bô mới được ra khỏi. Ấy sự Đức Chúa Giê-su sinh ra đòi
hậu thế mà chuộc tội cho đòi thượng

9→ 古時濫丕。
cổ thì làm vậy.

10→ 儒士浪。沍油德主支秋奄紹難紹斃時買固功重買特祕功準
Nho sĩ rằng: Ví dù Đức Chúa Giê-su đã chịu nạn chịu chết thì mới có
công trọng mới được lấy công chuẩn

11→ 遇罍赦罪特。雙欺渚紹難諸固功支時市贖罪埃特。譬喻如欺
quá là xá tội được, song khi chưa chịu nạn chưa có công chi thì nào
chuộc tội ai được. Thí dụ như khi

1 ↓ 固極歪時買固爇買爇創特。裒欺諸固極歪時祕帝之麻爇創特。
2 ↓ 西士浪。油得諸顛難顛。顛默瑟仍麻也。固功重凜。譬諭茹需欺。
3 ↓ 算差官將苜亥打賊時畧頒權職碑鑽銖鉞劍鑽印寶。便宜行
4 ↓ 事。頒權生殺。氏官將箕諸也。盜戰場共諸特勝陣默瑟也。特預
5 ↓ 頒賞功濫丕。方之德主支秋。畧官將慄重無窮。德主吒也。定朱
6 ↓ 得顛世救祕天下麻庄。特預頒賞功業無窮。麻係固功業無
7 ↓ 窮時庄贖特歇。每得每代台汰。咄。

8 ↓ 儒士浪。群沒調太迷惑。畧妃瑪移亞無人道而生子。吏浪。生畧
9 ↓ 唉群童貞。時固理苜咄。吧得休氏固當暗當祿咄。

10 ↓ 西士浪。無人道而生子。畧事庫曉寶。仍麻由人道而生苜固易

11 ↓

- 1→固栖歪時買固煨買燭創特。裊欺渚固栖歪時祀帝之麻燭創特。
có mặt trời thì mới có nóng mới soi sáng được. Nếu khi chưa có mặt trời thì lấy đi gì mà soi sáng được.
- 2→西士浪。油得諸韶難韶斃默悉仍麻龟固功重凜。譬喻茹希欺
Tây sĩ rằng: Dù Người chưa chịu nạn chịu chết mặc lòng, nhưng mà đã có công trọng lắm. Thí dụ nhà vua khi
- 3→算差官將市埒打賊時畧頒權職碑鑽筴鉞劍鑽印寶。便宜行
toan sai quan tướng nào đi đánh giặc thì trước ban quyền chức, bìa vàng thẻ bạc, gươm vàng ấn báu, tiện nghi hành
- 4→事。頒權生殺。衣官將箕諸匄盜戰場共諸特勝陣默悉龟特預
sự, ban quyền sinh sát. Ấy quan tướng kia chưa vào áng chiến trường cùng chưa được thắng trận mặc lòng, đã được dự
- 5→頒賞功濫丕。方之德主支秋罍官將慄重無窮。德主吒龟定朱
ban thưởng công làm vậy. Phương chi Đức Chúa Giê-su là quan tướng rất trọng vô cùng, Đức Chúa Cha đã định cho
- 6→得甞世救祀天下麻庄特預頒賞功業無窮咄。麻係固功業無
Người xuống thế cứu lấy thiên hạ mà chẳng được dự ban thưởng công nghiệp vô cùng ru? Mà hề có công nghiệp vô
- 7→窮時庄贖特歌每得每代台汰咄。
cùng thì chẳng chuộc được hết mọi người mọi đời thay thay ru?
- 8→儒士浪。群沒調太迷惑。罍妃瑪移亞無人道而生子。吏浪。生段
Nho sĩ rằng: Còn một điều thái mê hoặc, là bà Ma-ri-a vô nhân đạo nhi sinh tử. Lại rằng: sinh đoạn
- 9→唉群童貞。時固理市特咄。吧得休衣固當嗜當徐咄。
hãy còn đồng trinh, thì có lẽ nào được ru? Và người thế ấy có đáng khen đáng thờ ru?
- 10→西士浪。無人道而生子罍事庫曉實。仍麻由人道而生市固易
Tây sĩ rằng: Vô nhân đạo nhi sinh tử là sự khó hiểu thật; nhưng mà do nhân đạo nhi sinh, nào có dễ
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

五十一
ngũ thập nhất

1 ↓ 曉咄。雖聰明上智者欲窮其理亦絕不明。仍麻罷爲事由人道
 2 ↓ 而生。罪事常見時庄埃祕濫逕共胡疑煒。可以知難曉之理。疑
 3 ↓ 爲無其事者不當也。丕事生昆呷。油格帛拱罷權法天主奄定
 4 ↓ 濫丕買特。得罪等全能豈人之小智可測哉。頭歇罷空得孕年
 5 ↓ 歪坦人物麻庄埃。歧罪事太迷惑。麻欺邊道些咄浪。得祕泖極
 6 ↓ 瀝齣瑟妃瑪移亞麻孕年壳主救世吧。孕年沒靈靈慄聖麻付
 7 ↓ 飢壳氏。儒士敢歧罪事太迷惑咄。天主庄沛罪等法則無窮悶
 8 ↓ 牢年丕咄。群事妃瑪移亞生段麻唉。群童貞。自然罪事庫實。雙
 9 ↓ 離役天主濫得固祕濫庫之兜。如腴極歪收戈水星麻水星庄、
 10 ↓ 破庄害拙帛。妃瑪移亞生昆拱如濫丕。哈罪拱如炤爇鑽。雖罪
 11 ↓

1→ 五十二

ngũ thập nhị

2→ 曉咄。雖聰明上智者欲窮理亦絕不明。仍麻罷爲事由人道

hiếu ru? Tuy thông minh thượng trí giả dục cùng kỳ lý diệc tuyệt bất minh, nhưng mà bởi vì sự do nhân đạo

3→ 而生事賞見時庄埃祕濫遇共胡疑埒。可以知難曉之理。疑

nhi sinh là sự thường kiến thì chẳng ai lấy làm lạ cùng hồ nghi sốt, khả dĩ tri nan hiếu chi lý, nghi

4→ 爲無其事者不當也。丕事生昆瞢由格市拱罷權法天主奄定

vi vô kỳ sự giả bất đương dã. Vậy sự sinh con ra do cách nào cũng bởi quyền phép Thiên Chúa đã định

5→ 濫丕買特。得罒等全能豈人之小智可測哉。頭歇罷空得孕年

làm vậy mới được. Người là Đấng toàn năng khỏi nhân chi tiểu trí khả trắc tai. Đầu hết, bởi không Người dựng nên

6→ 歪坦人物麻庄埃吱罒事太迷惑。麻欺邊道些訥浪。得祕泖極

trời đất nhân vật, mà chẳng ai chê là sự thái mê hoặc, mà khi bên đạo ta nói rằng: Người lấy máu cựa

7→ 瀝訥悉她瑪移亞麻孕年壳主救世吧孕年沒靈魂慄聖麻付

sạch trong lòng bà Ma-ri-a mà dựng nên xác Chúa Cứu Thế và dựng nên một linh hồn rất thánh mà phó

8→ 匏壳衣。儒士敢吱罒事太迷惑咄。天主庄沛罒等法則無窮悶

vào xác ấy. Nho sĩ dám chê là sự thái mê hoặc ru? Thiên Chúa chẳng phải là Đấng phép tắc vô cùng, muốn

9→ 牢年丕咄。群事她瑪移亞生段麻唉群童貞自然罒事庫實。雙

sao nên vậy ru? Còn sự bà Ma-ri-a sinh đoạn mà hãy còn đồng trinh tự nhiên là sự khó thật, song

10→ 離役天主濫得固祕濫庫之兜。如暎樞歪收戈水星麻水星庄

le việc Thiên Chúa làm, Người có lấy làm khó gì đâu. Như ánh mặt trời thấu qua thủy tinh mà thủy tinh chẳng

11→ 破。庄害拙市。她瑪移亞生昆拱如濫丕。哈罒拱如炤爍鑽。雖罒

vỡ, chẳng hại chút nào. Bà Ma-ri-a sinh con cũng như làm vậy. – Hay là cũng như lửa nung vàng tuy là

1 ↓ 炆濫朱鑽瀝。雙空濫朱鑽虛哈。耗損分苜燁。麻吏濫朱鑽強。
2 ↓ 嚶瀝吧。創欣鑽。罪童貞。炆罪事生。臆罷法天主。群事儒士責浪。
3 ↓ 得。体氏固當。曙當祿。咄。時些此。祐於代尼。得苜特濫。媿等。希主。
4 ↓ 時天下群。沛敬重。群尊罪。德皇太后。德聖慈。德聖母。得升遐。段。
5 ↓ 各官群。沛臨哭。天下群。沛喪服。氏媿等。濫希。魴汶。著麻群敬重。
6 ↓ 濫丕。方之救世之聖母。其心純粹無疵。其德完滿無缺。上膺天。
7 ↓ 主之寵錫。下爲衆人之慈恃。麻庄當敬重。庄當祿。漚欣。媿希主。
8 ↓ 世間尼時濫牢。

9 ↓ 儒士晦浪。邊道固。咄沛祿等。希主庄。

10 ↓ 西土浪。固爲。魴道。噲等。濫希。罪爲一國之大父。視國人如赤子。

1→ 焔濫朱鑽沚雙空濫朱鑽虛哈罨耗損分市埤麻吏濫朱鑽强

lửa làm cho vàng chảy song không làm cho vàng hư hay là hao tổn phần nào sốt mà lại làm cho vàng càng

2→ 罨瀝吧創欣。鑽罨童貞。焔罨事生臆罷法天主。群事儒士責浪。

ra sạch và sáng hơn. Vàng là đồng trinh, lửa là sự sinh đẻ bởi phép Thiên Chúa. Còn sự Nho sĩ trách rằng:

3→ 得休衣固當嗜當 祿咄。時些此祐於代尼得市特濫媵等希主

Người thế ấy có đáng khen, đáng thờ ru? Thì ta thử xem ở đời này, người nào được làm mẹ đáng vua chúa,

4→ 時天下群沛敬重。群尊罨德皇太后。德聖慈.德聖母。得升遐段

thì thiên hạ còn phải kính trọng, còn tôn là Đức Hoàng Thái hậu, Đức Thánh Từ, Đức Thánh Mẫu, người *thăng hà đoạn*,

5→ 各官群沛臨哭。天下群沛喪服。衣媵等濫希勳汶諾麻群敬

các quan còn phải lâm khốc, thiên hạ còn phải tang phục. Ấy mẹ đáng làm vua trong một nước mà còn kính trọng

6→ 濫丕。方之救世之聖母。其心純粹無疵。其德完滿無缺上膺天

làm vậy. Phương chi Cứu Thế chi Thánh Mẫu, kỳ tâm thuần túy vô tỳ, kỳ đức hoàn mãn vô khuyết, thượng ứng Thiên

7→ 主之寵錫。下為衆人之慈恃。麻庄當敬重庄當 祿褰欣媵希主

Chủ chi sủng tích, hạ vi chúng nhân chi từ恃, mà chẳng đáng kính trọng, chẳng đáng thờ lạy hơn mẹ vua chúa

8→ 世間尼時濫牢。

thế gian này, thì làm sao?

9→ 儒士晦浪。邊道固咄沛 祿等希主庄。

Nho sĩ hỏi rằng: Bên đạo có dạy phải thờ đáng vua chúa chẳng?

10→ 西士浪。固。為勳道噲等濫希罨為一國之大父。視國人如赤子

Tây sĩ rằng: Có, vì trong đạo gọi đáng làm vua là *vi nhất quốc chi đại phụ, thị quốc nhân như xích tử*,

11→ 會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

五十三

ngũ thập tam

五十四

1 ↓ 爲丕咤各得魴渚沛祕軀事尼麻敬祿禱主。𠄎一則尊敬爲一
3 ↓ 國之上。二則受命。雖勞苦不辭。三則服從供給。四則有事相助。
4 ↓ 五則盡忠恩報。不可萌心僭叛。𠄎𠄎軀事術祿奉等濫禱主時
5 ↓ 濫丕。

6 ↓ 儒士吏晦浪。魴道固咤祿吒媯𠄎体芾女庄。

7 ↓ 西士浪。魴道聖固調隣次𠄎咤昆丐沛討敬吒媯𠄎調隣頭歇
8 ↓ 術類得些時糾儿濫昆沛濫𠄎事尼。底麻奉養吒媯。𠄎一則敬
9 ↓ 畏。二則從命。三則奉養。四則屈忍。五則死後以禮塋之。六則舍
10 ↓ 施貧人。爲父母靈魂。懇祈於天主。七則感恩終時。守看墳墓。常
11 ↓ 行忌臘。追思報本。𠄎𠄎調咤昆丐沛敬魴禱吧啞𠄎共役濫

1→ 五十四
ngũ thập tứ

2→ 爲丕咤各得勲諾沛祕衎事尼麻敬 祿希主。罽一則尊敬為一
vì vậy dạy các người trong nước phải lấy năm sự này mà kính thờ
vua chúa, là *nhất tắc tôn kính vi nhất*

3→ 國之上。二則受命。雖勞苦不辭。三則服從供給。四則有事相助
quốc chi thượng; nhị tắc thụ mệnh, tuy lao khổ bất từ; tam tắc phục tòng
cung cấp; tứ tắc hữu sự tương trợ;

4→ 五則盡忠恩報。不可萌心僭叛。衣罽衎事術 祿奉等希主時
ngũ tắc tận trung ân báo, bất khả manh tâm tiếm bần. Ấy là năm sự về thờ
phụng đấng vua chúa thì

5→ 濫玉。
làm vậy.

6→ 儒士吏晦浪。勲道固咤 祿吒媯罽体市女庄。
Nho sĩ lại hỏi rằng: Trong đạo có dạy thờ cha mẹ là thể nào nữa
chẳng?

7→ 西士浪。勲道聖固調隣次罽咤昆丐沛討敬吒媯罽調隣頭歇
Tây sĩ rằng: Trong đạo thánh có điều răn thứ bốn dạy con cái phải
thảo kính cha mẹ là điều răn đầu hết

8→ 術類得些時糾几濫昆沛濫黠事尼底麻奉養吒媯。罽一則敬
về loài người ta, thì buộc kẻ làm con phải làm bảy sự này để mà
phụng dưỡng cha mẹ là, *nhất tắc kính*

9→ 畏。二則從命。三則奉養。四則屈忍。五則死後以禮葬之。六則舍
úy; nhị tắc tòng mệnh; tam tắc phụng dưỡng; tứ tắc khuất nhẫn; ngũ tắc tử
hậu dĩ lễ táng chi, lục tắc xả

10→ 施貧人。爲父母靈魂。懇祈於天主。七則感思終時。守看墳墓。常
thí bần nhân, vị phụ mẫu linh hồn, khẩn kỳ ư Thiên Chủ; thất tắc cảm tư
chung thì, thủ khán phần mộ, thường

11→ 行忌臘。追思報本。衣罽黠調咤昆丐沛敬勲悉吧啞訥共役濫
hành kỵ lập, truy tư báo bản. Ấy là bảy điều dạy con cái, phải kính
trong lòng và lời nói, cùng việc làm

1 ↓ 沛晨昏定省。奉養於在堂之時。平欺得匱。戈代吏沛把恩術分
2 ↓ 靈魂。罪朝欽。靈埋沛讀經。吝紇求願。布施朱几貧賤。吧濫各役
3 ↓ 苓恪。固意求懇。朱靈魂得時。賁論事報孝。氏罪法。魴道咤祿三
4 ↓ 父。上父罪天主。中父罪國王。下父罪。吒媿時濫丕。

5 ↓ 儒士浪。調報孝罪。調咄朱哈丕。爲欺。吒媿。時挽。玆。樽。胘。樽。語。
6 ↓ 麻崔。吊。固。簞。祭。禮。之。塊。麻。浪。祿。奉。吊。固。簞。帽。梲。之。塊。朱。啞。喪。制。
7 ↓ 如。退。茹。諾。麻。浪。報。孝。

8 ↓ 西士浪。魴道咤祿三父。雙固差等庄平饒。麻役祭禮。罪格祿奉
9 ↓ 重體一。時固沒等上父。當役重體。氏麻崔。丕昆。丐庄敢。祿。吒媿。
10 ↓ 罪。北。下。父。濫。平。上。父。塊。朱。年。庄。敢。祭。禮。卮。吏。係。欺。行。禮。時。固。噉。

- 1→沛晨昏定省。奉養於在堂之時平欺得些龟戈代吏沛把恩術分
phải thần hôn định tỉnh, phụng dưỡng ư tại đường chi thời, bằng khi người đã qua đời lại phải trả ơn về phần
- 2→靈魂。罽朝歆覲埋沛讀經吝紇求願。布施朱几貧賤吧濫各役
linh hồn, là chiều hôm sớm mai phải đọc kinh lần hạt, cầu nguyện, bố thí cho kẻ bần tiện và làm các việc
- 3→苓恪固意求懇朱靈魂得時買論事報孝。衣罽法勸道咤 祿 三
lành khác có ý cầu khẩn cho linh hồn người, thì mới lộn sự báo hiếu. Ấy là phép trong đạo dạy thờ tam
- 4→父。上父罽天主。中父罽國王。下父罽吒媯時濫不。
phụ; thượng phụ là Thiên Chúa, trung phụ là quốc vương, hạ phụ là cha mẹ, thì làm vậy.
- 5→儒士浪。調報孝罽調咤朱哈丕。爲欺吒媯斃時挑埒樽脰撐語
Nho sĩ rằng: Điều báo hiếu là điều nói cho hay vậy, vì khi cha mẹ chết, thì đem đi chôn sắp chôn ngừa
- 6→麻崔。市固覓祭禮之兜麻浪 祿 奉。市固覓帽梃之兜麻朱罽喪制
mà thôi; nào có thấy tế lễ gì đâu mà rằng thờ phụng? Nào có thấy mũ gậy gì đâu cho ra tang chế
- 7→如退茹諾麻浪。報孝。
như thói nhà nước, mà rằng: báo hiếu.
- 8→西士浪。勸道咤 祿 三父雙固差等庄平饒。麻役祭禮罽格 祿 奉
Tây sĩ rằng: Trong đạo dạy thờ tam phụ, song có sai đẳng chẳng bằng nhau: mà việc tế lễ là cách thờ phụng
- 9→重體一。時固沒等上父當役重體衣麻崔。丕昆丐庄敢褻吒媯
trọng thể nhất, thì có một Đấng thượng phụ đáng việc trọng thể ấy mà thôi. Vậy con cái chẳng dám lấy cha mẹ
- 10→罽北下父濫平上父兜。朱年庄敢祭禮。魁吏係欺行禮時固𪔐
là bậc hạ phụ làm bằng thượng phụ đâu, cho nên chẳng dám tế lễ. Và lại hễ khi hành lễ thì có mời
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

五十五
ngũ thập ngũ

五十六

1 ↓ 斯文本會。生徒鄉貢。官員職色。韜帽。囊鞬。旦濫禮。固進饌。焚香。
2 ↓ 讀祝。酌酒。點茶。胥仍役重體。兼氏固稱當。朱吒媿。咄。箕啞。翁孔。
3 ↓ 子咤浪。事死如事生。孝之至也。時苜欺吒媿。群羶固祭禮。体氏。
4 ↓ 包除咄。苜吒媿。欺群羶。固敢塗。連床。朱仍生徒鄉貢。押餽盤。豷。
5 ↓ 遘跪。龜朱命。唆旺包除咄。實胥庄敢。兜。裊昆。丐群濫。体氏時牢。
6 ↓ 朱合。苜事死如事生。翁成貞責浪。天下事死不如事生。生而不。
7 ↓ 事。死事之。其謬已甚。

8 ↓ 群事。襖帽。龜家禮。胥禮。翁朱文公立。囉。爲欺得濫役。孝事朱媿。
9 ↓ 得。時得隊帽。氏默。襖氏。雖胥襖。亥帽。極。幃。極。變形樣。體式。拱。胥。
10 ↓ 飾品。几。士。胥官進士。代始。宋買固頭巾。帶脚濫。丕。苜几。庶民下。
11 ↓

1→ 五十六
ngũ thập lục

2→ 斯文本會。生徒鄉貢。官員職色。鞞帽雍韞。旦濫禮固進饌。焚香
tư văn bản hội, sinh đồ hương cống, quan viên chức sắc, xiêm mũ, ủng
miệt, đến làm lễ có tiến soạn, phần hương,

3→ 讀祝。酌酒。點茶罷仍役重體兼衣固稱當朱吒娑咄。箕啞翁孔
đọc chúc, chúc tửu, điểm trà là những việc trọng thể dường ấy, có
xứng đáng cho cha mẹ ru? Kìa lời ông Không

4→ 子咤浪。事死如事生。孝之至也。時市欺吒娑群羣固祭禮体衣
tử dạp rãng: Sự tử như sự sinh hiếu chí chí dã, thời nào khi cha mẹ còn
sống, có tế lễ thể ấy

5→ 包除除咄。市吒娑欺群羣固敢埴蓮床朱仍生徒鄉貢擲俱盤埴
bao giờ ru? Nào cha mẹ khi còn sống có dám ngồi trên mà cho những
sinh đồ, hương cống bùng cổ bàn dâng

6→ 蓮跪齏朱命啞咄包除咄。實罷庄敢兜。裊昆丐群濫体衣時牢
lên quỳ xuống cho mình ăn uống bao giờ ru? Thật là chẳng dám đâu.
Nếu con cái còn làm thể ấy thì sao

7→ 朱合𡵓事死如事生。翁成貞責浪。天下事死不如事生。生而不
cho hợp chữ sự tử như sự sinh. Ông Thành Trinh trách rằng: Thiên hạ
sự tử bất như sự sinh, sinh nhi bất

8→ 事。死事之。其謬已甚。
sự, tử sự chi, kỳ mậu dĩ thậm.

9→ 群事襖帽𡵓家禮。罷禮翁朱文公立𡵓。爲欺得濫役孝事朱娑
Còn sự áo mũ trong Gia Lễ, là lễ ông Châu Văn Công lập ra, vì khi
người làm việc hiếu sự cho mẹ

10→ 得。時得隊帽衣默襖衣。雖罷襖菱帽桎𡵓𡵓。雙形樣體式拱𡵓
người, thì người đội mũ ấy, mặc áo ấy, tuy là áo gai mũ chuối, dải
chuối, song hình dạng thể thức cũng là

11→ 術品几士𡵓官進士。代始宋買固頭巾帶脚濫𡵓。市几庶民下
về phẩm kẻ sĩ, là quan tiến sĩ, đời Thủy Tống mới có đầu cân đai cước
làm vậy; nào kẻ thứ dân hạ

1 ↓ 賤職品之牢特扒斫得牢特用巾帶如得勢時庄呷偕禮咄。朱
2 ↓ 年翁溫公浪。禮則法也。禮則名分也。麻翁孔子拱責三家衍事
3 ↓ 偕禮女。

4 ↓ 儒士浪。奄丕庄祭禮時渚。因牢欺濫饌盤来糲腿據唆麻庄兌
5 ↓ 汝旦吒媿庄。噠供得唆旺貝煒。勢時罨孝咄。

6 ↓ 四士浪。原事唆旺貼陽世時只固沒壳唆朱特跬特跬。罨貼口
7 ↓ 腹之奉。雙欺奄。跬時崔。爲五官奄。虛涅五臟奄。腐爛群唆帝之
8 ↓ 特女麻噠。朱年排小注。噠經詩朱氏曰。若父母之既沒。容貌之
9 ↓ 不可以復見。音響之不可以復聞。雖有甘旨輕煖無所奉之也。
10 ↓ 平靈魂罨性。声灵恒跬買庄哈痢庄哈涅。共庄兮固唆旺貼噠。

11 ↓

- 1→賤職品之。牢特扒斫得。牢特用巾帶如得。勢時庄瞢僭禮咄。朱
tiên chức phẩm gì, sao được bắt chức người, sao được dùng khăn dải
 như người; thế thì chẳng ra tiếm lễ ru? Cho
- 2→年翁溫公浪。禮則法也。禮則名分也。麻翁孔子拱責三家術事
 nên ông Ôn Công rằng: *Lễ tắc pháp dã, lễ tắc danh phận dã.* Mà ông
 Khổng Tử cũng trách Tam Gia về sự
- 3→僭禮女。
 tiếm lễ nữa.
- 4→儒士述。龟丕庄祭禮時渚。因牢欺濫餽盤來。嗽吹據啞。麻庄允
 Nho sĩ rằng: Đã vậy chẳng tế lễ thì chó, nhân sao khi làm cỗ bàn rồi,
 xui xúi cứ ăn, mà chẳng đoái
- 5→汝旦吒媿。庄啞供得啞吐貝肄。勢時罨孝咄。
 nhớ đến cha mẹ, chẳng mời cúng người ăn uống với sớt, thế thì là
 hiếu ru?
- 6→西士浪。原事啞吐貼陽世時只固沒壳啞朱特跬特舛。罨貼口
 Tây sĩ rằng: Nguyên sự ăn uống của dương thế thì chỉ có một xác ăn
 cho được khỏe, được sống là của *khẩu*
- 7→腹之奉。雙欺龟斃時崔爲五官龟虛涅。五臟龟腐爛群啞帝之
phúc chi phụng. Song khi đã chết thì thôi, vì ngũ quan đã hư nát, ngũ
 tạng đã hủ lạn, còn ăn đi gì
- 8→特女麻啞。朱年排小注齣經詩朱氏曰。若父母之旣沒。容貌之
 được nữa mà mời? Cho nên bài Tiểu Chú trong *Kinh Thi, Châu thị viết:*
Nhược phụ mẫu chi ký một, dung mạo chi
- 9→不可以復見。音響之不可以復聞。雖有甘旨輕煖無所奉之也。
bất khả dĩ phục kiến, âm hưởng chi bất khả dĩ phục văn, tuy hữu cam chỉ
khinh noãn, vô sở phụng chi dã.
- 10→平靈魂罨性声灵恒舛買庄哈痢庄哈涅。共庄兮固啞吐貼帶
 Bằng linh hồn là tính thiêng liêng hằng sống mãi, chẳng hay mòn,
 chẳng hay nát, cùng chẳng hề có ăn uống của dưới
- 11→會同四教名師
 HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

五十七
 ngũ thập thất

1 ↓ 世間尼烽。魁吏靈魂重欣亮。閼萬分。裊吏祕貼九塵壳。唵麻噠
 2 ↓ 靈魂唵。祝氏庄仍罍庄濫益之。朱得箇分。靈魂麻吏扶瑟得呬
 3 ↓ 如撩的。嚟得丕。拱如吒。媿群當時跬孟麻昆。丐挽餅嚟旦。哈罍
 4 ↓ 欺缶。絛孥缺齒麻吏挽。𦵏樣餉楷枯且。噴吒媿唵享朱妥。事昆
 5 ↓ 丐固瑟誠敬得。祝氏瑟吒媿体帛。欺跬孟麻。覓餅嚟共欺缶。絛
 6 ↓ 麻。覓𦵏樣餉楷枯固。祕濫適志慍。𦵏瑟庄固。祕事氏濫孝庄。氏
 7 ↓ 罍拱沒劫。欺壳群跬時拱罍。仍貼得缶。用欺畧。麻閉除群。祕濫
 8 ↓ 慍。方之曷缶。術劫恪。麻吏祕貼壳。憤唵初麻。噠魂声唵享濫牢
 9 ↓ 朱當。
 10 ↓

11 ↓ 儒士浪。渚時聖孔子。咤事亡如事存。孝之至也。氏罍濫牢。庄沛

1 → 五十八
ngũ thập bát

2→世間尼埵。魁吏靈魂重欣壳閤萬分。裊吏裊貼九塵壳唵麻𪔐
thế gian này sớt. Vả lại linh hồn trọng hơn xác muôn vạn phần, nếu
lại lấy của phàm trần xác ăn mà mời

3→靈魂安。祝衣庄仍罌庄濫益之朱得術分靈魂。麻吏秩悉得
linh hồn ăn, chốc ấy chẳng những là chẳng làm ích gì cho người về
phần linh hồn, mà lại mất lòng người ra

4→如撩𦉳嚙得不。拱如吒媯群當時跬孟麻昆丐挑𧰨餽旦哈罍
như trâu ngươi, nhạo người vậy. Cũng như cha mẹ còn đang thời
khỏe mạnh mà con cái đem cơm mềm đến, hay là

5→欺屯糲孥缺齒麻吏執肱槎飴糒枯旦嗔吒嫪啉享朱妥事昆
khi đã già nua khuyết xỉ mà lại đem tẩm mía, bánh dày khô đến xin
cha mẹ ăn hưởng cho thỏa sự con

6→ 丐固悉誠敬得。祝衣悉吒媿体市。欺跬孟麻覓飢餒共欺龟隳
cái có lòng thành kính người, chốc ấy lòng cha mẹ thế nào? Khi khỏe
mạnh mà thấy cơm mềm cùng khi đã già

7→麻甕朥槎餵糶枯固祗濫適志慍悉庄。固祗事衣濫孝庄。衣
mà thấy tẩm mía, bánh dày khô có lấy làm thích chí vui trong lòng
chẳng? Có lấy sự ấy làm hiếu chẳng? Ấy

8→罌拱沒劫。欺壳群鞋時拱罌仍貼得龟用欺畧。麻閉睺群祕濫
là cũng một kiếp, khi xác còn sống thì cũng là những của người đã
dùng khi trước, mà bây giờ còn lấy làm

9→愔。方之謁龜術劫恪。麻吏祗貼壳憊晏初。麻𪔐魂声晏享濫牢
buồn, phương chi rày đã về kiếp khác, mà lại lấy của xác hèn ăn xưa,
mà mời hồn thiêng ăn hưởng làm sao

10→朱當。
cho đàng?

11→ 儒士浪。渚時聖孔子咍。事亡如事存。孝之至也。衣罽濫牢。庄沛
 Nho sĩ rãng: Chớ thì thánh Khổng Tử dạy: Sự vong như sự tồn, hiếu chí
 chí dã, ấy là làm sao? Chẳng phải

1 ↓ 𢆶吒媿群毚𢆶𢆶用貼之時欺得謝世段吏沛祕貼氏麻奉養

3 ↓ 西士浪。否平翁據調氏麻認浪。沛餒吒媿欺薺棋平欺薺。祝氏
 4 ↓ 沛奉養餽諾沒得罪匹餽。西女沒得仁餽時買沛。因牢欺買薺
 5 ↓ 固設腆。罪挽餽餽最餽創未時隔廣趁罷得沒客挽。匹逝得沒
 6 ↓ 客。齟逝得沒客。沒羈得沒客。微歇沒辭固沒客。對忌買齟沒餽。
 7 ↓ 群仍得恪時吒媿祕兜麻唉朱薺。翁缶別實沛餒吒媿庄年底
 8 ↓ 得齟渴勿把麻固罪時牢沒辭沒客買汝旦得沒餽。未時吏送
 9 ↓ 得茲。体氏固合寔事亡如事存咄。據兜冉苗咄悶朱得唉時朱。
 10 ↓ 悶補時補。体氏固噲罪孝之至也咄。冉濫丕固年據咄。氏翁祐

- ## 11→會同四教名師

五十九

133

1 ↓ 𠂇邊沒邊時信實靈魂翁妃旺媿𠂇𠂇切恪時崔庄群呂吏𠂇
 2 ↓ 用貼陽世女。朱年昆招庄挽供庄𠂇𠂇女。麻邊箕信浪。靈魂群
 3 ↓ 𠂇𠂇群𠂇旺貼餒壳如課平生吧吏固法哪護昆招信濫丕麻
 4 ↓ 吏補庄朱𠂇旺哈𠂇沒𠂇買朱𠂇沒𠂇未吏送得𠂇勢時邊𠂇
 5 ↓ 實邊𠂇虛。箕𠂇禹浪。生寄也。死歸也。𠂇濫牢。乙𠂇欺𠂇時𠂇
 6 ↓ 𠂇主未。麻𠂇平几𠂇𠂇特𠂇主實天堂朝直天主𠂇福𠂇尾無
 7 ↓ 窮未。理𠂇群𠂇𠂇補天堂麻吏尋𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇
 8 ↓ 買特𠂇買特匪志𠂇。理𠂇敢補役慄重朝直天主底准慄清閒
 9 ↓ 兼氏麻呂𠂇准塵埃苦海朱特𠂇昆招時𠂇濫重欣𠂇若平几
 10 ↓ 與𠂇𠂇𠂇𠂇𠂇獄永苦油悶約𠂇𠂇𠂇朱特𠂇𠂇帝法𠂇麻命
 11 ↓

1 → 六十
lục thập

2→ 𠃵邊沒邊時信貫靈魂翁妣吒媿龟術刼恪時崔庄群呂吏𠂔
hai bên: một bên thì tin thật linh hồn ông bà cha mẹ đã về kiếp khác
thì thôi, chẳng còn trở lại ăn

3→用貼陽世女。朱年昆詔庄耽供。庄跔懇女。麻邊箕信浪。靈魂群
dùng của dương thế nữa, cho nên con cháu chẳng đơm cúng, chẳng
mời khấn nữa. Mà bên kia tin rằng linh hồn còn

4→ 移術群啞旺貼餒壳如課革生吧吏固法哪護昆招信濫不麻
đi về, còn ăn uống của nuôi xác như thỏ bình sinh và lại có phép
vâng hờ con cháu, tin làm vậy mà

5→吏補庄朱唆吐哈罌沒辭買朱唆沒飴耒吏送得矜体 時邊市
lại bỏ chẳng cho ăn uống, hay là một năm mới cho ăn một bữa, rồi lại
tổng người đi; thế thì bên nào

6→實邊市虛。箕喙希禹浪。生寄也。死歸也。罌濫牢。乙罌欺翫時奄
thật, bên nào hư? Kia lời vua Vũ rằng: *Sinh ký dã, tử quy dã*, là làm
sao? Ất là khi chết thì đã

7→術圭耒。麻沍平几苓龟特術圭實天堂朝直天主。貂福慍尾無
về quê rồi. Mà ví bằng kẻ lành đã được về quê thật thiên đàng, châu
chực Thiên Chúa, chịu phúc vui về vô

8→窮耄。理市群沛饑渴補天堂麻吏尋術茹啞享沒餽貝昆招時
cùng ròi, lĩ nào còn phải đói khát, bỏ Thiên đàng mà lại tìm về nhà
ăn hưởng một bữa với con cháu thì

9→買特餽買特匪志咄。理市敢補役慄重朝直天主底准慄清閒
mới được no, mới được phỉ chí ru? Lẽ nào dám bỏ việc rất trọng châu
chức Thiên Chúa, để chốn rất thanh nhàn

10→ 兼衣麻呂術准塵埃苦海朱特嚟昆詔時祕濫重欣咄。若平凡
 duòng ấy mà trở về chốn trần ai khổ hải, cho được thăm con cháu, thì
 lấy làm trọng hơn ru? Nhược bằng kẻ

11→與龜沛檻拵圜獄永苦油悶約泐歇飭朱特晷塊帝法市麻命
dữ đã phải giam cầm nơi ngục vĩnh khổ, dầu muốn ước ao hết sức
cho được ra khỏi đấy, phép nào mà mình

1 ↓ 吏附特咄。朱年啞需禹咄浪。死歸也。時屯實。群事固法哪護昆
 2 ↓ 招罪体苗。此祐固慙吒媿欺群在堂。時昆招調特盛事。得時霸
 3 ↓ 固田連阡陌。得時陞職年進士郡公。特文班武班。特坐朝盤役
 4 ↓ 鮑朝。共呷鎮處。且欺吒媿屈崗未固慙昆。可連呷困雖餓渴失
 5 ↓ 業。儿時秩職權秩歇營墓鎮處。否平吒媿固声固法則。牢庄哪
 6 ↓ 護昆招特富貴盛事。畧罪朱特旺臘供給祀事。命朱重体庄哈
 7 ↓ 欣咄。微罪底揚名於後世。庄葵糲命欣女咄。牢底朱奴呷庫巾
 8 ↓ 憤下得世輕易。吱琪庄虎且吒媿咄。氏罪實欺吒媿奄葬庄固
 9 ↓ 法哪護特欣欺群黠兜。更如欺群得平日油篋。昆招或沛疔腓
 10 ↓ 疔粗哈罪炜冽時拱庄固法枯病朱奴塊特。吏固欺篋奴翕悔

11 ↓

- 1→吏術特咄。朱年啞希禹啞浪。死婦也時龟實。群事固法哪護昆
lại về được ru? Cho nên lời Vua Vũ nói rằng: Tử quy dã, thì đã thật.
Còn sự có phép vâng hộ con
- 2→招罽体市。此祐固尅吒媛欺群在堂時昆招調特盛事。得時翯
cháu là thế nào. Thử xem có nhiều cha mẹ khi còn tại đường thì con
cháu đều được thịnh sự. Người thì giàu
- 3→固田連阡陌。得時陞職年進士郡公。特文班武班。特坐朝盤役
có, *điền liên thiên mạch*, người thì thăng chức nên tiến sĩ, quận công,
được văn ban võ ban, được tọa triều bàn việc
- 4→勑朝。共罽鎮處。旦欺吒媛屈岗耒固尅昆巧連罽困難澍渴失
trong triều, cùng ra trấn xứ; đến khi cha mẹ khuất núi rồi có nhiều
con cái liền ra khốn nạn đói khát thất
- 5→業。几時秩職權秩歇營基鎮處。沓平吒媛固声固法則牢庄哪
nghịệp; kẻ thì mất chức quyền, mất hết *dinh cơ trấn xứ*; ví bằng cha
mẹ có thiêng, có phép tắc sao chẳng vâng
- 6→護昆招特富貴盛事。罽罽朱特咄臘供給祀事命朱重体庄哈
hộ con cháu được *phú quý thịnh sự*, trước là cho được giỗ chạp cung
cấp, tự sự mình cho trọng thể chẳng hay
- 7→欣咱。罽罽底揚名於後世庄安栖命欣女咱。牢底朱奴罽庫巾
hơn ru? Sau là để dương danh ở hậu thế, chẳng nỡ mặt mình hơn nữa
ru? Sao để cho nó ra khó khăn
- 8→懣下得世輕易吱唎庄虎旦吒媛咄。衣罽實欺吒媛龟薨庄固
hèn hạ, người thế khinh dễ chê cười chẳng hổ đến cha mẹ ru? Ấy là
thật khi cha mẹ đã chết chẳng có
- 9→法哪護特欣欺群耑兜。吏如欺群得平日油甃昆招或沛痲膝
phép vâng hộ được hơn khi còn sống đâu. Lại như khi còn người,
bình nhật dù thấy con cháu hoặc phải đau bụng,
- 10→痲相哈罽罽沸時拱庄固法拈病朱奴塊特。吏固欺甃奴翁悔
đau mắt, hay là sốt rét, thì cũng chẳng có phép cất bệnh cho nó khỏi
được. Lại có khi thấy nó hấp hối

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

六十一
lục thập nhất

六十二

1 ↓ 輒連栖命默禱拱庄固法抄吏朱奴塊禱特。況之悲除也隔別
3 ↓ 也。附切恪哪護。濫牢特。

4 ↓ 儒士吏浪。因牢庄禪。哈罪得也。禱氏庄沛罪吒。媯命女咄。

5 ↓ 西士浪。固沛實。雙爲理尼罪。納人身得些固。仁分。分重一罪靈
6 ↓ 魂。爲萬物之最靈。分劍憤罪壳。煇。生土反土。丕欺吒。媯群在堂

7 ↓ 昆。丐悶禪。訴罪。恭恭敬天。勉共惻得時年。拱罪役沛理。雙欺吒

8 ↓ 媯也。謝世靈魂罪。分極重也。罪塊壳段。時拱如欺德。希也。御塊

9 ↓ 毆。未。油壳當。輒連床時壳欺氏。拱如丐禪。糾龍。袞德。希默。雙也

10 ↓ 掀。罪底帝。丕初。吟固官。苜欺德。希也。御罪。方外麻群。只朝直禪

11 ↓ 丐禪。空底帝。麻禪。濫沛理庄。哈罪如欺吒。媯當。戕昨。癢。雖罪。昆

1→ 六十二
lục thập nhị

2→ 舐蓮舐命默悉拱庄固法矜吏朱奴塊莖特。况之悲睎龟隔別
nằm trên tay mình mặc lòng, cũng phải có phép cầm lại cho nó khỏi
chết được; huống chi bây giờ đã cách biệt,

3→ 龟術刼恪哪護濫牢特。
đã về kiếp khác vâng hộ làm sao được?

4→ 儒士吏浪。因牢庄禡哈罽得龟莖衣庄沛罽吒媯命女咄。
Nho sĩ lại rằng: Nhân sao chẳng lạy, hay là người đã chết ấy chẳng
phải là cha mẹ mình nữa ru?

5→ 西士浪。固沛實。雙爲理尼罽魍人身得些固仞分。分重一罽靈
Tây sĩ rằng: Có phải thật; song vì lẽ này là trong nhân thân người ta
có hai phần: phần trọng nhất là *linh*

6→ 魂。爲萬物之最靈。分劔憚罽壳蝼。生土反土。丕欺吒媯群在堂
hồn, vì vạn vật chi tối linh, phần kém hèn là xác thịt: sinh thổ phản thổ.
Vậy khi cha mẹ còn tại đường,

7→ 昆丐悶禡訴罽悉恭敬天勉共惻得時年。拱罽役沛理。雙欺吒
con cái muốn lạy tỏ ra lòng cung kính, yêu mến cùng mừng người, thì
nên, cũng là việc phải lẽ; song khi cha

8→ 媯龟謝世靈魂罽分極重龟罽塊壳段。時拱如欺德希龟御塊
mẹ đã tạ thế, linh hồn là phần cực trọng đã ra khỏi xác đoạn, thì cũng
như khi Đức Vua đã ngự khỏi

9→ 殿耒。油壳當舐蓮床時壳欺衣拱如丐襖糾龍袞德希默。雙龟
đền rồi, dù xác đang nằm trên giường, thì xác khi ấy cũng như cái áo
vóc long cổn Đức Vua mặc, song đã

10→ 掇罽底帝。丕初盼固官市欺德希龟御罽方外麻群朝直禡
cởi ra để đấy. Vậy xưa nay có quan nào khi Đức Vua đã ngự ra
phương ngoài mà còn châu chực lạy

11→ 丐襖空底帝麻袞濫沛理庄。哈罽如欺吒媯當戢昨癢。雖罽昆
cái áo không để đấy mà lấy làm phải lẽ chẳng? Hay là như khi cha mẹ
đang giấc ngủ mê, tuy là con

1 ↓ 丐固敬漚共𪔐得𪔐旺默瑟。時得拱庄哈之燁。雙自初旦𪔐
2 ↓ 固窳埃漚吒媯當欺得𪔐癢麻祕漚孝敬𪔐。𪔐固窳埃𪔐𪔐
3 ↓ 當干得𪔐不省人事。麻計𪔐𪔐朱吒媯𪔐𪔐。箕希宋徽宗欺
4 ↓ 敗陣北行麻高宗𪔐昆議浪。希徽宗𪔐𪔐些麻庄窳𪔐𪔐漚
5 ↓ 朱安瑟儿漚昆特。連漚禮遙拜於坦越州。吏漚禮氏於坦紹興
6 ↓ 女。雙議者𪔐黃發齋𪔐浪。希高宗油固漚欺氏時拱庄窳天下
7 ↓ 𪔐浪。固孝麻庄漚欺氏時拱庄窳天下𪔐浪。庄固孝。𪔐固別
8 ↓ 事孝實時庄漚事虛文漚之。爲希徽宗當沛𪔐於埃北。𪔐固
9 ↓ 窳朱昆漚体氏漚事孝𪔐。沒窳朱昆𪔐料格𪔐底挽特𪔐𪔐塊
10 ↓ 准氏麻渚。朱年時臣𪔐的胡寅勸高宗務實效。去虛文。時𪔐事

11 ↓

- 1→丐固敬禪共啞得啞旺默悉。時得拱庄哈之燁。雙自初旦盼勝
cái có kính lạy cùng mời người ăn uống mặc lòng, thì người cũng
chẳng hay gì sốt. Song từ xưa đến nay, nào
- 2→固覓埃禪吒娑當欺得昨癢麻祕濫孝敬啲。市固覓埃啞啞旺
có thấy ai lạy cha mẹ đang khi người ngủ mệt mà lấy làm hiếu kính
ru. Nào có thấy ai mời ăn uống
- 3→當欺得昨不省人事。麻計罽奄朱吒娑啞旺啲。箕希宋徽宗欺
đang khi người ngủ *bất tỉnh nhân sự*, mà kể là đã cho cha mẹ ăn uống
ru? Kia vua Tống Huy Tông, khi
- 4→敗陣北行麻高宗罽昆議浪。希徽宗罽吒些麻庄覓栖吒濫牢
bại trận bắc hành mà Cao Tông là con, nghĩ rằng: Vua Huy Tông là
cha ta, mà chẳng thấy mặt cha làm sao
- 5→朱安悉几濫昆特。連濫禮遙拜於坦越州。吏濫禮衣於坦紹興
cho yên lòng kẻ làm con được, liền làm lễ giao bài ở đất Việt Châu, lại
làm lễ ở đất Thiệu Hưng
- 6→女。雙議者罽黃發齋吱浪。希高宗油固禪欺衣時拱庄覓天下
nữ; song nghĩ giả là Hoàng Phát Trai chê rằng: Vua Cao Tông dù có
lạy khi ấy thì cũng chẳng thấy thiên hạ
- 7→嗜浪。固孝麻庄禪欺衣時拱庄覓天下吱浪。庄固孝。梟希固別
khen rằng có hiếu, mà chẳng lạy khi ấy thì cũng chẳng thấy thiên hạ
chê rằng chẳng có hiếu. Nếu vua có biết
- 8→事孝實時庄濫事虛文濫之。爲希徽宗當沛檻於埃北。市固
sự hiếu thật, thì chẳng làm sự hư văn làm chi, vì vua Huy Tông đang
phải giam cầm ở cũi bắc, nào có
- 9→箠朱昆禪体衣濫事孝啲。沒箠朱昆妒料格市底抗特吒術塊
trông cho con lạy thể ấy làm sự hiếu ru? Một trông cho con lo liệu
cách nào để đem được cha về khỏi
- 10→准衣麻渚。朱年時臣罽昉胡寅勸希高宗務實效去虛文。時噲事
chốn ấy mà chó. Cho nên thời thần là người Hồ Dần khuyên vua Cao
Tông: *Vụ thật hiệu khứ hư văn* thì gọi sự

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

六十三
lục thập tam

六十四

1 ↓
2 ↓ 禮遙拜濫丕。罪孝之虛文。罷帝。勸道欺。吒媿。戈代。段昆。丐據役。
3 ↓ 讀經求願。共濫各役。恪底執靈。魂得麻庄。固濫事虛文。罪。漚俸。
4 ↓ 漚。鑿漚廣空。濫丕。爲庄特益之。朱吒媿。

5 ↓ 賻次。吧。解句三曰。人之究竟死往何所。

6 ↓ 儒士解浪。貸。勸典。吶氣聚生。氣散亡。與禽獸無異。吏。啞翁。溫公。
7 ↓ 浪。人死則形體消滅。與木石等。其神飄如風火。吏。坵。恪浪。人死。
8 ↓ 骨肉歸于土。血歸于水。魂氣歸于天。

9 ↓ 西士浪。裊據調氏。沒罪。姦段時。每事散。茲。杖庄。群罪庄。群福庄。
10 ↓ 固賞庄。固罰。姦段得些拱如。獐。鵠核。檣丕。祝氏。儿。欺。畧。匱加功。
11 ↓ 率性修道。閑除固理。麻焚難爲。匱。杖功庄。特益之。麻。儿。忤逆。攔。

1→ 六十四
lục thập tứ

2→ 禮遙拜濫丕罨孝之虛文。罷帝勑道欺吒媯戈代段昆丐據役
lễ giao bái làm vậy là *hiếu chi hư văn*. Bởi đây trong đạo, khi cha mẹ
qua đời đoạn, con cái cứ việc

3→ 讀經求願共濫各役恪底執靈魂得麻庄固濫事虛文罨禪俸
đọc kinh cầu nguyện cùng làm các việc khác, để giúp linh hồn người
mà chẳng có làm sự hư văn là lạy bóng

4→ 禪疊禪論禪廣空濫丕。爲庄特益之朱吒媯。
lạy gió, lạy quăng không làm vậy, vì chẳng được ích gì cho cha mẹ.

5→ 暎次巴。解勾三曰人之究竟死往何所。
NGÀY THỨ BA. Giải câu *Tam viết nhân chi cứu cánh tử vãng hà sở?*

6→ 儒士解浪。覓勑冉啞。氣聚生。氣散亡。與禽獸無異。吏啞翁溫公
Nho sĩ giải rằng: Thấy trong sách nói: *khí tụ sinh, khí tán vong, dữ cầm thú vô dị*. Lại lời ông Ôn công

7→ 浪。人死則形體消滅。與木石等。其神飄如風火。吏尼恪浪。人死
rằng: *Nhân tử tắc hình thể tiêu diệt, dữ mộc thạch đẳng, kỳ thần phiêu như phong hỏa*. Lại nơi khác rằng: *Nhân tử*

8→ 骨肉歸于土。血歸于水。魂氣歸于天。
cốt nhục quy vu thổ, huyết quy vu thủy, hồn khí quy vu thiên.

9→ 西士浪。裊據調衣。沒罨斃段時每事散埒秩庄群罪。庄群福。庄
Tây sĩ rằng: Nếu cứ điều ấy, một là chết đoạn thì mọi sự tan đi mất;
chẳng còn tội, chẳng còn phúc, chẳng

10→ 固賞。庄固罰。斃段得些拱如蒙鵠核檜丕。祝衣几欺畧衣加功
có thưởng, chẳng có phạt. Chết đoạn người ta cũng như muông chim,
cây cối vậy; chốc ấy kẻ khi trước đã *gia công*

11→ 率性修道。閉除固理麻焚難爲龟秩功庄特益之麻几忤逆。放
suất tính tu đạo, bấy giờ có lẽ mà phàn nàn vì đã mất công chẳng được
ích gì; mà kẻ ngộ nghịch, phóng

1 ↓ 從蹠性迷沈。欺氏時惘。爲薤末時崔。如軍回無令。庄群法則。芻
2 ↓ 空事賞罰。時塊怙咄。亡罪薤段。骨肉歸于土。魂氣歸于天。勢時
3 ↓ 埃埃。魂芻拱特歸于天奇。儿修仁積德。論代魂氣拱歸于天。麻
4 ↓ 几濫僞濫賊邪淫盜。劫折得魂拱歸于天。拱平饒咄。如道儒士
5 ↓ 呐濫丕時他乎天下縱橫。埃悶濫体芻時默埃咄。油荅油與時
6 ↓ 拱庄泥薤段拱庄恐。爲魂歸于天。麻怙濫之。呐体氏固沛理麻
7 ↓ 暄特庄。

8 ↓ 次亡。柴法師解句氏麻浪。邊道衆碎吡代。機不生不死。白日飛
9 ↓ 升騰空而去。爲匱固排僊藥。長生全其千年不死。

10 ↓ 西士浪。最丕因牢各等。上古帝王匱升遐歇。氏仍等帝王少之。

11 ↓

- 1→從蹻性迷沈欺衣時惘爲蕘耒時崔。如軍回無令庄群法則市
túng theo tính mê đắm, khi ấy thì mừng, vì chết rồi thì thôi. Như quân
hồi vô lệnh chẳng còn phép tắc nào,
- 2→空事賞罰時塊怙咄。仁罍蕘段骨肉歸于土。魂氣歸于天。勢時
không sự thưởng phạt, thì khỏi lo ru? Hai là chết đoạn, cốt nhục quy
vụ thổ, hồn khí quy vụ thiên thế thì
- 3→埃埃魂市拱特歸于天哿。几修仁積德論代魂氣拱歸于天。麻
ai ai hồn nào cũng được quy vụ thiên cả; kẻ tu nhân tích đức lộn đời
hồn khí cũng quy vụ thiên, mà
- 4→几濫偽濫賊邪淫盜劫折得魂拱歸于天拱平饒咄。如道需士
kẻ làm ngụy làm giặc, tà dâm trộm cướp giết người, hồn cũng quy vụ
thiên, cũng bằng nhau ru? Như đạo Nhu sĩ
- 5→唵濫丕時他乎天下縱橫埃悶濫体市時默埃咄。油苓油與時
nói làm vậy, thì tha hồ thiên hạ tung hoành, ai muốn làm thế nào thì
mặc ai ru? Dù lành dù dữ thì
- 6→拱庄泥。蕘段拱庄恐。爲魂歸于天麻怙濫之。唵体衣固沛理麻
cũng chẳng nề, chết đoạn cũng chẳng khùng, vì hồn quy vụ thiên mà
lo làm gì. Nói thế ấy có phải lẽ mà
- 7→聵特庄。
nghe được chăng?
- 8→次仁。柴法師解句衣麻浪。邊道衆碎吡代儼不生不死。白日飛
Thứ hai: Thầy Pháp sư giải câu ấy mà rằng: Bên đạo chúng tôi dạy
đời sau bất sanh bất tử, bạch nhật phi
- 9→升騰空而去。爲龟固排僊藥。長生全其千年不死。
thăng, đằng không nhi khứ, vì đã có bài tiên được trường sinh toàn kỳ
thiên niên bất tử.
- 10→西士浪。梟丕。因牢各等上古帝王龟升遐歇。衣仍等帝王少之
Tây sĩ rằng: Nếu vậy, nhân sao các đấng thượng cổ đế vương đã
thăng hà hết? Ấy những đấng đế vương thiếu gì
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

六十五
lục thập ngũ

1 ↓
 2 ↓ 事坤頑麻牢庄尋特排策氏。少之鑽鉞麻牢庄謨特味策氏。吏
 3 ↓ 如仍得也。噯各柴助拱也。蕤歇庄群率沒得。苗輝時濫牢。苗調
 4 ↓ 長生不死於堯。
 5 ↓ 柴法師浪。或得些庄固修德修僊朱特。黠。或欺瘡疔庄尋特
 6 ↓ 柴哈高。輶麻助。或也旦期天命時。崔。爲衆碎助病庄固助命堯。
 7 ↓ 西士浪。氏翁太上老君。翁張良。張儀。張寶。張伶。張魯。張角。吧各
 8 ↓ 師也。傳道太平符呪。調也。蕤歇。渚時各翁。氏庄固修德修僊朱
 9 ↓ 特。黠。歟。咄。哈。罪庄及柴。苗。哈。高。輶麻助。咄。氏各柴仍祿奉玉皇
 10 ↓ 罪。希奇連。歪。牢庄懇祈。噴玉皇對天命朱特。黠。買。牢庄用排僊
 11 ↓ 藥長生全其千年。渚時排策氏底助。仍埃麻庄助命朱。黠。濫牢。

1→ 六十六
lục thập lục

2→ 事坤頑麻牢庄尋特排萊衣。少之鑽鉞麻牢庄謨特味萊衣。吏
sự khôn ngoan, mà sao chẳng tìm được bài thuốc ấy. Thiếu chi vàng
bạc, mà sao chẳng mua được vị thuốc ấy? Lại

3→ 如仍得龟啞各柴助拱龟斃歇庄群率沒得市肆時濫牢。市調
như những người đã mời các thầy chữa cũng đã chết hết chẳng còn
sốt một người nào sốt thì làm sao? Nào điều

4→ 長生不死於兜。
trường sinh bất tử ở đâu?

5→ 柴法師浪。或得些庄固修德修僊朱特甦數。或欺瘡疔庄尋特
Thầy Pháp sư rằng: Hoặc người ta chẳng có tu đức tu tiên cho được
sống lâu, hoặc khi ốm đau chẳng tìm được

6→ 柴哈高栖麻助。或龟旦期天命時崔。爲衆碎助病庄固助命兜。
thầy hay cao tay mà chữa, hoặc đã đến kỳ thiên mệnh thì thôi. Vì
chúng tôi chữa bệnh chẳng có chữa mệnh đâu.

7→ 西士浪。衣翁太上老君 翁張良。張儀張寶張伶張魯張角。吧各
Tây sĩ rằng: Ấy ông Thái thượng Lão quân, ông Trương Lương, Trương
Nghị, Trương Đâu, Trương Linh, Trương Lỗ, Trương Giác và các

8→ 師龟傳道太平符呪。調龟斃歇。渚時各翁衣庄固修德修僊朱
sư đã truyền đạo Thái bình Phù chú, đều đã chết hết. Chớ thì các ông
ấy chẳng có tu đức tu tiên cho

9→ 特甦數咄。哈罌庄及柴市哈高栖麻助咄。衣各柴仍 袪奉玉皇
được sống lâu ru? Hay là chẳng gặp thầy nào hay, cao tay mà chữa
ru? Ấy các thầy những thờ phụng Ngọc Hoàng

10→ 罌希奇連歪。牢庄懇祈嘖玉皇對天命朱特甦買。牢庄用排僊
là Vua cả trên trời, sao chẳng khẩn kỳ xin Ngọc Hoàng đổi thiên
mệnh cho được sống mãi, sao chẳng dùng bài tiên

11→ 藥長生全其千年。渚時排萊衣底助仍埃。麻庄助命朱甦濫牢。
duyệt trường sinh toàn kỳ thiên niên? Chớ thì bài thuốc ấy để chữa
những ai, mà chẳng chữa mình cho sống làm sao?

1 ↓ 吶体氏固實吶。

2 ↓ 柴法師浪。係埃埃修道。苐時信道氏。祕唸。勸典大聖。奄傳吏濫。
3 ↓ 據濫實時。崔福分時在天。丕朱埃時乃特。苐固在些。悶祕麻特。
4 ↓ 吶。柴竹吶女。苐碎固立年道麻查晦。碎凜濫之。

5 ↓ 西士浪。奄丕自曷。竹誇訖罷。及柴哈高。捫客助買。甦罷。茲道庄。
6 ↓ 助時甦。奄別浪。命在天時崔。

7 ↓ 次巴。柴和尚解句氏浪。勸命得些固。巴種魂。且欺甦段時神皮。
8 ↓ 散茲秩。麻神壳時。蹺壳群神魂。鼻固遠特柴。念經保塘朱買特。
9 ↓ 升天。巴諾茹佛受福。庄丕時困難。沛沙地獄。
10 ↓ 西士浪。念經保塘。界体苐。

11 ↓

1→唵体衣固實咄。

Nói thế ấy có thật ru?

2→柴法師浪。係埃埃修道市時信道衣。祇啞勸冉大聖龟傳吏濫

Thầy Pháp sư rằng: Hễ ai ai tu đạo nào thì tin đạo ấy, lấy lời trong sách đại thánh đã truyền lại làm

3→據濫實時崔。福分時在天。歪朱埃乃特。市固在些悶祇麻特

cứ làm thật thì thôi. *Phúc phần thời tại thiên*, trời cho ai nấy được, nào có tại ta muốn lấy mà được

4→咄。柴竹唵女。市碎固立年道麻查晦碎凜濫之。

ru? Thầy đừng nói nữa. Nào tôi có lập nên đạo, mà tra hỏi tôi lắm làm chi?

5→西士浪。龟丕自剔竹誇詭罷及柴哈高栖窖助買鞋。罷移道庄

Tây sĩ rằng: Đã vậy từ rày đừng khoe khoang bởi gặp thầy hay, cao tay, khéo chữa mới sống; bởi đi đạo chẳng

6→助時薨。龟別浪。命在天時崔。

chữa thì chết. Đã biết rằng mệnh tại thiên, thì thôi.

7→次吧。柴和尚解句衣浪。勸命得些固吧種魂。旦欺薨段時神皮

Thứ ba: Thầy Hòa thượng giải câu ấy rằng: Trong mình người ta có ba giống hồn: đến khi chết đoạn thì thần bị

8→散移秩。麻神壳時曉壳。群神魂裊固連特柴念經保塘朱買特

tan đi mất; mà thần xác thì theo xác, còn thần hồn, nếu có rước được thầy niệm kinh Bảo Đường cho, mới được

9→升天飽諾茹佛受福。庄丕時困難沛沙地獄。

thăng thiên vào nước nhà Phật thụ phúc; chẳng vậy thì khốn nạn phải sa địa ngục.

10→西士浪。念經保塘罷体市。

Tây sĩ rằng: Niệm kinh Bảo Đường là thế nào?

11→會同四教名師

HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

六十七

lục thập thất

六十八

1 ↓ 和尙浪。欺得些伶。葬時念浪。佛性咳。佛性咳。唉。呬。魯。膝。連頭。渚。
2 ↓
3 ↓ 呬。闍。昆。相。魯。聰。勳。呬。共。陰。門。麻。落。如。啞。魑。冉。秘。傳。浪。頭。者。天。也。
4 ↓ 若。死。到。天。海。外。空。升。天。也。若。出。眼。耳。鼻。口。陰。門。不。成。僊。也。欺。葬。
5 ↓ 段。麻。真。靈。趁。塘。時。沛。稱。命。罪。佛。子。買。塊。落。魑。地。獄。共。三。塗。惡。路。
6 ↓ 沛。固。勅。字。買。特。趁。椽。陰。空。旦。漏。黃。泉。旦。泝。固。核。椽。買。特。戈。淹。臺。
7 ↓ 河。戈。渡。自。然。買。旦。擺。塙。長。沙。買。戈。我。罰。固。椽。銅。版。鉄。號。罪。陰。空。
8 ↓ 固。喝。詩。浪。 粧。濫。苓。與。默。身。些。 托。時。除。去。業。奸。邪。

9 ↓ 真。靈。汝。祕。經。念。佛。 油。魑。地。獄。吏。特。呬。

10 ↓ 西。士。浪。靈。魂。罪。性。声。灵。無。形。無。像。欺。魑。魑。壳。共。欺。離。塊。壳。罪。格。
11 ↓ 牟。冉。庄。沛。罪。庄。呬。闍。吊。買。特。脫。堯。鼻。丕。几。賢。苓。仁。德。欺。葬。麻。魂。

1→ 六十八
lục thập bát

2→ 和尚浪。欺得些伶俐時念浪。佛性咳。佛性咳。唉。瞿魯月答連頭。渚
Hòa thượng rằng: Khi người ta rình chết thì niệm rằng: Phật tính hồi,
Phật tính hồi, hãy ra lỗ thóp trên đầu, chớ

3→ 瞿闍昆相魯聰龔呬共陰門麻落。如啞訥冉秘傳浪。頭者天也。
ra cửa con mắt, lỗ tai, mũi, miệng cùng âm môn mà lạc, như lời trong
sách bí truyền rằng: Đầu giả thiên dã;

4→ 若死到天海外。空升天也。若出眼耳鼻口陰門不成僊也。欺龔
nhược tử đáo thiên hải ngoại, không thăng thiên dã. Nhược xuất nhãn, nhĩ,
tị, khẩu, âm môn, bất thành tiên dã. Khi chết

5→ 段麻真靈移塘時沛稱命罽佛子。買塊落匏地獄共三塗惡路。
đoạn mà chân linh đi đàng, thì phải xưng mình là Phật tử, mới khỏi
lạc vào địa ngục cùng tam đồ ác lộ.

6→ 沛固勒孛買特移掾陰空。旦滌黃泉。旦泝固核捺。買特戈淹臺
Phải có sắc Bụt mới được đi cầu Âm Không, đến suối Hoàng Tuyền,
đến giếng có cây dừa, mới được qua sông Đà

7→ 河。戈渡自然買旦擺噶長沙。買戈我罽固掾銅版鉄。號罽陰空。
Hà, qua đò Tự Nhiên, mới đến bãi cát Trường Sa, mới qua ngã tư có
cầu đồng ván sắt, hiệu là Âm Không.

8→ 固喝詩浪。靺濫苓與默身些。托時除去業奸邪。
Có hát thơ rằng: Sống làm lành dữ mặc thân ta. Thác thì trừ khử
nghiệp gian tà.

9→ 真靈汝祕經念佛。油匏地獄吏特瞿。
Chân linh nhớ lấy kinh niệm Phật. Dù vào địa ngục lại được ra.

10→ 西士浪。靈魂罽性声灵無形無像欺匏訥壳共欺離塊壳罽格
Tây sĩ rằng: Linh hồn là tính thiêng liêng, vô hình, vô tượng, khi vào
trong xác cùng khi lìa khỏi xác là cách

11→ 牟冉庄沛罽沛瞿闍市買特脫兜。裊丕几賢苓仁德欺龔麻魂
màu nhiệm, chẳng phải là chẳng ra cửa nào mới được thoát đâu. Nếu
vậy kẻ hiền lành nhân đức khi chết mà hồn

1 ↓ 庄埋呷魯相時沙地獄。麻儿固罪磊毒與奸惡奇代。旦欺斃魂
 2 ↓ 奴埋呷特魯膝時特升天咄。咄濫丕固合理公平咄。
 3 ↓ 西士吏浪。仍靈魂。厄沙地獄沛郊刑苦困難濫丕固理芻救特
 4 ↓ 朱呷塊庄。
 5 ↓ 柴和尚浪。拱固体特。爲德佛大慈大悲庄悶朱埃沛事困庫烽。
 6 ↓ 朱年得厄。傳骸格朱得些特塊罪。油得些要澍庄固飭侍特各
 7 ↓ 事隣默瑟。雙離厄固衆碎侍台朱得些。西士唉祐經大乘妙僊
 8 ↓ 蓮花。係埃能讀經氏時得致升天受福。吏經南無阿彌陀佛。麻
 9 ↓ 埃讀經氏時塊各罪犯自悲除術畧共塊沙地獄女。平仍几厄
 10 ↓ 斃未曷昆。召固唎衆碎濫齋濫醺時德佛厄朱衆碎法破獄朱

- 1→庄理瞢魯相時沙地獄。麻几固罪磊毒與奸惡奇代。旦欺斃魂
chẳng lẽ ra lỗ mắt thì sa địa ngục; mà kẻ có tội lỗi độc dữ gian ác cả
đời, đến khi chết, hồn
- 2→奴理瞢特魯月答時特升天咄。唵濫丕固合理公平咄。
nó lẽ ra được lỗ thóp thì được thăng thiên ru? Nói làm vậy có hợp lẽ
công bình ru?
- 3→西士吏浪。仍靈魂奄沙地獄沛紹形苦困難濫丕固理市救特
Tây sĩ lại rằng: Những linh hồn đã sa địa ngục phải chịu hình khổ
khốn nạn làm vậy, có lẽ nào cứu được
- 4→朱瞢塊庄。
cho ra khỏi chẳng?
- 5→柴和尚浪。拱固体特。爲德佛大慈大悲庄悶朱埃沛事困庫埤。
Thầy Hòa thượng rằng: Cũng có thể được, vì Đức Phật đại từ đại bi,
chẳng muốn cho ai phải sự khốn khó sốt,
- 6→朱年得奄傳翹格朱得些特塊罪。油得些要澍庄固飭佇特各
cho nên Ngài đã truyền nhiều cách cho người ta được khỏi tội. Dù
người ta yếu đuối chẳng có sức giữ được các
- 7→事隣默悉。雙離奄固衆碎佇台朱得些。西士唉祐經大乘妙僊
sự răn mặc lòng, song lẽ đã có chúng tôi giữ thay cho người ta. Tây sĩ
hãy xem kinh Đại Thừa Diệu Tiên
- 8→連花。係埃能讀經衣時買得致升天受福。吏經南無阿彌陀佛。麻
Liên Hoa. Hễ ai năng đọc kinh ấy thì mới đắc trí thăng thiên thụ
phúc; lại kinh Nam mô A di đà Phật, mà
- 9→埃讀經衣時塊各罪犯自悲睭術畧共塊沙地獄女。平仍几奄
ai đọc kinh ấy thì khỏi các tội phạm từ bây giờ về trước, cùng khỏi sa
địa ngục nữa. Bằng những kẻ đã
- 10→斃未裊昆招固唵衆碎濫齋濫醺時德佛奄朱衆碎法破獄朱
chết rồi, nếu con cháu có mời chúng tôi làm chay làm tiểu, thì Đức
Phật đã cho chúng tôi phép phá ngục cho

11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

六十九
lục thập cửu

1
↓

七十

2 ↓ 各靈魂魍氏特呬。

3 ↓ 西士浪。各儿固罪魍地獄特如丕歇庄。

4 ↓ 柴和尚疎浪。調特台汰。固沒儿輕易法佛時得庄赦麻崔。

5 ↓ 西士浪。法破獄呬濫牢。

6 ↓ 柴和尚浪。欺濫役氏沛呬齋念經呪祭骸得助罪翁妃吒媿。麻

7 ↓ 得微歇濫禮破獄朱靈魂祖先特呬。爲丕擦翠楫舛茹。祕紙麻

8 ↓ 諫圍終觥。共濫翠闌翠邊。吏濫沒闌於舛達濫形地獄。未時祭

9 ↓ 十殿明王。呬逝希該治陰府噲呬閻王。吏祭觥希侍觥闌。呬東

10 ↓ 方青帝。西方白帝。南方赤帝。北方黑帝。中央黃帝。茲終觥呬各

11 ↓ 念經洒淨水。未招仁銅錢朱特陰陽祕濫跣各希也。頌事祭共

1→七十
thất thập

2→各靈魂醜衣特髒。
các linh hồn trong ấy được ra.

3→西士浪。各几固罪醜地獄特如丕歇庄。
Tây sĩ rằng: Các kẻ có tội trong địa ngục được như vậy hết chẳng?

4→柴和尚疎浪。調特台汰。固沒几輕易法佛時得庄赦麻崔。
Thầy Hòa thượng thưa rằng: Đều được thay thầy, có một kẻ khinh dể
phép Phật, thì Ngài chẳng tha mà thôi.

5→西士浪。法破獄'濫牢。
Tây sĩ rằng: Phép phá ngục là làm sao?

6→柴和尚浪。欺濫役衣沛啞齋念經耽祭髡暎助罪翁妃吒媿。麻
Thầy Hòa thượng rằng: Khi làm việc ấy phải ăn chay, niệm kinh,
đơm tế nhiều ngày, chữa tội ông bà cha mẹ, mà

7→暎儻歇濫禮破獄朱靈魂祖先特髒。爲丕襟罽梘舛茹。祕紙麻
ngày sau hết làm lễ phá ngục cho linh hồn tổ tiên được ra. Vì vậy cấm
bốn cột giữa nhà, lấy giấy mà

8→諫圉終觥。共濫罽闌罽邊。吏濫沒關於舛達濫形地獄。耒時祭
dán vây chung quanh, cùng làm bốn cửa bốn bên. Lại làm một cửa ở
giữa, đặt làm hình địa ngục, rồi thì tế

9→十殿明王。罽逝希該治陰府嚕罽閻王。吏祭觥希付觥闌罽東
Thập Điện Minh Vương là mười vua cai trị âm phủ gọi là Diêm
vương; lại tế năm vua giữ năm cửa là Đông

10→方青帝。西方白帝。南方赤帝。北方黑帝。中央黃帝。移終觥匹客
Phương Thanh Đế, Tây Phương Bạch Đế, Nam Phương Xích Đế, Bắc
Phương Hắc Đế, Trung Ương Hoàng Đế. Đi chung quanh ba lần

11→念經洒淨水。耒招仞銅錢朱特陰陽祕濫舛各希龟詔事祭共
niệm kinh Sái Tịnh Thủy rồi gieo hai đồng tiền cho được âm dương
lấy làm dấu các vua đã chịu sự tế cùng

1 ↓ 貼禮。段柴次一拈樞破各闍獄朱各魂氏特呬塊。麻禮破獄尼
2 ↓ 佛教也傳訴詳勸典黃圖永訣。

3 ↓ 西士浪。柴吶佛教傳禮氏訴詳。因牢勸典四十二章經庄覓釋
4 ↓ 迦剗啞之術禮氏。煉麻冉燈心浪。梁武帝立爲齋會。義界自梁
5 ↓ 武帝買排呬禮氏。勢時自釋迦朱旦。希梁武帝也隔饒沒。齋
6 ↓ 森辭買立呬禮。濫齋濫會底麻破獄。麻柴吶浪。佛教傳禮氏訴
7 ↓ 詳。調氏也庄合。吏調破獄時濫牢。箕祐希主世間立獄呬畧粗
8 ↓ 搯拈几固罪勸氏。油埃悶破固破特庄。方之等至尊至重固法
9 ↓ 立年獄。咄坦尼界。准慄淒險昆相祐庄。覓麻各師界得陽世
10 ↓ 固壳。變姦塘。苜麻。破獄特。魁吏。盎尼也。噠各柴破。盎恪吏

11 ↓

- 1→貼禮。段柴次一拎梃破各關獄朱各魂衣特睥塊。麻禮破獄尼
của lễ, đoạn thầy thứ nhất cầm gậy phá các cửa ngục cho các hồn ấy
được ra khỏi, mà lễ phá ngục này
- 2→佛教龟傳訖詳𪗇𪗇黃圖永訣。
Phật giáo đã truyền tỏ tường trong sách Hoàng đồ Vĩnh quyết.
- 3→西士浪。柴𪗇佛教傳禮衣訖詳因牢𪗇𪗇四十二章經庄覓釋
Tây sĩ rằng: Thầy nói Phật giáo truyền lễ ấy tỏ tường, nhân sao trong
sách Tứ Thập Nhị Chương Kinh, chẳng thấy Thích
- 4→迦劄啞之術禮衣燂。麻𪗇燈心浪。梁武帝立為齋會。義𪗇自梁
Ca chép lời chi về lễ ấy sớt, mà sách Đăng Tâm rằng: Lương Vũ Đế
lập vì trai hội. Nghĩa là từ Lương
- 5→武帝買排睥禮衣。勢時自釋迦朱旦𪗇梁武帝𪗇隔饒沒𪗇𪗇。
Vũ Đế mới bày ra lễ ấy. Thế thì từ Thích Ca cho đến vua Lương Vũ
Đế đã cách nhau một ngàn năm
- 6→林𪗇買立睥禮濫齋濫會底麻破獄。麻柴𪗇浪.佛教傳禮衣訖
trăm năm, mới lập ra lễ làm chay làm hội để mà phá ngục, mà thầy
nói rằng: Phật giáo truyền lễ ấy tỏ
- 7→詳。調衣𪗇庄合。吏調破獄時濫牢。箕𪗇希主世間立獄睥𪗇相。
tường, điều ấy đã chẳng hợp. Lại điều phá ngục thì làm sao? Kìa xem
vua chúa thế gian lập ngục ra trước mắt
- 8→檻拎几固罪𪗇衣。油埃悶破固破特庄。方之等至尊至重固法
giam cầm kẻ có tội trong ấy, dù ai muốn phá, có phá được chăng?
Phương chi Đấng chí tôn, chí trọng, có phép
- 9→立年獄𪗇果吏坦尼𪗇准慄淒險昆相𪗇庄覓。麻各師𪗇得陽世
lập nên ngục giữa trái đất này là chốn rất sâu hiểm, con mắt xem
chẳng thấy, mà các sư là người dương thế
- 10→固壳𪗇。變𪗇塘市麻𪗇破獄特。𪗇吏𪗇尼𪗇𪗇各柴破。𪗇𪗇吏
có xác thịt, biến đi đường nào mà xuống phá ngục được, và lại áng
này đã mời các thầy phá, áng khác lại
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

七十一
thất thập nhất

1 ↓

七十二

2 ↓ 陋破悶破包除時破閉除祝氏群帝之麻噲罪獄女。梟丕仍靈

3 ↓ 魂魍氏奄特啤歇時群固埃魍獄氏麻辭恪昆召群助罪濫之

4 ↓ 女。哈罪固柴芾吏磔獄吏庄。

5 ↓ 柴和尚浪。邊道凶士拱常固濫禮求魂破獄茲終航慕麻洒聖

6 ↓ 水時芾固埃扒涅。芾固埃吱氏拱沒從命濫時特麻吏噪謗儿

7 ↓ 恪濫牢。

8 ↓ 西士浪。道衆碎濫禮求魂時固。雙庄固禮破獄兜。丕固仁次靈

9 ↓ 魂沒罪靈魂默罪重奄沛搯拎魍地獄時衆碎庄敢求朱仍靈

10 ↓ 魂氏兜。爲庄固理芾麻特塊。仁罪靈魂默罪剛吧群默女諸垣

11 ↓ 朱堵時沛暫搯坭獄煉魂。衆碎固意濫禮求惡共天主赦恕功

1→ 七十二

thất thập nhị

2→ 𠵿破。悶破包睭時破閉睭祝衣群帝之麻嚕𠵿獄女。裊丕仍靈

mời phá, muốn phá bao giờ thì phá bấy giờ, chốc ấy còn đi gì mà gọi là ngục nữa? Nếu vậy những linh

3→ 魂𠵿衣𠵿特𠵿歇時群固埃𠵿獄衣麻𠵿恪昆招群助罪濫之

hồn trong ấy đã được ra hết, thì còn có ai trong ngục ấy, mà năm khác con cháu còn chữa tội làm chi

4→ 女。哈𠵿固柴市吏𠵿獄吏庄。

nữ, hay là có thầy nào lại xây ngục lại chẳng?

5→ 柴和尚浪。邊道西士拱常固濫禮求魂破獄𠵿終觥墓麻洒聖

Thầy Hòa thượng rằng: Bên đạo Tây sĩ cũng thường có làm lễ cầu hồn phá ngục đi chung quanh mồ mà sám thánh

6→ 水時市固埃扒涅市固埃𠵿。衣拱沒從命濫時特麻吏𠵿𠵿𠵿几

thủy, thì nào có ai bắt nét, nào có ai chê? Ấy cũng một tuồng, mình làm thì được, mà lại nhạo báng kẻ

7→ 恪濫牢。

khác làm sao?

8→ 西士浪。道衆碎濫禮求魂時固。雙庄固禮破獄𠵿。丕固𠵿次靈

Tây sĩ rằng: Đạo chúng tôi làm lễ cầu hồn thì có, song chẳng có lễ phá ngục đâu. Vậy có hai thứ linh

9→ 魂。沒𠵿靈魂默罪重𠵿沛𠵿𠵿地獄時衆碎庄敢求朱仍靈

hồn, một là linh hồn mắc tội trọng đã phải giam cầm trong địa ngục, thì chúng tôi chẳng dám cầu cho những linh

10→ 魂衣𠵿。爲庄固理市麻特𠵿。𠵿𠵿靈魂默罪𠵿𠵿𠵿群默女諸𠵿

hồn ấy đâu, vì chẳng có lẽ nào mà được khỏi. Hai là linh hồn mắc tội mọn, và còn mắc nợ chưa đền

11→ 朱堵時沛暫𠵿𠵿獄煉魂。衆碎固意濫禮求懇共天主赦恕功

cho đủ, thì phải tạm giam nơi ngục luyện hồn, chúng tôi có ý làm lễ cầu khẩn cùng Thiên Chúa tha thứ công

1 ↓ 女吧扒分罰朱仍靈魂坭獄暫扮氏麻崔。拱如事代尼需主
2 ↓ 獄唧固次囚重罪。匱沛補匱獄東獄竟堅。攔致死時庄埃匱
3 ↓ 朱囚氏女塊。雙群次囚暫攔把門。爲默罪貳哈。罪默功女。時
4 ↓ 招拱群固體麻。綻贖朱吏特。唧塊。氏禮衆碎求魂拱如。濫不
5 ↓ 衆碎固敢破獄如各師塊。

6 ↓ 儒士浪。匱道匱解未時道。西士解句。氏濫牢。

7 ↓ 次翠。西士解浪。匱道衆碎。咄固翠事奇。體微歇。哈罪四終沒
8 ↓ 事蕊。匱罪事判察。匱罪事地獄。翠罪事天堂。丕畧歇事蕊。爲
9 ↓ 罪朱年天主。匱判斷朱類。得些調沛蕊。油埃埃等。苗北苗坤
10 ↓ 格苗默。惡時拱沛蕊。歇庄埃道塊事蕊。燐。匱罪事判察。罪係

11 ↓

- 1→女吧扒分罰朱仍靈魂坭獄暫衿衣麻崔。拱如事代尼希主立
nợ, và bớt phần phạt cho những linh hồn nơi ngục tạm cầm ấy mà
thôi. Cũng như sự đòi nạy vua chúa lập
- 2→獄瞬固次囚重罪屯沛補凶獄東獄兌堅檻致死時庄埃凶叫
ngục ra có thứ tù trọng tội đã phải bỏ vào ngục đông, ngục đoài, kiên
giam trí tử, thì chẳng ai vào kêu
- 3→朱囚衣女兜。雙群次囚暫檻把門。爲默罪貳哈罌默功女時昆
cho tù ấy nữa đâu; song còn thứ tù tạm giam vạ mọn, vì mắc tội nhẹ,
hay là mắc công nợ thì con
- 4→招拱群固体麻徒贖朱吏特瞬塊。衣禮衆碎求魂拱如濫丕。市
cháu cũng còn có thể mà chạy chuộc cho lại được ra khỏi. Ấy lẽ chúng
tôi cầu hồn cũng như làm vậy, nào
- 5→衆碎固敢破獄如各師兜。
chúng tôi có dám phá ngục như các sư đâu?
- 6→儒士浪。巴道屯解来時道西士解句衣濫牢。
Nho sĩ rằng: Ba đạo đã giải rồi, thì đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao?
- 7→次罌。西士解浪。勹道衆碎吡固罌事奇体儼歇。噲罌四終。沒罌
Thứ bốn: Tây sĩ giải rằng: Trong đạo chúng tôi dạy có bốn sự cả thể
sau hết, gọi là tứ chung: một là
- 8→事斃。哈罌事判察。巴罌事地獄。罌罌事天堂。丕畧歇事斃爲罷
sự chết, hai là sự phán xét, ba là sự địa ngục, bốn là sự thiên đàng.
Vậy trước hết: sự chết; vì bởi
- 9→罪朱年天主屯判斷朱類得些調沛斃。油埃埃等市北市坤窖
tội cho nên Thiên Chúa đã phán đoán cho loài người ta đều phải chết,
đầu ai ai, đấng nào bậc nào, khôn khéo
- 10→格市默悉時拱沛斃歇庄埃遁塊事斃燁。仝罌事判察。罌係得
cách nào mặc lòng thì cũng phải chết hết, chẳng ai trốn khỏi sự chết
sốt. Hai là sự phán xét, là hể người
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

七十三
thất thập tam

七十四

1 ↓ 芾皮歇晞段油壳群齟連床默瑟即時聖天神本命挽靈魂得
 2 ↓ 氏旦畧座天主慄威儀公倘麻剋得判察術事也思想謹冉齟
 3 ↓ 瑟各啞也訥各役也濫油荅油與自固歲坤朱旦除氏包饒罪
 4 ↓ 共包饒福擦擦調排啤奇庄率沒事之燂共庄助命麻觀朱埃
 5 ↓ 特女。匹罪事地獄爲課造天立地天主也孕年沒獄罪坭慄淒
 6 ↓ 險。雙分濫罪層罪一曰。靈泊二曰。孩所。三曰。煉獄。四曰。永苦層
 7 ↓ 次一於外吧連歇罪獄靈魂聖祖宗初欺生時段群沛於帝待
 8 ↓ 籠主救世層次台罪獄各靈魂祧買生啤麻茲欺諸特剋法領
 9 ↓ 洗。層次匹罪獄檻各靈魂儿固道雙群默罪閑吧群沛默女諸
 10 ↓ 坭朱堵時沛剋剋燂燂煉燂朱旦欺瀝歇罪歇女時買特啤塊
 11 ↓

1→ 七十四
thất thập tứ

2→ 市皮歇啼段油壳群齟蓮床默悉郎時聖天神本命挑靈魂得
nào vừa hết hơi đoạn dù xác còn nằm trên giường mặc lòng, tức thì
thánh thiên thần bản mệnh đem linh hồn người

3→ 衣旦畧座天主慄威儀公倘麻韶得判察術事龟思想謹冉鮑
ấy đến trước tòa Thiên Chúa rất uy nghi công thẳng, mà chịu Ngài
phán xét về sự đã tư tưởng kín nhiệm trong

4→ 悉。各啞龟呐。各後龟濫。油苓油典自固歲坤朱旦睎衣。包饒罪
lòng, các lời đã nói, các việc đã làm, dù lành dù dữ từ có tuổi khôn
cho đến giờ ấy, bao nhiêu tội,

5→ 共包饒福擦擦調排睥奇庄率沒事之肄。共庄助命麻堵朱埃
cùng bao nhiêu phúc, sát sạt đều bày ra cả, chẳng sót một sự gì sót,
cùng chẳng chữa mình mà đổ cho ai

6→ 特女。巴罌事地獄爲課造天立地天主龟孕年沒獄罌尼慄淒
được nữa. Ba là sự địa ngục, vì thuở *tạo thiên lập địa*, Thiên Chúa đã
dựng nên một ngục là nơi rất sâu

7→ 險。雙分濫罌層。罌一曰。靈泊。二曰。孩所。三曰。煉獄。四曰。永苦。層
hiểm, song phân làm bốn tầng là *nhất viết: linh bạc; nhị viết: hài sở; tam*
viết: luyện ngục; tứ viết: vĩnh khổ. Tầng

8→ 次一於外吧連歇罌獄靈魂聖祖宗初歟生時段群沛於帝待
thứ nhất ở ngoài và trên hết, là ngục linh hồn thánh tổ tông xưa khi
sinh thì đoạn còn phải ở đấy, thì

9→ 箒主救世。層次巴罌獄各靈魂裊買生罌麻薨歟諸特韶法領
trông Chúa Cứu Thế. Tầng thứ hai là ngục các linh hồn trẻ mới sinh
ra mà chết khi chưa được chịu phép Lành

10→ 洗。層次巴罌獄檻各靈魂几固道雙群默罪悶吧群沛默女諸
tẩy. Tầng thứ ba là ngục giam các linh hồn kẻ có đạo, song còn mắc
tội mọn và còn phải mắc nợ chưa

11→ 坳朱堵。時沛韶炤爇煨煉焠朱旦歟瀝歇罪歇女時買特罌塊
đền cho đủ thì phải chịu lửa nung đốt luyện tội cho đến khi sạch hết
tội hết nợ thì mới được ra khỏi

1 ↓ 麻蓮天堂。層次罪罪獄慄淒搯抄各魔鬼吧各兒蹺意奴祿奉
2 ↓ 奴。共各兒忘恩背義。庄祿奉天主。庄侍律誠得判吡。獄尼苔仍
3 ↓ 炤炷炤炤共開開萬萬事困庫恪合濫沒。麻仍兒奄沛搯抄魷
4 ↓ 氏時沛燒焯無窮無盡。共庄包除蕤特朱塊事極困氏兜。罪罪
5 ↓ 天堂。罪准慄郎慄重慄清開慄慄尾蠟餉每事福德天主奄孕
6 ↓ 年底麻賞各聖天神共各聖男女。罪仍兒欺群羶於代尼奄祿
7 ↓ 奉天主。奄侍律誠得朱論。時欺蕤段靈魂蓮連氏朝直天主享
8 ↓ 福無窮。氏罪事四終時濫丕。

9 ↓ 群沒役奇体微歇女。罪欺天地窮盡。天主仕濫朱泣每得奄蕤
10 ↓ 自造天立地朱旦得氏調羶吏奇台汰。麻包饒兒苓於連天堂

- 1→麻蓮天堂。層次罽罽獄慄淒慄拚各魔鬼吧各几蹺意奴 祿奉
mà lên Thiên đàng. Tầng thứ bốn là ngục rất sâu, giam cầm các ma
quỷ và các kẻ theo ý nó thờ phụng
- 2→奴。共各几忘恩背義庄 祿奉天主。庄侍律誠得判吡。獄尼苔仍
nó, cùng các kẻ vong ân bội nghĩa, chẳng thờ phụng Thiên Chúa, chẳng
giữ luật giới Ngài phán dạy. Ngục này đầy những
- 3→炤硃炤焰共閉閉萬萬事困庫恪合濫沒麻仍几龟沛慄拚
lửa sinh lửa diêm, cùng muôn muôn vạn vạn sự khốn khó khác hợp
làm một mà những kẻ đã phải giam cầm trong
- 4→衣時沛燒焮無窮無盡。共庄包睺斃特朱塊事極困衣。罽罽
ấy thì phải thiêu đốt vô cùng vô tận, cùng chẳng bao giờ chết được
cho khỏi sự cực khốn ấy. Bốn là
- 5→天堂。罽准慄郎慄重慄清間慄慄尾嫌餒每事福德天主龟孕
Thiên đàng, là chốn rất sang rất trọng, rất thanh nhàn, rất vui vẻ,
gồm no mọi sự phúc Đức Thiên Chúa đã dựng
- 6→年底麻賞各聖天神共各聖男女罽仍几欺群甦於代尼龟 祿
nên để mà thưởng các Thánh Thiên thần cùng các Thánh nam nữ là
những kẻ khi còn sống ở đời này đã thờ
- 7→奉天主龟侍律誠得朱聶時欺斃段靈魂蓮蓮衣朝直天主享
phụng Thiên Chúa, đã giữ luật giới Ngài cho trọn, thì khi chết đoạn
linh hồn lên trên ấy châu chực Thiên Chúa, hưởng
- 8→福無窮。衣罽事四終時濫丕。
phúc vô cùng. Ấy là sự tứ chung thì làm vậy.
- 9→群沒役奇覓穢歌女。罽欺天地窮盡。天主仕濫朱泣每得龟斃
Còn một việc cả thấy sau hết nữa, là khi thiên địa cùng tận, Thiên
Chúa sẽ làm cho khắp mọi người đã chết
- 10→自造天立地朱旦睺衣調甦吏甦台汰。麻包饒几苓於蓮天堂
từ tạo thiên lập địa cho đến ngày ấy đều sống lại cả thay thay, mà bao
nhiều kẻ lành ở trên Thiên đàng
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

七十五
thất thập ngũ

七十六

1 ↓

2 ↓ 仕𪔐吧包饒靈魂兒與於地獄仕𪔐段各靈魂吏沛包壳窶命
3 ↓ 旦沒坭噲𪔐同樞加發麻𪔐判察終𪔐沒𪔐氏未時兒苓靈魂
4 ↓ 吧壳創𪔐卒苓蓮天堂𪔐𪔐𪔐尾無窮兒與靈魂吧壳醜車困
5 ↓ 難沙地獄𪔐𪔐代代刼刼。

6 ↓ 儒士𪔐浪欺乃𪔐𪔐係埃𪔐段即時天主𪔐判察兒苓𪔐朱蓮
7 ↓ 天堂𪔐福兒與𪔐補𪔐地獄𪔐𪔐未因牢悲除柴浪仕固𪔐天
8 ↓ 主吏噲泣每得𪔐吏旦沒坭麻𪔐判察終𪔐牢女渚時欺畧天
9 ↓ 主諸察斷年𪔐氏正役得𪔐𪔐固沛役埃𪔐麻沛𪔐𪔐吏
10 ↓ 𪔐𪔐添役之体氏。

11 ↓ 西士浪役天主𪔐𪔐固𪔐意淩冉爲沒𪔐判察𪔐畧買固沒

1→ 七十六
thất thập lục

2→ 仕甞吧包饒靈魂几與於地獄仕罽段各靈魂吏沛匄壳窶命
sẽ xuống và bao nhiêu linh hồn kẻ dữ ở địa ngục sẽ ra, đoạn các linh
hồn lại phải vào xác cũ mình,

3→ 旦沒尼嚕罽同樞加發麻紹判察終匄沒罽衣來時几苓靈魂
đến một nơi gọi là đồng Giu-ra-phát mà chịu phán xét chung trong
một ngày ấy; rồi thì kẻ lành linh hồn

4→ 吧壳創朗卒苓蓮天堂鞋数愜尾無窮。几與靈魂吧壳醜車困
và xác sáng láng tốt lành lên Thiên đàng sống lâu vui vẻ vô cùng; kẻ
dữ linh hồn và xác xấu xa, khốn

5→ 難沙地獄紹罰代代劫劫。
nạn, sa địa ngục, chịu phạt đời đời kiếp kiếp.

6→ 儒士唵浪。欺乃奄唵係埃斃段即時天主奄判察几苓奄朱蓮
Nho sĩ nói rằng: Khi nãy đã nói: hễ ai chết đoạn tức thì Thiên Chúa
đã phán xét, kẻ lành đã cho lên

7→ 天堂紹福。几與奄脯甞地獄紹罰來。因牢悲睭柴浪。仕罽罽天
Thiên đàng chịu phúc, kẻ dữ đã bỏ xuống địa ngục chịu phạt rồi. Nhân
sao bây giờ thầy rằng, sẽ có ngày Thiên

8→ 主吏嚕泣每得鞋吏旦沒尼麻紹判察終濫牢女。渚時欺畧天
Chúa lại gọi khắp mọi người sống lại đến một nơi mà chịu phán xét
chung làm sao nữa? Chớ thì khi trước Thiên

9→ 主諸察斷年咄。衣正役得奄濫市固沛役埃濫麻沛濫矜濫吏
Chúa chưa xét đoán nên ru? Ấy chính việc Ngài đã làm, nào có phải
việc ai làm, mà phải làm đi làm lại

10→ 翹吝添役之体衣。
nhiều lần, thêm việc chi thế ấy?

11→ 西士浪。役天主濫奄固翹意淒冉。爲沒罽欺判察吝畧買固沒
Tây sĩ rằng: Việc Thiên Chúa làm đã có nhiều ý sâu nhiệm. Vì một là
khi phán xét lần trước, mới có một

1 ↓ 靈魂。紹賞哈。𠵿紹。罰麻崔。壳時群於鄴坦尼。𠵿氏買朱壳。窶
2 ↓ 吏。罷爲壳儿。苓初。𠵿濫。伴共靈魂。𠵿濫。𠵿役德行。𠵿祿奉天主
3 ↓ 論。時閉。除朱靈魂。合貝壳。奇吧。𠵿調。紹賞。吏罷爲壳儿。與初。𠵿
4 ↓ 濫。伴共靈魂。𠵿濫。事罪。𠵿犯違聖道。時閉。除吏朱壳。合貝魂。奇
5 ↓ 吧。𠵿調。紹。罰女買。合法公平。𠵿𠵿判。察吝。畧儿。苓儿。與紹。賞哈
6 ↓ 𠵿。紹。罰時。天下。𠵿代。諸訴。爲仍。役苓。福德。𠵿麻。得箕。特賞。兼氏。
7 ↓ 共。仍。罪。𠵿醜。車重。礪。体。𠵿麻。几。怒。沛。罰。困難。濫。丕。拱。如。𠵿。試會。
8 ↓ 稿。𠵿杜。時。茹。𠵿。𠵿祿。未。雙。群。掛。榜。𠵿。𠵿底。朱。天下。祐。覽。訴。詳。𠵿
9 ↓ 得。杜。麻。曦。𠵿。強。創。名。欣。女。事。判。察。拱。沒。理。氏。爲。欺。氏。天下。𠵿代。
10 ↓ 調。祐。覽。各。役。苓。福德。儿。苓。初。𠵿濫。𠵿。𠵿道。年。麻。曷。特。賞。年。聖。耶

11 ↓

會同四教名師

七十七。 11

- 1→靈魂紹賞哈罽紹罰麻崔。壳時群於鄴坦尼。罽衣買朱壳難難
linh hồn chịu thưởng hay là chịu phạt mà thôi, xác thì còn ở dưới đất
này. Ngày ấy mới cho xác cũ sống
- 2→吏。罷爲壳几苓初龟濫伴共靈魂龟濫彪役德行龟 徐奉天主
lại, bởi vì xác kẻ lành xưa đã làm bạn cùng linh hồn đã làm nhiều việc
đức hạnh, đã thờ phụng Thiên Chúa
- 3→論。時閉除朱靈魂合貝壳。奇吧仁調紹賞。吏罷爲壳几與初龟
lợn, thì bấy giờ cho linh hồn hợp với xác, cả và hai đều chịu thưởng.
Lại bởi vì xác kẻ dữ xưa đã
- 4→濫伴共靈魂龟濫事罪磊犯違聖道。時閉除吏朱壳合貝魂。奇
làm bạn cùng linh hồn đã làm sự tội lỗi, phạm vi thánh đạo, thì bấy
giờ lại cho xác hợp với hồn, cả
- 5→吧仁調紹罰女買合法公平。仁罽判察吝畧几苓几與紹賞哈
và hai đều chịu phạt nữa mới hợp phép công bình. Hai là phán xét
lần trước, kẻ lành, kẻ dữ chịu thưởng hay
- 6→罽紹罰時天下閑代諸訴爲仍役苓福德市麻得箕特賞兼衣。衣
là chịu phạt, thì thiên hạ muôn đời chưa tỏ, vì những việc lành phúc
đức nào mà người kia được thưởng dường ấy,
- 7→共仍罪磊醜車重礪体市麻几奴沛罰困難濫丕。拱如罽試會。
cùng những tội lỗi xấu xa trọng nặng thể nào mà kẻ nọ phải phạt
khốn nạn làm vậy, cũng như ngày thi hội.
- 8→稿市杜時茹希龟祔来。雙群掛榜吧罽底朱天下祔覽訴詳彪
Cáo nào đổ thì nhà vua đã lấy rồi; song còn treo bảng ba ngày để cho
thiên hạ xem thấy tỏ tường tên
- 9→得杜麻議嗜强創名欣女。事判察拱沒理衣。爲欺衣天下閑代
người đổ mà ngợi khen càng sáng danh hơn nữa. Sự phán xét cũng
một lẽ ấy; vì khi ấy thiên hạ muôn đời
- 10→調祔覽各役苓福德几苓初龟濫龟佇道年麻剔特賞年聖郎
đều xem thấy các việc lành phúc đức kẻ lành xưa đã làm, đã giữ đạo
nên mà rày được thưởng nên thánh sang
- 11→會同四教名師
HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

七十七
thất thập thất

1 ↓

2 ↓ 重兼氏時名几苓強奇創欣女。閉除吏竄各事毒與奸淫邪逆
3 ↓ 吧各種罪磊汙洩慄醜車憾怵儿初奄犯朱年曷沛刑苦無窮
4 ↓ 濫不。時儿與強醜虎困極畧極天下。共約渚之固崗芾賴呂龜
5 ↓ 提垃命蕤茲朱耒。共約渚之沙地獄朱探。矯沛紹事醜虎歎麻
6 ↓ 強添事困欣女。氏罪事判察終時濫不。

7 ↓ 匹歆吟衆碎特旦畧極德茹官麻呈戈各理勸道衆碎燧丕。底
8 ↓ 德茹官察傷朱時衆碎祕濫恩重凜。雙罷碎諸特属禮法吧呐
9 ↓ 嗜勸諾諸堵。或當欺呐固調之庄特歷事呷失禮。時畧罪籠恩
10 ↓ 德茹官穢察恕朱碎。穢女罪噴各柴免責朱。爲庄固包除特及
11 ↓ 各柴麻談道体尼時碎祕濫惘倍分凜。各柴奄據勸典各柴。碎

1→ 七十八
thất thập bát

2→ 重兼衣時名几苓强奇創欣女。閉睭吏覓各事毒與奸淫邪逆
trọng đường ấy thì danh kẻ lành càng cả sáng hơn nữa. Bấy giờ lại
thấy các sự độc dữ gian dâm tà nghịch

3→ 吧各種罪磊汙洩慄醜車憾怵几初龟犯朱年劓沛刑苦無窮
và các giống tội lỗi dơ dáy rất xấu xa, gớm ghiếc kẻ xưa đã phạm, cho
nên rày phải hình khổ vô cùng

4→ 濫丕。時几與强醜虎困極畧栖天下。共約渚之固崗市賴呂甕
làm vậy, thì kẻ dữ càng xấu hổ khốn cực trước mặt thiên hạ, cùng ước
chớ chi có núi nào lớn lở xuống

5→ 提坵命斃矝朱来。共約渚之沙地獄朱掾。矯沛韶事醜虎数麻
đề lấp mình chết đi cho rồi, cùng ước: chớ chi sa địa ngục cho chóng,
kẻo phải chịu sự xấu hổ lâu mà

6→ 强添事困欣女。衣罍事判察終時濫丕。
càng thêm sự khốn hơn nữa. Ấy là sự phán xét chung thì làm vậy.

7→ 𠂔歆盼衆碎特旦畧栖德茹官麻呈戈各理𠂔道衆碎燹丕。底
– Ba hôm nay, chúng tôi được đến trước mặt Đức Nhà Quan mà trình
qua các lễ trong đạo chúng tôi, tất vậy, để

8→ 德茹官察傷朱時衆碎祕濫恩重凜。雙罷碎諸特属禮法吧𠂔
Đức Nhà Quan xét thưởng cho, thì chúng tôi lấy làm ơn trọng lắm.
Song bởi tôi chưa được thuộc lễ phép và nói

9→ 𠂔𠂔諾朱堵。或當欺𠂔固調之庄特歷事𠂔失禮時畧罍篋恩
tiếng trong nước cho đủ, hoặc đang khi nói có điều gì chẳng được
lịch sự, ra thất lễ, thì trước là trông ơn

10→ 德茹官𠂔察恕朱碎。𠂔女罍𠂔各柴免責朱.爲庄固包睭特及
Đức Nhà Quan rộng xét thứ cho tôi. Sau nữa là xin các thầy miễn
trách cho, vì chẳng có bao giờ được gặp

11→ 各柴麻談道体尼時碎祕濫𠂔倍分凜。各柴𠂔據𠂔𠂔各柴。碎
các thầy mà đàm đạo thể này thì tôi lấy làm mừng bội phần lắm. Các
thầy đã cứ trong sách các thầy, tôi

1 ↓ 包據理。髓典碎麻。吶。油理邊。苜虛實。道苜真偽。時固量德。茹官
2 ↓ 濫權衡底分。是否。爲。苜浪。理者人類之公師。君子以理爲主。邪
3 ↓ 說難逃理辯。丕悲。除衆碎。嗔。禪謝恩德。茹官。共嗔。天主扶護。得
4 ↓ 特長壽春秋鼎盛。底衆碎。特。沕洪福德。茹官。吧。嗔。嗜各柴。擬吏
5 ↓ 特平寧長久。底衆碎。特。沕某所。

終畢。

- 1→ 龜據理冉道碎麻吶。油理邊市虛實。道市真偽時固量德茹官
 đã cứ lẽ sách đạo tôi mà nói; dù lẽ bên nào hư thật, đạo nào chân
 ngụy thì có lượng Đức Nhà Quan
- 2→ 濫權衡底分是否。爲𣎵浪。理者人類之公師。君子以理爲主。邪
 làm quyền hành để phân thị phủ vì chữ rằng: Lý giả nhân loại chi công
 sư, quân tử dĩ lý vi chủ, tà
- 3→ 說難逃理辨。丕悲睺衆碎嗔禡謝恩德茹官。共嗔天主扶護得
 thuyết nan đào lý biện. Vây bây giờ chúng tôi xin lạy tạ ơn Đức Nhà
 Quan, cùng xin Thiên Chúa phù hộ người
- 4→ 特長壽春秋鼎盛。底衆碎特洳洪福德茹官吧嗔啫各柴擬吏
 được trường thọ xuân thu đỉnh thịnh, để chúng tôi được nhờ hồng
 phúc Đức Nhà Quan và xin giã các thầy nghĩ lại
- 5→ 特平寧長久底衆碎術某所。
 được bình ninh trường cửu để chúng tôi về chỗ sở.

6→ 終畢

CHUNG TẤT

11→ 會同四教名師
 HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO DANH SƯ

七十九
 thất thập cửu

PHẦN 3

**CHÚ GIẢI TỪ NGỮ VÀ ĐIỂN TÍCH
SÁCH HỘI ĐỒNG TỬ GIÁO DANH SƯ
BẢN HÁN NÔM**

a 亞 PÂ. Td: A-Dong 亞容; Ma-ri-a 瑪移亞.

A-Dong 亞容 PÂ. danh từ riêng chỉ vị thủy tổ nhân loại. Td: Trước thì dựng nên một người nam đặt tên là A-Dong 畧時孕年沒得男達艸畧 亞容.

ác 惡 H. dữ, không tốt. Td: ác hữu ác báo 惡有惡報; ác lộ 惡路.

ách 厄 H. tai nạn, vận rủi. Td: tai ách 災厄.

ai 埃 H. bụi bặm. Td: trần ai 塵埃 (trần tục, thế gian) || GT. ai 埃 || N. từ chỉ người. Td: ai tin ai chẳng mặc ai 埃信埃庄默埃; bởi tay ai 罷搔埃.

ai 哀 PÂ. Td: vua Ai Đế 希哀帝.

Ai Đế 哀帝 H. vua Hán Ai Đế 漢哀帝 (trị vì 26 tCN-1 tCN) tên thật là Lưu Hân 劉欣, là Hoàng đế thứ 13 của nhà Hán trong lịch sử Trung Hoa.

an 安 H. yên ổn; làm ổn định Td: an bài 安排; quốc phú dân an 國富民安.

an bài 安排 H. xếp đặt, bố trí. Td1: phương chi mọi việc trong trời đất đã an bài chế độ phép tắc thứ tự đường ấy 方之每役勑忝坦奄安排制度法則次序義氏. || Td2: Nếu những lý khí không, vô tri vô giác mà an bài mọi sự đường ấy được ru? 裊仍理氣空無知無覺麻安排每事義氏特咄.

áng 盎 ÂH. áng 盎 || N. khoảng đất phẳng. Td: áng chiến trường 盎戰場.

anh 英 H. 1. người tài xuất chúng. Td: anh hùng 英雄. || 2. tinh hoa của con người. Td: anh linh 英靈. ÂH. anh 英 || N. từ gọi người con trai lớn tuổi hơn hoặc vai trên mình. Td: anh em 英俺.

anh hùng hào kiệt 英雄豪傑 H. tài giỏi xuất chúng, tài sức hơn đời.

anh linh 英靈 H. (hồn thiêng của người quá cố) cao quý thiêng liêng. Td: Đã có sắc ban là thượng đẳng tối linh, thiên cổ anh linh.

ảnh 影 H. bóng, hình. Td: thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình 善惡有報如影隨形 (lành dữ có đáp trả như bóng theo hình).

ánh 曄 HT. nhật 日 (lấy ý) + anh 英 (lấy âm) || N. tia sáng chiếu vào. Td: ánh Mặt Trời 曄極至.

ao 湫 HT. thủy 氵 (lấy ý) + 幼 幼 (lấy âm) || N. trọt từ trong tiếng đôi. Td: ước ao 約湫)

áo 襖 ÂH. đồ mặc để che thân. Td: áo gai 襖菱; áo mũ 襖帽.

ẵm 揹 HT. thủ 扌 (lấy ý) + âm 音 (lấy âm) || N. ôm bằng cả hai tay rồi nhấc lên. Td: Lão Quân ẵm một con trai 老君揹沒昆駝.

ăn 啖 HT. khẩu 口 (lấy ý) + an 安 (lấy âm) || N. 1. nhai và nuốt. Td: *ăn* chay 啖齋; *ăn* uống 啖吐; *ăn* vật 啖吻. || 2. hưởng thụ. Td: *ăn* dùng 啖用; *ăn* hưởng 啖享; || 3. Cách sống, cách cư xử. Td: *ăn* mày 啖眉; *ăn* năn 啖嘸; *ăn* trộm 啖盜.

ắt 乙 GT. ất 乙 || N. chắc thề, đúng như vậy. Td: ắt là 乙咒.

âm 音 H. tiếng. Td: *âm* hưởng 音響 (tiếng vang).

âm 陰 H. phần đối lập với dương trong quan niệm triết Đông. Td: *âm* dương 陰陽; *âm* môn 陰門; cầu *Âm* Không 掇陰空; Thái Cực động nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh *âm* 太極動而生陽。靜而生陰.

âm dương bất trắc vị chi thần 陰陽不測謂之神 H. âm dương không lường được, gọi là thần.

âm vi dương chi mẫu, dương vi âm chi phụ 陰爲陽之母。陽爲陰之父 H. khí âm là mẹ của khí dương, khí dương là cha của khí âm.

âm dương nhị khí vô tri vô giác 陰陽二氣無知無覺 H. âm dương hai khí không tri giác.

âm khí lưu hành tắc vi dương; dương khí ngưng tụ tắc vi âm, tổng thì nhất khí nhi vi nhị 陰氣流行則爲陽。爲氣聚則爲陰。總是一氣而爲二 H. khí âm chuyển động thì thành dương, khí dương ngưng tụ lại thì làm âm, tóm lại chỉ là một khí mà thành hai.

ân 殷 H. họ Ân. Td: Nhà Ân 茹殷.

ân 恩 H. ơn. Td: *ân* báo 恩報; vong *ân* bội nghĩa 忘恩背義.

ấn 印 H. con dấu; dấu vết. Td: *ấn* báu 印寶 N. (GT. *ấn* bảo 印寶: cái ấn của vua) *ấn* tín 印信 chỉ chung về các loại ấn.

âu 謳 H. ca hát; bài hát. Td: *âu* ca 謳歌 (1. hát ca. || 2. ca vịnh để ngợi khen công đức)

ấy 衣 GT. y 衣 || N. 1. từ chỉ một thời điểm nhất định. Td: khi *ấy* 欺衣. || 2. từ chỉ một sự việc hay người nào đó. Td: *ấy* là 衣罌. || 3. từ đầu câu để thể hiện ý khẳng định. Td: *Ấy* trước nhà vua đã luận xử tử mấy người 衣畧茹希龟論處死余得.

ba 巴 HT. ba 巴 (lấy âm) + tam 三 (số ba) || N. số đếm giữa hai và bốn. Td: *ba* lần 巴吝; *ba* mươi 巴逝.

bà 妣 ÂH. bà 妣 || N. từ chỉ người phụ nữ lớn tuổi hoặc dùng với cách tôn xưng. Td: ông *bà* 翁妣; bà Ma-ri-a 妣瑪移亞.

bạc 鉞 HT. kim 金 (lấy ý) + bạch 白 (lấy âm) || N. kim loại quý màu trắng

sáng, mềm, khó gì, dẫn điện tốt, thường dùng để mạ hoặc làm đồ trang sức. Td: thẻ *bạc* 笨鉤; vàng *bạc* 鑽鉤.

bạc 泊 ÂH. Td: linh *bạc* 靈泊 (lâm-bô)

bách 百 H. trăm. Td: *bách* tính 百性 (trăm họ, dân chúng)

bạch 白 H. trắng. Td: *bạch* nhật 白日 (ban ngày)

bài 排 ÂH. bài 排 || N. 1. một đoạn Td: đầu *bài* 頭排. || 2. Công trình sáng tác. Td: *bài* thuốc 排菜; *bài* tiên dược 排僊藥; *bài* Tiểu Chú 排小注.

bãi 擺 ÂH. bãi 擺 || N. khoảng đất bồi ven sông, ven biển. Td: *bãi* cát Trường Sa 擺塢長沙.

bái 拜 H. lạy, cung kính. Td: giao *bái* 遙拜 (lạy lẫn nhau)

bại 敗 H. bị thua. Td: *bại* trận 敗陣 (bị thua trong lúc giao tranh).

ban 班 ÂH. ban 班 || N. buổi. Td: *ban* ngày 班晷; *ban* đêm 班暝.

ban 頒 ÂH. ban 頒 || N. cho, cấp, phát, thưởng. Td: *ban* cho 頒朱; *ban* quyền chức 頒權職; *ban* thưởng công 頒賞功.

bàn 盤 ÂH. bàn 盤 || N. vật có mặt phẳng lớn và có chân đỡ để bày đồ đạc hoặc để làm việc. Td: cỗ *bàn* 饌盤.

bản 本 H. còn có âm là bốn. 1. tờ, tập bản vẽ. Td: *bản* đồ 本圖 (tấm địa đồ; bản vẽ thu nhỏ dùng các ký hiệu, quy ước để mô tả tình trạng phân bố địa lý của khu vực, đất nước.) || 2. của mình. Td: *bản* mệnh 本命 (số phận của một người); *bản* quốc 本國. || 3. cội rễ. Td: truy tư báo *bản* 追思報本 (tưởng nhớ báo đền cội nguồn).

bản quốc 本國 H. nước sở tại, trong sách *Hội đồng tư giáo* là Đại Việt.

bạn 伴 ÂH. bạn 伴 || N. người quen biết và có quan hệ gần gũi, thân thiết. Td: làm *bạn* cùng 濫伴共.

bạn 叛 H. làm phản. Td: tiếm *bạn* 僭叛 (vượt quyền làm phản).

báng 謗 ÂH. báng 謗 || N. chê bai, nói xấu, dị nghị. Td: nhạo *báng* 嚙謗.

bánh 餚 HT. thực 食 (lấy ý) + bính 丙 (lấy âm) || N. món ăn chín được làm từ bột ngũ cốc. Td: *bánh* dày 餚糰.

bao 包 ÂH. bao 包 || N. 1. từ chỉ mức độ, số lượng, khoảng thời gian. Td: *bao* nhiêu 包饒; *bao* giờ 包晷; *bao* la 包羅. || 2. ẩn tàng. Td: chiêm *bao* 占包 (nhìn thấy những chuyện hoặc sự việc xảy ra trong giấc ngủ). || 3. chứa đựng. Td: *bao* hàm 包含 (chứa đựng).

bảo 保 H. giữ gìn. Td: *bảo* quốc 保國 (giữ nước); *bảo* thành 保城 (giữ thành). || N. nói cho biết điều gì. Td: kinh *Bảo* Đường 經保塘.

bảo 寶 H. họ Bảo. Td: *Bảo* Nguyệt Quang 寶月光 (tên mẹ của Ngọc Hoàng)

bão 電 GT. bạc 電 || N. gió to có sức phá hoại dữ dội. Td: mưa *bão* 霄電;
gió *bão* 颶電.

báo 報 H. đền đáp, đáp lại. Td: *báo* bản 報本; *báo* hiếu 報孝; ác hữu ác *báo*
惡有惡報; ân *báo* 恩報; thiện hữu thiện *báo* 善有善報.

báo bản 報本 H. đền đáp nguồn cội (cha mẹ, ông bà).

báo hiếu 報孝 H. đền đáp công ơn cha mẹ.

bát 八 H. tám, số đếm nằm giữa số bảy và số chín. Td: tứ thời *bát* tiết 四
時八節.

báu 寶 GT. bảo 電 || N. quý. Td: ấn *báu* 印寶.

bày 排 GT. bài 排 || N. 1. xếp đặt, bố trí. Td: *bày* đặt 排達; *bày* ra 排暱. || 2.
hàng. Td: sánh *bày* 鈔排.

bảy 𠬪 HT. bãi 罷 (lấy âm) + thất 七 (lấy ý) || N. bảy, số đếm ở giữa số sáu
và số tám.

bảy sự này để mà phụng dưỡng cha mẹ là 𠬪事尼底麻奉養吒娑𠬪:

- + *nhất tắc kính úy* 一則敬畏 H. thứ nhất là kính sợ.
- + *nhị tắc tòng mệnh* 二則從命 H. thứ hai là vâng lời.
- + *tam tắc phụng dưỡng* 三則奉養 H. thứ ba là hầu hạ và chăm sóc.
- + *tứ tắc khuất nhẫn* 四則屈忍 H. thứ tư là nhịn nhục.
- + *ngũ tắc tử hậu dĩ lễ táng chi* 五則死後以禮塋之 H. thứ năm là khi qua
đời phải làm theo nghi lễ an táng (của Hội Thánh);
- + *lục tắc xả thí bần nhân, vị phụ mẫu linh hồn, khẩn kỳ ư Thiên Chủ* 六則
舍施貧人。為父母靈魂。懇祈於天主 H. thứ sáu là bố thí cho người
nghèo để cầu cùng Thiên Chúa cho linh hồn cha mẹ;
- + *thất tắc cảm tư chung thì, thủ khán phần mộ, thường hành kỵ lạp, truy tư
báo bản* 七則感思終時。守看墳墓。常行忌臘。追思報本 H. thứ bảy là
trọn đời ghi nhớ: hằng trông giữ phần mộ, thường xuyên giỗ chạp,
tưởng niệm và báo đền nguồn cội (cha mẹ, ông bà).

bắc 北 H. một trong bốn phương chính, khi nhìn hướng ấy thì thấy mặt
trời lặn ở phía tay trái. Td: *Bắc* Phương Hắc Đế 北方黑帝.

bắn 𢇛 HT. cung 弓 (lấy ý) + bán 半 (lấy âm) || N. phóng tên, phóng đạn.
Td: *săn* *bắn* 𢇛𢇛.

bằng 平 GT. bình 平 || N. không hơn không kém, không kém so với cái
chuẩn. Td: *bằng* nhau 平饒; *chẳng* *bằng* 庄平; như *bằng* mình vậy 如

平命丕; nhược bằng 若平.

bằng 朋 H. bạn bè. Td: *bằng hữu* 朋友.

bắt 扒 GT. bá 扒 || N. 1. giữ lấy ai đó. Td: *bắt* được hai thầy cả 扒特仁柴奇; *bắt* lấy 扒褫. || 2. phát hiện lỗi của người khác và làm cho họ phải chịu trách nhiệm. Td: *bắt* nét 扒涅. || 3. Buộc phải làm một việc mà không cho chọn lựa hay làm khác đi. Td: *bắt* đầy xuống 扒苔甕.

bạc (bực) 北 GT. bắc 北 || N. hạng người. Td: đáng nào *bạc* nào 等市北市.

bẩm 禀 H. chịu, nhận. Td: *bẩm* thụ 禀受 (nhận lấy).

bẩm thụ âm dương nhị khí chi thuận 禀受陰陽二氣之順 H. nhận lấy hai khí âm dương điều hòa.

bẩm thụ nhị khí bất thuận 禀受二氣不順 H. nhận lấy hai khí (âm dương) không điều hòa.

bần 貧 H. nghèo, thiếu thốn. Td: *bần* nhân 貧人 (người nghèo khó)

bất 不 H. chẳng, không. Td: *bất* khả 不可; *bất* tỉnh nhân sự 不省人事; *bất* từ lao khổ 不辭勞苦; *bất* quá 不過; *bất* trắc 不測; *bất* hiếu 不孝; trường sinh *bất* tử 長生不死.

bất cố danh lợi 不顧名利 H. không chú ý tiếng tăm và lợi ích.

bất hiếu chi nhân 不孝之人 H. kẻ bất hiếu.

bất sanh bất tử, bạch nhật phi thăng, đằng không nhi khứ 不生不死。白日飛升。騰空而去 H. chẳng sống chẳng chết, ban ngày bay lên trên không mà đi.

bất từ lao khổ 不辭勞苦 H. không từ chối cực nhọc, vất vả.

bây 悲 GT. bi 悲 || N. chỉ lúc này, hiện tại. Td: *bây* giờ 悲除.

bấy 閉 GT. bế 閉 || N. 1. từ chỉ thời gian đang nói đến. Td: *bấy* giờ 閉除, *bấy* lâu 閉數. || 2. từ chỉ số lượng. Td: *bấy* nhiều 閉饒.

bấy giờ 閉除 khoảng thời gian được xác định, được nói đến, trong quá khứ. Td: *Bấy* giờ Nhà Quan dạy rằng... 閉除茹官哦浪.

bèn 卞 GT. biện 卞 || N. liền. Td: *bèn* hạ mình 卞下命.

bên 邊 GT. biên 邊 || N. phía. Td: *bên* đạo 邊道; *bên* phương này 邊方尼.

bệnh 病 GT. bệnh 病 || N. trạng thái cơ thể đau yếu, không hoạt động bình thường. Td: *bệnh* não 病惱; cắt *bệnh* 拮病.

bêu 梟 GT. kiêu 梟 || N. bày ra trước dân chúng nhằm làm nhục hay đe dọa. Td: *bêu* đầu 梟頭.

bi 悲 H. lòng thương xót. Td: từ *bi* 慈悲 (có lòng thương xót người nghèo

khô, bệnh tật, tội lỗi)

bì 皮 H. da. Td: thần bì 神皮 (lớp da của con người)

bí 秘 H. giữ kín, không công khai. Td: bí truyền 秘傳 (dạy hay chỉ bảo không công khai)

bia 碑 GT. bi 碑 || N. tấm đá có khắc tên hoặc sự tích để lưu truyền cho đời sau. Td: bia vàng 碑鐫.

biếm 貶 H. chê bai, giễu cợt. Td: 1. Đông Hán Minh Đế nghe đạo Thích Ca mà biếm đạo Nho 東漢明帝詵道釋迦麻貶道儒. || 2. Vua Tống Huy Tông nghe đạo Lão Tử mà biếm đạo Thích Ca 希宋徽宗詵道老子麻貶道釋迦.

biến 變 H. 1. thay đổi. Td: dương biến âm 陽變陰 (dương thay đổi thành âm); biến hóa 變化 (thay đổi tính chất hoặc hình thái của sự vật). || 2. tan do thay đổi. Td: dương biến âm hợp nhi sinh ngũ hành 陽變陰合而生五行 H. khí dương tan, khí âm hợp mà sinh ra ngũ hành. || N. vụt mất đi. Td: biến đi 變埒.

biến hóa 變化 H. thay đổi hình thái của sự vật. Td: biến hóa vạn vật 變化萬物.

biện 辯 H. phân định. Td: vật biện 勿辯 (chớ phân định); lý biện 理辯 (lẽ phải)

biết 別 GT. biệt 別 || N. 1. không rõ. Td: biết bao giờ 別包畛. || 2. không rõ thế nào. Td: biết đâu 別 .

biệt 別 H. xa cách. Td: cách biệt 隔別 (chia lìa, phân ly)

bình 平 H. 1. thông thường. Td: bình nhật 平日 (thường ngày; ngày thường) || 2. yên ổn, điều hòa. Td: bình ninh 平寧; bình sinh 苹生; Xương Bình 廊昌平 (hung thịnh và yên ổn) || 3. bằng. Td: công bình 公平.

bình ninh trường cửu 平寧長久 H. bình yên lâu dài.

bò 哺 HT. ngư 𪛗 (lấy ý) + 1/2 bộ 捕 (lấy âm) || N. động vật nhai lại, chân có hai móng, sừng rỗng và ngắn, được nuôi lấy sức kéo, ăn thịt hay lấy sữa. Td: trâu bò 𪛗哺.

bổ 補 GT. bộ 補 || N. 1. không quan tâm đến. Td: bỏ đạo Thiên Chúa truyền 補道天主傳; bỏ loại 補類; bỏ việc 補後; muốn bỏ thì bỏ 悶補時補. || 2. đặt, để vào nơi nào đó. Td: bỏ xuống 脯 .

bóng 俸 GT. bổng 俸 || N. xa với nghĩa thực. Td: lay bóng lay gió 𪛗俸𪛗疊.

- bồ** 逋 PÂ. Td: lâm-bồ 林逋 (ngực mà linh hồn thánh tổ tông xưa khi sinh thì còn phải ở đấy, trông chờ Chúa Cứu Thế đến).
- bội** 背 H. làm trái lại. Td: vong ân *bội* nghĩa 忘恩背義.
- bội** 倍 H. tăng lên nhiều lần. Td: *bội* phần 倍分.
- bốn** 罫 HT. tứ 四 (lấy ý) + bốn 本 (lấy âm) || N. số đếm nằm giữa số ba và số năm. Td: bốn sự cả thể sau hết 罫事奇体後歎; thứ bốn 次罫.
- bờ** 坡 GT. ba 坡 || N. dải đất giới hạn cho một vùng, một nước. Td: *bờ* cõi 坡埃)
- bởi** 罷 GT. bãi 罷 || N. vì, có gì. Td: *bởi* đâu 罷兜; *bởi* đấy 罷帝; *bởi* không 罷空; *bởi* vì 罷爲.
- bớt** 扒 GT. bá 扒 || N. làm cho ít đi về mức độ hay số lượng. Td: *bớt* phần phạt 扒分罰.
- bụng** 膂 HT. nhục 月 (lấy ý) + phụng 奉 (lấy âm) || N. bộ phận cơ thể người hoặc động vật, chứa lục phủ. Td: đau *bụng* 痲膂.
- buộc** 紮 HT. mịch 糸 (lấy ý) + bốc 卜 (lấy âm) || N. bắt phải chịu, ép. Td: *buộc* cầm hết 紮拵歎.
- buổi** 睏 HT. nhật 日 (lấy ý) + bối 貝 (lấy âm) || N. một phần của ngày. Td: một *buổi* là một điều 沒睏睏沒調.
- bụt** 孖 GT. bột 孖 || N. Phật theo cách gọi dân gian. Td: hai xương sườn cụt đã hóa nên hai *Bụt* 仁昌肱膊 龟化年仁孖.
- bữa** 飪 HT. thực 食 (lấy ý) + bĩ 否 (lấy âm) || N. một lần ăn. Td: một ngày ba *bữa* 沒睏吧飪.
- bực** (bặc) 北 GT. bắc 北 || N. hạng người. Td: đáng nào *bực* nào 等市北市.
- bưng** 擲 HT. thủ 扌 (lấy ý) + bang 邦 (lấy âm) || N. hai tay đỡ vật gì. Td: *bưng* cổ bàn 擲銀盤.
- ca** 歌 H. hát; bài hát. Td: âu *ca* 謳歌 (1. hát ca. || 2. ca vịnh để ngợi khen công đức)
- cả** 奇 GT. kỳ 奇 || N. nhiều. Td: *cả* và loài người ta 奇吧類得些.
- cá** 魴 HT. ngư 魚 (lấy ý) + cá 𩺰 (lấy âm) || N. động vật có xương, sống dưới nước, thở bằng mang, bơi bằng vây. Vd: tôm *cá* 魴魴.
- cá** 个 H. riêng lẻ. Td: *cá* đạo lý 个道理 (lẽ sống đạo riêng nơi mỗi người).
- các** 各 ÂH. các 各 || N. từ chỉ số nhiều, số đông mà người nói đã biết trước. Td: *các* nước 各諾; *các* đẳng đế vương 各等帝王.
- cách** 隔 H. biệt ly, ngăn trở. Td: *cách* biệt 隔別 (chia lìa, phân ly). || GT.

cách 各 〓 N. không tiếp nối nhau, vì ở giữa có một khoảng không gian hay thời gian nào đó. Td: *cách* bờ cõi 隔坡堺; *cách* ba bốn ngàn năm trước 隔巴罽疇疇畧.

cách 格 H. 1. phương pháp. Td: *cách* thế 格勢 (phương pháp và trạng thái hoạt động). 2. 〓 *cách* vật 格物 (cái lý của sự vật)

cách vật cùng lý 格物窮理 H. tìm tòi tận cùng cái lý của sự vật. Td: nho giả *cách vật cùng lý* 儒者格物窮理.

cách vật nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị quốc trị nhi hậu thiên hạ bình 格物而後知至。知至而後意誠。意誠而後心正。心正而後身修。身修而後家齊。家齊而後國治。國治而後天下平 H. xét vật rồi mới biết trọn, biết trọn rồi mới tạo nên ý, ý có rồi thì lòng mới ngay chính, ngay chính trong lòng rồi mới sửa mình, sửa mình rồi mới xếp đặt việc nhà, xếp đặt việc nhà rồi mới trị nước, trị nước rồi thì mọi nơi mới yên. (trích sách Đại Học trong bộ Tứ Thư)

cai 該 H. tất cả, bao quát hết thảy. Td: *cai* quản 該管 (trông nom mọi việc); *cai* trị 該治 (xếp đặt yên mọi việc).

cái 丐 ÁH. cái 丐 〓 N. từ dùng để chỉ từng đơn vị riêng lẻ thuộc loại vật vô sinh. Td: *cái* gậy 丐棍; *cái* lều 丐廬.

cái tự thiên giáng sinh dân, tắc ký mạc bất dư chi dĩ nhân nghĩa lễ trí tín 盖自天降生民。則既莫不與之以仁義禮智信 (Đại Học 大學) H. bởi tự Trời khi sinh ra dân đã phú sẵn các đức tính là nhân nghĩa lễ trí tín.

cải 改 H. biến đổi, sửa đổi. Td: *cải* quá 改過; thiên thiện *cải* ác 遷善改惡 (làm lành lánh dữ).

cải quá 改過 H. sửa chữa lỗi lầm. Td: xá tội cho kẻ thống hối *cải quá* 赦罪 朱几痛悔改過.

cãi 叵 HT. khẩu 口 (lấy ý) + cải 改 (lấy âm) 〓 N. dùng lời lẽ để chống chế, bác bỏ ý kiến người khác nhằm bảo vệ ý kiến hoặc việc làm của mình. Td: nói thể ấy thì cũng như *cãi* rằng 叵体衣時拱如叵浪.

cam 甘 ÁH. cam 甘 〓 N. chịu nhận, bằng lòng. Td: *cam* chịu 甘詔.

cảm 感 H. làm cho xúc động, động lòng. Td: *cảm* tư 感思 (ghi nhớ).

càn 乾 ÁH. càn 甘 〓 N. ngang ngược, xằng bậy. Td: *càn* dỡ 乾嗜.

- càn** 乾 咄 N. còn gọi là càn rõ, ngang ngược đến mức không phân biệt phải trái. Td: sinh ra *tà vạy* càn 咄 生 瞞 邪 魑 乾 咄.
- càng** 强 GT. cường 强 || N. hơn nữa, thêm. Td: *càng* cả sáng hơn nữa 强 奇 創 欣 女; *càng* kém hơn nữa 强 劍 欣 女; *càng* sáng danh 强 創 名; *càng* xem 强 .
- cảnh** 境 H. khu vực. Td: *Cảnh Viên* 境 園 (địa danh).
- cảnh** 景 H. to lớn. Td: *Cảnh Hưng* 景 興 (niên hiệu vua Lê Hiển Tông (1717-1786))
- cánh** 竟 H. cuối cùng. Td: cứu *cánh* 究 竟 (sau cùng, tận cùng).
- cao** 高 H. trời vượt. Td: *Cao Tông* 高 宗 (niên hiệu một số vua trong lịch sử Trung Hoa, trong sách này có ý nói về vua Tống Cao Tông). || N. trái với thấp. Td: *cao* tay 高 桀.
- cáo** 犒 HT. khuyến 犒 (lấy ý) + cáo 告 (lấy âm) || N. thú ăn thịt, sống hoang dã, gần giống chó, chân thấp, tai to, mõm dài và nhọn, rất tinh khôn. Td: cày *cáo* 犒 犒.
- cát** 塼 HT. thổ 土 (lấy ý) + cát 葛 (lấy âm) || N. đá vụn có kích thước nhỏ hơn 2mm, thường là thạch anh và các khoáng vật khác. Td: bãi *cát* Trường Sa 塼 塼 長 沙.
- cắm** 襟 GT. khâu 襟 || N. ghim sâu xuống. Td: *cắm* bốn cột giữa nhà 襟 罽 綽 綽 茹.
- cắt** 隔 GT. cách 隔 || N. dùng vật sắc để làm đứt ngang cái gì. Td: *cắt* quãng 隔 廣.
- cầm** 拵 HT. thủ 才 (lấy ý) + ½ cầm 岑 (lấy âm) || N. 1. giữ trong tay. Td: *cầm* quyền 拵 權. || 2. giữ lại một nơi nào. Td: ngăn *cầm* 垠 拵; giam *cầm* 檻 拵.
- cầm** 禽 H. loài chim. Td: *cầm* thú 禽 獸 (chim muông, chỉ chung cho loài vật).
- cấm** 禁 H. không cho phép. Td: giới *cấm* 戒 禁 (điều cấm). || N. không cho phép. Td: quả *cấm* 菜 禁.
- cân** 巾 ÂH. cân 巾 || N. khăn. Td: *cân* đai 巾 帶 (khăn và dải áo).
- cần** 勤 H. cứu giúp. Td: *cần* vương 勤 王 (dấy binh khởi nghĩa giúp vua)
- cấp** 級 H. thứ bậc. Td: phẩm *cấp* 品 級 (thứ bậc cao thấp của quan lại).
- cấp** 給 H. tiền lương. Td: cung *cấp* 供 給 (dâng hiến tiền lương, đóng thuế).
- cập** 及 H. đến, tới. Td: tự cổ *cập* kim 自 古 及 今 (từ xưa đến nay)

- cất** 拈 HT. thủ 扌 (lấy ý) + cát 吉 (lấy âm) || N. đem đi, lấy đi. Td: *cất* bệnh 拈病; *cất* chức 拈職.
- câu rút** 枸橼 PÂ. phiên âm từ *cruz* tiếng Bồ Đào Nha với nghĩa là thập tự thánh giá, thánh giá, thập tự giá.
- câu** 句 H. *câu* văn. Td: giải *câu* 解句 (giải thích câu văn)
- cầu** 求 H. 1. nhờ, xin giúp. Td: *cầu* khẩn 求懇. || 2. chiêu dân. Td: *cầu* hồn 求魂.
- cầu** 掬 HT. thủ 扌 (lấy ý) + cầu 求 (lấy âm) || N. vật bắc qua sông, suối. Td: *cầu* Âm Không 掬陰空; *cầu* đồng 掬銅.
- cây** 核 HT. mộc 木 (lấy ý) + hợi 亥 (lấy âm “hài” theo Pinyin) || N. loài thảo mộc. Td: *cây* cối 核櫟; *cây* dừa 核棕; loài *cây* 類核.
- cầy** 猯 HT. khuyển 犴 (lấy ý) + kỳ 其 (lấy âm) || N. thú ăn thịt, sống hoang dã ở hang hốc, mõm nhọn, tai nhỏ, mình dài, chân thấp, có tuyến tiết mùi đặc biệt. Td: *cầy* cáo 猯猯.
- cậy** 忌 GT. kỵ 忌 || N. trông nhờ. Td: trông *cậy* 箠忌.
- cha** 吒 GT. trá 吒 || N. người nam trong quan hệ với con cái. Td: *cha* mẹ 吒媿.
- chánh** 正 ÂH. chánh 正 || N. đúng, ngay thẳng. Td: gặp *chánh* thì *chánh* 及正時正.
- chạp** 臘 GT. lập 臘 || N. lễ cúng tế vào cuối năm, sau khi đi giã gạo. Do vậy, tháng 12 là *lập* nguyệt 臘月 hay tháng *chạp*. Td: giỗ *chạp* 咍臘.
- cháu** 招 HT. tử 子 (lấy ý) + triệu 召 (lấy âm “zhào” theo Pinyin) || N. người thuộc thế hệ sau nhưng không phải là con, trong quan hệ với người thuộc thế hệ trước. Td: con *cháu* 昆招.
- chay** 齋 GT. trai 齋 || N. kiêng thịt hoặc ăn ít tùy theo tôn giáo. Td: ăn *chay* 啖齋; giữ *chay* 侍齋; làm *chay* 濫齋.
- chảy** 汭 GT. chỉ 汭 || N. tuôn ra, trôi đi. Td: nước *chảy* 渚汭.
- chạy** 豨 HT. trại 豨 (lấy âm) + tẩu 走 (lấy ý) || N. 1. tích cực hoạt động vì không mẫn bỏ dở. Td: *chạy* xuôi ngược 豨吹虐. || 2. lo liệu mau chóng. Td: *chạy* chuộc 豨贖.
- chăng** 庄 GT. trang 庄 || N. không. Td: có thật *chăng*? 固實庄.
- chẳng** 庄 GT. trang 庄 || N. không với ý mạnh hơn. Td: *chẳng* bằng 庄平; *chẳng* biết 庄別; *chẳng* chữa mình 庄助命; *chẳng* còn 庄群; *chẳng* dám 庄敢; *chẳng* hay gì 庄哈之; *chẳng* hổ 庄虎; *chẳng* nê 庄泥; *chẳng*

những 庄仍; *chẳng* nữ 庄女; *chẳng* phải 庄沛; *chẳng* sót 庄率.

chất 質 HT. tử 子 (lấy ý) + chất 質 (lấy âm) || N. con của cháu nội hay cháu ngoại. Td: cháu *chất* 召質.

chân 眞 H. 1. thực thụ, không phải giả. Td: *chân* chính 真正 (ngay thẳng); *chân* chủ (chúa) 眞主 (vua thật, chúa thật); *chân* nguy 眞偽 (thật giả). || 2. đắc đạo. Td: *chân* linh 眞靈 (vong linh có cuộc sống trần thế trước đó tốt đẹp).

Chấn 震 H. quẻ Chấn ䷲. Td: đế xuất vu *Chấn* 帝出于震 (vua ra từ quẻ Chấn).

chấn 振 H. làm cho hăng hái, giúp. Td: kiên *chấn* 堅振 (giúp vững vàng – Bí tịch Thêm Sức).

chất 質 H. bản tính trời cho. Td: khí *chất* 氣質 (bản tính bẩm sinh).

châu 朱 H. họ Châu. Td: *Châu* Tử 朱子; *Châu* Văn Công 朱文公.

châu 州 H. khu vực hành chính. Td: đất Việt *Châu* 坦越州.

chầu 朝 GT. triều 朝 || N. hầu việc, hướng về một phía hay một việc gì. Td: *chầu* chực 朝直.

chém 刮 HT. chiêm 占 (lấy âm) + đao 刀 (lấy ý) || N. làm đứt vật gì bằng cách bổ mạnh guom, đao, dao vào nó. Td: *chém* chết 刮斃.

chép 割 GT. tráp 割 || N. viết lại một bản văn hay một sự việc gì. Td: *chép* trong sách đạo 割勑典道.

chê 吱 GT. chi 割 || N. tỏ ra không thích, không vừa ý vì cho là kém, xấu, không đạt yêu cầu. Td: *chê* cười 吱嗤; *chê* rằng 吱浪; nào có ai *chê* 市固埃吱.

chế 吱 GT. chi 割 || N. dùng lời nói hay cử chỉ để trêu chọc làm cho người ta xấu hổ, thường để vui cười. Td: *chế* nhạo 吱嚙.

chế 制 GT. chế 制 || N. thời gian đang để tang. Td: tang *chế* 喪制.

chết 斃 HT. chiết 折 (lấy âm) + tử 死 (lấy ý) || N. không còn khả năng sống, không còn có biểu hiện của sự sống. Td: chém *chết* 刮斃; giết *chết* 折斃.

chỉ 只 ÂH. chỉ 只 || N. từ biểu thị phạm vi được hạn định. Td: *chỉ* để 只底; quỷ thần *chỉ* thị khí 鬼神只是氣 (quỷ thần chỉ là khí).

chí 至 H. rất, đạt đến. Td: *chí* tôn *chí* trọng 至尊至重; tri *chí* 知至 (biết trọn).

chí nhân chí mỹ 至仁至美 H. rất nhân hậu, rất tốt đẹp.

chí tôn chí trọng vô đối 至尊至重無對 H. rất cao quý, rất kính trọng, không gì sánh bằng.

chí tôn chí quý 至尊至貴 H. rất hiển trọng, rất cao sang.

chí tôn vô đối 至尊無對 H. rất cao quý, không gì sánh bằng.

chí 志 H. ý muốn. Td: phi chí 匪志 (được thỏa mãn nhu cầu về ý muốn).

chia 紛 HT. chi 支 (lấy âm) + phân 分 (lấy ý) || N. phân ra. Td: chưa phân chia 諸分紛.

chiêm 占 ÂH. chiêm 占 || N. chiêm thấy. Td: chiêm bao 占包 (nhìn thấy những chuyện hoặc sự việc xảy ra trong giấc ngủ).

chiêm 瞻 H. xem. Td: thủ chiêm lễ chi nhật 守瞻禮之日 (giữ việc xem ngày lễ Chúa nhật).

chiến 戰 H. đánh nhau. Td: chiến trường 戰場.

Chiêu Vương 昭王 H. tên thụy của một số vua Trung Hoa, trong sách này là vua Chu Chiêu Vương 周昭王 (995 tCN – 977 tCN).

chiều 朝 GT. triều 朝 || N. 1. khoảng thời gian từ sau trưa đến trước tối. Td: chiều hôm 朝歆. || 2. làm theo ý thích của người khác để được vừa lòng. Td: Bời Người có lòng kính mẹ lắm, thì cũng phải chiều cho bằng lòng mẹ 罷得固悉敬媿凜時拱沛朝朱平悉媿.

chim 鷗 HT. chiêm 占 (lấy âm) + điều 鳥 (lấy ý) || N. động vật có xương sống, đầu có mỏ, thân phủ lông vũ, có cánh để bay, đẻ trứng. Td: muông chim 獐鷗.

chín 𪛗 HT. cửu 九 (lấy ý) + ½ chân 軫 (lấy âm) || N. số đếm ở giữa số tám và số mười. Td: mồng chín 夢𪛗.

chính 正 ÂH. chính 正 || N. đúng, ngay thẳng. Td: chính đạo 正道; đạo chính 道正; lễ chính trong đạo 理正醜道; gặp chính thì chính 及正時正.

chính đạo 正道 H. ba đạo đang có trên đất Đại Việt, đó là đạo Nho, đạo Lão Tử, đạo Thích Ca. Còn các đạo khác được gọi là tà đạo hay dị đoan chi giáo. Td: các đẳng đế vương, công hầu, sĩ thứ đều trọng ba đạo ta này, lấy làm chính đạo 各等帝王公侯士庶調重𪛗道些尼祇濫正道.

chịu 𪛗 HT. thọ 受 (lấy ý) + triệu 召 (lấy âm) || N. nhận lấy, chấp nhận, bằng lòng. Td: chịu chết 𪛗斃; chịu đạo 𪛗道; chịu hình khổ 𪛗形苦; chịu lửa 𪛗𪛗; chịu nạn 𪛗難; chịu phán xét chung 𪛗判察終; chịu

phạt 劓 罰; *chịu* phúc 紹福; *chịu* thai 紹胎; cam *chịu* 甘紹.

chịu đạo 紹道 KN. bằng lòng vào đạo. Td: thường khuyên con *chịu đạo* 常勸昆紹道.

cho 朱 GT. chu 朱 || N. từ biểu thị yêu cầu, mục đích, mức độ đạt tới của điều vừa được nói đến. Td: *cho* đủ 朱堵; *cho* nên 朱年; *cho* ra 朱暉; *cho* thỏa 朱妥.

cho ra 朱暉 N. trở nên. Td: lòng người cũng muốn theo bên nhà Chúa *cho ra* nhất môn thì dễ hơn 悉得拱悶曉邊茹主朱暉一門時易欣.

chó 狂 HT. khuyến 犛 (lấy ý) + chủ 主 (lấy âm) || N. động vật ăn thịt, có bốn chân, được nuôi để giữ nhà hay đi săn. Td: thần *chó* 神狂.

chọn 拱 HT. thủ 扌 (lấy ý) + ½ tuyển 選 N. (lấy âm) || N. lựa kỹ. Td: *chọn* lấy 拱褻.

chóng 掣 HT. thủ 扌 (lấy ý) + chúng 衆 (lấy âm) || N. mau, không mất nhiều thời gian. Td: *cho* *chóng* 朱掣.

chốc 祝 GT. chúc 祝 || N. lúc, trong khoảng thời gian ngắn. Td: *chốc* ấy 祝衣.

chôn 塹 HT. thổ 土 (lấy ý) + tôn 尊 (lấy âm) || N. đặt vào lỗ đã đào và lấp đất lại. Td: *chôn* sắp *chôn* ngựa 塹脰擣語.

chốn 准 GT. chuẩn 准 || N. nơi, chỗ. Td: *chốn* ấy 准衣; *chốn* rất thanh nhàn 准慄清閒; *chốn* trần ai 准塵埃.

chồng 𡇗 HT. trùng 重 (lấy âm) + phu 夫 (lấy ý) || N. người đàn ông trong quan hệ cùng người phụ nữ kết hôn với mình. Td: vợ *chồng* 婦𡇗.

chống 掣 HT. thủ 扌 (lấy ý) + chúng 衆 (lấy âm) || N. đặt thanh dài vững vàng tựa vào một vật khác để giữ cho vật này khỏi đổ, khỏi ngã. Td: cột vàng *chống* trời 楫鑢掣垂.

chớ 渚 GT. chữ 渚 || N. 1. từ biểu thị ý phủ định dứt khoát điều chưa hề xảy ra bao giờ. Td: *chớ* hề 渚兮; *chớ* thì 渚時. || 2. ước mong. Td: *chớ* chi 渚之. || 3. đúng vậy. Td: mà *chớ* 麻渚 (tiếng dùng kết câu để nhấn mạnh).

chợ 幣 HT. trợ 助 (lấy âm) + thị 市 (lấy ý) || N. nơi người ta nhóm họp để trao đổi, mua bán hàng hóa. Td: Kẻ *Chợ* 几幣.

chu 朱 H. họ Chu. Td: *Chu* Tử 朱子.

chu 周 H. họ Chu. Td: *Chu* Công 周公; *Chu* thư 周書; đời *Chu* 代周.

Chu Kính Vương 周敬王 (trị vì 519 tCN - 477 tCN) H. tên thật là Cơ Cái

姬巧, vua thứ 26 của nhà Chu trong lịch sử Trung Hoa.

Chu thư 周書 H. sách lịch sử gồm 50 quyển do Lệnh Hồ Đức Phân đòi Đường làm chủ biên, cùng Sầm Văn Bản và Thôi Nhân Sư tham gia viết và biên soạn chung vào năm Trinh Quán thứ 3 (năm 629), đến năm Trinh Quán thứ 10 (năm 636) thì hoàn thành. Sách ghi chép lịch sử hưng thịnh và suy vong của Tây Ngụy và Bắc Chu thời Nam Bắc triều.

Chu Tử (Châu Tử) 朱子 H. tên gọi tôn xưng của Chu Hy tự là Nguyên Hối, hiệu là Hối Am, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1130 tại Vụ Khê, Phúc Kiến, Trung Quốc – mất ngày 23 tháng 4 năm 1200.

chủ 主 H. 1. tự mình. Td: *chủ trương* 主張 (tự lo lắng, xếp đặt công việc).
|| 2. Chúa. Td: Thiên *Chủ* 天主.

chủ tể thiên địa 主宰天地 H. Người cai quản trời đất. Td: Lại sách Gia Ngữ lời ông Khổng Tử rằng: *Chủ tể thiên địa*, ấy Thượng Đế là ai? 吏冉家語喏翁孔子浪. 主宰天地. 上帝上帝埃.

chủ thiên địa dĩ sanh vạn vật 主天地以生萬物 H. Chúa trời đất, sinh ra mọi sự.

chú 注 ÂH. chú 注 || N. 1. em của cha. Td: là *chú* Chúa Tịnh Đô Vương 注主靖都王. || 2. niệm. Td: bài Tiểu *Chú* 排小注.

chúa 主 GT. chủ 主 || N. 1. người có quyền lực cao nhất trong một nước. Td: *Chúa* Tịnh Đô Vương 主靖都王; *chúa* Trịnh 主鄭. || 2. Đấng Tối Cao. Td: *Chúa* Cứu Thế 主救世; Thiên *Chúa* 天主.

chúa Trịnh 主鄭 N. một vọng tộc nắm quyền ở Đàng Ngoài suốt thời Lê Trung hưng, vua Lê lúc ấy tuy có ngôi vị nhưng không có thực quyền. Triều đình lúc này theo thể chế lưỡng đầu. Tổng cộng có 12 đời chúa Trịnh (tính cả đời Trịnh Kiểm, người mở đầu họ Trịnh) cai quản xứ Đàng Ngoài trong hơn 2 thế kỷ (1545-1787).

chung 終 H. trọn, hết. Td: *chung* tất 終畢 (xong xuôi); *chung* thì 終時 (thời sau hết); tứ *chung* 四終 (bốn sự cuối cùng).

chúng 衆 ÂH. chúng 衆 || N. tất cả. Td: *chúng* tôi 衆碎.

chuộc 贖 GT. thực 贖 || N. đem tiền hay công sức để đổi lấy lỗi lầm hay người đã bị giam giữ. Td: *chuộc* tội 贖罪; chạy *chuộc* 贖贖.

chuộc tội 贖罪 N. giải thoát con người khỏi sự dữ, khỏi ách tội lỗi, qua việc Chúa Giê-su chịu Chết để chuộc lại con người tội lỗi, giao hòa

họ với Thiên Chúa. Td: Đức Chúa Giê-su có *chuộc tội* cho những đáng thánh hiền ấy nữa ru 德主支秋固贖罪朱仍等聖賢氏女咄.

chuộng 憧 HT. tâm 忪 (lấy ý) + trọng 重 (lấy âm) || N. yêu quý. Td: yêu *chuộng* 天憧.

chư 諸 H. các. Td: *chư* hầu 諸侯.

chư hầu 諸侯 H. vua của một nước nhỏ bị nước lớn chi phối. Td: thập bát quốc *chư hầu* 十八國諸侯.

chữ 字 HT. tự 字 (lấy ý) + tự 字 (lấy ý) || N. ký hiệu để ghi lời nói. Td: *chữ* đạo 字道; *chữ* Nho 字儒; cho hợp *chữ* 朱合字.

chưa 諸 GT. *chư* 諸 || N. từ biểu thị ý phủ định đối với điều mà mình cho đến một lúc nào đó không có hoặc chưa xảy ra (nhưng trong tương lai, có thể xảy ra), trái với “rồi”, “đã”. Td: *chưa* biết 諸別; *chưa* có 諸固; *chưa* đền 諸垵.

chữa 助 GT. trợ 助 || N. giúp cho lành, giúp cho khỏi. Td: *chữa* bệnh 助病; *chữa* mình 助命; *chữa* tội 助罪.

chức 職 H. công việc đảm nhận, chức vụ. Td: *chức* phẩm 職品 (thứ bậc công việc đảm nhận); *chức* sắc 職色 (màu sắc của áo để nhận ra phẩm vị, từ gọi chung những người có chức vụ); quyền *chức* 權職 (quyền hành và chức vụ) || N. công việc đảm nhận. Td: cất *chức* 拮職.

chực 直/直 GT. trực 直 || N. chờ đợi. Ta: châu *chực* 朝直.

chửi 吐 HT. khẩu 口 (lấy ý) + chỉ 止 (lấy âm) || N. trách mắng. Td: *chửi* rủa 吐嚕.

chứng 証 H. nhận thật, bằng có. Td: *chứng* nghiệm 証驗 (xác minh bằng việc làm để lấy bằng có).

chước 斫 GT. *chước* 斫 || N. mưu kế. Td: *chước* quỷ 斫鬼.

có 固 GT. cố 固 || N. 1. từ biểu thị ý khẳng định sự gì diễn ra là như thế. Td: *có* bắt được hai thầy cả 固扒特叕柴奇; *có* nhà Quan Sáu 固茹官毡. || 2. trái với không. Td: *có* thật ru 固實咄. || 3. từ biểu thị trạng thái tồn tại trong mối quan hệ tác động qua lại nói chung. Td: *có* đạo 固道.

có đạo 固道 N. từ chỉ việc theo đạo Thiên Chúa. Td: vốn *có đạo* 本固道.

có không nhưng chỉ 固空仍之 N. nào có danh dự chi. Td: Rày phô thầy này còn đeo thói cũ, lại thâm nhập khuyến dụ dân ngu, cho nên lại

phải bắt giam có không nhưng chi 芻鋪柴尼群刀退窶.吏偷入勸誘民愚
朱年吏沛扒檻固空仍之.

coi 槐 HT. thị 柝 (lấy ý) + quỷ 鬼 (lấy âm) || N. xem, trông. Td: coi sóc 槐
朔.

côi 埃 HT. thổ 土 (lấy ý) + quý 癸 (lấy âm) || N. vùng, nơi chốn. Td: côi bắc
埃北; bờ côi 坡埃.

con 昆 GT. côn 昆 || N. người ở thế hệ sau trong tương quan trực hệ với
thế hệ trước. Td: con cái 昆丐; con cháu 昆詔.

con cháu 昆詔 N. con và cháu; những người thuộc các thế hệ sau (nói
khái quát). Td: sinh sản 生産 昆詔.

còn 群 GT. quần 群 || N. tiếp tục diễn ra, không phải đã hết cả hoặc đã
mất đi. Td: còn sống 群羣.

cổ 古 H. xưa. Td: cổ giả 古者; thượng cổ 上古; trung cổ 中古; tự cổ cập kim
自古及今 (từ xưa đến nay).

cổ ngôn vân: Hà nhân vô tội 古言云。何人無罪 H. người xưa nói rằng:
chẳng ai vô tội đâu.

cỗ 餽 HT. thực 食 (lấy ý) + cụ 具 (lấy âm) || N. mâm thức ăn được bày biện
để cúng giỗ hay đãi tiệc. Td: cỗ bàn 餽盤.

cổ 顧 H. chú ý. Td: bất cổ danh lợi 不顧名利 (không màng danh lợi).

cối 檜 ÂH. cối 檜 || N. 1. dụng cụ làm bằng vật liệu rắn, ở giữa có lòng
sâu, dùng để đựng vật cần giã hay xay. Td: cối xay 檜磋. || 2. từ đệm
sau từ chính để nói khái quát. Td: cây cối 核檜.

cội 檜 GT. cối 檜 || N. gốc rễ. Td: cội rễ 檜體.

cội rễ 檜體 N. nguồn gốc hoặc nguyên nhân sâu xa của sự việc, vấn đề.
Td: dù ai ai ở khắp đông tây nam bắc cũng bởi một cội rễ 油埃埃於
泣東西南此拱罷沒檜體.

côn 昆 H. nhiều đến mức nhưng nhúc. Td: côn trùng 昆蟲.

cổn 袞 H. lễ phục. Td: long cổn 龍袞 (áo bào của vua).

công 功 H. 1. công lao. Td: công đức 功德; công nghiệp 功業; công trọng 功
重; gia công 加功; lập công tích đức 立功積德; thưởng công 賞功; công
phúc 功福. || 2. sự nghiệp. Td: công danh 功名; || N. 1. công chính.
Td: công thẳng 公倘 (công chính và ngay thẳng). || 2. công nghiệp,
công lao. Td: công chuẩn 功準 (công nghiệp nhất định); công nọ 功
女 (các khoản nợ); có công 固功.

- công** 公 H. 1. Không nghiêng bên nào. Td: chí *công* 至公; *công* bình 公平.
 ॥ 2. tước cao nhất trong năm tước (*công* hầu bá tử nam). ॥ 3. tiếng tôn xưng. Td: *công* sư 公師 (người thầy).
- công chính** 公正 H. công bình chính trực, thẳng thắn không thiên lệch.
- công danh** 功名 H. sự nghiệp và thanh danh. Td: *công danh* trọng vọng 功名重望 (sự nghiệp và thanh danh nổi tiếng, lớn lao).
- công đức kiêm toàn** 功德兼全 H. công nghiệp và đức hạnh đầy đủ, trọn vẹn.
- công hầu** 公侯 H. từ gọi các quan có chức cao trong triều đình. Td: đế vương, *công hầu*, sĩ thứ 帝王公侯士庶.
- cống** 貢 H. người đỗ cử nhân hay người tài được quận, huyện tiến cử lên triều đình. Td: hương *cống* 鄉貢.
- cốt** 骨 H. xương. Td: *cốt* nhục 骨肉 (xương và thịt, ý nói là thân xác).
- cốt nhục quy vu thổ, hồn khí quy vu thiên** 骨肉歸于土。魂氣歸于天 H. thịt xương thành đất, thần hồn về trời.
- cột** 楫 GT. cột 楫 ॥ N. trụ chống. Td: cắm bốn *cột* giữa nhà 襟罩楫舂茹.
- cởi** 掇 HT. thủ 才 (lấy ý) + cải 改 (lấy âm) ॥ N. lật bỏ ra. Td: *cởi* ra 掇𦵇.
- com** 𧰨 HT. thực 食 (lấy ý) + cam 甘 (lấy âm) ॥ N. gạo đã nấu chín. Td: *com* mềm 𧰨餒; *com* nước 𧰨渥.
- cũ** 窶 GT. cũ 窶 ॥ N. lâu năm, đã dùng lâu rồi. Td: xác *cũ* 壳窶.
- cụ** 懼 H. dọa, nhát. Td: tương *cụ* 相懼 (nhát lẫn nhau).
- của** 貼 HT. bồi 貝 (lấy ý) + cổ 古 (lấy âm) ॥ N. 1. tài sản, tiền bạc. Td: *của* phạm trần 貼凡塵; thí *của* 施貼. ॥ 2. thức ăn, thức uống. Td: ăn dùng *của* gì 啖用貼之.
- cung** 供 H. dâng hiến. Td: *cung* cấp 供給 (dâng hiến tiền lương, đóng thuế)
- cùng** 共 GT. cộng 共 ॥ N. chung, với. Td: *cùng* phải nói một khi một người 共沛𦵇沒欺沒得.
- cùng** 窮 H. 1. tận, hết. Td: *cùng* tận 窮盡; *cùng* lý 窮理 (tìm tòi nguyên lý sự vật.); vô *cùng* 無窮. ॥ 2. nghèo khổ. Td: *cùng* cực 窮極.
- cũng** 拱 GT. cũng 拱 ॥ N. 1. Biểu thị ý tương đối. Td: *cũng* muốn 拱𦵇; *cũng* biết 拱別. ॥ 2. giống như. Td: *cũng* như 拱如.
- cúng** 供 GT. cung 供 ॥ N. dâng lên tổ tiên, thần thánh. Td: đơm *cúng* 𦵇供.

cụt 肱 (nhục 月 + cốt 骨) HT. nhục 月 (lấy ý) + cốt 骨 (lấy âm) || N. mất hẳn một đoạn ở một đầu, không trọn vẹn trên chiều dài. Td: hai xương sườn *cụt* đã hóa nên hai Bụt 仞昌肱 腊龟化年台二亭.

cứ 據 ÂH. cứ 據 || N. 1. từ biểu thị ý khẳng định dứt khoát về hoạt động, bất chấp mọi điều kiện. Td: *cứ* ăn 據啖; *cứ* việc 據役; vâng *cứ* 啞據. || 2. lấy đó làm điều kiện tất yếu cho sự việc gì. Td1: *cứ* một 據沒; Td2: Đã vậy thì ông đừng có *cứ* điều ấy rằng 龟丕時翁竹固據調衣浪.

cứ lý bất cứ mục 據理不可據目 H. dựa vào lý lẽ để suy xét, đừng chỉ dựa vào con mắt mà thôi.

cửa 闕 HT. môn 門 (lấy ý) + cử 舉 (lấy âm) || N. khoảng trống thông ra ngoài, thường có lắp cánh cửa để đóng mở ra cần thiết. Td: *cửa* con mắt 闕昆相; *cửa* ngục 闕獄.

cực 極 ÂH. cực 極 || N. rất. Td: *cực* sạch 極瀝; *cực* nạn 極難; *cực* trọng 極重.

cước 脚 H. chân. Td: đầu cân đai *cước* 頭巾帶脚 H. khăn trùm đầu, dây dài phủ chân.

cười 嗤 HT. khẩu 口 (lấy ý) + kỳ 其 (lấy âm) || N. cử động miệng, có thể kèm theo tiếng, để tỏ hoặc biểu lộ thái độ trạng thái tâm lý nào đó. Td: chê *cười* 吱嗤.

cương 綱 H. phép tắc, trật tự. Td: tam *cương* 三綱: quân thần 君臣 (vua tôi), phụ tử 父子 (cha con), phu phụ 夫婦 (chồng vợ).

cướp 劫 GT. kiếp 劫 || N. lấy tài sản của người khác bằng vũ lực hoặc thủ đoạn. Td: trộm *cướp* 盜劫.

cửu 久 H. lâu. Td: trường *cửu* 長久.

cửu 九 H. chín. Td: *cửu* kiếp 九劫; *cửu* phẩm thiên thần 九品天神 (chín bậc thiên thần).

cửu phẩm thiên thần 九品天神 H. chín đẳng thiên thần. Đây là một thuyết do một tác giả vô danh đặt ra, với việc chia các thiên sứ thành ba cấp và mỗi cấp gồm ba đẳng. Từ đó nhân ra thành chín đẳng, quen gọi là chín phẩm thiên thần. Cấp 1 gồm ba đẳng thiên thần “giữ việc châu chực Thiên Chúa 侍役朝直天主”, đó là: Minh Thần (Cherubim); Luyến Thần (Seraphim, Thần Sốt Mến); Bệ Thần (Thrones). Cấp 2 gồm ba đẳng thiên thần “cầm nhật nguyệt tinh thần soi cho thiên hạ 拎日月星辰燭朱天下”, đó là: Quản Thần (Dominationes);

Dũng Thần (Virtues) và Quyền Thần (Potestates). Cấp 3 gồm ba đẳng thiên thần “cai việc hành phong hành vũ giữ việc xuân hạ thu đông hộ quốc trị dân, cùng giữ hết người thế 該役行風行雨侍役春夏秋冬.護國治民.共侍歇得世.”, đó là: Lãnh Thần (Principatus); Tổng Lãnh Thiên Thần (Archangeli); Thiên Thần (Angeli).

cứu kiếp 九劫 H. chín kiếp. Theo *Kinh Đại Bảo Tích* quyển 11, do công đức mà đức Thích Ca thành Phật sớm hơn Bồ tát Di Lặc chín kiếp.

cứu 救 H. giúp. Td: *cứu* linh hồn 救靈魂; *cứu* thế 救世.

cứu 究 H. cuối cùng. Td: *cứu* cánh 究竟 (sau cùng, tận cùng).

Cứu Thế chi Thánh Mẫu, kỳ tâm thuần túy vô tỳ, kỳ đức hoàn mãn vô khuyết, thượng ứng Thiên Chủ chi sủng tích, hạ vi chúng nhân chi từ thị 救世之聖母。其心純粹無疵。其德完滿無缺上膺天主之寵錫。下為衆人之慈恃 H. Mẹ Chúa Cứu Thế, lòng Ngài thuần khiết không tì vết, nhân đức hoàn hảo không khiếm khuyết, trên nhận lấy sự yêu mến của Thiên Chúa, dưới là chỗ cậy nhờ của nhân gian.

đa 耶 PÂ. *Da Thị* 耶氏 (Maya, mājādevī – thân mẫu của Tất-đạt-đa tức Đức Thích Ca Mâu Ni)

đã 也 H. trợ từ cuối câu để khẳng định.

dạ 胞 HT. nhục 月 (lấy ý) + đã 屯 (lấy âm) || N. 1. bụng. Td: mọn *dạ* 悶胞.
|| 2. khả năng ghi nhớ. Td: sáng *dạ* 創胞.

dài 戔 HT. trường 長 (lấy ý) + duệ 曳 (lấy âm) || N. chiếm nhiều thời gian hơn mức bình thường. Td: đông *dài* 容戔.

dải 帶 HT. cân 巾 (lấy ý) + đới 帶 (lấy âm) || N. vật có hình dài và hẹp khô, thường dùng để buộc, thắt. Td: *dải* chuôi 帶桎. Chữ *dải* 帶 ở tr. 56 khác với chữ *dải* 帶 ở tr. 57.

dải 帶 ÂH. dải 帶 || N. vật có hình dài và hẹp khô, thường dùng để buộc, thắt. Td: khăn *dải* 巾帶 ở tr. 57.

dám 敢 GT. cảm 敢 || N. có tự tin để làm việc gì. Td: *dám* chê 敢吱; chẳng *dám* 庄敢.

dán 諫 ÂH. dán 諫 || N. dùng keo làm cho dính vào nhau. Td: *dán* vẩy chung quanh 諫圍終觥. tr.70, từ *dán* 諫 được dùng như từ *dán* 演.

dạng 樣 H. hình thức. Td: hình *dạng* 形樣.

danh 名 H. tên, tiếng tăm. Td: dương *danh* 揚名 (truyền rộng cho mọi người biết tên) || N. tiếng tăm. Td: *danh* kẻ lành 名几苓.

danh giáo trung vạn thế chi tội nhân 名教中萬世之罪人 H. tội nhân
muôn đời trong hàng danh giáo (nói về Đạo giáo).

danh sư 名師 H. người tu hành nổi tiếng. Td: Hội đồng tứ giáo *danh sư*
會同四教名師.

dáy 洩 HT. thủy 洩 (lấy ý) + duệ 曳 (lấy âm) || N. từ láy. Td: dơ *dáy* 浮洩.

dạy 咈 HT. khẩu 口 (lấy ý) + đại 代 (lấy âm) || N. 1. truyền đạt. Td: Bấy
giờ Nhà Quan *dạy* rằng... 閉除茹官咈浪; phán *dạy* 判咈. || 2. chỉ bảo.
Td: *dạy* dỗ 咈咈;

dâm 淫 H. buông thả về sắc dục. Td: gian *dâm* 奸淫 (hành vi tình dục
không chính đáng giữa nam nữ); tà *dâm* 邪淫 (hành vi tình dục lệch
lạc giữa nam nữ).

dân 民 H. người trong một nước, trong một xã hội. Td: *dân* ngu 民愚;
quốc phú *dân* an 國富民安; thứ *dân* 庶民.

dần 寅 H. chi Dần, chi thứ ba trong mười hai con giáp. Td: Giáp *Dần* 甲
寅.

dẫn 引 ÁH. dẫn 引 || N. đưa ra lời nào đó kèm theo sau lời của bản thân
mình để làm bằng chứng. Td: như lời đã *dẫn* trước 如啞龜引畧浪.

dâng 甞 HT. dâng 登 (lấy âm) + thượng 上 (lấy ý) || N. đưa lên một cách
cung kính. Td: *dâng* lên 甞蓮.

dầu 油 GT. du 油 || N. nếu, dù. Td: *dầu* mà 油麻.

dấu 抖 HT. túc 𢞎 (lấy ý) + đấu 上 (lấy âm) || N. cái được định ra theo quy
ước để ghi nhớ hoặc làm hiệu cho điều gì. Td: làm *dấu* 濫抖.

đầy 糒 HT. (mễ 米 (lấy ý) + đài 苔 (lấy âm) || N. trái với mỏng. (mễ 米 +
đài 苔) bánh *đầy* 餵糒.

đẩy 踐 HT. (túc 𢞎 (lấy ý) + duệ 曳 (lấy âm) || N. chuyển từ trạng thái ngủ
sang trạng thái thức. Td: thức *đẩy* 式踐.

để 易 GT. dị 易 || N. coi thường. Td: khinh *để* 輕易.

ễ 易 GT. dị 易 || N. có nhiều khả năng. Td: *ễ* hơn 易欣.

đĩ 已 H. lắm. Td: kỳ mậu *đĩ* thậm 其謬已甚 (thật là sai lắm).

đĩ 以 H. dùng, lấy. Td: *đĩ* đạo 以道; khả *đĩ* 可以.

đĩ công đức vị chi thần, dĩ diệu dụng vị chi thần 以功德謂之神。以妙
用謂之神 H. vì có công đức nên gọi là thần, vì màu nhiệm nên gọi
là thần.

đĩ đạo trị thiên hạ H. lấy đạo cai trị mọi người.s

dĩ hình thể vị chi thiên, dĩ chủ tể vị chi đế 以形體謂天。以主宰謂之帝

H. luận về hình thể gọi là trời, luận về cai trị gọi là đế.

dị 異 H. khác, lạ. Td: *dị* đoan 異端; vô *dị* 無異.

dị đoan 異端 H. đứng từ vị trí của người hoặc tổ chức chính thống, gọi những quan điểm học thuyết hoặc giáo nghĩa khác là *dị đoan* 異端 (lòng tin vào điều quái lạ, huyền hoặc, nhằm nhí). Td: *dị đoan* phi lý 異端非理.

dị đoan chi giáo 異端之教 H. đạo tin vào điều quái lạ, huyền hoặc, nhằm nhí.

dị đoan hư vô tịch diệt chi giáo 異端虛無寂滅之教 H. Đạo *dị đoan* hư không làm hại kín đáo.

dị đoan phi lý 異端非理 H. huyền hoặc và không hợp lẽ phải.

dịch 易 H. trao đổi. Td: giao *dịch* 交易. || N. thay đổi. Td: Kinh *Dịch* 經易.

Diệc viết: Tất đãi tự thiên hựu chi, nhiên hậu hoạch miễn 亦曰。必待自天宥之。然後獲免 H. Lại có lời nói rằng: Dĩ nhiên phải từ trời rộng thứ thì mới khỏi chịu tội.

diễn 兗 N. địa danh. Td: *Diễn* Châu 兗州.

diệt 滅 H. trừ tuyệt. Td: tịch *diệt* 寂滅; tiêu *diệt* 消滅.

diêu 姚 PÂ. Td: Giu-diêu 樞姚 (phiên âm từ (nước) Do Thái, Giu-đê – Judea).

diệu 妙 H. mầu nhiệm. Td: *diệu* dụng 妙用; *Diệu* Lạc 妙樂; kinh Đại Thừa *Diệu* Tiên Liên Hoa 經大乘妙僊蓮花.

dinh 營 H. nơi ở và làm việc của quan chức cấp cao. Td: Nhà Quan đòi các đạo đến *dinh* Ngươi 茹官喙各道旦營得.

dôi 唯 GT. duy 唯 || N. từ láy. Td: dòng *dôi* 涓唯.

dộn 沌 HT. (sước 𪛗 (lấy ý) + đồn 屯 (lấy âm) || N. thu xếp. Td: *dộn* sách 沌.

dòng 涓 HT. (thủy 氵 (lấy ý) + dụng 用 (lấy âm) || N. tông, họ. Td: dòng *dôi* 涓唯.

đỗ 咄 HT. (khẩu 口 (lấy ý) + đỗ 杜 (lấy âm) || N. làm cho người khác nghe theo. Td: *dạy* *đỗ* 吡咄.

đối 對 HT. (khẩu 口 (lấy ý) + đối 對 (lấy âm) || N. nói hay làm không thật nhằm che giấu điều gì. Td: *dôi* trá 對詐; nói *dôi* 吶對.

đối trá 對詐 N. giả dối, có ý lừa lọc. Td: những điều *dôi trá* phi lý.

dông 容 GT. dung 容 || N. nói dài không có ý nhất định. Td: *dông* dài 容駸.
dông dài 容駸 N. lan man tốn thì giờ một cách vô ích.
đơ 汙 HT. (thủy 氵 (lấy ý) + dư 予 (lấy âm) || N. bẩn, nhóp. Td: *đơ* dáy 汙洩.
dời 移 GT. di 移 || N. dịch chuyển đi nơi khác. Td: *dời* nơi nọ đổi nơi kia 移坭怒對坭箕.
dù 油 GT. du 油 || N. từ nhấn mạnh rằng điều nói đến vẫn xảy ra, vẫn đúng ngay cả trong điều kiện nào đi nữa. Td: ví *dù* 油; *dù* mà 油麻.
dụ 誘 H. khuyên bảo. Td: khuyên *dụ* 勸誘.
dụ 喻 H. nói cho biết, bảo rõ. Td: thí *dụ* 譬喻.
dục 慾 H. lòng ham muốn. Td: tư *dục* 私慾 (ham muốn cá nhân).
dung 容 H. diện mạo. Td: *dung* mạo 容貌 (vẻ mặt).
dụng 用 H. hiệu quả. Td: diệu *dụng* 妙用 (mầu nhiệm).
duy 惟 Hoàng Thượng Đế **giáng trung vu hạ dân** 惟皇上帝降衷于下民 H. Có Vua trên trời luôn chiếu cố đến người dưới thế.
dữ 與 ÂH. dữ 與 || N. ác lắm. Td: sự *dữ* 事與; *dữ* tợn 與羨; kẻ *dữ* 几與; rất độc *dữ* 慄毒與; thần *dữ* 神與.
dự 預 ÂH. dự 預 || N. tham gia. Td: *dự* ban thưởng công 預頒賞功.
dừa 椶 HT. mộc 木 (lấy ý) + dư 余 (lấy âm) || N. cây cùng họ với cây cau, lá mọc thành tàu, trái mọc thành buồng, bên trong chứa nước ngọt, có cùi dùng để ăn hoặc ép lấy dầu. Td: cây *dừa* 核椶.
dựng 孕 ÂH. dựng 孕 || N. tạo ra và làm cho có được sự tồn tại vững vàng. Td: *dựng* nên 孕年.
duộc 藥 H. thuốc. Td: tiên *duộc* 僊藥 (thuốc tiên).
dưới 卮 GT. dưới 卮 || N. ở vị trí thấp hơn so với một vị trí xác định nào đó. Td: *dưới* đất 卮坦.
duy 陽 H. 1. cõi nhân gian. Td: *duy* thế 陽世. || 2. địa danh. Td: Hải *Duy* 海陽. || 3. phần đối lập với âm trong quan niệm triết Đông. Td: Thái Cực động nhi sinh *duy*, tĩnh nhi sinh âm 太極動而生陽。靜而生陰.
duy 揚 H. truyền bá. Td: *duy* danh 揚名 (truyền rộng cho mọi người biết tên).
duy 洋 H. biển lớn. Td: Đại Tây *Duy* 大西洋.
duy biến âm hợp nhi sinh ngũ hành 陽變陰合而生五行 H. khí duy

tan, khí âm hợp mà sinh ra ngũ hành.

đường 彙 GT. dạng 彙 || N. từ dùng để chỉ cái có tính chất đại khái như thế, vế như thế. Td: *đường* ấy 彙衣; *đường* nào 彙市.

đường nào 彙市 như thế nào. Td: Song le nhà quan hồ đồ chưa biết đạo thật hư là *đường* nào 雙離茹官胡塗諸別道實虛罣彙市.

đưỡng 養 H. chăm sóc. Td: phụng *đưỡng* 奉養.

đa 多 H. 1. P.Á. Td: Viên Đạt *Đa* (Siddhārtha), tên của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. || 2. nhiều. Td: Khâu bác học *đa* thức; thánh Khâu bất tri 丘博學多識。聖丘不知. Khâu (Khổng Tử tự xưng) học rộng biết nhiều, còn thánh Khâu thì không dám

đã 奄 GT. ½ tha 拖 || N. từ biểu thị sự việc đang nói đến xảy ra trước một thời điểm nào đó được xem là mốc, trong quá khứ hoặc tương lai. Td: *đã* chết 奄斃; *đã* giữ đạo nên 奄侍道年; *đã* truyền đạo 奄傳道.

đá 砢 HT. (thạch 石 (lấy ý) + đa 多 (lấy âm) || N. chất rắn cấu tạo nên vỏ Trái Đất, thường hình thành từng tảng. Td: loài *đá* 類砢.

đả động 打動 H. đụng chạm tới. Td: cho đến khi có sự gì khác ở ngoài nó mà *đả động*, nó mới động mà chó 朱旦欺固事之恪於外奴麻打動奴買動麻渚.

đai 帶 GT. đai 帶 || N. dải áo. Td: cân *đai* 巾帶 (khăn và dải áo).

đài 臺 ÁH. đài 臺 || N. kiến trúc cao có thể nhìn được tứ phía. Td: đền *đài* 殿臺.

đãi 待 H. dựa vào. Td: tất *đãi* tự thiên hựu chi 必待自天宥之 (tất nhiên phải từ trời rộng thứ)

đại 大 H. 1. lớn, nhiều. Td: *đại* hạn 大旱; *Đại* Học 大學; *đại* từ *đại* bi 大慈大悲; kinh *Đại* Thừa Diệu Tiên Liên Hoa 經大乘妙僊蓮花; *Đại* Tây 大西; *đại* tràng 大腸. || 2. tiếng tôn xưng. Td: *đại* phụ 大父; *đại* thánh 大聖; *đại* vương 大王.

đại 代 H. đời, thế hệ. Td: (Tam *Đại* 三代)

đại hạn thất niên 大旱七年 H. bảy năm trời không mưa.

đại hiền 大賢 H. người có đức rất lớn.

Đại Học 大學 H. tên tác phẩm. Ban đầu, sách *Đại Học* 大學 và *Trung Dung* 中庸 ở trong *Kinh Lễ* 禮記 thuộc bộ *Ngũ Kinh*¹, sau được tách

1. Ngũ Kinh: Năm quyển sách cổ của Nho giáo, gồm: Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu (詩, 書, 禮, 易, 春秋).

ra để gộp với sách *Luận Ngữ* 論語 và *Mạnh Tử* 孟子 để tạo thành bộ *Tứ Thư* 四書². Ngày xưa, từ Tam Đại 三代 (Hạ 夏 (tk XXI tCN), Thương 商 (tk XII tCN), Chu 周 (tk X tCN)), con vương công cùng con thứ dân khi lên tám tuổi cùng vào trường Tiểu học để học đức hạnh, nghề nghiệp và văn chương. Đến năm mười lăm tuổi thì vào nhà Thái học để học phép tri lý, chánh tâm, tu thân, trị nhân. Sách *Đại Học* được soạn ra để dạy người lớn, từ mười lăm tuổi trở lên, rèn luyện đức sáng (phẩm chất tốt đẹp) hầu gánh vác việc xã hội, việc quốc gia.

Đại Nhã 大雅 H. Kinh Thi chia làm ba bộ phận lớn là Phong 風 (ca dao), Nhã 雅 (chính, đúng đắn) và Tụng 頌 (tán tụng, đề cao). Trong Nhã có Tiểu Nhã 小雅 (nhạc dùng trong yến tiệc) và Đại Nhã 大雅 (nhạc dùng trong triều hội).

Đại Tây 大西 H. địa danh nói về các nước ở phương Tây. Td: các sách Kinh Sử bên *Đại Tây* 各典經史邊大西.

Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương 大成至聖文宣王 H. Văn Tuyên Vương rất thánh rất trọng (có công hệ thống học thuyết) – đây là một danh hiệu của Khổng Tử.

đại thánh 大聖 H. bậc tài giỏi vô cùng.

đại tràng 大腸 H. phần ruột lớn, ruột già. Td: *đại tràng* đã hóa nên sông cả 大腸化年淹奇.

đại vương 大王 H. đại thần được phong vương.

đam 聃 H. tên tự của Lão Tử 老子, còn gọi là Lão *Đam* 老聃.

đàm 談 H. nói chuyện, thảo luận. Td: *đàm đạo* 談道.

đàng 塘 GT đường 塘 || N. cách thức hoạt động để đạt đến mục đích nào đó. Td: *đàng dữ* 塘與; *đàng lành* 塘苓; *đi đàng* 移塘; *mọi đàng* 每塘.

đàng 堂 H. cung điện. Td: *thiên đàng* 天堂.

đảng ác chi nhân 黨惡之人 H. người theo phe dữ. Td: Hán Minh Đế tin thờ Bụt thì nhà Nho chê rằng: *Đảng ác chi nhân* 漢明帝信 徐亭時茹 儒歧浪. 黨惡之人.

đãng đãng 蕩蕩 H. bao la, lồng lộng.

đãng đãng Thượng Đế hạ dân chi tích 蕩蕩上帝下民之辟 H. Thượng Đế

2. Tứ Thư: Bốn quyển sách căn bản của Nho giáo, gồm Đại Học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử (大學, 中庸, 論語, 孟子).

rất cao trọng, vua dân hạ giới.

đáng 當 ÂH. đáng 當 || N. thích hợp, tương xứng với giá trị nào đó. Td: *đáng* chê 當忤; *đáng* khen 當嗜; *đáng* kính trọng 當敬重; *đáng* thờ lạy 當禱禱; xứng *đáng* 稱當.

đánh 打 GT 打 打 || N. 1. làm cho đau bằng tác động của một lực lên cơ thể. Td: *đánh* đập 打搭. || 2. làm cho kẻ thù bị tổn thất hoặc bị tiêu diệt bằng vũ lực. Td: *đánh* giặc 打賊)

đào 陶 ÂH. đào 陶 || N. lấy một khối lượng đất đá lên để tạo thành một lỗ ở dưới lòng đất. Td: *đào* mồ mả 陶墓塢.

đào 逃 H. trốn. Td: tà thuyết nan *đào* lý biện 邪說難逃理辨 (tà thuyết khó trốn khỏi lẽ phải).

đạo 禱 H. cầu cúng. Td: hoạch tội ư thiên vô sở *đạo* đã 獲罪於天無所禱也 (phải tội với trời thì không cầu cúng ở đâu được); kỳ *đạo* 祈禱 (cầu cúng).

đạo 道 ÂH. đạo 道 || N. 1. từ chỉ tổ chức tôn giáo. Td: Nhà Quan đòi các *đạo* đến dinh Người để nói lễ *đạo* cho Người nghe 茹官喲各道旦營得底吶理道朱得咍; *đạo* Lão Tử 道老子; *đạo* Nho 道儒; *đạo* ta 道些; *đạo* thánh 道聖; *đạo* Thích Ca 道釋迦; *đạo* Thiên Chúa 道天主. || 2. nguyên tắc sống. Td: *đạo* đức 道德; *đạo* làm người 道濫得; *đạo* lý 道理; vô nhân *đạo* 無人道. || 3. nội dung học thuật. Td: *đạo* chính 道正; *Đạo* chi đại nguyên xuất ư thiên 道之大原出於天 (Nguồn gốc lớn lao của Đạo khởi phát bởi trời). || 4. nói, bàn. Td: đàm *đạo* 談道.

đạo 盜 H. ăn trộm; kẻ trộm. Td: vô thâu *đạo* 毋偷盜 (chớ trộm cắp).

đạo chi đại nguyên xuất ư thiên 道之大原出於天 H. gốc tích của đạo bởi trời mà ra.

đạo chính 道正 học thuyết đúng đắn, còn gọi là chính đạo đối nghịch với tà đạo có học thuyết sai lệch. Td: Vốn lòng ta trọng sự thật, muốn biết đạo nào là *đạo chính* để ta phụng sự 本恚些重事實悶別道市界道正底些奉事.

đạo Lão Tử 道老子 học thuyết của Lão Tử, tôn sùng tự nhiên.

đạo Nho 道儒 học thuyết Nho giáo, gồm các nguyên tắc đạo đức, chính trị do Khổng Tử sáng lập; còn gọi là Nho giáo hay Khổng giáo.

Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, hư vô tự nhiên chi đại đạo 道生一。一生二。二生三。三生萬物。虛無自然

之大道 H. Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra mọi vật, tự nhiên hư không là đạo lớn. Bàn rộng: Phần đầu trích từ *Đạo Đức Kinh* của Lão Tử, đó là: *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật* 道生一。一生二。二生三。三生萬物。(Chương 42, Đạo Hóa 道化); phần sau lấy ý từ *Nhập Dược Kính* 入藥鏡 của Thôi Hy Phạm 推希范: *Đại đạo hư vô pháp tự nhiên* 大道虛無法自然.

đạo ta 道些 từ xưa dùng để chỉ ba đạo: đạo Lão Tử, đạo Nho và đạo Thích Ca. Đó là những đạo dân ta (dân Đại Việt) đang theo.

đạo Thích Ca 道釋迦 đạo có nguồn gốc từ Ấn Độ, ra đời vào cuối thế kỷ VI tCN, do Đức Thích Ca Mâu Ni sáng lập.

đạo Thiên Chúa 道天主 từ xưa dùng để chỉ đạo Công giáo (Catholicism) ngày nay. Td: Mà bởi chúng tôi ước ao cho thiên hạ mọi nước biết *đạo Thiên Chúa* mà thờ phượng 麻罷衆碎約渤朱天下每諾別道天主 麻徐奉.

đạo tính giáo 道性教 H. đạo tự nhiên. Td: tam cương, ngũ thường, gọi là *đạo tính giáo* 三綱五常嚮嚮道性教.

đau 疔 HT. nạch 疔 (lấy ý) + đao 刀 (lấy âm) || N. 1. bị khó chịu do tổn thương một bộ phận trên cơ thể. Td: *đau bụng* 疔脘; *đau mắt* 疔相. || 2. bệnh. Td: ốm *đau* 瘡疔.

đày 苔 GT. đài 苔 (rêu) || N. bị đưa đi giam ở một nơi xa, có môi trường sống không tốt. Td: bắt *đày* xuống 扒苔甕.

đắc 得 H. đạt được. Td: *đắc đạo* 得道; *đắc trí* 得致.

đăng 燈 H. đèn. Td: hải *đăng* 海燈.

đắm 沈 GT. trầm 沈 (chìm) || N. bị chìm trong sự ham thích. Td: mê *đắm* 迷沈.

đăng 滕 H. nước chảy vọt lên. Td: Kim *Đăng* 金滕.

đăng 騰 H. nhảy lên. Td: *đăng không* 騰空 (nhảy lên trời).

đẳng 等 H. thứ bậc. Td: trung *đẳng* 中等 (bậc ở giữa); thượng *đẳng* 上等 (bậc trên hết).

đặt 達 GT. đạt 達 (đến) || N. 1. để vào vị trí phù hợp. Td: *đặt tên* 達題. || 2. làm cho có kết quả. Td: bày *đặt* 排達; *đặt nên* 達年.

đẳng 等 GT. đẳng 等 (thứ bậc) || N. từ tôn xưng một nhân vật. Td: *Đẳng* đế vương 等帝王; *Đẳng* chí nhân chí mỹ 等至仁至美; *Đẳng* chí tôn vô đối 等至尊無對; *Đẳng* Khôn Khéo 等坤窖; *Đẳng* Tạo Hóa 等造化;

Đấng Thượng Trí 等上智.

Đấng Khôn Khéo 等坤窖 N. Đấng Sáng Tạo, một danh xưng dành cho Thiên Chúa, Đấng vì yêu thương và do sự khôn ngoan mà tạo dựng mọi sự từ hư vô (x. GLHTCG 290-301).

Đấng Tạo Hóa 等造化 N. Đấng dựng nên trời đất và muôn vật.

Đấng Thượng Trí 等上智 N. Đấng rất khôn ngoan. Td: Nhà Nho kính ông Khổng Tử là *Đấng Thượng Trí* thông thái 茹儒敬翁孔子等上智通太.

đập 搯 HT. thủ 扌 (lấy ý) + đập 沓 (lấy âm) || N. làm tổn thương người khác hay động vật bằng sức mạnh. Td: *đập* đánh 搯打.

đất 坦 HT. thổ 土 (lấy ý) + đán 旦 (lấy âm) || N. vùng có người ở. Td: *đất* Thiệu Hưng 坦紹興; *đất* Việt Châu 坦越州.

đâu 兜 GT. đâu 兜 (ôm, đùm bọc) || N. 1. từ chỉ điều cần được xác định của sự việc nói đến. Td: chẳng dám *đâu* 庄敢兜; lấy *đâu* 裋兜. || 2. từ dùng để chỉ một nơi nào đó không rõ. Td: ở *đâu* 於兜.

đầu 頭 ÂH. đầu 頭 || N. 1. phần trước nhất. Td: *đầu* hết 頭歇. || 2. phần trên cùng của cơ thể. Td: trên *đầu* 蓮頭.

đầu cân đai cước 頭巾帶脚 H. khăn trùm đầu, dây đai phủ chân.

đầu giả thiên dã nhược tử đạo thiên hải ngoại, không thăng thiên dã. **Nhược xuất nhĩ, nhĩ, tị, khẩu, âm môn, bất thành tiên dã** 頭者天也若死到天海外空升天也。若出眼耳鼻口陰門不成僊也 H. đầu là trời, khi chết hồn ra nơi ấy là ra chốn biển trời ngoài không thì là trời; bằng chết mà ra nơi con mắt, lỗ tai, lỗ mũi, miệng, cửa mình phụ nữ, thì chẳng lên tiên.f

đầu hết 頭歇 N. tận ban đầu. Td: Song le khi *đầu hết* mới có một khí Thái Cực, thì Thái Cực nhờ đó gì mà làm cho nó động khi nó đương yên 雙離歇頭歇買固沒氣太極時太極洊帝之麻濫朱奴動歇奴當安.

đây 低 GT. đề 低 (cúi; thấp) || N. chỗ này, lúc này. Td: Vậy các đạo đã đến *đây*, thì phải bàn lẽ chi là lẽ chính trong đạo 丕各道奄旦低時沛盤理之嫡理正勲道.

đây 苔 GT. đài 苔 (rêu) || N. đủ, chứa quá nhiều. Td: Ngục này *đây* những lửa sinh lửa diêm 獄尼苔仍砵炤焰.

đấy 帝 GT. đế 帝 (vua) || N. 1. từ chỉ thời điểm đã được nói đến, nhưng không ở vào lúc đang nói. Td: từ *đấy* 自帝. || 2. từ nhấn mạnh về

tính đích xác của điều được nói đến. Td: bởi **đầy** 罷帝.

đe 哆 GT. đá 哆 (miệng há) || N. hăm dọa. Td: Lại có khi **đe** nếu chẳng thờ thì nó làm chết người, chết vật 吏固欺哆庄 徐 時奴濫斃得斃物.

đe 提 GT. **đe** 提 (nêu ra) || N. làm cho phải chịu đựng sức nặng ép bên trên. Td: **đe** lấp mình chết 提垃命斃.

để 底 HT. nhục 月 (lấy ý) + **để** 底 (lấy âm) || N. sinh con. Td: sinh **để** 生底.

đem 挑 HT. thủ 扌 (lấy ý) + ½ trăm 沈 (lấy âm) || N. mang hoặc dẫn đi theo cùng với mình. Td: **đem** cơm mềm đến 挑餛飩旦; **đem** đi 挑移.

đeo 刀 GT. **đeo** 刀 (dao) || N. mang lấy, bám chặt. Td: Rày phô thầy này còn **đeo** thói cũ 剔鋪柴尼群刀退窠.

đẹp 懽 HT. tâm 忄 (lấy ý) + **đẹp** 葉 (lấy âm) || N. có dáng vẻ hoặc phẩm chất tốt **đem** lại sự hứng thú, làm cho người ta thích nhìn ngắm hoặc chiêm ngưỡng. Td: **đẹp** lòng Thiên Chúa 懽悉天主.

để 底 ÂH. **để** 底 || N. 1. làm cho ở vào một vị trí nào đó. Td: **để** **đẩy** 底帝. || 2. **đặng**, từ biểu thị điều sắp nói là kết quả tự nhiên của việc vừa nói đến. Vd: **để** mà 底麻. || 3. (phương ngữ) rời bỏ. Td: **để** nhà quê đất nước 底苑圭坦渚 (rời bỏ quê nhà đất nước).

để 帝 H. vua. Td: hoàng thượng **để** 皇上帝; **để** **vương** 帝王.

để **vương** 帝王 H. vua chúa của nước lớn nói chung.

để **vương**, **công** **hầu**, **khánh** **tướng**, **quân** **quân**, **thần** **thần**, **phụ** **phụ**, **tử** **tử**, **phu** **phu**, **phụ** **phụ**, **bách** **tính** **âu** **ca**, **quốc** **phú** **dân** **an** 帝王公侯卿相. 君君臣臣父父子子夫夫婦婦百性謳歌國富民安 H. vua phải ra vua, quan phải ra quan, tướng phải ra tướng, quân phải ra quân, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con, chồng phải ra chồng, vợ phải ra vợ, trăm họ ca ngợi, nước giàu dân yên.

để **vương**, **công** **hầu**, **sĩ** **thứ** 帝王公侯士庶 H. vua chúa, các quan, kẻ sĩ và dân thường. Các đẳng cấp thời xưa theo thứ tự gồm có: thiên tử 天子, chư hầu 諸侯, đại phu 大夫, sĩ 士 và thứ nhân 庶人.

để **xuất** **vu** 震 帝出于震 H. vua ra từ quê Chấn 三.

đệ 弟 H. em trai. Td: huynh **đệ** 兄弟.

Đệ **nhất** **giới**: **khâm** **sùng** **Thiên** **Chủ** **vu** **vạn** **vật** **chỉ** **thượng** 第一誠。欽崇天主于萬物之上 H. Điều răn thứ nhất, kính mến một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự.

Đệ **nhị** **giới**: **vô** **hồ** **Thiên** **Chủ** **Danh** **nhi** **thuyết** **phát** **hư** **thệ** 第二誠。

毋呼天主名而說發虛誓 H. Điều răn thứ hai, chớ lấy tên Đức Chúa Trời mà thề dối.

Đệ tam giới: thủ chiêm lễ chi nhật 第三誠。守瞻禮之 H. Điều răn thứ ba, giữ việc xem ngày lễ Chúa nhật.

Đệ tứ giới: hiếu kính phụ mẫu 第四誠。孝敬父母 H. Điều răn thứ bốn, thảo kính cha mẹ.

Đệ ngũ giới: vô sát nhân 第五誠。毋殺人 H. Điều răn thứ năm, chớ giết người.

Đệ lục giới: vô dâm thê tha nhân 第六誠。毋淫妻他人 H. Điều răn thứ sáu, chớ tà dâm với vợ người khác.

Đệ thất giới: vô thâu đạo 第七誠。毋偷盜 H. Điều răn thứ bảy, chớ trộm cắp.

Đệ bát giới: vô vọng vu 第八誠。毋妄誣 H. Điều răn thứ tám, chớ bỏ vạ cho người.

Đệ cửu giới: vô nguyện tha nhân thê 第九誠。毋願他人妻 H. Điều răn thứ chín, chớ muốn vợ người khác.

Đệ thập giới: vô nguyện tha nhân tài 第十誠。毋願他人財 H. Điều răn thứ mười, chớ ham muốn của người khác.

đêm 晝 HT. nhật 日 (lấy ý) + điểm 店 (lấy âm) || N. khoảng thời gian từ tối cho đến sáng. Td: *đêm* ngày 晝晷; ban *đêm* 班晝.

đền 殿 GT. điện 殿 || N. nơi thờ thiên thần, nhiên thần hay nhân thần. Td: *đền* đài 殿臺.

đền 垵 HT. thổ 土 (lấy ý) + điền 田 (lấy âm) || N. trả lại cho người khác tương xứng với lỗi do mà mình gây ra. Td: chưa *đền* 諸垵; mới *đền* được tội ru 買垵特罪咄.

đến 旦 GT. đán 旦 || N. từ biểu thị điều sắp nêu ra là hướng hoặc đối tượng cụ thể của hoạt động, tác động được nói đến. Td: *đến* đời 旦代; *đến* khi 旦欺; *đến* một nơi 旦沒尼.

đều 調 GT. điều 調 (chia đều) || N. chung cả. Td: *đều* khen 調嗜.

đi 移 HT. khứ 去 (lấy ý) + đa 多 (lấy âm) || N. 1. di chuyển từ chỗ này đến chỗ khác. Td: *đi* chung quanh 移終觥; *đi* đàng 移塘; *đi* đánh giặc 移打賊; *đi* về 移術; đem *đi* 移. || 2. biến mất từ từ. Td: tan *đi* mất 散移秩.

đi 帝 GT. đế 帝 (vua) || N. gì, phương ngữ Bắc Bộ. Td: *đi* gì 帝之.

địa 地 H. đất. Td: *địa bình* 地平 (đất bằng); *thiên địa* 天地; *địa ngục* 地獄.

địch 翟 H. tên riêng. Td: Mặc *Địch* 墨翟 (tên học giả người nước Lỗ thời Chiến Quốc).

điền liền thiên mạch 田連阡陌 H. ruộng liền nghìn bờ.

điện 殿 H. cung vua. Td: Thập *Điện* Minh Vương 十殿明王.

điều 調 ÂH. điều 調 || N. 1. từ dùng để chỉ từng đơn vị sự việc. Td: *điều* ấy 調; *điều* chi 調之. || 2. khoản mục riêng rẽ trong các văn bản có tính chất pháp luật. Td: *điều* răn 調隣.

điều tạc ngôn hoặc thế vu dân giả hồ 調鑿言惑世誣民者乎 H. lời nói rõ ràng dối đòi lừa dân đấy sao?

đinh 釘 ÂH. đinh 釘 || N. vật cứng bằng kim loại (hay tre, gỗ), dùng để đóng, treo, giữ vật này vào vật khác, hoặc ghép các vật với nhau. Td: đóng *đinh* 揀釘.

đỉnh 鼎 H. rất lớn. Td: *đỉnh* thịnh 鼎盛 (đang lúc rất thịnh vượng).

định 定 H. đã tính trước. Td: san *định* 刊定 (chỉnh sửa cho đúng để in ấn). || N. sắp xếp. Td: đã *định* cho 定朱.

đò 渡 GT. độ 渡 || N. thuyền nhỏ để chở khách theo tuyến cố định. Td: *đò* Tự Nhiên 渡自然.

đoài 兌 GT. đoài 兌 (quẻ Đoài ☱ trong Bát Quái thuộc hướng Tây) || N. phía Tây. Td: ngục *đoài* 獄兌.

đoan 端 H. ngay thẳng. Td: dị *đoan* 異端 (tin vào điều quái lạ, không ngay chính, nhằm nhí).

đoán 斷 H. xét, quyết định. Td: phán *đoán* 判斷 (phân tích và xem xét). || N. xem xét để đi đến quyết định. Td: xét *đoán* 察斷.

đoạn 段 ÂH. đoạn 段 || N. xong. Td: khi sinh thì *đoạn* được lên thiên đường 欺生時段特蓮天堂.

đọc 讀 GT. độc 讀 || N. nói thành lời những điều đã được viết theo đúng trình tự. Td: Ông thường *đọc* trong sách liên liên 翁常讀麴曲連連.

đòi 啗 HT. khẩu 口 (lấy ý) + đội 隊 (lấy âm) || N. cho gọi đến để hỏi việc. Td: Nhà Quan *đòi* các đạo đến dinh 茹官隊各道旦營.

đói 餓 HT. thực 食 (lấy ý) + đối 對 (lấy âm) || N. có cảm giác cồn cào, khó chịu vì cần ăn mà chưa được ăn hoặc ăn chưa đủ. Td: *đói* khát 餓渴.

đóng 揀 GT. đóng 揀 || N. nện mạnh vào một đầu của vật cứng, dài, có đầu nhọn để nó cắm sâu và chắc vào một vật khác. Td: *đóng* *đinh*

揀釘.

đô 都 H. to lớn. Td: Tịnh Đô Vương 靖都王 (tước hiệu của Chúa Trịnh Sâm).

đồ 塗 H. 1. đường đi. Td: tam đồ 三塗 (ba đường ác nghiệp: súc sinh 畜生 (thú vật), ngạ quỷ 餓鬼 (quỷ đói) và địa ngục 地獄 (nơi đầy đọa linh hồn người có tội ở dưới âm phủ, theo quan niệm của một số tôn giáo)). || 2. bôi, xóa. Td: hồ đồ 糊塗 (đầu óc mù mịt, không hiểu lý lẽ gì).

đồ 徒 H. học trò. Td: sinh đồ 生徒 (học trò, người có học)

đồ 圖 H. phương hướng, vị trí cung thất; cương vực. Td: bản đồ 本圖 (tấm vẽ vị trí cương thổ); hoàng đồ vĩnh quyết 黃圖永訣 (mãi nơi suối vàng – ở dưới mặt đất).

đổ 覩 ÂH. đổ 覩 || N. quy cho người khác hoặc cho hoàn cảnh để trốn tránh trách nhiệm về sai lầm hay tội lỗi của mình. Td: đổ cho 覩朱.

đỗ 杜 ÂH. đỗ 杜 || N. thi đậu, trúng tuyển. Td: thi đỗ 詩杜.

độc 獨 H. duy chỉ. Td: độc hữu nhất 獨有一 (duy chỉ có một).

độc 毒 ÂH. độc 毒 || N. ác, hiểm. Td: độc dữ 毒與.

đối 對 GT. đối 對 || N. biến chuyển. Td: thay đổi 台對.

đối 對 H. 1. chống, chọi. Td: đối kỵ 對忌. || 2. so sánh. Td: vô đối 無對.

đội 隊 ÂH. đội 隊 || N. đặt lên đầu. Td: đội mũ 隊帽.

đông 東 H. đối lại với hướng Tây. Td: Đông Hán 東漢; Đông Phương Thanh Đế 東方青帝; ngục đông 獄東.

đông tây nam bắc 東西南北 H. bốn hướng, ý nói tất cả mọi nơi. Td: dù ai ai ở khắp đông tây nam bắc cũng bởi một cội rễ 油埃埃於泣東西南北拱罷沒檜檣.

đông 冬 H. khoảng thời gian từ tháng mười đến tháng chạp âm lịch, mùa đông. Td: xuân hạ thu đông 春夏秋冬.

Đông Hán 東漢 H. Hán Cao Tổ 漢高祖 Lưu Bang 劉邦 diệt nhà Tần lập nên nhà Tiền Hán 前漢 (206 tCN - 8) hay Tây Hán 西漢. Về sau, vua Quang Vũ 光武 Lưu Tú 劉秀 trung hưng gọi là nhà Hậu Hán 後漢 (25-220) hay Đông Hán 東漢.

Đông Hán Minh Đế 東漢明帝 còn gọi là Hán Minh Đế 漢明帝 hay Hán Hiến Tông 漢顯宗 (57-75) là vị Hoàng đế thứ hai của nhà Đông Hán.

đồng 同 ÂH. đồng 同 || N. 1. nơi trồng trọt. Td: đồng Giu-ra-phát 同樞加

發. ॥ 2. cùng lúc. Td: *đồng thời* 同時.

đồng 童 H. chưa kết hôn. Td: *đồng trinh* 童貞.

đồng 銅 ÂH. đồng 銅 ॥ N. 1. Từ chỉ tiền bạc nói chung. Td: *đồng tiền* 銅錢. ॥ 2. kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, dẫn điện và dẫn nhiệt tốt, thường dùng để ví cái gì chắc chắn, bền vững. Td: *cầu đồng* 掠銅.

đồng Giu-ra-phát 同樞加 N. còn được phiên âm là Giô-sa-phát (Josaphat / Jehoshaphat) nghĩa là Thiên Chúa đã phán xét. Cánh đồng nằm ở phía Đông thành Giêrusalem, nơi chôn cất các ngôn sứ, các tiên nhân. Người Do thái tin vào Thánh Kinh, Thiên Chúa đến thăm Dân Israel tại Cánh Đồng Giôsaphát và họ sẽ là những người đầu tiên được nhìn thấy Thiên Chúa: *"Ta sẽ tập hợp mọi nước mọi dân, đưa xuống cánh đồng Giô-sa-phát. Ở đó, Ta sẽ tranh tụng với chúng về vấn đề Ít-ra-en là dân Ta và sản nghiệp của Ta: chúng đã phân tán dân Ta giữa các dân các nước, đã chia cắt đất đai của Ta."* (Ge 4,2).

Đổng Tử 董子 H. tên gọi của Đổng Trọng Thư (179 tCN-104 tCN), người ra công cải tiến Nho học đời Hán Vũ Đế (140 tCN-87 tCN). Ông dựa trên ba thành tố để tạo ra nền Nho học mới, đó là: âm dương ngũ hành, vương quyền thần thụ và tam cương ngũ thường. Từ đó tôn vua làm con trời, người thể hiện ý chí và quyền lực của trời. Đưa ra quan niệm thần học dương tôn, âm ti (đề cao dương, coi thường âm). Từ đó đề cao dương là vua, cha, chồng, coi thường âm là bề tôi, con cái, thê thiếp. Tam cương ngũ thường cũng ra đời từ đây. Một trong những tư tưởng biểu trưng của Nho học theo Đổng Trọng Thư là *Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên* 道之大原出於天 (Nguồn gốc lớn lao của Đạo phát xuất bởi trời).

động 動 H. thay đổi vị trí, hình dạng. Td: *động nhi sinh dương* 動而生陽 (biến đổi thì sinh dương).

đốt 焯 GT. thối 焯 ॥ N. dùng lửa làm cho cháy. Td: *nung đốt* 爇焯.

đời 代 GT. đại 代 ॥ N. 1. triều đại. Td: Thuở *đời* Đức vua Lê là vua Cảnh Hưng 課代德希黎景興; *đời* Thủy Tống 代始宋. ॥ 2. Thế hệ nối tiếp nhau. Td: *đời* này 代尼; *đời* trước 代畧; đến *đời* 旦代. ॥ 3. thời gian sống của một sinh vật. Td: *đời đời* 代代. ॥ 4. tình trạng sống của con người. Td: *đời* sau 代儼.

đời sau 代儼 tình trạng sống của con người sau khi qua đời. Td: cho *đời sau* được hưởng phước thanh nhàn trên Thiên đàng 朱代儼特享福清閒連天堂.

đom HT. (thủ 扌 (lấy ý) + 1/2 đăm 眈 (lấy âm)) || N. cúng cơm. Td: *đom* cúng 眈供.

đom HT. (khẩu 口 (lấy ý) + 1/2 đăm 眈 (lấy âm)) tr. 70 chữ đom dùng tạm là đăm 眈 || N. cúng cơm. Td: *đom* tế 眈祭)

đủ 堵 GT. đồ 堵 || N. vừa, không sót, không thiếu. Td: chưa đèn cho *đủ* 諸垌朱堵.

đuổi 遯 HT. sước 辵 (lấy ý) + đối 對 (lấy âm) || N. bắt đi, tổng đi. Td: *đuổi* khỏi 遯塊.

đuối 澍 HT. thủy 氵 (lấy ý) + đối 對 (lấy âm) || N. kém đến mức phải cố gắng lắm. Td: yếu *đuối* 要澍.

đưa 迻 GT. di 迻 (chuyển dời) || N. trao trực tiếp cho ai. Td: *đưa* cho 迻朱.

đưa 都 HY. giả 者 (lấy ý) + đinh 丁 (lấy ý) || N. tiếng gọi bề dưới.

đức 德 H. ơn huệ. Td: công *đức* 功德.

đức 德 ÂH. đức 德 || N. 1. từ tôn xưng, dùng trước danh hiệu hay tước hiệu, không dùng trước tên riêng. Td: *Đức* Chúa Cha 德主吒; *Đức* Chúa Giê-su 德主支秋; *Đức* Phật Thích Ca 德佛釋迦; *Đức* Thánh Lão Tử 德聖老子; *Đức* Thượng Trâm 德上簪; *Đức* vua Lê 德希黎. || 2. phẩm chất tốt đẹp. Td: *đức* công bình 德公平.

Đức Chúa Giê-su 德主支秋 N. Đức là từ tôn xưng trước danh hiệu Chúa. Giê-su là tên do sứ thần báo cho Đức Mẹ Maria, để đặt tên cho Con Thiên Chúa Làm Người. Danh Thánh này nói lên căn tính và sứ mạng của Đức Chúa Giê-su, vì “chính Người sẽ cứu dân Người khỏi tội lỗi của họ” (Mt 1,21; x. GLHTCG 430). Đức Chúa Giê-su Con Thiên Chúa đã nhập thể trong cung lòng Trinh Nữ Maria bởi phép Đức Chúa Thánh Thần, được sinh ra làm người (x. Lc 1,35), hoàn toàn giống con người mọi đàng, ngoại trừ tội lỗi (x. Hr 4,15).

Đức Hoàng Thái hậu 德皇太后 N. tước hiệu dành cho mẹ của vua đang trị vì.

Đức Thánh Mẫu 德聖母 N. tước hiệu dành cho người nữ rất tôn kính.

Đức Thánh Từ 德聖慈 N. tước hiệu dành cho người nữ rất tôn kính.

Đức vua Lê 德希黎 N. cách gọi tôn xưng vua Lê Hiến Tông 黎顯宗 (1740-

1786), hiệu Cảnh Hưng 景興.

đừng 仞 GT. đình 仞 || N. từ biểu thị ý khuyên ngăn, bảo không làm hay không nên nói việc gì. Td: *đừng* làm 仞濫; *đừng* nói nữa 仞啞女.

được 特 GT. đặc 特 (vượt hơn bình thường) || N. 1. đạt kết quả. Td: *bắt được* hai thầy cả 扒特仝柴奇. || 2. hưởng điều thuận lợi cho công việc. Td: *được* ru 特啲.

được thoát 特脫 || N. từ nói tắt của cụm từ *được thoát hình phạt địa ngục*. Td: một có lòng muốn giúp linh hồn người ta *được thoát* mà thôi 沒固恚悶執靈魂得些特脫麻崔 (có một lòng giúp linh hồn người ta *được thoát hình phạt địa ngục*).

đường 唐 H. không, hư. Td: hoang *đường* 荒唐. || N. họ. Td: Nhà *Đường* 茹唐.

đường 塘 ÂH. đường 塘 || N. lối đi. Td: kinh Bảo *Đường* 經保塘.

e 啞 HT. khẩu 口 (lấy ý) + y 衣 (lấy âm) || N. PÂ. Td: E-Và 啞嘍.

E-Và 啞嘍 PÂ. tên mà ông A-dong đã đặt cho người nữ do Thiên Chúa ban tặng (x. St 2,22; 3,20). Td: lại dựng nên một người nữ, đặt tên là E-Và 吏孕年沒得女達艱罌啞嘍.

em 俺 GT. yêm 俺 (ta, tôi) || N. người cùng một thế hệ trong gia đình, trong dòng họ, nhưng thuộc hàng dưới. Td: anh *em* 英俺.

ép 押 GT. áp 押 (đè, chận ép) || N. bắt phải làm. Td: điều ấy tại ý mình muốn chẳng phải tại ai *ép* đâu 調衣在意命悶庄沛在埃押.

gà 駙 HT. điều 鳥 (lấy ý) + ca 哥 (lấy âm) || N. gia cầm chỉ sống trên cạn, nuôi để lấy thịt và trứng, con trống biết gáy. Td: trâu bò *gà* lợn 樓捕駙貉.

gan 肝 GT. can 肝 || N. tỏ ra mạnh mẽ, dám đương đầu với nguy hiểm hoặc cường quyền. Td: cả *gan* 哥肝)

gặp 及 GT. cập 及 (tới, đến) || N. chịu tác động trực tiếp của một hiện tượng nào đó trong quá trình hoạt động. Td: *gặp* chính thì chính 及正時正; *gặp* tà thì tà 及邪時邪.

gậy 梃 HT. mộc 木 (lấy ý) + kỵ 忌 (lấy âm) || N. đoạn tre, gỗ, dùng để chống khi đi hoặc để đánh nhau. Td: cái *gậy* 丐梃; mũ *gậy* 帽梃.

ghen 慳 GT. san 慳 (keo kiệt) || N. khó chịu vì người khác hơn mình hay có được cái mình muốn mà không có. Td: *ghen* chẳng muốn cho đạo khác thờ phượng hơn đạo mình 慳庄悶朱道恪徐奉欣道命.

ghét 怙 GT. hồ 怙 (nuông cấy) || N. không ưa thích. Td: khi yêu khi *ghét* 欺天欺怙.

ghiếc 怙 HT. tâm 忖 (lấy ý) + diệc 亦 (lấy âm) || N. từ láy đi kèm với từ góm để chỉ sự ghê tởm. Td: góm *ghiếc* 憾怙.

gì 之 GT. chi 之 || N. từ dùng để chỉ sự vật, sự việc, hiện tượng nào đó không rõ. Td: có sự *gì* thật mà phải bàn hỏi lẽ làm chi 固事之實麻沛盤晦理濫之.

gia 家 H. nhà. Td: *Gia* Lễ 家禮; *gia* vi vu sử 家為巫史 (nhà bày ra đồng bóng).

gia 加 H. 1. thêm vào. Td: *gia* công 加功 (cố gắng làm). || 2. thi hành. Td: *gia* hình 加形 (thi hành hình phạt). || 3. ra ơn. Td: *gia* phong 加封 (ra ơn ban cấp hay ban tước).

gia công suất tính tu đạo 加功率性修道 H. cố gắng sửa tính tu đạo.

già 迦 PÂ. Td: Thích Ca 釋迦.

già 耄 HT. trà 茶 (lấy âm) + lão 老 (lấy ý) || N. lớn tuổi. Td: *già* nua 耄孥.

giả 者 H. người. Td: Nho *giả* 儒者.

giả 段 H. không thật. Td: trong sách, từ đoạn 段 bị viết nhầm thành *giả* 段. Xem các trang 4, 9, 30, 33, 146.

giả 假 H. không thật. Td: vàng bạc *giả* 鑞鉞假.

giã 嗜 HT. khẩu 口 (lấy ý) + giả 者 (lấy âm) || N. từ biệt để ra đi. Td: xin *giã* các thầy 嗔嗜各柴.

giác 覺 H. cảm nhận. Td: vô *giác* 無覺.

giai 皆 H. đều, cùng. Td: tứ hải *giai* huynh đệ 四海皆兄弟 (người khắp nơi trong bốn biển cùng là anh em; người ở khắp nơi đều là anh em).

giai lý khí chi triệu thành tự nhiên nhi nhiên 皆理氣之肇成自然而然 H. tất cả các lý khí đều tự nhiên nhi nhiên cấu thành.

giai tại thiên mệnh 皆在天命 H. đều tại số trời. Td: kẻ lành kẻ dữ *giai tại thiên mệnh* phú cho 几苓几與皆在天命付朱.

giải 解 ÂH. giải 解 || N. phân tích. Td: *giải* câu 解勾; *giải* nghĩa 解義; *giải* rãng 解浪.

giải ách tống tai 解厄送灾 H. gỡ nạn bỏ họa.

giam 檻 HT. thủ 扠 (lấy ý) + giam 監 (lấy âm) || N. bắt giữ tại tù ngục. Td: *giam* cầm 檻拑; *giam* ở Kê Chợ tại Khố Bành 檻於几帑在庫彭; kiên *giam* trí tử 堅檻致死 (bỏ tù cho đến chết, tù chung thân); tạm *giam* 暫檻.

giám 監 H. coi sóc. Td: *giám* mục 監牧.

giám mục 監牧 H. từ gọi tắt của cụm từ tông đồ giám mục 宗座監牧, người kế vị các Thánh Tông Đồ, để chăm sóc mục vụ cho cộng đoàn Kitô hữu. Td: *Giám mục* Phê-rô Ma-ri-a Đông truyền tử 監牧批魯瑪移亞東傳梓.

gian 間 H. khoảng, ở giữa. Td: thế *gian* 世間.

gian 奸 ÂH. gian 奸 || N. dối trá, âm hiểm. Td: *gian* ác 奸惡; *gian* dâm 奸淫; thác thì trừ khử nghiệp *gian* tà 托時除去業奸邪.

giáng 降 H. hạ xuống. Td: *giáng* sinh 降生; Thượng Đế *giáng* trung vu hạ dân 上帝降衷于下民.

giao 遙 GT. dao 遙 || N. qua lại với nhau. Td: lễ *giao* bái 禮遙拜.

giao bái 遙拜 N. lạy qua lại với nhau. Từ giao bái 遙拜 được viết trong sách là chữ Nôm, từ giao 遙 là giả tá chữ dao 遙 (xa, dài) của Hán. Bởi lẽ, đúng chữ Hán, giao bái được viết là 交拜, với giao 交 có nghĩa là qua lại thân thiết.

giao xã chi lễ dĩ sự Thượng Đế 郊社之禮以事上帝 H. Lễ tế giao (tế trời đất) và lễ tế xã (tế thần đất) để thờ Thượng Đế.

giáo 教 H. đạo. Td: Hội đồng tứ *giáo* 會同四教; Phật *giáo* 佛教.

giáp 甲 H. can Giáp, đứng đầu trong mười thiên can. Td: *Giáp* Dần 甲寅.

giàu 霸 HT. cự 巨 (lấy ý) + triều 朝 (lấy âm) || N. có nhiều tiền của. Td: *giàu* có 霸固; kẻ *giàu* 几霸.

giặc 賊 GT. tặc 賊 || N. lực lượng vũ trang chuyên đi cướp phá, làm rối loạn an ninh, gây tai họa cho cả một vùng, một nước. Td: đánh *giặc* 打賊; làm *giặc* 濫賊; quân *giặc* 軍賊; tướng *giặc* 將賊.

giấc 戢 GT. chúc 戢 || N. từ dùng để chỉ từng khoảng thời gian ngủ liên tục. Td: *giấc* ngủ một 戢昨癡.

giây 之 GT. chi 之 || N. khoảng thời gian cực ngắn. Td: dựng nên mọi sự trong một *giây* 孕年每事薹沒之.

giấy 紙 GT. chỉ 紙 || N. vật liệu được làm thành tờ để in ấn. Td: tiền *giấy* 錢紙.

gieo 招 GT. chiêu 招 || N. buông đồng tiền cho rơi xuống để đoán quẻ. Td: *gieo* hai đồng tiền 招仁銅錢.

giê 支 GT. chi 支 || N. PÂ. Td: *Giê*-su 支秋.

giêng 脛 HT. nguyệt 月 (lấy ý) + chính 正 (lấy âm) || N. tháng đầu tiên

trong âm lịch. Td: tháng *giêng* 艮.

giếng 井 HY. thủy 井 (lấy ý) + tỉnh 井 (lấy ý) || N. chỗ đào sâu xuống để lấy nước.

giết 折 GT. chiết 折 || N. làm cho chết. Td: *giết* người 折得.

gió 風 HT. phong 風 (lấy ý) + du 逾 (lấy âm) || N. luồng không khí chuyển động. Td: *gió* bão 風電; lay bóng lay *gió* 裊裊; mưa *gió* 風雨.

giỗ 咄 HT. khẩu 口 (lấy ý) + chủ 主 (lấy âm) || N. lễ cúng hằng năm cho người chết, theo phong tục, vào đúng ngày họ qua đời. Td: *giỗ* chạp 咄臘.

giỗ chạp 咄臘 N. việc cúng cho người chết theo phong tục nói chung.

giống 種 GT. chủng 種 || N. từ chỉ nhóm người, phân biệt với nhau bởi một số đặc điểm di truyền như hình dạng, màu da, v.v. Td: *giống* thiêng liêng 種声灵; *giống* tội lỗi 種罪惡; ba *giống* hồn 三魂; nội *giống* 內種.

giống thiêng liêng 種声灵 || N. loài rất cao quý, đáng coi trọng hơn hết.

giờ 晷 HT. nhật 日 (lấy ý) + dư 余 (lấy âm) || N. thời điểm nào đó. Td: *giờ* ấy 晷衣; bao *giờ* 包晷; bấy *giờ* 閉晷.

giới 界 H. cõi, cảnh. Td: hạ *giới* 下界; thế *giới* 世界.

giới 誡 H. lời khuyên bảo, lời cảnh báo. Td: *giới* quy 誡規; luật *giới* 律誡.

giới 戒 H. điều. Td: *giới* cấm 戒禁 (điều cấm).

giu 樞 GT. xu 樞 || N. PÂ. Td: Giu-diêu 樞姚; Giu-ra-phát 樞加發.

Giu-diêu 樞姚 PÂ. || N. cách phiên âm Việt ngữ của từ Judeu trong tiếng Bồ Đào Nha để chỉ người Do Thái.

Giu-ra-phát 同樞加 N. còn được phiên âm là Giô-sa-phát (Josaphat / Jehoshaphat) nghĩa là Thiên Chúa đã phán xét. Cánh đồng nằm ở phía Đông thành Giêrusalem, nơi chôn cất các ngôn sứ, các tiền nhân. Người Do thái tin vào Thánh Kinh, Thiên Chúa đến thăm Dân Israel tại Cánh Đồng Giô-sa-phát và họ sẽ là những người đầu tiên được nhìn thấy Thiên Chúa: "*Ta sẽ tập hợp mọi nước mọi dân, đưa xuống cánh đồng Giô-sa-phát. Ở đó, Ta sẽ tranh tụng với chúng về vấn đề Ít-ra-en là dân Ta và sản nghiệp của Ta: chúng đã phân tán dân Ta giữa các dân các nước, đã chia cắt đất đai của Ta.*" (Ge 4,2).

giục 逐 GT. trục 逐 || N. thôi thúc. Td: *giục* dân 逐民.

giúp 執 GT. chấp 執 || N. làm cho ai việc gì vì thấy người ấy đang cần. Td: *giúp* vua 執希.

giữ 侍 GT. trử 侍 || N. 1. không thay đổi. Td: *giữ đạo* 侍道. || 2. làm cho ở nguyên vị trí nào đó. Td: *giữ luật giới* 侍律誡; *giữ nhà* 侍茹; *giữ thay* 侍台; *giữ việc* 侍役.

giữa 舛 HT. trử 寧 (lấy âm) + trung 中 (lấy ý) || N. vị trí cách đều các điểm ở xung quanh. Td: *giữa nhà* 舛茹.

giường 床 GT. sàng 床 || N. vật dụng có dạng phẳng, dùng để nằm. Td: nằm trên *giường* 舛蓮床.

gọi 噲 HT. khẩu 口 (lấy ý) + hội 會 (lấy âm) || N. kêu. Td: *gọi khắp mọi người* 噲泣每得; *gọi là* 噲罌.

gọt 削 HT. cốt 骨 (lấy âm) + đao 刀 (lấy ý) || N. cạo cho trơn láng. Td: *gọt đầu* 削頭.

gỗ 梏 GT. khố 梏 || N. phần lõi của cây, dùng để đóng vật dụng, điêu khắc. Td: tượng *gỗ* 像梏.

gối 踰 HT. túc 足 (lấy ý) + hội 會 (lấy âm) || N. khớp nối xương đùi và xương ống chân. Td: đầu *gối* 頭踰.

gở 擧 HT. tâm 忖 (lấy ý) + cử 舉 (lấy âm) || N. điều xấu, không lành. Td: *lời gở* 唾擧; *quái gở* 怪擧.

gớm 憾 HT. tâm 忖 (lấy ý) + cảm 感 (lấy âm) || N. kinh sợ vì ghê tởm. Td: *gớm ghiếc* 憾怵.

gươm 劍 GT. kiếm 劍 || N. binh khí dài và nhọn, có lưỡi sắc để đâm chém. Td: *gươm vàng* 劍鏞.

hà 何 H. há, nào đâu. Td: *hà sở* 何所 (như thế, đó); *hà nhân vô tội* 何人無罪 (chẳng ai vô tội đâu).

hà 遐 H. xa. Td: thăng *hà* 升遐 (lên cõi xa, ý nói vua chúa qua đời).

hà 河 H. sông. Td: sông *Đài Hà* 淹臺河.

há 訶 HT. khởi 豈 (lấy ý) + khả 可 (lấy âm) || N. trợ từ với ý muốn hỏi, nhưng thật ra là khẳng định rằng không lẽ nào lại như thế. Td: *há có phải* 訶固沛.

hạ 下 H. 1. thấp kém. Td: *hạ tiện* 下賤. || 2. dưới. Td: *hạ giới* 下界; *hạ phụ* 下父; thiên *hạ* 天下. || N. 1. thấp kém. Td: hèn *hạ* 慳下. || 2. chấp nhận xuống vị trí thấp vì sự khiêm tốn. Td: *hạ mình* 下命.

hạ 夏 H. mùa hè. Td: xuân *hạ* thu đông 春夏秋冬.

hạ phụ 下父 H. tiếng tôn xưng cha mẹ, một bậc trong Thần học Tam phụ 三父: thượng phụ 上父, trung phụ 中父, *hạ phụ* 下父. *Hạ phụ* 上父 là

Cha ở dưới, tức là cha mẹ sinh ra mỗi người, thay Trời nuôi dạy con cái trong gia đình. Lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ được biểu hiện qua sự thảo kính.

hai 𠂇 HT. thai 台 (lấy âm) + nhị 二 (lấy ý) ॥ N. số tự nhiên ở giữa số 1 và số 3. Td: *hai* thầy cả 𠂇柴奇; *hai* bên 𠂇邊; *hai* bữa 𠂇飪; *hai* phần 𠂇分; tháng *hai* 𠂇; thứ *hai* 次𠂇)

hài 孩 H. trẻ con. Td: *hài* sở 孩所 (ngực các linh hồn trẻ con mới sinh ra mà chết khi chưa được chịu Phép Rửa).

hải 海 H. 1. biển. Td: *Hải* Dương 海陽. ॥ 2. lớn. Td: *hải* nội 海內 (trong lòng); khổ *hải* 苦海 (rất khổ).

hại 害 ÂH. hại 害 ॥ N. hao tổn. Td: chẳng *hại* chút nào 庄害拙市.

hàm 含 H. dung nạp. Td: bao *hàm* 包含 (chứa đựng).

hàm 咸 H. địa danh. Td: *Hàm* Quan 咸關.

hán 漢 H. nhà Hán. Td: *Hán* Võ 漢武; *Hán* Cao Tổ 漢高祖.

Hán Minh Đế 漢明帝 (trị vì 57-75) H. húy Lưu Trang 劉莊, cũng gọi là Hán Hiến Tông 漢顯宗, là vị Hoàng đế thứ hai của nhà Đông Hán, cũng như là Hoàng đế thứ 17 của triều đại nhà Hán trong lịch sử Trung Hoa. Td: *Hán Minh Đế* tin thờ Bụt 漢明帝信祿亭.

Hán Võ chi thời mệnh Nhật Bi tác vi kim nhân dĩ tế Thiên Chủ; kỳ hậu hữu từ Thiên Chủ ư thiên trai 漢武時命日碑作為金人以祭天主。其後有祠天主於天齋 H. Đời Hán Vũ Đế dạy người Mật Đê làm ra người vàng để tế Thiên Chúa; sau lại thờ Thiên Chúa ở trời xanh.

hạn 旱 H. nắng mãi mà trời không mưa. Td: đại *hạn* 大旱 (nắng to và lâu trời không mưa).

hành 行 H. làm, thực hiện. Td: *hành* khiển 行謹 (chức quan thuộc hàng đại thần thời phong kiến); *hành* phong 行風 (làm gió); *hành* sự 行事 (làm việc); *hành* thiện 行善 (làm việc tốt lành); *hành* vũ 行雨 (làm mưa).

hành phong hành vũ 行風行雨 H. làm gió làm mưa.

hành 衡 H. cân nhắc. Td: quyền *hành* 權衡 (1. cân nhắc để hành xử cho hợp đạo lý. ॥ 2. quyền phân định và điều hành công việc).

hao 耗 ÂH. hao 耗 ॥ N. tổn hại. Td: hư *hao* 虛耗 (bị hỏng và có tổn hại).

hào 豪 H. người có tài xuất chúng. Td: *hào* kiệt 豪傑 (kẻ có tài trí hơn người).

hạo 昊 H. tên dòng họ. Td: Thiếu *Hạo* 少昊.

hát 喝 HT. khẩu 口 (lấy ý) + hiết 歇 (lấy âm) || N. ca với nhịp điệu và giai điệu nào đó. Td: *hát* thơ 喝詩.

hạt 紕 GT. hột 紕 (nút, nóm) || N. lượng nhỏ chất lỏng có hình giống như hạt gạo, hạt ngô. Td: *hạt* sương 紕霜.

hạt sương 紕霜 N. từ biểu trưng tính phù du, sự vô thường - không có gì trường tồn mãi mãi, cho dù đó là trời đất. Td1: Đầu trước hết, có một *hạt* sương, là “Hư vô”, là “Phật tánh” 頭畧歇固沒紕霜罌虛無罌佛性。 || Td2: *hạt* sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: một phần xanh làm trời, một phần vàng làm đất, một phần trắng làm người; bấy giờ hóa nên một tên là Nguyên Thủy 紕霜衣自然紛暉濫𠂔分。沒分桴濫𠂔。沒分𠂔濫坦。沒分鼻濫得。閉睭化年沒𠂔罌元始。 Bàn rộng: Chuyện hạt sương chia ba là sự vô thường hình thành nên ba thể trời - đất - người. Việc này thể hiện triết lý tam tài về vũ trụ quan của triết Đông.

hay 哈 GT. hai 哈 || N. 1. từ biểu thị quan hệ chọn lựa giữa hai điều được nói đến. Td: *hay* là 哈罌。 || 2. được đánh giá là có tác dụng tốt đẹp, dễ chịu. Td: thầy *hay* 柴哈。

hãy 唉 GT. ai 唉 (thán từ biểu cảm) || N. từ đứng trước động từ để thể hiện sự sai bảo. Td: *hãy* xem 唉。

hẳn 罕 GT. hãn 罕 (hiếm, ít có) || N. chắc chắn. Td: *hẳn* hoi 罕灰。

hằng 恒 ÂH. hằng 恒 (thường, lâu bền) || N. luôn. Td: *hằng* sống mãi 恒甦買。

hấp 翕 ÂH. hấp 翕 (thu lại, đóng lại) || N. hơi nóng của cơ thể. Td: *hấp* hổi 翕悔 (ở trạng thái sắp chết, sắp tắt thở - từ Hán là *thùy tử* 垂死)。

hầu 侯 H. tước hầu. Td: chư *hầu* 諸侯; công *hầu* 公侯。

hậu 後 H. 1. sau. Td: *hậu* thế 後世 (đời sau)。 || 2. con. Td: vô kế *hậu* 無繼後 (không con nối dõi)。

hậu 厚 H. tốt lành. Td: nhân *hậu* 仁厚 (lòng thương người)。

hậu 后 H. vợ vua. Td: Đức Hoàng Thái *hậu* 德皇太后 (mẹ của nhà vua); Nguyên *Hậu* 元后。

hèn 慚 HT. tiểu 小 (lấy ý) + hiên 賢 (lấy âm) || N. nhát, yếu kém. Td: *hèn* hạ 慚下; kẻ *hèn* 几慚; kém *hèn* 劍慚; xác *hèn* 壳慚。

hề 兮 ÂH. hề 兮 || N. bao giờ. Td: chẳng *hề* có ai 庄兮固埃; chó *hề* 渚兮。

hễ 係 GT. hệ 係 (là) || N. nếu là. Td: *hễ* ai 係埃; *hễ* có 係固。

hết 歇 GT. hiết 歇 (thôi, hết) || N. 1. cạn sạch, không còn nữa. Td: *hết* hoi

歇啼; *hết* lòng 歇恚; *hết* nợ 歇女; *hết* sức 歇飭; *hết* tội 歇罪; thì cũng phải chết *hết* 時拱沛斃歇. || 2. đến mức trọn cả. Td: đầu *hết* 頭歇 (tận ban đầu).

hĩ 矣 H. trợ từ cuối câu để nhấn mạnh. Td: biến *hĩ* 變矣 (thay đổi nhiều).

hiểm 險 ÂH. hiểm 險 || N. độc địa. Td: chốn rất sâu *hiểm* 准慄淒險.

hiểm 險 GT. hiểm 險 (chỗ trọng yếu) || N. ít có. Td: rất *hiểm* 慄險.

hiền 賢 ÂH. hiền 賢 || H. người có đức hạnh. Td: tiên *hiền* 先賢 (bậc tài đức lúc xưa). || N. tốt lành. Td: *hiền* lành 賢苓.

hiển 顯 H. 1. bày tỏ. Td: *hiển* đức 顯德 (tỏ lòng khoan dung) || 2. rõ ràng. Td: *hiển* linh 顯靈 (ứng nghiệm rõ ràng).

hiển đức nhân từ vô cùng 顯德仁慈無窮 H. tỏ lòng khoan dung nhân hậu vô cùng.

hiện 現 H. ngay bây giờ. Td: *hiện* tại 現在 (bây giờ, lúc này).

hiếu 曉 ÂH. hiếu 曉 || N. biết rõ. Td: khó *hiếu* 庫曉.

hiếu 孝 H. phụng dưỡng cha mẹ, hết bốn phận với cha mẹ. Td: *hiếu* kính 孝敬 (hiếu thuận và tôn kính); báo *hiếu* 報孝 (đền đáp công ơn cha mẹ); bất *hiếu* 不孝 (không hết bốn phận với cha mẹ); *hiếu* sự 孝事 (việc bốn phận với cha mẹ).

hiếu chi hư văn 孝之虛文 H. nghi thức giả tạo của việc thực hiện bốn phận với cha mẹ.

hiệu 號 H. tên gọi. Td: *hiệu* là Âm Không 號罣陰空.

hiệu 效 H. kết quả. Td: vụ thật *hiệu* khứ hư văn 務實效去虛文 (lo kết quả thật, bỏ nghi thức giả tạo).

hình 形 H. dáng vẻ, trạng huống. Td: *hình* dạng 形樣; *hình* khổ 形苦; *hình* thể 形體; vô *hình* 無形.

hộ 戶 GT. hộ 戶 || N. dòng dõi. Td: họ Lý 戶李; họ Trương 戶張.

hoa 花 ÂH. hoa 花 || N. cơ quan sinh sản của cây hạt kín, thường có sắc hương. Td: *hoa* quả 花菓.

Hoa Lang 花郎 PÂ. còn có âm là Pha Lang. Đây là từ phiên âm của Portugal (Bồ Đào Nha). Trong thế kỷ 17-19, tên đạo Hoa Lang được dùng để gọi cho đạo Thiên Chúa, nay gọi là đạo Công giáo. Td: Còn sự đạo ngoại quốc *Hoa Lang* là dị đoan chi giáo 群事道外國花郎罣異端之教.

hòa thượng 和尚 PÂ. tiếng Phạn. Đây là bậc tôn sư, chức vị cao nhất trong Phật giáo. Người điều dắt các sa-di hay tì-kheo.

hỏa 火 H. lửa. Td: kim mộc thủy *hỏa* thổ 金木水火土.

hóa 化 ÂH. hóa 化 || N. biến đổi. Td: *hóa* nên 化年; *hóa* ra 化隕.

họa 禍 ÂH. họa 禍 || N. tai vạ. Td: sự họa 事禍.

hoạch 獲 H. gặp phải. Td: *hoạch* tội ư thiên vô sở đảo dã 獲罪於天無所禱也 (Phải tội với trời thì không cầu cúng ở đâu được).

hoàn 環 H. xoay vòng. Td: tuần *hoàn* 循環 (chuyển động theo vòng lặp).

hoàn 完 H. xong xuôi. Td: *hoàn* mãn 完滿 (xong xuôi việc gì).

hoang 荒 H. không hợp tình lý. Td: *hoang* đường 荒唐 (lời vu vơ không đúng sự thật).

hoàng 皇 H. vua. Td: *hoàng* thượng đế 皇上帝.

hoàng 黃 H. 1. sắc vàng. Td: *hoàng* đế 黃帝; suối *Hoàng* Tuyền 湓黃泉 (suối vàng). || 2. chỉ đất. Td: *hoàng* đồ vĩnh quyết 黃圖永訣 (tựa sách với nghĩa là ở dưới đất đời đời); *Hoàng* Phát Trai 黃發齋 (tên người); *hoàng* trùng 黃虫.

Hoàng Đế 黃帝 H. Hoàng Đế 黃帝 (trị vì 2698 tCN - 2599 tCN), người đứng đầu trong Ngũ Đế (Hoàng Đế (黃帝), Chuyên Húc (顓頊), Đế Cốc (帝嚳), Đế Nghiêu (帝堯), Đế Thuấn (帝舜)). Hoàng Đế là nhân vật của truyền thuyết, được coi là thủy tổ của người Hán. Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, *Hoàng Đế*, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

hoàng trùng 黃虫 H. con sâu keo, sâu ăn hại lúa.

hoành 橫 H. ngang. Td: tung *hoành* 縱橫 (dọc ngang).

hoặc 惑 H. mê loạn, hoài nghi. Td: mê *hoặc* 迷惑 (bị quyến rũ khiến không tự chủ được); tương *hoặc* dĩ quái 相惑以怪 (lấy việc yêu quái để phỉnh nhau). || N. hay. Td: *hoặc* vì 或爲.

học 學 ÂH. học 學 || N. tìm hiểu, luyện tập. Td: *học* các sách Người đã truyền 學各典得龜傳.

hôi 灰 GT. hôi 灰 (tro, đá vôi) || N. trợ từ làm tiếng láy đứng sau từ khác. Td: hân *hôi* 罕灰.

hỏi 嗨 HT. khẩu 口 (lấy ý) + mỗi 每 (lấy âm) || N. bày tỏ ý muốn của mình với người khác với yêu cầu được trả lời. Td: tra *hỏi* 查嗨.

hổng 吼 GT. hổng 吼 (gầm, rống) || N. ở tình trạng không còn tốt nữa. Td: *hổng* phúc 吼福.

hồ 胡 H. 1. xứ Hồ. Td: xứ Hồ Quảng. || 2. càn bậy. Td: hồ nghi 胡疑 (ngờ vực càn bậy).

hồ 糊 H. mù mờ, không rõ ràng. Td: hồ đồ 糊塗.

hồ 乎 GT. hồ 乎 (trợ từ) || N. từ làm trợ từ. Td: tha hồ 他乎 (mặc sức).

hồ đồ 胡疑 lẫn lộn giữa đúng và sai trong nhận thức. Td: Song le nhà quan hồ đồ chưa biết đạo thật hư là đường nào 雙離茹官胡塗諸別道實虛罣差市.

Hồ Quảng 胡廣 tên gọi của Hồ Bắc và Hồ Nam, nằm trong địa phận Hà Nam ngày nay. Xem *xứ Hồ Quảng*.

hổ 虎 ÂH. hổ 虎 || N. thẹn. Td: xấu hổ 醜虎 (thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi so với người khác).

hộ 護 H. giúp đỡ. Td: hộ dân 護民; hộ quốc 護國; vâng hộ 哪護.

hộ dân bảo quốc 護民保國 H. giúp dân, giữ nước.

hộ quốc bảo thành 護國保城 H. giúp nước giữ thành. Td: vì hộ quốc bảo thành mà quân giặc chém chết bêu đầu lên ... 爲護國保城.麻軍賊刳斃梟頭蓬.

hộ quốc trị dân 護國治民 H. giúp nước cai quản dân.

hồi 回 H. quay về. Td: quân hồi vô lệnh 軍回無令 (quân rút không có lệnh).

hối 悔 H. ăn năn. Td: thống hối 痛悔 (đau đớn vì ăn năn).

hối 悔 ÂH. hối 悔 || N. vội vàng. Td: hấp hối 翕悔 (ở trạng thái sắp chết, sắp tắt thở).

hội 會 H. cuộc họp mặt.

hội đồng 會同 H. cuộc họp mặt để cùng bàn việc.

Hội đồng tứ giáo 會同四教 H. tác phẩm có tên đầy đủ là *Hội đồng tứ giáo danh sư* 會同四教名師, nói về cuộc họp giả định của các bậc tu hành nổi tiếng trong bốn đạo (đạo Thiên Chúa, Đạo giáo, đạo Nho (đạo Khổng) và đạo Phật).

hôm 歎 GT. hân 歎 (rung động) || N. buổi chiều tối. Td: chiều hôm 朝歎.

hôn 婚 H. cưới vợ, gả chồng. Td: hôn phối 婚配 (cưới vợ, gả chồng).

hồn 魂 H. phần thiêng của con người. Td: hồn khí quy vu thiên 魂氣歸于天 (linh hồn trở về trời); linh hồn 靈魂 (hồn người chết). || N. phần thiêng liêng vô hình của con người. Td: ba giống hồn 卅種魂; ngục luyện hồn 獄煉魂.

hồng 洪 H. lớn. Td: *hồng phúc* 洪福 (điều tốt lành lớn lao).

Hồng Liễu thư 洪蓼書 (tên sách).

hơi 唏 HT. khẩu 口 (lấy ý) + hi 希 (lấy âm) || N. sức lực. Td: hết *hơi* 歇唏.

hối 咳 GT. khái 咳 (ho, khạc) || N. tiếng cảm thán. Td: Phật tính *hối* 佛性咳.

hơn 欣 GT. hân 欣 (sung sướng, vui mừng) || N. tiếng dùng để so sánh phần thêm lên. Td: dễ *hơn* 易欣.

hợp 合 H. đúng cách. Td: *hợp lý* 合理 (đúng cách với lẽ phải).

hùm 獠 HT. khuyển 犬 (lấy ý) + hàm 含 (cầm) || N. con cọp. Td: thần *hùm* 神獠.

hung 凶 H. ác. Td: *hung nghiệt* 凶孽 (tàn ác).

hung nghiệt thảm khắc 凶孽慘刻 H. hung dữ và tàn ác.

hùng 雄 H. người tài giỏi. Td: anh *hùng* 英雄 (người tài giỏi xuất chúng).

huống 况 ÂH. huống 况 || N. từ biểu thị ý việc sắp nêu là tất yếu. Td: *huống chi* 况之; *huống lộ* 况路.

huyền tông 玄宗 H. vua Đường Huyền Tông hay Đường Minh Hoàng (685-761), tên thật là Lý Long Cơ.

huyện 縣 H. đơn vị hành chính dưới tỉnh.

huyết 血 H. máu. Td: *huyết quy vu thủy* 血歸于水 (máu thành nước).

huynh 兄 H. anh trai. Td: *huynh đệ* 兄弟.

hư 虛 ÂH. hư 虛 || N. hao mòn, không có gì, không thật - giả. (*hư hao* 虛耗; *hư không* 虛空; *hư mất* 虛秩; *hư tự* 虛字; *hư văn* 虛文; *hư vô* 虛無; thật *hư* 實虛).

hư tự 虛字 H. hư từ, từ không có chức năng định danh. Td: Vì chữ “đạo” là *hư tự* 爲字 爲字 爲字 爲字 爲字 (hư từ mà thôi).

hư vô chi đạo 虛無之道 H. hư không là đạo.

hư vô đại đạo 虛無大道 H. hư không là đạo cả (lớn).

hư vô tự nhiên 虛無自然 H. tự nhiên hư không.

hưng 興 H. thịnh vượng. Td: đất Thiệu *Hưng* 坦紹興; Vua Cảnh *Hưng* 希景興.

huong 香 H. nhang. Td: phần *huong* 焚香 (đốt nhang).

huong cống 鄉貢 H. 1. học vị cử nhân đời xưa. || 2. người có tài được các châu, huyện tiến cử cho triều đình.

hưởng 享 ÂH. hưởng 享 || N. có được cho bản thân. Td: *hưởng* phước vô

cùng 享福無窮; ăn *hưởng* 啖享.

hưởng phước 享福 H. còn gọi là hưởng phúc, nghĩa là được phước, đời sống yên vui sung sướng. Td: *hưởng phước thanh nhàn* trên Thiên đàng 享福清閒蓮天堂.

hưởng 響 H. tiếng. Td: âm *hưởng* 音響 (tiếng vang).

hữu 有 H. có. Td: *hữu* biệt 有別; *hữu* sự 有事; thiện *hữu* thiện báo 善有善報; ác *hữu* ác báo 惡有惡報.

hữu thì hiển linh hiển ứng 有時顯靈顯應 H. có lúc hiển hiện ra bên ngoài. Td: Còn các tướng anh hùng hào kiệt, người ta thường nói rằng, *hữu thì hiển linh hiển ứng* là có khi lên miệng kẻ còn sống mà xưng mình là tướng nọ thần kia 群各將英雄豪傑得些常啞浪. 有時顯靈顯應 罣固欺蓮哩凡群群麻稱命罣將怒神箕.

hữu 友 H. bạn. Td: bằng *hữu* 朋友.

hựu 宥 H. rộng thứ. Td: Tất đãi tự thiên *hựu* chi 必待自天宥之 (Tất nhiên phải từ trời rộng thứ).

hựu 又 H. lại nữa. Td: *hựu* viết 又曰 (lại nói rằng).

hy 羲 H. Từ gọi tắt của Phục Hy 伏羲, một vị thần trong các thần tích Trung Hoa, ông được xem là người đứng đầu Tam Hoàng Ngũ Đế. Ngoài Phục Hy, danh sách Tam Hoàng còn có Thần Nông và Nữ Oa. Td: trong các sách Kinh Sử bên Đại Tây chẳng thấy chép tên Hy, Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn 邇各典經史邊大西庄覓劉翹羲農黃帝堯舜.

ích 益 ÁH. ích 益 || N. lợi; có tác dụng, có hiệu quả tốt. Td: chỉ để làm *ích* 只底濫益; chẳng được *ích* gì 庄特益之.

in 印 GT. 印 || N. ghi nhớ. Td: *in* vào trong lòng 印印訥悉.

ít 少 HT. ất 乙 (lấy âm) + thiếu 少 (lấy ý) || N. không có nhiều. Td: *ít* nữa 少女; một *ít* 沒少.

kẻ 几 GT. kỷ 几 || N. 1. từ chỉ nơi chốn. Td: *Kẻ Chợ* 几幣. || 2. từ chỉ về người. Td: *kẻ* có đạo 几固道; *kẻ* có tội 几固罪; *kẻ* dữ 几與; *kẻ* lành 几苓.

Kẻ Chợ 几幣 từ gọi cho kinh đô Thăng Long. Cho đến thế kỷ XVI, từ *Kẻ Chợ* dùng để gọi cho kinh đô Thăng Long, còn tất cả các vùng khác được gọi là *Kẻ Quê*.

kém 劔 GT. kiếm 劔 || N. sút giảm, không bằng. Td: phần *kém* hèn 分劔憊.

kẻo 矯 GT. kiêu 矯 || N. từ biểu thị điều sắp nêu ra là cần tránh hoặc muốn tránh, phải thực hiện điều vừa nói đến nếu không sẽ gặp điều

không hay. Td: *kéo* khốn 矯困; *kéo* mà 矯麻; *kéo* phạm tội 矯犯罪.

kẻ 計 GT. 計 計 || N. tính ra, tính đến. Td: Từ Thiên Chúa tạo thiên lập địa đến rày *kẻ* đã hầu sáu ngàn năm 自天主造天立地旦晷計也侯茲軒辭.

kế thiên lập cực dĩ đạo trị thiên hạ 繼天立極以道治天下 H. nối theo trời lên ngôi, lấy đạo trị mọi người.

khả 可 H. có thể. Td: *khả* dĩ 可以 (có thể; cho là được).

khả dĩ tri nan hiểu chi lý, nghi vi vô kỳ sự giả bất đương dã 可以知難曉之理。疑爲無其事者不當也 H. hết sức khó hiểu, lấy làm lạ với sự ấy, lẽ ấy vì (con người) không thể suy lường được.

khác 恪 ÂH. khác 恪 || N. không phải là cái đã biết, đã nói đến. Td: việc *khác* 役恪.

khán 看 H. trông coi. Td: thủ *khán* 守看 (trông giữ).

khang 康 H. bình an. Td: *khang* niên 康年 (năm bình an).

khanh 卿 H. tên chức quan. Td: *khanh* tướng 卿相.

khát 渴 ÂH. khát 渴 || N. muốn uống nước. Td: đói *khát* 饑渴.

khắc 刻 H. nghiệt ngã. Td: thảm *khắc* 慘刻 (hung ác và nghiệt ngã).

khắc tương Thượng Đế, sùng tuy tứ phương 克相上帝寵綏四方 H. dâng giúp Trời vô yên bốn phương.

khăn 巾 GT. cân 巾 (cái khăn) || N. trở từ trong tiếng láy. Td: khó *khăn* 庫巾.

khấp 泣 GT. khấp 泣 (khóc không thành tiếng) || N. cùng hết. Td: dù ai ai ở khắp đông tây nam bắc 油埃埃於泣東西南此.

khẩn 懇 H. cầu xin. Td: *khẩn* kỳ 懇祈 (cầu cúng); cầu *khẩn* 求懇 (xin giúp).

khấp 泣 H. khóc không thành tiếng. Td: tắc hạ xa vấn nhi *khấp* chi 則下車問而泣之 (tức thì xuống xe hỏi mà khóc).

Khâu bác học đa thức; thánh Khâu bất tri 丘博學多識聖丘不知 H. Khâu (Khổng Tử tự xưng) học rộng biết nhiều, còn thánh Khâu thì không dám nhận.

khen 嗜 HT. khẩu 口 (lấy ý) + khán 看 (lấy âm) || N. nói lên sự đánh giá tốt để tỏ ý vừa lòng hay khâm phục. Td: đáng *khen* 當嗜; đều *khen* 調嗜; *khen* rằng 嗜浪; ngợi *khen* 嘖嗜.

khéo 窖 GT. diếu 窖 || N. từ láy đi kèm với từ khác để nói ý khái quát. Td: khôn *khéo* 坤窖.

khỉ 欺 ÂH. khi 欺 (lừa dối) || N. lúc, thời điểm nào đó không xác định

gắn với một sự việc cụ thể. Td: *khi* ấy 欺衣; *khi* chết 欺毙.

khỉ 猱 HT. khuyển 犴 (lấy ý) + khởi 豈 (lấy âm) || N. loài linh trưởng thích sống trên cây. Td: thần *khỉ* 神猱.

khí 氣 H. hơi, vận mệnh. Td: *khí* tụ sinh, khí tán vong 氣聚生氣散亡; hồn khí quy vu thiên 魂氣歸于天.

khí chi thân giả vi thần, khuất giả vi quỷ 氣之伸者為神。屈者為鬼 H. khí dẫn ra là thần, co lại là quỷ.

khí không 氣空 N. thể hư không. Td: Vốn giống *khí không*, khi nó động thì động mãi 本種氣空欺奴動時動買.

khí phù nhi vi thiên giả, bất quá mang mang nhất thái hư nhĩ 氣浮而為天者。不過茫茫一太虛耳 H. khí nổi lên làm trời, chẳng qua là một lớp hư không lớn mù mù mà thôi.

khí tụ sinh, khí tán vong, dữ cầm thú vô dị 氣聚生。氣散亡。與禽獸無異 H. khí tụ lại thì sống, khí tán ra thì chết đi, chẳng khác gì loài cầm thú vậy.

khiêm 謙 H. tên gọi. Td: Trịnh Đạo *Khiêm* 鄭道謙.

khiển 譴 H. trách phạt. Td: hành *khiển* 行譴; thập nhị hành khiển vương 十二行譴王: Chu Vương (năm Tý), Triệu Vương (năm Sửu), Ngụy Vương (năm Dần), Trịnh Vương (năm Mão), Sở Vương (năm Thìn), Ngô Vương (năm Tị), Tần Vương (năm Ngọ), Tống Vương (năm Mùi), Tề Vương (năm Thân), Lỗ Vương (năm Dậu), Việt Vương (năm Tuất), Lưu Vương (năm Hợi).

khiến 遣 ÂH. khiến 遣 || N. sai biểu. Td: *khiến* được trời xoay đi vằn lại 遣特歪磋埒運吏.

khinh 輕 ÂH. khinh 輕 || N. coi thường. Td: *khinh* dễ 輕易.

khó 庫 GT. khố 庫 (kho chứa đồ) || N. từ 1. ở trong tình trạng thiếu thốn, nghèo nàn. Td: kẻ *khó* 几庫; khốn *khó* 困庫. || 2. đòi hỏi phải cố gắng nhiều, vất vả nhiều mới làm được, mới hiểu được. Td: *khó* hiểu 庫曉; *khó* khăn 庫巾; *khó* nghe 庫聒; *khó* nhọc 庫辱; *khó* tin 庫信.

khoan 寬 H. tha thứ. Td: *khoan* nhân 寬仁 (tha thứ và từ ái).

khóc 哭 GT. khắp 哭 (khóc) || N. chảy nước mắt vì tỏ lòng thương tiếc. Td: *khóc* lóc 哭吟.

khỏe 跬 GT. khuể 跬 (nửa bước) || N. ở trạng thái tốt, không đau ốm. Td: *khỏe* mạnh 跬孟.

khỏi 塊 GT. khối 塊 (hòn, đồng) || N. 1. từ biểu thị ý phủ định. Td: *khỏi* lo 塊妒. || 2. qua được, không còn ở trong trạng thái không hay. Td: *khỏi* mọi sự dữ 塊每事與; *khỏi* tội 塊罪; lia *khỏi* 離塊; trốn *khỏi* sự chết 遁塊事薨).

khô 枯 ÂH. khô 枯 || N. ở tình trạng kiệt nước và trở nên cứng giòn. Td: bánh dày *khô* 餠糒枯.

khổ 苦 H. khổn khó. Td: *khổ* hải 苦海 (rất khổn khó); bất từ lao *khổ* 不辭勞苦 (không kể khó nhọc); hình *khổ* 形苦 (hình phạt khổn khó); vĩnh *khổ* 永苦 (khổn khó suốt đời).

Khố Bành 庫彭 N. địa danh. Trong đó: khố 庫 H. kho; bành 彭 H. 1. tên đất. || 2. lớn.

khôn 坤 H. tinh khéo. Td: *khôn* khéo 坤窖; *khôn* ngoan 坤頑.

khốn 困 ÂH. khổn 困 || N. ở (*khốn* cực 困極; *khốn* khó 困庫; *khốn* nạn 困難)

không 空 ÂH. không 空 || N. 1. trống rỗng. Td: cầu Âm *Không* 掾陰空; đằng *không* 騰空; khí *không* 氣空; quăng *không* 廣空. || 2. từ biểu thị ý hỏi về điều có hay không. Td: tha cho nó *không* 赦朱奴空.

Khổng Tử chỉ đạo nhất dĩ quán chi 孔子之道一以貫之 H. Đạo của Khổng Tử tóm lại chỉ là (trung thứ).

Khổng Tử Gia Ngữ 孔子家語 H. sách do Vương Tiêu viết về những tư tưởng và hành động của Khổng Tử và các môn đệ.

khỏi nhân chi tiểu trí khả trắc tai 豈人之小智可測哉 H. làm sao trí mọn của con người có thể đo lường được.

khuất 屈 H. co, cong. Td: *khuất* giả vi quỷ 屈者為鬼 co lại là quỷ.

khuấy 快 GT. khoái 快 (nhanh nhẹn) || N. làm cho lắt léo. Td: *khuấy* khuấy 快屈 (lắt léo, mờ ám).

Khúc Phụ 曲阜 (tên huyện).

khủng 恐 ÂH. khủng 恐 || N. lo sợ. Td: chẳng *khủng* 庄恐. tr. 65 trong sách viết nhằm thành sợ.

khuyên 勸 GT. khuyến 勸 (khuyên bảo) || N. nói điều hay lẽ phải với thái độ ân cần để chỉ bảo người khác biết điều mình cho là người đó nên làm. Td: *khuyên* con chịu đạo 勸昆韶道; *khuyên* vua 勸希.

khuyến 勸 H. khuyến bảo, khích lệ. Td: khuyến dụ 勸誘.

khuyến dụ 勸誘 H. khuyến nhủ và giảng giải. Td: Rày phò thầy này còn đeo thói cũ, lại thâm nhập *khuyến dụ* dân ngu 剝鋪柴尼群刀退窠.吏

偷入勸誘民愚.

khuyết 缺 H. sút mẻ, thiếu sót. Td: *khuyết xỉ* 缺齒; *vô khuyết* 無缺.

khử 去 H. từ bỏ. Td: thác thì trừ *khử* nghiệp gian tà 托時除去業奸邪 (chết thời từ bỏ hành động xấu xa).

khư 去 H. từ bỏ. Td: *khư hư văn* 去虛文 (bỏ nghi thức giả tạo).

kia 箕 ÂH. ky 箕 || N. tiếng chỉ người vật ở xa để đối lại cái ở đây. Td: ngày *kia*, điều *kia*.

kia 箕 ÂH. ky 箕 || N. tiếng chỉ người vật ở xa. Td: *Kia*, thầy hãy xét cái lều bốn cột 箕柴唉察丐廩罌楮.

kiêm 兼 H. gồm cả. Td: *kiêm toàn* 兼全 (gồm tất cả).

kiếm 劍 ÂH. kiếm 劍 || N. tìm tòi. Td: song ai *kiếm* cho mà ăn 雙埃劍朱麻安.

kiên 堅 H. vững vàng. Td: *kiên* giam trí tử 堅檻致死 (bỏ tù cho đến chết, tù chung thân); *kiên* chấn 堅振 (giúp vững vàng – Bí tích Thêm Sức).

kiến 見 H. gặp, thấy. Td: *kiến* tội nhân 見罪人.

kiến tội nhân bất thuận đạo, tắc hạ xa vấn nhi khắp chi 見罪人不順道。則下車問而泣之 H. (Vua Vũ) thấy người phạm tội vì không theo đường ngay chính thì xuống xe hỏi thăm mà khóc.

kiếp 劫 ÂH. kiếp 劫 || N. đời sống tiếp từ đời này đến đời khác. Td: *kiếp* 劫劫; về *kiếp* khác 術劫恪.

kiệt 傑 H. người tài trí. Td: hào *kiệt* 豪傑 (người tài trí xuất chúng).

kiêu 驕 H. cao ngạo. Td: *kiêu* ngạo 驕傲 (tự phụ, khinh rẻ người khác).

kim 今 H. nay. Td: tự cổ cập *kim* 自古及今 (từ xưa đến nay).

kim 金 H. kim loại. Td: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ 金木水火土.

kim, mộc, thủy, hỏa, thổ 金木水火土 H. năm nguyên tố cơ bản kim loại, cây, nước, lửa, đất với năm trạng thái tạo ra ngũ hành.

kín 謹 GT. cẩn 謹 (không sơ suất) || N. che đậy. Td: *kín* nhiệm 謹冉.

kinh 經 ÂH. kinh 經 || N. sách; đạo thường. Td: Thánh *Kinh* 聖經; *Kinh* Dịch 經易; *Kinh* Thi 經詩; *Kinh* Thư 經書; *kinh* Nam mô A di đà Phật 經南無阿彌陀佛; *kinh* Sái Tịnh Thủy 經洒淨水; lục *kinh* 六經.

Kinh Dịch 經易 N. sách trong bộ Ngũ Kinh của Trung Hoa, là một hệ thống tư tưởng triết học của người Á Đông cổ đại. Tư tưởng ấy dựa trên cơ sở của sự cân bằng nội tại và thay đổi (chuyển dịch).

Kinh Thi 經詩 N. còn gọi là Thượng Thư 尚書, là tuyển tập thơ vô danh

của Trung Quốc, nằm trong bộ Ngũ Kinh của Nho giáo. Kinh Thi được sáng tác từ đầu thời Tây Chu (tk 11–771 TCN) đến giữa thời Xuân Thu (770–476 TCN), gồm 311 bài thơ. Kinh Thi chia làm ba bộ phận lớn là Phong, Nhã và Tụng.

Kinh Thư 經書 N. sách trong bộ Ngũ Kinh của Trung Hoa, ghi lại các truyền thuyết, biến cố về các đời vua trước Khổng Tử. Về sau, Khổng Tử san định lại để các vua đời sau nên theo gương các minh quân như Nghiêu, Thuấn.

kính 敬 ÂH. kính 敬 || N. tỏ lòng tôn trọng (*kính thờ 敬 祿; kính trọng 敬 重; kính úy 敬 畏; hiếu kính 孝 敬; lòng thành kính 悉 誠 敬; thảo kính 討 敬; tôn kính 尊 敬*).

kính chi khả dĩ 敬之可也 H. thật đáng kính. Td: thần lành vốn thính mệnh ư Thiên Chủ, gọi là thiên thần, thì *kính chi khả dĩ* 神 苓 本 聽 命 於 天 主. 噲 罷 天 神. 時 敬 之 可 也.

kính chi bất khả dĩ 敬之不可也 H. thật không đáng kính. Td: thần dữ là kẻ nghịch mạng Thiên Chúa, gọi là ma quỷ thì bởi, *kính chi bất khả dĩ* 神 與 罷 几 逆 命 天 主 噲 罷 魔 鬼. 時 罷 敬 之 不 可 也.

kỳ 奇 H. quái lạ. Td: kỳ quái 奇怪 (lạ lùng, hiếm lạ); truyền kỳ mạn lục 傳奇漫錄 (sách chép những truyện lạ lùng).

kỳ 祈 H. cầu cúng. Td: kỳ đảo 祈禱; khẩn kỳ 懇祈.

kỳ 其 H. trợ từ. Td: kỳ mậu dĩ thậm 其 謬 已 甚 (thật là sai lầm).

kỳ 期 ÂH. kỳ 期 || N. một khoảng thời gian. Td: đến kỳ thiên mệnh 旦 期 天 命.

ký 寄 H. gửi, nhờ. Td: sinh ký dĩ 生 寄 也 (sống là gửi).

kỵ 忌 H. ngày kỵ, ngày giỗ chạp. Td: thường hành kỵ lạp 常 行 忌 臘 (thường xuyên giỗ chạp).

là 罍 GT. la 罍, dị thể của la 羅 (cái lưới) || N. từ chỉ nghĩa gì, việc gì, cái gì. Td: ấy là 衣 罍; chỉ là 只 罍; hay là 哈 罍; thật là 實 罍.

lạ 遇 GT. la 邏 (canh tuần) || N. không thường thấy, không thường nghe. Td: làm lạ 濫 遇; phép lạ 法 遇; rất lạ 慄 遇; lạ lùng 遇 透 ở các trang 十 (trang 34 trong sách) cột 3 và trang 十一 cột 1 (trang 36 trong sách).

lạ 邏 GT. la 邏 (canh tuần) || N. không thường thấy, không thường nghe. Td: lạ lùng 邏 透 dùng ở trang 廿 六 (trang 66 trong sách).

lạ lùng 邏 透 N. khó hiểu đến mức đáng ngạc nhiên. Td: những lời thầy

nói, thật là sự *lạ lùng* lắm 仍啞柴啞實戛事遇遶凜.

lạc 樂 H. tên địa danh. Td: Diệu *Lạc* 妙樂.

lạc 落 ÂH. lạc 落 || N. không theo đúng đường. Td: *lạc* vào địa ngục 落色地獄.

lai 來 H. tới nay. Td: tông cổ dĩ *lai* 從古以來 (từ xưa đến nay).

lại 吏 ÂH. lại 吏 || N. thêm một lần nữa. Td: làm *lại* 濫吏.

lạm 濫 ÂH. lạm 濫 || N. dùng công sức tạo ra cái trước đó không có. Td: *lạm* chay 濫齋; *lạm* chi nữ 濫之女; *lạm* đi làm lại nhiều lần 濫移濫吏艱吝; *lạm* hội 濫會; *lạm* lạ 濫遇; *lạm* lễ 濫禮; *lạm* nên tội 濫年罪; *lạm* nghịch 濫逆; *lạm* sao 濫牢; *lạm* tiểu 濫醺; *lạm* tội 濫碎; *lạm* vậy 濫丕; *lạm* việc ấy 濫役衣.

lang 郎 H. PÂ. Hoa Lang – từ phiên âm của Portugal (Bồ Đào Nha)

làng 廊 GT. lang 廊 (mái hiên) || N. đơn vị hành chánh nhỏ nhất ở địa phương. Td: *làng* Xương Bình 廊昌平.

láng 朗 GT. lǎng 朗 (sáng, rục rỡ) || N. dùng trong tiếng láy. Td: sáng *láng* 創朗.

lành 苓 GT. linh 苓 (cây nấm) || N. trái với dữ, không có khả năng làm hại đến người khác. Td: làm *lành* lánh dữ 濫苓另典; tốt *lành* 卒苓; hiền *lành* 賢苓; kẻ *lành* 几苓.

lãnh 領 H. nhận lấy. Td: *lãnh* tẩy 領洗 (chịu Phép Rửa, bí tích Rửa Tội).

lạnh 冷 GT. lãnh 冷 || N. trái với nóng. Td: *lạnh* sinh ra nóng 冷生暍爌.

lao 勞 H. đem sức làm việc. Td: *lao* khổ 勞苦 (cực nhọc vất vả); bắt từ *lao* khổ 不辭勞苦 (không ngại vất vả cực nhọc).

Lão Đàm, Dương Châu, Mặc Dịch giai dĩ Khổng Tử đồng thời H. Lão Đàm (Lão Tử), người Dương Châu, Mặc Dịch, là người cùng thời với Khổng Tử.

Lão Tử 老子 (571 tCN-470 tCN) được coi là người viết Đạo Đức Kinh (道德經) – quyển sách có ảnh hưởng lớn đối với Đạo giáo, ông được xem là Khai tổ của Đạo giáo (Đạo tổ 道祖).

lạp 臘 H. Lạp nguyệt hay tháng chạp, tháng Mười hai, thời tế lễ cuối năm. Td: thường hành kỵ Lạp 常行忌臘 (thường xuyên giỗ chạp).

lạt 漑 HT. thủy 澁 (lấy ý) + lạt 辣 (lấy âm) || N. có độ mặn thấp hơn so với khẩu vị bình thường. Td: thêm *lạt* 澹澹.

lạy 禱 HY. lễ 礼 (lấy ý) + bái 拜 (lấy ý) || N. chấp tay, quỳ gối và cúi gập

người để tỏ lòng cung kính, theo lễ nghi (*lạy* bóng *lạy* gió 裱俸裱疊; *lạy* quăng không 裱廣空; thờ *lạy* 徐裱).

lắm 凜 GT. lắm 凜 (giá rét) || N. nhiều. Td: *lắm* ru 凜咄; nhiều *lắm* 彪凜.

lâm 臨 H. đến, xuống tới. Td: Thượng Đế *lâm* nhữ 上帝臨汝 (Thượng Đế đoái thương đến bạn).

lâm 林 PÂ. Td: *lâm*-bô 林逋.

lâm-bô 林逋 PÂ. ngực mà linh hồn thánh tổ tông xưa khi sinh thì còn phải ở đây, trông chờ Chúa Cứu Thế đến.

lâm 林 GT. lâm 林 (rừng) || N. nhìn cái này ra cái kia. Td: đánh *lâm* 打林.

lân 吝 GT. lận 吝 (tiết rẻ) || N. phiên, lượt. Td: ba *lân* 巴吝.

lập 立 ÂH. lập 立 || N. tạo ra. Td: *lập* công tích đức 立功積德; *lập* nên đạo 立年道; *lập* ngục ra 立獄囀.

lập công hành thiện 立功行善 H. tạo nên sự việc lớn lao, có ích cho quốc gia xã hội và làm điều tốt.

lập công tích đức 立功積德 H. tạo nên sự việc lớn lao, có ích cho quốc gia xã hội để lưu lại phẩm chất tốt đẹp cho con cháu, bởi lẽ: “Cha mẹ hiền lành để đức cho con.” (Ca dao). Td: Ví bằng cha ông hiền lành, *lập công tích đức* mà chẳng được phúc chi 沓平叱翁賢苓立功積德麻庄特福之.

lâu 數 HT. lâu 婁 (lấy âm) + cửu 久 (lấy ý) || N. có thời gian kéo dài, hoặc cần một thời gian dài mới kết thúc. Td: sống *lâu* 鞋數.

lấy 裱 HY. lễ 礼 (lấy ý) + dĩ 以 (lấy ý) || N. chiếm, đoạt. Td: *lấy* đầu 裱兜; *lấy* làm 裱濫; bắt *lấy* 扒裱; chọn *lấy* 拱裱; nhận *lấy* 認裱.

le 離 ÂH. ly 離 || N. trợ từ trong tiếng láy. Td: song *le* 雙離.

lẽ 理 ÂH. lý 理 || N. 1. giáo lý. Td: *lẽ* đạo 理道. || 2. điều được coi là lý do, là nguyên nhân của sự việc. Td: *lẽ* nào 理市.

lẽ đạo 理道 N. giáo lý của một tôn giáo. Td: Nhà Quan đòi các đạo đến dinh Người để nói *lẽ đạo* cho Người nghe 茹官喲各道旦營得底吶理道朱得喲.

lê 黎 H. tên họ. Td: Lê Dương Đức 黎楊德.

lễ 禮 ÂH. lễ 禮. || H. nghi thức, chuẩn tắc. Td: Gia *Lễ* 家禮; *lễ* phép 禮法; *lễ* vật 禮物; tế *lễ* 祭禮; thất *lễ* 失禮; tiếm *lễ* 僭禮. || N. nghi thức. Td: *lễ* cầu hồn 禮求魂; *lễ* cầu khẩn 禮求懇; *lễ* giao bài 禮遙拜; làm *lễ* 濫禮; sự *lễ* 事禮.

lễ tắc pháp dã, lễ tắc danh phận dã 禮則法也。禮則名分也 H. lễ là phép,

lễ phải theo danh phận.

lễ vu lục tông, vọng vu sơn xuyên 禮于六宗。望于山川 H. lễ đến sáu thứ, bao gồm cả sông núi.

lệ 戾 ÂH. lệ 戾. || N. sợ. Td: lệ rằng 戾浪.

lệ 厲 H. xấu, ác. Td: lệ quỷ 厲鬼 (ác quỷ).

lên 蓮 HT. thăng 升 (lấy ý) + liên 連 (lấy âm) || N. từ nơi thấp lên nơi cao. Td: dâng lên 甃蓮.

lệnh 令 H. mệnh lệnh, điều cấp trên truyền cho cấp dưới phải thi hành. Td: quân hồi vô lệnh 軍回無令 (rút quân không mệnh lệnh).

lều 寮 HT. nghiễm 广 (lấy ý) + liệu 祭 (lấy âm) || N. nhà nhỏ, gồm một hoặc hai mái che sơ sài. Td: cái lều bốn cột 丐寮罽楯.

lìa 離 GT. li 離 (lìa tan) || N. rời, chia cách. Td: lìa khỏi 離塊.

lịch 歷 ÂH. lịch 歷 (trải qua) || N. nhã nhận. Td: lịch sự 歷事 (nhã nhận, khéo léo).

liên 連 H. tiếp nối. Td: liên liên 連連 (luôn luôn); điền liên thiên mạch 田連阡陌 (ruộng liền nghìn bờ).

liền 連 GT. liên 連 (tiếp nối) || N. ngay tức khắc. Td: liền phân ra 連分隸.

liêng 灵 GT. linh 灵 (linh hồn, tinh thần) || N. từ láy. Td: thiêng liêng 声灵.

liệt 列 H. các, những. Td: liệt vị 列位.

liệt vị 列位 H. các ngài, các ông (tiếng xưng hô).

liều 料 GT. liệu 料 || N. hành động táo bạo, không sợ chết. Td: liều mình 料命.

liễu 了 H. trợ từ xong, đã. Td: Tần Hoàng, Hán Võ cùng cực dĩ cầu thần tiên liễu vô chứng nghiệm 秦皇漢武窮極以求神僊了無証驗 (Tần Hoàng, Hán Võ hết lòng cầu kiếm thần tiên mà không ứng nghiệm gì cả).

liệu 料 ÂH. liệu 料 || N. tính toán, lo toan. Td: lo liệu 怵料.

linh 靈 N. phần tinh anh của con người. Td: linh hồn 靈魂; linh thần 靈神; chân linh 真靈.

linh bạc 靈泊 PÂ. phiên âm Hán của lâm-bô: ngục mà linh hồn thánh tổ tông xưa khi sinh thì còn phải ở đấy, trông chờ Chúa Cứu Thế đến.

linh hồn 靈魂 H. sự sống thiêng liêng, thâm sâu nhất, giá trị nhất trong con người.

linh hồn vi vạn vật chi tối linh 靈魂爲萬物之最靈 H. linh hồn linh thông

nhất trong vạn vật.

linh thần 靈神 H. thần thánh linh thiêng. Td: tối *linh thần* 最靈神 (thần thánh rất linh thiêng).

Linh Vương 靈王 H. tên của vua Chu Linh Vương 周靈王 (trị vì 571 tCN - 545 tCN), vị vua thứ 23 của nhà Chu trong lịch sử Trung Hoa.

lo 妒 HT. tâm 忮 (lấy ý) + lô 盧 (lấy âm) || N. áy náy không yên tâm. Td: *lo* liệu 妒料; *lo* sợ 妒慄.

lộ 路 GT. lộ 路 (đường đi) || N. hướng chi, cần chi. Td: hướng *lộ* 況路.

loài 類 GT. loại 類 (chúng loài) || N. giống, thứ. Td: *loài* người ta 類得些.

loại 類 H. giống. Td: nhân *loại* 人類 (loài người) || N. thải ra. Td: bỏ *loại* 補類.

loạn 亂 H. dâm tà. Td: *loạn* luân 亂倫 (dâm dục bất chính).

lóc 啞 HT. khẩu 口 (lấy ý) + lục 六 (lấy âm) || N. từ láy. Td: khóc *lóc* 哭啞.

lộn 論 GT. luận 論 (bàn bạc) || N. trợn, từ xưa. Td: *lộn* đời 論代; cho *lộn* 朱論.

long 龍 H. thuộc về vua. Td: *long* cốn 龍袞 (lễ phục của thiên tử).

lòng 忒 HT. lộng 弄 (lấy âm) + tâm 心 (lấy ý) || N. bụng dạ, biểu tượng của ý nghĩ, tình cảm sâu kín đối với người, với việc. Td: *lòng* lành 忒苓; *lòng* cung kính 忒恭敬; *lòng* kính 忒敬; *lòng* thành kính 忒誠敬; mặc *lòng* 默忒; mất *lòng* 秩忒; trong *lòng* 勉忒.

lòng kính 忒敬 có thái độ rất coi trọng đối với người trên. Td: Bời Người có *lòng kính* mẹ lắm 罷得固忒敬媿凜.

lỗ 魯 ÂH. lỗ 魯 || N. 1. chỗ lõm nhỏ và sâu trên một bề mặt. Td: *lỗ* mắt 魯相; *lỗ* tai 魯聰; *lỗ* thóp 魯月答. || 2. nước Lỗ 諾魯.

lộ 路 H. đường, lối. Td: ác *lộ* 惡路 (đường ác).

lỗi 磊 H. cao lớn. Td: *lỗi* lạc 磊落 (1. cao lớn, uy nghi. || 2. tài giỏi hơn người).

lỗi 磊 ÂH. lỗi 磊 || N. sai trái. Td: *lỗi* đạo 磊道; *lỗi* thời tiết 磊時節; tội *lỗi* 罪磊.

lộn 論 GT. luận 論 (bàn bạc) || N. trợn lẫn. Td: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra, mà khi ngũ hành chưa phân chia ra, thì ở *lộn* làm một khí, gọi là Thái Cực 每事時罷五行麻瞢.麻欺五行諸分紛瞢時於論濫沒氣噲罷太極.

lở 呂 GT. lỗ 呂 (xương sống) || N. rót ra. Td: *lở* xuống 呂.

Xuân Thu (詩, 書, 禮, 樂, 易, 春秋).

lục tông 六宗 H. sáu thứ, đó là: 1. tế mùa lạnh nóng; 2. tế mặt trời; 3. tế mặt trăng; 4. tế sao; 5. tế lũ lụt; 6. tế núi sông. Td: tế *lục tông* 祭六宗.

lùng 透 HT. sước 𠂔 (lấy ý) + lộng 弄 (lấy âm) || N. từ láy. Td: lạ *lùng* 遇透.

luyện 煉 GT. luyện 煉 || N. nung đúc. Td: *luyện* tôi 煉粹; ngục *luyện* hồn 獄煉魂.

lửa 炤 HT. hỏa 火 (lấy ý) + lữ 呂 (lấy âm) || N. nhiệt và ánh sáng phát ra đồng thời từ vật đang cháy. Td: *lửa* nung vàng 炤煨鑛; chịu *lửa* 紹炤.

lười 褻 HT. lễ 礼 (lấy âm) + thiết 舌 (lấy ý) || N. phần mềm trong miệng, dùng để nếm thức ăn và để phát âm. Td: *lười* người đã hóa nên cột vàng chống trời 褻得龟化年楫鑽掾忝.

lương 梁 H. họ tên. Td: *Lương* Phục 梁服.

lương 良 H. họ tên. Td: *Trương* Lương 張良.

lý 理 H. 1. lẽ phải. Td: tri *lý* 知理; nan đào *lý* biện 難逃理辨. || 2. quy luật của tự nhiên. Td: *Lý* khí không bởi một sức nó mà triệu thành thiên địa 理氣空罷沒飭奴麻肇成天也.

lý giả nhân loại chỉ công sư, quân tử dĩ lý vi chủ, tà thuyết nan đào lý biện 理者人類之公師。君子以理爲主。邪說難逃理辨 H. lẽ phải là thầy của nhân loại, quân tử lấy lý lẽ làm chủ, tà thuyết khó trốn khỏi lẽ phải.

lý 李 H. 1. họ Lý. Td: *Lý* Tư 李斯.

Lý Tư 李斯 (284 tCN - 208 tCN) là thừa tướng dưới đời Tần Thủy Hoàng và Tần Nhị Thế. Ông có công lớn trong việc giúp Tần Thủy Hoàng thống nhất chư hầu, thống nhất về văn tự, đo lường và tư tưởng. Td: đời Vua Tần Thủy Hoàng nghe lời người *Lý Tư* mà đốt hết sách Nho chôn các học trò 代希秦始皇啗啖李斯麻粹歌冉儒樽各學路.

ma 摩 PÂ. Td: *Ma* Da Phi 摩耶妃.

ma 瑪 PÂ. Td: *Ma-ri-a* 瑪移亞.

ma 魔 ÂH. ma 魔 || N. hương linh thuộc về cõi âm. Td: *ma* quỷ 魔鬼.

Ma Da Phi 摩耶妃 PÂ. vương phi Ma-da (Maya) người tiểu quốc Koli vợ của Tịnh Phạn Vương (Suddhodana), là thân mẫu của Thích-ca Mâu-ni.

mà 麻 GT. ma 麻 || N. từ công cụ để làm từ nổi hay có nghĩa: để, nếu, nhưng. Td: *mà* chẳng 麻庄; *mà* chó 麻渚; *mà* mẹ người là Đức Thượng

Trâm 麻媵得罌德上簪; mà ra 麻呀; mà sao 麻牢; mà thôi 麻催.

mả 馬 HT. thổ 土 (lấy ý) + mã 馬 (lấy âm) || N. mồ chôn người chết. Td: mồ *mả* 墓馬.

mạch 陌 H. bờ. Td: điền liên thiên *mạch* 田連阡陌 (ruộng liên nghìn bờ).

mãi 買 ÂH. mãi 買 || N. liên tục không dứt. Td: khi nó động thì động *mãi* 欺奴動時動買.

mãn 滿 H. tốt đẹp hoàn toàn. Td: hoàn *mãn* 完滿 (tốt đẹp đầy đủ).

mạn 漫 H. không rõ. Td: truyền kỳ *mạn* lục 傳奇漫錄 (sách chép những truyện lạ lùng).

mang 茫 H. rộng mênh mông. Td: khí phù nhi vi thiên giả, bất quá *mang mang* nhất thái hư nhĩ 氣浮而爲天者。不過茫茫一太虛耳 khí nổi lên làm trời, chẳng qua là một lớp hư không lớn mù mù mà thôi.

manh 萌 H. phát sinh. Td: *manh* tâm 萌心 (phát sinh trong lòng).

manh 孟 H. Tên tắt của Mạnh Tông 孟宗 (nhân vật trong một truyện Nhị Thập Tứ Hiếu); Mạnh Tử 孟子 (358 tCN – 302 tCN), người tiếp nối tư tưởng của Khổng Tử. || N. có sức lực tốt. Td: khỏe *manh* 跬孟.

mạo 冒 H. giả. Td: *mạo* xưng 冒稱 (tự gọi hay tự nhận danh phận người khác).

mạo 貌 H. vẻ mặt. Td: dung *mạo* 容貌 (vẻ mặt và hình tướng).

may 埋 GT. mai 埋 (chôn) || N. tốt, lành. Td: *may* phúc 埋福.

mày 眉 ÂH. mi 魔 || N. hành khát. Td: ăn *mày* 咬眉.

máy 櫟 HT. mộc 木 (lấy ý) + mãi 買 (lấy âm) || N. thiên định, ý xếp đặt của tạo hóa. Td: *máy* nhiệm 櫟冉.

máy nhiệm 櫟冉 N. thiên định màu nhiệm. Td: *Đấng Khôn Khéo* cầm quyền ra *máy nhiệm* 等坤宰拎權瞬櫟冉.

mắc 默 GT. mặc 默 || N. bị vướng vào. Td: *mắc* nợ 默女; *mắc* tội mọn 默罪悶; *mắc* tội trọng 默罪重; chẳng *mắc* phải 庄默沛.

mặc 默 ÂH. mặc 默 || N. 1. bận. Td: *mặc* áo 默襖. || 2. tùy ý. Td: *mặc* lòng 默悉.

mặc 墨 H. Họ tên. Td: *Mặc* Dịch 墨翟 (tên học giả người nước Lỗ thời Chiến Quốc).

mắt 相 HT. mạt 末 (lấy âm) + mục 目 (lấy ý) || N. cơ quan để nhìn của người. Td: con *mắt* 昆相; đau *mắt* 病相.

mặt 麵 HT. mạt 末 (lấy âm) + diện 面 (lấy ý) || N. 1. biểu trưng cho thể

diện, danh dự, phẩm giá. Td: nở *mặt* 安榻. || 2. vật có dạng tròn như mặt người. Td: *mặt* trắng 榻膝; *mặt* trời 榻歪.

mất 秩 HT. mạt 末 (lấy âm) + thất 失 (lấy ý) || N. 1. không còn nữa; không thấy. Td: hư *mất* 虛秩; tan đi *mất* 散埒秩. 2. không giữ lại được. Td: *mất* công 秩功; *mất* lòng 秩悉.

màu 牟 ÂH. mâu 牟 || N. quá sức hiểu của con người. Td: *màu* nhiệm 牟冉.

màu nhiệm 牟冉 N. kế hoạch vốn ẩn kín của Thiên Chúa. Td: song bởi có ý *màu nhiệm*, Người đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày 雙罷固意牟冉得奄孕年每事昶昶得.

mẫu 母 H. mẹ. Td: phụ *mẫu* 父母.

mậu 謬 H. sai lầm. Td: kỳ *mậu* dĩ thậm 其謬已甚 (thật là sai lầm).

mấy 余 HY. nhân 人 (lấy ý) + thủy 水 (lấy ý) || N. 1. từ chỉ số lượng nhưng không định rõ. Td: nhà vua đã luận xử tử *mấy* người 茹希奄論處死余得. || 2. bao giờ. Td: Chớ thì có *mấy* Phật Thích Ca, hay là Ngọc Hoàng có chung vợ với Tĩnh Phạn Vương bao giờ mà sinh con ru? 渚時固余佛釋迦哈罽玉皇固終貝靖梵王包睢麻生昆咄.

mẹ 媿 HY. nữ 女 (lấy ý) + thị 美 (lấy ý) || N. người nữ trong quan hệ với con cái. Td: *mẹ* người là Đức Thượng Trâm 媿得罽德上簪; *mẹ* vua chúa 媿希主.

mê 迷 ÂH. mê 迷 || N. đắm đuối. Td: *mê* đắm 迷沈; *mê* hoặc 迷惑.

mềm (khẩu 口 + mâm 𪗇) nhưng không có font nên thay thế bằng chữ **mềm** 餽 HT. thực 食 (lấy ý) + mâm 𪗇 (lấy âm) || N. dễ biến dạng dưới tác dụng của ngoại lực. Td: com *mềm* 餽餽.

mến 勉 ÂH. miễn 勉 || N. có cảm tình vì thấy hợp ý mình. Td: yêu *mến* 天勉.

mệnh 命 ÂH. mệnh 命 || N. 1. vận số. Td: bản *mệnh* 本命; *mệnh* trời 命歪. || 2. lệnh. Td: thụ *mệnh* 受命.

mệt 癢 HT. nạch 𤛎 (lấy ý) + miệt 蔑 (lấy âm) || N. có cảm giác bị tiêu hao sức lực quá mức. Td: giấc ngủ *mệt* 𤛎昨癢.

mía 槎 HT. mộc 木 (lấy ý) + mỹ 美 (lấy âm) || N. cây trồng thuộc họ lúa, thân có đốt, chứa chất đường, dùng để ăn hoặc làm đường. Td: tẩm *mía* 朮槎.

miễn 免 ÂH. miễn 免 || N. cho khỏi phải làm, phải chịu. Td: *miễn* trách 免責.

- miệng** 𠵹 HT. khẩu 口 (lấy ý) + mảnh 𠵹 (lấy âm) || N. bộ phận trên mặt người, dùng để ăn, để nói, để hít thở.
- miệt** 𠵹 HT. cách 革 (lấy ý) + miệt 蔑 (lấy âm) || N. vó, bít tất. Td: ủng *miệt* 雍襪.
- minh** 明 H. 1. tên triều đại. Td: *Minh* Thái tổ 明太祖 là Chu Nguyên Chương 朱元璋. || 2. ngay thẳng, sáng suốt. Td: *minh* vương 明王; *minh* chiêu 明昭. || 3. có trí tuệ. Ta: thông *minh* 聰明.
- minh chiêu** 明昭 Đế 明昭帝 明昭帝 明昭帝 明昭帝 H. Thượng Đế là Đấng cao sáng, ban cho năm được mùa, bình an.
- mình** 命 GT. mệnh 命 (mạng sống) || N. bản thân. Td: liều *mình* 料命.
- mọi** 每 GT. mỗi 每 (từ chỉ phần tử bất kỳ của một nhóm cùng loại, được xét riêng lẻ, qua đó nói chung cho mọi phần tử của nhóm) || N. tất cả, toàn bộ. Td: *mọi* người 每得; *mọi* sự 每事.
- mòn** 𦵹 HT. nạch 𦵹 (lấy ý) + môn 門 (lấy âm) || N. bị mất hay bị tiêu hao dần từng ít một trên bề mặt do ma sát hay bị tác dụng bởi hóa chất. Td: chẳng hay *mòn* 庄哈𦵹.
- mọn** 𦵹 HT. môn 門 (lấy âm) + tiểu 小 (lấy ý) || N. hèn kém, nhỏ bé. Td: *mọn* dạ 𦵹脰; nhỏ *mọn* 𦵹𦵹; tội *mọn* 罪𦵹.
- mô** 模 H. khuôn mẫu. Td: quy *mô* 規模 (tầm cỡ).
- mồ** 墓 GT. mộ 墓 (mồ mả) || N. mả, nơi chôn người chết. Td: *mồ* mả 墓塢.
- mỗ** 某 H. đại từ. Td: *mỗ* sở 某所 (nơi của tôi).
- mộ** 墓 H. mồ, mả. Td: phần *mộ* 墳墓.
- mộc** 木 H. cây. Td: kim *mộc* thủy hỏa thổ 金木水火土.
- môn** 門 H. 1. lỗ, khiếu trên thân thể. Td: âm *môn* 陰門 (cửa mình của phụ nữ). || 2. tông phái. Td: lòng người cũng muốn theo bên nhà Chúa cho ra nhất *môn* thì dễ hơn 悉得拱悶蹺邊茹主朱暉一門時易欣.
- mồng** 夢 GT. mộng 夢 || N. từ chỉ mười ngày đầu tháng theo âm lịch. Td: *mồng* chín 夢𦵹; *mồng* tám 夢𦵹.
- mốt** 沒 GT. một 沒 || N. âm khác của một ở hàng đơn vị, thường bắt đầu từ hai mươi mốt đến chín mươi mốt. Td: tám mươi *mốt* 𦵹𦵹沒.
- một** 沒 ÁH. một 沒 || N. 1. số đứng đầu số tự nhiên. Td: *một* câu 沒句; *một* mình 沒命; *một* thầy phươg Tây, *một* thầy bản quốc 沒柴方西沒柴本國. || 2. biểu thị tính duy nhất. Td: *một* có lòng muốn giúp linh hồn người ta được thoát mà thôi 沒固恚悶執靈魂得些特脫麻崔.

một 汶 ÂH. một 沒 || N. số đứng đầu số tự nhiên. Td: *một* nước 汶諾. tr. 53 chữ một 汶 khác với chữ một 沒 của các trang khác. Mặc dù đó chỉ là cách viết khác nhau của âm một nhưng điều này cho thấy, sách có thể do hai người ghi chép.

một có lòng muốn giúp linh hồn người ta 沒固恚悶執靈魂得些 ॥ N. có
một lòng giúp linh hồn người ta được thoát hình phạt địa ngục.

mòi 𪛗 HT. khẩu 口 (lấy ý) + N. mùi 𪛗 (lấy âm) || N. tỏ ý mong muốn ai
đó hiện diện với cách lịch sự, trân trọng. Td: Vả lại hễ khi hành lễ thì
có mòi tư văn bản hội 𪛗吏係欺行禮時固𪛗斯文本會.

mới 買 GT. mãi 買 (mua) || N. 1. vừa xong. Td: *mới* chết 買斃. || 2. từ biểu thị rằng quá ít về số lượng. Td: một năm *mới* cho ăn một bữa 沒餵買朱. || 3. từ nhấn mạnh rằng điều sắp nói đến chỉ được thực hiện khi đã đủ điều kiện. Td: *mới* được 買特.

mũ 帽 HT. cân 口 (lấy ý) + mạo 冒 (lấy âm) || N. đồ dùng để đội trên đầu để che mưa, nắng, v.v. Td: *mũ* chuối 帽桎; *mũ* gậy 帽梃; *đội mũ* 隊帽.

mua 謨 GT. mô 謨 (mưu tính) || N. dùng tiền đổi lấy hàng hóa, đồ vật. Td:
chẳng *mua* được 庄謨特.

mùa 務 GT. vụ 務 (việc) || N. khoảng thời thời gian xấp xỉ bằng nhau của năm, phân chia theo những đặc điểm về thiên văn, thời tiết. Td: Đất theo bốn *mùa* mà sinh ra hoa quả, thảo mộc 坦蹕罽務麻生罽花菓草木.

mũi 鼻 HT. ty. 鼻 (lấy ý) + mỗi 每 (lấy âm) || N. bộ phận nhô lên ở giữa mặt người và động vật, dùng để hít thở và ngửi mùi.

muôn 閏 HT. phương 方 (lấy ý) + môn 門 (lấy âm) || N. vạn. Td: *muôn dân* 閏民; *muôn đời* 閏代; *muôn nước* 閏諾; *muôn vạn* 閏萬; *muôn vật* 閏物.

muốn 悶 HT. tâm 心 (lấy ý) + môn 門 (lấy âm) || N. cảm thấy có sự đòi hỏi cần làm việc gì hoặc cần có cái gì. Td: *muốn* cho 悶朱; *muốn* lấy 悶袂.

muông 獐 HT. khuyên 𪛗 (lấy ý) + mông 蒙 (lấy âm) || N. loài thú. Td: *muông chim* 獐鴿; *muông sinh* 犧牲.

mưa 霄 HT. vũ 雨 (lấy ý) + my 眉 (lấy âm) || N. hiện tượng nước rơi xuống đất từ các đám mây. Td: *mưa* nắng 霄曛.

mừng 惇 HY. tâm 忖 (lấy ý) + minh 明 (lấy ý) hoặc HT. tâm (lấy ý) + minh (lấy âm) || N. bày tỏ tình cảm của mình trước niềm vui của người khác. Td: Tôi lấy làm *mừng* bội phần lắm 碎裋濫惇倍分凜.

muoi 迺 HT. mại 迈 (lấy âm) + thập 十 (lấy ý) || N. tiếng gọi số mười sau

từ chỉ hàng chục, thường từ hai mươi đến chín mươi. Td: hai *mười* 廿.

mười 逝 HT. mại 迈 (lấy âm) + thập 十 (lấy ý) || N. số đếm liền sau chín, một chục. Td: *mười* hai 逝仟.

mướn 嚙 HT. khẩu 口 (lấy ý) + mạn 曼 (lấy âm) || N. thuê. Td: thuê *mướn* 稅嚙.

nãi mệnh quy vu đế đình 乃命歸于帝庭 H. bèn khiến về trước sân vua Trời ngự.

nam 南 H. phương Nam. Td: *Nam* Phương Xích Đế 南方赤帝 (Theo Đạo giáo, Ngũ đế hay Ngũ thiên đế là năm vị thần trên thiên đình, đó là: Bắc Phương Bạch đế còn gọi là Chuyên Húc; Nam phương Xích đế còn gọi là Thần Nông; Đông phương Thanh đế còn gọi là Phục Hy; Tây phương Hắc đế còn gọi là Thiệu Hạo; Trung ương Huỳnh đế còn gọi là Hoàng Đế).

nam 男 H. đàn ông, con trai. Td: Trước thì dựng nên một người nam đặt tên là A-Dong 畧時孕年沒得男達炁罌亞容.

nan / nạn 難 H. khó. Td: cực *nạn* 極難; tà thuyết *nan* đào lý biện 難逃理辨 (tà thuyết khó trốn khỏi lẽ phải).

nạn 難 ÂH. nạn 難 || N. khó. Td: chịu *nạn* 韶難; khốn *nạn* 困難.

nàng 娘 GT. nương 娘 (từ dùng để gọi người nữ) || N. từ dùng để gọi người nữ. Td: *nàng* Nguyệt Quang 娘月光.

nào 市 GT. **táp** 市 || N. 1. từ biểu thị ý phủ định dứt khoát. Td: *nào* có để 市固易; *nào* có thấy 市固覓. || 2. từ dùng để chỉ ra mà không nói cụ thể. Td: cách *nào* 格市; lẽ *nào* 理市; phần *nào* 分市.

nát 涅 ÂH. nát 涅 (nhuộm đen) || N. bị vớ vụn tới mức không còn hình thù gì nữa. Td: chẳng hay *nát* 庄哈涅.

nay 聆 HT. ni 尼 (lấy âm) + kim 今 (lấy ý) || N. từ chỉ thời gian hiện tại, phân biệt với quá khứ hoặc tương lai. Td: xưa *nay* 初聆.

này 尼 GT. ni 尼 || N. từ biểu thị ý nhấn mạnh. Td: bên phương Đông *này* 邊方東尼.

nãy 乃 GT. nãi 乃 (bèn, rồi) || N. tức khắc, vừa xong. Td: khi *nãy* 欺乃.

năm 𠂔 HT. nam 南 (lấy âm) + ngũ 五 (lấy ý) || N. số đếm liền sau bốn. Td: *năm* mươi 𠂔逝.

năm 𠂔 HT. nam 南 (lấy âm) + niên 年 (lấy ý) || N. thời gian trái đất xoay

một vòng quanh mặt trời, ứng với ba trăm sáu mươi lăm ngày. Td: *năm* sau 年餘.

nằm 𪔐 HT. nam 南 (lấy âm) + ngoạ 卧 (lấy ý) || N. ngả mình trên một vật có mặt phẳng để nghỉ, ngủ (*nằm* chiêm bao 𪔐占包; *nằm* trên giường 𪔐寢床).

năn 𪔐 HT. khẩu 口 (lấy ý) + nan 難 (lấy âm) || N. từ đi kèm với ý van nài, sám hối. Td: ăn *năn* 𪔐𪔐 (thái độ sám hối).

năng 能 H. bản lĩnh, tài cán. Td: chí *năng* 至能. || N. hay, thường. Td: *năng* đọc kinh 能讀經.

nắng 𪔐 HT. nhật 日 (lấy ý) + nǎng 曩 (lấy âm) || N. khoảng thời gian có ánh sáng mặt trời chiếu xuống trực tiếp. Td: *nắng* mưa 𪔐𪔐.

nấy 乃 GT. nãi 乃 (bèn, rồi) || N. người ấy. Td: trời cho ai *nấy* được 𪔐朱埃乃特.

nét 𪔐 GT. nát 𪔐 (nhuộm đen) || N. (chê trách) lỗi lầm. Td: bắt *nét* 𪔐𪔐 (tìm lỗi để chê trách).

nề 泥 GT. nê 泥 (cố chấp, câu nệ) || N. ngại. Td: chẳng *nề* 庄泥.

nên 年 GT. niên 年 (tuổi, năm tháng) || N. từ biểu thị tương quan giữa nhân và quả. Td: cho *nên* 朱年; mới *nên* 買年.

nền 埤 HT. thổ 土 (lấy ý) + niên 年 (lấy âm) || N. khoảng Td: Thiên phủ địa tái, trời là nhà, đất là *nền* 天覆地載。𪔐𪔐茹坦𪔐埤.

nết 𪔐 GT. nát 𪔐 (nhuộm đen) || N. cách ăn thói ở. Td: xấu *nết* 醜𪔐; tốt *nết* 卒𪔐.

nếu 𪔐 GT. niểu 𪔐 (mềm mại, xinh đẹp) || N. ví đầu, ví như. Td: *nếu* vậy 𪔐𪔐.

ngã 我 H. ta, tôi. Td: tại ư *ngã* giả 在於我者 (trong người của ta). || N. chỗ đường chia nhánh. Td: *ngã* tư 我𪔐.

ngã hãm chi dã 我陷之也 H. Ta (trẫm) làm cho chúng (dân) mắc tội.

ngài 得 HT. nhân 亻 (lấy ý) + ½ ngại 碍 (lấy âm) || N. đại từ tôn xưng. Td: cùng *ngài* 共得.

ngàn 𪔐 HT. ngàn 彥 (lấy âm) + thiên 千 (lấy ý) || N. còn đọc là nghìn, số đếm bằng mười trăm.

ngạo 傲 H. tự cao. Td: kiêu *ngạo* 驕傲 (kiêu căng ngạo mạn, tự cao tự đại).

ngay 𪔐 HT. nghi 宜 (lấy âm) + chính 正 (lấy ý) || N. thật thà, không gian dối. Td: *ngay* thật 𪔐實.

ngày 日 HT. nhật 日 (lấy ý) + ½ ngại 碍 (lấy âm) || N. khoảng thời gian Trái Đất tự xoay xung quanh nó đúng một vòng, bằng 24 giờ. Td: *ngày* ấy 日衣; *ngày* đêm 日晝; *ngày* rằm 日森; *ngày* sau hết 日儻歇; *ngày* thứ ba 日次巴; ban *ngày* 班日.

ngăn 垠 GT. ngân 垠 || N. cản trở. Td: *ngăn* cầm 垠拈.

ngặt 迄 H. cho đến nay. Td: *ngặt* dụng 迄用 (được dùng cho đến nay).

nghe 聒 HT. nhĩ 耳 (lấy ý) + nghi 宜 (lấy âm) || N. xuôi tai. Td: khó *nghe* 庫聒.

nghi 疑 H. ngờ vực. Td: hồ *nghi* 胡疑 (ngờ vực càn bậy).

nghi 儀 H. dáng vẻ. Td: uy *nghi* 威儀 (dáng vẻ nghiêm trang, oai vệ).

ngĩ 擬 GT. nghĩ 擬 (suy tính) || N. tạm ngừng hoạt động. Td: *ngĩ* lại 擬吏.

ngĩ 疑 GT. nghĩ 疑 (so sánh) || N. cho là. Td: *ngĩ* là người ấy đắc đạo 疑得衣得道.

ngĩ 議 GT. nghị 議 (bàn luận) || N. rút ra nhận thức mới để có sự phán đoán, thái độ. Td: *ngĩ* rằng 議浪.

ngĩa 義 H. 1. ân tình. Td: vong ân bội *ngĩa* 忘恩背義; 2. trình bày ý tứ, nội dung. Td: giải *ngĩa* 解義. || N. nội dung diễn đạt. Td: *ngĩa* là 義罷.

ngịch 逆 H. làm trái lại. Td: tà *ngịch* 邪逆 (xấu xa nghịch loạn). || N. không thuận theo, làm ngược lại. Td: kẻ *ngịch* 几逆; làm *ngịch* 濫逆.

nghiêm 嚴 H. 1. cung kính. Td: *nghiêm* tuân 嚴遵 (cung kính nghe theo). || 2. tên người. Td: vua Quang *Nghiêm* 希光嚴.

nghiêm tuân giới quy 嚴遵誠規 H. cẩn thận giữ theo khuôn phép.

nghiệm 驗 H. khảo sát. Td: chứng *nghiệm* 証驗.

nghiệp 業 H. 1. việc làm. Td: thất *nghiệp* 失業. N. hành động. Td: thác thì trừ khử *nghiệp* gian tà 托時除去業奸邪.

nghiệt 孽 H. tai họa. Td: hung *nghiệt* 凶孽 (ác độc, tai họa).

Nghiêu 堯 H. tên vị vua đứng hàng thứ tư trong Ngũ Đế. Theo truyền thuyết, Nghiêu còn gọi là Đường Nghiêu lên ngôi vua ở tuổi 20 tuổi và nhường ngôi cho Thuấn ở tuổi 90. Trong Nho giáo, Đế Nghiêu và Đế Thuấn được coi là tấm gương đạo đức trong văn hóa Trung Hoa. Trong Đạo giáo (đạo Lão Tử), Đế Nghiêu được tôn là Thiên Quan Đại đế 天官大帝, mừng ngày sinh vào tiết Thượng Nguyên (rằm tháng Giêng). Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, *Nghiêu*, Thuấn, Vũ,

Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

ngõ 遇 GT. ngộ 遇 || N. để mà, hầu cho. Td: *ngõ* mai sau 遇埋徂.

ngoài 外 ÂH. ngoài 外 || N. ngược với bên trong. Td: sự gì khác ở *ngoài* nó 事之恪於外奴.

ngoại 外 H. ngoài. Td: *ngoại* quốc 外國 (nước ngoài).

ngoan 頑 GT. ngoan 頑 || N. khôn khéo, tài giỏi. Td: khôn *ngoan* 坤頑 (khéo trong cách cư xử, biết tránh cho mình những điều không hay).

ngọc 玉 H. từ tôn xưng. Td: Ngọc Hoàng Thượng Đế 玉皇上帝.

Ngọc Hoàng Thượng Đế 玉皇上帝 H. cũng gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế 玉皇大帝, gọi tắt là Ngọc Hoàng 玉皇 hay Ngọc Đế 玉帝. Theo quan niệm của Đạo Lão Tử, Ngọc Hoàng Thượng Đế vốn người trần tên Trương Nghi, tu luyện thành tiên sống đến ba mươi tuổi thì mất, có vị trí ở dưới Tam Thanh, do Nguyên Thủy Thiên Tôn chỉ định làm vua Trời, được vua Tống Huy Tông (1100-1126) mơ thấy ông giúp vua đánh giặc thành công nên phong là Ngọc Hoàng Thượng Đế. Theo thuyết chịu ảnh hưởng Phật giáo Ấn Độ thì Ngọc Hoàng là vua của cõi trời thứ hai từ dưới lên cõi Đạo Lợi. Vua cõi Đạo Lợi là Đế Thích, cai quản tầng Đạo Lợi (Traiyasramsas) và tầng trời thấp nhất là Tứ Thiên Vương. Đế Thích không phải sáng tạo mọi thứ và toàn năng mà chỉ là vua trời, ông không đủ khả năng để biết rằng có những tầng trời cao hơn, nên nghĩ là mình sáng tạo mọi thứ. Sau này Đế Thích đến đánh lễ, được Phật Thích Ca chỉ dạy và đã quy y Phật.

ngôi 嵬 ÂH. ngôi 嵬 || N. từ chỉ một vật nhất định. Td: *ngôi* sao 嵬星.

ngồi 坐 HT. ngoài 外 (lấy âm) + tọa 坐 (lấy ý) || N. ở tư thế đặt mông trên mặt nền hoặc trên chân gập lại để đỡ toàn thân. Td: *ngồi* tòa sen 坐蓮蓮; *ngồi* trên 坐蓮蓮.

ngôn 言 H. lời nói. Td: yêu *ngôn* (lời mang tai vạ).

ngợi 嘖 HT. khẩu 口 (lấy ý) + nghĩa 義 (lấy âm) || N. khen. Td: *ngợi* khen 嘖嘖.

ngu 愚 ÂH. ngu 愚 || N. dốt, đần, không biết gì. Td: dân *ngu* 民愚; kẻ *ngu* 几愚.

ngủ 昨 HT. mục 目 (lấy ý) + ngọc 午 (lấy âm) || N. nhắm mắt lại, tạm dừng mọi hoạt động để nghỉ ngơi. Td: giấc *ngủ* mệt 戢昨戢.

ngũ 五 H. năm, số đếm giữa bốn và sáu. Td: *ngũ đức* 五德; *ngũ hành* 五行; *ngũ kinh* 五經; *ngũ luân* 五倫; *ngũ sự* 五事.

ngũ đức 五德 H. còn gọi là *ngũ thường* 五常, đạo lý hay quan hệ luân lý, đó là: nhân 仁 (đức từ ái), nghĩa 義 (hành vi hợp đạo lý), lễ 禮 (cách cư xử đúng mực), trí 智 (sự thấu hiểu đạo lý), tín 信 (sự ngay thẳng).

ngũ hành 五行 H. Theo triết Đông, tất cả vạn vật đều phát sinh từ năm nguyên tố cơ bản và luân trái qua năm trạng thái là: Hỏa 火, Thủy 水, Mộc 木, Kim 金, Thổ 土. Năm trạng thái được gọi là ngũ hành 五行.

ngũ kinh 五行 H. năm quyền sách cổ của Nho giáo, gồm: Thi, Thư, Lễ, Dịch, Xuân Thu (詩, 書, 禮, 易, 春秋).

ngũ luân 五倫 H. năm bậc quan hệ thời phong kiến, đó là: vua tôi (quân thần 君臣), cha con (phụ tử 父子), anh em (huynh đệ 兄弟), vợ chồng (phu phụ 夫妻) và bạn bè (bằng hữu 朋友).

ngũ thường 五常 H. năm đạo lý, còn gọi là ngũ đức.

ngục 獄 ÂH. nơi giam giữ. Td: *ngục* giam 獄檻; *ngục* Lâm-bô 獄林逋; *ngục* linh hồn thánh tổ tông 獄靈魂聖祖宗; *ngục* luyện hồn 圜獄煉魂; *ngục* tạm cầm 獄暫衿; địa *ngục* 地獄; phá *ngục* 破獄.

ngụy 僞 H. dối trá. Td: chân *ngụy* 真僞. || N. dối trá. Td: kẻ *ngụy* 几僞; làm *ngụy* 濫僞; tướng *ngụy* 將僞.

nguyên 元 H. đầu tiên. Td: *nguyên niên* 元年 (năm đầu, năm thứ nhất; *nguyên thủy* 元始 (nguồn gốc); *nguyên tổ* 元祖 (chỉ ông bà đầu tiên).

Nguyên Vũ Tông 元武宗 H. hay Nguyên Vũ Tông (1307 - 1311) là hoàng đế thứ ba của nhà Nguyên, đồng thời là vị Khả hãn thứ sáu của Mông Cổ.

nguyên HT. nạch 𣎵 (lấy ý) + nguyện 愿 (lấy âm) || N. nhắm dùm trong tiếng đôi. Td: tật *nguyên* 疾愿.

ngự 御 ÂH. ngự 御 || N. việc dành cho vua. Td: Thượng Đế là đáng
thiên liêng *ngự* đền đài trên trời 上帝 聖等 聲 靈 御 殿 臺 連 至.

ngữ 語 H. câu, lời. Td: Luận Ngữ 論語.

ngũ 圉 PÂ. họ tên. Td: Ngũ Đạt Đa 圉達多.

ngửa 語 GT. ngữ 語 || N. ở tư thế mặt và phần trước cơ thể ở phía trên, gáy và lưng ở phía dưới. Td: chôn sấp chôn *ngửa* 塋 肱 擗 語.

ngưng 凝 H. đọng lại. Td: *ngưng tụ* 凝聚 (đọng kết lại với nhau).

ngược 虐 H. coi thường, khinh thị. Td: *ngược dân* 虐民.

ngược dân sự thần nhi hải nội hư hao 虐民事神而海內虛耗 H. buộc dân thờ thần thì trong lòng (dân) không yên.

ngược 慮 GT. lự 慮 || N. theo chiều trái lại. Td: xuôi *ngược* 吹慮.

ngươi 𠬞 HT. bạch 白 (lấy ý) + 𠬞 𠬞 (lấy âm). || từ gọi người bề dưới. Td: đòi Vua Tần Thủy Hoàng nghe lời *ngươi* Lý Tư mà đốt hết sách Nho chôn các học trò 代希秦始皇脛啞𠬞李斯麻燂歇冉儒塹各學路.

người 得 HT. nhân 亻 (lấy ý) + 𠬞 𠬞 (lấy âm) || N. 1. đại từ tôn xưng. Td: *người* ấy 得衣; *người* ta 得些. || 2. từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba với ý coi trọng. Td: mà mẹ *người* là Đức Thượng Trâm quê ở Cảnh Viên, Hải Dương xứ 麻媿得𠬞德上璿圭於境園。海陽處。

nhà 茹 GT. như 茹 || N. 1. từ chỉ người. Td: *nhà* Chúa 茹主; *nhà* quan 茹官; *nhà* Quan Sáu 茹官𦵏. || 2. từ chỉ triều đại cầm quyền. Td: *Nhà* Ân 茹殷; *Nhà* Chu 茹周; *Nhà* Hán 茹漢; *nhà* nước 茹諾; *Nhà* Tống 茹宋. || 3. nơi có mái che để ở, để sinh hoạt. Td: giữa *nhà* 𠬞茹. || 4. từ chỉ về người thuộc tôn giáo. Td: *nhà* Phật 茹佛.

Nhà Ân 茹殷 H. còn gọi là Nhà Thương (1556 tCN-1046 tCN). Ân Thương (殷商) là triều đại đầu tiên được xác nhận rõ ràng về mặt lịch sử của Trung Hoa (mặc dù theo sử Trung Hoa, trước Nhà Thương đã có nhà Hạ, nhưng hiện chưa tìm được bằng chứng khảo cổ đủ để xác nhận rõ ràng về sự tồn tại của nhà Hạ).

nhà Chúa 茹主 từ chỉ Chúa Tịnh Đô Vương 靖都王, tước hiệu của chúa Trịnh Sâm 鄭森 (1767–1782). Td: Ví bằng đạo ấy có thật thì *nhà Chúa* đã chẳng cấm 𠬞平道衣固實時茹主𦵏庄禁.

nhà quan 茹官 từ chỉ người làm quan. Td: Song le *nhà quan* hồ đồ chưa biết đạo thật hư là dường nào 雙離茹官胡塗諸別道實虛𦵏𦵏市.

nhã 雅 H. một thể văn trong Kinh Thi, dùng để ca tụng trong những dịp thiên tử và chư hầu triều có hội hay yến tiệc. Td: đại *nhã* 大雅; tiểu *nhã* 小雅.

nhân 顏 H. tên người. Td: *Nhan* Thị 顏氏.

nhàn 閒 H. thông dong. Td: thanh *nhàn* 清閒 (thong dong yên bình vì không bận việc gì).

nhãn 眼 H. mắt. Td: *nhãn* tiền 眼前 (trước mắt).

nhạo 𦵏 HT. khẩu 口 (lấy ý) + nhạo 樂 (lấy âm) || N. chế giễu. Td: *nhạo* báng 𦵏𦵏; *nhạo* người 𦵏得; chế *nhạo* 𦵏𦵏.

nhau 饒 GT. nhiều 饒 (đầy đủ) || N. từ biểu thị quan hệ tác động qua lại giữa các bên. Td: bằng *nhau* 平饒.

nhắc 吡 HT. khẩu 口 (lấy ý) + đặc 弋 (lấy âm) || N. nói lại cho người ta nhớ. Td: năng *nhắc* đến sự đạo 能吡旦事道.

nhật 日 GT. nhật 日 (ngày) || N. mau, sát sao. Td: cấm cho *nhật* phép 禁朱日法.

nhậm 任 ÂH. nhậm 任 || N. nhận, chịu. Td: *nhậm* ý 任意.

nhân 人 H. người. Td: *nhân* đạo 人道; *nhân* loại 人類; *nhân* luân 人倫; *nhân* thân 人身; bất tỉnh *nhân* sự 不省人事; quốc *nhân* 國人; thần *nhân* 神人.

nhân đạo nhi dĩ hĩ 人道而已矣 H. chỉ là đạo lý làm người mà thôi.

nhân đạo nhi sinh 人道而生 H. theo cách loài người để sinh.

nhân khang vật thịnh 人康物盛 H. người được khỏe mạnh, xã hội phồn vinh.

nhân linh ư vạn vật 人靈於萬物 H. người ta linh thiêng hơn mọi vật.

nhân loại dã 人類也 H. chỉ là con người.

nhân tử cốt nhục quy vu thổ, huyết quy vu thủy, hồn khí quy vu thiên 人死骨肉歸于土。血歸于水。魂氣歸于天 H. người ta chết thịt xương thành đất, máu thành nước, hồn khí thì trở về trời.

nhân tử tắc hình thể tiêu diệt, dữ mộc thạch đẳng, kỳ thần phiêu như phong hỏa 人死則形體消滅。與木石等。其神飄如風火 H. người ta chết thì hình hài của thể xác bị tan mất cũng như gỗ đá (chỉ loài vô tri vô giác), thần hồn bay đi như gió lửa.

nhân 仁 H. lòng thương người. Td: *nhân* đức 仁德; *nhân* hậu 仁厚; *nhân* nghĩa 仁義; *nhân* từ 仁慈; khoan *nhân* 寬仁.

nhân 因 ÂH. nhân 因 || N. nhưng. Td: *nhân* sao 因牢; *nhân* vì làm sao 因爲濫牢.

nhẫn 忍 ÂH. nhẫn 忍 || N. chịu đựng. Td: *nhẫn* nhục 忍辱.

nhận 認 ÂH. nhận 認 || N. chịu, bằng lòng. Td: *nhận* lấy 認衺; *nhận* rằng 認浪.

nhập 入 ÂH. nhập 入 || N. vào. Td: thâm *nhập* (nhận vào).

nhất 一 H. một. Td: *nhất* môn 一門 (một tông phái); *nhất* thiên 一千 (một nghìn). || 2. thứ nhất. Td: *nhất* tắc (phép thứ nhất); *nhất* viết 一曰 (thứ nhất nói rằng)

nhất chủng dị đoan phi lý 一衆異道非理 H. một loại đạo dị đoan phi lý.

nhất tắc tôn kính vì nhất quốc chi thượng; nhị tắc thụ mệnh, tuy lao khổ bất từ; tam tắc phục tòng cung cấp; tứ tắc hữu sự tương trợ; ngũ tắc tận trung ân báo, bất khả manh tâm tiếm bần H. 一則尊敬為一國之上.二則受命.雖勞苦不辭.三則服從供給.四則有事相助.五則盡忠恩報.不可萌心僭叛 một là phải tôn kính người làm bề trên trong nước; hai là vâng lời bề trên dù khó nhọc cũng chẳng từ; ba là vâng phục đóng sưu thuế; bốn là khi bề trên có việc sẵn sàng giúp đỡ; năm là hết lòng trả ơn, chớ có lòng phản bội.

nhất viết: nhân chi bản nguyên, sinh tự hà lai H. 一曰。人之本原生自何來 H. thứ nhất: nguồn gốc người ta sinh ra từ đâu?

nhật 日 H. ngày. Td: bạch *nhật* 白日 (ban ngày).

nhĩ 而 H. thì. Td: tĩnh *nhĩ* sinh âm 靜而生陰 (tĩnh thì sinh âm).

nhĩ 耳 H. trợ từ Hán ở cuối câu có nghĩa là vậy, mà thôi. Td: hư tự *nhĩ* 虛字耳 (hư từ mà thôi).

nhị 二 H. hai; thứ hai. Td: thập *nhị* hành khiển vương 十二行譴王.

nhị thập nhất niên 二十一年 H. năm thứ hai mươi mốt. Td: ông Khổng tử mới sinh ra đời Chu, vua Linh Vương, *nhị thập nhất niên*, ở nước Lỗ, xứ Sơn Đông, phủ Diển Châu, huyện Khúc Phụ, làng Xương Bình 翁孔子買生開代周差靈王二十一年於諾魯處山東.府兗州.縣曲阜.廡昌平.

nhị viết: nhân chi hiện tại, tại thế hà như H. 二曰。人之現在在世何如 H. thứ hai: người ta ở đời này phải làm sao?

nhịệm 冉 GT. nhiễm 冉 || N. 1. sâu kín. Td: kín *nhịệm* 謹冉. || 2. có phép lạ. Td: màu *nhịệm* 牟冉; máy *nhịệm* 杼冉.

nhiên 然 H. 1. vậy, từ đệm. Td: giai lý khí chi triệu thành tự *nhiên* *nhĩ* *nhiên* 皆理氣之肇成自然而然 (tất cả các lý khí đều tự nhiên *nhĩ* *nhiên* cấu thành). || 2. trợ từ cuối câu để nhấn mạnh. Td: giai lý khí chi triệu thành tự *nhiên* *nhĩ* *nhiên* 皆理氣之肇成自然而然 (tất cả các lý khí đều tự nhiên *nhĩ* *nhiên* cấu thành).

nhieu 饒 ÂH. *nhieu* 饒 (nhiều, đầy đủ) || N. từ trong câu hỏi chỉ ít hay nhiều. Td: bao *nhieu* 包饒.

nhieu 尅 HT. *nhieu* 尅 (lấy âm) + đa 多 (lấy ý) || N. trái với ít, có số lượng lớn. Td: *nhieu* lần 尅吝; *nhieu* ngày 尅晷.

nhô 儒 ÂH. *nhô* 儒 (học trò, đạo Nho) || N. người học theo Khổng giáo hay Nho giáo. Td: kẻ *Nhô* giả 几儒者.

Nho gia chỉ sở vị Thượng Đế giả tức Thánh kinh chỉ sở vị Thiên Chủ dã, dẫn nhân độc chi nhi bất sát chi nhĩ 儒家之所謂上帝者。即聖經之謂天主也。但人讀之而不察之耳 H. Nhà Nho gọi là Thượng Đế tức là Thiên Chúa trong Thánh Kinh vậy, chỉ vì người đọc mà không xét đến thôi.

Nho giả 儒者 H. người học theo Khổng giáo hay Nho giáo.

Nho giả cách vật cùng lý 格物窮理 H. nhà Nho tìm hiểu tận cùng cái lý của sự vật.

Nho giả cùng lý 儒者窮理 H. nhà Nho thâm sâu đạo lý.

nhỏ 𧄸 HT. nhũ 乳 (lấy âm) + thiếu 少 (lấy ý) || N. bé, ngược lại với lớn.
Td: *nhỏ* mọn 𧄸悶.

nhọc 辱 GT. nhục 辱 (xấu hổ) || N. mệt mỏi, cực thân. Td: khó *nhọc* 庫辱.

nhờ 如 GT. như 如 (đặt trùng lầy) || N. nhờ đi gì 如帝之.

nhục 辱 ÂH. nhục 辱 (xấu hổ) || N. chịu khuất. Td: nhẫn *nhục* 忍辱.

nhục 肉 H. thịt, thể xác. Td: cốt *nhục* 骨肉 (xương thịt, ý nói quan hệ ruột thịt, quan hệ rất thân tình).

như 如 ÂH. như 如 || N. giống. Td: *như* lời đã dẫn trước 如啞龜引畧.

nhữ 汝 H. đại từ nhân xưng chỉ ngôi thứ hai. Td: Thượng Đế lâm *nhữ* 上帝臨汝 (Thượng Đế đoái thương đến bạn).

nhưng 仍 ÂH. nhưng 仍 || N. trợ từ để chuyển ý. Td: *nhưng* mà 仍麻.

nhưng mà N. trợ từ để chuyển ý giống như *nhưng* 仍 nhưng nghĩa mạnh hơn, thường dùng khi tỏ ý phân vân. Td: *nhưng* mà lại thấy Đức Thượng Trâm năng nhắc đến sự đạo 仍麻吏覓德上簪能叻旦事道.

những 仍 ÂH. nhưng 仍 || N. từ chỉ số nhiều. Td: *những* điều dối trá phi lý 仍調𦵇詐非理.

nhược 若 ÂH. nhược 若 (giống như, nếu) || N. ví như, nếu. Td: *nhược* bằng 若平.

nhược phụ mẫu chi ký một, dung mạo chi bất khả dĩ phục kiến, âm hưởng chi bất khả dĩ phục văn, tuy hữu cam chỉ khinh noãn, vô sở phụng chi dã 若父母之既沒。容貌之不可以復見。音響之不可以復聞。雖有甘旨輕煖無所奉之也 H. Ví như cha mẹ đã qua đời, dung mạo chẳng còn thấy, tiếng nói chẳng còn nghe. Tuy có những của ăn ngon ngọt, đồ mặc ấm mát cũng không dâng lên được nữa.

nhường 讓 GT. nhượng 讓 || N. chịu kém, chịu thiệt; chuyển cho người

khác những quyền lợi mà mình đang hưởng hoặc lẽ ra mình được hưởng. Td: *nhường* sao đối số 讓與對數.

ni 尼 H. tên gọi. Td: Trọng *Ni* 仲尼 (tên tự của Khổng Tử).

niệm 念 ÂH. niệm 念 (đọc tụng nhỏ tiếng) || N. tụng, đọc. Td: *niệm* kinh Bảo Đường 念經保塘.

niên 年 H. năm. Td: *khang niên* 康年; *nguyên niên* 元年; *thất niên* 七年; *thiên niên* 千年.

ninh 寧 ÂH. *ninh* 寧 || N. yên ổn. Td: *bình ninh* 平寧 (yên hàn, bình yên).

no 餽 HT. thực 食 (lấy ý) + nô 奴 (lấy âm) || N. ăn uống đầy đủ. Td: được *no* 特餽.

nó 奴 GT. nô 奴 (từ khiêm xưng) || N. từ chỉ ngôi thứ ba. Td: khi *nó* động thì động mãi 欺奴動時動買.

nộ 怒 GT. nộ 怒 (giận dữ) || N. từ chỉ vật hay người ở xa người nói. Td: nơi *nộ* 坭怒.

noãn 煖 H. ấm. Td: *khinh noãn* 輕煖 (ấm mát).

nói 吶 HT. khẩu 口 (lấy ý) + nội 內 (lấy âm) || N. 1. diễn đạt một nội dung nào đó. Td: *nói* lẽ đạo 吶理道. || 2. phát ra thành tiếng, thành lời để diễn đạt nội dung trong giao tiếp. Td: *nói* dối 吶對; lời *nói* 啞吶.

nóng 爍 HT. hỏa 火 (lấy ý) + nông 農 (lấy âm) || N. có nhiệt độ cao hơn mức trung bình. Td: lạnh sinh ra *nóng* 冷生 爍.

nổi 洩 GT. tuy 洩 (mưa nhỏ) || N. trời lên. Td: khí *nổi* trên nước 氣洩連諾.

nỗi 悞 HT. tâm 悞 (lấy ý) + ½ tuy 洩 (lấy âm) || N. sự tình, sự thể xảy ra và có tác động đến tình cảm con người. Td: đến *nỗi* 旦悞.

nội 內 H. trong. Td: hải *nội* 海內 (trong lòng).

nông 農 H. tên gọi. Td: Thần *Nông* 神農 (xem Thần Nông).

nở 安 HY. miên 宀 (lấy ý) + nữ 女 (lấy âm) || N. về hơn hờ. Td: *nở* mặt 安榻.

nữ 女 GT. nữ 女 (đàn bà, con gái) || N. đang tâm. Td: chẳng *nữ* 庄女.

nợ 女 GT. nữ 女 (đàn bà, con gái) || N. cái vay mà phải trả. Td: công *nợ* 功女.

nơi 坭 HT. thổ 土 (lấy ý) + ni 尼 (lấy âm) || N. chỗ, chốn. Td: *nơi* ngục luyện hồn 坭獄煉魂; *nơi* ngục tạm cầm 坭獄暫衿.

nua 孥 GT. nô 孥 || N. tiếng đệm với từ già. Td: già *nua* 髡孥.

núi 崗 HT. sơn 山 (lấy ý) + nội 內 (lấy âm) || N. địa hình lồi, nổi cao lên

trên mặt đất. Td: đến khi cha mẹ khuất *núi* 旦欺吒媿屈崗.

nung 爇 HT. hỏa 火 (lấy ý) + nông 農 (lấy âm) || N. đốt ở nhiệt độ cao. Td: *nung* đốt 爇燂; lửa *nung* vàng 焰爇鑽.

nuôi 餵 HT. thực 食 (lấy ý) + ½ tuy 湊 (lấy âm) || N. cho ăn uống, chăm sóc để duy trì và phát triển sự sống. Td: *nuôi* cha mẹ 餵吒媿.

nuốt 啗 HT. khẩu 口 (lấy ý) + nột 訥 (lấy âm) || N. làm cho thức ăn, thức uống từ miệng trôi qua thực quản để xuống dạ dày. Td: *nuốt* đi 啗埒.

nữa 女 GT. nữ 女 (đàn bà, con gái) || N. hãy còn, chưa hết. Td: *nữa* ru 女咄.

nước 諾 HT. thủy 氺 (lấy ý) + nhược 若 (lấy âm) || N. quốc gia. Td: *nước* Lỗ 諾魯; nước Thiên Trúc 諾天竺; nhà *nước* 茹諾.

nước Lỗ 諾魯 nước chư hầu thời nhà Chu (Châu) trong thời kỳ Xuân Thu và Chiến Quốc. Nước Lỗ xưa chủ yếu nằm ở phía nam núi Thái Sơn, ở khu vực trung tâm và miền tây nam của tỉnh Sơn Đông ngày nay cùng một phần các tỉnh An Huy, Hà Nam và Giang Tô. Nước Lỗ nổi tiếng vì là quê hương của Khổng Tử.

nước nhà Minh 諾茹明 nước Trung Hoa vào thời đại nhà Minh (1368-1662), triều đại cuối cùng do người Hán thiết lập. Td: Vậy tôi đi qua nước nhà Minh, cũng đã ở đấy một ít năm, đoạn mới sang đến Nước này 丕碎埒戈諾茹明拱奄於帝沒沙赫段買郎旦諾尼. *Bàn rộng*: Câu nói này có vấn đề. Bởi vì “tôi đi qua nước nhà Minh” có nghĩa là cận nhất phải vào năm 1662, lúc Minh triều sụp đổ. Trong khi sách Hội Đồng Tứ Giáo được viết vào thời Tịnh Đô Vương (1767-1782).

nước Thiên Trúc 諾天竺 là nước Ấn Độ 印度 bây giờ. Đó là nơi sinh ra Phật tổ, nên gọi nước Phật là nước Trúc. Vì nước Trúc ở phía Tây Trung Hoa nên gọi là Tây Trúc. Td: đạo Thích Ca ở *nước Thiên Trúc* bên Tây 道釋迦於諾天竺邊西.

oan 冤 AH. oan 冤 || N. bị kết tội mà bản thân không gây nên. Td: Trách phạt kẻ có tội thì chẳng *oan* nó ru? 責罰几固罪時庄冤奴咄.

ốm 瘡 HT. nạch 疔 (lấy ý) + âm 音 (lấy âm) || N. đau bệnh. Td: *ốm* đau 瘡疔.

ôn 溫 H. họ tên. Td: ông Ôn Công 翁溫公.

ông 翁 AH. ông 翁 || N. từ tôn xưng cho người nam. Td: *ông* bà 翁妣; *ông* Khổng Tử 翁孔子; *ông* Thành Trinh 翁成貞.

ông bà ông vãi 翁妣翁僮 N. từ chỉ ông bà nói chung.

ở 於 GT. 於 (ở tại) || N. tại nơi nào đó. Td: giam ở Kê Chợ 檻於几畝.

ơn 恩 GT. ân 恩 (ơn, sự yêu thương) || N. điều làm cho người nào đó, mang lại lợi ích, được người ấy ghi nhận. Td: ơn trọng 恩重.

phá 破 H. làm hư hỏng, hủy hoại. Td: phá ngục 破獄.

phải 沛 GT. phách 沛 (dồi dào, sung túc) || N. 1. chịu tác động không hay, không có lợi. Td: hai Thầy Cả phải giam cũng đưa đến nữa 仝柴奇沛 檻拱逢旦女. || 2. đúng, không sai. Td: phải lẽ 沛理.

phàm 凡 H. thường. Td: phàm trần 凡塵 (đời thường).

phạm 犯 H. làm sai, làm trái. Td: phạm tội 犯罪 (làm điều trái với luật lệ).

phản 反 H. quay trở về. Td: phản thổ 反土 (quay trở về đất).

phán 判 H. xem xét. Td: phán đoán 判斷. || N. 1. xem xét. Td: phán xét 判察. || 2. truyền bảo. Td: phán dạy 判吡.

pháp 法 H. 1. thuật đạo sĩ. Td: pháp môn 法門. || 2. thuộc về nhà Phật. Td: pháp sư 法師.

pháp môn 法門 H. học phái đạo sĩ, chuyên tu tiên và luyện thuốc trường sinh. Trong Đạo giáo chia ra hai học phái: học phái đạo sĩ và học phái phù thủy (thầy pháp hay thầy pháp sư). Td: phù thủy pháp môn 符水法門.

pháp sư 法師 H. thầy theo Đạo giáo bên học phái phù thủy. Td: thầy Pháp sư giải câu ấy rằng 柴法師解句衣浪.

phát 發 H. tên gọi. Td: Hoàng Phát Trai 黃發齋.

phạt 罰 ÂH. phạt 罰 || N. trừng trị. Td: chịu phạt 詔罰; sự phạt tội 事罰罪; trách phạt 責罰.

phẩm 品 H. hạng cấp. Td: phẩm cấp 品級; cửu phẩm 九品. || N. hạng cấp. Td: phẩm kẻ sĩ 品几士.

phân 分 H. chia ra. Td: phân tâm 分心 (chia trí). || N. chia. Td: phân ra 分畀.

phần 分 ÂH. phần 分 || N. mức độ nào đó, không xác định. Td: phần kém hèn 分劔憊; phân phạt 分罰; bội phần 倍分; phúc phần 福分. tr.79 sách in nhầm là phần kiếp kén hèn.

phần 焚 H. đốt. Td: phần hương 焚香 (đốt hương, đốt nhang).

phần 墳 H. mồ mả. Td: phần mộ 墳墓 (cái mả, ngôi mộ).

phật 佛 PÂ. phiên âm từ tiếng Phạn, buddha. Td: Phật giáo 佛教; Phật

tính 佛性; *Phật tử* 佛子; Đức *Phật* 德佛; nhà *Phật* 茹佛.

Phật giả yêu ngôn H. đạo Phật nói quái gở. Td: Ấy là những lời gở lạ làm vậy cho nên các Nho sĩ đều chê rằng *Phật giả yêu ngôn* 氏罍仍啞嚙選濫丕朱年各儒士調岐浪. 佛者天言.

Phật tính 佛性 H. tính Giác Ngộ, mầm lương thiện trong mọi loài chúng sinh.

phe 批 PÂ. Td: Lu-xi-phe 呖槎批 (phiên âm của tiếng Pháp, Licifer nghĩa là sao mai hay con của bình minh, x. Is 14,12).

phép 法 GT. pháp 法 (phép tắc, khuôn mẫu) || N. 1. cách thức cư xử được coi là phù hợp với đạo lý. Td: *phép* công bình 法公平; *phép* phá ngục 法破獄; *phép* tắc 法則; lễ *phép* 禮法. || 2. khả năng huyền bí tạo nên điều kỳ lạ. Td: *phép* lạ 法遇.

phép lạ 法遇 N. sự biến hóa huyền bí tạo nên điều kỳ lạ đối với khả năng hiểu biết của con người. Td: muôn vàn *phép lạ* 闍萬法遇.

phép tắc 法則 H. khả năng huyền bí. Td: vì Thái cực là khí không, chẳng phải giống thiên liêng có *phép tắc* gì mà sinh nên mọi sự được đầu 爲太極罍氣空庄沛種声灵固法則之麻生年每事特兜.

phép tắc vô cùng 法則無窮 H. khả năng huyền bí không thể tả xiết.

phi 飛 H. bay. Td: *phi* thăng 飛升 (bay lên).

phi 非 H. sai trái. Td: *phi* lý 非理 (trái với lẽ phải).

phi lý 非理 H. trái với lẽ phải, không hợp lẽ phải. Td1: *dị đoan phi lý* 異端非理; Td2: những điều dối trá *phi lý* 仍調嚙詐非理.

phi thánh nhân chi đạo 非聖人之道 H. Đạo không thánh nhân.

phỉ 匪 ÂH. phỉ 匪 (không, chẳng phải) || N. thỏa mãn. Td: *phỉ* chí 匪志 (thỏa mãn ý hướng).

phiêu 飄 H. bay theo gió. Td: kỳ thần *phiêu* như phong hỏa 其神飄如風火.

phó 付 ÂH. phó 付 || N. giao, gửi. Td: *phó* vào 付餉.

phong 封 ÂH. phong 封 || N. ban cho. Td: *phong* cho 封朱; sắc *phong* 勅封.

phong 風 H. gió. Td: hành *phong* 行風 (làm ra gió).

phô 鋪 GT. phô 鋪 (bày ra) || N. phần. Td: *phô* thầy 鋪柴 (phần thầy).

phối 配 H. 1. sánh ngang. Td: tứ *phối* 四配. || 2. nam nữ kết hôn. Td: hôn *phối* 婚配 (kết đôi thành vợ chồng).

phu 夫 H. 1. Từ tôn xưng cho người. Td: *Phu* Tử 夫子 (một danh xưng

của Khổng Tử). || 2. chồng. Td: *phu* phụ 夫婦 (chồng vợ).

phu tử thánh dã dư 夫子聖也歟 H. Phu tử (Khổng Tử) có phải là thánh không?

phu tử viết: hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã 夫子曰。獲罪於天無所禱也 H. Khổng Phu Tử nói: Phải tội với trời thì không cầu cúng ở đâu được.

phù 符 H. bùa chú. Td: *phù* thủy 符水.

phù 浮 H. nổi. Td: khí *phù* nhi vi thiên giả 氣浮而爲天者 (khí nổi lên làm trời).

phù 扶 H. giúp đỡ. Td: *phù* hộ 扶護 (giúp đỡ).

phù đạo tại thiên hạ, vô cổ kim chi thù 夫道在天下無古今之殊 (Đổng Tử 董子) H. đạo trong thiên hạ bất kể xưa nay vẫn vậy.

phù thủy 符水 H. người thuộc Đạo giáo, được cho là có năng lực siêu nhiên như bói toán, gọi hồn, giải hạn, nguyên rửa, chữa bệnh và trừ tà bằng bùa chú. Trong Đạo giáo chia ra hai học phái: học phái đạo sĩ và học phái phù thủy (pháp sư, thầy pháp). Td: *phù thủy* pháp môn 符水法門.

phủ 否 H. sai trái. Td: thị *phủ* 是否 (đúng sai).

phú 覆 H. che. Td: thiên *phú* địa tái 天覆地載 (trời che đất chở).

phú 富 H. giàu. Td: *phú* quý 富貴; quốc *phú* dân an 國富民安.

phú 賦 H. ban cho. Td: *phú* chung 賦終 (Xúc Dầu bệnh nhân).

phú 付 GT. phó 付 (giao phó; trao cho) || N. giao. Td: *phú* cho 付朱.

phụ 父 H. cha. Td: *phụ* mẫu 父母; *phụ* tử 父子; đại *phụ* 大父; hạ *phụ* 下父; thượng *phụ* 上父; tam *phụ* 三父; trung *phụ* 中父.

phụ 婦 H. vợ. Td: phu *phụ* 夫婦.

phúc 福 ÂH. phúc 福 || N. lành, tốt. Td: *phúc* phần 福分; chịu *phúc* 紹福.

phục 復 H. trở lại. Td: bất *phục* 不復 (không có trở lại).

phục 服 H. chịu theo. Td: *phục* tòng 服從; tín *phục* 信服.

phục 伏 H. họ tên. Td: *Phục* Hy 伏羲.

Phục Hy 伏羲 H. Phục Hy 伏羲 (4486 tCN-4365 tCN) là nhân vật truyền thuyết của Trung Hoa, đứng đầu trong Tam Hoàng (Phục Hy 伏羲, Nữ Oa 女媧 và Thần Nông 神農). Phục Hy và Nữ Oa là hai anh em, và cũng là thần chồng vợ, hai người được coi là tổ tiên của loài người sau một trận đại hồng thủy. Td: Từ *Phục Hy*, Thần Nông, Hoàng Đế,

Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

phụng 奉 H. 1. hầu hạ. Td: *phụng dưỡng* 奉養 (hầu hạ, chăm sóc); || 2. tin thờ. Td: *phụng sự* 奉事.

phụng sự 奉事 H. (phụng 奉: tin thờ; sự 事: thờ phượng) tin thờ. Td: Vốn lòng ta trọng sự thật, muốn biết đạo nào là đạo chính để ta *phụng sự* 本志些重事實悶別道市畀道正底些奉事.

phước 福 GT. phúc 福 (tốt lành) || N. lành, tốt.

phương 方 H. hướng. Td: *phương đông* 方東; *phương ngoài* 方外; *phương Tây* 方西; tứ *phương* 四方. || N. tổ hợp biểu thị ý với đối tượng sắp nêu thì việc đang nói đến là tất yếu. Td: *phương chi* 方之 (huống chi).

phương Đông 方東 từ chỉ các nước thuộc châu Á, còn gọi là Á Đông. Td: và các nước bên *phương Đông* này 吧各諾邊方東尼.

phương Tây 方西 N. từ chỉ các nước thuộc châu Âu, châu Mỹ và châu Đại Dương. Td: một thầy *phương Tây* 沒柴方西.

phượng 奉 GT. phụng 奉 || N. dâng lên. Td: thờ *phượng* 祿奉.

qua 戈 ÂH. qua 戈 || N. 1. vượt, đi khỏi. Td: *qua khỏi* 戈塊; *qua ngã tư* 戈我罰; *qua sông* 戈淹; cũng chẳng *qua* 拱庄戈; thâu *qua* 收戈. || 2. một cách nhanh chóng. Td: trình *qua* 呈戈.

quả 菓 ÂH. quả 菓 || N. trái cây. Td: *quả cấm* 菓禁; hoa *quả* 花菓.

quá 過 H. 1. quá lắm. Td: bất *quá* 不過 (cùng lắm). || 2. lỗi lầm. Td: cải *quá* 改過 (sửa lỗi lầm).

quái 怪 H. lạ kỳ. Td: *quái gở* 怪懾; kỳ *quái* 奇怪.

quái gở 怪懾 N. rất kỳ lạ, gây ấn tượng không tốt. Td: nếu có thật thể ấy thì chẳng ra sự xấu hổ *quái gở* cho Thượng Đế ru? 裊固實體氏時庄畀事醜虎怪懾朱上帝咄.

quan 官 H. người có chức quyền trong bộ máy cai trị. Td: *quan hành* 官行謹; *quan quyền* 官權; *quan tướng* 官將; *quan viên* 官員. || N. *quan sáu* 官𢆏; *quan tiến sĩ* 官進士.

quan sáu 官𢆏 từ gọi em của chúa Trịnh Doanh 鄭楹 (1740-1767), chú của chúa Trịnh Sâm 鄭森 (1767-1782).

quan viên chức sắc 官員職色 H. từ chỉ chung những người có chức quyền đang làm quan.

quản 管 H. trông coi. Td: cai *quản* 該管 (trông nom bao quát mọi việc).

quang 光 H. họ tên. Td: vua *Quang* Nghiêm 希光嚴.

quảng 廣 H. địa danh. Td: Hồ *Quảng* 胡廣.

quãng 廣 ÂH. quảng 廣 || N. phần không gian tương đối ngắn được xác định giữa hai điểm. Td: *quãng* không 廣空; cắt *quãng* 隔廣.

quanh 觥 GT. quang 觥 (to lớn) || N. vòng, đi vòng. Td: nước chảy *quanh* đất 浩沚觥坦.

quân 君 H. 1. vua. Td: *quân* thần 君臣 (vua tôi). || 2. tiếng tôn xưng. Td: *quân* tử 君子 (từ tôn xưng chỉ người tài đức).

quân 軍 H. lính. Td: quân hồi vô *lệnh* 軍回無令 (quân rút không có lệnh).

quê 圭 GT. khuê 圭 (đơn vị dung lượng, đựng được 64 hạt thóc) || N. nơi gia đình đã qua nhiều đời làm ăn sinh sống, thường có sự gắn bó tự nhiên về tình cảm với mình. Td: Đức Thượng Trâm *quê* ở Cảnh Viên, Hải Dương xứ 德上簪圭於境園。海陽處。

quốc 國 H. đất nước. Td: *quốc* nhân 國人; *quốc* phú dân an 國富民安; *quốc* trị 國治; *quốc* vương 國王; bản *quốc* 本國.

quy 歸 H. trở về. Td: *quy* vu 歸于 || N. hướng về. Td: *quy* về 歸術.

quy 規 H. khuôn phép. Td: *quy* mô 規模; giới *quy* 誠規; Thất *Quy* 七規.

quy vu đế hương 歸于帝鄉 H. về kinh đô vua trời.

quỳ 跪 GT. quỵ 跪 (quỳ gối) || N. ở tư thế gấp đầu gối trên mặt nền để đỡ toàn thân. Td: *quỳ* xuống 跪.

quỷ 鬼 ÂH. quỷ 鬼 || N. loài tưởng tượng ở dưới âm phủ, hay quấy nhiễu và làm hại người. Td: *lệ* quỷ 厲鬼 (ác quỷ); ma *quỷ* 魔鬼; *quỷ* thần 鬼神.

quỷ thần chỉ thị khí 鬼神只是氣 H. quỷ thần vốn chỉ là khí.

quý 貴 H. 1. phẩm chất cao đẹp. Td: chí *quý* 至貴. || 2. có giá trị cao. Td: phú *quý* 富貴.

quyền 權 ÂH. quyền 權 || N. điều được hưởng, được làm, được đòi hỏi do pháp luật hoặc xã hội công nhận. Td: *quyền* cai trị 權該治; *quyền* chức 權職; *quyền* hành 權衡; *quyền* phép 權法; cầm *quyền* 拎權; quan *quyền* 官權.

quyết 決 H. xét đoán. Td: giải *quyết* 解決 (làm rõ ràng để đưa ra sự xét đoán, phân định).

quyết 訣 H. từ biệt. Td: hoàng đồ vĩnh *quyết* 黃圖永訣 (tựa sách với nghĩa là ở dưới đất đời đời).

quyết 厥 H. trợ từ đặt đầu câu để nhấn mạnh.

quyết sơ thái thủy vô thiên vô địa vô thần vô nhân vật; phù thiên địa
vạn vật khí chất nhi diệc toàn vô, độc hữu nhất, tự hữu, tự phúc,
tự đức, chí tôn, chí thiện, chí công, chí trí, chí năng, chí chân Chủ
dã. Sinh thiên địa, thần nhân, vạn vật, nhất mệnh nhi hữu, bất tạ
kỳ chất, bất hữu kỳ lao, toàn năng chi hiển dã. 厥初太始無天無地
無神無人物。夫天地萬物氣質而亦全無。獨有一,自有,自福,自德至尊
至善至公至智至能之真主也。生天地神人萬物一命而有不藉其質。
不有其勞。全能之顯也。(Thuở ban đầu không trời, không đất, không
thần, không ai cả; mọi vật trong trời đất chưa có khí chất. Duy chỉ
có một Đấng tự hữu, tự phúc, tự đức, chí tôn, chí thiện, chí công, chí
trí, chí năng, đó là Chúa thật. Ngài rõ là Đấng Toàn Năng, bởi không
nhờ chất liệu nào, không chút khổ công mà chỉ một lời liền sinh ra
trời đất, thần thánh, con người và muôn vật.

ra 𠵿 HT. khẩu 口 (lấy ý) + N. là 𠵿 (lấy âm) || N. 1. di chuyển đến một
nơi, một vị trí ở phía ngoài. Td: *ra* khỏi 𠵿塊; *chớ ra* 渚𠵿; *hãy ra* 唉𠵿.
|| 2. thành, trở nên, hóa thành. Td: *bày ra* 排𠵿; *lập ra* 立𠵿; *mà ra* 麻
𠵿; *phân ra* 分𠵿; *sinh ra* 生𠵿.

rạc 落 GT. lạc 落 (rụng) || N. trối, giam cầm. Td: tù *rạc* 囚落.

ràng 爇 HT. hỏa 火 (lấy ý) + sàng 床 (lấy âm) || N. tiếng đi kèm để tạo ra
từ láy. Td: rõ *ràng* 爇爇.

rày 晷 HT. nhật 日 (lấy ý) + lệ 例 (lấy âm - lì) || N. lúc này, nay. Td1: *Rày*
phô thầy này còn đeo thối cũ 晷鋪柴尼群刀退窰. || Td2: thì *rày* 時晷.

rằm 𣊖 HT. ngũ 五 (lấy ý) + lâm 林 (lấy âm) || N. ngày mười lăm trong
tháng theo âm lịch. Td: ngày *rằm* 𣊖𣊖.

răn 𣊖 HT. khẩu 口 (lấy ý) + ½ lân 遴 (lấy âm) || N. cấm, dạy bảo. Td: điều
răn 調𣊖.

rằng 浪 GT. lãng 浪 (lấy con sóng) || N. từ biểu thị điều sắp nêu ra là nội
dung diễn giải điều vừa nói đến. Td1: Bấy giờ Nhà Quan dạy *rằng*
閉除茹官咤浪. || Td2: Lời sách Tính Lý *rằng*: Thái Cực động nhi sinh
dương, tĩnh nhi sinh âm 性理浪。太極動而生陽。靜而生陰。

rất 慄 GT. lật 慄 (run sợ) || N. lắm, tốt bậc, ở mức độ cao. Td: *rất* độc dữ
慄毒與; *rất* hiểm 慄險; *rất* lạ 慄遇; *rất* trọng 慄重.

rét 洌 GT. liệt 洌 (trong vắt) || N. lạnh. Td: sốt *rét* 燁洌.

rễ 禮 HT. mộc 木 (lấy ý) + lễ 禮 (lấy âm) || N. bộ phận của cây, thường đâm sâu xuống đất, giữ cho cây đứng thẳng và hút chất dinh dưỡng nuôi cây. Td: cội *rễ* 檜禮.

ri 移 PÂ. Td: Ma-ri-a 瑪移亞.

riêng 盈 GT. doanh 盈 (tràn đầy, sung mãn) || N. thuộc về cá nhân, phân biệt với chung. Td: Thiên Chúa ấy là Chúa *riêng* nước phô thầy thì mặc phô thầy 天主衣罽主盈諾鋪柴時默鋪柴.

rình 伶 GT. linh 伶 || N. kín đáo chò cơ hội thuận tiện đến. Td: *rình* chết 伶斃.

rồ 燿 HT. hỏa 火 (lấy ý) + lỗ 魯 (lấy âm) || N. tỏ tường. Td: *rồ* ràng 燿煉.

rồi 耒 GT. lồi 耒 (cái cày) || N. xong. Td: *rồi* lại 耒吏; *rồi* thì 耒時.

rỗi 嚙 HT. khẩu 口 (lấy ý) + lỗi 磊 (lấy âm) || N. thông thả, rảnh rang. Td: được *rỗi* 特嚙.

rộng 曠 HT. lộng 弄 (lấy âm) + quảng 廣 (lấy ý) || N. có lòng bao dung, độ lượng trong quan hệ đối xử. Td: *rộng* xét thứ 曠察恕.

rốt 卒 GT. tốt 卒 (rút cục) || N. ở sau hết. Td: đạo Lão Tử mới có *rốt* đòi nhà Chu 道老子買固卒代茹周.

ru 咄 HT. khẩu 口 (lấy ý) + do 由 (lấy âm) || N. trợ từ tỏ ý nghi ngờ, thường ở cuối câu. Td: có thật *ru* 固實咄; được *ru* 特咄; hết *ru* 歇咄; lắm *ru* 凜咄.

rũa 嚙 HT. khẩu 口 (lấy ý) + lỗ 魯 (lấy âm) || N. dùng lời độc địa để cầu cho người khác gặp điều không lành. Td: chửi *rũa* 吐嚙.

ruột 脾 HT. nhục 月 (lấy ý) + duật 聿 (lấy âm) || N. cái biểu tượng sự chịu đựng về tình cảm. Td: gan *ruột* 肝脾.

rút 梓 PÂ. Td: câu-rút 句梓.

rước 連 GT. sước 連 || N. đón, mời. Td: *rước* được thầy 連特柴.

rượu 醕 HT. dậu 酉 (lấy ý) + lưu 留 (lấy âm) || N. chất lỏng có vị cay nồng, được cất từ tinh bột hoặc trái cây đã ủ men. Td: uống *rượu* 吐醕.

sa 沙 ÂH. sa 沙 || N. ngã xuống nhẹ nhàng, rớt xuống chậm chậm. Td: *sa* địa ngục 沙地獄; bãi cát Trường Sa 擺塢長沙.

sách 典 ÂH. sách 典 || N. tập hợp những tờ giấy có viết chữ hay in chữ, đóng lại thành quyển. Td: *sách* Tính Lý 典性理; *sách* Hoàng đồ Vĩnh quyết 典黃圖永訣; *sách* Luận Ngữ 典論語; *sách* sử 典史; *sách* Tứ Thập Nhị Chương Kinh 典四十二章經.

sách 性理 N. sách trình bày nguyên lý và quy luật cuộc sống theo Nho giáo. Td: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra, mà khi ngũ hành chưa phân chia ra, thì ở lộn làm một khí, gọi là Thái Cực như lời *sách Tính Lý* rằng 每事時罷五行麻嘿。麻欺五行諸分紛嘿時於論濫沒氣會罷 太極如啞性理浪.

sạch 瀝 GT. lịch 瀝 (lộc) || N. tinh khiết, không chứa chất bẩn. Td: *sạch* hết tội 瀝歇罪; cực *sạch* 極瀝.

sái 洒 H. vẩy nước. Td: *sái* Thánh Thủy 洒聖水; kinh *Sái Tịnh Thủy* 經洒淨水.

san 刊 H. xuất bản. Td: *san* định 刊定.

san định 刊定 H. chỉnh sửa cho đúng để in ấn. Td: Khổng Tử *san định* lục kinh 孔子刊定六經.

sản 產 H. sinh đẻ. Td: sinh *sản* 生產 (đẻ con).

sang 郎 GT. lang 郎 (chức quan) || N. có tiền tài và danh vọng, được nhiều người kính nể. Td: kẻ *sang* 几郎; *sang* trọng 郎重.

sáng 創 ÂH. sáng 創 || N. 1. có ánh chói lòa tỏa ra khiến ta có thể nhìn thấy mọi vật. Td: *sáng* láng 創朗; soi *sáng* 燐創. || 2. khoảng thời gian từ lúc mặt trời mọc cho đến gần trưa. Td: bữa *sáng* 飪創. || 3. có khả năng nhận biết, nhanh và rõ. Td: *sáng* dạ 創胞.

sánh 鈔 HT. tịnh 並 (lấy âm) + đa 多 (lấy ý) || N. so ngang nhau. Td: *sánh* bày 鈔排.

sao 牢 GT. lao 牢 (nhà tù) || N. từ chỉ cái không biết cụ thể như thế nào. Td: làm *sao* 濫牢; nhân *sao* 因牢; thì *sao* 時牢.

sao 𦍋 HT. lao 牢 (lấy âm) + tinh 星 (lấy ý) || N. thiên thể tỏa nhiệt và tự phát ra ánh sáng. Td: ngôi *sao* 嵬𦍋.

sát 殺 H. 1. giết. Td: *sát* nhân 殺人; *sát* sinh 殺生; *sinh* *sát* 生殺. || 2. chiến đấu. Td: *sát* phạt 殺罰.

sát 擦 HT. thủ 扌 (lấy ý) + sát 察 (lấy âm) || N. gần đến mức tiếp giáp, không còn khoảng cách ở giữa. Td: sát sạt 擦擦.

sau 徠 HT. hậu 後 (lấy ý) + lâu 婁 (lấy âm) || N. khoảng thời gian kể từ thời điểm lấy làm mốc nào đó trở đi. Td: *sau* hết 徠歇; *sau* nữa 徠女; năm *sau* 徠徠.

sáu 𦍋 HT. lão 老 (lấy âm) + lục 六 (lấy ý) || N. số tự nhiên ở giữa số 4 và số 5. Td: nhà Quan *Sáu* 茹官𦍋.

座蓮.

sĩ 士 H. người có học. Td: tiến sĩ 進士 (người đỗ kỳ thi hội, học vị trên cử nhân một bậc, còn gọi là tấn sĩ.)

sĩ thứ 士庶 H. sĩ 士 và thứ nhân 庶人, người có học và dân thường, ý nói dân chúng trong nước. Td: đế vương, công hầu, *sĩ thứ* 帝王公侯士庶.

siêu 超 H. vượt quá. Td: thánh đạo, *siêu* tính chi đạo dã 聖道超性之道也 (đạo thánh vượt quá tính đạo làm người).

sinh 生 H. 1. người có học. Td: *sinh* đồ 生徒. || 2. mạng sống. Td: *sinh* ký dã 生寄也; *sinh* sát 生殺; *sinh* thì 生時; *sinh* tử 生死; sự tử như sự *sinh* 事死如事生; trường *sinh* bất tử 長生不死. || 3. đẻ ra. Td: *sinh* đẻ 生胎; *sinh* ra 生罍; *sinh* sản 生產. || 4. tạo ra. Td: Thái Cực động nhi *sinh* dương, tĩnh nhi *sinh* âm 太極動而生陽。靜而生陰.

sinh đồ 生徒 H. học vị tú tài.

sinh đồ hương cống 生徒鄉貢 H. tú tài và cử nhân, ý nói giới Nho sĩ có học vị.

sinh ký dã, tử quy dã 生寄也。死歸也 H. sống thì gửi, thác thì về.

sinh sản 生產 H. làm nảy nở ra nhiều. Td: *sinh sản* con cháu 生產昆詔.

sinh thổ phản thổ 生土反土 H. sinh ra từ đất, trở về với đất.

sinh 牲 H. chỉ chung cho gia súc. Td: muông *sinh* 犧牲.

soạn 饌 H. cỗ tiệc. Td: tiến *soạn* 進饌.

sóc 朔 ÂH. sóc 朔 || N. trợ từ trong từ ghép để chỉ sự ân cần. Td: coi *sóc* ㊀㊀.

soi 燭 HT. hỏa 火 (lấy ý) + lôi 雷 (lấy âm) || N. 1. chiếu vào. Td: *soi* sáng 燭創. || 2. xem xét. Td: *soi* xét 燭察.

song 雙 ÂH. song 雙 || N. nhưng. Td: *song* ai 雙埃; *song* le 雙離.

song le 雙離 nhưng mà. Td: *Song le* nhà quan hồ đồ chưa biết đạo thật hư là đường nào 雙離茹官胡塗諸別道實虛罍羴市.

sốt 率 GT. suất 率 (noi theo) || N. bỏ quên. Td: chẳng *sốt* 庄率.

số 數 ÂH. số 數 || N. vận mạng. Td: nhường sao đổi *số* 攘輶對數.

sông 淹 HT. thủy 氵 (lấy ý) + long 竜 (lấy âm) || N. dòng nước chảy thường xuyên trên mặt đất, thuyền bè thường đi lại được. Td: *sông* cả 淹奇; *sông* Đài Hà 淹臺河; *sông* nhỏ 淹紕; qua *sông* 戈淹.

sống 𤝵 HT. lộng 弄 (lấy âm) + sinh 生 (lấy ý) || N. tồn tại. Td: *sống* lại 𤝵吏; *sống* làm lành dữ mặc thân ta 𤝵濫苓與默身些; *sống* lâu 𤝵数; *sống* mãi 𤝵買; *sinh sống* 生𤝵.

sốt 焮 HT. hỏa 火 (lấy ý) + duật 聿 (lấy âm) || N. 1. nóng do nhiệt độ cơ thể tăng cao hơn mức bình thường. Td: sốt rét 焮洌. || 2. trợ từ với ý nhấn mạnh. Td: chẳng hề có thấy nói đến tên Thiên Chúa bao giờ sốt 庄今固覓咿旦焮天主包除焮.

sơ 初 ÂH. sơ 初 || N. lúc đầu; ban đầu. Td: quyết sơ thái thủy 厥初太始 (lúc thuở ban đầu).

sở 所 H. nơi chốn. Td: hà sở 何所 (chỗ nào); hài sở 孩所 (ngực các linh hồn trẻ con mới sinh ra mà chết khi chưa được chịu Phép Rửa); mỗ sở 麼 (nơi của tôi).

sợ 懾 HT. tâm 心 (lấy ý) + sự 事 (lấy âm) || N. trạng thái không yên lòng vì cho rằng có chuyện trực tiếp gây nguy hiểm hoặc gây hại cho mình. Td: sợ chết 懾斃; lo sợ 懾懾.

son 山 H. núi. Td: son đông 山東 (phía Đông ngọn núi); thiên son vạn thủy 千山萬水 (nghìn núi muôn sông, ý nói khó khăn lắm tự như ngăn sông cách núi).

su 秋 GT. thu 秋 || N. PÂ. Td: Giê-su 支秋.

súc 畜 H. muông thú nuôi trong nhà. Td: lục súc 六畜: ngựa (mã 馬), bò (ngưu 牛), dê (dương 羊), gà (kê 雞), chó (khuyển 犬), heo (trư 豬).

sùng 崇 H. coi trọng. Td: sùng thượng 崇尚.

sùng thượng 尚 H. mến chuộng và coi trọng. Td: nhà Chúa sùng thượng 天主 茹主崇尚柴修娑毘.

sủng 寵 H. yêu quý. Td: sủng tích 寵錫 (yêu mến nên ban cho).

suối 湫 HT. thủy 氺 (lấy ý) + lỗi 𣶒 (lấy âm) || N. dòng chảy tự nhiên ở đồi núi, chảy ra trên mặt đất. Td: suối Hoàng Tuyền 湫黃泉.

suy 推 ÂH. suy 推 || N. nghĩ và xem xét. Td: suy chưa đủ lẽ 翁推諸堵理.

suy 衰 H. lụn bại. Td: tự Thiếu Hạo thị suy 自少昊氏衰 (từ khi vua Thiếu Hạo lụn bại).

sư 師 H. tiếng tôn xưng người tu hành. Td: công sư 公師; danh sư 名師; pháp sư 法師; tiên sư 先師.

sử 史 ÂH. sử 史 || N. tiếng nói tắt của lịch sử. Td: sách sử 典史; Tây sử 西史.

sự 事 ÂH. sự 事 || N. 1. việc, chuyện. Td: sự chết 事斃; sự địa ngục 事地獄; sự đời nay 事代尼; sự phán xét 事判察; sự thiên đàng 事天堂; sự tích 事跡; tự sự 祀事. || 2. sinh hoạt của con người. Td: bất tỉnh nhân sự 不省人事; lịch sự 歷事; thịnh sự 盛事. || 3. thờ phượng. Td: sự đạo 事道.

sự đạo 事道 thờ phượng đạo. Td1: Nhưng mà lại thấy Đức Thượng Trâm
nặng nhắc đến *sự đạo* 仍麻吏覽德上鑾能咤旦事道. || Td2: Còn *sự đạo*
ngoại quốc Hoa Lang là dị đoan chi giáo 群事道外國花郎異端之教.

sự tử như sự sinh 事死如事生 H. thờ khi chết cũng như thờ lúc còn sống.

sự tử như sự sinh hiếu chí chí đã 事死如事生。孝之至也. H. thờ (cha
mẹ) khi chết cũng như thờ lúc sống đều là rất hiếu thảo.

sự vong như sự tồn, hiếu chí chí đã 事亡如事存。孝之至也 H. thờ (cha
mẹ) khi chết cũng như thờ lúc sống đều là rất hiếu thảo.

sửa 所 GT. sở 所 (noi, chỗ) || N. thay đổi, thêm bớt để phù hợp với yêu
cầu. Td: Hễ có nhà thì có chủ *sửa* nhà 係固茹時固主所茹.

sức 飭 ÂH. sức 飭 || N. khả năng hoạt động, làm việc, tác động hoặc chịu
tác động đến đâu. Td: hết *sức* 歇飭.

sườn 肱 HT. nhục 月 (lấy ý) + sơn 山 (lấy âm) || N. các xương bao quanh
lồng ngực từ cột sống đến vùng ức. Td: hai xương *sườn* cụt đã hóa
nên hai Bụt 仁昌肱膊化年仁孖.

sương 霜 ÂH. sương 霜 || N. hơi nước ngưng tụ lại thành hạt màu nhỏ
bay lơ lửng trong lớp không khí gần mặt đất. Td: hạt *sương* 絃霜.

sướng 暢 ÂH.ướng 暢 || N. được đầy đủ, thoả mãn như ý muốn. Td: vui
sướng 愜暢.

ta 些 ÂH. ta 些 || N. đại từ chỉ ngôi thứ nhất số ít. Td: Vốn lòng *ta* trọng
sự thật 本恚些重事實.

tà 邪 H. gian, không ngay. Td: *tà* dâm 邪淫; *tà* nghịch 邪逆; *tà* thuyết 邪
說; *tà* vạy 邪馳; gặp *tà* thì *tà* 及邪時邪; thác thì trừ khử nghiệp gian *tà*
托時除去業奸邪.

tà vạy 邪馳 N. không ngay thẳng. Td: sinh ra *tà vạy* càn dỡ 生暉邪馳乾嗜.

tá 借 ÂH. tá 借 || N. lợi dụng, mượn. Td: chúc quý *tá* lấy hình người nghiền
鬼借祕形得.

tạ 藉 H. nhờ, mượn. Td: bắt *tạ* kỳ chất 不藉其質 (không nhờ chất liệu
nào).

tạ 謝 H. cảm ơn. Td: *tạ* ân 謝恩; *tạ* thế 謝世.

tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương 作善
降之百祥。作不善降之百殃 H. làm lành thì trời xuống cho trăm điều
lành, làm ác thì trời xuống trăm điều dữ.

tạc 鑿 H. rành rành, rõ ràng. Td: *tạc* ngôn 鑿言 (lời nói rành rành, lời nói

rõ ràng)

tai 聰 HT. nhĩ 耳 (lấy ý) + tư 思 (lấy âm) || N. cơ quan ở hai bên đầu người, dùng để nghe. Td: lỗ *tai* 魯聰.

tai 哉 H. từ cảm thán. Td: khả trắc *tai* 可測哉 (có thể đo lường được chứ).

tai 災 H. điều không may. Td: *tai* ách 災厄 (điều không may, khổ sở)

tái 載 H. chở. Td: thiên phủ địa *tái* 天覆地載 (trời che đất chở).

tại 在 H. 1. ở. Td: *tại* đâu 在兜; *tại* đường 在堂 || 2. đang. Td: hiện *tại* 現在 (bây giờ).

tam 三 H. ba; thứ ba.

tam cương 三綱 H. ba giềng mối: vua tôi (quân thần 君臣), cha con (phụ tử 父子), chồng vợ (phu phụ 夫婦).

tam đại 三代 H. từ gọi cho ba triều đại Hạ, Thương, Chu (Châu) trong lịch sử Trung Hoa. Td: Vì đời *Tam Đại* về sau mới có ba đạo ấy mà chớ 爲代三代術饑買固圜道衣麻渚.

tam đồ ác lộ 三塗惡路 H. ba nẻo đường dữ. 1. ba đường dữ gồm địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. || 2. ba đường của trạng thái tâm. Chẳng hạn khi có tâm tưởng muốn giết hại ai, thì ngay trong giây phút đó đã sanh vào địa ngục.

tam phụ 三父 H. tiếng tôn xưng ba người như là cha, đó là Trời (thượng phụ), vua (trung phụ), cha mẹ (hạ phụ). Đây là tên gọi của Thần học Tam Phụ dựa trên đạo hiếu của người Việt, có từ thời Linh mục Alexandre de Rhodes ở giữa thế kỷ XVII.

tam thập ngũ niên 三十五年 H. năm thứ ba mươi lăm.

tam viết: nhân chi cứu cánh, tử vãng hà sở 三曰。人之究竟死往何所 H. thứ ba: sự cùng sau hết, người ta chết rồi đi đâu?

tám 粦 HT. mễ 米 (lấy ý) + sâm 參 (lấy âm) || N. số đếm liền sau số bảy. Td: mồng *tám* 夢粦; *tám* mười một 粦逝沒.

tạm 暫 GT. tạm 暫 (trong một thời gian ngắn) || N. (việc) chỉ trong một thời gian nào đó, khi có điều kiện khác thì sẽ thay đổi. Td: *tạm* giam 暫監.

tan 散 GT. tán 散 (tan đi) || N. tán dần ra xung quanh và như biến mất dần đi. Td: *tan* đi mất 散埒秩.

tán 散 H. tan ra, biến mất dần đi. Td: khí *tán* vong 氣散亡 (hoi tan đi mất).

tang 喪 GT. tang 喪 (lễ nghi chôn cất người chết) || N. thời gian, theo

phong tục, mang một dấu hiệu nào đó để tỏ lòng thương tiếc người chết. Td: *tang* chế 喪制.

tạo 造 H. dựng nên. Td: *tạo* hóa 造化; *tạo* thành 造成; *tạo* thiên lập địa 造天立地.

tạo thiên lập địa 造天立地 H. dựng nên trời đất. Td: Thiên Chúa *tạo thiên lập địa* 天主造天立地.

tay 捫 HT. thủ 扌 (lấy ý) + tây 西 (lấy âm) || N. 1. bộ phận từ vai đến các ngón. Td: cánh *tay*. || 2. biểu tượng cho quyền sử dụng hay định đoạt của con người. Td: phải *tay* ma quỷ 沛捫魔鬼; cao *tay* 高捫.

tắc 則 H. thì. Td: phép *tắc* 法則; nhân tử *tắc* hình thể tiêu diệt 人死則形體消滅 (người ta chết thì hình hài của thể xác bị tan mất).

tắt 摵 HT. thủ 扌 (lấy ý) + tất 悉 (lấy âm) || N. không đầy đủ mà bỏ bớt đi một số chi tiết cho nhanh hơn, gọn hơn. Td: kể *tắt* 計播. Từ *tắt* 燂 ở trang 十 thập, cột 4 (trang 34 trong sách).

tắt 燂 HT. hỏa 火 (lấy ý) + tất 悉 (lấy âm) || N. không đầy đủ mà bỏ bớt đi một số chi tiết cho nhanh hơn, gọn hơn. Td1: kể *tắt* 計燂. Từ *tắt* 燂 ở 十 thập, cột 10 (Hán Nôm). Td2: *tắt* vậy 燂丕. Từ *tắt* 燂 ở trang 七十八 thất thập bát, cột 7 (trang 34 trong sách).

tâm 心 H. lòng dạ. Td: *tâm* chính 心正; *tâm* đăng 心燈.

tâm đăng 心燈 H. đèn lòng. Tâm hồn có thể chiếu soi phá tan tất cả ngu muội, như ngọn đèn xua tan bóng tối nên gọi là tâm đăng.

tâm tự tự đế, đế giả thiên chi chủ tể dã 心字自帝。帝者天之主宰也 H. chữ tâm là đế, chữ đế của trời là Chúa tể.

tám 臑 HT. phiến 片 (lấy ý) + tâm 心 (lấy âm) || N. từ chỉ đơn vị vật có mặt phẳng mỏng và dài. Td: *tám* mía 臑蔗.

tần 秦 H. họ tên. Td: *Tần* Hoàng 秦皇; *Tần* Thủy Hoàng 秦始皇.

Tần Hoàng, Hán Võ cùng cực dĩ cầu thần tiên liễu vô chứng nghiệm.

Tống Đạo Quân phụng đạo chi cần, thiết tiểu chi hậu, thụ nhục ư Mạc Bắc, nhi đạo diệc bất văn 秦皇漢武窮極以求神僊了無証驗。

宋道君奉道之勤。設醮之厚。受辱於漠北而道亦不聞 H. Tần Hoàng, Hán Võ hết lòng cầu kiếm thần tiên mà không ứng nghiệm gì cả. Tống Đạo Quân hết lòng thờ Đạo (Lão), làm chay đặt tế trọng thể thể mà sau bị nhục ở Mạc Bắc, Đạo (Lão) không có phù hộ chi cả.

Tần Thủy Hoàng 秦始皇 (247 tCN - 221 tCN) là vua thứ 36 của nước

Tân, là hoàng đế đầu tiên thống nhất Trung Hoa sau khi tiêu diệt sáu nước chư hầu, chấm dứt thời kỳ Chiến Quốc vào năm 221 tCN. Td: đời Vua *Tân Thủy Hoàng* nghe lời người Lý Tư mà đốt hết sách Nho chôn các học trò 代希秦始皇脧啗李斯麻燂歇典儒壘各學路.

tận 盡 H. hết sức. Td: *tận trung* 盡忠.

tầng 層 GT. tầng 層 (tầng, lớp) || N. tầng, bậc. Td: *tầng* trời 層忝; bốn *tầng* 罫層.

tất 必 H. dĩ nhiên, ắt phải. Td: *tất* đãi tự thiên hựu chi 必待自天宥之 (dĩ nhiên phải từ trời rộng thứ).

tất 畢 H. làm xong, hoàn tất. Td: chung *tất* 終畢 (xong xuôi).

tật 疾 AH. tật 疾 || N. bệnh. Td: *tật* nguyện 疾愿.

tây 西 H. phương Tây, ngược với hướng Đông hay ngoài các nước châu Á. Td: *Tây* Phương Bạch Đế 西方白帝; *Tây* sĩ 西士; *Tây* sử 西史.

Tây sĩ 西士 H. từ gọi tắt của cụm từ giáo sĩ phương Tây. Td: *Tây sĩ* Đại Tây Dương; *Tây sĩ* rằng 西士浪.

Tây sĩ Đại Tây Dương giáo sĩ phương Tây ở Đại Tây Dương. Td: *Tây sĩ Đại Tây Dương*, các nước thờ phượng Thiên Chúa 西士大西洋各諾 徐奉天主.

Tây sử 西史 H. sử vùng Đại Tây Dương. Td: bấy nhiêu sự đã kể tỏ tường trong *Tây sử* gọi là sách Sấm Truyền 閉饒事龟計訢詳魴西史噲罫典識傳.

tẩy 洗 H. rửa. Td: lãnh *tẩy* 領洗 (Phép Rửa).

tề 齊 H. xếp đặt. Td: gia *tề* 家齊 (xếp đặt việc nhà).

tể 宰 H. đứng đầu. Td: chủ *tể* 主宰 (người đứng đầu).

tế 祭 H. nghi thức lễ bái. Td: chủ *tế* 主祭 (chủ trì việc tế tự); *tế* lễ 祭禮 (cúng tế theo nghi thức); *tế* lục tông 祭六宗.

tế thì dã, tế hàn thử dã, tế nhật dã, tế nguyệt dã, tế tinh dã, tế thủy hạn dã 祭時也。祭寒暑也祭日也祭月也祭星也。祭水旱也 H. khi lễ tế có: tế mùa lạnh nóng, tế mặt trời, tế mặt trăng, tế sao, tế lũ lụt.

tế sơn xuyên 祭山川 H. tế sông núi.

tên 彪 HT. tiên 先 (lấy âm) + danh 名 (lấy ý) || N. từ dùng để chỉ một người, nhằm phân biệt với những người khác. Td: *tên* Bụt là Ngũ Đạt Đa 彪字罫圉達多.

tha 赦 GT. xá 赦 (tha, bỏ qua) || N. bỏ qua cho, không trách cứ hoặc trừng

- phạt nữa. Td: *tha thứ* 赦恕; *tha tội* 赦罪; chẳng *tha* 庄赦.
- tha** 他 H. người khác. Td: *tha nhân* 他人; *tha nhân tài* 他人財; *tha nhân thê* 他人妻. || N. trợ từ tạo tiếng đôi với ý mặc sức. Td: *tha hồ* 他乎.
- thà** 他 GT. tha 他 (người khác) || N. điều sắp nêu ra dù biết rõ là không hay nhưng vẫn sẵn sàng chấp nhận để tránh một điều không hay khác. Td: *thà ăn* 他啖; *thà chết* 他斃; chẳng *thà* 庄他.
- thả** 且 ÂH. thả 且 || N. rảnh rang, nhàn hạ. Td: thông *thả* 從且.
- thác** 托 H. chết. Td: *thác* thì trừ khử nghiệp gian tà 托時除去業奸邪 (chết thời từ bỏ hành động xấu xa).
- thạch** 石 H. đá. Td: một *thạch* 木石 (gỗ đá).
- thai** 胎 ÂH. thai 胎 || N. có chứa. Td: chịu *thai* 紹胎.
- thái** 太 H. 1. lớn. Td: *thái hư* 太虛. || 2. rất. Td: *thái mê* hoặc 太迷惑; thông *thái* 通太. || 3. tiếng tôn xưng. Td: thánh *Thái Thượng* 聖太上; *Thái Thượng Lão Quân* 太上老君.
- Thái Cực** 太極 H. thuật ngữ triết Đông miêu tả tính toàn thể không hề phân chia của trạng thái hoàn toàn sơ khai. Td: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra, mà khi ngũ hành chưa phân chia ra, thì ở *lộn* làm một khí, gọi là *Thái Cực* 每事時罷五行麻痺. 麻欺五行諸分紛暉時於論濫沒氣噲罷太極.
- Thái Cực động nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh âm** 太極動而生陽。靜而生陰 H. Thái Cực biến đổi thì sinh ra dương, lặng yên thì sinh ra âm.
- thái hư** 太虛 H. hư không. Td: Trời là khí *thái hư* 忝罷氣太.
- Thái Thượng Lão Quân** 太上老君 H. danh hiệu vua Tống Chân Tông (997-1022) phong khi vua viếng mồ Lão Tử. Thái Thượng Lão Quân còn gọi là thánh Thái Thượng 聖太上.
- thảm** 慘 H. độc ác. Td: *thảm khắc* 慘刻 (độc ác, nghiệt ngã).
- Thang** 湯 H. còn gọi là Thành Thang 成湯, hay Thương Thang 商湯, Vũ Thang 武湯 (1675 tCN - 1588 tCN), 17 năm là thủ lĩnh bộ tộc Thương, 13 năm làm quân chủ nhà Thương. Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.
- tháng** 膾 HT. nguyệt 月 (lấy ý) + thượng 尚 (lấy âm) || N. khoảng thời gian một tuần trăng, có hai mươi chín hoặc ba mươi ngày (tháng âm lịch). Td: *tháng giêng* 膾脛; *tháng hai* 膾仁; *tháng tư* 膾蜀.

thanh 聲 H. tiếng. Td: vô *thanh* 無聲 (không tiếng).

thanh 清 H. xong hết. Td: *thanh* nhàn 清閒 (thong dong yên bình vì không bận việc gì).

thành 成 H. 1. nên. Td: tự *thành* 自成. || 2. họ tên. Td: ông *Thành* Trinh 翁成貞; vua *Thành* Thang 希成湯.

thành 誠 ÂH. thành 誠 || N. chân thực. Td: lòng *thành* kính 悉誠敬.

thánh 聖 ÂH. 1. đấng trời vượt. Td: *thánh* đế 聖帝; *thánh* hiền 聖賢; *Thánh* nam nữ 聖男女; *thánh* thiên thần bản mệnh 聖天神本命; *thánh* tổ tông 聖祖宗; đại *thánh* 大聖. || 2. thuộc về Đấng tối cao. Td: *Thánh* Kinh 聖經; *Thánh* Thể 聖體; *thánh* thủy 聖水.

thánh đạo, siêu tính chi đạo đã 聖道超性之道也 H. đạo thánh vượt quá tính đạo làm người.

thánh hiền 聖賢 H. người có tài đức vượt hẳn người thường. Td: những đấng *thánh hiền* 仍等聖賢.

Thánh Kinh 聖經 H. bản văn được Thiên Chúa (tác giả chính) linh ứng cho các tác giả nhân loại (x. 2 Tm 3,16), ghi lại trung thực những mạc khải về Thiên Chúa và ý định của Ngài cho con người (x. Ep 1,9).

thánh Thái Thượng 聖太上 H. từ môn đồ tôn xưng cho Lão Tử, dựa vào danh hiệu Thái Thượng Lão Quân 太上老君 mà vua Tống Chân Tông (997-1022) đã phong.

thảo 草 H. cỏ Td. *thảo* mộc 草木 (cây cỏ).

thảo 討 ÂH. thảo 討 || N. có lòng cung kính. Td: *thảo* kính 討敬.

thay 台 GT. thai 台 || N. 1. trợ từ dùng làm từ láy với nghĩa là *lắm*, *đường* nào. Td: *thay* thay 台汰. || 2. thế, đổi. Td: *thay* đổi 台對.

thảy 汰 GT. thái 台 || N. tất cả. Td: hết *thảy* 歇汰; thay *thảy* 台汰.

thăm 啗 HT. khẩu 口 (lấy ý) + tham 探 (lấy âm) || N. hỏi han cho biết tình hình, để tỏ sự quan tâm. Td: *thăm* con cháu 啗昆詔.

thăng 升 H. lên cao. Td: *thăng* hà 升遐 (lên xa, dùng để nói về sự chết của vua chúa); *thăng* thiên 升天 (lên trời); phi *thăng* 飛升 (bay lên).

thắng 尙 GT. thặng 尙 || N. ngay ngắn. Td: công *thắng* 公尙.

thắng 勝 ÂH. thắng 勝 || N. giành được phần hơn. Td: *thắng* trận 勝陣.

thăm 審 H. xét hỏi kỹ. Td: *thăm* xét 審察.

thăm xét 審察 N. thăm là từ Hán, xét là từ Nôm đồng nghĩa. Cách cấu tạo từ ghép Hán Nôm đồng nghĩa nói lên sự khái quát hay nhấn mạnh.

Td: Nào phở thầy Hoa Lang có lý chi, điều chi muốn thừa để Đức Nhà Quan *thăm xét* cho thì hãy thừa 市鋪柴花郎固理之調之悶疎底德茹官審察朱時唉疎.

thậm 甚 H. lắm. Td: kỳ mâu dĩ *thậm* 其謬已甚 (thật là sai lắm). || N. rất. Td: *thậm* phải 甚沛.

thân 申 ÂH. thân 申 || N. lời bẩm thưa. Td: *thân* lạy 申禱.

thân 身 ÂH. thân 身 || N. mình. Td: *thân* tu 身修; sống làm lành dữ mặc *thân* ta 鞋濫苓與默身些.

thần 神 H. linh hồn bậc hiền thánh sau khi chết, được người ta sùng bái. Td: *thần* bì 神皮 (da người chết); *thần* hồn 神魂 (hương linh người chết); *thần* xác 神壳; thuần *thần* 純神 (rất thiêng liêng).

thần hôn định tỉnh 晨昏定省 H. gọi tắt là *định tỉnh* 定省, nghĩa là sớm hôm châu chực hỏi han cha mẹ, chỉ bốn phận của con cái với cha mẹ.

thần hôn định tỉnh, phụng dưỡng ư tại đường chi thời 晨昏定省。奉養於在堂之時 H. sớm hôm châu chực hỏi han cha mẹ, hầu hạ và chăm sóc cha mẹ khi còn sống.

thần nhất giai vị chi khí, vô tri vô giác 神一皆謂之氣。無知無覺 H. thần đều là khí vô tri vô giác mà thôi.

thần 臣 H. bề tôi. Td: quân *thần* 君臣; triều *thần* 朝臣; trung *thần* 忠臣.

thần 辰 H. sao Bắc Cực. Td: tinh *thần* 星辰 (sao Bắc Cực).

Thần Nông 神農 H. Thần Nông 神農 (3220 tCN-3080 tCN) là nhân vật truyền thuyết của Trung Hoa, đứng cuối trong Tam Hoàng (Phục Hy 伏羲, Nữ Oa 女媧 và Thần Nông 神農), còn có tên là Viêm Đế 炎帝, là vị thần huyền thoại của các dân tộc chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Thần Nông người đã dạy dân nghề làm ruộng, chế ra cày bừa và là người đầu tiên làm lễ Tịch Điền (gồm lễ Thượng Điền tổ chức sau khi thu hoạch mùa màng và lễ Hạ Điền tổ chức trước khi gieo trồng), cũng như phát triển nghề làm thuốc trị bệnh. Td: Từ Phục Hy, *Thần Nông*, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

thập 十 H. mười, số đếm liền sau số chín.

thập bát quốc chư hầu 十八國諸侯 H. còn gọi là thập bát lộ chư hầu 十八路諸侯, mười tám vua nước nhỏ, đó là: 1. Hán vương Lưu Bang 漢

王劉邦 (256 tCN-1/6/195 tCN), 2. Ung vương Chương Hàm 雍王章邯 (?-205 tCN), 3. Tắc vương Tư Mã Hân 塞王司馬欣 (?-203 tCN), 4. Định vương Đồng 翟 翟王董翳 (?-203 tCN), 5. Tây ngụy vương Ngụy Báo 西魏王魏豹 (?-204 tCN), 6. Hà Nam vương Thân Dương 河南王申陽 (?-206 tCN), 7. Hàn vương Hàn Thành 韓王韓成 (?-206 tCN), 8. Ân vương Tư Mã Ngang 殷王司馬昂 (?-205 tCN), 9. Đại vương Triệu Tiết 代王趙歇 (?-208 tCN), 10. Thường Sơn vương Trương Nhĩ 常山王張耳 (?-202 tCN), 11. Cửu Giang vương Anh Bố 九江王英布 (?-195 tCN), 12. Hành Sơn vương Ngô Nhuế 衡山王吳芮 (?-202 tCN), 13. Lâm Giang vương Cộng Ngao 臨江王共敖 (?-206 tCN), 14. Liêu Đông vương Hàn Quảng 遼東王韓廣 (?-208 tCN), 15. Yến vương Tang Đồ 燕王臧荼 (?-202 tCN), 16. Giao Đông vương Điền Thị 膠東王田市 (?-208 tCN), 17. Tề vương Điền Đô 齊王田都, 18. Tế Bắc vương Điền An 濟北王田安 (?-207 tCN).

Thập Điện Minh Vương 十殿明王 H. Thập Điện Minh Vương hay Thập Điện Diêm La (十殿閻羅) là mười vị thần linh cai quản cõi chết và phán xét con người (theo văn hóa Phật giáo thờ Phật A Di Đà, còn theo kinh Phật truyền thống thì không có Thập Điện Minh Vương), đó là: Nhất điện Tần Quảng Vương 秦廣王 họ Tưởng 蔣 điều khiển việc sinh tử, lành dữ; Nhị điện Sở Giang Vương 楚江王 họ Lịch 歷 trông coi địa ngục Hoạt Đại (gồm 16 tiểu địa ngục); Tam điện Tống Đế Vương 宋帝王 họ Dư 余 trông coi địa ngục Hắc Thằng Đại Địa (gồm 16 tiểu địa ngục); Tứ điện Ngũ Quan Vương 五官王 họ Lữ 呂 trông coi địa ngục Hợp Địa và 16 tiểu địa ngục; Ngũ điện Diêm La Vương 閻羅王 họ Bao 包 trông coi địa ngục Khiếu Hoán và 16 tiểu địa ngục; Lục điện Biện Thành Vương 卞城王 họ Tất 畢 trông coi đại địa ngục Khiếu Hoán và 16 tiểu địa ngục; Thất điện Thái Sơn Vương 泰山王 họ Đồng 董 trông coi địa ngục Nhiệt Nảo và 16 tiểu địa ngục; Bát điện Đô Thị Vương 都市王 họ Hoàng 黃 trông coi đại địa ngục Nhiệt Nảo và 16 tiểu địa ngục; Cửu điện Bình Đẳng Vương 平等王 họ Lục 陸 trông coi Thiết Vỡng A Tỳ và 16 tiểu địa ngục; Thập điện Chuyển Luân Vương 轉輪王 họ Tiết 薛 nơi cho các hồn đi đầu thai.

thập nhị hành khiển vương 十二行謹王 H. mười hai vị thần quan văn coi việc trần gian theo năm, đó là Chu Vương 周王 (năm Tý), Triệu

Vương 趙王 (năm Sửu), Ngụy Vương 魏王 (năm Dần), Trịnh Vương 鄭王 (năm Mão), Sở Vương 楚王 (năm Thìn), Ngô Vương (năm Tị), Tần Vương 秦王 (năm Ngọ), Tống Vương 宋王 (năm Mùi), Tề Vương 齊王 (năm Thân), Lỗ Vương 魯王 (năm Dậu), Việt Vương 越王 (năm Tuất), Liệt Vương 列王 (năm Hợi).

thập triết 十哲 H. mười học trò giỏi của Khổng Tử, đó là Nhan Hôi 顏回 (521 tCN – 481 tCN), Mẫn Tồn 閔損 (536 tCN – 487 tCN), Nhiễm Canh 冉耕 (544 tCN – ?), Nhiễm Ung 冉雍 (522 tCN – ?), Nhiễm Cầu 冉求 (522 tCN – ?), Trọng Do 仲由 (542 tCN – 480 tCN), Tể Dư 宰予 (? – ?), Đoan Mộc Tứ 端木賜 (520 tCN – 446 tCN), Ngôn Yển 言偃 (506 tCN – 443 tCN), Bốc Thương 卜商 (? – ?).

thất 失 H. 1. lỗi lầm. Td: *thất lễ* 失禮 (không hợp với nghi thức). || 2. mất. Td: *thất nghiệp* 失業 (mất việc).

thất 七 H. bảy, số đếm ở giữa số sáu và số tám.

Thất Quy 七規 H. bảy phép (bí tích). Đó là nhất viết: lãnh tẩy; nhị viết: kiên chân; tam viết: Thánh thể; tứ viết: thống giải; ngũ viết: phú chung, lục viết: phẩm cấp, thất viết: hôn phối 一曰。領洗。二曰。堅振。三曰。聖體。四曰。痛解。五曰。賦終。六曰。品級。七曰。婚配 một là Rửa Tội; hai là Thêm Sức; ba là Thánh Thể; bốn là Giải Tội; năm là Xức Dầu bệnh nhân; sáu là Truyền Chức Thánh; bảy là Hôn Phối.

thật 實 ÂH. thật 實 || N. đúng, phải. Td: có *thật* ru 固實咄; ngay *thật* 眞實; *thật* hư 實虛; tin *thật* 信實; vụ *thật* hiệu khứ hư văn 務實效去虛文.

thật hư 實虛 *thật* giả, còn gọi là thực hư. Td: Song le nhà quan hồ đồ chưa biết đạo *thật hư* là đường nào 雙離茹官胡塗諸別道實虛罣羴市.

thâu 偷 H. lén, vụng trộm. Td: *thâu* nhập 偷入 (lén vào).

thâu nhập 偷入 N. lén vào. Td: Rày phô thầy này còn đeo thói cũ, lại *thâu* *nhập* khuyến dụ dân ngu 芻鋪柴尼群刀退窻.吏偷入勸誘民愚.

thấu 收 GT. thu 收 (tiếp nhận) || N. xuyên qua. Td: *thấu* qua 收戈.

thầy 柴 GT. sai 柴 (củ đụn) || N. tiếng gọi người có chức thánh. Td: *thầy* cả 柴奇 (ngày nay gọi là linh mục); *thầy* phương Tây 柴方西 (linh mục thừa sai); *thầy* bản quốc 柴本國 (linh mục nước Đại Việt); *thầy* tu 柴修 (người đàn ông tu hành).

thầy bản quốc 柴本國 linh mục nước Đại Việt. Có ý kiến cho rằng, thầy

bản quốc trong tác phẩm *Hội Đồng Tứ Giáo* là Linh mục Vinh Sơn Phạm Hiếu Liêm (1732 - 1773) thuộc Dòng Đaminh, được phúc tử vì đạo ngày 7 tháng 11 năm 1773, được tuyên thánh ngày 19 tháng 6 năm 1988, lễ kính vào ngày 7 tháng 11.

thầy cả 柴奇 từ dùng để chỉ linh mục với ý đó là người giàu đức độ, dày dặn kinh nghiệm và có tư cách.

thầy phương Tây 柴方西 linh mục thừa sai. Có ý kiến cho rằng, thầy phương Tây trong tác phẩm *Hội Đồng Tứ Giáo* là Linh mục người Tây Ban Nha Jacinto Castañeda - còn gọi là Cố Gia, thuộc Dòng Đaminh, được phúc tử vì đạo ngày 7 tháng 11 năm 1773.

thầy tu bà vãi 柴修妣 người đàn ông tu hành theo đạo Phật và người đàn bà theo đạo Phật, ở giúp việc cho nhà chùa – ý nói những người tu hành theo đạo Phật. Td: nhà Chúa sùng thượng *thầy tu bà vãi* 茹主崇尚柴修妣.

thấy 覓 HT. thể 体 (lấy âm) + kiến 見 (lấy ý) || N. nhận biết được bằng mắt nhìn. Td: chẳng *thấy* 庄覓; xem *thấy* 祧覓; thường *thấy* 常覓.

thẻ 箴 HT. trúc 竹 (lấy ý) + thể 体 (lấy âm) || N. tấm dẹp và mỏng, dùng để ghi hay đánh dấu điều gì. Td: *thẻ* bạc 箴鉞.

thèm 嚙 HT. khẩu 口 (lấy ý) + chiêm 詹 (lấy âm) || N. có cảm giác mong muốn được hưởng cái gì đó. Td: *thèm* lạt 嚙涖.

theo 蹺 GT. khiêu 蹺 || N. 1. đi liền không rời ra. Td: thần xác thì *theo* xác 神壳時蹺壳. || 2. làm giống như người khác đã làm, do chịu ảnh hưởng nhất định từ việc làm của người đó đưa lại. Td: lòng người cũng muốn *theo* bên nhà Chúa cho ra nhất môn thì dễ hơn 悉得拱悶蹺邊茹主朱暉一門時易欣.

thê 妻 H. vợ cả. Td: phu *thê* 夫妻 (chồng vợ).

thể 体 ÂH. thể 体 || N. thể, cách thể. Td: *thể* ấy 体衣; *thể* nào 体市.

thể 體 H. 1. cách thức. Td: *thể* thức 體式; trọng *thể* 重體. || 2. thân mình. Td: Thánh *Thế* 聖體. || 3. hình trạng. Td: hình *thể* 形體.

thế 世 H. đời. Td: *thế* gian 世間; *thế* giới 世界; dương *thế* 陽世.

thể 体 GT. thể 体 (thế, lối) || N. vậy. Td: *thể* ấy 体衣; *thể* nào 体市.

thế 勢 ÂH. thế 勢 || N. vậy. Td: *thế* thì 勢時; nói *thế* thì 訥勢時.

thi 詩 ÂH. thi 詩 || N. tham dự vào cuộc so tài hơn kém về tài năng, sức lực. Td: *thi* đỗ 詩杜; *thi* hội 試會 (hội thi của các cử nhân ngày xưa để

chọn lấy tiến sĩ.).

Thi Chấp 詩執 H. sách Kinh Thi, thiên Chấp. Td: *Thi Chấp* cạnh rằng: Thượng Đế thị hoàng 詩執競浪.上帝是皇 (Thượng Đế là vua cả trên trời).

Thi Đãng 詩蕩 H. sách Kinh Thi, thiên Đãng. Td: *Thi Đãng* rằng: Đãng dâng Thượng Đế hạ dân chi tích 詩蕩浪.蕩蕩上帝下民之辟 (Thượng Đế rất cao trọng là vua dân hạ giới).

Thi Thần Công 詩臣功 H. sách Kinh Thi, thiên Thần Công. Td: *Thi Thần Công* rằng: Minh chiêu Thượng Đế ngật dụng khang niên 詩臣功浪.明昭上帝迄用康年 (Thượng Đế là Đấng cao sáng, ban cho năm được mùa, bình an).

thì 時 ÂH. thì 時 || N. từ dùng để nhấn mạnh ý. Td: *thì* cũng phải chiều 時拱沛朝; *thì* dễ hơn 時易欣; *thì* khi 時欺; *thì* làm sao 時濫牢; *thì* thôi 時崔; tức *thì* 郎時.

thí 施 ÂH. thí 施 || N. cho. Td: *thí* của 施貼.

thí 譬 H. ví như, nói cho rõ. Td: *thí* dụ 譬喻.

thị 是 H. phải. Td: *thị* phủ 是否 (phải trái).

thị 恃 H. cậy nhờ. Td: hạ vi chúng nhân chi từ *thị* 下爲衆人之慈恃 (dưới là chỗ cậy nhờ của nhân gian).

thị 視 H. coi sóc. Td: *thị* quốc nhân như xích tử 視國人如赤子 (coi sóc dân trong nước như con đẻ).

thích 適 ÂH. thích 適 || N. vừa ý, dễ chịu. Td: ý *thích* 意適.

thích 釋 PÂ. Td: *Thích* Ca Mâu Ni Phật 釋迦牟尼佛 (từ phiên âm của Shakyamuni Buddha).

Thích Ca 釋迦 PÂ. Thích-ca (Shakya) tên của đất nước có kinh đô là Ca-ti-la-vê (Kapilavastu), là tên gọi tắt của Thích Ca Mâu Ni Phật. Td: Chớ thì khi *Thích Ca* chưa sinh ra trời đất 渚時欺釋迦諸生暉 歪坦.

thiên 天 H. trời. Td: *thiên* địa 天地; *thiên* hạ 天下; *thiên* mệnh 天命; *Thiên* Trúc 天竺. || N. trời. Td: *Thiên* Chúa 天主.

thiên 篇 H. phần trong sách. Td: *thiên* Kim Đằng 篇金滕.

thiên 遷 H. biến đổi. Td: *thiên* thiện cải ác 遷善改惡 (thay ác đổi thiện).

thiên 千 H. ngàn, ý nói số nhiều. Td: *thiên* cổ 千古; *thiên* niên 千年; *thiên* sơn vạn thủy 千山萬水.

thiên cổ 千古 H. nghìn xưa, rất lâu đời. Td: *thiên cổ* anh linh 千古英靈

(hồn thiêng của người quá cố) cao quý thiêng liêng nghìn đời.
thiên 阡 H. đường nhỏ trong ruộng. Td: *thiên mạch* 阡陌 (bờ ruộng).

thiên chi chủ tể 天之主宰 H. Chúa tể trên trời.

Thiên Chủ chi giáo 天主之教 H. đạo Thiên Chúa.

Thiên Chủ chi xưng diệc tức Thượng Đế chi hiệu 天主之稱亦即上帝之號 H. Thiên Chúa cũng có tên gọi là Thượng Đế.

Thiên Chủ sanh thiên, sanh địa, sanh nhân 天主生天生地生人 H. Chúa Trời sinh trời, sinh đất, sinh người.

Thiên Chúa 天主 N. từ viết tắt của cụm từ Thiên Địa Chân Chúa 天地真主. Td: *Thiên Chúa Giáng Sinh* 天主降生.

Thiên Chúa Giáng Sinh nhất thiên cử bách nhị thập tứ tái tuế thứ giáp tý 天主降生一千九百二十四載歲次甲子. H. năm Giáp Tý, 1924.

thiên địa chi tâm, tâm thị chủ tể 天地之心。心是主宰 H. trời đất có lòng, lòng là Chúa tể.

thiên địa vạn vật chi đạo 天地萬物之道 H. lẽ phải của trời đất muôn vật.

thiên hạ sự tử bất như sự sinh, sinh nhi bất sự, tử sự chi, kỳ mậu dĩ thậm 天下事死不如事生。生而不事。死事之。其謬已甚 H. thiên hạ thờ khi chết chẳng như thờ lúc sống, khi còn sống chẳng thờ, đến khi chết mới thờ, thật là sai lầm.

thiên hạ vạn dân 天下萬民 H. tất cả các dân tộc. Td: Chúa chung cả và *thiên hạ vạn dân* 主終奇吧天下萬民.

thiên phú địa tái 天覆地載 H. trời che đất chở.

thiên sơn vạn thủy 千山萬水 H. nghìn núi muôn sông. Ý nói ngàn sông cách núi, đường đi rất xa xôi và lắm hiểm trở.

thiên trai 天齋 H. trời xanh. Td: Hán Võ chi thời mệnh Nhật Bi tác vi kim nhân dĩ tế Thiên Chủ; kỳ hậu hữu từ Thiên Chủ ư *thiên trai* 漢武時命日碑作為金人以祭天主。其後有祠天主於天齋 (Đời Hán Vũ Đế dạy người Mật Đê làm ra người vàng để tế Thiên Chúa; sau lại thờ Thiên Chúa ở trời xanh).

Thiên Trúc 天竺 H. tên nước Ấn Độ, nơi Phật tổ sinh ra. Xem *nước Thiên Trúc*.

Thiên túng chi Thánh 天縱之聖 H. Thánh do Trời sai xuống.

thiên vận tuần hoàn vô vãng bất phục 天運循環無往不復 H. vòng trời xoay vần có đi có lại.

thiên thiện cải ác, tu thân tích đức 遷善改惡。修身積德 H. thay ác đổi thiện, sửa mình tích đức.

thiện 善 H. việc tốt lành. Td: chí *thiện* 至善; *thiện* hữu *thiện* báo 善有善報 (có làm lành tất có đáp đền).

thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình 善惡有報如影隨形 H. lành dữ có đáp trả như bóng theo hình.

thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo 善有善報。惡有惡報 H. ở lành gặp lành, ở ác gặp ác.

thiêng 声 GT. thanh 声 || N. 1. linh ứng, hiệu nghiệm. Td: *thiêng* liêng 声灵. || 2. có phép lạ làm được những điều khiến người ta phải kính sợ, theo tín ngưỡng dân gian. Td: hồn *thiêng* 魂声.

thiêng liêng 声灵 N. rất cao quý, đáng tôn thờ, coi trọng hơn hết. Td: giống *thiêng liêng* 種声灵.

thiếp 妾 H. vợ lẽ. Td: *thiếp* là Như La 妾羅如羅.

thiết 設 H. cỗ bàn. Td: *thiết* tiểu 設醮 (cỗ bàn cúng tế).

thiếu 少 H. họ tên. Td: *Thiếu* Hạo 少昊.

thiếu gì 少之 N. biểu thị số lượng rất nhiều, cần bao nhiêu cũng có. Td: Ấy những đấng đế vương *thiếu* gì sự khôn ngoan 帝王少之事坤頑.

thiệu 邵 H. họ tên. Td: *Thiệu* Tử 邵子.

thiệu 紹 H. địa danh với nghĩa là tiếp tục. Td: đất *Thiệu* Hưng 坦紹興.

Thiệu Tử 邵子 tức Thiệu Ung 邵雍 (1011-1077), tự là Nghiêu Phu 堯夫, hiệu là Khang Tiết 康節, là triết gia, nhà lý học đời Tống. Thiệu Ung là học giả rất tinh thông lý số, đã soạn *Hoàng cực kinh thế* cắt nghĩa về thuyết khí vận, *Mai hoa dịch số* nói về vận mệnh đời người theo năm, tháng, ngày, giờ sinh.

thính 聽 H. nghe, vâng theo. Td: *thính* mệnh 聽命.

thính mệnh ư Thiên Chủ 聽命於天主 H. vâng lệnh Thiên Chúa. Td: thần lành vốn *thính mệnh ư Thiên Chủ*, gọi là thiên thần 神苓本聽命於天主. 嚕呖天神.

thịnh 盛 H. tốt đẹp, đầy đủ. Td: *thịnh* sự 盛事; đỉnh *thịnh* 鼎盛 (đang lúc rất thịnh vượng).

thịt 𩚑 HT. nhục 肉 (lấy ý) + thiết 舌 (lấy âm) || N. phần mềm có cơ, bọc quanh xương trong cơ thể người. Td: xác *thịt* 壳𩚑.

thọ 壽 H. tuổi, sống lâu. Td: trường *thọ* 長壽 (sống lâu dài).

thỏa 妥 ÂH. thỏa 妥 || N. được như mong muốn. Td: cho *thỏa* 朱妥.

thoát 脫 ÂH. thoát 脫 || N. chạy khỏi, vượt khỏi. Td: có lòng muốn giúp linh hồn người ta được *thoát* mà thôi 固志悶執靈魂得些特脫麻崔.

thối 退 GT. thối 退 (lui lại) || N. cách thức làm việc. Td: *thối* nhà nước 退茹諾.

thong 從 GT. tòng 從 (đi theo) || N. thông thoáng. Td: *thong* thả 從且 (chậm rãi, không tỏ ra vội vàng, gấp gáp).

thóp 月答 (nhục 月 + đáp 答) N. khe hở ở sọ của người, nơi các khớp nối của xương trên đỉnh đầu. Td: *thóp* trên đầu 月答連頭.

thổ 土 H. đất. Td: sinh *thổ* phản *thổ* 生土反土 (sinh ra từ đất, trở về với đất).

thôi 崔 ÂH. thôi 崔 || N. từ biểu thị ý nhấn mạnh sự hạn chế về phạm vi, mức độ của điều vừa nói đến. Td: mà *thôi* 麻崔; thì *thôi* 時崔.

thông 通 ÂH. thôi 崔 || N. sâu rộng, uyên bác. Td: *thông* biết 通別; *thông* thái 通太.

thông 聰 H. thiên tư sáng suốt. Td: *thông* minh 聰明 (trí tuệ sáng suốt).

thông thái 通太 H. có kiến thức sâu rộng. Td: Nhà Nho kính ông Khổng Tử là Đấng Thượng Trí *thông thái* 茹儒敬翁孔子罷等上智通太.

thống 痛 H. đau buồn. Td: *thống* hối 痛悔.

thống hối 痛悔 H. đau buồn, ăn năn. Td: xá tội cho kẻ *thống hối* cải quá 赦罪朱几痛悔改過.

thơ 詩 GT. thi 詩 || N. văn vần. Td: hát *thơ* 喝詩.

thờ 禰 HT. kỳ 禰 (lấy ý) + thiết 余 (lấy âm) || N. tỏ lòng tôn kính thần thánh, người chết bằng hình thức lễ nghi, cúng tế. Td: *thờ* phượng 禰奉; *thờ* lạy 禰禱; đáng *thờ* 當禰.

thợ 署 GT. thự 署 (nơi làm việc) || N. người lao động làm nghề để lấy tiền công. Td: *thợ* kia lấy gỗ làm nhà thì được thật 署箕祕梏濫茹時特實.

thời 時 H. 1. lúc ấy, khi ấy. Td: đồng *thời* 同時 (cùng lúc). || 2. mùa. Td: tứ *thời* bát tiết 四時八節 (bốn mùa tám thời khí).

thời tiết 時節 H. tiết trời, trạng thái của khí quyển như nhiệt độ, độ ẩm, mưa, gió, v.v.

thu 秋 H. mùa liền sau mùa hạ. Td: xuân hạ *thu* đông 春夏秋冬.

thủ 守 H. coi sóc. Td: *thủ* khán 守看 (trông giữ).

- thú** 獸 H. súc vật, loài muông có bốn chân. Td: cầm *thú* 禽獸 (chim muông, chỉ chung cho loài vật).
- thụ** 受 H. 1. vâng theo. Td: *thụ* mệnh 受命 (vâng lệnh). || 2. hưởng. Td: *thụ* phúc 受福 (hưởng phước). || 3. nhận lấy. Td: bẩm *thụ* 稟受 (nhận lấy).
- thuần** 純 H. 1. thực. Td: *thuần* thần 純神 (rất thánh, rất thiêng). || 2. không lẫn lộn. Td: *thuần* túy 純粹 (không pha tạp).
- thuần thần, vô hình, vô tượng, vô thanh, vô xứ** 純神。無形無像。無聲無臭 H. rất thiêng liêng, không hình, không dung mạo, không tiếng, không mùi.
- Thuấn** 舜 H. tên vị vua đứng hàng thứ năm trong Ngũ Đế. Theo truyền thuyết, Thuấn còn gọi là Ngu Thuấn 虞舜 được Đế Nghiêu nhường ngôi để trở thành vua Trung Hoa. Trong Nho giáo, Đế Nghiêu và Đế Thuấn được coi là tấm gương đạo đức trong văn hóa Trung Hoa. Trong Đạo giáo (đạo Lão Tử), Đế Thuấn được tôn là Địa Quan Đại Đế 地官大帝, mừng ngày sinh vào tiết Trung Nguyên (lễ Vu Lan, rằm tháng Bảy). Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, *Thuấn*, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.
- thuận** 順 H. theo. Td: *thuận* đạo 順道 (theo đạo). || N. theo. Td: kẻ *thuận* 几順 (người theo).
- thù** 殊 H. trợ từ. Td: vô cổ kim chi *thù* 無古今之殊 (bất kể xưa nay vẫn vậy).
- thủ** 守 H. giữ. Td: *thủ* chiêm lễ chi nhật 守瞻禮之日 (giữ việc xem ngày lễ Chúa nhật).
- thúc** 叔 H. họ tên. Td: *Thúc* Lương Hột 叔梁紇.
- thuê** 稅 GT. thuế 稅 (thuê mướn) || N. mướn. Td: *thuê* mướn 稅噉.
- thuở** 課 GT. khóa 課 (bài học) || N. khoảng thời gian không xác định. Td: *Thuở* đời Đức vua Lê là vua Cảnh Hưng 課代德希黎罍希景興; *thuở* bình sinh 課平生; *thuở* xưa 課初.
- thuốc** 菜 HT. thảo 艸 (lấy ý) + thúc 束 (lấy âm) || N. dược chất được chế biến để uống phòng ngừa hoặc chữa bệnh. Td: bài *thuốc* 排菜; vị *thuốc* 味菜.
- thuộc** 屬 ÂH. thuộc 屬 || N. lúc, khi. Td: *thuộc* lễ phép 屬禮法.

thủy 水 H. chất lỏng. Td: *thủy tinh* 水星 (dạng khoáng chất trong như nước); thánh *thủy* 聖水 (nước thánh); thiên sơn vạn *thủy* 千山萬水 (ngàn núi muôn sông, ý nói khó khăn lắm tựa như ngàn sông cách núi).

thủy 始 H. còn gọi là thủy, nghĩa là bắt đầu. Td: Vua Tần *Thủy Hoàng* 秦始皇 (vua đầu tiên của Nhà Tần).

thuyết 說 H. chủ trương. Td: tà *thuyết* 邪說 (chủ trương xấu).

thư 書 H. sách. Td: Hồng Liễu *thư* 洪夢書.

thử 此 ÂH. thử 此 || N. ước xem. Td: *thử* xem 此祐.

thứ 庶 H. dân thường. Td: *thứ* dân 庶民.

thứ dân hạ tiện 庶民下賤 H. dân thường thấp kém.

thứ 次 ÂH. thứ 次 || N. từ đứng trước số từ để chỉ ngày trong tuần. Td: *thứ* ba 次三; *thứ* hai 次二.

thứ 恕 ÂH. thứ 恕 || N. bỏ qua. Td: tha *thứ* 赦恕.

thừa 踈 GT. sơ 疎 (thừa, ít) || N. trình bày hoặc bẩm báo một cách lễ phép, trân trọng. Td: *thừa* rằng 踈浪.

thừa 乘 H. bậc. Td: kinh Đại *Thừa* Diệu Tiên Liên Hoa 經大乘妙僊蓮花.

thức 式 ÂH. thức 式 || N. 1. nghi tiết. Td: thể *thức* 體式. || 2. ở trạng thái chưa ngủ hoặc không ngủ. Td: *thức* dậy 式踐.

thức 識 H. sự hiểu biết. Td: Khâu bác học đa *thức* 丘博學多識. (Khâu học rộng biết nhiều).

thương 蒼 H. triều đại. Td: *Thương* đế 蒼帝 (Vua Thương).

Thương Đế sáng văn tự 蒼帝創文字 H. Nhà Thương lập ra chữ viết. Khoảng năm 1300 tCN chữ viết có hơn ba nghìn ký tự, một phần là tượng hình và một phần là tượng thanh đã xuất hiện ở nền văn minh nhà Thương (1766 tCN - 1122 tCN).

thương 傷 ÂH. thương 傷 || N. yêu, có tình cảm gắn bó và săn sóc một cách chu đáo. Td: *thương* dân 傷民; *thương* xót 傷恤; *thương* yêu 傷天.

thường 常 H. luân lý, cách cư xử ở đời. Td: ngũ *thường* 五常: nhân 仁, nghĩa 義, lễ 禮, trí 智, tín 信.

thưởng 賞 ÂH. thưởng 賞 || N. tặng tiền, hiện vật để khen ngợi và khuyến khích vì có thành tích hoặc có việc làm tốt. Td: *thưởng* công 賞功; *thưởng* phạt 賞罰; *thưởng* Thiên Đường 賞天堂; sự *thưởng* phúc 事賞福.

thượng 上 H. 1. trên, chỗ cao. Td: *thượng* cổ 上古; Đức *Thượng* Trâm 上

簪 (mẹ của quan sáu). || 2. vua. Td: *thượng đế* 上帝. || 3. vượt quá. Td: *thượng trí* 上智.

thượng 尚 H. tôn sùng và coi trọng. Td: nhà Chúa *sùng thượng* thầy tu bà vãi 茹主崇尚柴修妣倪.

thượng cổ 上古 H. đời rất xa xưa. Td: các vua đời *thượng cổ* 各希代上古.

thượng đế 上帝 H. Trời, thiên đế, Thiên Chúa.

Thượng Đế giáng trung vu hạ dân 上帝降衷于下民 H. Thượng Đế luôn chiếu cố đến người dưới thế.

Thượng Đế lâm nhữ 上帝臨汝 H. Thượng Đế đoái thương đến bạn.

Thượng Đế thị hoàng 上帝是皇 H. Thượng Đế là vua cả trên trời. Td: Thi Chắp cạnh rằng: *Thượng Đế thị hoàng* 詩執競浪.上帝是皇.

thượng phụ 上父 H. tiếng tôn xưng Trời, một bậc trong Thần học Tam phụ 三父: *thượng phụ* 上父, *trung phụ* 中父, *hạ phụ* 下父. *Thượng phụ* 上父 là Cha trên trời, tức là Thiên Chúa, Đấng tạo dựng nên vũ trụ vạn vật, là Cha của muôn loài vạn vật. Lòng hiếu thảo của con người đối với Thiên Chúa được biểu hiện qua sự tôn thờ.

Thượng Thư 尚書 H. còn gọi là Kinh Thi 經詩, là tuyển tập thơ vô danh của Trung Quốc, nằm trong bộ Ngũ Kinh của Nho giáo. Kinh Thi được sáng tác từ đầu thời Tây Chu (tk 11–771 TCN) đến giữa thời Xuân Thu (770–476 TCN), gồm 311 bài thơ. Kinh Thi chia làm ba bộ phận lớn là Phong, Nhã và Tụng. Td: lại nơi *Thượng Thư* rằng: *Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương* 史坭尚書浪.作善降之百祥.作不善降之百殃.

ti 卑 H. thấp kém. Td: tôn *ti* 尊卑 (cao quý và thấp kém).

tích 積 H. chứa, gom góp. Td: tu nhân *tích* đức 修仁積德; lập công *tích* đức 立功積德.

tích 錫 H. cho, tặng. Td: sủng *tích* 寵錫 (sự yêu mến được ban tặng).

tích 辟 H. vua. Td: Thư Kinh 書經: Duy *tích* tác phúc 惟辟作福 (Chỉ vua làm được phúc).

tích 跡 AH. tích 跡 || N. chuyện xưa cũ. Td: *tích* trong sách 跡勲典; sự *tích* 事跡.

tịch 寂 H. chết. Td: *tịch* diệt 寂滅 (chết).

tiếc 惜 GT. tích 惜 (bi thương) || N. thấy day dứt, hụt hẫng trong lòng vì làm mất cái gì. Td: *tiếc* sự sống mình 惜事殫命.

tiếm 僭 H. vượt quyền, chiếm địa vị của người trên. Td: *tiếm* bạn 僭叛; *tiếm* lễ 僭禮.

tiếm bạn 僭叛 H. vượt quyền làm phản.

tiếm lễ 僭禮 H. vượt qua phép tắc, lễ nghi.

tiên 僊 H. người siêu phàm. Td: *tiên* dược 僊藥; thần *tiên* 神僊; kinh Đại Thừa Diệu *Tiên* Liên Hoa 經大乘妙僊蓮花.

tiên 先 H. tổ tông. Td: *tiên* hiền 先賢; *tiên* sư 先師; *tiên* thánh 先聖; tổ tiên 祖先.

tiên hiền 先賢 H. bậc tài đức ở nhiều đời trước. Td: các đấng *tiên* hiền 各等先賢.

tiên sư 先師 H. Học trò xưng thầy đã qua đời. Nhà nho xưng Khổng Tử là tiên sư 先師.

tiên thánh 先聖 H. Nhà nho xưng Khổng Tử là *chí thánh tiên sư* 至聖先師 (vị thầy có tài đức cao hơn hết đã qua đời), gọi tắt là *tiên thánh* 先聖.

tiền 前 H. trước. Td: Vô cực chi *tiền* âm hàm dương dã 無極之前陰含陽也 (trước vô cực, âm đã ẩn tàng trong dương).

tiền 錢 ÂH. tiền 錢 || N. vật đúc bằng kim loại hay in bằng giấy do nhà nước phát hành, dùng làm đơn vị tiền tệ. Td: *tiền* giấy 錢紙; đồng *tiền* 銅錢.

tiễn 踐 ÂH. tiễn 踐 (xéo, đạp, giẫm vào) || N. đưa đi một đoạn để tỏ sự quyến luyến. Td: *tiễn* quan Hành Khiển 踐官行謹.

tiến 進 H. lớp người. Td: *tiến* sĩ 進士 (người đậu khoa thi Hội); *tiến* soạn 進饌 (cỗ bàn để dâng cúng).

tiện 便 H. thuận lợi. Td: *tiện* nghi 便宜 (thích hợp, thuận lợi).

tiếng 喙 HT. khẩu 口 (lấy ý) + tỉnh 省 (lấy âm) || N. ngôn ngữ. Td: nói *tiếng* trong nước 啞喙齟齬.

tiết 節 H. tiết trời, một khoảng thời gian. Td: tứ thời bát *tiết* 四時八節 (bốn mùa tám thời khí).

tiêu 消 H. làm mất đi. Td: *tiêu* diệt 消滅 (làm cho không còn nữa).

tiểu 小 H. nhỏ. Td: *tiểu* tràng (ruột non); *Tiểu* học Cao Ly 小學高麗.

tiểu tràng 小腸 H. ruột non. Td: *tiểu* tràng đã hóa nên sông nhỏ 小腸化年淹軀.

tiếu 醺 H. tế tự. Td: làm *tiếu* 濫醺 (làm lễ tế).

tìm 尋 GT. tìm 尋 (tìm kiếm) || N. lòng kiếm, cố làm sao cho thấy. Td: *tìm*

ăn 尋 唵; *tìm* về nhà 尋術茹; chẳng *tìm* được 庄尋特.

tin 信 GT. tín 信 (tin) || N. điều được truyền đi, báo cho biết về sự việc, tình hình xảy ra. Td: *tin* rằng 信浪; *tin* thật 信實.

tín 信 H. tin. Td: ấn *tín* 印信 (chỉ chung các loại con dấu).

tinh 星 H. 1. sao. Td: *tinh* thần 星辰 (sao Bắc Cực). || 2. quỷ quái. Td: yêu *tinh* 妖星 (quỷ lạ lùng). || 3. trong sáng. Td: thủy *tinh* 水星 (dạng khoáng chất trong như nước).

tĩnh 省 H. hiểu biết. Td: bất *tĩnh* nhân sự 不省人事 (mê man không biết gì).

tĩnh 靜 H. yên, lặng. Td: *tĩnh* nhi sinh âm 靜而生陰 (lặng thì sinh âm).

tính 性 H. 1. dòng họ. Td: bách *tính* 百性. || 2. bản chất. Td: Phật *tính* 佛性; *tính* lý 性理; *tính* thiêng liêng 性声灵; *tính* tự nhiên 性自然.

tính phi hữu vật, chỉ thị nhất cá đạo lý chỉ tại ư ngã giả 性非有物。只是一个道理之在於我者 H. tính vốn không là vật gì nhưng là đạo lý trong người của ta.

tịnh 淨 PÂ. tên họ. Td: *Tịnh* Phạn Vương 淨梵王.

tịnh 靖 PÂ. tên họ, còn có âm là *tĩnh*.

Tịnh Đô Vương 靖都王 H. còn phiên âm là *Tĩnh* Đô Vương, tước hiệu của chúa Trịnh Sâm 鄭森 (1767–1782).

Tịnh Phạn Vương 淨梵王 H. *Tịnh* Phạn (Suddhodana) là thân phụ của Thích-ca Mâu-ni, vua nước Thích-ca (Shakya) có kinh đô là Ca-tì-la-vê (Kapilavastu).

tỏ 訴 GT. tố 訴 (kể, báo cho biết) || N. 1. biểu hiện bằng cử chỉ. Td: *tỏ* ra 訴瞞. || 2. sáng rõ. Td: *tỏ* tường 訴詳; chưa *tỏ* 諸訴.

tòa 座 GT. tọa 座 (chỗ ngồi) || N. chỗ ngồi oai nghiêm. Td: *tòa* Thiên Chúa 座天主; *ngôi tòa* sen 坐座蓮.

toan 算 GT. toán 算 (định liệu, mưu tính) || N. định liệu làm việc gì. Td: nhà vua khi *toan* sai quan tướng nào đi đánh giặc thì trước ban quyền chức 茹希欺算差官將市珍打賊時畧頒權職.

toàn 全 H. hoàn bị, đầy đủ. Td: *toàn* kỳ 全其; *toàn* năng 全能; kiêm *toàn* 兼全.

tóm 繆 GT. sam 繆 (trục cò) || N. rút gọn, thu gọn. Td: *tóm* lại 繆吏.

tòng 從 H. đi theo. Td: *tòng* mệnh 從命; *phục tòng* 服從. || gt. từ. Td: *tòng* cổ dĩ lai 從古以來 (từ xưa đến nay).

tổ 祖 H. những người đời trước. Td: *tổ tiên* 祖先; *tổ tông* 祖宗.

tổ tông 祖宗 H. cha ông đời trước của dòng dõi mình. Td: cùng làm *tổ tông* hết cả và loài người ta 共濫祖宗歇奇吧類得些.

tôi 碎 GT. toái 碎 (nhỏ nhất) || N. đại từ chỉ ngôi thứ nhất số ít. Td: chúng *tôi* 衆碎.

tôi 焯 GT. thối 焯 (trui rền) || N. trui rền. Td: luyện *tôi* 焯焯 (trui rền).

tối 最 ÂH. tối 最 || N. 1. lúc mặt trời lặn. Td: bữa *tối* 餽最. || 2. hơn cả. Td: *tối* linh thần 最靈神 (thần thánh rất linh thiêng).

tội 罪 ÂH. tội 罪 (lỗi lầm) || N. lỗi lầm. Td: *tội* lỗi 罪磊; *tội* mọn 罪悶; *tội* nhẹ 罪貳; *tội* trọng 罪重; khỏi *tội* 塊罪; phạm *tội* 犯罪; sự phạt *tội* 事罰罪; xá *tội* 赦罪.

tôm 魷 HT. ngư 魚 (lấy ý) + tâm 心 (lấy âm) || N. động vật thân giáp sống dưới nước, bụng dài, có nhiều chân bơi. Td: *tôm* cá 魷魷.

tôn 尊 H. 1. kính trọng. Td: *tôn* kính 尊敬. || 2. trên cao. Td: *tôn* ti 尊卑 (cao thấp). || 3. cao quý. Td: chí *tôn* 至尊 (rất cao quý).

tôn ti 尊卑 H. cao thấp. Vd: thiên *tôn* địa *ti* 天尊地卑: trời cao đất thấp.

tôn ti hữu biệt 尊卑有別 H. có phân biệt cao thấp, trên dưới. Td: sự lễ đã có *tôn ti hữu biệt* 事禮奄固尊卑有別.

tồn 存 ÂH. tồn 存 || N. còn; sống. Td: sự *tồn* 事存.

tông 宗 H. 1. tổ tiên. Td: *tổ tông* 祖宗. || 2. tên người. Td: Tống Cao *Tông* 宋高宗.

tống 宋 H. dòng họ. Td: *Tống* Chân *Tông* 宋真宗; *Tống* Huy *Tông* 宋徽宗.

tống 送 ÂH. tống 送 (đưa tiễn) || N. đưa tiễn. Td: *tống* người đi 送得埗.

Tống Chân Tông 宋真宗 (997-1022) H. tên là Triệu Hằng 趙恆, là vị Hoàng đế thứ ba của triều đại Bắc Tống trong lịch sử Trung Quốc. Ông sùng đạo Phật và đạo Lão Tử. Td: Đến đời nhà Tống Chân Tông, Giáp Dần nguyên niên, Đế yết Lão Tử 旦代茹宋真宗甲寅元年.帝謁老子 (Đến đời nhà Tống Chân Tông, Giáp Dần năm thứ nhất, vua Tống Chân Tông viếng mờ Lão Tử).

Tống Huy Tông 宋徽宗 (1100-1126) H. là vị Hoàng đế thứ tám của triều đại Bắc Tống trong lịch sử Trung Hoa. Ông viết nhiều chuyên luận về y học và đạo Lão Tử. Ông sùng đạo Lão Tử đến mức tự xưng là Giáo chủ Đạo Quân Hoàng đế (教主道君皇帝).

tổng 總 H. toàn diện. Td: *Tổng* Luận 總論 (tựa sách).

- tốt** 卒 ÂH. tốt 卒 (nhỏ nhất) || N. có phẩm chất, chất lượng cao hơn mức bình thường. Td: *tốt lành* 卒苓; *tốt nết* 卒涅.
- tợn** 美 GT. tiện 美 (ham muốn) || N. mạnh bạo, mức độ cao hơn mức bình thường. Td: *dữ tợn* 與美.
- tra** 查 ÂH. tra 查 (tìm tòi) || N. xét hỏi, tìm tòi. Td: *tra hỏi* 查晦.
- trá** 詐 ÂH. trá 詐 (giả dối, lừa gạt) || N. gian dối, có ý lừa gạt. Td: *dối trá* 噉詐.
- trách** 責 ÂH. trách 責 || N. la mắng, quở phạt. Td: *trách phạt* 責罰.
- trai** 齋 H. tên người. Td: Hoàng Phát *Trai* 黃發齋.
- trai** 騾 HT. nam 男 (lấy ý) + lai 來 (lấy âm) || N. nam giới nhỏ tuổi. Td: *ẵm một con trai* 揹沒昆騾.
- trái** 債 ÂH. trái 債 (nợ nần) || N. nghịch với phải. Td: *phải trái* 沛債.
- trái** 果吏 (quả 果 lấy ý + lại 吏 lấy âm) N. quả. Td: *trái đất* 果吏坦.
- tràng** 腸 H. ruột. Td: đại *tràng* 大腸 (ruột già – phần ruột to nối liền với hậu môn); tiểu *tràng* 小腸 (ruột non – phần ruột nhỏ nối liền với dạ dày).
- trắc** 測 H. suy đoán. Td: *bất trắc* 不測 (không lường được); khởi nhân chi tiểu trí khả *trắc* tai 豈人之小智可測哉 (làm sao trí mọn của con người có thể đo lường được).
- trăm** 冪 (một trăm 沒冪) tr.71 dùng từ trăm (ngũ + lâm 林) thay vì trăm 冪 (bách + lâm)
- trắng** 鼎 HT. bạch 白 (lấy ý) + tráng 壯 (lấy âm) || N. có màu như màu của vôi, của sợi bông. Td: một phần *trắng* làm người 沒分鼎濫得.
- trâm** 簪 (ngọc 玉 + trâm 簪) H. tên người. Td: Đức Thượng Trâm 德上簪.
- trẫm** 朕 ÂH. trẫm 朕 || N. tiếng vua tự xưng. Td: Thà ăn gan ruột *trẫm* thì hơn, đừng ăn lúa kéo khốn dân 他啞肝脾朕時欣竹啞糴矯困民.
- trần** 塵 H. bụi. Td: *trần ai* 塵埃; phạm *trần* 九塵.
- trấn** 鎮 H. canh giữ. Td: *trấn xứ* 鎮處 (canh giữ một cõi).
- trận** 陣 H. đánh nhau. Td: *bại trận* 敗陣; *thắng trận* 勝陣.
- trâu** 樓 HT. ngưu 牛 (lấy ý) + lâu 婁 (lấy âm) || N. động vật nhai lại, sừng rộng và cong, lông thưa và thường đen, được nuôi để lấy sức kéo, ăn thịt hay lấy sữa. Td: *giết trâu* bò 折樓牯.
- trên** 蓮 HT. thượng 上 (lấy ý) + liên 連 (lấy âm) || N. phía cao hơn trong không gian so với một vị trí xác định nào đó. Td: *trên* hết mọi loài 蓮

歇每類; trên trời 連忒; ngòi trên 埜連.

trêu 撩 GT. liêu 撩 (khiêu khích) || N. dùng lời nói, cử chỉ làm cho bực tức, xấu hổ, nhằm đùa vui. Td: *trêu* người 撩𧈧.

tri 知 H. nhận biết. Td: vô *tri* 無知; *tri* lý 知理; *tri* chí 知至.

tri lý giả, khởi khả dĩ xưng sở chi dị, nhi vị kỳ cổ kinh vô sở tái hồ 知理者。豈可以稱所之異。而謂其古經無所載乎 H. người biết lý lẽ có vì cách xưng tên khác nhau mà nói rằng sách xưa không nói đến (danh Thiên Chúa) đâu.

trí 智 H. hiểu biết. Td: chí *trí* 至智; *trí* giả 智者; kẻ *trí* 几智; thượng *trí* 上智.

trí 致 H. hết lòng. Td: đắc *trí* 得致 (hết lòng).

trí giả 智者 H. người có hiểu biết, có học thức. Td: các đẳng *trí giả* 各等智者.

trị 治 H. quản lý. Td: *trị* thiên hạ 治天下; cai *trị* 該治; quốc *trị* 國治.

triết 哲 H. người hiền triết. Td: thập triết 十哲: Nhan Hồi 顏回 (521 tCN – 481 tCN), Mẫn Tử 閔損 (536 tCN – 487 tCN), Nhiễm Canh 冉耕 (544 tCN – ?), Nhiễm Ung 冉雍 (522 tCN – ?), Nhiễm Cầu 冉求 (522 tCN – ?), Trọng Do 仲由 (542 tCN – 480 tCN), Tể Dư 宰予 (? – ?), Đoan Mộc Tử 端木賜 (520 tCN – 446 tCN), Ngôn Yển 言偃 (506 tCN – 443 tCN), Bốc Thương 卜商 (? – ?).

triều 朝 H. nơi vua bàn chính sự. Td: *triều* thần 朝臣 (bề tôi trong nơi vua bàn chính sự).

triệu 肇 H. dựng nên. Td: *triệu* thành 肇成.

triệu thành 肇成 H. dựng nên. Td: Lý khí không bởi một sức nó mà *triệu thành* thiên địa 理氣空罷沒飭奴麻肇成天也.

trinh 貞 H. 1. tiết hạnh. Td: đồng *trinh* 童貞. || 2. tên người. Td: ông Thành *Trinh* 翁成貞.

trình 程 H. tên người. Td: ông *Trình* Tử 翁程子.

Trình Tử 程子 H. Trình Tử là tên gọi hai anh em Trình Hạo 程顥 (1032-1085) tự Bá Thuần và Trình Di 程頤 (1033-1107) tự Chính Thúc được gọi là Hà Nam Nhị Trình 河南二程. Vào đời nhà Tống, Trình Tử thu thập và chú giải sách Đại Học.

trình 呈 ÂH. trình 呈 || N. báo với người trên biết để xem xét. Td: *trình* qua 呈戈.

trịnh 鄭 H. tên dòng họ. Td: chúa *Trịnh* 主鄭; *Trịnh* Thiên Thu 鄭千秋.

trò 路 GT. lộ 路 (đường đi) || N. tên gọi tắt của học trò. Ở trang 4, từ trò 路 trong học trò 學路 khác với từ trò 徒 (GT đồ 徒) trong các bản Nôm khác.

trong 甬 HT. long 竜 (lấy âm) + nội 内 (lấy ý) || N. vị trí thuộc phạm vi được xác định nào đó đối lập với ngoài. Td: *trong* ấy 甬衣; *trong* đạo 甬道; *trong* đời 甬代; *trong* lòng 甬悉; *trong* nước 甬諾; *trong* sách 甬典; *trong* triều 甬朝.

trọng 仲 H. tên gọi. Td: *Trọng* Ni 仲尼; *Trọng* Nhĩ 仲耳.

trọng 重 H. khẩn yếu và tôn kính. Td: *trọng* thể 重體 (tr. 55 - 56); *trọng* thể 重体 (tr. 61) có tính cách long trọng, tôn kính; *trọng* vọng 重望; tội *trọng* 罪重.

trọng vọng 重望 H. tiếng tăm lớn lao, có ý tôn kính. Td: công danh *trọng* vọng 功名重望 (sự nghiệp và thanh danh nổi tiếng, lớn lao).

trộm 盜 GT. đạo 盜 (ăn trộm) || N. lấy của người khác cách lén lút. Td: *trộm* cướp 盜劫.

trốn 遁 GT. độn 遁 (trốn đi) || N. lẩn tránh. Td: *trốn* khỏi sự chết 遁塊事斃.

trông 箆 GT. lộng 箆 (lông nhau) || N. mong ngóng. Td: *trông* cây 箆忌; *trông* hăn 箆罕; *trông* ơn 箆恩.

trở 呂 GT. lữ 呂 (xương sống) || N. 1. đảo ngược vị trí. Td: *trở* mình 呂命. || 2. quay ngược lại. Td: *trở* lại 呂吏; *trở* về 呂術.

trợ 助 H. giúp. Td: tương *trợ* 相助 (giúp lẫn nhau).

trời 忝 HT. thiên 天 (lấy ý) + thượng 上 (lấy ý) || N. chúa tể muôn loài. Td: mệnh *trời* 命忝.

trung 忠 H. hết lòng. Td: *trung* thần 忠臣 (bề tôi hết lòng với vua).

trung 中 H. ở giữa. Td: *trung* phụ 中父.

trung phụ 中父 H. tiếng tôn xưng quốc vương, một bậc trong Thần học Tam phụ 三父: thượng phụ 上父, *trung* phụ 中父, hạ phụ 下父. *Trung* phụ 中父 là Cha ở giữa, tức là vua của đất nước, người thay Trời trị dân, tức cha chung của mọi người dân trong nước. Lòng hiếu thảo của mọi người đối với quốc vương được biểu hiện qua sự tôn kính.

trung thứ vi trọng 忠恕爲重 H. lấy cách đối nhân xử thế làm trọng. Trong đó, *trung* 忠 là hết lòng thành thật xử sự với người, *thứ* 恕 là việc suy bụng ta ra bụng người, việc gì mình không muốn thì đừng

bắt người phải chịu.

Trung Ương Hoàng Đế 中央黃帝 H. vị vua thứ năm, giữ cửa Trung Ương dưới địa ngục.

trùng 蟲 H. sâu bọ. Td: côn trùng 昆蟲 (động vật chân đốt, có một đôi râu, ba đôi chân, phần lớn có cánh).

trùng 虫 (hoàng trùng 黃虫) tr.49 dùng từ *trùng* 虫 giãn thể chứ không dùng từ *trùng* 蟲 phồn thể.

truy 追 H. nhớ lại sự đã qua. Td: *truy* tư báo bản 追思報本 (tuông nhớ báo đền cội nguồn).

truyền 傳 H. chuyển giao, đưa đi. Td: *truyền* kỳ mạn lục 傳奇漫錄; *truyền* tử 傳梓; bí *truyền* 秘傳; sấm *truyền* 識傳.

truyền kỳ mạn lục 傳奇漫錄 H. chép tùy tiện những chuyện lạ. Td: Bấy nhiêu sự thầy nói cũng là lời “truyền kỳ mạn lục” mà chớ 閑饒事柴啞拱罌啞傳奇漫錄麻渚.

truyền tử 傳梓 H. cho phép đưa đi khắc chữ trên bản gỗ. Td: Giám mục Phê-rô Ma-ri-a Đông *truyền tử* 監牧批魯瑪移亞東傳梓.

trừ 除 ÂH. trừ 除 || N. bỏ đi. Td: thác thì *trừ* khứ nghiệp gian tà 托時除去業奸邪.

trúng 茆 HT. tráng 壯 (lấy âm) + noãn 卵 (lấy ý) || N. khối hình bầu dục hoặc hình cầu do động vật cái đẻ ra, sau có thể nở thành con. Td: cái *trúng* lớn lắm 巧茆懶凜.

trước 畧 GT. lược 畧 (mưu lược) || N. khoảng thời điểm chưa đến một điểm mốc. Td: trước hết 畧歇; trước là 畧罌.

trương 張 H. 1. họ tên. Td: họ *Trương* 戶張; *Trương* Đậu 張寶; *Trương* Giác 張角; *Trương* Linh 張伶; *Trương* Lỗ 張魯; *Trương* Lương 張良; *Trương* Nghi 張儀. || 2. ý kiến. Td: chủ *trương* 主張 (ý kiến).

trường 長 H. lâu, dài. Td: *trường* cửu 長久; *trường* sinh bất tử 長生不死; *trường* sinh toàn kỳ thiên niên 長生全其千年; *trường* thọ 長壽; bãi cát *Trường* Sa 擺塢長沙.

trường 場 H. chỗ đất trống, rộng và bằng phẳng. Td: chiến *trường* 戰場 (nơi xảy ra trận đánh nhau).

trường sinh bất tử 長生不死 H. sống lâu không chết.

trường sinh toàn kỳ thiên niên bất tử 長生全其千年不死 H. sống dài lâu, cả ngàn đời không chết.

trường thọ xuân thu đỉnh thịnh 長壽春秋鼎盛 H. sống lâu với, năm tháng vững vàng và thịnh vượng.

tu 修 H. sửa mình. Td: *tu* đức 修德; *tu* hành 修行; *tu* nhân tích đức 修仁積德; *tu* thân tích đức 修身積德; *tu* tiên 修僊; thân *tu* 身修.

tu nhân tích đức 修仁積德 H. tập luyện lòng thương người để lưu lại phẩm chất tốt đẹp.

tu thân tích đức 修身積德 H. rèn luyện bản thân để lưu lại phẩm chất tốt đẹp. Td: thì còn khuyên người ta thiên thiện cải ác, *tu thân tích đức* làm chi nữa? 時群勸得些遷善改惡.修身積德濫之女.

tù 囚 ÂH. tù 囚 || N. 1. giam giữ. Td: *tù* rạc 囚落. || 2. người bị giam giữ. Td: thứ *tù* tạm giam vạ mọn 次囚暫檻把門; thứ *tù* tội trọng 次囚重罪.

tụ 聚 H. gom lại. Td: khí *tụ* sinh 氣聚生 (khí *tụ* lại thì sinh ra).

tuân 遵 H. thuận theo. Td: nghiêm *tuân* 嚴遵 (cung kính thuận theo).

tuần 循 H. đi lại. Td: *tuần* hoàn 循環 (xoay vần).

tung 縱 H. đường dọc. Td: *tung* hoành 縱橫 (dọc ngang).

túng 縱 H. tung ra, sai xuống. Td: thiên *túng* 天縱 (trời sai xuống).

tuổi 歲 GT. tuế 歲 (năm) || N. khoảng thời gian từ khi ra đời cho đến một thời điểm hiện tại. Td: *tuổi* khôn 歲坤.

tuồng 從 GT. tông 從 (đi theo) || N. một lối hát cổ. Td: ấy cũng một *tuồng* 衣拱沒從.

tuy 雖 H. dù. Td: *tuy* thông minh 雖聰明 (dù thông thái).

tuy thông minh thượng trí giả dục cùng kỳ lý diệc tuyệt bất minh 雖聰明上智者欲窮理亦絕不明 H. dù người thông thái muốn hiểu cho thấu lẽ màu nhiệm cũng tuyệt nhiên không thể rõ được.

tuy 綏 H. vỗ yên. Td: sủng *tuy* tứ phương 寵綏四方.

tùy 隨 ÂH. tùy 隨 (thuận theo) || N. thuận theo. Td: tùy trời mà xoay đi vần lại 隨天運轉.

túy 粹 H. tinh hoa, tốt đẹp. Td: thuần *túy* 純粹 (tinh hoa, chuyên nhất, không lẫn lộn).

tuyền 泉 H. suối. Td: suối Hoàng *Tuyền* 滙黃泉.

tư 斯 H. họ tên. Td: Lý *Tư* 李斯.

tư văn 斯文 H. 1. tư văn là chức sắc, chức dịch || 2. giới văn học, làng Nho.

tư văn bản hội 斯文本會 H. 1. nhóm chức sắc, chức dịch trong làng xã

ngày xưa. || 2. nhóm làng Nho.

tư 私 H. riêng, thuộc về cá nhân. Td: *tư* dục 私慾 (ham muốn riêng tư).

tư 思 H. 1. suy nghĩ. Td: *tư* tưởng 思想. || 2. nhớ nhung. Td: cảm *tư* 感思 (ghi nhớ); truy *tư* 追思 (tưởng niệm).

truy 追 H. nhớ lại sự đã qua. Td: *truy* tư báo bản 追思報本 (tưởng nhớ báo đền cội nguồn).

tư 罫 HT. tứ 四 (lấy ý) + tư 司 (lấy âm) || N. bốn. Td: ngã *tư* 我罫; thàng *tư* 膛罫.

từ 慈 H. yêu thương. Td: *từ* bi 慈悲; nhân *từ* 仁慈.

từ 自 GT. tự 自 (từ, do) N. điều sắp nói là điểm xuất phát, điểm khởi đầu hay là nguồn gốc của việc được nói đến. Td: *từ* khi 自欺.

từ 辭 H. thoái thác. Td: bắt *từ* lao khổ 不辭勞苦.

từ 徐 H. họ tên. Td: *Từ* Thần Ông 徐神翁.

tử 子 H. người. Td: Khổng *Tử* 孔子; quân *tử* 君子; xích *tử* 赤子.

tử 死 H. chết. Td: *tử* quy dã 死歸也; *tử* vãng 死往; nhân *tử* tắc hình thể tiêu diệt 人死則形體消滅; sự *tử* như sự sinh 事死如事生; trường sinh bất *tử* 長生不死.

Tử Hạ 子夏 H. còn gọi là Tử Cống, tên thật là Đoan Mộc Tử, người nước Vệ cuối thời Xuân Thu, là học trò của Khổng Tử. Ông giỏi về ngoại giao, từng làm tể tướng hai nước Lỗ và Vệ.

tứ 四 H. bốn – số đếm. Td: *tứ* chung 四終; *tứ* hải 四海; *tứ* thời bát tiết 四時八節; *tứ* phương 四方.

tứ hải 四海 H. bốn biển, chỉ khắp nơi trong nước hay trong thế giới.

tứ hải giai huynh đệ 四海皆兄弟 H. người trong bốn biển cùng là anh em; người ở khắp nơi đều là anh em. Td: sách Luận Ngữ có câu rằng: *tứ hải giai huynh đệ* 典論語固句浪.四海皆兄弟.

tứ phối 四配 H. bốn vị sánh đôi. Đó là bốn vị đời sau Khổng Tử: Nhan Hồi 顏回 (521 tCN – 481 tCN), Tăng Tử 曾子 (505 tCN – 435 tCN), Tử Tư 子思 (481 tCN – 402 tCN), Mạnh Tử 孟子 (372 tCN – 289 tCN).

Tứ Thập Nhị Chương Kinh 四十二章經 H. Tứ Thập Nhị Chương Kinh là một bài kinh chứa đầy những lời dạy trong các hệ Kinh A-Hàm và Nikaya để nhằm nhắc nhở và khuyến khích người xuất gia biết cách tu hành.

tứ thời bát tiết, xuân hạ thu đông 四時八節春夏秋冬 H. bốn mùa *xuân* 春,

hạ 夏, *thu* 秋, *đông* 冬 và tám tiết: *lập xuân* 立春, *xuân phân* 春分, *lập hạ* 立夏, *hạ chí* 夏至, *lập thu* 立秋, *thu phân* 秋分, *lập đông* 立冬, *đông chí* 冬至.

tự 祀 H. cúng, tế. Td: *tự sự* 祀事 (việc cúng tế).

tự 序 H. thứ tự; sắp xếp trên dưới cho hợp lý. Td: thứ *tự* 次序.

tự 自 H. chính mình. Td: *tự nhiên* 自然; *tự thành* 自成.

tự cổ cập kim 自古及今 H. từ xưa đến nay. Td: “Nếu có Thiên Chúa, thì sao *tự cổ cập kim* chẳng hề có ai xem thấy 梟固天主時牢自古及今庄今固埃祐覓.

tự nhiên 自然 H. (hiện tượng xảy ra) không rõ vì sao như vậy.

tự nhiên nhị khí chi đạo liên phân ra 自然二氣之道連分 N. hai khí theo cách thức tự nhiên liên phân ra.

tự Thiệu Hạo thị suy, thiên hạ chi nhân tương cụ dĩ thần, tương hoặc dĩ quái, gia vi vu sử, dân độc vu tự, thiên đạo vị chi tiểu biến hĩ. 自少昊氏衰。天下之人相懼以神。相惑以怪。家為巫史。民瀆于祀。天道為之小變矣。H. từ khi vua Thiệu Hạo lụn bại, thiên hạ lấy việc quỷ thần mà nhát nhau, lấy việc yêu quái để phỉnh nhau, mỗi nhà đều bày ra đồng bóng, cho nên dân bị loạn trong việc tế tự, đạo trời vì có ấy mà thay đổi nhiều.

tự 序 GT. *tự* 序 (để mở đầu) || N. đầu đề quyển sách hay đoạn văn. Td: *lời tự* 序.

tức 即 ÂH. *tức* 即 (ngay liền; thì) || N. ngay lúc ấy, ngay bây giờ. Td: *tức thì* 即時.

tầng 層 GT. *tầng* 層 (tầng, lớp) || N. tầng, bậc. Td: *tầng* trời 層忝.

tương 相 H. lẫn nhau. Td: *tương* cụ 相懼; *tương* trợ 相助.

tưởng 想 H. suy nghĩ, ý niệm. Td: tư *tưởng* 思想 (ý nghĩ, suy niệm).

tướng 相 H. người đứng đầu trăm quan. Td: *khánh tướng* 卿相 (quan tướng nói chung).

tướng 將 ÂH. người cầm quân. Td: *tướng* nộ thần kia 將怒神箕; *tướng* giặc 將賊; *tướng* ngụy 將偽.

tượng 像 ÂH. hình dáng. Td: vô *tượng* 無像; *tượng* gỗ 像梔.

tỳ 疵 H. tật, khuyết. Td: vô *tỳ* 無疵 (không khuyết tật).

ủng 雍 ÂH. *ủng* 雍 || N. hia, giày. Td: *ủng* miệt 雍糞 (giày vó).

uống 呷 HT. *khẩu* 口 (lấy ý) + ½ *uông* 汪 (lấy âm) || N. cho chất lỏng vào miệng rồi nuốt. Td: *uống* rượu 呷醕.

uy 威 H. đáng tôn nghiêm. Td: *uy nghi* 威儀 (đáng vẻ nghiêm trang oai vệ).

úy 畏 H. nể phục. Td: kính *úy* 敬畏 (tôn trọng và nể phục).

ư 於 H. hơn. Td: nhân linh *ư* vạn vật 人靈於萬物 (người ta linh thiêng hơn mọi vật).

ưng 膺 H. nhận lấy. Td: thượng *ưng* Thiên Chủ chi sủng tích 上膺天主之寵錫 (trên nhận lấy sự yêu mến của Thiên Chúa).

ứng 應 H. cho, nhận chịu. Td: hiển *ứng* 顯應 (cho cách rõ ràng).

ước 約 ÂH. ước 約 || N. mong có được điều chưa thành hiện thực. Td: *ước* ao 約湖; *ước* chó chi 約渚之.

ương 殃 H. tai vạ. Td: tác bất thiện giáng chi bách *ương* 作不善降之百殃 (làm ác thì trời xuống trăm tai vạ).

và 吧 HT. khẩu 口 (lấy ý) + ba 巴 (lấy âm) || N. liên từ. Td: *và* khi 吧欺.

và 嗒 HT. khẩu 口 (lấy ý) + vi 韋 (lấy âm) || N. PÂ. Td: E-Và 啞嗒.

vả 把 GT. bả 把 (cầm) || N. từ láy của vất để chỉ sự chặt vật, khổ sở. Td: vất *vả* 勿把.

vả 虺 HT. vĩ 尾 (lấy ý) + thả 且 (lấy âm) || N. vốn, mà lại. Td: *vả* lại 虺吏.

vãi 僂 HT. nhân 亻 (lấy ý) + vĩ 尾 (lấy âm) || N. người đàn bà xuất gia theo đạo Phật. Td: bà *vãi* 妃僂; ông *vãi* 翁僂 (ông và bà).

vàn 萬 GT. vạn 萬 (muôn, mười nghìn) || N. muôn, nhiều lắm. Td: muôn *vàn* phép lạ 閱萬法遇.

ván 版 GT. bản 版 (tấm, thẻ) || N. tấm, miếng. Td: *ván* sắt 版鉄.

vạn 萬 H. nhiều lắm. Td: thiên sơn *vạn* thủy 千山萬水; *vạn* vật 萬物.

vạn vật 萬物 H. muôn thứ, muôn loài, muôn người. Td: biến hóa *vạn vật* 變化萬物.

vạn vật chi thủy bất quá tán tụ nhi dĩ 萬物之始不過散聚而已 H. khởi đầu của mọi thứ chẳng qua do sự phân hợp khí âm dương mà ra.

vàng 鑞 HT. kim 金 (lấy ý) + hoàng 黃 (lấy ý) || N. kim loại quý có màu vàng, không gỉ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng để làm đồ trang sức. Td: *vàng* bạc 鑞鉑; guom *vàng* 劍鑞.

vãng 往 H. đi; đi mất. Td: lai *vãng* 來往 (qua lại); tử *vãng* 死往 (cách nói tránh của từ chết).

vào 匍 HT. bao 包 (lấy âm) + nhập 入 (lấy ý) || N. di chuyển đến vị trí bên trong. Td: *vào* nước nhà Phật 匍諾茹佛; *vào* trong 匍匍; phó *vào* 付匍.

văn 文 H. chữ viết, văn tự; đối lại với võ. Td: *văn* bản 文本; *văn* tự 文字;

văn võ 文武; hư *văn* 虛文.

Văn 湯 H. còn gọi là Văn Tuyên Vương 文宣王 (551 tCN - 479 tCN), thụy hiệu của Khổng Khâu 孔丘, tự Trọng Ni 仲尼, danh hiệu Khổng Tử 孔子. Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, *Văn*, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

văn 聞 H. có tiếng tăm. Td: Đạo diệc bất *văn* 道亦不聞 (Đạo không có tiếng tăm chi cả).

Văn Tuyên Vương 文宣王 H. tước hiệu của Khổng Tử do vua Đường Huyền Tông phong cho.

vật 吻 HT. khẩu 口 (lấy ý) + vật 勿 (lấy âm) || N. thường xuyên, lắt nhắt. Td: ăn *vật* 咬吻.

vân 云 H. nói rằng. Td: cổ ngôn *vân* 古言云 (người xưa nói rằng).

vân 運 GT. vận 運 (chuyển động, xoay vần) || N. xoay. Td: xoay đi *vân* lại 磋商運吏.

vấn 問 H. hỏi thăm. Td: hạ xa *vấn* nhi khắp chi 下車問而泣之 (xuống xe hỏi thăm mà khóc).

vận 運 H. số mệnh. Td: thiên *vận* tuần hoàn 天運循環 (mệnh trời xoay vần).

vâng 哪 HT. khẩu 口 (lấy ý) + bang 邦 (lấy âm) || N. theo lời. Td: *vâng* hộ 哪護.

vâng hộ 哪護 N. phù hộ, theo lời mà trợ giúp. Td: có ý cậy thần *vâng hộ* quốc gia nhân khang vật thịnh 固意忌神哪護國家人康物盛.

vất 勿 GT. vật 勿 (chớ, đừng) || N. từ tắt của vật và để chỉ sự chật vật, khó sở. Td: *vất* và 勿把.

vật 勿 H. chớ. Td: *vật* vi, *vật* ý, *vật* biện 勿爲勿意勿辦 (chớ làm gì, chớ có ý gì, chớ biện phân gì).

vật 物 H. các loài trong trời đất. Td: vạn *vật* 萬物.

vật bất tự thành 物不自成 H. vật không tự làm nên mình được.

vật vi, vật ý, vật biện 勿爲勿意勿辦 H. chớ làm gì, chớ có ý gì, chớ biện phân gì.

vậy 丕 GT. phi 丕 (bèn) || N. 1. thế, như thế. Td: làm *vậy* 濫丕; nếu *vậy* 裒丕. || 2. từ dùng để chỉ điều đã được nói đến là điểm xuất phát cho điều sắp nêu ra. Td: *Vậy* có một ngày ấy 丕固沒時衣.

vẻ 尾 GT. vĩ 尾 (theo sau) || N. trợ từ tiếng láy. Td: vui *vẻ* 愜尾.

vẹn 院 GT. viện 院 || N. đầy đủ. Td: *vẹn* đức lòng lành vô cùng 院德悉苓 無窮.

về 術 GT. thuật 術 (nghề) || N. di chuyển trở lại chỗ, nơi ở, quê hương của mình. Td: *về* chỗ ở 術某所; *về* phần linh hồn 術分靈魂; *về* sau 術後; quy *về* 歸術; trở *về* 呂術.

vi 爲 H. lập ra, bày ra. Td: gia *vi* vu sử 家為巫史 (nhà bày ra đồng bóng).

vi 爲 GT. vi 爲 (làm) || N. bởi. Td: *vi* dân 為民; *vi* lẽ làm sao 為理濫牢; *vi* vậy 為丕.

vi nhất quốc chi đại phụ, thị quốc nhân như xích tử 為一國之大父。視國人如赤子 H. đáng cha cả trong một nước, coi sóc dân trong nước như con (bách tính).

vị 位 GT. vị 位 (chuẩn tắc của vật) || N. điều sắp nêu là điều lẽ ra phải như vậy nhưng thực tế lại diễn ra khác. Td: thay *vị* Thiên Chúa 台位天主.

ví 沓 GT. thí 沓 (những) || N. từ nêu một giả thiết, thường về điều không thể có hoặc khó có thể có. Td: *ví* bằng 沓平.

ví bằng 沓平 N. có nghĩa “còn nếu như”. Td: *Ví bằng* đạo ấy có thật thì nhà Chúa đã chẳng cấm 沓平道衣固實時茹主庵庄禁.

vị 謂 H. cho là. Td: sở *vị* 所謂 (cho là); vô sở *vị* 無所謂 (không đáng kể, không có gì là).

vị 位 GT. vị 位 (chuẩn tắc) || N. từ tôn xưng. Td: liệt *vị* 列位; những *vị* nào 仍位市.

vị 味 GT. vị 味 (mùi) || N. món. Td: *vị* thuốc 味菜.

việc 役 GT. dịch 役 (việc quân) || N. điều phải làm, công sức phải bỏ ra. Td: *việc* gì 役之; *việc* hiếu sự 後孝事; *việc* lành phúc đức 役苓福德; cứ *việc* 據役; mọi *việc* 每役.

viên 員 H. người trong công việc nào đó. Td: quan *viên* 官員 (nhân viên chính phủ, chức sắc trong làng).

viết 曰 H. nói rằng. Td: nhất *viết* 一曰; Phu Tử *viết* 夫子曰.

việt 越 H. địa danh. Td: đất *Việt* Châu 坦越州.

vĩnh 永 H. lâu dài, mãi mãi. Td: vĩnh khổ 永苦; hoàng đồ *vĩnh* quyết 黃圖永訣 (tựa sách với nghĩa là ở dưới đất đời đời).

Võ 武 H. tên đầy đủ là Võ Thánh. Võ Thánh là cách gọi tôn vinh của Quan Vũ 關羽 (?-220) hay Quan Công 關公. Quan Vũ có tính cách

hào hiệp, trọng nghĩa, sự kiên cường và lòng trung thành tuyệt đối.
Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang,
Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文
武繼天立極以道治天下.

vóc 紉 HT. mạch 糸 (lấy ý) + bốc 卜 (lấy âm) || N. vải dệt bằng tơ. Td: *vóc*
long cốn 紉龍袞.

vong 亡 H. quên, mất, bị tiêu diệt. Td: sự *vong* 事亡.

vong ân bội nghĩa 忘恩背義 H. quên ơn và phản lại việc tốt của người
khác làm cho mình.

vọng 望 H. tiếng tăm. Td: trọng *vọng* 重望 (tôn kính tiếng tăm).

vô 無 H. không. Td: *vô* chứng nghiệm 無証驗; *vô* cổ kim 無古今; *vô* cùng
無窮; *vô* cực 無極 (không giới hạn về không gian lẫn thời gian); *vô* dị
無異; *vô* đối 無對; *vô* hình 無形; *vô* lệnh 無令; *vô* nhân đạo 無人道; *vô* số
無數; *vô* tri *vô* giác 無知無覺; *vô* tượng 無像.

vô cùng 無窮 H. không có chỗ hết, không thể tả xiết. Td: phép tắc *vô cùng*
法則無窮 (khả năng huyền bí không thể tả xiết).

vô cực chi tiền âm hàm dương dã 無極之前陰含陽也 H. trước vô cực, âm
đã ẩn tàng trong dương.

vô kế hậu 無繼後 H. không con nối dõi.

vô nhân đạo nhi sinh tử 無人道而生子 H. không theo cách loài người để
sinh con.

vô tri vô giác 無知無覺 H. không biết gì, không hiểu gì.

vốn 本 GT. bản 本 (tiền vốn) || N. vẫn, thật sự. Td: *vốn* có đạo 本固道.

vỡ 破 HT. thạch 石 (lấy ý) + bì 皮 (lấy âm - pí) || N. rời ra thành nhiều
mảnh do ngoại lực. Td: chẳng *vỡ* 庄破.

vợ 婦 HT. nữ 女 (lấy ý) + bồ 葡 (lấy âm) || N. phụ nữ trong quan hệ với
người đàn ông kết hôn với mình. Td: *vợ* chồng 婦夫.

với 貝 GT. bồi 貝 (vật quý) || N. liên từ có nghĩa là cùng. Td: chẳng dám
sánh bày *với* loài người ta được 庄敢與排貝類得些特.

vu 誣 H. lừa dối. Td: hoặc thế *vu* dân giả hồ 惑世誣民者乎 (dối đời lừa dân
đấy sao).

vu 巫 H. đồng cốt. Td: gia vi *vu* sử 家為巫史 (nhà bày ra đồng bóng).

vu 于 H. tới đến. Td: *vu* hạ dân 于下民 (đến người dưới thế).

Vũ 禹 H. còn gọi là Hạ Vũ hay Đại Vũ (2205 tCN – 2198 tCN), làm vua

sau thời Tam Hoàng Ngũ Đế ở Trung Hoa. Theo truyền thuyết, vua Vũ là người đã có công phát triển kỹ thuật trị thủy chinh phục các sông ngòi Trung Hoa. Td: Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Ng-hiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kế thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ 伏羲神農黃帝堯舜禹湯文武繼天立極以道治天下.

vũ 雨 H. mưa. Td: hành vũ 行雨 (làm mưa).

vụ thật hiệu khứ hư văn 務實效去虛文 H. lo việc thật (mà đem cha vè), bỏ hình thức giả tạo.

vụ dân chi nghĩa, kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí dã 務民之義。敬鬼神而遠之。可謂智也 H. hãy lo lắng sửa sang việc dân sự, còn quỷ thần thì kính nhưng nên xa cách thôi, đó là người có trí vậy.

vua 希 HT. vương 王 (lấy ý) + bố 布 (lấy âm “bù”) || N. 1. Vua Cảnh Hưng 希景興; vua cha 希吒; vua chúa 希主; vua Lê 希黎; vua Trụ 希紂; vua Võ Vương 希武王; vua Vũ 希禹; đức vua 德希.

vua Trụ 希紂 N. trị vì từ 1154 tCN - 1123 tCN. Vua Trụ chỉ biết đến rượu chè, phụ nữ, tình dục và sự thiếu đạo đức, thích cầm quân hơn là bàn chính sự trong triều. Theo Tư Mã Thiên, ông thậm chí còn tổ chức những lễ hội với nhiều người tham gia vào quan hệ tình dục cùng một lúc với các thê thiếp của ông và tạo ra các bài hát với lời lẽ thô thiển (dâm nhạc) và nhịp điệu nghèo nàn.

vui 愜 HT. tâm 忄 (lấy ý) + bôi 盃 (lấy âm) || N. ở trạng thái thích thú vì gặp việc hợp nguyện vọng hoặc đang có điều hài lòng. Vd: vui sướng 愜暢; vui vẻ 愜尾.

vừa 皮 GT. bì 皮 (vỏ bọc) || N. từ biểu thị sự việc xảy ra liền ngay trước thời điểm sự việc vừa được nói đến. Td: vừa hết hơi đoạn 皮歇喘段.

vụng 彙 ÂH. vụng 彙 (thu thập) || N. sưu tập. Td: tự vụng 字彙 (sưu tập tiếng (từ)).

vuơng 王 H. vua. Td: đại vuơng 大王; đế vuơng 帝王.

xa 車 ÂH. xa 車 (xe) || N. trợ từ dùng làm tiếng láy. Td: xấu xa 醜車.

xả 舍 H. bỏ. Td: xả thí 舍施 (bố thí).

xá 赦 H. tha, bỏ qua. Td: xá tội 赦罪 (tha thứ lỗi lầm).

xác 壳 ÂH. xác 壳, gián thể của 殼 (cái vỏ ngoài thân thể động vật) || N. phần thân thể của con người. Td: xác hèn 壳憊; xác thịt 壳軀.

xanh 桴 GT. sanh 桴 (cây cột) || N. có màu như màu của lá cây, của nước

biển, của bầu trời quang mây. Td: trời *xanh* 空.

xay 磋 HT. thạch 石 (lấy ý) + sai 差 (lấy âm) || N. làm cho tróc vỏ, vỡ ra hay nhỏ mịn bằng cối. Td: cối *xay* 磨.

xấu 醜 GT. xú 醜 (xấu) || N. trái với đạo đức, đáng chê trách. Td: *xấu* hổ 醜虎; *xấu* nết 醜習; *xấu* xa 醜車.

xấu hổ 醜虎 N. cảm thấy thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi trước người khác. Td: nếu có thật thế ấy thì chẳng ra sự *xấu hổ* quái gở cho Thượng Đế ru? 梟固實愧氏時庄曠事醜虎怪憐朱上帝咄.

xây 磋 HT. thạch 石 (lấy ý) + sai 差 (lấy âm) || N. gắn các vật liệu vào nhau bằng chất kết dính để làm thành một bộ phận công trình. Td: *xây* ngục 獄.

xem 祡 HY. kỳ 祡 (lấy ý) + chiêm 占 (lấy ý) || N. 1. từ biểu thị kết quả nhận định của một hoạt động nào đó. Td: *xem* bên nào phải trái là làm sao 祡邊市沛債罪濫牢. || 2. nhận biết bằng thị giác. Td: *xem* thấy 祡覓; hãy *xem* 唉祡; thử *xem* 此祡.

xét 察 GT. sát 察 (nhìn xem kỹ càng) || N. tìm hiểu, cân nhắc trước khi đánh giá hay kết luận về điều gì. Td: *xét* đoán 察斷; *xét* thứ 察恕; *xét* thường 察傷; phán *xét* 判察; soi *xét* 燭察.

xi 槎 PÂ. Td: Lu-xi-phe 呖槎批.

xỉ 齒 H. thiếu, khuyết. Td: khuyết *xỉ* 缺齒 (thiếu răng).

xích 赤 H. đỏ. Td: *xích* tử 赤子 (con đẻ, ý nói bách tính).

xiêm 韜 HT. cách 革 (lấy ý) + yếu 韜 (lấy âm) || N. áo váy che thân. Td: *xiêm* mũ 韜帽.

xin 嗔 (嗔) HT. khẩu 口 (lấy ý) + chân 真/眞 (lấy âm - zhēn) || N. ngỏ ý mong ai đó cho mình cái gì hoặc đồng ý làm cho mình điều gì. Td: Xin Nho sĩ hãy thừa điều ấy 嗔儒士唉疎調衣.

xoay 搓 / 磋 HT. thủ 扌 / thạch 石 (lấy ý) + xuất 出 (lấy âm) || N. đổi hướng hoặc làm cho đổi hướng. Td: *xoay* đi vùn lại 磋移運吏.

xót 恤 HT. tâm 忄 (lấy ý) + xuất 出 (lấy âm) || N. thương tiếc. Td: *thương* xót 傷恤.

xú 臭 H. mùi. Td: vô *xú* 無臭 (không mùi).

xuân 春 H. mùa đầu tiên trong năm. Td: *xuân* hạ thu đông 春夏秋冬.

xuất 出 H. phát ra. Td: *xuất* ư thiên 出於天 (khởi phát bởi trời).

xúi 吹 GT. xuy 吹 (thổi) || N. xui dục người khác làm việc không tốt. Td:

xúi giục 吹逐. tr. 41 dùng từ *xúi* 吹 khác với từ *xúi* (khẩu 口 + thối 退) của tr. 57.

xúi (khẩu 口 + thối 退) tr. 57

xuôi 吹 GT. xuy 吹 (thối) || N. thuận chiều. Td: *xuôi* ngược 吹虐.

xuống 甞 HT. miên 𠂔 + long 竜 (lấy âm) + hạ 下 (lấy ý) || N. di chuyển từ trên cao đến vị trí thấp hơn. Td: xuống thế 甞世; bắt đày xuống 扒苔甞; hạ mình xuống 下命甞; quỳ xuống 跪甞.

xuyên 川 H. sông. Td: sơn *xuyên* 山川 (núi sông).

xử 處 H. quyết định hình án. Td: *xử* tử 處死 (quyết định án phải chết).

xứ 處 ÂH. xứ 處 || N. nơi cư trú. Td: xứ Hồ Quảng 處胡廣; trấn *xứ* 鎮處.

xứ Hồ Quảng 處胡廣 Hồ Quảng là tên gọi của Hồ Bắc và Hồ Nam, nằm trong địa phận Hà Nam ngày nay. Theo truyền thuyết, quê hương của Lão Tử ở huyện Khổ 苦縣, nước Sở 楚, hiện nay là Lộc Ấp 鹿邑 thuộc tỉnh Hà Nam.

xưa 初 GT. sơ 初 (ban đầu) || N. thời đã qua rất lâu rồi. Td: *xưa* nay 初矚; thuở *xưa* 課初.

xưng 稱 H. tự nhận. Td: mạo *xưng* 冒稱 (giả xưng tên). || N. tự nhận. Td: xưng mình là 稱命罍.

xứng 稱 ÂH. xưng 稱 (vừa hợp) || N. vừa hợp. Td: *xứng* đáng 稱當.

xương bình 昌平 H. 1. hưng thịnh và yên ổn. || 2. tên làng Xương Bình.

ý 意 ÂH. ý 意 || N. điều suy nghĩ. Td: ý sâu nhiệm 意湊冉; ý thành 意識.

yên 安 GT. an 安 || N. thư thái. Td: yên lòng 安悉.

yết 謁 H. gặp mặt. Td: Đế *yết* Lão Tử mới gia hiệu là Thái Thượng Lão Quân 帝謁老子買加號罍太上老君.

yêu 夭 ÂH. yêu 夭 (tai vạ) || N. thương, mền. Td: *yêu* chuộng 夭憊; *yêu* mền 夭勉; *yêu* mình làm trước 天命濫畧.

yêu 妖 H. ma quái. Td: *yêu* tinh 妖星.

yêu tinh 妖星 N. vật thể tưởng tượng có hình thù quái dị và có nhiều phép thuật và độc ác. Td: *yêu tinh* lệ quỷ 妖星厲鬼.

yếu 要 ÂH. yếu 要 (tính quan trọng) || N. không vững vàng. Td: *yếu* đuối 要澍.

PHẦN 4

BẢN HỘI ĐỒNG TỬ GIÁO

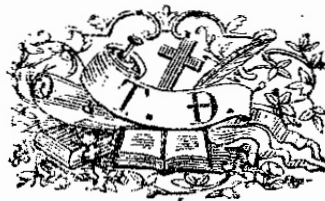
Chữ Quốc Ngữ

Phiên bản in năm 1887 và năm 1959



HỘI ĐÔNG TỬ GIÁO

In lần thứ ba.



TÂN BÌNH.

IMPRIMERIE DE LA MISSION.

1887.

Imprimatur .

Sàigòn, die 15 Junii anni 1887.

† ISIDORUS, Ep: Samosat:

Vic: Ap:



HỘI ĐỒNG TỬ GIÁO.

TỰ TÍCH.



Thuở đời Lê Cảnh Hưng, chúa Trịnh là Trịnh Đô vương, có bắt đặng hai thầy cả: một thầy phương tây, một thầy bản quốc, giam ở kẻ chợ, tại Khố Bành.

Khi ấy có một quan lớn, là chú chúa Trịnh Đô vương, chưa có đạo, mà mẹ người là bà Thượng Trâm, quê ở Cảnh Viên Hải Dương xứ, vốn có đạo, thường khuyên con chịu đạo; song quan lớn chưa biết đạo thật hư là dường nào. Lại thấy nhà chúa kính vì thầy chùa bà vải, cùng chuộng bên phù thủy pháp môn, thì lòng người cũng muốn theo bên nhà chúa, cho ra một ngõ cho dễ hơn. Nhưng mà lại thấy bà Thượng Trâm năng nhắc đến sự đạo; bởi người có lòng kính mẹ lắm, thì cũng phải chịu cho bằng lòng mẹ.

Vậy quan lớn đòi các đạo đến dinh người, mà nói lẽ đạo cho người nghe, xem bên nào phải trái là làm sao. Khi ấy có thầy đạo Nhu, thầy đạo Lão tử, thầy đạo Thích ca, và hai thầy cả, là thầy

đạo Thiên Chúa, cũng đều đến đó cả.

Bấy giờ quan lớn dạy rằng :

Vốn lòng ta chuộng sự thật, muốn biết đạo nào là đạo chính, để ta thờ phượng. Vậy các thầy đạo đã đến đây, thì phải giảng giải lẽ gì là lẽ chính trong đạo, cùng phải nói một khi một người, cứ thứ tự, cho ta nghe mà xét mới đặng.

TRƯỚC HẾT NHU SĨ RẰNG :

Thân lay quan lớn, vốn từ xưa đến nay, chẳng những một nhà nước ta, mà lại 18 nước chư hầu, và các nước bên phương đông này, các đứng để vương, công hầu, sĩ thứ, đều chuộng ba đạo ta, lấy làm chính đạo ; còn đạo ngoại quốc Hoa Lang, là đạo dị đoan đối trá phi lý. Nào có sự gì thật, mà phải bàn hỏi lẽ làm chi ; ví bằng đạo ấy chơn thật, thì nhà chúa đã chẳng cấm. — Như phò thầy Hoa Lang ngay lành, thì sao nhà vua bắt mà làm tội ? Ấy trước nhà vua đã luận xử tử mấy người ; rày phò thầy này còn đeo thói cũ, lại lên vào khuyên dỗ dân ngu, cho nên lại phải bắt giam ; nào có thanh chi ? Vậy phò thầy Hoa Lang có lẽ gì muốn thưa, để quan lớn thẩm xét cho, thì hãy thưa.

TÂY SĨ RẰNG :

Thân lay quan có lòng rộng thương cho chúng

tôi đang nói sự đạo, để người xét sự phải lẽ cho, thì chúng tôi mừng lắm. Song chúng tôi thấy lời Nhu sĩ nói rằng : *Vốn từ xưa đến nay, các đấng đế vương lấy ba đạo ta làm chơn chính*, thì sao trong tựa Đại học rằng : « Từ vua Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, nổi trời lên ngôi, lấy đạo trị thiên hạ. » Mà khi ấy chưa có đạo Nhu, đạo Lão tử, đạo Thích ca, vì ba đạo ấy mới có sau đời nhà Châu. Vậy các vua đã kể trước đó lấy đạo nào mà trị thiên hạ ? Vậy lời rằng : *Từ xưa đến nay, các đấng đế vương đều lấy ba đạo ta làm chơn chính*, đã ra đều chẳng thật.

Lại rằng : *Ba đạo ta là chánh đạo, còn đạo ngoại quốc là đạo dị đoan*. Ấy vậy đạo Nhu thì ở nước Lỗ, đạo Lão tử mới có đời nhà Châu vua Chiêu vương, ở xứ Hồ Quảng; đạo Thích ca ở nước Thiên Trước bên tây; chớ thì ba đạo ấy chẳng phải là đạo ngoại quốc sao ? Sao Nhu sĩ nhìn lấy làm ba đạo mình ? Nói làm vậy có thật chẳng?

Lại gọi chúng tôi là đạo *Hoa Lang* ; song thật chúng tôi chẳng phải là người Hoa Lang, cũng chẳng có đạo nào là đạo *Hoa Lang*, và chẳng biết Hoa Lang là nước nào nữa. Vốn chúng tôi là Tây sĩ đại Tây Dương, các nước thờ phượng Thiên Chúa, cho nên đạo chúng tôi gọi là *đạo Thiên Chúa*. — Mà bởi chúng tôi ước ao cho thiên hạ mọi nước biết *đạo Thiên Chúa*, mà thờ phượng, cho đời sau đặng hưởng phước thanh nhàn trên thiên đàng, cho nên chúng tôi để nhà quê đất nước, mà sang bên này, một có ý muốn giúp linh hồn người ta

đặng thoát hình phạt địa ngục, mà lãnh phước thiên đàng mà thôi. — Vậy chúng tôi đi qua nước nhà Minh, cũng đã ở đó một ít năm; đoạn mới sang đến nước này; bấy lâu những châu lưu đi khuyên người ta làm lành lánh dữ, cho đặng phước thật. — Mà Nhu sĩ rằng: *Nếu đạo ấy có chơn thật, và phò thấy ấy ngay lành, sao nhà vua có bắt mà làm tội?* Thì việc nhà vua, chúng tôi chẳng dám xét; song chúng tôi xin hỏi Nhu sĩ đều nói khi nấy rằng: *Vốn từ xưa đến nay, các đấng đế vương đều yêu chuộng lấy ba đạo ta làm chánh đạo*, thì sao đời vua Tần Thủy Hoàng nghe lời người Lý Tư mà đốt sách Nhu, chôn các học trò Nhu, chê ghét đạo Nhu? Đến đời Đông Hán, vua Minh Đế chuộng đạo Thích ca, mà chê đạo Nhu. Đời nhà Tống, vua Huy Tông chuộng đạo Lão tử, mà chê đạo Thích ca. Chớ thì ba đạo ấy, khi nào thật khi nào giả, khi nào chánh khi nào tà, mà đấng đế vương khi yêu khi ghét, khi khen khi chê, cùng cấm đoán làm vậy, thì lẽ làm sao? Xin Nhu sĩ hãy giải đều ấy, rồi chúng tôi sẽ thừa đều kia.

NHU SĨ RẰNG :

Người là đấng làm vua cai trị; hễ người phán dạy thế nào, thì thiên hạ phải vâng cứ, nào có biết đặng vì lẽ làm sao?

TÂY SĨ RẰNG :

Bã vậy, thì ông đừng cứ đều ấy rằng: *Nếu đạo chơn thật, sao có cấm, sao có bắt người mà làm*

tội làm chi ? — Lại nói rằng : *Đạo ngoại quốc là đạo dị đoan phi lý*, thì trong đạo chúng tôi xét thế này : Một là xét *Cội rễ người ta bởi đâu mà sinh ra* ; hai là xét *người ta ở đời này, phải làm thế nào* ; ba là xét *sự cùng người ta chết rồi đi đâu* ? Ấy ba điều ấy, xin quan lớn và các thầy xét có phải là đạo dị đoan phi lý chăng ?

Bấy giờ quan lớn rằng :

Những điều ấy xem ra cũng có lý, thì trong bốn đạo phải giải nghĩa ba điều ấy là thế nào, cho ta nghe ; song hãy giải một ngày một điều, mới thông thả đặng .





NGÀY THỨ NHẤT.

GIẢI ĐUÔI THỨ NHẤT, LÀ CỘI RỄ NGƯỜI TA BỞI ĐÂU
MÀ SINH RA .

I .

TRƯỚC HẾT NHU SĨ RẰNG :

Trong đạo Nhu, các sách thánh hiền đều hiệp một ý mà dạy rằng : Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra ; mà khi ngũ hành chưa chia phân ra, thì ở lộn làm một khí, gọi là Thái Cực, như lời sách Tánh lý rằng : *Thái Cực động nhi sanh dương, tĩnh nhi sanh âm, dương biến âm hiệp nhi sanh ngũ hành, là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ* ; nghĩa là khí Thái Cực, khi động thì sanh ra dương, khi lặng thì sanh ra âm ; khí dương tan khí âm hiệp mà sanh ra ngũ hành, là kim, cây, nước, lửa, đất. Ấy vậy cũng bởi một khí mà hóa sinh muôn vật, như lời Trình Tử rằng : *Vạn vật chi thủ bất quá tán tụ nhi dĩ*, nghĩa là cội đầu muôn vật, thì tại khí tan ra, rồi hiệp lại mà thôi. Bởi đó đạo Nhu lấy Thái Cực làm đầu cội rễ mọi sự .

TÂY SĨ RẰNG :

Vốn giống khí không, nó động thì động mãi,

cho đến khi có sự gì khác ở ngoài nó mà ngăn cầm nó lại, thì mới thôi động; mà khi nó an thì an mãi, cho đến khi có sự gì ở ngoài nó mà đẩy động nó, thì nó mới động mà chớ. Vậy khi dầu hết, có một khí Thái Cực, thì Thái Cực nhờ đi gì mà làm cho nó động khi nó đang an, cùng làm cho nó an đang khi nó động? Vậy bởi tay ai, hay là phép ai phân hai khí ấy ra, và khiến định xây vắn, thì nó mới có khi động khi lặng mà chớ? Bằng nó tự nhiên bởi một mình nó mà động lặng, thì chúng tôi chưa phục lẽ ấy.

NHU SĨ RẰNG:

Tự nhiên nhị khí chi đạo liên phân ra, nghĩa là tự nhiên phép hai khí liên phân ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông nói làm vậy cũng như nói rằng: An sinh ra động, động sinh ra an; lạnh sinh ra nóng, nóng sinh ra lạnh; trời sinh ra đất, đất sinh ra trời; ngày sinh ra đêm, đêm sinh ra ngày; cha sinh ra mẹ, mẹ sinh ra cha; như sách Kinh Dịch cũng có một nơi nói thể ấy rằng: Khí âm làm mẹ khí dương, khí dương lại làm cha khí âm. Nào có điều gì nghịch tai hơn nữa sao?

NHU SĨ RẰNG:

Nhị khí động tịnh thể ấy, vốn từ trước vô cùng;

là hai khí động lặng thỉ ấỵ, vốn từ xưa đến nay chẳng khi dừng.

TÂY SĨ RẰNG :

Ông là người Nhu, cách vật cùng lý, mà còn nói thỉ ấỵ, làm sao nghe cho dặng ? Vốn khí âm khí dương không có tri giác linh minh, lẽ nào mà nó động lặng mãi từ trước vô cùng cho dặng ? Vì hễ vật gì không có tri giác, thì nó chẳng hề làm cho mình nó dặng động dặng ; lại nó cũng không sinh ra mình nó dặng nữa ; mà nó tự nhiên động lặng từ trước vô cùng làm sao dặng ? Nói làm vậy có phải lẽ mà nghe dặng chẳng ?

II.

THẦY PHÁP MÔN GIẢI CÂU ẤỠ RẰNG :

Sách bên chúng tôi có nhiều lẽ rõ ràng lắm ; Tây sĩ muốn biết cội rễ muôn vật, thì đã tóm lại trong một câu thánh Thái Thượng truyền rằng : *Đạo sanh nhứt, nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật, hư vô tự nhiên chi đại đạo*, nghĩa là lẽ tự nhiên sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra muôn vật, tự nhiên hư không là đạo cả.

TÂY SĨ RẰNG :

Chữ *Đạo* ở đầu câu ấỵ là đi gì ? Vì chữ *Đạo* là

cái chữ không, chẳng phải là vật hằng có, mà ở một mình sao đặng? Phải có người hay là giống gì khác, thì mới có *đạo* ấy đặng, cho nên chữ rằng: *Thiên địa vạn vật chi đạo*, là lẽ phải thuộc về trời đất muôn vật. — Lại: rằng *Đạo sanh nhứt*, *nhứt* ấy là đi gì? *Nhứt* là người hay là loài khác, cũng chẳng có lẽ mà *Nhứt* không ở một mình đặng nữa. — Cùng rằng: *Hư vô đại đạo*. Vốn thiên hạ xưa nay đã biết chữ *hư vô* là trống không mọi đàng, mà còn làm đặng đạo cả làm sao? Kìa thấy hãy xem cái lều bốn cột, tuy là việc nhỏ mọn, cũng phải có kẻ làm mới có; chưa hề thấy cái lều nào bởi tự nhiên *hư* không mà dựng nên đặng; phương chi trời đất muôn vật, là việc cả thể dường ấy! — Như rằng: *Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra muôn vật*. *Ba* ấy là giống gì, làm cách nào mà sinh ra muôn vật? Nói càn ngang làm vậy, có phải lẽ mà nghe đặng chẳng? Ấy bên đạo thấy Pháp sư chỉ lấy *hư vô* tự nhiên làm đứng cội rễ mọi sự, thì chúng tôi chưa chịu.

III.

THẤY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY THẾ NÀY:

Trong sách *Tâm Đẳng*, đầu bài *Cửu Kiếp*, nói rằng: *Đầu trước hết, có một hạt sương, là hư vô là Phật tánh, mà hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần; một phần xanh làm trời, một phần vàng, làm đất, một phần trắng làm người; bấy giờ hóa nên một tên là Nguyễn Thử. Đoạn ba phần ấy*

hiệp lại nên một cái trượng lớn lắm, mà cái trượng ấy lại hóa ra làm bốn tấm; một tấm làm trời, một tấm làm đất, một tấm làm cha, một tấm làm mẹ. Mà muôn sự mẫu nhiệm lạ lùng khác tỏ ra Phật phép tắc vô cùng, đã có tỏ tường trong sách Tâm Đương, đầu bài Cửu Kiếp; song tôi kể tắt một ít phép lạ cho Tây sĩ nghe.

Trước hết, đầu đức Phật Thích ca đã hóa nên 36 tầng trời; lưỡi người đã hóa nên cột vàng chống trời; hai chơn và hai tay đã hóa nên bốn vua trên trời; hai xương sườn cụt đã hóa nên hai bụt, còn bao nhiêu xương sườn thì hóa nên ba bụt; còn xương khác thì hóa nên 360 bụt; hai đầu gối đã hóa nên 84,000 bụt; ruột già đã hóa nên sông cả, ruột non đã hóa nên sông nhỏ; cùng muôn vàn phép lạ khác nữa; song kéo nói lâu, thì kể tắt bấy nhiêu. Tây sĩ muốn biết cho rõ, thì sẽ cho xem trong sách đạo Phật.

TÂY SĨ BẮNG :

Những lời thầy nói, thật là dị kì lắm. Chớ thì sao trong sách như rằng : *Phật mới sinh ra ở đời nhà Châu, vua Chiêu vương, năm 24, tháng 4, ngày mồng 8, ở nước Thiên Trúc; tên vua cha là Tịnh Phan vương, mẹ là Ma Da thị, vợ là Na thị, thiếp là Như La, tên Phật là Thích Đạt đa, cùng là Nhẫn nhục, hiệu Thích Ca Mâu ni phật, mà sinh ra trời đất muôn vật bao giờ? Chớ thì Thích ca chưa sinh ra trời đất, thì các vua đời trước, như Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, và cha mẹ Phật cùng thiên hạ*

đời ấy, lấy chỗ nào mà ở, ăn những gì gì ở sống ? Thấy nói làm vậy, có hiệp với sách sao ? có phải lẽ mà nghe dạng chẳng ? Thật là đều bày đặt, nói hoang mang cho chúng kinh mà phỉnh đời đời dân, như lời ông Hàn Dũ đã đoán về đạo Phật thế ấy mà chớ.

NHU SĨ RÀNG :

Ai tin chẳng mặc ai ; ba ta cứ lẽ đã chép trong sách đạo ta mà nói rồi thì thôi ; nào có phải lời riêng chúng tôi mà cãi ; bây giờ bèn đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao ?

IV.

TÂY SĨ GIẢI THỂ NÀY :

Trong Sách Kinh chúng tôi có lời rằng : *Thước đầu hết, không trời không đất, không thần không người, không vật gì, thì có một Đấng tự hữu, thiêng liêng, hằng sống, tự phước, tự đức, rất tron lành, rất công bình, rất nhơn từ, rất phép tắc, là Đức Chúa Trời thật.*

Ngài phán một lời, liền có trời đất, thần người, cùng muôn vật ; Ngài chẳng lao tâm lao lực, cùng chẳng dùng giống chi mà dựng nên, một dùng phép tắc vô cùng mà chớ. Đầu mà muốn dựng nên mọi sự trong một giây, cũng dặng ; song bởi có ý mầu nhiệm, Người đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày, mà ngày sau hết, là ngày thứ sáu, mới dựng nên loài người ta. — Trước dựng nên người

nam, đặt tên là A dong ; lại dựng nên một người nữ, tên là E và, để sinh sản con cháu, cùng làm tổ tông hết cả loài người ta cho đến đời đời. Cho nên dầu ai ai ở khắp đông tây nam bắc, cũng bởi một cội rễ, là hai ông bà ấy, mà ra thấy thấy; cho nên trong sách rằng: *Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã*, nghĩa là trong người bốn biển là anh em với nhau cả, vì là bởi một nguyên tổ mà sinh ra. — Từ thiên Chúa tạo thiên lập địa cho đến rày kể đã hầu sáu ngàn năm. Bấy nhiêu sự đã kể tỏ tường trong Tây Sử, gọi là sách *Sấm truyền*, rày còn có chứng rõ ràng đó.

NHU SĨ RẰNG :

Bấy nhiêu chuyện thấy nói, cũng là sự lạ lùng bày đặt mà chớ ; vì trời đất đều là tại lý khí gây nên tự nhiên nhi nhiên, nào có ai sinh ra đâu ? Thiên Chúa ấy là Chúa riêng nước phò thấy, đừng khoe đều ấy bên phương đông nầy làm chi ? Vì nếu có phải là Chúa chung cả và thiên hạ vạn dân, thì người ta cũng biết. Như sao từ xưa đến nay, chẳng những là chẳng có ai thấy Chúa ấy bao giờ, mà lại trong sách Nhu các đấng thánh hiền đã truyền, chẳng hề có thấy nói đến tên Thiên Chúa bao giờ sớt, thì làm sao ? Ấy chẳng là đều bày đặt, mà phỉnh phờ người ta sao ?

TÂY SĨ RẰNG :

Thấy nói trời đất đều tại lý khí gây nên tự nhiên nhi nhiên, thì sao trong sách Khổng Tử Gia

Ngũ rằng : *Chúa Thiên địa dĩ sanh vạn vật*, là Chúa trời đất sinh muôn vật ? Lại trong sách Tiểu Học Cao ly cũng rằng : *Thiên Chúa sanh thiên, sanh địa, sanh nhơn*, nghĩa là Chúa trời sinh trời, sinh đất, sinh người . Ấy bấy nhiêu lời trong sách chỉ đi gì ? Chẳng chỉ tỏ tường có Chúa sinh nên trời đất muôn vật sao ? — Thử xem thợ kia lấy gỗ làm nhà, thì đặng thật ; song gỗ tạc lấy gỗ làm nhà một mình, chẳng có nhờ tay thợ nào sớt, đều ấy xưa nay đã có ai nghe thấy bao giờ chẳng ? Huống chi nói lý khí không, bởi một sức nó mà gây dựng trời đất , cũng như nói rằng : *Dương sanh âm, âm sanh dương*, hay là trời sanh đất, đất sanh trời ; nói làm vậy, thì chẳng nghịch lý lắm sao ?

Chữ rằng : *Thiên phúc địa tải*, là trời che đất chở ; vì trời là nhà, đất là nền . Hễ có nhà, thì có chủ nhà ; có trời đất, thì có Chúa trời đất, mới hiệp lẽ mà chớ . — Lại chữ rằng : *Vật bất tự thành*, nghĩa là mỗi một vật chẳng sinh nên mình đặng . Kìa như cái cối xay kia, tuy là vật nhỏ mọn, nếu chẳng nhờ tay người ta làm, thì đời nào nó có quay đi đặng ? Phương chi mọi việc trong trời đất, đã có luật phép lớp lang thứ tự ; nếu chẳng có Đấng nào phép tắc gây dựng, cai trị, sửa sang, làm sao đặng ? Vậy nói tự nhiên mà có làm vậy, ắt là chẳng suy cho cùng lẽ mà chớ .

Kìa ta xem thấy mặt trời cao hơn mặt trăng, mặt trăng cao hơn khí, khí nổi trên đất, nước chảy quanh đất, đất theo bốn mùa mà sinh ra hoa quả thảo mộc ; nước thì nuôi tôm cá, khí thì nuôi muôn

chim ; mặt trời soi sáng ban ngày, mặt trăng soi sáng ban đêm ; các tầng trời xây đi vẫn lại, phân làm đêm ngày ; có khi nắng, khi mưa, khi gió, cùng làm sấm sét bão bùng . Có bốn mùa tám tuyết, xuân hè thu đông ; đất trở sinh hoa quả thảo mộc cho người ta dùng . -- Nếu không Đấng cầm quyền ra máy nhiệm , thì sao khiến đặng trời xây đi vẫn lại ? Sao hay khiến đặng bốn mùa thay đổi, mà chẳng lỗi thì tiết sao đặng ? Nếu những lý khí không tri giác, thì sắp đặt mọi sự dường ấy làm sao đặng ? Các đều làm vậy, nào phải là tự nhiên nhi nhiên sao ? Nói làm vậy , ắt là ông suy chưa đủ lẽ mà chớ .

Bằng sự ông nói : *Nếu có Chúa, thì sao xưa nay chưa hề có ai xem thấy*, thì phải biết, Thiên Chúa là *Đấng thuần thần, vô hình vô tượng, vô tính vô xứ*, nghĩa là Đấng thiêng liêng, không hình không tượng, không tiếng không mùi, mà con mắt xác thịt xem thấy sao đặng ? Cũng như khi người ta nói ma quỷ cùng linh hồn, mà mỗi người mỗi có linh hồn trong xác, mà ông đã thấy ma quỷ cùng linh hồn chưa ? Hay là bởi chẳng xem thấy, thì chẳng tin có ma quỷ, chẳng tin có linh hồn chẳng ? Lại cũng có sự chẳng phải thiêng liêng, mà người ta xem chẳng thấy, như gió khi động cây cối, nào ai đã thấy hình gió thể nào ? Chử rằng : *Cứ lý bất khả cự mục*, là phải cứ lẽ mà xét, đừng cứ theo con mắt mà thôi .

Còn đều sau hết ông nói rằng : *Xưa nay trong các sách chẳng thấy có nói đến tên Thiên Chúa chỗ nào* rồi, ấy ông thường đọc sách luôn luôn, mà nói

chẳng thấy làm sao ? *Kìa đời Hán, Võ Đế mạng Mật Đế tác vi kim nhơn dĩ tế Thiên Chúa; kì hậu hữu tự Thiên Chúa ư Thiên Trai*, nghĩa là đời Hán, vua Võ Đế dạy người Mật Đế làm người vàng mà tế Thiên Chúa; đến sau lại làm lễ cầu cùng Thiên Chúa trên trời thanh; mà tên Thiên Chúa là như tên Thượng Đế, vì cũng một nghĩa là Vua trên trời.

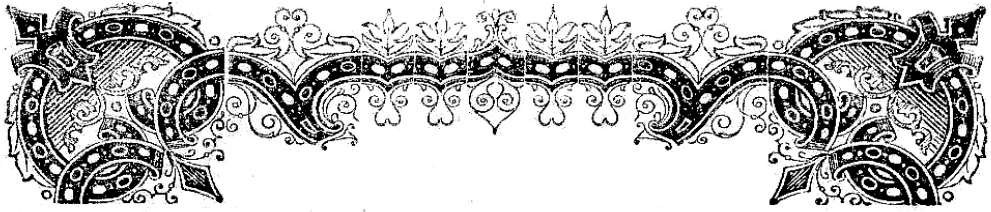
Kìa sách Kinh Thư rằng : *Duy hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ dân*, là có một vua cả trên trời ban đạo lành cho dân dưới thế. — Lại Châu thư rằng : *Khắc tướng Thượng đế, sung tuy tứ phương*, nghĩa là đặng giúp vua trời an võ bốn phương. — Lại trong Kinh Thi Đại Nhã rằng : *Thượng đế lâm nhữ*, là vua trên trời đoái đến mây. — Trong Kinh Thi thiên Cháp Cạnh rằng : *Thượng đế thị hoàng*, nghĩa là Thượng đế là vua cả trên trời. Lại sách Kinh Thi thiên Đẳng rằng : *Đẳng đẳng Thượng đế hạ dân chi bích*, nghĩa là Thượng Đế rất cao trọng là vua dân dưới thế. — Lại trong thiên Thần Công rằng : *Chiêu minh Thượng đế, ngật dụng khương niên*, nghĩa là Thượng Đế là đứng cao sáng, ban cho thiên hạ đặng mùa. — Ấy Thượng Đế là ai, có phải là âm dương hai khí không tri giác chẳng ? Thật là Đứng thiêng liêng, sáng láng, thông biết mọi sự, làm Vua trên trời dưới đất, cai quản hết thiên hạ, xuống phước cho kẻ làm lành, xuống họa cho kẻ làm dữ. Ấy sách nhà Nhu gọi rằng Thượng Đế, thì cũng như trong sách đạo chúng tôi gọi rằng : Đức Chúa Trời. Tại người ta đọc ngoài miệng mà không xét trong lòng, nên mới

nói rằng, không thấy tên Thiên Chúa mà chớ. Song những người tri lý, nào có nên lấy lẽ xưng tên khác mà nói rằng : không thấy nói đến tên Thiên Chúa trong sách nào , vì tuy xưng tên khác mà nghĩa lý cũng vậy . Như trong các sách Kinh Sử bên Đại Tây, chẳng thấy tên vua Phục Hy , Thần Nông , Huỳnh Đế , Nghiêu , Thuấn , thì các người tri lý bên ấy chẳng tin có vua Phục Hy , Thần Nông , Huỳnh Đế , Nghiêu , Thuấn sao ? Vì hễ những điều có thật , dầu mắt ta không xem thấy mặc lòng , thì cũng phải tin là có thật mà chớ .

Bấy giờ quan lớn phán đoán rằng :

Ta nghe bốn đạo cứ lẽ đã chép trong sách đạo mình mà nói theo thứ tự làm vậy , thì ta hiểu đặng rõ ràng . Song thấy Nhu sĩ , thấy Pháp sư , thấy Hòa thượng nói lẽ đạo mình rồi , mà khi Thấy Tây sĩ bắt lẽ nọ lẽ kia , thì các thầy giải không đặng cho xuôi ; còn Nhu sĩ bắt bẻ Tây sĩ nhiều lẽ , mà Tây sĩ giải lại , nghe cũng thật thông . Vậy nên ta đoán đạo Thiên Chúa về đều thứ nhất là đạo thật đạo chánh , chẳng hồ nghi , vì có lẽ mạnh hơn ; và sánh so sự lý , trưng chứng sách vở , chắc chắn hơn bội phần mà chớ .





NGÀY THỨ HAI.

GIẢI ĐỀ THỨ HAI, LÀ NGƯỜI TA Ở ĐỜI NÀY PHẢI
LÀM THỂ NÀO .

I.

ĐỀ NÀY NHƯ SĨ GIẢI RẰNG :

Trong đạo Nhu, thánh Khổng Tử có truyền tám điều làm qui mô (khuôn phép), để mà dạy người ta thể này : *Cách vật nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chánh, tâm chánh nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu bình thiên hạ* ; nghĩa là xét vật thì mới biết trọn, biết trọn rồi mới thật trong ý, thật ý rồi mới chánh trong lòng, chánh lòng rồi mới sửa mình, sửa mình rồi mới sửa nhà, sửa nhà rồi mới trị nước, trị nước rồi mới an thiên hạ . — Lại dạy thờ *Thượng Đế*, tế *Quỷ Thần*, tế *Lục Tóng* ; dạy người ta tu *Ngũ đức* : *Nhơn, ngãi, lễ, trí, tín*, nghĩa là thương yêu, công bình, lễ phép, khôn ngoan, ngay thật ; dạy người ta giữ ngũ luân, là vua tôi thì giữ đều ngãi, cha con giữ đều nhơn, vợ chồng thì có phân biệt, anh em thì giữ hòa thuận, bạn hữu thì chỉ tín .

TÂY SĨ RẰNG :

Bên Nhu thờ Thượng Đế là đẳng đường nào ?

NHU SĨ RẰNG :

Thượng Đế là trời, song chẳng phải là trời xanh xanh, con mắt ta xem thấy đâu ; thật là phép trời, lòng trời, là đứng thượng trí hay soi xét, hay cai trị, ở trong mình trời, con mắt ta xem chẳng thấy đâu. Trong Kinh Diệc có lời thầy Trình Tử rằng : *Dĩ hình thể vị chi thiên, dĩ Chúa tế vị chi đế* ; nghĩa là luận về hình thể gọi là trời, luận về cai trị gọi là đế. Châu Tử rằng : *Thiên địa chi tâm, tâm thị Chúa tế*, nghĩa là trời đất có lòng, lòng là Chúa tế. Sách Tánh lý rằng : *Tâm tự thị đế, đế dĩ thiên chi Chúa tế* ; nghĩa là chữ tâm là đế, chữ đế là Chúa cai trị. Vì vậy Thượng Đế là Chúa Tế trên trời.

TÂY SĨ RẰNG :

Trời xanh này có hình thể không mà thôi, như trong sách Sử chép lời Hồ Thị rằng : *Khí phù nhi vi thiên dã, bất quá mang mang nhứt thái hư nhĩ*, nghĩa là khí nổi lên làm trời, chẳng qua là một khí lớn hư không mù mù vậy mà thôi. Vậy trời là khí thái hư, chẳng phải là vật có linh minh (thiêng sáng), có sống đâu ; nên chẳng có đầu, chẳng có bụng ; mà sao thầy nói Thượng Đế là

lòng trời? — Lại rằng : làm một cùng trời, ở trong mình trời, sao dặng ? Vì trời hằng xây đi vắn lại, chẳng khi dừng, như sách Đại Học rằng : *Thiên vận tuần hoàn vô vãng bất phục*, nghĩa là vòng trời xây vắn có qua có lại . Vậy Thượng Đế đã xưng là Chúa Tể, còn phải tùy trời mà xây đi vắn lại, làm một cùng trời đêm ngày quanh trái đất chẳng khi dừng, thế ấy thì chẳng là xấu hổ quái gở cho Thượng Đế sao ? Nếu Thượng Đế chẳng có nơi nào mà nương dựa, còn đi gì là Thượng Đế nữa sao ? Nói làm vậy thì chưa cùng lý . — Phải nói Thượng Đế là Đấng thiêng liêng ngự lâu đài tòa các trên trời, cùng khiến trời xây đi vắn lại, mới phải mà chớ . Kìa Hoa Phong Nhơn² rằng : *Qui vu đế hương*, nghĩa là về kinh đô vua trời . Lại lời Châu Công nói trong Thiên Kim Đẳng rằng : *Nãi mạng qui vu đế đình*, nghĩa là bèn khiến về trước sân vua trời ngự ; ấy chẳng phải là Thượng Đế có đền đài tòa các ngự trên trời sao ? — Vậy ông nói Thượng Đế là lòng trời, ở chung lộn làm một cùng trời, thì chúng tôi chẳng chịu lẽ ấy .

TÂY SĨ HỎI RẰNG :

Quý Thần là đi gì, vì làm sao mà phải thờ ?

NHU SĨ RẰNG :

Kinh Diệc rằng : *âm dương bất trắc vị chi thần*; lại rằng : *Dĩ công đức vị chi quý thần, dĩ diệu dụng vị chi quý thần* ; nghĩa là khí âm dương sâu nhiệm,

hiếu không đặng, gọi là Quỷ Thần ; lại rằng : vì có công đức nên gọi là Quỷ Thần , vì mầu nhiệm nên gọi là Quỷ Thần ; mà phải thờ phượng, vì có ý cậy Quỷ Thần phù hộ nước nhà, cho dân an vật thịnh ; như lời thánh Khổng Tử rằng : *Vụ dân chi ngãi , kính quỷ Thần nhi viễn chi , khả vị trí dã*, nghĩa là hãy lo lắng sửa sang việc dân sự, còn Quỷ Thần thì kính thờ mà để ở xa cách, ấy là kẻ có trí vậy.

TÂY SĨ RÀNG :

Ví bằng Quỷ Thần là đứng thiên liêng phép tắc, thì mới giữ nước, giúp dân đặng ; song bên nhà Nhu gọi Quỷ Thần là âm dương nhị khí, như lời Trình Tử rằng : *Khí chi thân dã vi Thần , huyết dã vi Quỷ*, nghĩa là khí giang ra ấy là Thần, khí nhóm lại ấy là Quỷ . Châu Tử rằng : *Quỷ Thần chỉ thị khí*, nghĩa là Quỷ Thần vốn là khí mà thôi. Ấy bấy nhiêu lời giải rõ, Quỷ Thần đều là khí vô tri vô giác mà chớ . Nào ta có nên thờ phượng, trông cậy khí vô tri vô giác ấy phù hộ cho ta đặng sự lành khỏi sự dữ sao ? Ấy là thờ lạy hư không mà chớ .

NHU SĨ RÀNG :

Sách Trung Dung rằng : *Quỷ Thần chi vi đức kì thanh hĩ hử* ; Châu Công rằng : *Quỷ dã âm chi linh dã , Thần dã dương chi linh dã* ; nghĩa là Quỷ Thần có công đức cũng nhiều lắm ; lại Quỷ là đứng linh về khí âm, Thần là đứng linh về khí dương, cho nên đạo Nhu dạy thờ Quỷ Thần, là đứng linh thiên liêng có phép tắc, chẳng phải là vật vô tri vô giác đâu.

TÂY SĨ RẰNG :

Vốn trong trời đất thì có Thần, mà Thần có hai thứ: Một là Thần lành gọi là Thiên Thần hay là Thiện Thần, thì nên kính thờ; hai là Thần dữ gọi là Quỷ Thần hay là Ác Thần, ấy là Quỷ Ma yêu quái, thì chẳng nên kính thờ. Như trong triều đình thì có quan, mà quan cũng có hai thứ: một là quan trung gọi là Trung thần, Lương thần; hai là quan nịnh gọi là Gian thần, Nghịch thần. Vậy dân sự tôn kính vưng theo quan Trung lương, là quan ngay lành, thì thậm phải; bằng dân sự tôn kính vưng theo quan Gian nịnh, là quan nghịch ngụy, thì chẳng nên, vì cũng phải mắc tội ngụy nghịch với triều đình mà chớ. Vậy trong các đình miếu, người ta tế tự thờ lạy Quỷ Thần, xin xuống phước cho dân, đừng phá phách làm hại làm khốn dân. — Vả lại thờ Quỷ Thần, ấy là thờ Ác thần, ấy là thờ Quỷ Ma, là loài rất dữ, lẽ nào mà nó xuống phước cho ai đặng? Nó một làm khốn hại người ta mà chớ. Vậy nhà Nhu dạy thờ Quỷ Thần, là Ác Thần, là Quỷ Ma, thì tôi chẳng chịu lẽ ấy.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG :

Còn tế Lục Tông là đi gì?

NHU SĨ RẰNG :

Trong Kinh Thư truyền rằng: *Lễ vu lục tông*, là tế sáu thứ: một là tế mùa lạnh nóng, hai là tế mặt

trời, ba là tế mặt trăng, bốn là tế mưa nắng, năm là tế các vì sao, sáu là tế núi sông; mà khi tế làm vậy, có ý thờ phượng tạ ơn bấy nhiêu đáng ấy, đã soi sáng xuống khí lành cho thiên hạ đáng nhờ.

TÂY SĨ RẰNG:

Vả chẳng mùa lạnh nóng, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, mưa nắng, núi sông, cùng muôn sự muôn vật khác, dầu mà nó sáng tốt trọng vọng đường nào mặc lòng, thì cũng chẳng dám sánh bày với loài người ta đáng, vì bấy nhiêu sự ấy là vật có hình thể, chẳng có sự sống, chẳng có tri giác; chỉ có một loài người ta có hình thể, có tri giác, có tính thiêng liêng hằng sống. Sách Kinh Thư rằng: *Duy nhơn vi vạn vật chi linh*, nghĩa là có một loài người ta thì thiêng sáng hơn muôn vật thấy thấy. Ấy vậy loài người ta là đứng trọng vọng thiêng sáng, mà lại thờ phượng các vật thua kém, hèn hạ, chẳng bằng mình, thì sao cho phải lễ? Có một khi thờ phượng tế lễ chính Đấng cao trọng, đã sinh nên bấy nhiêu sự vật ấy, thì mới nên, mới phải lễ mà chớ.

Khi ấy quan lớn phê đoán rằng:

Tây sĩ phân biệt sự tế Quí Thân cùng tế Lục Tòng, ta lấy làm rõ ràng phải lễ lắm. Biện phân thần lành là thiên thần, thì nên kính thờ còn; thần dữ là quí thần, chẳng nên kính thờ; cũng như quan trung lương, thì dân sự nên tôn kính vưng phục, còn

quan nguy nghịch, thì dân sự chẳng nên tôn kính vưng theo, ấy là điều chắc thật rõ ràng. — Lại trưng chứng loài người ta quý trọng hơn muôn vật thấy thấy, chẳng nên thờ lạy những vật thua kém chẳng bằng mình; phải thờ lạy Đấng cao trọng hơn mình, đã sinh dựng nên bấy nhiêu sự vật ấy, mới phải lễ. *Thử ngón kim du biện bạch, ngọc thạch phân minh, tức phá thiên cô chi hoặc*, nghĩa là lời nầy vàng thau rõ biện, đá ngọc phân minh, đã đủ mà phá sự lầm lỗi xưa nay.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG :

Bằng kẻ tu ngũ Đức, và giữ ngũ luân cho nên, thì đặng phước thể nào; mà kẻ chẳng giữ thì phải tội phạt thể nào chẳng ?

NHU SĨ RẰNG :

Từ thân ông viết : *Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo*, nghĩa là lành có trả lành, dữ có trả dữ ; lại sách Thượng Thư rằng : *Tác thiện giáng chi bá tường, tác bất thiện giáng chi bá ương*, nghĩa là kẻ làm lành thì xuống cho trăm đều lành, kẻ làm dữ thì xuống cho trăm đều dữ .

TÂY SĨ RẰNG :

Nếu làm vậy, sao cũng thường thấy ở đời này có nhiều kẻ tu đức cho đến chết, mà những phải gian nan khổ não mãi ; nào có thấy thiện hữu

thiện báo đâu? Chớ thì ai báo, mà đến bao giờ mới báo, ấy thế chẳng là lời nói không sao?

NHU SĨ RẰNG :

Kể ở đời hiền lành ngay thảo cho đến chết, mà chẳng dâng thiện báo, thì con cháu nó sẽ dâng mà chớ.

TÂY SĨ RẰNG :

Ví bằng cha ông hiền lành, lập công tích đức, mà chẳng dâng phước gì, đến đời con cháu, hoặc phải đọa xấu nét dữ dần mãi, mà nó lại dâng hưởng phước, thì làm sao cho phải phép công bình? — Lại có kẻ nét na, nhưn ngãi, trung tín, song chẳng có con nào sốt, chúc ấy thế nào? Vì chẳng những là kẻ ấy hồng phước thiện báo, mà lại phải tội; chớ thì câu *thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình*, là dữ lành có trả như bóng theo hình, thì ở đâu? Nói làm vậy có thật sao? Ấy bởi đâu kẻ tích đức cũng chẳng trông hân sự hưởng phước, lại kẻ làm dữ cũng chẳng lo sợ sự phạt tội là bao nhiêu? Hãy xem, có nhiều kẻ nhu đã thông minh cùng lý, lại làm nhiều sự phi lý, gặp chánh thì chánh, gặp tà thì tà, chẳng lo sanh tử tội phước là gì, một muốn theo tư dục mình mà thôi. Ấy bấy nhiêu sự ấy bởi đâu mà ra? Thật bởi đạo Nhu chẳng dạy hân Đứng nào thưởng phạt cho tỏ tường chắc chắn mà chớ.

NUHU SĨ RĂNG :

Chang phải bởi đều chẳng dạy cho tổ tướng, một bởi đều có kẻ *bầm thọ* là lãnh chịu hai khí âm dương thuận, liền sinh ra hiền lành ngay thật; lại có kẻ *bầm thọ* âm dương hai khí chẳng thuận, liền sinh ra tà vạy gian dữ. Ấy vậy mạng trời đã phú cho có kẻ sang kẻ hèn, kẻ giàu kẻ khó, kẻ dữ kẻ lành, kẻ trí kẻ ngu, kẻ thánh kẻ phàm, mà ai dạy làm sao dặng?

TÂY SĨ RĂNG :

Đa vậy, hề bao nhiêu kẻ lành kẻ "dữ" đều tại thiên mạng phú cho, thì còn khuyên người ta cải dữ về lành, sửa mình tu đức làm chi nữa? Nếu vậy, phép nhà nước khi trách phạt kẻ có tội, thì chẳng oan nó sao? Nào có phải tại nó làm nên tội, mà nó chịu phạt cho cam, vì là tại thiên mạng phú cho nó *bầm thọ* lấy khí xấu khí nghịch, mới hóa ra làm vậy, mà phạt nó làm sao? Như nói làm vậy, mọi tội đều đổ cho thiên mạng mà ra thấy thấy; bởi đó kẻ làm lành cũng chẳng dặng công phước gì, kẻ dữ cũng chẳng mắc phải tội vạ gì sao? Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe dặng chẳng? — Sau nữa bèn Nuhu sĩ có thờ thánh nào nữa chàng?

quyền cả và thiên hạ phương đông này, đều thờ phượng đức thánh Khổng Tử và Tứ Phối, Thập Triết, là bốn thánh mười hiền; gọi thánh Khổng Tử là *Thiên tửng chí thánh*, nghĩa là thánh trời sai, và phong là *Đại thành chí thánh Văn Tuyên vương*, nghĩa là vua Văn Tuyên rất trọn rất thánh; vì người đã có công trọng dọn Lục Kinh, là Kinh Diệc, Kinh Thư, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Xuân Thu, truyền đạo cho thiên hạ đặng học; lại xin người phù hộ cho các học trò đặng sáng trí, học các sách người đã truyền, cùng thi đỗ đặng làm quan sang trọng; cho nên hễ các sanh đồ, hương cống, tấn sĩ, khi đỗ cùng đặng lên chức, phải vào đền Tư Văn mà tế lễ thánh Khổng Tử, cùng tạ ơn người, vì đã ban cho bấy nhiêu ơn trọng ấy.

TÂY SĨ RẰNG:

Nhà Nhu kính ông Khổng Tử là đứng đệ trí thông minh, đã có công dọn sách truyền cho thiên hạ học những lễ công chánh, thì thậm phải; song cầu khẩn cùng người vưng hộ cho đặng sáng dạ cùng thi đỗ, thì chẳng nên, vì quờn phép ấy về một Đứng tạo hóa mà thôi. Mà ông Khổng cũng là người ta, ắt chẳng có phép trọng ấy; vì ông Khổng mới sinh ra đời nhà Châu, vua Linh vương năm thứ hai mươi mốt, ở nước Lỗ, xứ Sơn Đông, phủ Doãn Châu, huyện Khúc Thụ, làng Xương Bình; ông là Lương Phục, cha là Thúc Lương Hột, mẹ là Nhan Thị; đặt tên là Khuru, tên chữ là Trọng Ni. Mà bởi người ta thấy người thông minh đệ

trí, thì gọi rằng là thánh trời sanh. Song khi ông Tử Cống hỏi rằng: Thấy có phải là đứng thánh chẳng? thì người rằng: *Ngã bất học đa thức, thánh ngã bất cảm*, nghĩa là ta học nhiều biết nhiều, còn đứng thánh thì ta chẳng dám dẫu. — Đến đời nhà Đường, vua Huyền Tông mới phong là Văn Tuyên vương; lại đến đời vua Nguyên Vũ Tông gia phong là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên vương. Ấy ông Khổng Tử đã xưng thật, bởi người học nhiều thì đã biết nhiều đều, song người chẳng phải là thánh; nào có phép gì mà vưng hộ cho ai sáng dạ thì đỗ, và dựng phước khỏi tội dẫu? Ấy vậy các vua dưới thế có phép phong cho người ta làm quan quyền dưới thế, chẳng có phép phong cho ai làm thánh dẫu.

II.

THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Mọi sự ta phải giữ ở đời này, thì đã tóm lại một câu đức thánh Lão Tử rằng: *Vật vi, vật ý, vật biện*, là chớ làm gì, chớ có ý gì, chớ phân biện; chớ chi thiên hạ giữ bấy nhiêu sự cho trọn, thì mọi người đều được bình an, thông thả, vui sướng là dường nào!

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói đều ấy, thì cao ý lạ lùng lắm, chẳng hiểu dặng, vì ở nhưng cả và ngày, đừng làm sự gì sót, thật thì dặng thông thả thanh nhàn lắm.

song ai kiểm cho mà ăn , dân sự làm sao cho dặng sống ? Vua chúa quan quyền đừng làm , thì lấy ai mà coi sóc, cai trị , dạy dỗ thiên hạ cho bình an ? Nếu phải cứ đều ấy, là *vật vi*, thì sao các thầy chịu khó nhọc, chạy ngược xuôi đêm ngày, đi chữa người ta làm chi ? Sao mà bảo đào mồ mả ông bà cha mẹ người ta lên , dời nơi nọ đổi nơi kia ; sao bảo người ta nhường sao đổi số , giải ách tống tai làm chi ? Chớ thì phò thầy chẳng lỗi đạo lắm sao ? Tôi thấy trong sách Nhu chê việc ấy rằng : *Địa lý tiên sanh quán thuyết không , chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây đông, thế gian quả hữu vương hầu địa , hả bất tiên mưu táng nãi ông* ; nghĩa là thầy địa quen tuông nói hướng không , chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây đông, dưới thế chỗ nào đất vương tướng , sao thầy chẳng để táng cha ông ?

Lại rằng : *Vật ý vật biện*, là đừng có ý nào , đừng có suy xét đi gì sót ; nói làm vậy sao cho phải lẽ ? Kia giống vật kia đói , còn biết tìm ăn , khát thì tìm uống , cùng biết giống nào nên ăn thì mới ăn , chẳng nên ăn thì đừng . Lại như giống lục súc kia còn biết giữ nhà cho chủ , phương chi loài người ta có tính thiêng liêng , lại có đạo đức trong mình , biết tam cương ngũ thường , vua là giềng tôi, cha là giềng con, chồng là giềng vợ ; (như ngài lễ trí tín đã giải trước ,) mà dạy rằng : *vật ý vật biện* , thế thì đừng biết ai là cha mẹ , đừng biết ai là vua chúa , đừng biết ai là vợ chồng , một ở lộn lạo chung mãi , gặp thế nào thì hay thế ấy mà thôi sao ? Ba đều ấy có xứng cho loài người sao ? một xứng cho loài đá, loài cây, tượng gỗ giữ

đạo ấy mà chớ; vì nó chẳng có làm gì, chẳng có ý nào, cũng chẳng biết đi gì chúc. Thấy nói vậy thì tôi chẳng chịu lẽ ấy. —

Tây sĩ hỏi bên Pháp môn có thờ vị nào nữa chăng?

THẦY PHÁP MÔN RẰNG:

Bên đạo chúng tôi thờ phượng nhiều vị lắm, nhất là vị đức thánh cả, là Thái Thượng Lão Quân, vị vua Ngọc Hoàng thượng đế, vị thập Nhị Hoành Khiển vương; mà mỗi một năm một lần tế lễ trọng thể, xin đức thánh cả phù hộ cho thiên hạ khỏi mọi sự dữ đáng mọi sự lành, cùng cho trường sanh bất tử, nghĩa là sống lâu chẳng chết.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Lão Tử mới sinh đời nhà Châu, vua Linh vương, năm thứ nhất, tháng hai, ngày rằm, họ Lý, tên là Trọng Nhĩ, cũng có tên là Lão Đam, sống đặng tám mươi một tuổi, mà chết trong đời nhà Châu, vua Kinh vương, năm thứ ba mươi lăm, ở đất Hàm Quan. Sách Luận Ngữ Tây Sơn thị rằng: *Lão Đam, Dương Châu, Mặc Dịch, giai dữ Khổng Tử đồng thời*; nghĩa là người Lão Đam, người Dương Châu, người Mặc Dịch là những người sinh một đời cùng Khổng Tử. — Đến đời nhà Tống, vua Chơn Tông, năm giáp dần, là năm thứ nhất, vua viếng mộ Lão Tử mới gia hiện là Thái

Thượng Lão Quân . — Song ông Lão Tử vốn cũng là người ở đời nhà Châu, cũng có sanh có tử như người ta, lại cũng chẳng có công nghiệp gì với người thiên hạ; nào có phép gì mà cho người ta khỏi tội đặng phước sao ?

Còn vị Ngọc Hoàng, thật là người họ Trương, tên là Nghi, là cháu Trương Lương, học phép Lão Quân làm chước tiên bay, sống đặng ba mươi tuổi mà chết . Trong đạo ấy rằng : Nhà Tống vua Huy Tông năm chiêm bao, thấy Trương Nghi giúp vua đánh đặng giặc; đến khi vua thức dậy, ngờ là người ấy có phép tặc, liền phong cho Trương Nghi làm Ngọc Hoàng Thượng Đế . Ấy vua Huy Tông là người dương thế, bởi yêu Trương Nghi liền phong cho làm vua cả trên trời, há có phải lẽ đặng chẳng ? Nếu vậy khi trước vua Huy tông chưa phong người Trương Nghi, thì trên trời chưa có ai làm Thượng Đế sao ? — Vả lại nước bên nhà Phật cũng rằng : Ngọc Hoàng là con vua Quang Nghiêm, ở đất Diệu Lạc, vợ là Bửu Nguyệt Quang; bởi chẳng có con, khi năm chiêm bao thấy Nguyên Hậu khiến Lão Quân ẵm một con trai đưa cho nàng Nguyệt Quang, tức thì liền chịu thai . Đến năm sau, tháng giêng, ngày mồng chín, sanh đặng con trai, đặt tên là Ngọc Hoàng ; ấy là lời bên nhà Phật thì làm vậy . Song trong bốn đồ các nước thiên hạ, chẳng thấy nước nào có tên Diệu Lạc, ấy là nước riêng nhà Phật mà chớ . Lại ví bằng cha mẹ yêu con, muốn đặt tên trọng cho con, thì đặng làm Ngọc Hoàng Thượng Đế trên trời sao ? Sự ấy có phải lẽ mà nghe đặng chăng ? Sau nữa, về những

thần Hành Khiển vương làm sao ?

PHÁP SƯ RẰNG :

Mười hai vua ở trên trời, mỗi một năm, là một vua trị, đem binh xuống hạ giới, là dưới thế, làm ốm đau, làm chết người ta ; vì vậy phải lấy tiền cùng vàng bạc và lễ vật, dâng cho vua Hành Khiển vương mới khỏi.

TÂY SĨ RẰNG :

Mười hai Hành Khiển ấy là Châu vương, Triệu vương, Ngụy vương, Trịnh vương, Sở vương, Ngô vương, Tần vương, Tống vương, Tề vương, Lỗ vương, Việt vương, Liệt vương ; ấy là mười hai vua chư hầu mà thôi, cũng là người thế gian, đời nhà Châu đã phong cho làm vua. Đến đời nhà Tống, có người Mạnh Tông mới bày ra gọi là mười hai vua Hành Khiển. Đến đời nhà Lê, vua Dương Đức năm đầu, có người Trịnh Thiên Thu và thầy pháp môn là Trịnh Đạo Khiêm, làm sách Hồng liên, có vẽ đồ hình mười hai vua ấy vào sách nữa. Song bấy nhiêu người ấy cũng là người thế, có sanh có tử như kẻ khác ; nào có phép tác gì mà cầm quờn sanh tử thưởng phạt ai đặng ? — Vả lại nếu bấy nhiêu người đã đặng làm thánh cả, làm vua cả cai trị nước trên trời, sao mà lại phải đói khát thêm lạt, đem binh xuống thế gian, ép nặn người ta để lấy máu xôi tẩm thịt, ghè rượu cùng một ít tiền bạc, đoạn mới chữa người ta cho khỏi

tật nguyên binh hoạn làm sao? Ấy những cách thế mọn dạn ăn vật làm vậy, có xứng đáng cho vua trên trời chăng? Ấy là những điều chẳng thật, cho nên trong sách Sử rằng : *Tân Hoàng Hán Võ cùng cực dĩ cầu thần tiên, tiểu vô chứng nghiệm*, nghĩa là vua Tân Hoàng, vua Hán Võ, hết lòng hết sức tìm kiếm thần tiên, mà không được ích chi cả. *Tống Đạo quân phụng đạo chi cần, thuyết tiểu chi hậu, thọ nhục ư Mạc bắc, nhi đạo diệt bất văn*, nghĩa là vua Tống Đạo quân hết lòng giữ đạo Lão Tử, làm chay đặt tế rất trọng thể, mà đến khi giặc bắt được vua ấy, đem về làm sĩ nhục tại đất Mạc bắc, cũng chẳng nghe đạo Lão Tử phù hộ chi. Bởi đó cho nên, Lão Tử gọi là hư vô chi giáo, thì đã hạp lắm.

III.

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CẦU ẤY RẰNG :

Bèn Phật giáo dạy người ta tu Ngũ Đức : một là thí của , hai là giữ chay , ba là chịu nhục , bốn là tu đức , năm là giữ lòng thật . Lại giải cấm năm điều : một là cấm sát sanh , hai là cấm ăn trộm cướp , ba là cấm tà dâm , bốn là cấm nói dối , năm là cấm uống rượu .

TÂY SĨ RẰNG :

Kẻ giữ và kẻ chẳng giữ bấy nhiêu sự ấy, sẽ thưởng phạt làm sao ?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG :

Trong lục đạo đức Phật Thích Ca, đã truyền sự thưởng phạt tỏ tường, chẳng có điều nào thật hơn nữa . Thứ nhất, kẻ ai giữ đạo Phật cho trọn, thì đặng làm Phật nữa; thứ hai, kẻ giữ bậc kém, chẳng đặng trọn, thì đặng làm vua trên trời; thứ ba, kẻ giữ kém một bậc nữa, thì cho làm thần; thứ bốn, kẻ giữ một bậc kém nữa, thì khi chết rồi lại nhập sanh người khác; thứ năm, kẻ giữ kém một bậc nữa, thì phải hóa ra một thần đông dài, chẳng có nơi mà ở, những đi khuấy khổ người ta; thứ sáu, kẻ giữ kém một bậc nữa, thì hóa ra giống loài cầm thú côn trùng; kẻ giữ càng kém hơn nữa, thì càng phải nên giống xấu xa hơn nữa .

TÂY SĨ RẰNG :

Như trong lục đạo có sự thưởng phạt thế ấy, thì tôi lấy làm sự quái gở lắm; vì nếu cha mẹ phải phạt nhập sanh lại làm con người khác, mà hoặc khi khó khăn đi ở thuê mướn, gặp phải cửa nhà con cháu, nó chưởi rửa đập đánh lầm phải cha mẹ, thì làm sao? Hay là khi nó lấy vợ chồng, lầm phải cha mẹ, chẳng ra tội loạn luân sao? Lại

nếu cha mẹ đã hóa ra loài muông chim cầm thú, mà khi con cháu giết chạp, giết trâu bò gà lợn, lầm phải cha mẹ, thì chẳng mắc tội giết cha mẹ sao? Nếu đã hóa ra làm con nhà khác, hay là loài vật khác, chúc ấy con cháu cũng thờ vật ấy, người ấy, làm cha mẹ mình sao? Nếu các người lành dữ đã hóa ra hết làm vậy, thì còn ai trong âm phủ? Chớ con cháu làm chay làm tiểu, chữa tội ông bà ông vải làm chi nữa? — Vả lại bên nhà Phật hay cấm sát sanh cho nhất phép, kéo lại hóa ra loài vật mình đã giết. Ấy vậy những ông bà cha mẹ but, và chính thân but là Thích Ca, trước ba mươi tuổi chưa có tu hành, những đi săn bắn, thật đã giết muông chim cây cỏ nhiều lắm; chúc ấy khi cha mẹ but và chính thân but Thích Ca chết đoạn, thì làm sao? Cũng lại hóa ra giống lục súc loài vật mình đã giết ngày trước ấy sao? Nếu Thích Ca đã hóa ra thế ấy, thì ai làm thân làm Phật nữa? Ấy là những lời quái gở, cho nên các Nhu sĩ chê rằng: *Phật gia yêu ngôn*, nghĩa là đạo Phật nói quái gở; lại rằng: *Dị đoan hư vô tịch diệt chi giáo*, nghĩa là đạo dị đoan hư không làm hại kín đáo. Mà Hán Minh đế tin thờ đạo Phật, thì nhà Nhu chê rằng: *Đẳng ác chi nhơn*, nghĩa là người theo phe dữ; lại rằng: *Danh giáo trung vạn thế chi tội nhơn*, nghĩa là người có tội muôn đời trong hàng danh giáo. Ấy bấy nhiêu lời đã đáng thật, chẳng có oan đâu? —

IV.

TÂY SĨ MỚI GIẢI CÂU ẤY RẰNG :

Khi Thiên Chúa mới dựng nên nguyên tổ loài người ta, liền ban cho có linh hồn hiệp với xác, có trí khôn ngoan, có mọi nhưn đức, cùng biết chính Đấng cội rễ đầu mọi sự mà thờ phượng. Lại ban cho chính đạo in vào trong lòng, mọi người đều biết tam cương ngũ thường, gọi là *đạo tánh giáo*, là đạo tự nhiên. Bởi đó cho nên, ai ai đều biết sự lành sự dữ, sự phước sự tội tổ tường. Lại ban cho mọi người đều có thông thả trong mình thấy thấy. Song cũng để nhằm ý thích tình người ta, muốn chịu về đảng lành hay là đảng dữ, thì mặc ý mình liệu; mà ai làm việc phước đức thì sẽặng thưởng, ai làm sự tội lỗi thì sẽ phải phạt. Điều ấy tại ý mình muốn, chẳng phải tại ai ép dẫu. — Sau nữa lại ban cho người ta mười điều răn mà giữ, là : *Đệ nhất giải, Khâm sùng Thiên Chúa vạn hữu chi thượng*, nghĩa là điều răn thứ nhất dạy kính chuộng một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự ; *Đệ nhị giải, Vô hờ Thiên Chúa thánh danh dĩ phát hư thệ*, thứ hai, chớ lấy tên Đức Chúa Trời mà thề dối ; *Đệ tam giải, Thủ chiêm lễ chi nhứt*, thứ ba, giữ ngày Chúa nhứt ; *Đệ tứ giải, Hiếu kính phụ mẫu*, thứ bốn, thảo kính cha mẹ ; *Đệ ngũ giải, Vô sát nhưn*, thứ năm, chớ giết người ; *Đệ lục giải, Vô hành tà dâm*, thứ sáu, chớ làm tà dâm ; *Đệ thất giải, Vô du đạo*, thứ bảy, chớ

ăn trộm cướp ; *Đệ bát giải, Vô vọng chứng*, thứ tám, chớ bỏ vạ cho người ; *Đệ cửu giải, Vô nguyên tha nhơn chi thể*, thứ chín chớ muốn vợ chồng người ; *Đệ thập giải, Vô tham tha nhơn chi tài*, thứ mười, chớ tham của người . — Mà mười điều răn ấy tóm lại trong hai sự nầy : Một là kính mến Thiên Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi sự ; hai là thương yêu người ta như mình vậy . Kẻ giữ thì thưởng thiên đàng hưởng phước, kẻ chẳng giữ phải phạt địa ngục gia hình . — Sau lại truyền Thất Qui, là bảy phép chỉ để làm ích cho người ta : *Nhứt viết thánh tẩy*, một là phép rửa tội ; *nhị viết kiên chấn*, hai là phép xúc trán ; *tam viết thánh thể*, ba là phép Mình thánh Chúa ; *tứ viết cáo giải*, bốn là phép giải tội ; *ngũ viết chung phú*, năm là phép xúc Dầu thánh ; *lục viết phẩm cấp*, sáu là phép truyền chức thánh ; *thất viết hôn phối*, bảy là phép hôn phối . Ấy là Thất Qui, phép thì tha tội cho kẻ thống hối cải quá ; phép thì giúp cho mạnh đạo, tha chết chẳng tha bỏ đạo Thiên Chúa truyền ; có phép thì để giúp sức mạnh phần hồn ; có phép thì để giúp kẻ liệt cho đứng chết lành ; có phép thì để phong chức quờn cho các đứng làm thầy ; có phép thì để ban cho người nam người nữ đứng phối hiệp cùng nhau mà sinh ra loài người ta .

NHU SĨ RẰNG :

Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua đạo thánh Khổng Tử, vì các nước thiên hạ bên phương nầy

cứ một đạo thánh Khổng Tử truyền, thì cũng đủ để vương, công hầu, khanh tướng, quân quân, thân thân, phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ, bá tánh âu ca, quốc phú dân an; nghĩa là vua cho phải vua, tôi cho phải tôi, cha cho phải cha, con cho phải con, chồng cho phải chồng, vợ cho phải vợ, trăm họ ca ngợi, nước giàu dân an; nào có phải đi học đạo Thiên Chúa đâu? Nào đạo đức Khổng Tử có kém đi gì sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Khổng Tử *san định lục kinh*, là sửa định sáu kinh cho thiên hạ phụng học những sự phải lẽ, thì có công trọng thật; song chẳng phải người đặt nên chữ Nhu đâu. Trong sách rằng: *Thượng Đế sáng văn tự*, là vua Thượng Đế tạo lập chữ Nhu; lại sách *Lục Kinh* cũng chẳng phải của riêng người lập ra; đạo cũng chẳng phải người lập ra thì thiên hạ mới biết đâu. Hãy xem các vua đời xưa, khi chưa có Khổng Tử sinh ra, như Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, thiên hạ đều khen là thánh đế minh vương, là vua thánh vua sáng, thì các đấng ấy cứ đạo nào, học sách nào cũng lấy đạo trị thiên hạ? Thật là người đã cứ đạo tự nhiên Thiên Chúa ban cho người mà chớ. Cũng như đời này, biết là bao nhiêu nước, bao nhiêu phương, chẳng có học sách ông Khổng Tử cũng chẳng biết ông Khổng Tử là ai, mà cũng biết tam cương ngũ thường, như luân đạo lý, thì tại đâu? Thật bởi đã có chính đạo Thiên Chúa in vào trong

lòng mọi người, như lời đã dẫn trước rằng: *Duy Hoàng Thượng đế giáng trung vũ hạ dân*, nghĩa là có một Vua trên trời ban đạo lành xuống cho dân; cùng lời Đồng Tử rằng: *Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên*, là gốc tích đạo bởi trời mà xuống; lại rằng: *Phù đạo tại thiên hạ vô cổ kim chi thù*, nghĩa là đạo ở trong thiên hạ từ xưa đến nay không có khác gì; lại lời tựa Đại Học rằng: *Cái tự thiên giáng sanh dân, ký mạc bất dĩ chi dĩ nhơn nghĩa lễ trí tín chi tánh dã*, nghĩa là vì từ trời đã sinh ra dân, thì liền phú cho nó có tính nhơn ngãi lễ trí tín. Lại lời ông Châu Tử rằng: *Tánh phi hữu vật, chỉ thị nhứt cá đạo lý chi, tại ư ngã dã*, là tính chẳng phải là vật gì, song vốn là đạo lý ở trong mình ta mà chớ.

Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra đạo vốn đã có từ tạo thiên lập địa đến rày, chẳng phải là đạo mới đâu. Mà sao Nhu sĩ nói rằng: các nước bên phương đông nầy cứ một đạo Khổng Tử truyền; nói làm vậy chẳng nghịch với sách sao? Có lời Tăng tử rằng: *Phu tử chi đạo trung thứ nhi dĩ hĩ*, nghĩa là đạo Khổng Tử dạy *trung thứ*, hai đều ấy mà thôi: (*trung* là hết lòng, *thứ* là muốn cho mình thể nào thì muốn cho người thể ấy); cùng dạy *tu thân, tề gia, trị quốc* ở đời nầy, là dạy sửa mình, an nhà, trị nước; mà chẳng dạy ai cho biết đứng nào là chơn Chúa đã dựng nên trời đất, thần người, muôn vật, mà thờ phượng cho đặng sống thật vô cùng đời sau, thì đạo ông Khổng Tử chỉ là nhơn đạo mà thôi. — Mà đạo Thiên Chúa dạy người ta cho biết đứng cội rễ, mà thờ phượng cho đặng sống thật

vô cùng đời sau ; ấy là thánh đạo siêu tánh chi giáo, nghĩa là đạo thánh cũng là đạo cao quá tánh tự nhiên, mà chẳng trọng, chẳng tỏ tường hơn đạo Khổng Tử sao ? Nhon sao Nhu sĩ rằng : Đạo Thiên Chúa cũng chẳng quá khỏi đạo Khổng Tử ; nói thế ấy có thật chẳng ?

NHU SĨ RẰNG :

Bên đạo tây sĩ có thờ thần nào hay là thánh nào chẳng ?

TÂY SĨ RẰNG :

Có, vì thuở xưa, khi Thiên Chúa dựng nên trời đất, có dựng nên vô số thiên thần thiêng liêng vô hình, phân làm chín phẩm, để mà châu chực Thiên Chúa, cùng cho một thiên thần, tên là Luxiphe, làm đầu cai chín phẩm ấy . Bấy giờ Luxiphe thấy mình dặng sang trọng dường ấy, liền sinh lòng kiêu ngạo, muốn lên bằng Thiên Chúa, cùng muốn cho các thiên thần tôn kính mình làm Chúa nữa . Khi ấy một phần thiên thần trở lòng theo Luxiphe, tức thì Thiên Chúa phạt thần ngụy ấy cùng những thần theo nó, đuổi khỏi thiên đàng, phạt sa địa ngục, cất chức thiên thần, biến làm quỷ thần . Từ ấy thần lành thần dữ phân ra khỏi nhau .

Mà trong chín phẩm thiên thần ấy, phần thì giữ việc châu chực Thiên Chúa, phần thì cầm mặt trời mặt trăng và các ngôi sao soi sáng cho thiên hạ, phần thì cai việc mưa gió, giữ xuân hè thu đông, giúp nước giữ dân cùng giữ hết mọi người thiên

hạ. Mà khi nói kính thờ thiên thần, nghĩa là có ý cây các đứng ấy cầu cùng Thiên Chúa phù hộ cho taặng mọi sự lành phần hồn phần xác mà thôi; chẳng có ý thờ phượng tế lễ các đứng ấy bằng Thiên Chúa đâu.

Bằng sự các thánh, thì cũng là người ta, nhưng mà thuở còn sống đã hết lòng thờ phượng Thiên Chúa, giữ điều răn nghiêm nhặt, làm việc lành phước đức đã trọn công; cho nên ghe phen Thiên Chúa đã cho làm nhiều dấu, tỏ ra công nghiệp người trọng vọng đẹp lòng Thiên Chúa lắm, và khi sanh thì đoạn, thì đặng lên thiên đàng hưởng phước châu chực Thiên Chúa. Ta gọi các đứng ấy là *thánh*. Vậy khi nói kính các thánh, nghĩa là có ý cây các đứng ấy đã đặng đẹp lòng Chúa mọi đàng, xin cầu bầu cho taặng giữ đạo cho trọn, ngõ mai sau đặng làm bạn cùng người trên nước thiên đàng. Ấy là ý kính thờ thiên thần các thánh thì làm vậy.

NHU SĨ BÀNG :

Sao bên đạo, chẳng những thờ thiên thần, lại những người thế gian đã chết mà gọi là thánh, thì cũng đặng thờ. Mà bên chúng tôi kính những đứng linh thần anh hùng hào kiệt đã có công danh trọng vọng trong đời, đã có sắc gia ban là thượng đẳng, trung đẳng, tối linh thần, cùng đại vương đại thánh; nghĩa là đã phong cho kẻ ấy làm thần rất linh thính, có bực nhứt bực nhì, cùng làm vua cả thánh cả; thì bên đạo lại cấm, chẳng cho thờ

phượng tế lễ, thì làm sao ? hay là muốn cho một đạo mình nên sang trọng mà thôi, cho nên ghen, chẳng muốn cho đạo khác thờ phượng hơn đạo mình ?

TÂY SĨ RẰNG :

Chẳng phải thế ấy đâu, một là vì sự lễ đã có tồn ti đẳng cấp, là cao thấp các bậc, mà sự thờ phượng tế lễ là việc rất trọng, thì việc ấy chỉ xứng về một Thiên Chúa, là Đứng chí tôn vô đối mà thôi. Còn các thánh khác chẳng đáng sánh bầy với đứng rất trọng ấy đâu, cho nên chẳng đáng tế lễ vị nào thay vì Thiên Chúa, kéo phạm tội tiếm lễ. Như lời ông Khổng Tử rằng : *Giao xã chi lễ sở dĩ sự Thượng đế*, nghĩa là lễ giao xã thì để thờ một đứng Thượng Đế. — Hai là vì trong các thần cũng có thần lành thần dữ, có thần đáng kính, có thần chẳng đáng kính : thần lành vốn vưng lịnh Thiên Chúa, gọi là thiên thần, thì đáng kính ; thần dữ, là kẻ nghịch mạng Thiên Chúa, gọi là quỷ thần, thì chẳng nên kính đâu. — Còn các tướng anh hùng hào kiệt, người ta thường nói rằng : khi thì hiển hiện ra bề ngoài, hoặc dùng miệng kẻ còn sống mà xưng mình là tướng nọ thần kia. — Ấy là chước ma quỷ mượn lấy tên kẻ đã chết, cho người ta tin mà thờ làm thánh làm thần. Lại thờ làm vậy, có ý sợ hãi mà thờ ; vì chẳng thờ, thì e sẽ phải chết người chết vật mà chớ. Nên sách sử rằng : *Tự Thiếu Hạo thị suy, thiên hạ chi nhơn tương cụ dĩ thần, tương hoặc dĩ quái, gia vi vu sử dân độc vu tự,*

thiên đạo vị chi tiêu biến hĩ; nghĩa là từ khi vua Thiệu Hạo suy, người thiên hạ lấy việc quý thân mà nhát nhau, lấy việc yêu quái mà phỉnh nhau, mỗi nhà đều làm sách bóng chàng, cho nên dân sự đều loạn trong việc tế tự, đạo trời dời đổi vì có ấy. Ấy trong sử đã chê làm vậy.

Lại thử xem sự đời nầy, hễ ai ai đăng làm quan nên sang trọng, trước thì làm tôi đức vua cho hết lòng ngay, và có công nghiệp; lại phải có sắc lệnh và ấn tín đức vua ban cho, thì mới đăng làm quan. Nếu thiếu bấy nhiêu sự, còn dám xưng mình là quan, ấy là mạo xưng. Nếu lại cả gan giục dân làm nguy cùng vua, ấy là tướng nguy tướng giặc mà chớ. Phương chi kẻ xưng mình là thần là thánh đức vua cả trên trời, mà chẳng những là chẳng làm tôi Thiên Chúa, lại nghịch mạng cùng Thiên Chúa, những xui giục người ta bỏ thiên Chúa, mà chỉ tôn kính thờ mình; những kẻ thế ấy có phải là thần thật sao? Ấy thật là yêu tinh ma quỷ mà chớ. — Lại rằng: đã có sắc ban cho là *Thượng đẳng tối linh, thiên cổ tối linh*, là rất linh trên hết, rất linh ngàn đời. Vậy những sắc ấy, có phải là sắc cùng ấn tín Thiên Chúa ban cho những vị ấy đăng làm thần thánh ở trên trời chẳng? Thật chẳng phải, ấy là những sắc vua chúa ở đời nầy phong cho mà chớ. Vậy đứng vua chúa có quyền cai trị muôn dân, thì cũng có quyền cai trị hết các thần hay sao? Vốn các đứng ấy, thuở bình sinh, đã chẳng nhìn Thiên Chúa, chẳng thờ phượng tôn phục Thiên Chúa, thì đã ra nguy nghịch cùng Thiên Chúa; khi chết đoạn ắt Thiên Chúa chẳng nhìn lấy

các đứng ấy, hưởng lựa là ban sắc cho làm thần làm thánh sao? Đầu các vua thế gian có phong cho các đứng ấy làm thần làm thánh mặc lòng, cũng chẳng cướp đăng phép công thắng Thiên Chúa. Nếu vậy, kẻ thờ phượng Thiên Chúa, gọi các đứng ấy là thánh thần mà thờ phượng làm sao dặng? — Lại có nơi thờ thần hùm, thần hổ, thần rắn, thần chó, thần kẻ trộm, thần ăn mày, bấy nhiêu giống ấy cũng đăng lên trời làm thần hết sao? Ấy những người những vật làm vậy, có xứng đáng cho ta tế lễ sao? Nhon sao Nhu sĩ muốn lấy những thần ấy, giống ấy, mà sánh với Thiên Chúa, với đứng thánh nhon, là kẻ thờ phượng làm tội Thiên Chúa trọn đời, làm sao dặng.

NHU SĨ BẮNG:

Tầy sĩ chê nhạo thần kẻ trộm, thần ăn mày, chẳng đáng thờ lạy; sao bèn đạo thờ lạy Giê giu phải luận tội đóng đinh mà chết? Chẳng hèn hạ, chẳng xấu hổ hơn, chẳng đáng chê hơn sao?

TÂY SĨ BẮNG:

Sự chịu chết cách hèn hạ làm vậy, cũng có khi ta hèn đáng chê, lại có khi càng ra trọng vọng đáng khen: Vậy phải xem kẻ chịu chết ấy là ai, và nhon vì ý nào mà chịu chết làm vậy, thì mới nói dặng. Ví dụ: đũa trộm cướp kia, phải chết chém bêu đầu lên, thì xấu hổ đáng chê thật, vì tội lỗi nó đã đáng phải làm vậy; nhược bằng

quan tướng trung thân kia, hoặc vì lo việc vua, giúp nước giữ thành, mà quân giặc chém chết bêu đầu lên, thì sự xấu hổ có đáng chê sao? Thật là nên trọng vọng đáng kính thờ mà chớ. Cũng một lẽ ấy, Đức Chúa Giê giu chịu đóng đinh chết khổn nạn làm vậy, có ý chuộc tội cho cả và thiên hạ, thì có đáng chê nhạo sao? Thật thì ông chưa hiểu tỏ lẽ ấy, thì mới nói làm vậy mà chớ.

THẤY HÒA THƯỢNG RẰNG :

Chưa biết chuộc tội cho thiên hạ hay là chuộc tội cho mình ; vì thuở xưa, đức Phật Thích ca và Đức Chúa Giê giu là hai anh em, đức vua cả Ngọc Hoàng trên trời sanh ra ; mà đức Phật Thích Ca có hơn hậu từ bi đẹp lòng vua cha lắm, nên đăng làm tiên làm phật, đăng ngôi tòa sen ; bằng Đức Chúa Giê giu là em chẳng đăng thế ấy, bởi có tính hung dữ độc địa, cho nên vua cha phạt đầy xuống hạ giới, phải luận tội đóng đinh thập tự mà chết, ấy là sự tích người làm vậy . Mà sao Tây sĩ xưng rằng : Đức Chúa Giê giu chuộc tội cho thiên hạ, thì đã thật lắm sao?

TÂY SĨ RẰNG .

Thầy Hòa thượng nói dễ nghe lắm chúc ! vì bên nhà Phật xưng rằng : Ngọc Hoàng là con vua Quang Nghiêm ở đất Diệu Lạc, mẹ là Bửu Nguyệt Quang, sanh ra Ngọc Hoàng, tháng giêng, ngày mồng chín, giờ ngọ . Ấy là sự tích Ngọc Hoàng đã

chép làm vậy, mà sao thấy rằng : là hai con đức vua trên trời ? Chớ thì trên trời thiếu vua trị, mà lại phải chọn lấy Ngọc Hoàng, là người thế gian, đem lên làm vua cả trên trời, thì là năm nào, sách nào chép tích ấy ? Còn Thích Ca là con vua Tịnh Phạn vương ở nước Thiên Trưốc, mẹ là Ma Gia Phi, sinh ra Thích Ca là ngày mồng tám tháng tư, đời nhà Châu vua Chiêu vương. Ấy sách Nhu đã chép rõ ràng làm vậy, mà sao thấy còn quyết rằng : Ngọc Hoàng là cha sanh ra Thích Ca nào nữa ? Nói làm vậy chẳng nghịch với sách sao ? Chớ thì có mấy Phật Thích Ca, hay là Ngọc Hoàng có chung vợ với Tịnh Phạn vương mà sinh ra con sao ? Ấy đều này còn nói thể ấy, huống chi đều khác. Có lời trong sách Sử rằng : *Phụng Phật chi cần, xá thí chi đa, vớ dĩ du u Lương Võ ; nhiên tắc ngạ tử u Đài thành, nhi Phật bất chi cứu* ; nghĩa là thờ Phật hết lòng, cúng thí rất nhiều, không ai hơn vua Lương Võ đế ; nhưng mà vua ấy chết đói đất Đài thành, mà Phật cũng chẳng cứu. Ấy là việc tỏ tường, ai ai cũng biết.

NHU SĨ RẰNG :

Chớ thì Giê giu sinh ra ở nước nào, mà có làm đặng công ơn gì, thì ắt là cho một ít kẻ ở nước ấy đặng nhờ mà thôi ; nào can chi đến cả phương đông này, đã cách bờ cõi, lại khác thế giới ? Vả lại bên này, nào có ai biết Giê giu là ai, nào ai có khiến,

mà sao rằng: chịu chết cho muôn dân đặng khỏi tội, thế chẳng ra đều hoang đường lắm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Dầu mà Đức Chúa Giê giu khi mới giáng sinh, ở trong nước Giu đêu, song Người đã có ý làm ơn cả thế, là chuộc tội cho muôn nước muôn đời nữa. Như mặt trời vốn mọc ở phương đông, song chẳng những là soi cho một phương đông, mà lại cũng soi sáng cả bên tây, bên nam, bên bắc nữa, thì ơn chuộc tội này cũng như làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Đã vậy, các đứng từ Phục Hy, Thân Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, Châu Công, Khổng Tử, kể là liệt vị đại thánh, đại hiền, là các vị thánh hiền cả, thì Giê giu có chuộc tội cho những đứng ấy chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì bởi thuở xưa ông Adong, là tổ tông loài người, cả lòng nghịch mạng Thiên Chúa mà ăn trái cấm, cho nên ông Adong cùng hết thầy con cái cháu chất bởi ông ấy mà sinh ra, cũng gọi là dòng dõi kẻ nghịch, kẻ nguyền; bởi đó hễ ai ai thoát sinh ra đều mắc lấy tội, gọi là tội tổ tông truyền, chẳng ai khỏi sót. Như lời trong Kinh Diệc rằng: *Tất tợ thiên hựu chi, nhiên hậu hoạch miễn*, nghĩa là

phải đợi trên trời tha cho mới khỏi. Vì vậy ai ai cũng phải nhờ ơn Chúa Cứu thế chuộc tội cho, mới đặng rồi mà chớ.

NHU SĨ RẰNG :

Nếu Giê giu là Chúa thật thiên hạ, là Chúa trời đất, mà chẳng có phép tha tội cho kẻ phạm đến người đặng sao? Sao người lại phải chịu nạn chịu chết, thì mới đền đặng tội? Chớ thì phép tắc vô cùng ở đâu, phép tắc vô cùng những đi gì?

TÂY SĨ RẰNG :

Thật Người là Chúa cả trời đất, người ta cùng muôn vật, phép tắc vô cùng, muốn sao thì nên vậy, muốn tha tội cho kẻ phạm đến Người, thì cũng đặng. Song bản tính Đức Chúa Trời rất công rất chánh, thấy tội ai liền phạt cho công thẳng, thì mới hiệp đức công bình vô cùng, hay thưởng phạt vô cùng. Vả lại nếu cứ phép công bình phạt cho thẳng, mà chẳng cứu lấy, chẳng chuộc tội cho, thì lại chẳng tỏ đức nhơn từ vô cùng, hay thương hơn hay phạt. Vì vậy Người đã muốn chịu nạn chịu chết để mà đền tội cho cả và loài người ta, thì mới vẹn đức lòng lành vô cùng, hay thương vô cùng, chẳng bỏ loài kẻ có tội chết hư mất đời.

NHU SĨ RẰNG :

Vốn tính tự nhiên ai ai cũng yêu mình trước,

chớ hề thấy ai yêu kẻ khác hơn mình bao giờ. Vả lại nếu Đức Chúa Giê giu có thương kẻ có tội mà tha cho nó, thì kẻ là đã rất may phước cho nó lắm. Lẽ đâu mà Người chịu nạn chịu chết đền cho kẻ có tội, thì đều ấy chẳng khó nghe, khó hiểu lắm sao?

TÀY SĨ RẰNG :

Đều ấy khó nghe, khó hiểu, cũng phải, vì là sự rất hiếm rất lạ trong đời; song thử xem những tích trong sách thế nào. Kìa vua Nghiêu, khi thấy kẻ có tội, thì nói rằng: *Ngã hãm chi dã*, là trăm làm cho nó mắc tội. *Võ vương kiến tội nhưn tắc hạ xa vấn nhĩ khắp*, vua Võ vương thấy người có tội, thì xuống xe hỏi mà khóc. Vua Thành Thang thấy thiên hạ lâm phải đại hạn bảy năm, thì vua liền ăn chay cắt tóc, bó mình làm vật hi sinh là của tế lễ; lại lấy sáu tội trách mình, dựng mình tế lễ ở nội Tang Lâm. Vua Thái Tông thấy sâu ăn hết lúa, thì rằng: thà bay ăn gan ruột trăm, chẳng thà ăn lúa là của nuôi dân cho sống; liền bắt lấy cái sâu keo gớm ghiếc ấy mà nuốt đi. — Ấy các vua cũng là đứng rất cao rất trọng, cầm quyền thưởng phạt trong nước, khi thấy tội dân mà còn nhìn làm tội mình, đau đớn sa nước mắt; khi thấy sự tai ách cực nạn đến trong dân, thì chẳng nỡ để cho dân chịu, bèn hạ mình xuống cam chịu lấy cả, kéo khốn dân.

Ấy bấy nhiêu đứng cũng là người ta, mà còn biết thương dân sự dường ấy, cho đến đổi chẳng tiếc sự sống mình làm vậy; huống chi Đức Chúa

Giê giu, là Đấng chí tôn vô đối, chí hơn chí mĩ, đã sinh ra cả và loài người ta, mà chẳng hay thương xót thiên hạ bằng các vua đã kể trước đây sao?

NHU SĨ RẰNG :

Đâu đây thật là kì quái, là Đức Chúa Giê giu mới sinh ra đời nhà Hán, vua Ai Đế, là đời hậu thế, mà đã chuộc tội cho đời thượng cổ cách ba bốn ngàn năm trước làm sao đặng?

TÂY SĨ RẰNG :

Đâu Đức Chúa Giê giu mới sinh ra đời hậu thế, mà muốn chuộc tội cho những người đời thượng cổ, thì cũng đặng. Hãy xem đời nhà Thương, thiên hạ phải tay vua Trụ rất dữ tợn cai trị, thì khôn ngoan biết là ngăn nào : các quan quyền, phần thì phải chết, phần thì phải giam cầm tù rạc, biết bao giờ khỏi, cho đến đời nhà Châu, may đặng vua Võ vương khoan nhưn đại độ, liền truyền đại xá mở cửa tù ra, thì các quan trước đời vua Trụ cầm trong ấy dặng ra khỏi. Cũng một lẽ ấy, bởi tội cho nên linh hồn người ta bấy nhiêu đời trước, đều thương cổ, trung cổ, cũng phải tay ma quỷ rất độc dữ cai trị buộc cầm hết thấy, đến đời Đức Chúa Giê giu xuống thế, là như vua Võ vương, phá trừ phép ma quỷ mà cứu thiên hạ cho khỏi vòng tội lỗi, nào có khó gì?

NHU SĨ RẰNG:

Còn một điều thái mê hoặc là rất mê muội, là bà Maria vô nhơn đạo nhi sanh tử, là chẳng theo thói thường mà sinh con. Lại rằng: sanh đoạn hầy còn đồng trinh, thì lẽ nào đặng sao, và người thể ấy có đáng khen đáng thờ sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Vô nhơn đạo nhi sanh tử là đều khó hiểu thật; nhưng mà do nhơn đạo nhi sanh, là theo thói thường mà sinh con, nào có dễ hiểu sao? Dầu cho đứng rất thông thái thể nào, biết cho thấu lẽ ấy cũng chẳng đặng. Mà bởi vì sự theo thói thường mà sinh con là việc thường thấy, dầu người ta chẳng hiểu, song chẳng lấy làm lạ gì; còn chẳng theo thói thường mà sinh con, người ta cũng chẳng hiểu, mà bởi việc không thường thấy, thì lấy làm lạ; vậy sự do nhơn đạo nhi sanh, hay là sự bất do nhơn đạo nhi sanh, cả hai đều ấy chẳng ai hiểu đặng, dầu cha mẹ sinh con cũng không hiểu đặng. Vậy sự sinh con dầu cách nào mặc lòng, cũng bởi phép Chúa đã phân định làm vậy, mới gọi Người là đứng khôn ngoan vô cùng, phép tắc vô cùng; có lẽ nào trí mọn người ta thấu hiểu đặng đâu? Đâu hết, bởi không Người dựng nên

trời đất như vật, mà chẳng ai chê là sự thái mê hoặc ; song đạo ta nói rằng : Người dùng máu cực sạch trong lòng bà Maria mà dựng nên Chúa Cứu Thế , Nhu sĩ dám chê là sự thái mê hoặc sao ? Thiên Chúa chẳng phải là Đấng phép tắc vô cùng, muốn sao nên vậy sao ?— Còn sự bà Maria sinh đoạn mà hãy còn đồng trinh , là việc Thiên Chúa làm , Người có lấy làm khó gì đâu ? Như yếng sáng mặt trời thấu qua bình thủy tinh , mà bình thủy tinh chẳng bể , chẳng hại chút nào , bà Maria sinh con cũng như làm vậy . — Hay là như lửa nung vàng , không làm cho vàng hư hay là hao tổn phần nào cốt , mà lại làm cho vàng càng ra sạch và sáng hơn . Vàng là đồng trinh , lửa là sự sinh để bởi phép Chúa . — Còn sự Nhu sĩ trách rằng : người thế ấy có đáng khen , đáng kính thờ sao , thì hãy xem ở đời này , người nào dặng làm mẹ đứng vua chúa , thiên hạ còn phải kính chuộng , còn tôn là đức hoàng thái hậu , đức thánh từ , đức thánh mẫu ; người thặng hà là chết đoạn , các quan và dân sự còn phải tang phục . Huống chi *Cứu Thế* chi *Thánh Mẫu* , kì tâm thuần túy vô tỉ , kì đức toàn mãn vô khuyết , thượng ứng Thiên Chúa chi sung tịch , hạ vi chúng nhơn chi từ thị , nghĩa là Mẹ Chúa Cứu thế là Đấng rất thánh , lòng Người rất trong sạch chẳng đúng bọn nhơ , Người gồm no các nhơn đức , trên thì dặng Thiên Chúa ban ơn cho , dưới thì làm cho mọi người dặng cậy nhờ , mà chẳng đáng kính chuộng , đáng thờ lạy hơn mẹ vua chúa thế gian này , thì làm sao ?

NHU SĨ RẰNG :

Bèn đạo có dạy thờ phượng đứng làm vua chúa chẳng ?

TÂY SĨ RẰNG :

Có, vì trong đạo gọi đứng làm vua chúa *vi nhứt quốc chi đại phụ*, thì quốc hơn như xích tử, nghĩa là một đứng cha cả trong nước, coi sóc mọi người trong nước như con. Vì vậy dạy các người trong nước phải lấy năm sự nầy mà kính thờ vua chúa là : *Nhứt tắc tôn kính vi nhứt quốc chi thượng*, nghĩa là trước phải tôn kính người làm bề trên cả trong nước ; *nhị tắc thọ mạng, tuy lao khổ bất từ*, hai là phải vưng linh người dạy, dầu khó nhọc cũng chẳng từ ; *tam tắc phục tùng cữu cấp*, ba là vưng phục chịu sâu thuế ; *tứ tắc hữu sự tương trợ*, bốn là khi có việc thì sẵn lòng giúp đỡ ; *ngũ tắc tận trung báo ân*, năm là hết lòng trả ơn, chớ khá mong lòng ngụy nghịch. Ấy là năm sự về thờ phượng đứng làm vua chúa, thì làm vậy .

NHU SĨ LẠI HỎI RẰNG :

Trong đạo có dạy thờ cha mẹ là thế nào nữa chẳng ?

TÂY SĨ RẰNG :

Trong đạo thánh có điều răn dạy con cái phải thảo kính cha mẹ, thì buộc kẻ làm con phải làm bảy sự này mà phượng dưỡng cha mẹ : *Nhứt tắc kính úy*, một là kính sợ; *nhị tắc tùng mạng*, hai là vâng lời; *tam tắc phượng dưỡng*, ba là dưỡng nuôi; *tứ tắc khuất nhẫn*, bốn là nín nhịn; *ngũ tắc tử hậu dĩ lễ táng chi*, năm là khi chết phải chôn theo phép Hội Thánh; *lục tắc xá thí bản nhơn vì phụ mẫu linh hồn khẩn kì Thiên Chúa*, sáu là bố thí cho kẻ khó khăn mà cầu cùng Chúa cho linh hồn cha mẹ; *thất tắc cảm tư chung tử*, *thường vì phụ mẫu hiển linh khất lễ*, bảy là trọn đời cảm nhớ, hằng phải cầu hồn xin lễ cho cha mẹ. Ấy là bảy điều dạy con cái, phải sớm viếng tối thăm, mà phượng dưỡng cha mẹ, khi còn sống và khi đã qua đời. Ấy là phép đạo dạy thờ tam phụ : hạ phụ là cha mẹ, trung phụ là đứng làm vua, thượng phụ là Thiên Chúa, thì làm vậy.

NHU SĨ RẰNG :

Đều nói báo hiếu là nói cho hay vậy, vì khi cha mẹ chết, thì đem đi chôn sắp chôn ngửa vậy mà thôi; nào thấy tế lễ gì đâu mà rằng phượng dưỡng? Nào có thấy mảo gây chi đâu cho ra tang chế, mà rằng : báo hiếu?

TÂY SĨ RẰNG :

Trong đạo dạy thờ tam phụ, song sai đẳng chẳng bằng nhau; mà việc tế lễ là cách thờ phượng trọng thể nhất, thì có một đứng thượng phụ đáng việc trọng thể ấy mà thôi. Vậy con cái chẳng dám lấy cha mẹ, là bậc hạ phụ, làm bằng thượng phụ, cho nên chẳng dám tế lễ. Vả lại khi hành lễ, thì có mời tư văn bốn hội, sanh đồ hương cống, quan viên chức sắc, mặc đai mào hia tất, dựng cơm, đốt hương, đọc lời chúc văn, rót rượu, pha trà. Làm những việc trọng thể dường ấy, có xứng cho cha mẹ ngồi mà chịu sao? Kia lời ông Khổng Tử dạy rằng: *Sự tử như sự sanh hiếu chi chí dã*, nghĩa là thờ khi chết như thờ khi sống, ấy là rất thảo. Nào khi cha mẹ còn sống, có tế lễ bao giờ sao? Khi cha mẹ còn sống, có dám ngồi trên giường cho sanh đồ hương cống quì xuống đứng lên cho mình ăn uống bao giờ sao? Thật là chẳng dám đâu. Nếu con cái còn làm thế ấy, thì nào có nhằm chữ *sự tử như sự sanh* đâu? Ông Thành Trình trách rằng: *Thiên hạ sự tử bất như sự sanh, sanh nhi bất sự tử tắc sự chi, kì mậu dĩ thậm*, nghĩa là người thiên hạ thờ khi chết chẳng như thờ khi sống, khi còn sống chẳng thờ đến khi chết mới thờ, thì thật sai lầm đã lắm. — Còn sự mào gậy trong sách Gia lễ là lễ ông Châu Văn Công lập ra, khi người làm việc hiếu sự cho mẹ người, thì người mặc áo ấy đội mào ấy, tuy là áo gai mào chuỗi mặc lòng, song hình dạng thể thức cũng về

phẩm kẻ tấn sĩ đời nhà Tống, mới có đầu cân giải đến gót làm vậy ; nào kẻ thứ dân chức phẩm gì, sao dặng bát chước người mà dùng cân đai thể thức ấy, thì chẳng phải là tiếm lễ sao ? Cho nên ông Ôn Công rằng : *Lễ tắc pháp dã, lễ tắc danh phận dã*, nghĩa là lễ là phép, lễ là theo danh phận vậy. Mà ông Khổng Tử cũng trách họ Tam Gia về sự tiếm lễ rằng : *Hề thủ ư tam gia chi đường*, nghĩa là những lễ phép ấy làm trong nhà họ Tam Gia, nào có nghĩa lý gì đâu ?

NHU SĨ RẰNG :

Đã vậy chẳng tế lễ thì chớ, như sao khi dọn cỗ bàn rồi, xui xúi cứ ăn, mà chẳng đoái nhớ cha mẹ, chẳng mời cúng người ăn uống với, thế thì làm vậy là hiểu sao ?

TÂY SĨ RẰNG :

Vốn người ăn uống của dương thế cho dặng khoẻ dặng sống, nhưng khi đã chết rồi thì thôi, vì ngũ quan đã hư nát, ngũ tạng đã rã rời, còn ăn gì dặng nữa mà mời ? Cho nên trong tiểu chú Kinh Thi Châu thị viết : *Phụ mẫu kí một, dụng mạo bất khả phục kiến, ẩm hướng bất khả phục văn, tuy hữu cam chỉ khinh áo, diệc vô sở phụng chi dã*, nghĩa là khi cha mẹ đã chết rồi, thì hình tượng chẳng còn thấy dặng, tiếng tâm chẳng còn nghe dặng, dầu có những vật ăn ngon ngọt, đồ mặc nhẹ ấm, cũng chẳng có lẽ mà dùng cho cha mẹ

đặng nữa. Còn linh hồn là tính thiêng liêng hằng sống, chẳng hay mòn chẳng hay nát, cũng chẳng ăn uống của thế gian này đặng. Vả lại linh hồn trọng hơn xác muôn phần, nếu lại lấy của phàm trần xác ăn mà mời linh hồn ăn, thì chẳng những là chẳng làm ích gì, mà lại ra như trêu chọc nhạo cười cha mẹ vậy. Cũng như khi cha mẹ đã già nua rụng răng, mà con cái lại đem tấm mía bánh khô đến mời cha mẹ ăn, thì cha mẹ có lấy làm toại lòng chẳng? Có lấy sự ấy làm hiếu chẳng? Ấy là cũng một kiếp khi xác còn sống, cũng là một bữa ăn người đã dùng khi trước, song khi già nua rụng răng dùng chẳng đặng, khi thấy con cái đem của ăn dùng chẳng đặng, còn lấy làm buồn; huống chi rày đã về kiếp khác, mà con cái còn lấy của xác hèn ăn xưa, mời linh hồn thiêng liêng ăn hưởng làm sao cho đáng? Cha mẹ có lẽ nào lấy sự ấy làm hiếu sao?

NHU SĨ RẰNG :

Chớ thì ông Khổng Tử dạy sự *vong như sự tồn* *hiếu chi chí dã*, là thờ chết như thờ sống, ấy là đều rất hiếu, thì làm sao? Chẳng phải là cha mẹ còn sống đã dùng của gì, thì khi người ta thế đoạn, lại phải lấy của ấy mà phụng dưỡng sao? Thấy cứ đâu mà nói đều cha mẹ chẳng ăn chẳng hưởng?

TÂY SĨ RẰNG :

Ví bằng ông cứ đều ấy mà rằng : phải nuôi cha

mẹ khi chết cũng bằng khi sống, chóc ấy phải phượng dưỡng cơm nước một ngày là ba bữa, ít nữa là một ngày hai bữa, thì mới phải. Nhon sao khi mới chết có đặt tể đơm cơm bữa tối bữa sáng, rồi thì cắt khoản ra, bảy ngày một lần đơm, ba mươi ngày một lần, năm mươi ngày một lần, một trăm ngày một lần, sau hết một năm mới mời một bữa; còn những ngày khác, thì cha mẹ lấy đâu mà ăn cho sống? Ông đã biết thật phải nuôi cha mẹ, chẳng nên để cho người đói khát mà có tội, mà sao một năm mới nhớ đến người một bữa rồi lại đưa người đi? Thẻ ấy có hiệp chữ *sự tử như sự sanh* sao? Sách nào dạy muốn cho người ăn thì cho, muốn bỏ thì bỏ? Thẻ ấy có gọi là *hiếu chi chí dã* chăng? Sách làm vậy có nên cứ chăng? Ấy ông xem hai bên: một bên thì tin thật linh hồn ông bà cha mẹ đã về kiếp khác thì thôi, chẳng còn trở lại ăn của dương thế nữa, cho nên con cháu chẳng đơm quải, chẳng mời khẩn nữa; mà bên kia tin rằng: linh hồn còn về ăn uống như thuở bình sanh, lại có phép phù hộ cho con cháu; tin làm vậy mà lại bỏ chẳng cho ăn uống, hay là một năm mới cho ăn một bữa rồi lại đưa đi; vậy thì bên nào thật, bên nào hư? — Kia lời vua Hạ Vũ rằng: *Sanh ký dã tử qui dã*, là làm sao? Nghĩa là sống là tạm gởi, thác là về quê. Ví bằng kẻ lảnh đã dặng về quê thật thiên đàng, châu chực Thiên Chúa, dặng phước vô cùng, lẽ nào còn phải đói khát, tìm về nhà ăn hưởng với con cháu một bữa, thì mới dặng phỉ chí sao? Lẽ nào dám bỏ việc rất trọng châu chực Thiên Chúa, để chốn rất

thanh nhàn thẽ ăy mà về chốn trần ai khổ hải, cho đặng ăn uống với con cháu, thì lấy làm trọng hơn sao? Nhược bằng kẻ dữ đã phải giam cầm nơi ngục đời đời, dầu muốn ước ao hết sức cho đặng ra khỏi đó mà về, phép nào mà mình lại về đặng sao? Cho nên lời vua Hạ Vũ rằng : *Tử qui dã*, thì là thật lắm.

Còn về sự phù hộ cho con cháu, thì khi chết rồi cũng như khi còn sống. Hãy xem khi cha mẹ còn sống, con cháu hoặc phải đau bụng, hoặc phải đau mắt, hoặc phải nóng rét, thì cũng chẳng có phép cất bịnh ấy cho nó khỏi đau đặng; lại có khi thấy nó hấp hối nằm trên tay mình mặc lòng, cũng chẳng có phép gì cầm lại cho nó khỏi chết đặng; huống chi bây giờ đã cách biệt, đã về kiếp khác, mà phù hộ làm sao đặng?

NHU SĨ RẰNG :

Nhơn sao chẳng lay cha mẹ, hay là cha mẹ đã chết chẳng phải là cha mẹ mình nữa sao?

TÂY SĨ RẰNG :

Phải biết trong mình người ta có hai phần : phần trọng hơn là linh hồn, *vị vạn vật chi tối linh*, là rất thiêng hơn muôn vật; phần kém hơn là xác thịt *sinh thổ phần thổ*, là sinh ra bởi đất rồi trở về đất. Vậy khi cha mẹ còn sống, con cái muốn lay mà tỏ ra lòng cung kính, mến yêu cùng mừng người, thì nên, cũng là việc rất phải lẽ; song khi

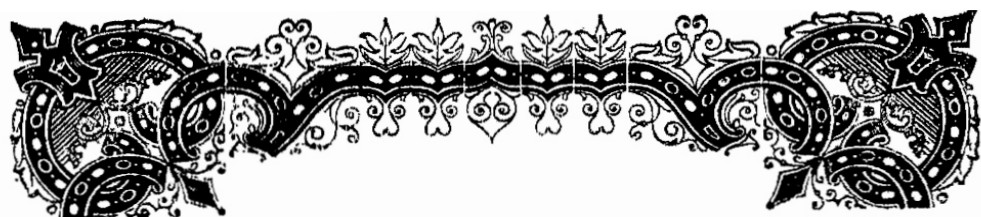
cha mẹ đã tạ thế, thì linh hồn là phần cực trọng đã ra khỏi xác đoạn, cũng như đức vua đã ngự ra khỏi đền rồi dầu xác đang nằm trên giường, thì xác ấy cũng như áo long câu đức vua mặc, đã cởi ra để đó vậy. Xưa nay có quan nào, khi đức vua đã ngự ra ngoài, mà còn châu chực lạy cái áo không để đó, có lấy làm phải lẽ chăng? Hay là khi cha mẹ đang giấc ngủ mê, con cái có kính lạy cùng mời người ăn uống mặc lòng, thì người cũng chẳng hay gì sốt. Song từ xưa đến nay, nào có thấy ai lạy cha mẹ đang khi người ngủ mê mà lấy làm hiếu kính sao? Nào có thấy ai mời người ăn uống đương cơn ngủ bất tỉnh nhưn sự, mà kể rằng: đã cho cha mẹ ăn uống sao?

Kìa vua Tống Huy Tông, khi bị người nước Kim bắt đem về phương bắc, mà ông Cao Tông là con người rằng: Vua Huy Tông là cha, cách mặt ở cõi bắc, thì con an lòng làm sao đặng, liền làm lễ vọng bái ở đất Việt Châu, lại làm lễ ấy ở đất Thiệu Hưng nữa; mà ông Huỳnh Phát Trai chê trách rằng: Vua Cao Tông khi ấy dầu có lạy vọng, cũng chẳng ai khen rằng: có thảo cùng cha; dầu không lạy, cũng chẳng ai chê rằng: không thảo cùng cha. Nếu vua biết sự thảo cho thật, thì chẳng làm việc hư văn thể ấy làm chi, vì vua Huy Tông đang phải giam cầm ở cõi bắc, nào có trông cho con lạy thể ấy đâu? một trông cho con lo liệu cách nào đem cha về khỏi chốn ấy mà chớ. Cho nên Thị Thân, là Hồ Diễn, khuyên vua Cao Tông *vụ thật hiệu khử hư văn* là lo việc thật mà đem cha về, đừng làm việc hư văn làm chi? Bởi đó trong đạo, khi cha mẹ qua

đời đoạn, con cái cứ việc đọc kinh cầu nguyện cùng làm nhiều việc lành khác, để giúp linh hồn người, mà chẳng có làm sự hư văn là lay bóng lay gió, lay khoản không làm vậy, vì chẳng đáng ích gì cho cha mẹ đâu.

Khi ấy quan lớn mới phán đoán rằng :

Thầy Nhu sĩ dạy thờ thánh Khổng Tử ở nước Lỗ, và Tứ Phối Thập Triết; thầy Hòa Thượng thì dạy thờ Phật Thích Ca ở nước Thiên Trúc và các bụt; thầy Pháp sư dạy thờ Lão Quân ở xứ Hồ Quảng, cùng 12 vua Hành Khiển; còn thầy Tây sĩ dạy thờ Thiên Chúa là Đấng dựng nên trời đất thần người muôn vật; và thờ phượng đấng Cứu Thế, giáng sinh bởi Thiên Chúa đã định mà cứu chuộc loài người ta cho được sống đời đời; lại thứ nhất, dạy thờ thượng phụ là Thiên Chúa, cầm quyền sanh tử thưởng phạt muôn dân muôn nước, đời này và đời sau chẳng cùng; thứ hai, dạy thờ trung phụ là đấng làm vua, cầm quyền sanh tử thưởng phạt ở đời này trong cả và nước; thứ ba, dạy thờ hạ phụ là cha mẹ, là đấng sanh thành dưỡng dục con cái, cùng làm bề trên trong một nhà. Những sự lẽ đã nói, cùng những tích kinh sách đã trưng, thì ta cũng đã nghe rõ ràng. Song sự lẽ thầy Tây sĩ nói thì ta lấy làm vững chắc hơn lẽ ba thầy đã nói trước, cho nên trong đều thứ hai, là *Người ta ở đời này phải làm thế nào*, thì ta đoán đạo Thiên Chúa phải lẽ hơn và vững chắc hơn mọi đàng.



NGÀY THỨ BA.

GIẢI ĐỀU THỨ BA, LÀ SỰ CÙNG SAU HẾT, NGƯỜI
TA CHẾT RỒI ĐI ĐÂU.

I.

NHU SĨ RẰNG :

Vốn loài người ta, trong sách có nói : *khí tụ tắc sanh, khí tán tắc tử, dữ cầm thú vô dị*, nghĩa là loài người ta, khí nhóm lại thì sống, khí tan ra thì chết, chẳng khác chi cầm thú vậy. Lại ông Ôn Công rằng : *Nhơn tử tắc hình thể tiêu diệt dữ thảo mộc đẳng, kì thần phiêu như phong hỏa*, nghĩa là người ta chết thì hình thể tiêu mất cũng như cỏ cây vậy, còn thần hồn thì bay đi như gió như lửa vậy. Lại nơi khác rằng : *Nhơn tử cốt nhục qui vu thổ, huyết qui vu thủy, hồn khí qui vu thiên*, nghĩa là người ta chết, xương thịt trở về đất, máu trở về nước, hồn khí thì trở về trời.

TÂY SĨ RẰNG :

Cứ như điều ấy, khi chết đoạn thì mọi sự tan đi mất: chẳng còn tội, chẳng còn phước, chẳng còn

Hội đồng tư giáo.

thường, chẳng còn phạt; chết đoạn, người ta cũng như muông chim, cây cối vậy; chóc ấy kể khi trước đã gia công sửa tánh tu đạo, bấy giờ sẽ phân nân vì đã mất công, chẳng đáng ích gì; mà kẻ ngỗ nghịch, luông tuông theo tính mê đắm, khi ấy sẽ vui mừng, vì chết rồi thì thôi. Như quân đi chiến trận về, không thưởng không phạt, thì còn ai lo thắng bại làm chi? — Lại rằng: chết đoạn, *cốt nhục qui vu thổ, hồn khí qui vu thiên*, thế thì ai ai hồn nào cũng đăng qui vu thiên cả. Vậy kẻ tu nhưn tích đức trọn đời, hồn khí cũng về trời; kẻ làm nguy làm giặc, tà dâm, trộm cướp, giết người, hồn khí cũng về trời bằng nhau. Như đạo Nhu sĩ nói làm vậy, thì để mặc thiên hạ tung hoành, ai muốn làm thế nào, thì nên thế ấy sao? Dầu lành dầu dữ cũng chẳng hề chi; chết đoạn cũng chẳng sợ chi, vì ai ai cũng về trời cả. Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe dặng chẳng?

II.

THẦY PHÁP SƯ GIẢI CẦU ẤY RẰNG :

Bên đạo chúng tôi dạy đời sau *bất sanh bất tử, bạch nhật phi thăng đăng không nhi khứ*, nghĩa là chẳng sống chẳng chết, ban ngày bay lên trên không mà đi, vì đã có *bài thiên được trường sanh toàn kì thiên niên bất tử*, là có bài thuốc thân linh, trọn sống ngàn đời chẳng chết,

TÂY SĨ RẰNG :

Nếu vậy, nhưn sao các đứng thượng cổ, để vương, đã thăng hạ hết. Ấy những đứng vua chúa thiếu chi sự khôn ngoan, mà sao chẳng tìm đăng bài thuốc ấy? Thiếu chi vàng bạc, mà sao chẳng mua đăng thuốc ấy? Lại những người đã mời các thầy chữa, cũng đã chết hết chẳng còn sót một người, thì làm sao? Nào đều *bất sanh bất tử ở đâu?*

THẦY PHÁP SƯ RẰNG :

Hoặc người ta chẳng tu đức tu tiên cho đăng sống lâu, hoặc khi ốm đau chẳng tìm đăng thầy hay cao tay mà chữa, hoặc đã đến khi mạng trời định thì thôi, vì chúng tôi chữa bịnh, chẳng có chữa mạng đâu.

TÂY SĨ RẰNG :

Kìa ông Thái Thượng, Lão quân, Trương Lương, Trương Nghi, Trương Bửu, Trương Đậu, Trương Linh, Trương Lỗ, Trương Giác, và các sư đã truyền đạo thái bình bùa chú, đều đã chết hết. Chớ thì các ông ấy chẳng có tu đức tu tiên cho đăng sống lâu sao? Hay là chẳng gặp thầy nào hay cao tay mà chữa sao? Ấy các thầy những thờ phượng Ngọc Hoàng, sao chẳng cầu khẩn Ngọc Hoàng đổi thiên mạng cho đăng sống lâu mãi? Sao chẳng dùng bài thuốc tiên

trường sanh bất tử ? Chớ thì bài thuốc ấy để cho ai, mà chẳng chữa lấy mình cho đặng sống lâu, thì làm sao ? Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe đặng chẳng ?

THẦY PHÁP SƯ RẰNG :

Hễ ai tu đạo nào thì tin đạo ấy, lấy lời trong sách đại thánh đã truyền lại làm cứ làm thật thì thôi . Phước phận thì tại trời, trời cho ai nấy đặng, nào có tại ta muốn mà đặng sao ? Thầy đừng nói nữa, nào tôi có lập nên đạo, mà tra tôi lắm làm chi ?

TÂY SĨ RẰNG :

Đã vậy, từ nay đừng khoe bởi gặp thầy hay cao tay khéo chữa mới sống, bởi chẳng gặp thầy hay cao tay khéo chữa thì chết . Đã biết rằng : mạng tại trời thì thôi .

III

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY RẰNG :

Trong mình người ta có ba giống : Đến khi chết đoạn, da tan đi mất ; xác thịt xương cũng tan đi nữa ; còn thần hồn, nếu có rước thầy niệm kinh bảo đàn cho, mới đặng thăng thiên vào nước Phật chịu phước ; chẳng vậy, thì phải sa địa ngục khốn nạn .

TÂY SĨ HỎI RẰNG :

Niệm kinh bảo đàn là thế nào ?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG :

Khi người ta gần chết, thì niệm rằng : *Phật tánh hồi, Phật tánh hồi*, hãy ra lỗ chóp trên đầu, chớ ra cửa con mắt, lỗ tai, mũi, miệng cùng âm môn mà lạc, như lời trong sách bí truyền rằng : *Đầu dẫn thiên dẫn, nhược từ đảo thiên hải ngoại không, thăng thiên dẫn; nhược xuất nhãn nhĩ từ khẩu âm môn, bất thành tiên dẫn*; nghĩa là đầu là trời, bằng chết mà ra chốn biển trời ngoài không, thì là lên trời; bằng ra nơi con mắt lỗ tai lỗ mũi miệng âm môn, thì chẳng nên tiên. Vậy khi chết đoạn mà linh hồn đi đàn, thì phải xưng mình là con Phật, mới khởi vào địa ngục cùng ba nẻo đàn dữ; phải có sắc Phật mới đăng đi cầu Âm không, đến suối Huỳnh Tuyền, đến giếng có cây dừa mới đăng qua sông Đà Hà, qua đò Tự nhiên, mới đến bãi cát Trường sa, mới qua ngã tư có cầu đồng ván sắc hiệu là Âm không. Có Kệ thơ rằng : *Sống làm lành dữ mặc thân ta, thác thì trừ khử nghiệp gian tà, chơn linh nhớ đến kinh niệm Phật, đầu vào địa ngục lại đăng ra*.

TÂY SĨ RẰNG :

Linh hồn là tính thiêng liêng không hình tượng,

khí vào trong xác cùng khi ra khỏi xác là cách mâu nhiệm, chẳng phải là ra cửa nào mới khỏi đau. Nếu vậy kẻ hiền lành như đức, khi chết mà hồn chẳng ra nơi lỗ chóp, thì sa địa ngục; mà kẻ tội lỗi độc dữ gian tà cả đời, đến khi chết, linh hồn nó ra nhằm nơi lỗ chóp, thì đăng thăng thiên sao? Nói làm vậy, có hiệp lẽ công bình sao?

Tây sĩ lại hỏi rằng: Những linh hồn đã sa địa ngục, đã phải chịu hình khổ khốn nạn làm vậy, có lẽ nào cứu đăng cho ra khỏi chẳng?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG:

Cũng có thể đăng, vì đức Phật rất như lành, chẳng muốn cho ai phải khốn nạn, cho nên người đã truyền nhiều cách cho người ta khỏi tội. Dầu người ta yếu đuối, chẳng có sức giữ đăng các sự răn người mặc lòng, song đã có chúng tôi giữ thế cho người ta. Tây sĩ hãy xem kinh Đại Thừa Diệu Tiên Liên hoa. Hễ ai đọc kinh ấy, thì mới đăng lên trời hưởng phước. Lại ai đọc kinh Nam vô A Di Đà Phật, thì khỏi các tội từ bây giờ về trước, cùng khỏi sa địa ngục nữa. Bằng những kẻ đã chết rồi, nếu con cháu có mời chúng tôi làm chay làm tiểu, thì đức Phật đã cho chúng tôi phép phá ngục cho các linh hồn trong ấy đăng ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Các kẻ có tội trong địa ngục có đăng ra như vậy hết chẳng?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG :

Đều đặn thấy thấy, có một kẻ khinh để phép Phật, thì người chẳng tha mà thôi .

TÀY SĨ RẰNG :

Phép phá ngục là làm sao ?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG :

Kẻ làm việc ấy phải ăn chay, niệm kinh, đơm tể nhiều ngày, chữa tội ông bà cha mẹ, mà ngày sau hết làm lễ phá ngục cho linh hồn tổ tiên đăng ra. Vì vậy cắm bốn cột giữa nhà, lấy giấy mà dán xông quanh, cùng làm bốn cửa bốn bên, lại làm một cửa ở giữa, đặt hình địa ngục, rồi thì tể Thập Điện Diêm vương, là mười vua cai trị âm phủ ; lại tể năm vua ở năm cửa, là đông phương Thanh Đế, tây phương Bạch Đế, nam phương Xích Đế, bắc phương Hắc Đế, trung phương Huỳnh Đế ; đi xông quanh ba lần, niệm kinh rưới tịnh thủy, rồi gieo hai đồng tiền lấy sắp ngựa, làm dấu các vua đã chịu sự tể cùng của lễ. Đoạn thấy thứ như cắm gậy phá các cửa ngục cho các linh hồn trong ấy.

đặng ra khỏi. Mà lẽ phá ngục này, đạo Phật đã truyền tổ tông trong sách Huỳnh Đồ Vinh Quyết.

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói đạo Phật truyền lẽ này tổ tông, nhưn sao trong sách kinh, bốn mươi hai trương, chẳng thấy Thích Ca chép lời gì về lẽ ấy sớt, mà sách Đẳng Tâm rằng : Vua Lương Võ đế đã lập vi trai hội, là từ Lương Võ đế mới bày ra lẽ ấy. Thế thì từ Thích Ca cho đến Lương Võ đế đã cách nhau 1500 năm, mới lập ra lẽ làm chay làm hội, để mà phá ngục ; mà thầy nói rằng : Phật giáo truyền lẽ này tổ tông, thì đều ấy đã chẳng hiệp.

Lại đều phá ngục là làm sao ? Kìa xem vua chúa thế gian lập ngục ra giam cầm kẻ có tội, dẫu ai muốn phá, có phá đặng chăng ? Phương chi đứng phép tắc vô cùng lập ngục giữa trái đất này, là chến rất sâu hiểm, con mắt xem chẳng thấy ; mà các thầy cũng là người thế gian có xác thịt, biến đi đàng nào mà xuống phá ngục đặng ? Vả lại áng này đã mời các thầy phá, áng khác lại mời phá, muốn phá khi nào thì phá, chúc ấy còn đi gì mà gọi là ngục nữa ? Nếu vậy những linh hồn trong ấy đã đặng ra hết, thì còn có ai trong ngục ấy, mà năm khác con cháu còn làm chay chữa tội làm chi nữa, hay là có thầy nào lại xây ngục lại chăng ?

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG:

Bên đạo tây sĩ cũng thường có làm lễ cầu hồn phá ngục, đi xông quanh mồ rẫy nước thánh, thì nào ai bắt nét, nào ai chê đều ấy? Cũng một tướng mình làm thì đặng, mà nhạo báng kẻ khác làm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo chúng tôi làm lễ cầu hồn thì có, song chẳng có lễ phá ngục đâu.

Vậy có hai thứ linh hồn, một là linh hồn mắc tội trọng đã giam cầm trong địa ngục, thì chúng tôi chẳng dám cầu cho những linh hồn ấy đâu, vì chẳng có lễ nào mà đặng khỏi. Hai là linh hồn mắc tội nhẹ hay là đền tội chưa đủ, mà phải giam cầm trong ngục luyện tội, thì chúng tôi có ý làm lễ cầu khẩn cùng Thiên Chúa thứ tha, bớt phần phạt chonhững linh hồn nơi ngục tạm ấy mà thôi. Cũng như sự đời này, vua chúa lập ngục ra, có thứ tù trọng tội đã phải bỏ vào ngục Khâm Đường, giam cầm cho đến chết, thì chẳng ai vào kêu cho tù ấy nữa đâu. Còn thứ tù tạm, giam vạ mọn vì mắc tội nhẹ, hay là mắc công nợ đền chưa đủ, thì con cháu có thể chạy chuộc cho, lại đặng ra khỏi. Ấy lẽ chúng tôi cầu hồn cũng như làm vậy; nào chúng tôi có dám phá ngục như các thầy đâu?

NHU SĨ RẰNG :

Ba đạo đã giải rồi, thì đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao ?

IV

TÂY SĨ RẰNG :

Trong đạo chúng tôi dạy bốn điều cả thế sau hết, gọi là tứ chung: một là sự chết, hai là sự phán xét, ba là sự địa ngục, bốn là sự thiên đàng.

Vậy trước hết sự chết, bởi tội tổ tông nên Chúa đã đoán định cho loài người ta phải chết, dầu ai ai, đứng bực nào, dầu khôn khéo thế nào mặc lòng, thì cũng chẳng ai khỏi đặng.

Hai là sự phán xét, là hễ người nào khi tắt hơi vừa đoạn, dầu xác còn nằm trên giường, tức thì thánh Thiên thần bốn mạng đem linh hồn người ấy đến trước tòa Thiên Chúa rất oai nghi công thẳng, mà chịu Người phán xét mọi việc mình; những sự tư tưởng kín nhiệm trong lòng, mọi lời đã nói, mọi việc đã làm, dầu lành dầu dữ, từ khi có trí khôn cho đến khi ấy, bao nhiêu tội bao nhiêu phước, thấy thấy đều bày ra hết, chẳng sót sự gì cả, cũng chẳng chữa lỗi mình mà đổ cho ai đặng; mỗi một người đều phải gánh lấy của mình, là những việc lành dữ đã làm khi còn sống.

Ba là địa ngục, vì thuở tạo thiên lập địa, Chúa đã dựng nên chốn ấy xa cách nước thiên đàng, song phân làm bốn tầng: một là Lâm bồ, hai là Hải sở, ba là Luyện tội, bốn là Ngục Vĩnh khổ. Lâm bồ là tầng ở ngoài và ở trên hết, là nơi linh hồn các thánh tổ tông xưa khi sanh thì đoạn còn phải ở đó, đợi trông Chúa Cứu thế ra đời chuộc tội cho thiên hạ, đoạn các thánh ấy mới đăng lên thiên đàng. Hải sở là nơi những linh hồn con trẻ mới sinh ra, mà chết khi chưa đăng chịu phép rửa tội. Luyện tội là nơi giam cầm các linh hồn kẻ có đạo, khi còn sống hoặc mắc tội nhẹ, hoặc đến tội chưa đủ, thì phải chịu lửa nung đốt luyện cho đến khi sạch hết tội vạ, mới đăng ra khỏi đó mà lên Thiên đàng. Ngục Vĩnh khổ là nơi rất sâu hiểm, giam cầm các ma quỷ và các kẻ đã theo ý nó mà thờ phượng nó, cùng quải lay đơm tế ông bà cha mẹ, và giam cầm các kẻ vong ơn bội nghĩa, chẳng thờ phượng Thiên Chúa, chẳng giữ luật phép Người răn dạy. Ngục này những lửa sinh lửa diêm, cùng muôn muôn vạn vạn hình khổ rất khốn nạn vô cùng. Những kẻ giam cầm trong ấy phải thiêu đốt đời đời, cũng chẳng hề có bao giờ chết đăng cho khỏi sự khốn ấy.

Bốn là thiên đàng, là chốn rất sang rất trọng, rất thanh nhàn rất vui vẻ, gồm no mọi sự phước đức, Thiên Chúa đã dựng nên để mà thưởng các thánh Thiên thân cùng các thánh nam nữ, là những người khi còn sống ở đời này đã thờ phượng Thiên Chúa và giữ luật Người cho trọn, thì khi chết đoạn linh hồn lên trên ấy châu chực Thiên

Chúa, hưởng phước vô cùng. Ấy là tứ chung thì làm vậy.

Còn một việc cả thể sau hết nữa, là khi thiên địa cùng tận, là ngày tận thế, thì Thiên Chúa cho mọi người đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến ngày ấy đều sống lại thấy thấy: những linh hồn kẻ lành ở thiên đàng, những linh hồn kẻ dữ dưới địa ngục, đều phải nhập vào xác cũ mình, tựu đến một nơi gọi là đồng Giosaphat mà chịu phán xét chung trong một khi ấy; đoạn linh hồn và xác kẻ lành lên thiên đàng sáng láng tốt lành, vui vẻ vô cùng; còn linh hồn và xác kẻ dữ phải phạt xuống địa ngục khốn nạn đời đời kiếp kiếp.

NHU SĨ RẰNG:

Khi nầy đã nói: hễ ai chết đoạn thì Thiên Chúa đã phán xét, kẻ lành cho lên thiên đàng hưởng phước, kẻ dữ bỏ xuống địa ngục phạt rồi. Như sao thấy lại nói rằng: sẽ có ngày Thiên Chúa lại gọi khắp mọi người sống lại, đến một nơi mà chịu phán xét làm sao nữa? Chớ thì khi trước Thiên Chúa chưa xét đoán nên sao? Ấy chính việc Người đã làm, nào có phải việc ai làm, mà phải làm đi làm lại nhiều lần, thêm việc thể ấy làm chi?

TÂY SĨ RẰNG:

Việc Thiên Chúa làm thì có nhiều ý sâu nhiệm, vì một là khi phán xét lần trước, mới có một linh hồn đang hưởng phước hay là chịu phạt mà thôi,

xác thì còn ở dưới đất này. Ngày ấy mới cho xác cũ sống lại, vì xác kẻ lành xưa đã giúp linh hồn làm nhiều việc phước đức, đã thờ phượng Thiên Chúa hết lòng, thì bây giờ cho linh hồn hiệp với xác, cả và hai đều chịu thưởng. Lại xác kẻ dữ xưa cũng đã giúp linh hồn làm việc tội lỗi, chẳng thờ phượng Thiên Chúa cho nên, thì bây giờ lại cho xác hiệp với linh hồn, cả và hai đều chịu phạt; làm vậy mới hiệp phép công bình.

Hai là phán xét lần trước, kẻ lành kẻ dữ chịu thưởng hay là chịu phạt, thì thiên hạ chưa biết rõ, vì những việc lành phước đức nào mà người kia đáng thưởng dường ấy, vì những tội lỗi xấu xa nào mà kẻ nọ phải phạt dường ấy; lần này thì cả và thiên hạ muôn đời đãng rõ biết Chúa là đấng công bình vô cùng, vì kẻ làm việc lành phước đức khi ở đời này, những chịu người ta khinh rẻ nhạo báng, bắt bớ làm khốn cực chẳng khi dừng, mà khi ấy đáng phần thưởng vui vẻ thanh nhàn, thì càng thêm sang trọng sáng láng cho kẻ lành hơn; lại kẻ dữ khi còn sống ở đời này làm những việc gian dâm tà nghịch, phạm tội lỗi xấu xa ô uế, nên khi ấy nó phải hình khổ, thì càng thêm xấu hổ khốn cực cho kẻ dữ hơn. Ấy là ý Thiên Chúa định có ngày phán xét chung thì làm vậy.

— Trong ba ngày nay, chúng tôi đến trước mặt quan mà trình qua các lễ trong đạo chúng tôi tất vậy, để quan lớn xét cho, thì chúng tôi lấy làm ơn trọng lắm. Song bởi chúng tôi chưa thuộc tiếng nói cùng lễ phép trong nước cho đủ, hoặc đang

khi nói, có điều gì chẳng dặng lịch sự ra thất lễ, thì trước là xin quan lớn rộng xét thứ tha cho chúng tôi, sau là xin các thầy miễn chấp, vì chẳng có mấy khi dặng gặp các thầy mà đàm đạo thể ấy. Vậy các thầy đã cứ trong sách các thầy, chúng tôi đã cứ lễ trong sách chúng tôi mà nói, dầu lễ bên nào phải trái, đầu đạo bên nào chơn giả, thì để mặc lượng quan lớn quyền hoành là cân xét cho.

Bấy giờ quan lớn mới phán đoán rằng :

Trong điều thứ ba là sự cùng sau hết, người ta chết rồi đi đâu, các lễ thầy Nhu sĩ, thầy Hòa thượng, thầy Pháp sư nói, thì xưa nay ta cũng đã có nghe nhiều lần, mà thật trong lòng ta chưa biết thể ấy là nhằm hay là chẳng nhằm; còn sự Tây sĩ nói Bốn sự sau, là người ta sinh ra rồi phải chết, chết rồi phải chịu phán xét, phán xét rồi kẻ lành dặng thưởng lên thiên đàng, kẻ dữ phải phạt xuống địa ngục; lễ ấy rất công minh chính trực, chẳng còn nghi hoặc dặng nữa. Như vua trị nước, nếu chẳng dùng phép công bình, dùng quờn thưởng phạt, thì trị nước làm sao dặng? Huống chi Thiên Chúa đã sinh nên trời đất thần người muôn vật, lại cai trị giữ gìn trời đất thần người muôn vật đời đời; nếu chẳng dùng phép công bình, chẳng dùng quờn thưởng phạt kẻ lành kẻ dữ, thì cai trị làm sao dặng? Ấy là lễ nhần tiên phải có như vậy chẳng sai, cho nên trong điều thứ ba này, ta đoán đạo Thiên Chúa dạy phải, và rõ ràng chắc thật hơn

các đạo thầy thầy. Lại ta đã biết rõ sự thật ở đâu, thì ta cũng tin tưởng noi giữ theo đó cho đến cùng.

Nay giã các thầy lui gót bằng an, cho ta đặt bãi hâu về nghỉ.

CHUNG.





MỤC LỤC



TỰ TÍCH 1.

NGÀY THỨ NHẤT,

Giải đếu thứ nhất, là Cội rễ người ta
bởi đâu mà sinh ra 6.

NGÀY THỨ HAI,

Giải đếu thứ hai, là người ta ở đời này
phải làm thế nào 17.

NGÀY THỨ BA,

Giải đếu thứ ba, là sự cùng sau hết,
người ta chết rồi đi đâu 61.



SO SÁNH HAI VĂN BẢN HỘI ĐỒNG TỨ GIÁO

Bởi vì nội dung sách Hội đồng tứ giáo Hán Nôm (in năm 1867 và 1924) và sách Hội đồng tứ giáo Quốc ngữ (in năm 1887 và 1959) có những chỗ khác nhau nên bảng so sánh dưới đây giúp người đọc dễ nhận ra chỗ giống và khác nhau giữa hai bản văn trên.

Vì giữ nguyên gốc của sách nên bản văn Hội đồng tứ giáo Quốc ngữ in năm 1887 có một số chỗ sai lỗi chính tả. Chẳng hạn: *bồi* thay vì *bởi*, *cầu bầu* thay vì *cầu bầu*, *cũa* thay vì *cửa*, *chười* thay vì *chửi*, *dả* thay vì *dã*, *đều* thay vì *điều*, *đứng* thay vì *đấng*, *giải* cấm thay vì *giới* cấm, *Huình* thay vì *Huỳnh*, *Liệt* vương thay vì *Liệt* vương, *Vả* lại thay vì *Vả* lại, bốn mùa tám *tuyệt* thay vì bốn mùa tám *tiết*, thập Nhị *Hoành* Khiển vương thay vì Nhị *Hành* Khiển vương... Lại nữa, lúc thì dùng từ *sinh*, lúc lại dung từ *sanh*.

HĐTG 1867 (Hán Nôm)	HĐTG 1887 (quốc ngữ)
Thuở đời Đức vua Lê là vua Cảnh Hưng, chúa Trịnh là Trịnh Đô Vương, có bắt được hai thầy cả: một thầy phương Tây, một thầy bản quốc, giam ở Kẻ Chợ tại Khố Bành.	Thuở đời Lê Cảnh Hưng, chúa Trịnh là Trịnh Đô vương, có bắt được hai thầy cả: một thầy phương tây, một thầy bốn quốc, giam ở kẻ chợ, tại Khố Bành.
Khi ấy có nhà Quan Sáu, là chú chúa Trịnh Đô Vương, chưa có đạo, mà mẹ người là Đức Thượng Trâm quê ở Cảnh Viên, Hải Dương xứ, vốn có đạo, thường khuyên con chịu đạo. Song le nhà quan hồ đồ chưa biết đạo thật hư là dường nào, lại thấy nhà chúa sùng thượng thầy tu, bà vải cùng trọng bên phù thủy pháp môn, thì lòng người cũng muốn theo bên nhà chúa cho ra nhất môn thì dễ hơn. Nhưng mà lại thấy Đức Thượng Trâm năng nhắc đến sự đạo. Bởi người có lòng kính mẹ lắm, thì cũng phải chiều cho bằng lòng mẹ.	Khi ấy có một quan lớn, là chú chúa Trịnh Đô vương, chưa có đạo, mà mẹ người là bà Thượng Trâm, quê ở Cảnh Viên Hải Dương xứ, vốn có đạo, thường khuyên con chịu đạo, song quan lớn chưa biết đạo thật hư là dường nào. Lại thấy nhà chúa kính vì thầy chùa bà vải, cùng chuộng bên phù thủy pháp môn, thì lòng cũng muốn theo bên chúa, cho ra một ngõ cho dễ hơn. Nhưng lại thấy bà Thượng Trâm năng nhắc đến sự đạo; bởi người có lòng kính mẹ lắm, thì cũng phải chiều cho bằng lòng mẹ.

Vậy có một ngày ấy Nhà Quan đòi các đạo đến dinh người để nói lễ đạo cho người nghe, xem bên nào phải trái là làm sao. Vậy có đạo Nho, đạo Lão Tử, đạo Thích Ca và hai Thầy Cả phải giam cũng đưa đến nữa.

Bấy giờ Nhà Quan dạy rằng:

“Vốn lòng ta trọng sự thật, muốn biết đạo nào là đạo chính để ta phụng sự. Vậy các đạo đã đến đây, thì phải bàn lễ chi là lễ chính trong đạo, cùng phải nói một khi một người, cứ thứ tự, cho ta nghe mới được”.

TRƯỚC HẾT NHO SĨ RẰNG:

“Thân lạy Đức Nhà Quan, vốn *tòng cổ dĩ lai* chẳng những một nước nhà ta, mà lại *thập bát quốc chư hầu* và các nước bên phương Đông này, các *đấng đế vương, công hầu, sĩ thứ* đều trọng ba đạo ta này, lấy làm chính đạo. Còn sự đạo ngoại quốc Hoa Lang là dị đoan chi giáo, những điều đối trá phi lý, nào có sự gì thật mà phải bàn hỏi lễ làm chi. Ví bằng đạo ấy có thật thì nhà chúa đã chẳng cấm. Như phò thầy Hoa Lang này có hỏi thì sao nhà vua có bắt mà làm tội? Ấy trước nhà vua đã luận xử tử mấy người. Rày phò thầy này còn đeo thói cũ, lại thâm nhập khuyến dụ dân ngu, cho nên lại phải bắt giam có không nhưng chi. Nào phò thầy Hoa Lang có lý chi, điều chi muốn thưa để Đức Nhà Quan thẩm xét cho thì hãy thưa.

Vậy quan lớn đòi các đạo đến dinh người mà nói lễ đạo cho người nghe, xem bên nào phải trái là làm sao. Khi ấy có thầy đạo Nhu, thầy đạo Lão tử, thầy đạo Thích ca, và hai thầy cả, là thầy đạo Thiên Chúa, cũng đều đến đó cả.

Bấy giờ quan lớn dạy rằng:

Vốn lòng ta chuộng sự thật, muốn biết đạo nào là đạo chính để ta thờ phượng. Vậy các thầy đạo đã đến đây, thì phải giảng giải lễ gì là lễ chính trong đạo, cùng phải nói một khi một người, cứ thứ tự, cho ta nghe mà xét mới đặt.

TRƯỚC HẾT NHU SĨ RẰNG:

Thân lạy quan lớn, vốn từ xưa đến nay, chẳng những một nhà nước ta, mà lại 18 nước chư hầu và các nước bên phương đông này, các đấng đế vương, công hầu, sĩ thứ, đều chuộng ba đạo ta, lấy làm chính đạo; còn đạo ngoại quốc Hoa Lang, là đạo dị đoan, đối trá, phi lý. Nào có sự gì thật mà phải bàn hỏi làm chi; ví bằng đạo ấy chon thật, thì nhà chúa chẳng cấm. – Như phò thầy Hoa Lang ngay lành, thì sao nhà vua bắt mà làm tội? Ấy trước nhà vua đã luận xử tử mấy người; rày phò thầy này còn đeo thói cũ, lại lén vào khuyến dụ dân ngu, cho nên phải bắt giam; nào có thanh chi? Vậy phò thầy Hoa Lang có lễ gì muốn thưa, để quan lớn thẩm xét cho, thì hãy thưa.

TÂY SĨ RẰNG:

Thân lạy Đức Nhà Quan có lòng rộng thương cho chúng tôi được nói sự đạo để người xét cho sự phải lẽ, thì chúng tôi được trông on lắm. Song le tôi thấy điều Nho sĩ nói rằng: *Vốn tông cổ dĩ lai*, các đấng đế vương lấy ba đạo ta làm chân chính, thì sao trong tựa Đại Học rằng: “Từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ kể *thiên lập cực, dĩ đạo trị thiên hạ*. Nào khi ấy đã có đạo Nho, đạo Lão Tử, đạo Thích Ca đâu. Ấy điều *vốn tông cổ dĩ lai* đã ra điều chẳng thật. Vì đời Tam Đại về sau mới có ba đạo ấy mà chớ.

Cùng rằng “Ba đạo ta là chính đạo, còn đạo ngoại quốc là *dị đoan chi giáo*”, ấy vậy đạo Nho thì ở nước Lỗ, đạo Lão Tử mới có rốt đời nhà Chu ở xứ Hồ Quảng, đạo Thích Ca ở nước Thiên Trúc bên Tây. Chớ thì ba đạo ấy chẳng phải đạo ngoại quốc hết ru? Sao Nho sĩ nhận rằng ba đạo ta? Nói thế ấy có thật chẳng?

Lại gọi chúng tôi là đạo Hoa Lang, song thật tôi chẳng phải là người Hoa Lang và chẳng có đạo nào là đạo Hoa Lang, cũng chẳng biết Hoa Lang là nước nào nữa. Vốn chúng tôi là Tây sĩ Đại Tây Dương, các nước thờ phượng Thiên Chúa, cho nên đạo chúng tôi gọi là *Thiên Chủ chi giáo*. Mà bởi chúng tôi ước ao cho thiên hạ mọi nước biết đạo Thiên

TÂY SĨ RẰNG:

Thân lạy quan có lòng rộng thương cho chúng tôi được nói sự đạo, để người xét sự phải lẽ cho thì chúng tôi mừng lắm. Song chúng tôi nghe lời Nhu sĩ nói rằng: *Vốn từ xưa đến nay, các đấng đế vương lấy ba đạo ta làm chơn chính*, thì sao trong tựa Đại học rằng: “Từ vua Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, Văn, Võ, nổi trời lên ngôi lấy đạo trị thiên hạ.” Mà khi ấy chưa có đạo Nhu, đạo Lão tử, đạo Thích ca, vì ba đạo ấy mới có sau đời nhà Châu. Vậy các vua đã kể trước đó lấy đạo nào mà trị thiên hạ? Vậy lời rằng: *Từ xưa đến nay, các đấng đế vương đều lấy ba đạo ta làm chơn chính*, đã ra điều chẳng thật.

Lại rằng: *Ba đạo ta là chính đạo, còn đạo ngoại quốc là đạo dị đoan*. Ấy vậy đạo Nhu thì ở nước Lỗ, đạo Lão tử mới có đời nhà Châu vua Chiêu vương, ở xứ Hồ Quảng, đạo Thích ca ở nước Thiên Trúc bên tây; chớ thì ba đạo ấy chẳng phải là đạo ngoại quốc sao? Sao Nhu sĩ nhìn lấy làm ba đạo mình? Nói làm vậy có thật chẳng?

Lại gọi đạo chúng tôi là đạo *Hoa Lang*; song thật chúng tôi chẳng phải là người Hoa Lang, cũng chẳng có đạo nào là đạo *Hoa Lang*, và chẳng biết Hoa Lang là nước nào nữa. Vốn chúng tôi là Tây sĩ đại Tây Dương các nước thờ phượng Thiên Chúa; cho nên đạo chúng tôi gọi là đạo Thiên Chúa. – Mà bởi chúng tôi ước ao cho thiên hạ mọi nước biết đạo Thiên Chúa, mà thò

Chúa mà thờ phượng cho đời sau được hưởng phước thanh nhàn trên thiên đàng, cho nên tôi để nhà quê đất nước mà đi sang bên này, *thiên sơn vạn thủy, bất từ lao khổ, bất cố danh lợi*, một có lòng muốn giúp linh hồn người ta được thoát mà thôi. – Vậy tôi đi qua nước nhà Minh, cũng đã ở đây một ít năm, giả mới sang đến nước này, bấy lâu những xuôi ngược, khuyên người ta làm sự lành lánh sự dữ. – Mà Nho sĩ rằng: “*Nếu đạo ấy có thật và phò thầy có hẳn hoi, sao nhà vua có bắt mà làm tội?*” Thì điều ấy tôi lấy làm khó thừa lắm, vì việc nhà vua làm, tôi chẳng dám xét. Song tôi muốn hỏi Nho sĩ điều nói khi nãy rằng: “*Tòng cổ dĩ lai, các đấng đế vương đều yêu chuộng, lấy ba đạo ta làm chính đạo*”, thì sao đời vua Tần Thủy Hoàng nghe lời người Lý Tư mà đốt hết sách Nho chôn các học trò; đến đời Đông Hán Minh Đế, nghe đạo Thích Ca mà biếm đạo Nho; lại đến đời Vua Tống Huy Tông nghe đạo Lão Tử mà biếm đạo Thích Ca. Chớ thì ba đạo ấy, khi nào thật, khi nào hư, khi nào chánh, khi nào tà, mà Đấng Đế Vương khi yêu khi ghét, khi khen khi chê, cùng cấm làm vậy thì vì lẽ làm sao? Xin Nho sĩ hãy thừa điều ấy, rồi tôi sẽ thừa điều kia.

NHO SĨ RẰNG:

Người là Đấng Đế Vương làm vua cai trị, người phán dạy thế nào,

phượng, cho đời sau đặng hưởng phước thanh nhàn trên thiên đàng, cho nên chúng tôi để nhà quê đất nước, mà sang bên này, một có ý muốn giúp linh hồn người ta đặng thoát hình phạt địa ngục, mà lãnh phước thiên đàng mà thôi. – Vậy chúng tôi đi qua nước nhà Minh, cũng đã ở đó một ít năm; đoạn mới sang đến nước này; bấy lâu những châu lưu đi khuyên người ta làm lành lánh dữ cho đặng phước thật. – Mà Nhu sĩ rằng: “*Nếu đạo ấy có chơn thật, và phò thầy nói ngay lành, sao nhà vua có bắt mà làm tội?*” Thì việc nhà vua, chúng tôi chẳng dám xét; song chúng tôi xin hỏi Nhu sĩ đều nói khi nãy rằng: *Vốn từ xưa đến nay, các đấng đế vương đều yêu chuộng, lấy ba đạo ta làm chánh đạo*, thì sao đời vua Tần Thi Hoàng nghe lời người Lý Tư mà đốt sách Nhu? Đến đời Đông Hán, vua Minh Đế chuộng đạo Thích ca, mà chê đạo Nhu. Đời nhà Tống, vua Huy Tông chuộng đạo Lão tử mà chê đạo thích ca. Chớ thì ba đạo ấy, khi nào thật khi nào giả, khi nào chánh khi nào tà, mà đấng đế vương khi yêu khi ghét, khi khen khi chê, cùng cấm đoán làm vậy, thì lẽ làm sao? Xin Nhu sĩ hãy giải điều ấy, rồi chúng tôi sẽ thừa điều kia.

NHU SĨ RẰNG:

Người là đấng làm vua cai trị; hễ người phán dạy thế nào thì thiên hạ

thì thiên hạ phải vâng cứ, nào biết được vì lẽ làm sao.

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy thì ông đừng có cứ điều ấy rằng: Nếu đạo có thật, sao có cấm, sao có bắt người mà làm tội làm chi? – Và lại nói rằng “Đạo ngoại quốc là nhất chủng dị đoan phi lý” thì trong đạo chúng tôi xét thế này: *Nhất viết: Nhân chi bản nguyên, sinh tự hà lai? Nhị viết: Nhân chi hiện tại, tại thế hà như? Tam viết: Nhân chi cứu cánh, tử vãng hà sở?* Ấy là ba điều ấy xin Đức Nhà Quan và các Thầy xét có phải là đạo dị đoan phi lý đối trá chăng?

Bấy giờ Nhà Quan rằng:

Những điều ấy xem ra cũng có lý, thì trong bốn đạo, phải giải nghĩa ba điều ấy là thế nào cho ta nghe, song hãy giải một buổi là một điều chớ mới thông thả được.

VẬY ĐIỀU NHẤT VIẾT: NHÂN CHI BẢN NGUYÊN SINH TỰ HÀ LAI LÀ LÀM SAO?

TRƯỚC HẾT NHO SĨ GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Trong đạo Nho, các sách và các Nho sĩ là những đấng thánh hiền đều hợp một ý mà dạy rằng: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra, mà khi ngũ hành chưa phân chia ra, thì ở lộn làm một khí, gọi là Thái Cực như lời sách *Tính Lý* rằng: *Thái Cực động nhi sinh dương, tĩnh nhi sinh âm. Dương biến âm hợp nhi sinh ngũ hành là kim mộc thủy hỏa thổ.* Vì vậy cũng bởi một khí

phải vung cứ, nào có biết đặng vì lẽ làm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy, thì ông đừng cứ điều ấy rằng: Nếu đạo chơn thật, sao có cấm, sao có bắt người mà làm tội làm chi? – Lại nói rằng: *Đạo ngoại quốc là đạo dị đoan phi lý*, thì trong đạo chúng tôi xét thế này: Một là xét *Cội rễ người ta bởi đâu mà sanh ra*; hai là xét *người ta ở đời này phải làm thế nào*; ba là xét *sự cùng người ta chết rồi đi đâu*? Ấy ba điều ấy, xin quan lớn và các thầy xét có phải là đạo dị đoan phi lý chăng?

Bấy giờ quan lớn rằng:

Những điều ấy xem ra cũng có lý, thì trong bốn đạo phải giải nghĩa ba điều ấy là thế nào, cho ta nghe; song hãy giải một ngày một điều, mới thông thả đặng.

NGÀY THỨ NHỨT.

GIẢI ĐỀU THỨ NHỨT, LÀ CỘI RỄ NGƯỜI TA BỞI ĐÂU MÀ SINH RA.

I.

TRƯỚC HẾT NHU SĨ RẰNG:

Trong đạo Nhu, các sách thánh hiền hiệp một ý mà dạy rằng: Mọi sự thì bởi ngũ hành mà ra; mà khi ngũ hành chưa chia phân ra, thì ở lộn làm một khí, gọi là Thái cực, như lời sách *Tánh lý* rằng: *Thái cực động nhi sinh dương, tịnh nhi sinh âm, dương biến âm hiệp nhi sinh ngũ hành, là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ; nghĩa là khí Thái cực, khi động thì sanh ra dương, khi lặng*

mà biến hóa vạn vật như lời ông Trình Tử rằng: *Vạn vật chi thủy bất quá tán tụ nhi dĩ*. Bởi đấy đạo Nho lấy Thái Cực làm đầu cội rễ mọi sự mà chớ.

TÂY SĨ RẰNG:

Vốn giống khí không, khi nó động thì động mãi, cho đến khi có sự gì khác ở ngoài nó mà ngăn cầm nó lại, thì mới thôi động. Mà khi nó yên thì yên mãi cho đến khi có sự gì khác ở ngoài nó mà đả động, nó mới động mà chớ. Song le khi đầu hết mới có một khí Thái Cực, thì Thái Cực nhờ đi gì mà làm cho nó động khi nó đương yên, cùng làm cho nó yên khi nó đương động. Như lời ông Thiệu Tử nói trong Kinh Dịch rằng: *Vô cực chi tiên âm hàm dương dã*. Ấy vậy bởi tay ai hay là phép ai phân hai khí ấy ra khỏi nhau.

NHO SĨ RẰNG:

Tự nhiên nhị khí chi đạo liền phân ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông nói làm vậy cũng như nói rằng: Yên sinh ra động, động sinh ra yên; lạnh sinh ra nóng, nóng sinh ra lạnh; cha sinh ra mẹ, mẹ sinh ra cha; như Kinh Dịch cũng một nơi nói thế ấy rằng: *Âm vi dương chi mẫu, dương*

thì sanh ra âm; khí dương tan, khí âm hiệp mà sanh ra ngũ hành là kim, cây, nước, lửa, đất. Ấy vậy, cũng bởi một khí mà hóa sinh muôn vật như lời Trình Tử rằng: *Vạn vật chi thủy bất quá tán tụ nhi dĩ*, nghĩa là cội đầu muôn vật, thì tại khí tan ra, rồi hiệp lại mà thôi. Bởi đó đạo Nhu lấy Thái Cực làm đầu cội rễ mọi sự.

TÂY SĨ RẰNG:

Vốn giống khí không, nó động thì động mãi, cho đến khi có sự gì khác ở ngoài nó mà ngăn cầm nó lại, thì mới thôi động; mà khi nó an thì nó an mãi, cho đến khi có sự gì ở ngoài nó mà day động nó, thì nó mới động mà chớ. Vậy khi đầu hết, có một khí Thái Cực, thì Thái Cực nhờ đi gì mà làm cho nó động khi nó đang an, cùng làm cho nó an đang khi động? Vậy bởi tay ai, hay là phép ai phân hai khí ấy ra, và khiến định xây vắn, thì nó mới có khi động khi lặng mà chớ? Bằng nó tự nhiên bởi một mình nó mà động lặng, thì chúng tôi chưa phục lẽ ấy.

NHU SĨ RẰNG:

Tự nhiên nhị khí chi đạo liền phân ra, nghĩa là tự nhiên phép hai khí liền phân ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông nói làm vậy cũng như nói rằng: An sinh ra động, động sinh ra an; lạnh sinh ra nóng, nóng sinh ra lạnh; trời sinh ra đất, đất sinh ra trời; ngày sinh ra đêm, đêm sinh ra ngày; cha sinh ra mẹ, mẹ sinh ra cha; như sách Kinh Dịch cũng có một nơi thế

vi âm chi phụ. Nào có điều gì nghịch tai hơn nữa ru?

NHO SĨ RẰNG:

Nhị khí động tịnh thể ấy, vốn từ trước vô cùng.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông là nho giả cách vật cùng lý mà còn nói thể ấy thì cũng như cãi rằng: Vốn cái gây có một đầu mà thôi, làm sao cho nghe được? Vì vậy đạo Nho quyết lấy Thái cực làm đầu cội rễ mọi sự thì tôi chưa phục, vì Thái cực là khí không, chẳng phải giống thiêng liêng có phép tắc gì mà sinh nên mọi sự được đâu.

THỨ HAI,
THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY
RẰNG:

Sách bên chúng tôi có nhiều lẽ rõ ràng lắm; Tây sĩ muốn biết cội rễ muôn vật thì đã tóm lại trong một câu thánh Thái Thượng truyền rằng: *Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, hư vô tự nhiên chi đại Đạo*.

TÂY SĨ RẰNG:

Chữ “đạo” ở đầu câu ấy là đi gì? Vì chữ “đạo” là *hư tự nhiên*, chẳng phải

này rằng: Khí âm làm mẹ khí dương, khí dương lại làm cha khí âm. Nào có điều gì nghịch tai hơn nữa sao?

NHU SĨ RẰNG:

Nhị khí động tịnh thể ấy, vốn từ trước vô cùng; là hai khí động lặng thể ấy, vốn từ xưa đến nay chẳng khi dừng.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông là người Nhu, cách vật cùng lý, mà còn nói thể ấy, làm sao nghe cho đặng? Vốn khí âm khí dương không có tri giác linh minh, lẽ nào mà nó động lặng mãi từ trước vô cùng cho đặng? Vì lẽ vật gì không có tri giác, thì nó chẳng hề làm cho mình nó day động đặng; lại nó cũng không sinh ra mình nó đặng nữa; mà nó tự nhiên động lặng từ trước vô cùng làm sao đặng? Nói làm vậy có phải lẽ mà nghe đặng chăng?

II.
THẦY PHÁP MÔN GIẢI CÂU ẤY
RẰNG:

Sách bên chúng tôi có nhiều lẽ rõ ràng lắm; Tây sĩ muốn biết cội rễ muôn vật, thì đã tóm lại trong một câu thánh Thái Thượng truyền rằng: *Đạo sanh nhứt, nhứt sanh nhị, nhị sanh tam, tam sanh vạn vật, vô hư tự nhiên chi đại đạo*, nghĩa là, lẽ tự nhiên sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba, ba sinh ra muôn vật, tự nhiên hư không là đạo cả.

TÂY SĨ RẰNG:

Chữ *Đạo* ở đầu câu ấy là đi gì? Vì chữ *Đạo* là cái chữ không, chẳng phải

là vật hằng có mà ở một mình được? Phải có người hay là giống gì khác, thì mới có “đạo” ấy được, cho nên chữ rằng: *Thiên địa vạn vật chi đạo*. – Lại rằng: *Đạo sinh nhất*, nhất là gì? Nhất là người hay là nhất là loài khác? Cũng chẳng có lý nhất không mà ở một mình được nữa. – Cùng rằng: *Hư vô đại đạo*. Vốn thiên hạ xưa nay đã hiểu chữ “hư vô” là hư không mọi đàng, mà còn được làm “đại đạo” làm sao? Kia thầy hãy xét cái lều bốn cột, tuy là việc nhỏ mọn, cũng phải có kẻ làm mới có; chưa hề thấy cái lều nào bởi hư không tự nhiên mà dựng nên được đâu; phương chi trời đất muôn vật là việc cả thể dường ấy sao còn dám nói bởi hư vô tự nhiên mà nên! Nói làm vậy có phải lẽ mà nghe được chăng? Ấy các sách bên đạo thầy pháp sư chỉ tiếng “Hư vô tự nhiên” làm Đấng cội rễ mọi sự, thì tôi chưa phục.

THỨ BA

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY THẾ NÀY:

Trong sách Tâm Đẳng, đầu bài Cửu Kiếp nói rằng: “*Đầu trước hết, có một hạt sương, là “Hư vô”, là “Phật tính”, mà hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: một phần xanh làm trời, một phần vàng làm đất, một phần trắng làm người; bấy giờ hóa nên một tên là Nguyên Thủy. Giả ba phần ấy lại hợp lại nên một cái trứng lớn lắm. Mà cái trứng*

là vật hằng có, mà ở một mình sao đặng? Phải có người hay là giống gì khác, thì mới có *đạo* ấy đặng, cho nên chữ rằng: *Thiên địa vạn vật chi đạo*, là lẽ phải thuộc về trời đất muôn vật. – Lại rằng: *Đạo sanh nhứt*, *nhứt* ấy là gì? Nhứt là người hay là loài khác, cũng chẳng có lẽ mà *Nhứt* không một mình đặng nữa. – Cùng rằng: *Hư vô đại đạo*. Vốn thiên hạ xưa nay đã biết chữ *hư vô* là trống không mọi đàng, mà còn làm đặng đạo cả làm sao? Kia thầy hãy xem cái lều bốn cột, tuy là việc nhỏ mọn, cũng phải có kẻ làm mới có; chưa hề thấy cái lều nào bởi tự nhiên hư không mà dựng nên đặng; phương chi trời đất muôn vật, là việc cả thể dường ấy! – Như rằng: *Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra muôn vật*. Ba ấy là giống gì, làm cách nào mà sinh muôn vật? Nói càn ngang làm vậy, có phải lẽ mà nghe đặng chăng? Ấy bên đạo thầy Pháp sư chỉ tiếng lấy hư vô tự nhiên làm đứng cội rễ mọi sự, thì chúng tôi chưa chịu.

III.

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY THẾ NÀY:

Trong sách Tâm Đẳng, đầu bài Cửu Kiếp nói rằng: “*Đầu trước hết, có một hạt sương, là hư vô là Phật tánh, mà hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: một phần xanh làm trời, một phần vàng làm đất, một phần trắng làm người; bấy giờ hóa nên một tên là Nguyên Thủy. Đoạn ba phần ấy hiệp lại nên một cái trứng lớn lắm, mà cái trứng ấy lại hóa ra làm bốn*

ấy lại hóa ra làm bốn tấ; một tấ làm trời, một tấ làm đất, một tấ làm cha, một tấ làm mẹ. Mà vạn sự màu nhiệm lạ lùng khác, tỏ ra Đức Phật phép tắc vô cùng. Đã có tỏ tường trong sách Tâm Đẳng bí chi bài Cửu Kiếp, song tôi hãy kể tắt một ít phép lạ cho Tây sĩ nghe.

Trước hết đầu Đức Phật Thích Ca đã hóa nên ba mươi sáu tầng trời; lưỡi người đã hóa nên cột vàng chống trời, hai chân và hai tay đã hóa nên bốn vua trên trời, hai xương sườn cụt đã hóa nên hai Bụt, còn những xương sườn thì đã hóa nên ba Bụt; còn bao nhiêu xương khác thì đã hóa nên ba trăm sáu mươi Bụt, hai đầu gối đã hóa nên tám muôn bốn nghìn Bụt. Đại tràng đã hóa nên sông cả; mà tiểu tràng đã hóa nên sông nhỏ; cùng muôn vàn phép lạ khác nữa, song kéo nói lâu thì kể tắt bấy nhiêu. Tây sĩ muốn biết cho tỏ thì sẽ cho xem trong các sách Phật giáo.

TÂY SĨ RẰNG:

Những lời thầy nói, thật là sự lạ lùng lắm. Chớ thì sao trong sách Nho rằng: *Bụt mới sinh ra ở đời nhà Chu, vua Chiêu Vương, năm thứ hai mươi bốn, tháng tư, ngày mồng tám, ở nước Thiên Trúc; tên vua cha là Tịnh Phạn Vương, mẹ là Ma Da Phi, vợ là Da Thị, thiếp là Như La, tên Bụt là Ngữ Đạt Đa, cùng là Nhẫn Nhục, hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, mà sinh ra trời đất bao giờ? Chớ thì khi Thích Ca chưa sinh*

tấ; một tấ làm trời, một tấ làm đất, một tấ làm cha, một tấ làm mẹ. Mà muôn sự màu nhiệm lạ lùng khác tỏ ra Phật phép tắc vô cùng, đã có tỏ tường trong sách Tâm Đẳng, đầu bài Cửu Kiếp; song tôi kể tắt một ít phép lạ cho Tây sĩ nghe.

Trước hết đầu đức Phật Thích ca đã hóa nên 36 tầng trời; lưỡi người đã hóa nên cột vàng chống trời; hai chân và hai tay đã hóa nên bốn vua trên trời; hai xương sườn cụt đã hóa nên hai bụt; còn bao nhiêu xương sườn thì đã hóa nên ba bụt; còn các xương khác thì hóa nên 360 bụt; hai đầu gối đã hóa nên 84,000 bụt; ruột già đã hóa nên sông cả, ruột non đã hóa nên sông nhỏ; cùng muôn vàn phép lạ khác nữa; song kéo nói lâu, thì kể tắt bấy nhiêu. Tây sĩ muốn biết cho rõ, thì sẽ cho xem trong sách đạo Phật.

TÂY SĨ RẰNG:

Những lời thầy nói, thật là dị kỳ lắm. Chớ thì sao trong sách nhu rằng: *Phật mới sinh ra ở đời nhà Châu, vua Chiêu Vương năm 24, tháng 4, ngày mồng 8, ở nước Thiên Trúc; tên vua cha là Tịnh Phạn Vương, mẹ là Ma Da thị, vợ là Na thị, thiếp là Như La, tên Phật là Thát Đát đa, cùng là Nhẫn nhục, hiệu Thích Ca Mâu ni Phật, mà sinh ra trời đất muôn vật bao giờ? Chớ chi Thích ca chưa sinh ra trời đất, thì các vua đời*

ra trời đất, thì các vua đòi thượng cổ và cha mẹ Bụt cùng thiên hạ đòi ấy không có đâu mà ở thì làm sao, ăn những gì cho sống? Thầy nói làm vậy có hiệp với sách ru? Có phải lẽ mà nghe được chăng?

NHO SĨ RẰNG:

Ai tin ai chẳng mặc ai; ba chúng ta cứ lẽ đã chép trong sách đạo ta mà nói rồi thì thôi; nào có phải lời riêng chúng tôi mà cãi bây giờ. Bên đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao?

THỨ BỐN

TÂY SĨ GIẢI THỂ NÀY:

Trong sách Thánh Kinh chúng tôi có lời rằng: *Quyết sơ thái thủy vô thiên vô địa vô thần vô nhân vật; phù thiên địa vạn vật khí chất nhi diệp toàn vô, độc hữu nhất, tự hữu, tự phúc, tự đức, chí tôn, chí thiện, chí công, chí trí, chí năng, chí chân Chủ đã. Sinh thiên địa, thân nhân, vạn vật, nhất mệnh nhi hữu, bất tạ kỳ chất, bất hữu kỳ lao, toàn năng chi hiển đã.* Thiên Chúa phép tắc vô cùng, dù mà muốn dựng nên mọi sự trong một giây cũng được, song bởi có ý màu nhiệm, Người đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày, mà sau hết mới dựng nên loài người ta, cũng là ngày thứ sáu. – Trước thì dựng nên một người nam đặt tên là A-Dong, lại dựng nên một người nữ, đặt tên là E-Và, để sinh sản con cháu, cùng làm tổ tông hết cả và loài người ta,

trước, như Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang, và cha mẹ Phật cùng thiên hạ đòi ấy, lấy chỗ nào mà ở, ăn những gì cho sống? Thầy nói làm vậy có hiệp với sách sao? có phải lẽ mà nghe được chăng? Thật là đều bày đặt, nói hoang mang cho chúng kinh mà phỉnh đòi dối dân, như lời ông Hàn Dũ đã đoán về đạo Phật thế ấy mà chớ.

NHU SĨ RẰNG:

Ai chẳng tin mặc ai; ba ta cứ lẽ đã chép trong sách đạo ta mà nói rồi thì thôi; nào có phải lời riêng chúng tôi mà cãi; bây giờ bên đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao?

IV.

TÂY SĨ GIẢI THỂ NÀY:

Trong Sách Kinh chúng tôi có lời rằng: *Thuở đầu hết, không trời không đất, không thần không người, không vật gì, có một Đấng tự hữu, thiêng liêng hằng sống, tự phúc, tự đức, rất trọn lành, rất công bình, rất nhơn từ, rất phép tắc, là Đức Chúa Trời thật.*

Ngài phán một lời, liền có trời đất, thần người, cùng muôn vật; Ngài chẳng lao tâm lao lực, cùng chẳng dùng giống chi mà dựng nên, một dùng phép tắc vô cùng mà chớ. Dầu mà muốn dựng nên mọi sự trong một giây, cũng được; song bởi có ý màu nhiệm, Người đã dựng nên mọi sự trong sáu ngày, mà ngày sau hết, là ngày thứ sáu, mới dựng nên loài người ta. – Trước dựng nên người nam, đặt tên là A dong; lại dựng nên một người nữ, tên là E và để sinh sản con cháu, cùng làm tổ tông

cho đến đời đời, cho nên dù ai ai ở khắp đông tây nam bắc cũng bởi một cội rễ là hai ông bà ấy mà ra thay thay, cho nên sách Luận Ngữ có câu rằng: *Tứ hải giai huynh đệ*. – Từ Thiên Chúa tạo thiên lập địa đến rày kể đã hầu sáu ngàn năm nay, bấy nhiêu sự đã kể tỏ tường trong Tây sử gọi là sách Sấm Truyền.

NHO SĨ RẰNG:

Bấy nhiêu sự thầy nói cũng là lời truyền kỳ mạn lục mà chớ; vì thiên địa là *giai lý khí chi triệu thành tự nhiên nhi nhiên*, nào có ai sanh ra đâu? Thiên Chúa ấy là Chúa riêng nước phô thầy thì mặc phô thầy, đừng phô điều ấy bên phương đông này làm chi. Vì nếu có phải là Chúa chung cả và *thiên hạ vạn dân*, thì người ta cũng biết. Nhân sao *tự cổ cập kim*, chẳng những là chẳng có ai coi thấy Chúa ấy bao giờ, mà lại trong sách *Ngũ Kinh* các đấng thánh hiền đã truyền, chẳng hề có thấy nói đến tên Thiên Chúa bao giờ sớt, thì làm sao? Ấy chẳng là *điều tạc ngôn hoặc thế vu dân giả hồ?*

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói *thiên địa giai lý khí chi triệu thành tự nhiên nhi nhiên*, thì sao trong sách Khổng Tử *Gia Ngữ* nói rằng: *Chủ thiên địa dĩ sanh vạn vật*; lại trong sách *Tiểu học Cao ly* bản đồng cũng

hết cả loài người ta cho đến đời đời. Cho nên dầu ai ai ở khắp đông tây nam bắc, cũng bởi một cội rễ là ông bà ấy, mà ra thay thay; cho nên trong sách rằng: *Tứ hải chi nội giai huynh đệ dã*, nghĩa là trong người bốn biển là anh em với nhau cả, vì là bởi một nguyên tổ mà sinh ra. – Từ Thiên Chúa tạo thiên lập địa cho đến rày kể đã hầu sáu ngàn năm. Bấy nhiêu sự đã kể tỏ tường trong Tây Sử, gọi là sách *Sấm truyền*, rày còn có chứng rõ ràng đó.

NHU SĨ RẰNG:

Bấy nhiêu chuyện thầy nói, cũng là sự lạ lòng bày đặt mà chớ; vì trời đất đều tại lý khí gây nên tự nhiên nhi nhiên, mà có ai sinh ra đâu? Thiên Chúa ấy là Chúa riêng nước phô thầy, đừng khoe đều ấy bên phương đông này làm chi. Vì nếu có phải là Chúa chung cả và thiên hạ vạn dân, thì người ta cũng biết. Nhơn sao từ xưa đến nay, chẳng những là chẳng có ai thấy Chúa ấy bao giờ, mà lại trong sách *Nhu* các đấng thánh hiền đã truyền, chẳng hề có thấy nói đến tên Thiên Chúa bao giờ sớt, thì làm sao? Ấy chẳng phải là *điều bày đặt*, mà phỉnh phờ người ta sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói trời đất đều tại lý khí gây nên tự nhiên nhi nhiên, thì sao trong sách Khổng Tử *Gia Ngữ* rằng: *Chúa Thiên địa dĩ sanh vạn vật*, là Chúa trời đất sinh muôn vật? Lại trong sách

rằng: *Thiên Chủ sanh thiên, sanh địa, sanh nhân*; ấy bấy nhiêu lời trong sách thì chỉ đi gì? Chẳng chỉ tỏ tường có Chúa sinh nên trời đất muôn vật ru? – Thử xem thợ kia lấy gỗ làm nhà thì được thật, song le gỗ tạc lấy gỗ làm nhà một mình, mà chẳng có nhờ tay thợ nào sốt, điều ấy xưa nay đã có ai nghe thấy bao giờ chẳng? Huống lộ là nói “*Lý khí không bởi một sức nó mà triệu thành thiên địa*” cũng như lời rằng: *Dương sanh âm, âm sanh dương*, hay là trời sanh đất, đất sanh trời lại trời sinh ra đất, *tự nhiên nhi nhiên*; nói làm vậy, thì chẳng nghịch lý lắm ru?

Chữ rằng: *Thiên phú địa tái*, trời là nhà, đất là nền. Hễ có nhà thì có chủ sửa nhà, có trời đất thì có chủ trị trời đất, mới hợp lý mà chớ. Lại chữ rằng: *Vật bất tự thành*. Kia như cái cối xay kia, tuy là vật nhỏ mọn, nếu chẳng có nhờ tay người ta làm thì đời nào nó có xoay đi một mình được, phương chi mọi việc trong trời đất đã an bài chế độ phép tắc thứ tự đường ấy.

Người ta xem thấy mặt trời cao hơn mặt trăng, mặt trăng cao hơn khí, khí nổi trên nước, nước chảy quanh đất, đất theo bốn mùa mà sinh ra hoa quả thảo mộc, nước thì

Tiểu Học Cao ly cũng rằng: *Thiên Chúa sanh thiên, sanh địa, sanh nhơn*, nghĩa là Chúa trời sinh trời, sinh đất sinh người. Ấy bấy nhiêu lời trong sách chỉ đi gì? Chẳng chỉ tỏ tường có Chúa sinh nên trời đất muôn vật sao? – Thử xem thợ kia lấy gỗ làm nhà, thì đặng thật; song gỗ tạc lấy gỗ làm nhà một mình, chẳng có nhờ tay thợ nào sốt, điều ấy xưa nay đã có ai nghe thấy bao giờ chẳng? Huống chi nói lý khí không, bởi một sức nó mà gầy dựng trời đất, cũng như nói rằng: *Dương sanh âm, âm sanh dương*, là trời sanh đất, đất sanh trời, nói làm vậy, thì chẳng nghịch lý lắm sao?

Chữ rằng: *Thiên phúc địa tái*, là trời che đất chở; vì trời là nhà, đất là nền. Hễ có nhà, thì có chủ nhà; có trời đất, thì có Chúa trời đất, mới hiệp lẽ mà chớ. – Lại chữ rằng: *Vật bất tự thành*, nghĩa là, mỗi một vật chẳng sinh nên mình đặng. Kia như cái cối xay kia, tuy là vật nhỏ mọn, nếu chẳng nhờ tay người ta làm, thì đời có nào nó có quay đi đặng? Phương chi mọi việc trong trời đất, đã có luật phép lớp lang thứ tự; nếu chẳng có Đấng nào phép tắc gầy dựng, cai trị, sửa sang, làm sao đặng? Vậy nếu nói tự nhiên mà có làm vậy, ắt là chẳng suy cho cùng lẽ mà chớ.

Kia ta xem thấy mặt trời cao hơn mặt trăng, mặt trăng cao hơn khí, khí nổi trên đất, nước chảy quanh đất, đất theo bốn mùa mà sinh ra hoa quả thảo mộc: nước thì nuôi tôm cá, khí thì nuôi

nuôi tôm cá, khí thì nuôi muông chim, mặt trời soi sáng ban ngày, mặt trăng soi sáng ban đêm, các tầng trời xoay đi vùn lại phân làm đêm ngày, có khi nắng khi mưa, khi gió, cùng làm sấm sét bão chớp, đất có *tứ thời bát tiết, xuân hạ thu đông* mà sinh ra hoa quả thảo mộc cho người ta ăn. – Nếu chẳng có Đấng Khôn Khéo cầm quyền ra máy nhiệm, thì sao hay khiến được trời xoay đi vùn lại, sao hay khiến được bốn mùa thay đổi mà chẳng lỗi thời tiết vậy thay? Nếu những lý khí không vô tri vô giác mà an bài mọi sự dường ấy được ru? Nói làm vậy ắt là ông suy chưa đủ lẽ mà chớ.

Bằng sự ông nói rằng: “Nếu có Thiên Chúa, thì sao *tự cổ cập kim* chẳng hề có ai xem thấy” thì ông phải biết: Thiên Chúa là Đấng rất *thuần thần, vô hình, vô tượng, vô thanh, vô xú*, mà con mắt xác thịt xem thấy sự thiêng liêng làm sao, cũng như khi người ta nói rằng: ma quỷ cùng linh hồn mà mọi người có linh hồn trong xác, mà ông đã thấy ma quỷ cùng linh hồn thế nào chẳng? Hay là có được nói rằng: bởi chẳng có xem thấy thì chẳng tin có linh hồn, chẳng tin có linh hồn trong xác ru? Lại cũng có sự chẳng phải thiêng liêng, mà người ta xem chẳng thấy, như gió kia động cây cối, nào ai đã xem thấy hình gió là thế nào? Hay là có được nói rằng: Bởi chẳng xem thấy hình gió thì chẳng tin có gió ru? Ấy vậy

muông chim; mặt trời soi sáng ban ngày, mặt trăng soi sáng ban đêm; các tầng trời xây đi vùn lại, phân làm đêm ngày; có khi nắng, khi mưa, khi gió, cùng làm sấm sét bão bùng. Có bốn mùa tám tuyết, xuân hè thu đông; đất trở sinh hoa quả thảo mộc cho người ta dùng. – Nếu không có Đấng khôn khéo cầm quờn ra máy nhiệm, thì sao khiến được trời xoay đi vùn lại? Sao hay khiến được bốn mùa thay đổi, mà chẳng lỗi thì tiết sao được? Nếu những lý khí không tri giác, thì sắp đặt mọi sự dường ấy sao được? Các đều làm vậy, nào phải là tự nhiên nhi nhiên sao? Nói làm vậy, ắt là ông suy chưa đủ lẽ mà chớ.

Bằng sự ông nói: *Nếu có Chúa, thì sao xưa nay chưa hề có ai xem thấy*, thì phải biết, Thiên Chúa là *Đấng thuần thần, vô hình vô tượng, vô thanh, vô xú*, nghĩa là Đấng thiêng liêng, không hình không tượng, không tiếng không mùi, mà con mắt xác thịt xem thấy sao được? Cũng như khi người ta nói ma quỷ cùng linh hồn, mà mỗi người mỗi có linh hồn trong xác, mà ông đã thấy ma quỷ cùng linh hồn chưa? Hay là bởi chẳng xem thấy, thì chẳng tin có ma quỷ, chẳng tin có linh hồn chẳng? Lại cũng có sự chẳng phải thiêng liêng, mà người ta xem chẳng thấy, như gió, khi gió động cây cối, nào ai đã thấy hình gió thế nào? Chử rằng: *Cứ lý, bất khả cứ mục*, là phải cứ lẽ mà xét, đừng cứ theo con mắt mà thôi.

chẳng phải cứ con mắt xem thấy thì mới tin rằng có, vì chữ rằng: *Cứ lý, bất khả cứ mục.*

Còn điều sau hết ông rằng: Sao xưa nay trong các sách chẳng thấy nói đến tên Thiên Chúa sốt; ấy ông thường đọc trong sách liên liên, mà nói rằng chẳng thấy làm sao? Kia đời Hán Võ chi thời mệnh Nhật Bi tác vi kim nhân dĩ tế Thiên Chủ; kỳ hậu hữu từ Thiên Chủ ư thiên trai, mà Thiên Chủ chi xưng diệc tức Thượng Đế chi hiệu cũng một nghĩa là Vua trên trời.

Kia Kinh Dịch rằng: *Duy Hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ dân.* – Lại Chu Thư rằng: Khắc tương Thượng Đế, sùng tuy tứ phương. – Lại như Kinh Thi, thi Đại Nhã rằng: *Thượng Đế lâm nhữ*, – Thi Chấn cạnh rằng: *Thượng Đế thị hoàng.* Lại Thi Đương rằng: *Đương đương Thượng Đế hạ dân chi tích*, Thi Thần Công rằng: *Minh chiêu Thượng Đế ngật dụng khương niên*, lại như Kinh Dịch rằng: *Đế xuất vu Chấn.* Lại sách Gia Ngữ lời ông Khổng Tử rằng: *Chủ tế thiên địa.* – Ấy Thượng Đế là ai, có phải âm dương nhị khí vô tri vô giác chăng? Hay là chẳng phải thật là Đấng thiêng liêng sáng láng thông biết mọi sự, làm vua cả trên trời dưới đất, cai quản hết thiên hạ, xuống sự phước cho kẻ làm sự lành, xuống sự họa cho kẻ làm sự dữ. Ấy *nhô gia chi*

Còn điều sau hết ông nói rằng: *Xưa nay trong các sách chẳng thấy có nói đến tên Thiên Chúa chỗ nào sốt*, ấy ông thường đọc sách luôn, mà nói chẳng thấy làm sao? *Kia đời Hán, Võ Đế mạng Mật Đê tác vi kim nhân dĩ tế Thiên Chúa; kì hậu hữu tự Thiên Chúa ư Thiên Trai*, nghĩa là, đời Hán, vua Võ Đế dạy người Mật Đê làm người vàng mà tế Thiên Chúa; đến sau lại làm lễ cầu cùng Thiên Chúa trên trời thanh; mà tên Thiên Chúa là như tên Thượng Đế, vì cùng một nghĩa là Vua trên trời.

Kia sách Kinh Thư rằng: *Duy hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ dân*, là có một vua cả trên trời ban đạo lành cho dân dưới thế. – Lại Châu thư rằng: *Khắc tướng Thượng đế sùng tuy tứ phương*, nghĩa là, đặng giúp vua trời an vô bốn phương. – Lại trong Kinh Thi Đại Nhã rằng: *Thượng đế lâm nhữ*, là vua trên trời đoái đến mầy. – Trong Kinh Thi, thiên Chấn cạnh rằng: *Thượng đế thị Hoàng*, nghĩa là Thượng đế là vua cả trên trời. Lại sách Kinh Thi thiên Đương rằng: *Đương đương Thượng đế hạ dân chi tích*, nghĩa là, Thượng Đế rất cao trọng là vua dân dưới thế. – Lại trong thiên Thần Công rằng: *Chiêu minh Thượng đế ngật dụng khương niên*, nghĩa là, Thượng Đế là đứng cao sáng, ban cho thiên hạ đặng mùa. – Ấy Thượng Đế là ai, có phải là âm dương hai khí không tri giác

sở vị *Thượng Đế giả tức Thánh kinh chi sở vị Thiên Chủ dã, dẫn nhân độc chi nhi bất sát chi nhi*. Và tên Thượng Đế về sau từ khi Thích Ca bày đặt một tên Ngọc Hoàng Thượng Đế là người thế gian, cho nên bên chúng tôi từ đấy chẳng gọi là Thượng Đế, lẽ rằng người ta nhận rằng Ngọc Hoàng Thượng Đế chung, song le những *đấng tri lý giả, khởi khả dĩ xưng sở chi dị, nhi vị kỳ cổ kinh vô sở tái hồ*. Nếu vậy trong các sách Kinh Sử bên Đại Tây chẳng thấy chép tên Hy, Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn thì các *đấng trí giả* bên ấy cũng chẳng tin có vua Hy, Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn nữa ru? Ấy là bấy nhiêu sự đã giải về điều thứ nhất thì làm vậy.

chẳng? Thật là Đúng thiêng liêng, sáng láng, thông biết mọi sự, làm Vua trên trời dưới đất, cai quản hết thiên hạ, xuống phước cho kẻ làm lành, xuống họa cho kẻ làm dữ. Ấy sách nhà Nhu gọi rằng: Thượng Đế, thì cũng như trong sách đạo chúng tôi gọi rằng Đức Chúa Trời. Tại người ta đọc ngoài miệng mà không xét trong lòng, nên mới nói rằng, không thấy tên Thiên Chúa mà chớ. Song những người tri lý, nào có nên lấy lẽ xưng tên khác mà nói rằng: không thấy nói đến tên Thiên Chúa trong sách nào, vì tuy xưng tên khác mà nghĩa lý cũng vậy. Như trong các sách Kinh Sử bên Đại Tây, chẳng thấy tên vua Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn thì các người tri lý bên ấy chẳng tin có vua Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn sao? Vì hễ những điều có thật, dầu mắt ta không xem thấy mặc lòng, thì cũng phải tin là có thật mà chớ.

Bấy giờ quan lớn phán đoán rằng:

Ta nghe bốn đạo cứ lẽ đã chép trong sách đạo mình mà nói theo thứ tự làm vậy thì ta hiểu được rõ ràng. Song thầy Nhu sĩ, thầy Pháp sư, thầy Hòa thượng nói lẽ đạo mình rồi, mà khi thầy Tây sĩ bắt lẽ nọ lẽ kia, thì các thầy giải không đặng cho xuôi; còn Nhu sĩ bắt bẻ Tây sĩ nhiều lẽ, mà Tây sĩ giải lại, nghe cũng thật thông. Vậy ta đoán đạo Thiên Chúa về điều thứ nhứt là đạo thật, đạo chánh, chẳng hồ nghi, vì có lẽ mạnh hơn; và sánh so sự

NGÀY THỨ HAI:
GIẢI ĐIỀU NHỊ VIẾT, NHÂN CHI
HIỆN TẠI TẠI THỂ HÀ NHU.

ĐIỀU NÀY NHO SĨ GIẢI RẰNG:

Bên đạo Nho, thánh Khổng Tử có truyền tám điều làm quy mô để dạy người ta: là *cách vật nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chính, tâm chính nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu thiên hạ bình*. – Cùng dạy phải thờ Thượng Đế, cùng thờ thần, tế *lục tông*, dạy người ta tu *ngũ đức* là *nhân nghĩa lễ trí tín*, dạy giữ đạo *ngũ luân* là *quân thân, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu*.

TÂY SĨ HỎI:

Bên Nho thờ đấng Thượng Đế là đấng dường nào?

NHO SĨ RẰNG:

Thượng Đế là trời, song chẳng phải là trời xanh xanh con mắt xem thấy đâu, thật là phép trời lòng trời, là Đấng Thượng trí hay soi xét hay

lý, trưng chứng sách vở chắc chắn hơn bội phần mà chớ.

NGÀY THỨ HAI.
GIẢI ĐIỀU THỨ HAI, LÀ NGƯỜI TA
Ở ĐỜI NÀY PHẢI LÀM THỂ NÀO.

I.

ĐỀU NÀY NHU SĨ GIẢI RẰNG:

Trong đạo Nhu, thánh Khổng Tử có truyền tám điều làm qui mô (khuôn phép), để mà dạy người ta thể này: *Cách vật nhi hậu tri chí, tri chí nhi hậu ý thành, ý thành nhi hậu tâm chánh, tâm chánh nhi hậu thân tu, thân tu nhi hậu gia tề, gia tề nhi hậu quốc trị, quốc trị nhi hậu bình thiên hạ*; nghĩa là xét vật rồi mới biết trọn, biết trọn rồi mới thật trong ý, thật ý rồi mới chánh trong lòng, chánh lòng rồi mới sửa mình, sửa mình rồi mới sửa nhà, sửa nhà rồi mới trị nước, trị nước rồi mới an thiên hạ. – Lại dạy thờ *Thượng Đế*, tế *Quí thần*, tế *Lục tông*; dạy người ta tu *Ngũ đức*: *Nhơn, ngãi, lễ, trí, tín*, nghĩa là thương yêu, công bình, lễ phép, khôn ngoan, ngay thật; dạy người ta giữ *ngũ luân* là vua tôi thì giữ đều *ngãi*, cha con thì giữ đều *nhơn*, vợ chồng thì có phân biệt, anh em thì hòa thuận, bạn hữu thì *chí tín*.

TÂY SĨ RẰNG:

Bên Nhu thờ Thượng Đế là đứng dường nào?

NHU SĨ RẰNG:

Thượng Đế là trời, song chẳng phải là trời xanh xanh, con mắt ta xem thấy đâu; thật là phép trời, lòng trời, là đứng thượng trí hay soi xét, hay cai

cai trị ở trong mình trời, con mắt ta xem chẳng thấy đâu. Kinh Dịch lời thầy Trình tử rằng: *Dĩ hình thể vị chi thiên, dĩ chủ tể vị chi đế*. Chu Tử rằng: *Thiên địa chi tâm, tâm thị chủ tể*. Tính lý rằng: *Tâm tự tự đế, đế giả thiên chi chủ tể dã*. Vì vậy Thượng Đế là *thiên chi chủ tể*.

TÂY SĨ RẰNG:

Trời xanh này có hình thể không mà thôi, như trong sách Sử chép lời Hồ Thị rằng: *Khí phù nhi vi thiên giả, bất quá mang mang nhất thái hư nhĩ*. Trời là khí thái hư, vậy chẳng phải là vật có sống, chẳng có đầu chẳng có bụng mà sao nói Thượng Đế là lòng trời? – Lại rằng: Làm một cùng trời, ở trong mình trời, nếu vậy trời hằng xoay đi vùn lại chẳng có khi dừng. Như lời Đại Học rằng: *Thiên vận tuần hoàn vô vãng bất phục* thì Thượng Đế đã xưng là Chủ tể mỗi khi mỗi phải tùy trời mà xoay đi vùn lại làm một cùng trời đêm ngày quanh trái đất chẳng có khi dừng ru, nếu có thật thể ấy thì chẳng ra sự xấu hổ quái gở cho Thượng Đế ru? Nếu chẳng có trời che cho thì Thượng Đế chẳng có nơi nào mà nương tựa ru, còn đi gì là Thượng Đế nữa? Nếu làm vậy thì chưa cùng lý. – Vậy nói Thượng Đế là đáng thiêng liêng ngự trên đài trên trời, cùng khiến trời xoay đi vùn lại

trị, ở trong mình trời, con mắt ta xem chẳng thấy đâu. Trong Kinh Dịch có lời thầy Trình Tử rằng: *Dĩ hình thể vị chi thiên, dĩ Chúa tể vị chi đế*, nghĩa là luận về hình thể gọi là trời, luận về cai trị gọi là đế. Châu Tử rằng: *Thiên địa chi tâm, tâm thị Chúa tể*, nghĩa là, trời đất có lòng, lòng là Chúa tể. Sách Tánh lý rằng: *Tâm tự thị đế, đế dã thiên chi Chúa tể*; nghĩa là chữ tâm là đế, chữ đế là Chúa cai trị. Vì vậy Thượng Đế là Chúa Tể trên trời.

TÂY SĨ RẰNG:

Trời xanh này có hình thể không mà thôi, như trong sách Sử chép lời Hồ Thị rằng: *Khí phù nhi vi thiên dã, bất quá mang mang nhất thái hư nhĩ*, nghĩa là khí nổi lên làm trời, chẳng qua là một khí lớn hư không mù mù vậy mà thôi. Vậy trời là khí thái hư, chẳng phải là vật có linh minh, có sống lâu; nên chẳng có đầu, chẳng có bụng; mà sao thầy nói Thượng Đế là lòng trời? – Lại rằng: làm một cùng trời ở trong mình trời, sao đặng? vì trời bằng xây đi vùn lại, chẳng khi dừng, như sách Đại Học rằng: *Thiên vận tuần hoàn vô vãng bất phục*, nghĩa là vòng trời xây vùn có qua có lại. Vậy Thượng Đế đã xưng là Chúa Tể, còn phải tùy trời mà xây đi vùn lại, làm một cùng trời đêm ngày quanh trái đất chẳng khi dừng, thể ấy thì chẳng là xấu hổ quái gở cho Thượng Đế sao? Nếu Thượng Đế chẳng có nơi nào mà nương dựa, còn đi gì là Thượng Đế nữa sao? Nói làm vậy thì chưa cùng lý. – Phải nói

mà chó. Kia Hoa Phong Nhân rằng: *Quy vu đế hương*, lời Chu Công nói trong thiên Kim Đẳng rằng: *Nãi mệnh quy vu đế đình*, ấy chẳng phải là đấng Thượng Đế có đền đài ngự ru?

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Thần là ai? Nhân vì làm sao mà phải thờ?

NHO SĨ RẰNG:

Dịch viết: Âm dương bất trắc vị chi thần. Hựu viết: Dĩ công đức vị chi thần, dĩ diệu dụng vị chi thần mà phải thờ phụng vì có ý cậy thần vâng hộ quốc gia *nhân khang vật thịnh*, như lời thánh Khổng Tử rằng: *Vụ dân chi nghĩa, kính quý thần nhi viễn chi, khả vị trí dã*.

TÂY SĨ RẰNG:

Ví dù thần có phải là đấng thiêng liêng phép tắc thì mới hộ dân bảo quốc được; song bên nhà Nho gọi thần là âm dương nhị khí, như lời Trình Tử rằng: *Khí chi thân giả vi thần*,

Thượng Đế là Đấng thiêng liêng ngự lâu đài tòa các trên trời, cùng khiến trời xây đi vùn lại, mới phải mà chó. Kia Hoa Phong Nhơn rằng: *Quy vu đế hương*, nghĩa là về kinh đô vua trời. Lại lời Châu Công nói trong Thiên Kim Đẳng rằng: *Nãi mạng quy vu đế đình*, nghĩa là bèn khiến về trước sân vua trời ngự; ấy chẳng phải là Thượng Đế có đền đài tòa các ngự trên trời sao? – Vậy ông nói Thượng Đế là lòng trời, ở chung lộn làm một cùng trời, thì chúng tôi chẳng chịu lẽ ấy.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Quý thần là gì, vì làm sao mà phải thờ?

NHU SĨ RẰNG:

Kinh Dịch rằng: *âm dương bất trắc vị chi thần*; lại rằng: *Dĩ công đức vị chi quý thần dĩ diệu dụng vị chi quý thần*; nghĩa là, âm dương sâu nhiệm, hiểu không đặng, gọi là Quý Thần; lại rằng: vì có công đức nên gọi là Quý Thần, vì mầu nhiệm nên gọi là Quý Thần; mà phải thờ phượng, vì có ý cậy Quý Thần phù hộ nước nhà, cho dân an vật thịnh; như lời thánh Khổng Tử rằng: *Vụ dân chi nghĩa, kính quý Thần nhi viễn chi, khả vị trí dã*, nghĩa là hãy lo lắng sửa sang việc dân sự, còn Quý Thần thì kính thờ mà để ở xa cách, ấy là kẻ có trí vậy.

TÂY SĨ RẰNG:

Ví bằng Quý Thần là đấng thiêng liêng phép tắc thì mới giữ nước giúp dân đặng; song bên nhà Nhu gọi Quý Thần là âm dương nhị khí, như lời Trình Tử rằng: *Khí chi thân giả vi thần*,

khuất giả vi quý. Châu Tử rằng: *Quý thần chỉ thị khí.* Sách Tự Vưng rằng: *Âm khí lưu hành tắc vi Dương; Dương khí ngưng tụ tắc vi Âm, tổng thị nhất khí nhi vi nhị.* Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra thần nhất giai vị chi khí, vô tri vô giác mà ta có nên thờ lạy trông cậy khí khuất thân ấy vâng hộ cho ta được sự lành khỏi sự dữ ru? Ấy là thờ lạy hư không mà chớ. Còn sự tế lục tông là thế nào nữa?

Thần, khuất dã vi Quí", nghĩa là, khí giang ra ấy là Thần, khí nhóm lại ấy là Quí. Châu Tử rằng: *Quý thần chỉ thị khí,* nghĩa là Quí Thần vốn là khí mà thôi. Ấy bấy nhiêu lời giải rõ, Quí thần đều là khí vô tri vô giác mà chớ. Nào ta có nên thờ phượng, trông cậy khí vô tri vô giác ấy phù hộ cho ta được sự lành khỏi sự dữ sao? Ấy là thờ lạy hư không mà chớ.

NHU SĨ RẰNG:

Sách Trung Dung rằng: *Quý Thần chi vi đức kì thanh hĩ hồ;* Châu công rằng: *Quý dã âm chi linh dã. Thần dã dương chi linh dã;* nghĩa là, Quí thần có công đức cũng nhiều lắm; lại Quí là đứng linh về khí âm, Thần là đứng linh về khí dương. Cho nên đạo Nhu dạy thờ Quí Thần, là đứng linh thiêng có phép tắc, chẳng phải là vật vô tri vô giác đâu.

TÂY SĨ RẰNG:

Vốn trong trời đất thì có Thần, mà Thần có hai thứ: Một là Thần lành gọi là Thiên Thần hay là Thiện Thần, thì nên kính thờ; hai là Thần dữ gọi là Quí thần hay Ác Thần, ấy là Quí Ma yêu quái, thì chẳng nên kính thờ. Như trong triều đình thì có quan, mà quan cũng có hai thứ: một là quan trung gọi là Trung thần, Lương thần; hai là quan nịnh gọi là Gian thần, Nghịch thần. Vậy dân sự tôn kính vưng theo quan Trung lương, là quan ngay lành thì thậm phải; bằng dân sự tôn kính vưng theo quan Gian nịnh, là quan

NHO SĨ RẰNG:

Trong Kinh Thư truyền lại có *Lễ vu lục tông, vọng vu sơn xuyên. Lục tông là tế thì dã, tế hàn thử dã, tế nhật dã, tế nguyệt dã, tế tinh dã, tế thủy hạn dã*, lại tế sơn xuyên nữa; khi tế có ý thờ phượng tạ ơn bấy nhiêu đáng ấy, đã soi sáng, xuống khí lành cho thiên hạ được ích.

TÂY SĨ RẰNG:

Dù mà mặt trời, mặt trăng cùng các ngôi sao, muôn vật khác, tốt lành trọng vọng đường nào mặc lòng, thì cũng chẳng dám sánh bày với loài người ta được vì bấy nhiêu sự ấy là vật có hình thể không, chẳng có sống, chẳng có tri giác, song le loài người ta vừa có hình thể vừa có tính thiêng liêng hằng sống cho nên chữ rằng *nhân linh ư vạn vật*; ấy người ta là đáng trọng vọng đường ấy lại thờ phượng các vật hèn hạ chẳng bằng

ngịch ngụy thì chẳng nên, vì cũng phải mắc tội ngụy nghịch với triều đình mà chó. Vậy trong các đình miếu, người ta tế tự thờ lạy Qui Thần, xin xuống phước cho dân, đừng phá phách làm hại làm khốn dân. – Vả lại thờ Qui Thần, ấy là thờ Ác Thần, ấy thờ Qui Ma, là loài rất dữ, lẽ nào mà nó xuống phước cho ai đáng? Nó một làm khốn hại người ta mà chó. Vậy nhà Nhu dạy thờ Qui Thần, là Ác Thần, là Qui Ma, thì tôi chẳng chịu lẽ ấy.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Còn tế Lục Tông là đi gì?

NHU SĨ RẰNG:

Trong Kinh Thư truyền rằng: *Lễ vu lục tông* là tế sáu thứ: một là tế mùa lạnh nóng, hai là tế mặt trời, ba là tế mặt trăng, bốn là tế mưa nắng, năm là tế các vì sao, sáu là tế núi sông; mà khi tế làm vậy, có ý thờ phượng tạ ơn bấy nhiêu đáng ấy, đã soi sáng xuống khí lành cho thiên hạ đáng nhờ.

TÂY SĨ RẰNG:

Vả chẳng mùa lạnh nóng, mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, mưa nắng núi sông, cùng muôn sự muôn vật khác, đâu mà nó sáng tốt trọng vọng đường nào mặc lòng, thì cũng chẳng dám sánh bày với loài người ta đáng, vì bấy nhiêu sự ấy là vật có hình thể, chẳng có sự sống, chẳng có tri giác: chỉ có một loài người ta có hình thể, có tri giác, có tính thiêng liêng hằng sống. Sách Kinh Thư rằng: *Duy nhơn vi vạn vật chi linh*, nghĩa là có một loài người

mình, thì làm sao cho phải? Có một khi thờ lạy tế lễ chính Đấng đã dựng nên bấy nhiêu sự thì mới nên mới phải lễ mà chớ.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Bằng kẻ tu ngũ đức, và giữ ngũ luân cho nên thì được ích chi? Mà kẻ chẳng giữ có phải tội làm sao chẳng?

ta thì thiêng sáng hơn mọi vật thấy thấy. Ấy vậy loài người ta là đứng trọng vọng thiêng sáng, mà lại thờ phượng các vật thua kém, hèn hạ, chẳng bằng mình, thì sao cho phải lễ? Có một khi thờ phượng tế lễ chính Đấng cao trọng, đã sinh nên bấy nhiêu sự vật ấy, thì mới nên, mới phải lễ mà chớ.

Khi ấy quan lớn phê đoán rằng:

Tây sĩ phân biệt sự tế Qui Thần cùng tế Lục Tông, ta lấy làm rõ ràng phải lễ lắm. Biện phân thần lành là thiên thần, thì nên kính thờ còn; thần dữ là qui thần, chẳng nên kính thờ; cũng như quan trung lương, thì dân sự nên tôn kính vưng phục, còn quan nguy nghịch, thì dân sự chẳng nên tôn kính vưng theo, ấy là đều chắc thật rõ ràng. – Lại trưng chứng loài người ta quý trọng hơn muôn vật thấy thấy, chẳng nên thờ lạy những vật thua kém chẳng bằng mình; phải thờ lạy Đấng cao trọng hơn mình, đã sinh dựng nên bấy nhiêu sự vật ấy, mới phải lễ. *Thử ngôn kim du biện bạch, ngọc thạch phân minh, tức phá thiên cổ chi hoặc* nghĩa là lời này vàng thau rõ biện, đá ngọc phân minh, đã đủ mà phá sự lầm lỗi xưa nay.

TÂY SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Bằng kẻ tu ngũ Đức, và giữ ngũ luân cho nên, thì đáng phước thể nào; mà kẻ chẳng giữ thì phải tội phạt thể nào chẳng?

NHU SĨ RẰNG:

Từ Thần Ông viết: *Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo*; lại nơi Thượng Thư rằng: *Tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương*.

TÂY SĨ RẰNG:

Nếu có thật như vậy sao cũng thường thấy có nhiều kẻ tu đức cho đến chết mà những khốn khó vất vả mãi, nào có thấy thiện hữu thiện báo đâu. Chớ thì ai báo mà đến bao giờ mới báo, ấy thế chẳng là điều nói không ru?

NHO SĨ RẰNG:

Kẻ ở hiền lành trung hiếu cho đến chết mà chẳng được ích chi thì con cháu nó sẽ được mà chớ.

TÂY SĨ RẰNG:

Ví bằng cha ông hiền lành, lập công tích đức mà chẳng được phúc chi, đến đời con cháu hoặc phải đưa xấu nét dữ tợn mãi, mà lại được hưởng phúc thì làm sao cho phải phép công bình? Lại có kẻ tốt nét, nhân nghĩa, trung tín song chẳng có con nào sốt, chúc ấy thế nào? Vì chẳng những là kẻ ấy hồng phúc thiện báo mà lại phải tội, như lời ông Mạnh tử chê kẻ vô kể hậu, kẻ là bất hiếu chi nhân thì làm sao? Chớ thì *thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình* ở đâu? Nói làm vậy có thật ru? Ấy bởi đâu kẻ tích đức cũng chẳng trông

NHU SĨ RẰNG:

Từ thần ông viết: *Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo*, nghĩa là lành có trả lành, dữ có trả dữ; lại sách Thượng Thư rằng: *Tác thiện giáng chi bá tường, tác bất thiện giáng chi bá ương*, nghĩa là kẻ làm lành thì xuống cho trăm điều lành, kẻ làm dữ thì xuống cho trăm điều dữ.

TÂY SĨ RẰNG:

Nếu làm vậy, sao cũng thường thấy ở đời này có nhiều kẻ tu đức cho đến chết, mà những phải gian nan khốn khó mãi, nào có thấy thiện hữu thiện báo đâu? Chớ thì ai báo, mà đến bao giờ mới báo, ấy thế chẳng phải lời nói không sao?

NHU SĨ RẰNG:

Kẻ ở đời hiền lành ngay thảo cho đến chết, mà chẳng đặng thiện báo, thì con cháu nó sẽ đặng mà chớ.

TÂY SĨ RẰNG:

Ví bằng cha ông hiền lành, lập công tích đức, mà chẳng đặng phước gì, thì đến đời con cháu, hoặc phải đưa xấu nét dữ dần mãi, mà nó lại đặng hưởng phước, thì làm sao cho phải phép công bình? – Lại có kẻ nét na, nhơn ngãi, trung tín song chẳng có con nào sốt, chúc ấy thế nào? Vì chẳng những là kẻ ấy đã hồng phước thiện báo, mà lại phải tội; chớ thì câu *thiện ác hữu báo như ảnh tùy hình*, là dữ lành có trả như bóng theo hình thì ở đâu? Nói làm vậy có thật sao? Ấy bởi đâu kẻ tích đức cũng chẳng trông hẩn sự hưởng phước, lại kẻ làm dữ cũng chẳng lo sợ

hẳn sự thưởng phúc, lại kẻ tích ác cũng chẳng lo sợ sự phạt tội là bao nhiêu? Thử xem có nhiều kẻ *nho giả cùng lý*, mà lại làm nhiều sự phi lý, gặp chánh thì chánh, gặp tà thì tà, chẳng có lo sinh tử tội phúc là gì, một muốn cứ tư dục mình mà thôi. Ấy bấy nhiêu sự bởi đâu mà ra? Đạo Nho chẳng có dạy hẳn Đấng nào sẽ thưởng phạt cho tỏ tường mà chớ.

NHO SĨ RẰNG:

Chẳng phải bởi điều chẳng dạy cho tỏ, một bởi điều có kẻ *bẩm thụ âm dương nhị khí chi thuận* liền sinh ra hiền lành ngay thật; lại có kẻ *bẩm thụ nhị khí bất thuận* thì sinh ra tà vạy càn dỡ. Ấy vậy mệnh trời đã phú cho kẻ sang kẻ hèn, kẻ giàu kẻ khó, kẻ trí kẻ ngu, kẻ lành kẻ dữ, mà ai dạy làm sao được?

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy, hễ bao nhiêu kẻ lành kẻ dữ *giai tại thiên mệnh* phú cho, thì còn khuyên người ta *thiên thiện cải ác, tu thân tích đức* làm chi nữa? Nếu vậy phép nhà nước khi trách phạt kẻ có tội thì chẳng oan nó ru? Nào có phải tại nó làm nên tội mà nó chịu phạt cho cam, tại thiên mệnh phú cho nó *bẩm thụ* lấy khí xấu khí nghịch mới hóa ra làm vậy, mà phạt nó làm sao? Như nói làm vậy, mọi tội đều đổ cho thiên mệnh mà ra thay thay; bởi đấy kẻ lành cũng chẳng được công phúc gì, kẻ dữ cũng chẳng mắc phải tội lỗi gì ru? Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe

sự phạt tội là bao nhiêu? Hãy xem, có nhiều kẻ nhu đã thông minh cùng lý, lại làm nhiều sự phi lý, gặp chánh thì chánh, gặp tà thì tà, chẳng lo sanh tử tội phúc là gì, một muốn theo tư dục mình mà thôi. Ấy bấy nhiêu sự ấy bởi đâu mà ra? Thật bởi đạo Nhu chẳng dạy hẳn Đấng nào thưởng phạt cho tỏ tường chắc chắn mà chớ.

NHU SĨ RẰNG:

Chẳng phải bởi điều chẳng dạy cho tỏ tường, một bởi điều có kẻ *bẩm thụ* là lãnh chịu hai khí âm dương thuận, liền sinh ra hiền lành ngay thật; lại có kẻ *bẩm thụ* âm dương hai khí chẳng thuận, liền sinh ra tà vạy gian dữ. Ấy vậy mạng trời đã phú cho có kẻ sang kẻ hèn, kẻ giàu kẻ khó, kẻ dữ kẻ lành, kẻ trí kẻ ngu, kẻ thánh kẻ phàm, mà ai dạy làm cho đặng?

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy, hễ bao nhiêu kẻ lành kẻ dữ *đều tại thiên mạng* phú cho, thì còn khuyên người ta *cải dữ về lành, sửa mình tu đức* làm chi nữa? Nếu vậy, phép nhà nước khi trách phạt kẻ có tội thì chẳng oan nó sao? Nào có phải tại nó làm nên tội, mà nó chịu phạt cho cam, vì là tại thiên mạng phú cho nó *bẩm thụ* lấy khí xấu khí nghịch, mới hóa ra làm vậy, mà phạt nó làm sao? Như nói làm vậy, mọi tội đều đổ cho thiên mạng mà ra thay thay; bởi đó kẻ làm lành cũng chẳng đặng công phúc gì, kẻ dữ cũng chẳng mắc tội vạ gì sao? Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe

được chăng? – Sau nữa bên Nho có thờ thánh nào nữa chăng?

NHO SĨ RẰNG:

Chẳng những nhà Nho mà lại các vua chúa quan quyền cả và thiên hạ phương đông này đều thờ phụng tế lễ Đức thánh Khổng Tử, và *Tứ phối*, *Thập triết* nữa; gọi thánh Khổng Tử là *Thiên Túng chi Thánh* cùng *Tiên Thánh*, *Tiên Sư* và *Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương*, vì Người đã có công trọng, dọn *Lục Kinh* cùng truyền đạo cho thiên hạ được học; cùng xin Người phù hộ cho các học trò được sáng trí, học các sách Người đã truyền, cùng thi đỗ được làm quan sang trọng; cho nên hễ các sinh đồ, hương cống, tiến sĩ, khi mới thi đỗ cùng được chức phải vào đền mà tế lễ thánh Khổng Tử, cùng tạ ơn người, vì đã ban cho bấy nhiêu ơn trọng ấy.

TÂY SĨ RẰNG:

Nhà Nho kính ông Khổng Tử là Đấng Thượng Trí thông thái đã có công dọn sách truyền cho thiên hạ học những lẽ công chính, thì thậm phải; song le cầu khẩn cùng ngài vâng hộ cho được sáng dạ cùng thi đỗ thì chẳng nên; vì quyền phép ấy về một đấng Tạo Hóa mà thôi. Mà ông Khổng ngài cũng là *nhân loại* đã thì chẳng có phép ấy; vì ông Khổng Tử mới sinh ra đời Chu, vua Linh

đặng chăng? – Sau nữa bên Nhu sĩ có thờ thánh nào nữa chăng?

NHU SĨ RẰNG:

Chẳng những nhà Nhu, mà lại các vua chúa quan quyền cả và thiên hạ phương đông này, đều thờ phụng đức thánh Khổng tử, và Tứ Phối, Thập Triết, là bốn thánh mười hiền; gọi thánh Khổng Tử là *Thiên túng chi thánh*, nghĩa là thánh trời sai, và phong là *Đại thành chí thánh Văn Tuyên vương*, nghĩa là vua Văn Tuyên rất trọn rất thánh, vì người đã có công trọng dọn *Lục Kinh*, là Kinh Diệc, Kinh Thor, Kinh Thi, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Xuân Thu, truyền đạo cho thiên hạ đặng học; lại xin người phù hộ cho các học trò đặng sáng trí, học các sách người đã truyền, cùng thi đỗ đặng làm quan sang trọng; cho nên hễ các sanh đồ, hương cống, tấn sĩ, khi đỗ cùng đặng lên chức, phải vào đền Tư Văn mà tế lễ thánh Khổng Tử, cùng tạ ơn người, vì đã ban cho bấy nhiêu ơn trọng ấy.

TÂY SĨ RẰNG:

Nhà Nhu kính ông Khổng Tử là đứng đệ trí thông minh, đã có công dọn sách truyền cho thiên hạ học những lẽ công chánh, thì thậm phải; song cầu khẩn cùng người vâng hộ cho đặng sáng dạ cùng thi đỗ, thì chẳng nên; vì quờn phép ấy về một Đấng Tạo Hóa mà thôi. Mà ông Khổng cũng là người ta, ắt chẳng có phép trọng ấy; vì ông Khổng mới sanh đời nhà Châu, vua Linh vương, năm

Vương, *nhị thập nhất niên*, ở nước Lỗ, xứ Sơn Đông, phủ Diển Châu, huyện Khúc Phụ, làng Xương Bình; ông là Lương Phục, cha là Thúc Lương Hột, mẹ là Nhan Thị; đặt tên là Khâu, tên chữ là Trọng Ni. Mà bởi người ta thấy ngài thượng trí thông thái thì gọi người là *thiên túng chi thánh*. Song ông Tử Hạ hỏi rằng: *Phu tử thánh dã dư?* thì người rằng: *Khâu bác học đa thức; thánh Khâu bất tri*. – Đến đời nhà Đường vua Huyền Tông mới phong cho là Văn Tuyên Vương; lại đến đời vua Nguyên Vũ Tông gia phong là Đại thành Chí thánh Văn Tuyên Vương. Ấy ông Khổng Tử đã xưng thật: bởi người học lắm thì biết nhiều điều, song người chẳng phải là thánh; nào có phép gì mà vâng hộ cho ai sáng dạ thi đỗ, và được phúc khỏi tội đâu?

THỨ HAI:
THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY
RẰNG:

Mọi sự ta phải giữ ở đời này, thì đã tóm lại một câu Đức thánh Lão Tử rằng: *Vật vi, vật ý, vật biện*, chớ chi thiên hạ giữ bấy nhiêu sự cho lộn, thì mọi người đều được bình an, thông thả, vui sướng là dường nào.

thứ hai mươi mốt, ở nước Lỗ, xứ Sơn Đông, phủ Doãn Châu, huyện Khúc Thụ, làng Xương Bình; ông là Lương Phục, cha là Thúc Lương Hột, mẹ là Nhan Thị; đặt tên là Khưu, tên chữ là Trọng Ni. Mà bởi người ta thấy người thông minh dề trí, thì gọi rằng người thánh trời sanh. Song khi ông Tử Cống hỏi rằng: Thầy có phải là đứng thánh chăng? thì người rằng: *Ngã bác học đa thức, thánh ngã bất cam*, nghĩa là ta học nhiều biết nhiều, còn đứng thánh thì ta chẳng dám đâu. – Đến đời nhà Đường, vua Huyền Tông mới phong là Văn Tuyên vương; lại đến đời vua Nguyên Vũ Tông gia phong là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên vương. Ấy ông Khổng Tử đã xưng thật, bởi người học nhiều thì đã biết nhiều điều, song người chẳng phải là thánh; nào có phép gì mà vâng hộ cho ai sáng dạ thi đỗ, và được phúc khỏi tội đâu? Ấy vậy các vua dưới thế có phép phong cho người ta làm quan quyền dưới thế, chẳng có phép phong cho ai làm thánh đâu.

THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY
RẰNG:

Mọi sự ta phải giữ ở đời này, thì đã tóm lại một câu đức thánh Lão Tử rằng: *Vật vi, vật ý, vật biện*, là chớ làm gì, chớ có ý gì, chớ phân biện; chớ chi thiên hạ giữ bấy nhiêu sự cho trộn, thì mọi người đều được bình an, thông thả, vui sướng là dường nào!

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói điều ấy thì cao ý lạ lùng lắm, chẳng hiểu được; vì ở nhưng cả và ngày, đừng làm gì sốt, thật được thông thả thanh nhàn lắm. Song ai kiếm cho mà ăn, dân sự làm sao cho được sống? Vua chúa quan quyền đừng làm thì lấy ai coi sóc, cai trị dạy dỗ thiên hạ cho bình an. Nếu phải cứ điều ấy, là *vật vi*, thì sao các thầy những khó nhọc chạy xuôi ngược đêm ngày, đi chữa người ta làm chi? Sao mà bảo đào mồ mả ông bà cha mẹ người ta lên, dòm nơi nọ đổi nơi kia? Sao bảo người ta nhường sao đổi số, *giải ách tống tai* làm chi? Thế thì phò thầy chẳng lỗi đạo ru? Lại rằng: *Vật ý, vật biện*, là đừng có ý nào, đừng suy xét gì sốt. Nói làm vậy sao cho phải lẽ? Kia giống vật kia còn biết đói thì tìm ăn, khát thì tìm uống, cùng biết giống nào nên ăn thì mới ăn, chẳng nên ăn thì đừng; lại như giống lục súc kia còn biết giữ nhà cho chủ nó, phương chi loài người ta thì có tính thiêng liêng, lại có đạo đức trong mình, biết *tam cương ngũ thường*, mà nói rằng: *vật ý, vật biện*, thế thì đừng biết ai là cha mẹ, đừng biết ai là vua chúa, đừng biết ai là vợ chồng, một ở lẫn lộn chung mãi, gặp thế nào thì hay thế ấy mà thôi ru? Nói thế thì ba điều ấy có xứng cho phải đạo làm người ru? Một xứng cho loài cây, loài đá cùng các tượng gỗ, tượng đất giữ đạo ấy mà chớ; vì

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói điều ấy, thì cao ý lạ lùng lắm, chẳng hiểu được, vì ở nhưng cả và ngày, đừng làm sự gì sốt, thật thì đáng thông thả thanh nhàn lắm; song ai kiếm cho mà ăn, dân sự làm sao cho đáng sống? Vua chúa quan quyền đừng làm, thì lấy ai mà coi sóc, cai trị, dạy dỗ thiên hạ cho bình an? Nếu phải cứ điều ấy, là *vật vi*, thì sao các thầy chịu khó nhọc, chạy ngược xuôi đêm ngày, đi chữa người ta làm chi? Sao mà bảo đào mồ mả ông bà cha mẹ người ta lên, dòm nơi nọ đổi nơi kia; sao bảo người ta nhường sao đổi số, *giải ách tống tai* làm chi? Chớ thì phò thầy cũng lỗi đạo lắm sao? Tôi thấy trong sách Nhu chế việc ấy rằng: *Địa lý tiên sanh quán thuyết không, chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây đông, thế gian quả hữu vương hầu địa, hà bất tiên mưu táng nãi ông*; nghĩa là thầy địa quen tuồng nói hướng không, chỉ nam, chỉ bắc, chỉ tây đông, dưới thế chỗ nào đất vương tướng, sao thầy chẳng để táng cha ông?

Lại rằng: *Vật ý vật biện*, là đừng có ý nào, đừng có suy xét gì sốt; nói làm vậy sao cho phải lẽ? Kia giống vật kia đói, còn biết tìm ăn, khát thì tìm uống, cùng biết giống nào nên ăn mới ăn, chẳng nên ăn thì đừng. Lại như giống lục súc kia còn biết giữ nhà cho chủ, phương chi loài người ta có tính thiêng liêng, lại có đạo đức trong mình, biết *tam cương ngũ thường*, vua

nó chẳng có việc gì, chẳng có ý nào, cùng chẳng biết gì thật.

– Tây sĩ lại hỏi: Bên Pháp môn có thờ những vị nào chẳng?

THẦY PHÁP SƯ RẰNG:

Bên đạo chúng tôi thờ phụng nhiều vị lắm, song nhất là vị Đức Thánh cả là Thái Thượng Lão Quân, vị vua Ngọc Hoàng Thượng Đế, vị *Thập Nhị Hành Khiển Vương* mà mỗi một năm một lần tế lễ cho trọng thể, xin Đức Thánh cả phù hộ cho thiên hạ khỏi mọi sự dữ được mọi sự lành cùng cho *trường sinh bất tử*.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Lão Tử mới sinh ra sánh đời nhà Chu, vua Linh Vương nguyên niên, tháng hai, ngày rằm, ở xứ Hồ Quảng, họ Lý, tên Trọng Nhĩ, cũng có tên là Lão Đàm, lại có tên là Lão Quân, sống được tám mươi một tuổi, mà chết trong đời nhà Chu Kính Vương, tam thập ngũ niên, ở đất Hàm Quan. Sách Luận ngữ Tây Sơn Chân Thị rằng: *Lão Đàm, Dương*

là giếng tôi, cha là giếng con, chồng là giếng vợ; mà dạy rằng: vật ý, vật biện, thế thì đừng biết ai là cha mẹ, đừng biết ai là vua chúa, đừng biết ai là vợ chồng, một ở lộn lạo chung mãi, gặp thế nào thì hay thế ấy mà thôi sao? Ba đều ấy có xứng cho loài loài người sao? một xứng cho loài đá, loài cây, tượng gỗ giữ đạo ấy mà chớ; vì nó chẳng có làm gì, chẳng có ý nào, cũng chẳng biết gì chúc. Thầy nói vậy thì tôi chẳng chịu lẽ ấy.

– Tây sĩ hỏi Pháp môn có thờ vị nào nữa chẳng?

THẦY PHÁP MÔN RẰNG:

Bên đạo chúng tôi thờ phụng nhiều vị lắm, nhất là vị đức thánh cả, là Thái Thượng Lão Quân, vị vua Ngọc Hoàng thượng đế, vị *thập Nhị Hoành Khiển vương*; mà mỗi một năm một lần tế lễ trọng thể, xin đức thánh cả phù hộ cho thiên hạ khỏi mọi sự dữ đảng mọi sự lành, cùng cho trường sanh bất tử, nghĩa là sống lâu chẳng chết.

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Lão Tử mới sinh đời nhà Châu, vua Linh vương, năm thứ nhất, tháng hai, ngày rằm, họ Lý, tên Trọng Nhĩ, cũng có tên là Lão Đàm và Lão Quân, sống được tám mươi một tuổi, mà chết trong đời nhà Châu, vua Kinh vương, năm thứ ba mươi lăm, ở đất Hàm Quan. Sách Luận ngữ Tây Sơn thị rằng: *Lão Đàm, Dương Châu, Mặc Dịch, giai dữ Không Tử đồng thì, nghĩa*

Châu, Mặc Dịch giai dĩ Khổng Tử đồng thời. Đến đời nhà Tống Chân Tông, Giáp Dần nguyên niên, Đế yết Lão Tử mới gia hiệu là Thái Thượng Lão Quân, song ông Lão Tử vốn cũng là nhân loại ở đời Trung cổ, cũng có sinh có tử như người ta, nào có phép gì mà cho người ta khỏi tội được phúc làm sao được.

Còn vị Ngọc Hoàng thật là người họ Trương, tên là Nghi, là cháu ngoại Trương Lương, học phép Lão Quân làm chức tiên bay, sống được ba mươi tuổi mà chết. Trong đạo ấy rằng: Nhà Tống, Vua Huy Tông năm chiêm bao thấy Trương Nghi giúp Vua đánh được giặc, đến khi Vua thức dậy nghĩ là người ấy đắc đạo, liền làm sắc phong cho Trương Nghi làm Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ấy Vua Huy Tông là người dương thế, bởi yêu Trương Nghi liền phong làm vua cả trên trời, há có phải lẽ được chăng? Nếu vậy khi trước vua Huy Tông chưa phong ngoại Trương Nghi, thì trên trời chưa có ai làm Vua Thượng Đế ru? – Và lại nước bên nhà Phật cũng rằng: Ngọc Hoàng là con vua Quang Nghiêm, ở đất Diệu Lạc, vợ là Bảo Nguyệt Quang. Bởi chẳng có con, khi nằm chiêm bao thấy Nguyên Hậu khiến Lão Quân ẵm một con trai đưa cho nàng Nguyệt Quang tức thì liền chịu thai. Đến

là người Lão Đàm, người Dương Châu, người Mặc Dịch là những người sinh một đời cùng Khổng Tử. – Đến đời nhà Tống, vua Chơn Tông, năm giáp dần, là năm thứ nhứt, vua viếng mồ Lão Tử mới gia hiệu là Thái Thượng Lão Quân, – Song ông Lão Tử vốn cũng là người ở đời nhà Châu, cũng có sanh có tử như người ta, lại cũng chẳng có công nghiệp gì với người thiên hạ; nào có phép gì mà cho người ta khỏi tội đặng phước sao?

Còn vị Ngọc Hoàng, thật là người họ Trương, tên là Nghi, là cháu ngoại Trương Lương, học phép Lão Quân làm chức tiên bay, sống đặng ba mươi tuổi mà chết. Trong đạo ấy rằng: Nhà Tống vua Huy Tông năm chiêm bao, thấy Trương Nghi giúp vua đánh đặng giặc; đến khi vua thức dậy, ngờ là người ấy có phép tặc, liền phong cho Trương Nghi làm Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ấy vua Huy Tông là người dương thế, bởi yêu Trương Nghi liền phong cho làm vua cả trên trời, há có phải lẽ đặng chăng? Nếu vậy khi trước vua Huy Tông chưa phong ngoại Trương Nghi, thì trên trời chưa có ai làm Thượng Đế sao? – Và lại sách bên nhà Phật cũng rằng: Ngọc Hoàng là con vua Quang Nghiêm, ở đất Diệu Lạc, vợ là Bảo Nguyệt Quang; bởi chẳng có con, khi nằm chiêm bao thấy Nguyên Hậu khiến Lão Quân ẵm một con trai đưa cho nàng Nguyệt Quang, tức thì liền chịu thai. Đến năm sau, tháng giêng,

năm sau, tháng giêng, ngày mồng chín, sinh được con trai, đặt tên là Ngọc Hoàng. Ấy là lời bên nhà Phật thì làm vậy, song trong bản đồ các nước thiên hạ, chẳng thấy nước nào có tên là Diệu Lạc, ấy là nước riêng nhà Phật mà chớ. Lại ví bằng cha mẹ yêu con muốn đặt tên trọng cho con, thì liền được làm Ngọc Hoàng Thượng Đế trên trời ru? Sự ấy có phải lẽ mà nghe được chẳng? Sau nữa, về những thần Hành Khiển Vương là làm sao?

PHÁP SƯ RẰNG:

Pháp sư rằng: Là mười hai vua ở trên trời, mỗi một năm, là một vua trị, đem binh xuống hạ giới, làm ốm đau, làm chết người ta; vì vậy phải lấy tiền cùng vàng bạc cùng lễ vật mà tiến quan Hành Khiển mới được khỏi.

TÂY SĨ RẰNG:

Mười hai Hành Khiển ấy là Chu vương, Triệu vương, Ngụy vương, Trịnh vương, Sở vương, Ngô vương, Tần vương, Tống vương, Tề vương, Lỗ vương, Việt vương, Liệt vương; ấy là mười hai người thế gian, xưa đời nhà Chu phong cho làm vua chư hầu mà thôi. Đến đời nhà Tống, có người Mạnh Tông mới bày ra gọi là mười hai vua Hành khiển. Đến đời Lê Dương Đức nguyên niên có người Trịnh Thiên Thu và thầy pháp môn là Trịnh Đạo Khiêm, làm sách Hồng Liễu thư, có vẽ đồ Thập Nhị Vương Hành Khiển in vào sách ấy

ngày mồng chín, sanh đặng con trai, đặt tên là Ngọc Hoàng; ấy là lời bên nhà Phật thì làm vậy. Song trong bản đồ các nước thiên hạ, chẳng thấy nước nào có tên Diệu Lạc, ấy là nước riêng nhà Phật mà chớ. Lại ví bằng cha mẹ yêu con, muốn đặt tên trọng cho con, thì đặng làm Ngọc Hoàng Thượng Đế trên trời sao? Sự ấy có phải lẽ mà nghe đặng chẳng? Sau nữa, về những thần Hành Khiển vương là làm sao?

PHÁP SƯ RẰNG:

Mười hai vua ở trên trời, mỗi một năm, là một vua trị, đem binh xuống hạ giới, là dưới thế, làm ốm đau, làm chết người ta; vì vậy phải lấy tiền cùng vàng bạc và lễ vật, dâng cho vua Hành Khiển vương mới khỏi.

TÂY SĨ RẰNG:

Mười hai Hành Khiển ấy là Châu vương, Triệu vương, Ngụy vương, Trịnh vương, Sở vương, Ngô vương, Tần vương, Tống vương, Tề vương, Lỗ vương, Việt vương, Liệt vương; ấy là mười hai vua chư hầu mà thôi, cũng là người thế gian, đời nhà Châu đã phong cho làm vua. Đến đời nhà Tống, có người Mạnh Tông mới bày ra gọi là mười hai vua Hành Khiển. Đến đời nhà Lê, vua Dương Đức năm đầu, có người Trịnh Thiên Thu và thầy pháp môn là Trịnh Đạo Khiêm, làm sách Hồng Liễu thư, có vẽ đồ hình mười hai vua ấy vào sách nữa. Song bấy

nữa. Song bấy nhiêu người thật là nhân loại nhĩ cùng đã chết rồi như kẻ khác; nào có phép tắc gì mà cầm quyền sanh tử thưởng phạt ai được? – Vả lại nếu bấy nhiêu người đã được làm thánh cả làm vua cả cai trị nước trên trời, sao mà lại phải đói khát thèm lạt, đem binh xuống thế gian, bóp nặn người ta, để lấy mâm xôi, tấm thịt vò rượu cùng một ít tiền giấy, vàng bạc giả, đoạn mới chữa người ta cho khỏi tật nguyên bệnh nào làm sao? Ấy những cách thế mọn dạ ăn vật làm vậy, có xứng đáng cho đáng làm vua trên trời chăng? Ấy là những điều chẳng thật, cho nên trong sách rằng: *Tân Hoàng, Hán Võ cùng cực dĩ cầu thần tiên liêu vô chứng nghiệm. Tống Đạo Quân phụng đạo chi cần, thiết tiểu chi hậu, thụ nhục ư Mạc Bắc, nhi đạo diệc bất văn.* Bởi đây đạo Lão Tử gọi là *hư vô chi đạo* thì đã hợp lắm.

THỨ BA

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Bên Phật giáo dạy người ta tu ngũ Đức: một là thí của, hai là giữ chay, ba là nhẫn nhục, bốn là tu đức, năm là giữ lòng thật. Lại giới cấm ngũ sự: một là cấm sát sinh, hai là cấm ăn

nhiều người ấy cũng là người thế, có sanh có tử như kẻ khác; nào có phép tắc gì mà cầm quyền sanh tử thưởng phạt ai được? – Vả lại nếu bấy nhiêu người đã được làm thánh cả, làm vua cả cai trị nước trên trời, sao mà lại phải đói khát thèm lạt, đem binh xuống thế gian, ép nặn người ta, để lấy mâm xôi tấm thịt, ghè rượu cùng một ít tiền bạc, đoạn mới chữa người ta khỏi tật nguyên bệnh loạn làm sao? Ấy là những cách thế mọn dạ ăn vật làm vậy, có xứng đáng cho vua trên trời chăng? Ấy là những điều chẳng thật, cho nên trong sách Sử rằng: *Tân Hoàng, Hán Võ cùng cực dĩ cầu thần tiên, liêu vô chứng nghiệm*, nghĩa là vua Tân Hoàng, vua Hán Võ, hết lòng hết sức tìm kiếm thần tiên, mà không được ích chi cả. *Tống Đạo Quân phụng đạo chi cần, thuyết tiểu chi hậu, thọ nhục ư Mạc bắc, nhi đạo diệc bất văn*, nghĩa là vua Tống Đạo quân hết lòng giữ đạo Lão Tử, làm chay đặt tế rất trọng thể, mà đến khi giặc bắt được vua ấy, đem về làm sĩ nhục tại đất Mạc bắc, cũng chẳng nghe đạo Lão Tử phù hộ chi. Bởi đó cho nên, Lão Tử gọi là *hư vô chi giáo* thì hợp lắm.

III.

THẦY HÒA THƯỢNG GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Bên Phật giáo dạy người ta tu Ngũ Đức: một là thí của, hai là giữ chay, ba là chịu nhục, bốn là tu đức, năm là giữ lòng thật. Lại giải cấm năm điều: một là cấm sát sanh, hai là cấm ăn trộm

trộm cướp, ba là cấm tà dâm, bốn là cấm nói dối, năm là cấm uống rượu.

TÂY SĨ RẰNG:

Kẻ giữ và kẻ chẳng giữ bấy nhiêu sự sẽ thường phạt làm sao?

THẦY HÒA THUẬN RẰNG:

Trong lục đạo Đức Phật Thích Ca đã truyền sự thường phạt tỏ tường chẳng có điều nào thật hơn nữa. Thứ nhất hễ ai tu đạo Phật cho lộn thì được làm Phật nữa; thứ hai kẻ giữ bậc kém chẳng được lộn thì được làm vua trên trời; thứ ba, kẻ giữ kém một bậc nữa thì cho làm thần; thứ bốn, kẻ giữ kém một bậc nữa thì khi chết rồi lại bắt sinh làm người khác; thứ năm kẻ giữ kém một bậc nữa thì phạt nên một thần đông dài, chẳng có nơi mà ở, cho nên những đi khuấy khuấy người ta; thứ sáu kẻ giữ kém một bậc nữa thì phải hóa ra giống loài vật cầm thú côn trùng; kẻ càng kém hơn nữa thì càng phải nên giống xấu xa hơn nữa.

TÂY SĨ RẰNG:

Như trong lục đạo có sự thường phạt thế ấy thì tôi lấy làm sự quái gở lắm, vì nếu cha mẹ phải phạt bắt sinh lại làm con người khác, mà hoặc khi khó khăn đi ở thuê mướn, gặp phải cửa nhà con cháu, nó chửi rửa đập đánh lầm phải cha mẹ, thì làm sao? hay là khi nó lấy vợ chồng lầm phải cha mẹ, chẳng ra tội loạn luân ru? Lại nếu cha mẹ đã hóa ra loài muông chim cầm thú, mà khi con cháu làm giỗ chạp, giết trâu bò gà lợn, làm

cướp, ba là cấm tà dâm, bốn là cấm nói dối, năm là cấm uống rượu.

TÂY SĨ RẰNG:

Kẻ giữ và kẻ chẳng giữ bấy nhiêu sự ấy, sẽ thường phạt làm sao?

THẦY HÒA THUẬN RẰNG:

Trong lục đạo đức Phật Thích Ca đã truyền sự thường phạt tỏ tường, chẳng có điều nào thật hơn nữa. Thứ nhất, hễ ai giữ đạo Phật cho trọn, thì được làm Phật nữa; thứ hai, kẻ giữ bậc kém, chẳng được trọn, thì được làm vua trên trời; thứ ba, kẻ giữ kém một bậc nữa, thì cho làm thần; thứ bốn, kẻ giữ một bậc kém hơn nữa, thì khi chết rồi lại nhập sanh người khác; thứ năm, kẻ giữ kém một bậc nữa thì phải hóa ra một thần đông dài, chẳng có nơi mà ở, những đi khuấy khuấy người ta; thứ sáu, kẻ giữ kém một bậc nữa, thì hóa ra loài cầm thú côn trùng; kẻ giữ càng kém hơn nữa, thì càng phải nên giống xấu xa hơn nữa.

TÂY SĨ RẰNG:

Như trong lục đạo có sự thường phạt thế ấy, thì tôi lấy làm sự quái gở lắm; vì nếu cha mẹ phải phạt nhập sanh lại làm con người khác, mà hoặc khi khó khăn đi ở thuê mướn, gặp phải cửa nhà con cháu, nó chửi rửa đập đánh phải cha mẹ, thì làm sao? Hay là khi nó lấy vợ chồng, lầm phải cha mẹ, chẳng ra tội loạn luân sao? Lại nếu cha mẹ đã hóa ra loài muông chim cầm thú, mà khi con cháu giỗ chạp, giết trâu bò gà lợn, lầm phải cha mẹ,

phải cha mẹ thì chẳng mắc tội giết cha mẹ ru? Nếu đã hóa ra làm con nhà khác, hay là loài vật khác, chốc ấy con cháu cũng thờ vật ấy người ấy làm cha mẹ mình ru? Nếu các người lành dữ đã hóa ra hết làm vậy, thì còn ai trong âm phủ cho con cháu phải làm chay làm tiểu, chữa tội ông bà ông vải làm chi nữa? Và lại bên nhà Phật hay cấm sự sát sinh cho nhứt phép, kéo lại phải hóa ra loài vật mình đã giết ấy. Đã vậy những ông bà cha mẹ bụt, và chính thân bụt là Thích Ca trước ba mươi tuổi chưa có tu hành, những đi săn bắn, thật đã sát phạt muôn chim cầy cáo lăm lăm; chúc ấy khi cha mẹ bụt và chính thân bụt Thích Ca chết giả thì làm sao? Cũng lại hóa ra giống lục súc loài vật mình đã giết ngày trước ấy ru? Nếu Thích Ca đã phải hóa ra thể ấy thì còn ai làm thần làm Phật nữa? Ấy là những lời gở lạ làm vậy cho nên các Nho sĩ đều chê rằng: *Phật giả yêu ngôn*. Lại rằng: *Dị đoan hư vô tịch diệt chi giáo*. Lại rằng: *Phi thánh nhân chi đạo*, mà Hán Minh Đế tin thờ Bụt thì nhà Nho chê rằng: *Đảng ác chi nhân*. Cùng rằng *danh giáo trung vạn thế chi tội nhân*. Bấy nhiêu điều đã đáng, thật chẳng còn oan nữa.

THỨ BỐN,

TÂY SĨ MỚI GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Khi Thiên Chúa mới dựng nên nguyên tổ loài người ta liền ban cho có linh hồn hợp với xác, có trí sáng

thì chẳng mắc tội giết cha mẹ sao? Nếu đã hóa ra làm con nhà khác, hay là loài vật khác, chốc ấy con cháu cũng thờ vật ấy, người ấy, làm cha mẹ mình sao? Nếu các người lành dữ đã hóa ra hết làm vậy, thì còn ai trong âm phủ? Chớ con cháu làm chay làm tiểu, chữa tội ông bà ông vải làm chi nữa? – Và lại bên nhà Phật hay cấm sát sanh cho nhứt phép, kéo lại hóa ra loài vật mình đã giết. Ấy vậy những ông bà cha mẹ bụt, và chính thân bụt là Thích Ca, trước ba mươi tuổi, chưa có tu hành, những đi săn bắn, thật đã giết muôn chim cầy cáo nhiều lăm; chúc ấy khi cha mẹ bụt và chính thân bụt Thích Ca chết đoạn, thì làm sao? Cũng lại hóa ra giống lục súc loài vật mình đã giết ngày trước ấy sao? Nếu Thích Ca đã hóa ra thể ấy, thì ai làm thần làm Phật nữa? Ấy là những lời quái gở, cho nên các Nhu sĩ chê rằng: *Phật gia yêu ngôn*, nghĩa là, đạo Phật nói quái gở; lại rằng: *Dị đoan tịch diệt chi giáo*, nghĩa là đạo dị đoan hư không làm hại kín đáo. Mà Hán Minh đế tin thờ đạo Phật, thì nhà Nhu chê rằng: *Đảng ác chi nhân*, nghĩa là người theo phe dữ; lại rằng: *Danh giáo trung vạn thế chi tội nhân*, nghĩa là người có tội muôn đời trong hàng danh giáo. Ấy bấy nhiêu lời đã đáng thật, chẳng có oan đâu?

IV.

TÂY SĨ GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Khi Chúa mới dựng nên nguyên tổ loài người ta, liền ban cho có linh hồn hiệp với xác, có trí khôn ngoan, có mọi

khôn ngoan, có mọi nhân đức, cùng biết chính Đấng cội rễ đầu mọi sự mà thờ phượng, lại ban cho chính đạo in vào trong lòng, mỗi người đều biết tam cương, ngũ thường, gọi là *đạo tính giáo*. Bởi vậy, ai ai đều biết sự lành, sự dữ, sự phúc, sự tội tở tường, lại ban cho mỗi người đều có chủ trương trong mình thay thầy, song cũng để nhậm ý thích tình, người ta muốn chiều về đảng lành hay là về đảng dữ thì mặc ý mình liệu, mà ai làm sự phúc đức thì sẽ được thưởng, ai làm sự tội lỗi thì sẽ phải phạt điều ấy tại ý mình muốn chẳng phải tại ai ép đâu. Sau nữa lại ban cho người ta thập giới mà giữ là: *Đệ nhất giới: khâm sùng Thiên Chủ vạn vật chi thượng. Đệ nhị giới: vô hô Thiên Chủ Danh nhi thuyết phát hư thệ. Đệ tam giới: thủ chiêm lễ chi nhựt. Đệ tứ giới: hiếu kính phụ mẫu. Đệ ngũ giới: vô sát nhân. Đệ lục giới: vô dâm thê tha nhân. Đệ thất giới: vô thân đạo. Đệ bát giới: vô vọng vu. Đệ cửu giới: vô nguyện tha nhân thê. Đệ thập giới: vô nguyện tha nhân tài*. Mà mười điều răn ấy tóm lại trong hai sự này. Một là kính mến Thiên Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi loài; hai là thương yêu người ta như bằng mình vậy. Kẻ thuận thì thưởng Thiên đảng chịu phúc; kẻ nghịch thì phạt sa địa ngục gia hình. – Sau hết lại truyền *Thất Quy* chỉ để làm ích cho người ta, là *nhất viết: lãnh tấy; nhị viết: kiên chân; tam viết: Thánh thể; tứ viết: thống giải; ngũ viết: phú*

nhon đức, cùng biết chính Đấng cội rễ đầu mọi sự mà thờ phượng. Lại ban cho chính đạo in vào trong lòng, mọi người đều biết tam cương ngũ thường, gọi là đạo tánh giáo, là đạo tự nhiên. Bởi đó cho nên, ai ai đều biết sự lành sự dữ, sự phúc sự tội tở tường. Lại ban cho mọi người đều có sự thông thả trong mình thay thầy. Song cũng để nhằm ý thích tình người ta, muốn chiều về đảng lành hay là đảng dữ, thì mặc ý mình liệu; mà ai làm việc phúc đức thì sẽ được thưởng, ai làm sự tội lỗi thì sẽ phải phạt. Điều ấy tại ý mình muốn, chẳng phải tại ai ép đâu. – Sau nữa lại ban cho người ta mười điều răn mà giữ, là: Đệ nhứt giải, Khâm sùng Thiên Chúa vạn hữu thị thượng nghĩa là đều răn thứ nhứt dạy kính chuộng một Đức Chúa Trời trên hết mọi sự; Đệ nhị giải, Vô hô Thiên Chúa thánh danh dĩ phát hư thệ, thứ hai, chớ lấy tên Đức Chúa Trời mà thề dối; Đệ tam giải, Thủ chiêm lễ chi nhựt, thứ ba, giữ ngày Chúa nhựt; Đệ tứ giải: Hiếu kính phụ mẫu, thứ bốn, thảo kính cha mẹ; Đệ ngũ giải, Vô sát nhon, thứ năm, chớ giết người; Đệ lục giải, Vô hành tà dâm, thứ sáu, chớ làm tà dâm; Đệ thất giải, Vô du đạo, thứ bảy, chớ ăn trộm cướp; Đệ bát giải, Vô vọng chứng, thứ tám, chớ bỏ vạ cho người; Đệ cửu giải, Vô nguyện tha nhon chi thê, thứ chín chớ muốn vợ chồng người; Đệ thập giải, Vô tham tha nhon chi tài, thứ mười, chớ tham của người; – Mà mười điều răn ấy tóm lại trong hai sự này: Một là kính mến Thiên

chung, lục viết: phẩm cấp, thất viết: hôn phối. Ấy là Thất Quy, phép thì để mà xá tội cho kẻ thống hối cải quá; phép thì giúp sức cho mạnh đạo, thà chết chẳng thà bỏ đạo Thiên Chúa truyền.

NHO SĨ RẰNG:

Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua đạo thánh Khổng Tử được; vì các nước thiên hạ bên phương này cứ một đạo thánh Khổng Tử truyền, thì cũng đủ để vương, công hầu, khanh tướng, quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ, bách tính âu ca, quốc phú dân an, nào có phải đi học đạo Thiên Chúa đâu? Nào đạo Đức thánh Khổng Tử có kém điều chi ru?

Chúa hết lòng hết sức trên hết mọi sự; hai là thương yêu người ta như mình vậy. Kẻ giữ thì thưởng thiên đàng hưởng phước, kẻ chẳng giữ phải phạt địa ngục gia hình. – Sau lại truyền Thất Qui, là bảy phép chỉ để làm ích cho người ta: Nhất viết thánh tẩy, một là phép rửa tội; nhị viết kiên nhẫn, hai là phép xúc trán; tam viết thánh thể, ba là phép Minh thánh Chúa; tứ viết cáo giải, bốn là phép giải tội; ngũ viết chung phú, năm là phép xúc Dầu thánh; lục viết phẩm cấp, sáu là phép truyền chức thánh; thất viết hôn phối, bảy là phép hôn phối. Ấy là Thất Quy, phép thì tha tội cho kẻ thống hối cải quá; phép thì giúp cho mạnh đạo, thà chết chẳng thà bỏ đạo Thiên Chúa truyền; có phép thì để giúp sức mạnh phần hồn; có phép thì để giúp kẻ liệt cho đứng chết lành; có phép thì để phong chức quòn cho các đứng làm thầy; có phép thì để ban cho người nam người nữ đăng phối hiệp cùng nhau mà sinh ra loài người ta.

NHU SĨ RẰNG:

Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua đạo thánh Khổng Tử; vì các nước thiên hạ bên phương này cứ một đạo thánh Khổng Tử truyền, thì cũng đủ để vương, công hầu, khanh tướng, quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ, bá tánh âu ca, quốc phú dân an; nghĩa là vua cho phải vua, tôi cho phải tôi, cha cho phải cha, con cho phải con, chồng cho phải chồng, vợ cho phải vợ, trăm họ ca

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Khổng Tử *san định lục kinh* cho thiên hạ phương này được học những sự phải lẽ, thì có công trọng thật; song chẳng phải ngài đặt nên chữ Nho đâu. Trong sách rằng: *Thượng Đế sáng văn tự* cũng chẳng phải Người lập nên đạo mà truyền cho thì trong thiên hạ mới biết đâu, thử xem cổ giả các đấng đế vương là Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, thiên hạ đều khen là các đấng thánh đế minh vương mà khi ấy chưa sinh ra ông Khổng, thì các đấng ấy cứ đạo nào, học sách nào mà *dĩ đạo trị thiên hạ*. Thật là Người đã cứ đạo tính giáo Thiên Chúa ban cho Người mà chớ. Cũng như đời này biết là bao nhiêu nước, bao nhiêu phương, chẳng có học sách ông Khổng Tử, cũng chẳng biết ông Khổng Tử là ai, mà cũng biết *tam cương ngũ thường, nhân luân đạo lý*, thì tại đâu. Thì đã có chính đạo Thiên Chúa in vào trong lòng cho mọi người, như lời đã dẫn trước rằng: *Thượng Đế giáng trung vu hạ dân*. Cùng lời Đồng tử rằng: *Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên*, lại rằng: *Phù đạo tại thiên hạ, vô cổ kim chi thù*. Lại lời tựa Đại Học rằng: *Cái tự thiên giáng sinh dân, tắc ký mạc bất dư chi dĩ nhân nghĩa lễ trí tín chi tính dã*. Lại lời ông Châu tử rằng: *Tính phi hữu vật, chỉ thị nhất cá đạo lý chi tại ư ngã giả*.

ngôi, nước giàu dân an; nào có phải đi học đạo Thiên Chúa đâu? Nào đạo đức Khổng Tử có kém gì đâu?

TÂY SĨ RẰNG:

Ông Khổng Tử *san định lục kinh*, là sửa định sáu kinh cho thiên hạ phương này đặng học những sự phải lẽ, thì có công trọng thật; song chẳng phải người đặt nên chữ Nho đâu. Trong sách rằng: *Thượng Đế sáng văn tự*, là vua Thượng Đế tạo lập chữ Nho; lại sách Lục Kinh cũng chẳng phải của riêng người lập ra; đạo cũng chẳng phải người lập ra thì thiên hạ mới biết đâu. Hãy xem các vua đời xưa, khi chưa có Khổng Tử sinh ra, như Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Võ, thiên hạ đều khen là thánh đế minh vương, là vua thánh vua sáng, thì các đấng ấy cứ đạo nào, học sách nào mà cũng lấy đạo trị thiên hạ? Thật là người đã cứ đạo tự nhiên Thiên Chúa ban cho người mà chớ. Cũng như đời này, biết là bao nhiêu nước, bao nhiêu phương, chẳng có học sách ông Khổng Tử cùng chẳng biết ông Khổng Tử là ai, mà cũng biết *tam cương ngũ thường, nhân luân đạo lý*, thì tại đâu? Thật bởi đã có chính đạo thiên Chúa in vào trong lòng mọi người, như lời đã dẫn trước rằng: *Duy Hoàng Thượng Đế giáng trung vu hạ dân*, nghĩa là, có một Vua trên trời ban đạo lành xuống cho dân; cùng lời ông Đồng Tử rằng: *Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên*, là gốc tích đạo bởi trời mà xuống, lại rằng: *Phù đạo tại thiên hạ vô cổ kim chi thù*,

Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra đạo vốn đã có từ tạo thiên lập địa đến nay, chẳng phải đạo mới có đâu. Mà sao Nho sĩ nói rằng: Các nước bên phương Đông này, cứ một đạo thánh Khổng Tử truyền? Nói làm vậy chẳng nghịch với sách ru? Và lại Khổng Tử *chi đạo nhất dĩ quán chi* một dạy trung thứ vi trọng cùng tu thân, tề gia, trị quốc ở đời này mà thôi, mà chẳng dạy ai cho biết đấng nào là Chân Chúa đã tạo thành *thiên địa thần nhân vạn vật* mà thờ phụng cho được sống thật vô cùng đời sau, thì đạo ông Khổng Tử chỉ là *nhân đạo nhi dĩ hĩ*. Bằng đạo Thiên Chúa dạy người ta cho biết Đấng cội rễ muôn vật mà thờ phụng cho được phúc thanh nhàn đời đời trên thiên đàng. Ấy là chính thánh đạo, siêu tính chi đạo đã. Mà chẳng trọng, chẳng thật, chẳng tỏ tường hơn đạo ông Khổng Tử ru? Nhân sao Nho sĩ rằng: Đạo Thiên Chúa cũng chẳng qua khỏi đạo ông Khổng Tử, nói thế ấy có thật chẳng?

nghĩa là đạo ở trong thiên hạ từ xưa đến nay không có khác gì; lại lời tựa Đại Học rằng: *Cái tự thiên giáng sinh dân, tắc ký mạc bất dữ chi ái nhân nghĩa lễ trí tín chi tánh dã*, nghĩa là vì từ trời đã sinh ra dân, thì liền phú cho có tính nhơn ngãi lễ trí tín. Lại lời ông Châu Tử rằng: *Tánh phi hữu vật, chỉ thị nhất cá đạo lý chi, tại ư ngã dã*, là tính chẳng phải là vật gì, song vốn là đạo lý ở trong mình ta mà có.

Ấy bấy nhiêu lời tỏ ra đạo vốn đã có từ tạo thiên lập địa đến nay, chẳng phải là đạo mới đâu. Mà sao Nhu sĩ nói rằng: các nước bên phương đông này cứ một đạo Khổng Tử truyền; nói làm vậy chẳng nghịch sách sao? Có lời Tăng tử rằng: *Phu tử chi đạo trung thứ nhi dĩ hĩ*, nghĩa là đạo Khổng Tử dạy trung thứ, hai điều ấy mà thôi: (*trung* là hết lòng, *thứ* là muốn cho mình thể nào thì muốn cho người thể ấy) cùng dạy *tu thân, tề gia, trị quốc* ở đời này, là dạy sửa mình, an nhà, trị nước; mà chẳng dạy ai cho biết đấng nào là chơn Chúa đã dựng nên trời đất, thần người, muôn vật, mà thờ phụng cho đặng sống thật vô cùng đời sau, thì đạo Khổng Tử chỉ là nhơn đạo mà thôi. – Mà đạo Thiên Chúa dạy người ta cho biết Đấng cội rễ, mà thờ phụng cho đặng sống thật vô cùng đời sau; ấy là thánh đạo siêu tánh chi giáo, nghĩa là đạo thánh cùng là đạo cao quá tánh tự nhiên, mà chẳng trọng, chẳng tỏ tường hơn đạo Khổng Tử sao? Nhơn sao Nhu sĩ rằng: Đạo

NHO SĨ HỎI RẰNG:

Bên đạo Tây sĩ có thờ thần nào hay là thánh nào chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì thuở xưa khi Thiên Chúa tạo thành thiên địa có dựng nên vô số thiên thần, phân làm cửu phẩm để mà châu chực Thiên Chúa, cùng ban cho một Thiên thần tên là Lu-xi-phe làm đầu cai chín phẩm ấy. Bấy giờ Lu-xi-phe thấy mình được sang trọng dường ấy liền sinh lòng kiêu ngạo muốn lên bằng Thiên Chúa, cùng muốn cho các Thiên thần khác tôn kính mình làm Chúa nữa. Khi ấy một phần thiên thần trở mình theo Lu-xi-phe, tức thì Thiên Chúa phạt tướng ngục ấy cùng chúng thần theo nó, đuổi khỏi thiên đàng, phạt sa địa ngục, cất chức thiên thần, biến vi ma quỷ. Từ ấy thần lành thần dữ phân ra khỏi. Mà trong cửu phẩm thiên thần ấy phần thì giữ việc châu chực Thiên Chúa, phần thì cầm nhật nguyệt tinh thần soi cho thiên hạ, phần thì cai việc *hành phong hành vũ*, giữ việc *xuân hạ thu đông hộ quốc trị dân*, cùng giữ hết người thế. Mà khi nói kính thờ thiên thần, nghĩa là có ý cậy các đấng ấy cầu khẩn cùng Thiên Chúa phù hộ cho ta được mọi sự lành phần hồn phần xác mà thôi; chẳng có ý thờ các đấng ấy bằng Thiên Chúa đâu. Bằng sự các thánh, thì cũng là *nhân loại dã*, nhưng mà

Thiên Chúa cũng chẳng quá khỏi đạo Khổng Tử; nói thế ấy có thật chẳng?

NHU SĨ RẰNG:

Bên đạo tây sĩ có thờ thần nào hay là thánh nào chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì thuở xưa, khi Thiên Chúa dựng nên trời đất, có dựng nên vô số thiên thần thiêng liêng vô hình, phân làm chín phẩm để mà châu chực Thiên Chúa, cùng cho một thiên thần tên là Luxiphe, làm đầu cai chín phẩm ấy. Bấy giờ Luxiphe thấy mình được sang trọng dường ấy, liền sinh lòng kiêu ngạo, muốn lên bằng Thiên Chúa, cùng muốn cho các thiên thần tôn kính mình làm Chúa nữa. Khi ấy một phần thiên thần trở lòng theo Luxiphe, tức thì Thiên Chúa phạt thần ngục ấy cùng những thần theo nó, đuổi khỏi thiên đàng, phạt sa địa ngục, cất chức thiên thần, biến làm quỷ thần. Từ ấy thần lành thần dữ phân ra khỏi nhau.

Mà trong chín phẩm thiên thần ấy, phần thì giữ việc châu chực Thiên Chúa, phần thì cầm mặt trời mặt trăng và các ngôi sao soi sáng cho thiên hạ, phần thì cai việc mưa gió, giữ xuân hè thu đông, giúp nước giữ dân cùng giữ hết mọi người thiên hạ. Mà khi nói kính thờ thiên thần, nghĩa là có ý cậy các đấng ấy cầu cùng Thiên Chúa phù hộ cho ta được mọi sự lành phần hồn phần xác mà thôi; chẳng có ý thờ phượng tế lễ các đấng ấy bằng Thiên Chúa đâu.

thuở bình sinh đã ra sức thờ phượng Thiên Chúa, *nghiêm tuân giới quy, lập công hành thiện, công đức kiêm toàn*; cho nên nhiều lần Thiên Chúa đã cho làm nhiều dấu, tỏ ra công nghiệp người trọng vọng đẹp lòng Thiên Chúa lắm, và khi sinh thì đoạn được lên thiên đàng chịu phúc châu chực Thiên Chúa. Ta gọi các đấng ấy là Thánh thần. Vậy khi nói kính các thánh, nghĩa là có ý cậy các đấng ấy đã được đẹp lòng Thiên Chúa mọi đàng, xin cầu bầu cho ta được giữ đạo cho trọn, ngõ mai sau được làm bạn cùng người trên nước Thiên đàng. Ấy là ý kính thờ thiên thần các thánh thì làm vậy.

NHO SĨ RẰNG:

Sao bên đạo, chẳng những thờ thiên thần, lại những người thế gian đã chết mà gọi là thánh, thì cũng được thờ? Mà bên ta thờ những đấng *linh thần, anh hùng hào kiệt* đã có công danh trọng vọng trong đời, đã có sắc gia ban là *thượng đẳng, trung đẳng tối linh thần*, cùng *đại vương đại thánh* thì bên đạo lại cấm, chẳng cho thờ phượng tế lễ, thì vì lẽ làm sao? Hay là muốn cho một đạo mình nên trọng vọng mà thôi, cho nên ghen chẳng muốn cho đạo khác thờ phượng hơn đạo mình ru.

Bằng sự các thánh, thì cũng là người ta, nhưng mà thuở còn sống đã hết lòng thờ phượng Thiên Chúa, giữ đều răn nghiêm nhặt, làm việc lành phước đức đã trọn công; cho nên đã nghe phen Thiên Chúa đã cho làm nhiều dấu, tỏ ra công nghiệp người trọng vọng đẹp lòng Thiên Chúa lắm, và khi sanh thì đoạn, thì đặng lên thiên đàng hưởng phước châu chực Thiên Chúa. Ta gọi các đấng ấy là *thánh*. Vậy khi nói kính các thánh, nghĩa là có ý cậy các đấng ấy đã đặng đẹp lòng Chúa mọi đàng, xin cầu bầu cho ta đặng giữ đạo cho trọn, ngõ mai sau đặng làm bạn cùng người trên nước thiên đàng. Ấy là ý kính thờ thiên thần các thánh thì làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Sao bên đạo, chẳng những thờ thiên thần, lại những người thế gian đã chết gọi là thánh, thì cũng đặng thờ. Mà bên chúng tôi kính những đấng *linh thần anh hùng hào kiệt* đã có công danh trọng vọng trong đời, đã có sắc gia ban là *thượng đẳng, trung đẳng, tối linh thần*, cùng *đại vương đại thánh*; nghĩa là đã phong cho kẻ ấy làm thần rất linh thánh, có bực như bực nhĩ, cũng làm vua cả thánh cả; thì bên đạo lại cấm, chẳng cho thờ phượng tế lễ, thì làm sao? hay là muốn cho một đạo mình nên sang trọng mà thôi, cho nên ghen, chẳng muốn cho đạo khác thờ phượng hơn đạo mình?

TÂY SĨ RẰNG:

Chẳng phải thế ấy đâu, một là vì sự lễ đã có *tôn ti hữu biệt* mà sự thờ phượng tế lễ là việc rất trọng, thì việc ấy chỉ xứng về một Thiên Chúa, là *Đấng chí tôn chí trọng vô đôi* mà thôi. Còn các thánh khác chẳng được sánh bày với Đấng rất trọng ấy đâu, cho nên chẳng được tế lễ vị nào thay vì Thiên Chúa, kéo phạm tội tiếm lễ như lời ông Khổng Tử rằng: *Giao xã chi lễ dĩ sự Thượng Đế*. – Hai là trong các thần cũng có thần lành thần dữ, có thần đáng kính, có thần chẳng đáng kính: thần lành *vốn thánh mệnh ư Thiên Chủ*, gọi là thiên thần, thì *kính chi khả dã*; thần dữ là kẻ nghịch mạng Thiên Chúa, gọi là ma quỷ thì bởi, *kính chi bất khả dã*. Còn các tướng anh hùng hào kiệt, người ta thường nói rằng, *hữu thì hiển linh hiển ứng* là có khi lên miệng kẻ còn sống mà xưng mình là tướng nọ thần kia. – Ấy là chúc quý tá lấy hình người những kẻ đã chết, cho người ta xem thấy nhân tiên thì tin mà thờ nó làm Chúa làm thần. Lại có khi đe nể chẳng thờ thì nó làm chết người, chết vật. Có nhiều kẻ bởi sợ chết mà thờ cho nên trong sách Tổng Luận rằng: *Ngược dân sự thần nhi hải nội hư hao*. Lại sách Sử rằng: *Tự Thiếu Hạo thị suy, thiên hạ chi nhân tương cụ dĩ thần, tương hoặc dĩ quái, gia vi vu sử, dân độc vu tự, thiên đạo vị chi tiểu biến hĩ*. Ấy trong sử đã chê làm vậy.

TÂY SĨ RẰNG:

Chẳng phải thế ấy đâu, một là vì sự đã có *tôn ti đẳng cấp*, là cao thấp các bậc, mà sự thờ phượng tế lễ là việc rất trọng, thì việc ấy chỉ xứng về một Thiên Chúa, là *Đấng chí tôn vô đôi* mà thôi. Còn các thánh khác chẳng đáng sánh bày với Đấng rất trọng ấy đâu, cho nên chẳng được tế lễ vị nào thay vì Thiên Chúa, kéo phạm tội tiếm lễ. Như lời ông Khổng Tử rằng: *Giao xã chi lễ sở dĩ sự Thượng Đế*, nghĩa là, lễ giao lễ xã thì để thờ một đấng Thượng Đế. – Hai là vì trong các thần cũng có thần lành thần dữ, có thần đáng kính, có thần chẳng đáng kính: thần lành *vốn vưng lịnh Thiên Chúa*, gọi là thiên thần, thì đáng kính; thần dữ, là kẻ nghịch mạng Thiên Chúa, gọi là quỷ thần, thì chẳng nên kính đâu. – Còn các tướng anh hùng hào kiệt, người ta thường nói rằng: *khi thì hiển hiện ra bề ngoài, hoặc dùng miệng kẻ còn sống mà xưng mình là tướng nọ thần kia*. – Ấy là chúc ma quỷ mượn lấy tên kẻ đã chết, cho người ta tin mà thờ làm thánh làm thần. Lại thờ làm vậy, có ý sợ hãi mà thờ; vì chẳng thờ, thì e sẽ phải chết người chết vật mà chớ. Nên sách Sử rằng: *Tự Thiếu Hạo thị suy, thiên hạ chi nhân tương cụ dĩ thần, tương hoặc dĩ quái, gia vi vu sử, dân độc vu tự, thiên đạo vị chi tiểu biến hĩ*; nghĩa là, từ khi vua Thiếu Hạo suy, người thiên hạ lấy việc quỷ thần mà nhát nhau, lấy việc yêu quái mà phỉnh nhau, mỗi nhà đều làm sách bóng

Lại thử xem sự đời này, hễ ai ai mà được làm quan nên sang trọng, trước thì phải làm tôi Đức vua cho hết ngay và có công nghiệp, lại phải có sắc lệnh và ấn tín Đức vua ban cho thì mới được làm quan. Nếu thiếu bấy nhiêu sự mà còn dám xưng mình là quan, ấy là mạo xưng. Nếu lại cả gan giục dân làm ngụy cùng vua, ấy là tướng ngụy tướng giặc mà chó. Phương chi kẻ xưng mình là thần là thánh Đức vua cả trên trời, mà chẳng những là biết Thiên Chúa mà chẳng chịu làm tôi, lại nghịch mạng cùng Thiên Chúa, những xúi giục người ta bỏ Thiên Chúa mà chỉ tôn thờ mình. Những kẻ thể ấy có phải là thần thật ru? Ấy thật là yêu tinh lệ quỷ mà chó. Lại rằng: Đã có sắc ban là *thượng đẳng tối linh, thiên cổ anh linh*. Vậy những sắc ấy có phải là sắc cùng ấn tín Thiên Chúa ban cho những vị ấy được làm thần thánh ở trên trời chẳng? Thật chẳng phải, ấy là những sắc vua chúa ở đời này phong cho mà chó. Vậy đấng vua chúa có quyền cai trị muôn dân, thì cũng có quyền cai trị hết các đấng thần ấy thay thay. Vì bấy nhiêu vị là tướng mạnh, trung thần nhà vua mà Người có thưởng mà ban cho ai sắc thì mới gọi là thần. Vậy các thần ấy, trước là ơn Đức vua vì đã thưởng mà rộng phong cho, sau là cũng nhờ dân

chàng, cho nên dân sự đều loạn trong việc tế tự, đạo trời dời đổi vì có ấy. Ấy trong sử đã chê làm vậy.

Lại thử xem đời này, hễ ai ai đăng làm quan nên sang trọng, trước thì làm tôi đức vua cho hết lòng ngay, và có công nghiệp; lại phải có sắc lệnh và ấn tín đức vua ban cho, thì mới đăng làm quan. Nếu thiếu bấy nhiêu sự, còn dám xưng mình là quan, ấy là mạo xưng. Nếu lại cả gan giục dân làm ngụy cùng vua, ấy là tướng ngụy tướng giặc mà chó. Phương chi kẻ xưng mình là thần là thánh đức vua cả trên trời, mà chẳng những là chẳng làm tôi Thiên Chúa, lại nghịch mạng cùng Thiên Chúa, những xúi giục người ta bỏ thiên Chúa, mà chỉ tôn kính thờ mình; những kẻ thể ấy có phải là thần thật sao? Ấy thật là yêu tinh ma quỷ mà chó. – Lại rằng: đã có sắc ban cho là *Thượng đẳng tối linh, thiên cổ tối linh*, là rất linh trên hết, rất linh ngàn đời. Vậy những sắc ấy, có phải sắc cùng ấn tín Thiên Chúa ban cho những vị ấy đăng làm thần thánh ở trên trời chẳng? Thật chẳng phải, ấy là những sắc vua chúa ở đời này phong cho mà chó. Vậy đấng vua chúa có quờn cai trị muôn dân, thì cũng có quờn cai trị hết các thần hay sao? Vốn các đấng ấy, thuở bình sinh, đã chẳng nhìn Thiên Chúa, chẳng thờ phượng tôn phục Thiên Chúa, thì đã ra ngụy nghịch cùng Thiên Chúa; khi chết đoạn ắt Thiên Chúa chẳng nhìn lấy các đấng ấy, hưởng lựa là ban sắc

vì đã chạy sắc bách thần cho thì mới được mà thôi. Bằng sự Thiên Chúa thì các tướng ấy thuở bình sinh chẳng biết Người là đấng nào, cùng chẳng chịu thờ phượng thì rày Thiên Chúa sao có nhận lấy các tướng ấy làm triều thần, sao có ban sắc cho làm thần thánh. Nếu vậy kẻ thờ phượng Thiên Chúa sao dám gọi các tướng ấy là thánh thần mà thờ phượng làm sao được? Lại có nơi thờ thần hùm, thần khỉ, thần lợn, thần chó, thần ăn trộm, thần ăn mày, mà bấy nhiêu giống ấy cũng được lên trời làm thần hết ru? Ấy những người những vật hèn hạ làm vậy có xứng đáng cho người ta tế lễ ru? Nhân sao Nho sĩ muốn lấy những thần ấy, những giống ấy mà sánh bầy với Thiên Chúa, với đấng thánh nhân là kẻ thờ phụng, làm tội Thiên Chúa làm sao được?

NHO SĨ RẰNG:

Tây sĩ chế nhạo thần kẻ trộm, thần ăn mày, chẳng đáng thờ lạy; sao bên đạo thờ lạy Giê-su phải luận tội đóng đinh mà chết cách hèn hạ, chẳng xấu hổ hơn, chẳng đáng chê hơn ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Sự chịu chết cách hèn hạ làm vậy, cũng có khi ra hèn mà đáng chê, lại có khi càng xem ra thật trọng vọng đáng khen. Vậy phải xem kẻ chịu chết là ai, và nhân vì ý nào mà phải chịu chết làm vậy, thì mới nói được. Thí dụ: đứa trộm cướp kia phải

cho làm thần làm thánh sao? Dầu các vua thế gian có phong cho các đấng ấy làm thần làm thánh mặc lòng, cũng chẳng cướp đăng phép công thẳng Thiên Chúa. Nếu vậy, kẻ thờ phượng Thiên Chúa, gọi các đấng ấy là thánh thần mà thờ phượng làm sao đăng? – Lại có nơi thờ thần hùm, thần khỉ, thần rắn, thần chó, thần kẻ trộm, thần ăn mày, bấy nhiêu giống ấy cũng đăng lên trời làm thần hết sao? Ấy những người những vật làm vậy, có xứng đáng cho ta tế lễ sao? Nhon sao Nhu sĩ muốn lấy những thần ấy mà sánh với Thiên Chúa, với đấng thánh nhân, là kẻ thờ phượng làm tội Thiên Chúa trọn đời, làm sao đăng?

NHU SĨ RẰNG:

Tây sĩ chê nhạo thần kẻ trộm, thần ăn mày, chẳng đáng thờ lạy; sao bên đạo thờ lạy Giê-giu phải luận tội đóng đinh mà chết? Chẳng hèn hạ, chẳng xấu hổ hơn, chẳng đáng chê hơn sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Sự chịu chết cách hèn hạ làm vậy, cũng có khi ra hèn đáng chê, lại có khi càng ra trọng vọng đáng khen: Vậy phải xem kẻ chịu chết ấy là ai, và nhon vì ý nào mà chịu chết làm vậy, thì mới nói được. Ví dụ: đứa trộm cướp kia, phải chết chém bêu đầu lên, thì xấu hổ

chém chết bêu đầu lên, thì xấu hổ mà đáng chê thật, vì tội lỗi nó đã đáng phải làm vậy; nhược bằng quan tướng trung thần kia, hoặc vì *cần vương sự*, vì *hộ quốc bảo thành* mà quân giặc chém chết bêu đầu lên, thì sự xấu hổ ấy có đáng chê ru? Thật là nên trọng vọng đáng kính thờ mà chớ. Cũng một lẽ ấy, Đức Chúa Giê-su phải đóng đinh chịu chết khốn nạn làm vậy, có ý chuộc tội cho cả và thiên hạ thì có đáng chế nhạo ru? Thật thì ông chưa hiểu lẽ ấy, thì mới nói làm vậy mà chớ.

THẦY HÒA THƯỢNG NÓI
RẰNG:

Chưa biết chuộc tội cho thiên hạ hay là chuộc tội cho mình chẳng, vì thuở xưa Đức Phật Thích Ca và Đức Chúa Giê-su là hai anh em, Đức vua cả Ngọc Hoàng trên trời sinh ra; mà Đức Phật Thích Già có nhân hậu từ bi, đẹp lòng vua cha lắm, nên được làm tiên, làm Phật, được ngồi tòa sen; bằng Đức Chúa Giê-su là em chẳng được thế ấy, bởi có tính hung nghiệt lắm, cho nên đức vua cha phạt bắt đầy xuống hạ giới, phải luận tội đóng đinh câu rút mà chết, ấy sự tích Người là thế. Mà sao Tây sĩ xưng rằng: Đức Chúa Giê-su chuộc tội cho thiên hạ, thì đã thật lắm ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy Hòa thượng nói dễ nghe lắm chúc! Vì bên nhà Phật xưng rằng: Ngọc Hoàng là con vua Quang

đáng chê thật, vì tội lỗi nó đã đáng phải làm vậy; nhược bằng quan tướng trung thần kia, hoặc vì lo việc vua, giúp nước giữ thành, mà quân giặc chém chết bêu đầu lên, thì sự xấu hổ có đáng chê sao? Thật là nên trọng vọng đáng kính thờ mà chớ. Cũng một lẽ ấy, Đức Chúa Giê giu chịu đóng đinh chịu chết khốn nạn làm vậy, có ý chuộc tội cho cả và thiên hạ, thì có đáng chê nhạo sao? Thật thì ông chưa hiểu tỏ lẽ ấy, thì nói làm vậy mà chớ.

THẦY HÒA THƯỢNG RẰNG:

Chưa biết chuộc tội cho thiên hạ hay là chuộc tội cho mình; vì thuở xưa, đức Phật Thích ca và đức Chúa Giê giu là hai anh em, đức vua cả Ngọc Hoàng trên trời sinh ra; mà đức Phật Thích ca có nhơn hậu từ bi đẹp lòng vua cha lắm, nên được làm tiên làm Phật đáng ngồi tòa sen; bằng Đức Chúa Giê giu là em chẳng được thế ấy, bởi có tính hung dữ độc địa, cho nên vua cha phạt đầy xuống hạ giới, phải luận tội đóng đinh thập tự mà chết, ấy là sự tích người làm vậy. Mà sao Tây sĩ xưng rằng: Đức Chúa Giê giu chuộc tội cho thiên hạ, thì đã thật lắm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy Hòa thượng nói dễ lắm chúc! vì bên nhà Phật xưng rằng: Ngọc Hoàng là con vua Quang

Nghiêm ở đất Diệu Lạc, mẹ là Bảo Nguyệt Quang, sinh ra Ngọc Hoàng, tháng giêng, ngày mồng chín, giờ ngọ. Ấy là sự tích Ngọc Hoàng đã chép làm vậy, mà sao thầy rằng: là hai anh em con Đức vua cả trên trời? Chớ thì trên trời thiếu vua trị mà lại phải chọn lấy Ngọc Hoàng là người thế gian, đem lên làm vua cả trên trời, thì là năm nào, sách nào dẫn để tích làm cứ? Bằng sự Thích Ca là con vua Tịnh Phạn Vương ở nước Thiên Trúc, mẹ là Ma Da Phi sinh ra Thích Ca là ngày mồng tám tháng tư, đời nhà Chu, vua Chiêu Vương. Ấy sách Nho đã chép rành rành làm vậy, mà sao thầy còn quyết rằng: Ngọc Hoàng là cha sinh ra Thích Ca nào nữa? Nói làm vậy chẳng nghịch với sách ru? Chớ thì có mấy Phật Thích Ca, hay là Ngọc Hoàng có chung vợ với Tịnh Phạn Vương bao giờ mà sinh con ru? Ấy điều này còn nói thế ấy, phương chi điều khác.

NHO SĨ RẰNG:

Chớ thì Đức Chúa Giê-su sinh ra ở nước nào, mà có làm được công ơn gì, thì ắt là cho một ít kẻ ở đất ấy được nhờ mà thôi; nào can chi đến cả phương Đông này, đã cách bờ cõi, đã

Nghiêm ở đất Diệu Lạc, mẹ là Bửu Nguyệt Quang, sanh ra Ngọc Hoàng, tháng giêng, ngày mồng chín, giờ ngọ. Ấy là sự tích Ngọc Hoàng đã chép làm vậy, mà sao thầy rằng: là hai con đức vua trên trời? Chớ thì trên trời thiếu vua trị, mà lại phải chọn lấy Ngọc Hoàng, là người thế gian, đem lên làm vua cả trên trời, thì năm nào, sách nào chép tích ấy? Còn Thích ca là con vua Tịnh Phạn Vương ở nước Thiên Trúc, mẹ là Ma Gia Phi, sinh ra Thích Ca là ngày mồng tám tháng tư, đời nhà Châu, vua Chiêu vương. Ấy sách Nhu đã chép rõ ràng làm vậy, mà sao thầy còn quyết rằng: Ngọc Hoàng là cha sanh ra Thích Ca nào nữa? Nói làm vậy chẳng nghịch với sách sao? Chớ thì có mấy Phật Thích ca, hay là Ngọc Hoàng có chung vợ với Tịnh Phạn Vương mà sinh ra con sao? Ấy điều này còn nói thế ấy, huống chi còn nói điều khác. Có lời trong sách Sử rằng: *Phụng Phật chi cần, xá thí chi đa, vô dĩ du ư Lương Võ; nhiên tắc ngạ tử ư Đại thành, nhi Phật bất chi cứu*; nghĩa là, thờ Phật hết lòng, cúng thí rất nhiều, không ai hơn vua Lương Võ để; nhưng mà vua ấy chết đói đất Đại thành, mà Phật cũng chẳng cứu. Ấy là việc tỏ tường, ai ai cũng biết.

NHU SĨ RẰNG:

Chớ thì Giê giu sinh ra ở nước nào, mà có làm được công ơn gì, thì ắt là cho một ít kẻ ở nước ấy được nhờ mà thôi; nào can chi đến cả phương đông này, đã cách bờ cõi, lại khác thế giới.

khác thế giới. Và lại bên này, nào có ai biết Đức Chúa Giê-su là ai, nào ai có khiến, mà sao rằng: chịu chết cho cả vạn dân được khỏi tội, thì thế chẳng ra điều hoang đường lắm ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Dầu mà Đức Chúa Giê-su khi mới giáng sinh thì ở trong nước Giu-diêu, song le Ngài đã có ý làm ơn cả thế, là chuộc tội cho muôn nước, muôn đời nữa. Thí dụ như mặt trời tuy là vốn mọc ở bên đông, song chẳng những là soi cho một bên đông mà thôi, lại cũng soi sáng cho cả bên tây, bên nam, bên bắc nữa, thì ơn chuộc tội này cũng như làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Đã vậy, các đấng tiên hiền từ Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn Võ, Chu Công, Khổng Tử, kể là liệt vị đại thánh, đại hiền, thì Đức Chúa Giê-su có chuộc tội cho những đấng thánh hiền ấy nữa ru.

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì bởi thuở xưa ông A-dong là tổ tông ta, cả lòng nghịch mệnh Thiên Chúa mà ăn quả cấm, cho nên ông A-dong cùng hết con cái cháu chắt bởi ông ấy mà sinh ra, cũng gọi là dòng dõi kẻ nghịch, kẻ nguy; bởi đấy hể ai ai thoát sinh ra đều mắc lấy tội, gọi là tội tổ tông truyền, chẳng ai khỏi sót. *Cổ ngôn vân: Hà nhân vô tội. Phu tử viết: Hoạch tội ư thiên vô sở đảo dã. Diệc viết: Tất đãi tự thiên hựu chi, nhiên hậu hoạch miễn.* Vì vậy ai ai

Vả lại bên này, nào có ai biết Giê-giua là ai, nào có ai khiến, mà sao rằng: chịu chết cho muôn dân được khỏi tội, thì thế chẳng ra điều hoang đường lắm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Dầu mà Đức Chúa Giê-giua khi mới giáng sinh, ở trong nước Giu-đêu, song người đã có ý làm ơn cả thế, là chuộc tội cho muôn nước muôn đời nữa. Như mặt trời vốn mọc ở phương đông, song chẳng những là soi cho một phương đông, mà lại cũng soi sáng cả bên tây, bên nam, bên bắc nữa, thì ơn chuộc tội này cũng như làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Đã vậy, các đấng từ Phục Hy, Thần Nông, Huỳnh Đế, Nghiêu, Thuấn, Võ Thang, Văn Võ, Châu Công, Khổng Tử, kể là liệt vị đại thánh, đại hiền, là các vị thánh hiền cả, thì Giê-giua có chuộc tội cho những đấng ấy chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì bởi thuở xưa ông Adong, là tổ tông loài người, cả lòng nghịch mạng Thiên Chúa mà ăn trái cấm, cho nên ông Adong cùng hết thầy con cái cháu chắt bởi ông ấy sinh ra, cũng gọi là dòng dõi kẻ nghịch, kẻ nguy; bởi đó hể ai ai thoát sinh ra đều mắc lấy tội, gọi là tội tổ tông truyền, chẳng khỏi sót. Như lời Kinh Diệc rằng: *Tất tự thiên hựu chi, nhiên hậu hoạch miễn*, nghĩa là phải đợi trên trời tha cho mới khỏi. Vì vậy ai ai cũng phải nhờ ơn Chúa Cứu

cũng phải nhờ ơn Chúa Cứu Thế chuộc tội cho, thì mới được rồi mà chớ.

NHO SĨ RẰNG:

Nếu Đức Chúa Giê-su là Chúa thật thiên hạ, là Chúa trời đất, mà chẳng có phép tha tội cho kẻ phạm đến Ngài được ru? Sao Ngài lại phải chịu nạn chịu chết thì mới đền được tội ru? Chớ thì phép tắc vô cùng ở đâu? phép tắc những gì?

TÂY SĨ RẰNG:

Thật Ngài là Chúa cả trời đất, người ta cùng muôn vật, phép tắc vô cùng, muốn sao thì nên vậy, muốn tha tội cho kẻ phạm đến Ngài, thì cũng dễ nữa. Song vốn tính Đức Chúa Trời rất công rất chính, khi thấy tội ai liền phạt cho công bằng, thì mới hợp đức công bình vô cùng hay thưởng phạt vô cùng. Và lại nếu cứ phép công bình một phạt cho bằng mà chẳng cứu lấy, chẳng chuộc thay cho, thì lại chẳng hiền đức nhân từ vô cùng, hay thương hơn hay phạt. Vì vậy Ngài đã phải chịu nạn chịu chết để mà đền thay cho loài người ta, thì mới vẹn đức lòng lành vô cùng, hay thưởng vô cùng, chẳng bỏ loại kẻ có tội chết hư mất đời đời.

NHO SĨ RẰNG:

Vốn tính tự nhiên ai ai thì cũng yêu mình làm trước, chớ hề có bao giờ thấy ai yêu kẻ khác hơn mình sớt. Và lại Đức Chúa Giê-su có thương kẻ có tội mà tha cho nó không, chẳng

thế chuộc tội cho, mới đáng rồi mà chớ.

NHU SĨ RẰNG:

Nếu Giê giu là Chúa thật thiên hạ, là Chúa trời đất, mà chẳng có phép tha tội cho kẻ phạm đến người đáng sao? Sao người lại phải chịu nạn chịu chết, thì mới đền đáng tội? Chớ thì phép tắc vô cùng ở đâu, phép tắc vô cùng những gì?

TÂY SĨ RẰNG:

Thật Người là Chúa cả trời đất, người ta cùng muôn vật, phép tắc vô cùng, muốn sao thì nên vậy, muốn tha tội cho kẻ phạm đến Người, thì cũng đáng. Song bản tính Đức Chúa Trời rất công rất chính, thấy tội ai liền phạt cho công bằng, thì mới hiệp đức công bình vô cùng, hay thưởng phạt vô cùng. Và lại nếu cứ phép công bình phạt cho bằng, mà chẳng cứu lấy, chẳng chuộc tội cho, thì lại chẳng tỏ đức nhân từ vô cùng, hay thương hơn hay phạt. Vì vậy Người đã muốn chịu nạn chịu chết để mà đền tội cho cả và loài người ta, thì mới vẹn đức lòng lành vô cùng, hay thương vô cùng, chẳng bỏ kẻ có tội chết hư mất đời đời.

NHU SĨ RẰNG:

Vốn tính tự nhiên ai ai cũng yêu mình trước, chớ hề thấy ai yêu kẻ khác hơn mình bao giờ. Và lại nếu Đức Chúa Giê giu có thương kẻ có tội mà tha cho nó, thì kể là may phước cho nó

phạt, thì kẻ là đã rất may phúc cho nó lắm. Lẽ đâu mà Ngài lại chịu nạn chịu chết thay cho kẻ có tội, thì điều ấy chẳng khó nghe, khó tin lắm ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Điều ấy khó nghe, khó tin cũng phải, vì là sự rất hiếm rất lạ trong đời; song thử xem những tích trong sách thể nào. Kìa như vua Nghiêu, thấy dân có tội tắc viết: *Ngã hãm chi dã*. Vua Vũ kiến tội nhân bất thuận đạo, tắc hạ xa vấn nhi khắp chi. Vua Thành Thang thấy thiên hạ phải đại hạn thất niên, thì vua liền ăn chay gọt đầu, lấy mình làm muông sinh mà kỳ đảo tế lễ ở nội Tang lâm. Vua Thái Tông thấy sâu ăn hết lúa thì rằng: Thà ăn gan ruột trăm thì hơn, đừng ăn lúa kéo khổn dân, liền bắt lấy cái hoàng trùng góm ghiếc ấy mà nuốt đi. – Ấy các vua ấy cũng là đáng *chí tôn chí quý*, cầm quyền thưởng phạt trong nước, khi thấy tội dân mà còn quy về tội mình, ăn năn khóc lóc; khi thấy sự tai ách cực nạn đến trong nước, thì chẳng nỗ để cho dân chịu, bèn hạ mình xuống cam chịu lấy cả kéo khổn dân.

Ấy bấy nhiêu đáng cũng là nhân loại dã, mà còn biết thương dân sự dường ấy, cho đến nỗi liều mình chẳng nề tiếc sự sống mình vì dân làm vậy; phương chi Đức Chúa Giê-su là đáng chí tôn vô đối, chí nhân chí mỹ, đã sinh ra cả và loài người ta

lắm. Lẽ đâu mà Người chịu nạn chịu chết đền cho kẻ có tội, thì điều ấy chẳng khó nghe, khó hiểu lắm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Điều ấy khó nghe, khó hiểu, cũng phải, vì là sự rất hiếm rất lạ trong đời; song thử xem những tích trong sách thể nào. Kìa vua Nghiêu, khi thấy kẻ có tội thì nói rằng: *Ngã hãm chi dã*, là trầm làm cho nó mắc tội. *Võ vương kiến tội nhơn tắc hạ xa vấn nhi khắp*, vua Võ vương thấy người có tội, thì xuống xe hỏi mà khóc. Vua Thành Thang thấy thiên hạ lâm phải đại hạn bảy năm, thì vua liền ăn chay cắt tóc, bó mình làm vật hi sinh là của tế lễ; lại lấy sáu tội trách mình, dung mình tế lễ ở nội Tang Lâm. Vua Thái Tông thấy sâu ăn hết lúa, thì rằng: thà bay ăn gan ruột trăm, chẳng thà ăn hết lúa là của nuôi dân sống; liền bắt lấy con sâu keo góm ghiếc ấy mà nuốt đi. – Ấy các vua cũng là đứng rất cao rất trọng, cầm quờn thưởng phạt trong nước, khi thấy tội dân mà còn nhìn là tội mình, đau đớn sa nước mắt; khi thấy sự tai ách cực nạn đến trong dân, thì chẳng nỗ để cho dân chịu, bèn hạ mình xuống cam chịu lấy cả, kéo khổn dân.

Ấy bấy nhiêu đáng cũng là người ta, mà còn biết thương dân sự dường ấy, cho đến nỗi chẳng tiếc sự sống mình làm vậy; huống chi Đức Chúa Giê-giô là Đấng chí tôn vô đối, chí nhơn chí mỹ, đã sinh ra cả và loài người ta, mà chẳng hay thương xót

mà chẳng hay thương xót thiên hạ bằng các vua đã kể trước ru?

NHU SĨ RẰNG:

Điều này thật là kỳ quái, là Đức Chúa Giê-su mới sinh ra ở đời nhà Hán, vua Ai Đế, là đời hậu thế, mà đã chuộc tội cho đời thượng cổ, trung cổ, cách ba bốn ngàn năm trước làm sao được?

TÂY SĨ RẰNG:

Dù Đức Chúa Giê-su mới sinh ra đời hậu thế, mà muốn chuộc cho những người đời thượng cổ, thì cũng được. Thử xem đời nhà Ân, thiên hạ phải tay vua Trụ rất độc dữ cai trị, thì khốn nạn biết là đường nào: các quan quyền phần thì phải giết chết, phần thì phải giam cầm tù rạc, biết bao giờ khỏi, cho đến đời nhà Chu, may được vua Võ vương khoan nhân đại độ, liền truyền đại xá mở cửa tù ngục ra thì các quan trước đời vua Trụ đã cầm trong ấy mới được ra khỏi, cũng một lẽ ấy, bởi tội cho nên linh hồn người ta bấy nhiêu đời trước, dù thượng cổ, trung cổ, cũng phải tay ma quỷ rất độc dữ cai trị buộc cầm hết thay thay, đến đời sau Đức Chúa Giê-su xuống thế, là như vua Võ vương chuộc tội cho thiên hạ thì cứu linh hồn đời trước ở ngục Lâm-Bô mới được ra khỏi. Ấy sự Đức Chúa Giê-su sinh ra đời hậu thế mà chuộc tội cho đời thượng cổ thì làm vậy.

thiên hạ bằng các vua đã kể trước này sao?

NHU SĨ RẰNG:

Điều này thật là kỳ quái, là Đức Chúa Giê-su mới sinh ra đời nhà Hán, vua Ai Đế, là đời hậu thế, mà đã chuộc tội cho đời thượng cổ cách ba bốn ngàn năm trước làm sao được?

TÂY SĨ RẰNG:

Dù Đức Chúa Giê-su mới sinh ra đời hậu thế, mà muốn chuộc tội cho những người đời thượng cổ, thì cũng được. Hãy xem đời nhà Thương, thiên hạ phải tay vua Trụ rất dữ tợn cai trị, thì khốn nạn biết là đường nào: các quan quyền, phần thì phải chết, phần thì phải giam cầm tù rạc, biết bao giờ khỏi, cho đến đời nhà Châu, may được vua Võ vương khoan nhân đại độ, liền truyền đại xá mở cửa tù ra, thì các quan trước đời vua Trụ cầm trong ấy được ra khỏi. Cũng một lẽ ấy, bởi tội cho nên linh hồn người ta bấy nhiêu đời trước, dù thượng cổ, trung cổ, cũng phải tay ma quỷ rất độc dữ cai trị buộc cầm hết thay, đến đời Đức Chúa Giê-su xuống thế, là như vua Võ vương, phá trừ phép ma quỷ mà cứu thiên hạ khỏi vòng tội lỗi, nào có khó gì?

NHU SĨ RẰNG:

Ví dụ Đức Chúa Giê-su đã chịu nạn chịu chết thì mới có công trọng mới được lấy công chuân quá là xá tội được, song khi chưa chịu nạn chưa có công chi thì nào chuộc tội ai được. Thí dụ như khi có mặt trời thì mới có nóng mới soi sáng được. Nếu khi chưa có mặt trời thì lấy gì mà soi sáng được.

TÂY SĨ RẰNG:

Dù Người chưa chịu nạn chịu chết mặc lòng, nhưng mà đã có công trọng lắm. Thí dụ nhà vua khi toan sai quan tướng nào đi đánh giặc thì trước ban quyền chức, bia vàng thê bạc, gươm vàng ấn báu, tiện nghi hành sự, ban quyền sinh sát. Ấy quan tướng kia chưa vào áng chiến trường cùng chưa được thắng trận mặc lòng, đã được dự ban thưởng công làm vậy. Phương chi Đức Chúa Giê-su là quan tướng rất trọng vô cùng, Đức Chúa Cha đã định cho Người xuống thế cứu lấy thiên hạ mà chẳng được dự ban thưởng công nghiệp vô cùng ru? Mà hễ có công nghiệp vô cùng thì chẳng chuộc được hết mọi người mọi đời thay thầy ru?

NHO SĨ RẰNG:

Còn một điều thái mê hoặc, là bà Ma-ri-a vô nhân đạo nhi sinh tử. Lại rằng: sinh đoạn hãy còn đồng trinh, thì có lẽ nào được ru? Và người thế ấy có đáng khen đáng thờ ru?

NHU SĨ RẰNG:

Còn một điều thái mê hoặc là rất mê muội, là bà Maria vô nhon đạo nhi sanh tử, là chẳng theo thói thường mà sinh con. Lại rằng: sanh đoạn hãy còn đồng trinh, thì lẽ nào đáng sao, và

TÂY SĨ RẰNG:

Vô nhân đạo nhi sinh tử là sự khó hiểu thật; nhưng mà do nhân đạo nhi sinh, nào có dễ hiểu ru? Tuy *thông minh thượng trí giả dục cùng kỳ lý diệt tuyệt bất minh*, nhưng mà bởi vì sự do *nhân đạo nhi sinh* là sự thường kiến thì chẳng ai lấy làm lạ cùng hồ nghi sốt, *khả dĩ tri nan hiểu chi lý, nghi vi vô kỳ sự giả bất đương dã*. Vậy sự sinh con ra do cách nào cũng bởi quyền phép Thiên Chúa đã định làm vậy mới được. Người là Đấng toàn năng *khởi nhân chi tiểu trí khả trắc tại*. Đầu hết, bởi không Người dựng nên trời đất nhân vật, mà chẳng ai chê là sự thái mê hoặc, mà khi bên đạo ta nói rằng: Người lấy máu cực sạch trong lòng bà Ma-ri-a mà dựng nên xác Chúa Cứu Thế và dựng nên một linh hồn rất thánh mà phỏ vào xác ấy. Nho sĩ dám chê là sự thái mê hoặc ru? Thiên Chúa chẳng phải là Đấng phép tắc vô cùng, muốn sao nên vậy ru? Còn sự bà Ma-ri-a sinh đoạn mà hãy còn đồng trinh tự nhiên là sự khó thật, song lẽ việc Thiên Chúa làm, Người có lấy làm khó gì đâu. Như ánh mặt trời thấu qua thủy tinh mà thủy tinh chẳng vỡ, chẳng hại chút nào. Bà Ma-ri-a sinh con cũng như làm vậy. – Hay là cũng như lửa nung vàng tuy là lửa làm cho vàng chảy song không làm cho vàng hư hay là hao tổn phần nào

người thể ấy có đáng khen đáng thờ sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Vô nhơn đạo nhi sanh tử là đều khó hiểu thật; nhưng mà do nhơn đạo nhi sanh, là theo thói thường mà sinh con, nào có dễ hiểu sao? Dầu cho đứng rất thông thái thể nào, biết cho thấu lẽ ấy cũng chẳng đặng. Mà bởi vì sự theo thói thường mà sinh con là việc thường thấy, dầu người ta chẳng hiểu, song chẳng lấy làm lạ gì; còn chẳng theo thói thường mà sinh con, người ta cũng chẳng hiểu, mà bởi việc không thường thấy, thì lấy làm lạ; vậy sự do nhơn đạo nhi sanh, hay là sự bất do nhơn đạo nhi sanh, cả hai đều ấy chẳng ai hiểu đặng, dầu cha mẹ sinh con cũng chẳng hiểu đặng, Vậy sự sinh con dầu cách nào mặc lòng cũng bởi phép Chúa đã phán định làm vậy, mới gọi Người là Đấng khôn ngoan vô cùng, phép tắc vô cùng; có lẽ nào trí mọn người ta thấu hiểu đặng đâu? Đầu hết, bởi không Người dựng nên trời đất nhân vật, mà chẳng ai chê là sự thái mê hoặc; song đạo ta nói rằng: Người dùng máu cực sạch trong lòng bà Maria mà dựng nên Chúa Cứu Thế, Nho sĩ dám chê là sự thái mê hoặc sao? Thiên Chúa chẳng phải là Đấng phép tắc vô cùng, muốn sao nên vậy sao? – Còn sự bà Maria sinh đoạn mà hãy còn đồng trinh, là việc Thiên Chúa làm, Người có lấy làm khó gì đâu? Như yếng sáng mặt trời thấu qua bình thủy tinh, mà bình thủy tinh

sốt mà lại làm cho vàng càng ra sạch và sáng hơn. Vàng là đồng trinh, lửa là sự sinh đẻ bởi phép Thiên Chúa. Còn sự Nho sĩ trách rằng: Người thế ấy có đáng khen, đáng thờ ru? Thì ta thử xem ở đời này, người nào được làm mẹ đấng vua chúa, thì thiên hạ còn phải kính trọng, còn tôn là Đức Hoàng Thái hậu, Đức Thánh Từ, Đức Thánh Mẫu, người thăng hà đoạn, các quan còn phải lâm khốc, thiên hạ còn phải tang phục. Ấy mẹ đấng làm vua trong một nước mà còn kính trọng làm vậy. *Phương chi Cứu Thế chi Thánh Mẫu, kỳ tâm thuần túy vô tì, kỳ đức hoàn mãn vô khuyết, thượng ứng Thiên Chủ chi sùng tích, hạ vi chúng nhân chi từ thị, mà chẳng đáng kính trọng, chẳng đáng thờ lạy hơn mẹ vua chúa thế gian này, thì làm sao?*

NHU SĨ RẰNG:

Bên đạo có dạy phải thờ đấng vua chúa chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì trong đạo gọi đấng làm vua là *vi nhất quốc chi đại phụ, thị quốc nhân như xích tử*, vì vậy dạy các người trong nước phải lấy năm sự này mà kính thờ vua chúa, là *nhất tắc tôn kính vi nhất quốc chi thượng; nhị tắc*

chẳng bề, chẳng hại chút nào, bà Maria sinh con cũng như làm vậy. – Hay là như lửa nung vàng, không làm cho vàng hư hay là hao tổn phần nào sốt, mà lại làm cho vàng càng ra sạch và sáng hơn. Vàng là đồng trinh, lửa là sự sinh đẻ bởi phép Chúa. – Còn sự Nhu sĩ trách rằng: người thế ấy có đáng khen, đáng kính thờ sao, thì hãy xem ở đời này, người nào được làm mẹ đứng vua chúa, thiên hạ còn phải kính chuộng, còn tôn là đức hoàng thái hậu, đức thánh từ, đức thánh mẫu; người thăng hà là chết đoạn, các quan và dân sự còn phải tang phục. Huống chi *Cứu Thế chi Thánh Mẫu, kỳ tâm thuần túy vô tì, kỳ đức toàn mãn vô khuyết, thượng ứng Thiên Chúa chi sùng tích, hạ vi chúng nhân chi từ thị*, nghĩa là Mẹ Chúa Cứu Thế là Đấng rất thánh, lòng người rất trong sạch chẳng đúng bọn nho, Người gồm no các nhơn đức, trên thì đặng Thiên Chúa ban ơn cho, dưới thì làm cho mọi người đặng cậy nhờ, mà chẳng đáng kính chuộng, đáng thờ lạy hơn mẹ vua chúa thế gian này, thì làm sao?

NHU SĨ RẰNG:

Bên đạo có dạy thờ phượng đấng làm vua chúa chẳng?

TÂY SĨ RẰNG:

Có, vì trong đạo gọi đấng làm vua là *vi nhất quốc chi đại phụ, thị quốc nhân như xích tử*, nghĩa là một đấng cha cả trong nước, coi sóc mọi người trong nước như con. Vì vậy dạy các người trong nước phải lấy năm sự này mà kính thờ

thụ mệnh, tuy lao khổ bất từ; tam tắc phục tòng cung cấp; tứ tắc hữu sự tương trợ; ngũ tắc tận trung ân báo, bất khả manh tâm tiếm bạn. Ấy là năm sự về thờ phụng đấng vua chúa thì làm vậy.

NHO SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Trong đạo có dạy thờ cha mẹ là thể nào nữa chăng?

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo thánh có điều răn thứ bốn dạy con cái phải thảo kính cha mẹ là điều răn đầu hết về loài người ta, thì buộc kẻ làm con phải làm bảy sự này để mà phụng dưỡng cha mẹ là, *nhất tắc kính úy; nhị tắc tòng mệnh; tam tắc phụng dưỡng; tứ tắc khuất nhân; ngũ tắc tử hậu dĩ lễ táng chi, lục tắc xá thí bần nhân, vị phụ mẫu linh hồn, khẩn kỳ ư Thiên Chủ; thất tắc cảm tư chung thì, thủ khán phần mộ, thường hành kỵ lạp, truy tư báo bản.* Ấy là bảy điều dạy con cái, phải kính trong lòng và lời nói, cùng việc làm phải *thân hôn định tĩnh, phụng dưỡng ư tại đường chi thời,* bằng khi người đã qua đời lại phải trả ơn về phần linh hồn, là chiều hôm sớm mai phải đọc kinh lần hạt, cầu nguyện, bố thí cho kẻ bần tiện và làm các việc lành khác có

vua chúa là: *Nhứt tắc tôn kính vi nhứt quốc chi thượng, nghĩa là trước phải tôn kính người làm bề trên cả trong nước; nhị tắc thọ mạng, tuy lao khổ bất từ, hai là phải vâng lệnh người dạy, dầu khó nhọc cũng chẳng từ; tam tắc phụ tòng cung cấp, ba là vâng phục chịu xâu thuế; tứ tắc hữu sự tương trợ, bốn là khi có việc thì sẵn lòng giúp đỡ; ngũ tắc tận trung báo ân, năm là hết lòng trả ơn, chớ khá mong lòng ngụy nghịch. Ấy là năm sự về thờ phượng đấng vua chúa thì làm vậy.*

NHU SĨ LẠI HỎI RẰNG:

Trong đạo có dạy thờ cha mẹ là thể nào nữa chăng?

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo thánh có điều răn con cái phải thảo kính cha mẹ, thì buộc kẻ làm con phải làm bảy sự này mà phụng dưỡng cha mẹ: *Nhứt tắc kính úy, một là kính sợ; nhị tắc tòng mệnh, hai là vâng lời; tam tắc phụng dưỡng, ba là dưỡng nuôi; tứ tắc khuất nhân, bốn là nín nhịn; ngũ tắc tử hậu dĩ lễ táng chi, năm là khi chết phải chôn theo phép Hội Thánh; lục tắc xá thí bần nhân vị phụ mẫu linh hồn khẩn kỳ Thiên Chúa, sáu là bố thí cho kẻ khó khăn mà cầu cùng Chúa cho linh hồn cha mẹ; thất tắc cảm tư chung thì, thường vị phụ mẫu hiên kinh khất lễ, bảy là trọn đời cảm nhớ, hằng phải cầu hồn xin lễ cho cha mẹ. Ấy là bảy điều dạy con cái, phải sớm viếng tối thăm, mà phụng dưỡng cha mẹ, khi còn sống và khi đã qua đời. Ấy là phép đạo dạy thờ tam*

ý cầu khẩn cho linh hồn người, thì mới lộn sự báo hiếu. Ấy là phép trong đạo dạy thờ *tam phụ*; *thượng phụ* là Thiên Chúa, *trung phụ* là quốc vương, *hạ phụ* là cha mẹ, thì làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Điều báo hiếu là điều nói cho hay vậy, vì khi cha mẹ chết, thì đem đi chôn sấp chôn ngựa mà thôi; nào có thấy tế lễ gì đâu mà rằng thờ phụng? Nào có thấy mũ gậy gì đâu cho ra tang chế như thói nhà nước, mà rằng: báo hiếu.

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo dạy thờ *tam phụ*, song có sai đẳng chẳng bằng nhau: mà việc tế lễ là cách thờ phụng trọng thể nhất, thì có một Đấng thượng phụ đáng việc trọng thể ấy mà thôi. Vậy con cái chẳng dám lấy cha mẹ là bậc hạ phụ làm bằng thượng phụ đâu, cho nên chẳng dám tế lễ. Và lại hễ khi hành lễ thì có mời *tư văn bản hội*, *sinh đồ hương cống*, *quan viên chức sắc*, xiêm mũ, ủng miệt, đến làm lễ có tiến soạn, *phần hương*, *độc chúc*, *chước tửu*, *điểm trà* là những việc trọng thể dường ấy, có xứng đáng cho cha mẹ ru? Kia lời ông Khổng tử dạy rằng: *Sự tử như sự sinh hiếu chi chí dã*, thời nào khi cha mẹ còn sống, có tế lễ thể ấy bao giờ ru? Nào cha mẹ khi còn sống có dám ngồi trên mà cho những sinh đồ, hương cống bung cỗ bàn dâng lên quỳ xuống cho mình ăn uống bao giờ ru? Thật là chẳng dám

phụ: hạ phụ là cha mẹ, trung phụ là đứng làm vua, thượng phụ là Thiên Chúa, thì làm vậy.

NHU SĨ RẰNG:

Đều nói báo hiếu là nói cho hay vậy, vì khi cha mẹ chết, thì đem đi chôn sấp chôn ngựa vậy mà thôi; nào thấy tế lễ gì đâu mà rằng phụng dưỡng? Nào có thấy mũ gậy chi đâu cho ra tang chế, mà rằng: báo hiếu?

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo dạy thờ *tam phụ*, song sai đẳng chẳng bằng nhau; mà việc tế lễ là cách thờ phụng trọng thể nhất, thì có một đấng thượng phụ đáng việc trọng thể ấy mà thôi. Vậy con cái chẳng dám lấy cha mẹ, là bậc hạ phụ, làm bằng thượng phụ, cho nên chẳng dám tế lễ. Và lại khi hành lễ, thì có mời *tư văn bản hội*, *sinh đồ hương cống*, *quan viên chức sắc*, mặc đai mào hia tất, dung com, đốt hương, đọc lời chúc văn, rót rượu, pha trà. Làm những việc trọng thể dường ấy, có xứng cho cha mẹ ngồi mà chịu sao? Kia lời ông Khổng Tử dạy rằng: *Sự tử như sự sinh hiếu chi chí dã*, nghĩa là thờ khi chết như thờ khi sống, ấy là rất thảo. Nào khi cha mẹ còn sống, có tế lễ bao giờ sao? Khi cha mẹ còn sống, có dám ngồi trên giường cho sinh đồ hương cống quỳ xuống dâng lên cho mình ăn uống bao giờ sao? Thật là

đâu. Nếu con cái còn làm thế ấy thì sao cho hợp chữ *sự tử như sự sinh*. Ông Thành Trinh trách rằng: *Thiên hạ sự tử bất như sự sinh, sinh nhi bất sự, tử sự chi, kỳ mâu dĩ thậm*. Còn sự áo mũ trong Gia Lễ, là lễ ông Châu Văn Công lập ra, vì khi người làm việc hiếu sự cho mẹ người, thì người đội mũ ấy, mặc áo ấy, tuy là áo gai mũ chuối, dải chuối, song hình dạng thế thức cũng là về phẩm kẻ sĩ, là quan tiến sĩ, đời Thủy Tống mới có *đâu cân đai cước* làm vậy; nào kẻ *thứ dân hạ tiện chức phẩm* gì, sao được bắt chước người, sao được dùng khăn dải như người; thế thì chẳng ra tiếm lễ ru? Cho nên ông Ôn Công rằng: *Lễ tắc pháp dã, lễ tắc danh phận dã*. Mà ông Khổng Tử cũng trách Tam Gia về sự tiếm lễ nữa.

NHU SĨ RẰNG:

Đã vậy chẳng tế lễ thì chớ, nhân sao khi làm cỗ bàn rồi, xui xúi cứ ăn, mà chẳng đoái nhớ đến cha mẹ, chẳng mời cúng người ăn uống với sớt, thế thì là hiếu ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Nguyên sự ăn uống của dương thế thì chỉ có một xác ăn cho được khỏe, được sống là của *khẩu phúc chi*

không dám đâu. Nếu con cái còn làm thế ấy, thì nào có nhằm chữ *sự tử như sự sanh* đâu? Ông Thành Trinh trách rằng: *Thiên hạ sự tử bất như sự sanh, sanh nhi bất sự tử tắc sự chi, kì mâu dĩ thậm*, nghĩa là, người thiên hạ thờ khi chết chẳng như thờ khi sống, khi còn sống chẳng thờ đến khi chết mới thờ, thì thật sai lầm đã lắm. – Còn sự mũ áo gây trong sách Gia lễ, là lễ ông Châu Văn Công lập ra, khi người làm việc hiếu sự cho mẹ người, thì người mặc áo ấy đội mũ ấy, tuy là áo gai mũ chuối mặc lòng, song hình dạng thế thức cũng về phẩm kẻ tấn sĩ đời nhà Tống, mới có *đâu cân đai đến gót* làm vậy; nào kẻ *thứ dân chức phẩm* gì, sao được bắt chước người mà dùng cân đai thế thức ấy, thì chẳng phải là tiếm lễ sao? Cho nên ông Ôn Công rằng: *Lễ tắc pháp dã, lễ tắc danh phận dã*, nghĩa là, lễ là phép, lễ là theo danh phận vậy. Mà ông Khổng Tử cũng trách họ Tam Gia về sự tiếm lễ rằng: *Hê thủ ư Tam Gia chi đường*, nghĩa là những lễ phép ấy làm trong nhà họ Tam Gia, nào có nghĩa lý gì đâu?

NHU SĨ RẰNG:

Đã vậy chẳng tế lễ thì chớ, nhơn sao khi dọn cỗ bàn rồi, xui xúi cứ ăn, mà chẳng đoái nhớ cha mẹ, chẳng mời cúng người ăn uống với, thế thì làm vậy có hiếu sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Vốn người ta ăn uống của dương thế cho được khỏe mạnh sống, nhưng mà khi đã chết thì thôi, vì ngũ quan đã

phụng. Song khi đã chết thì thôi, vì ngũ quan đã hư nát, ngũ tạng đã hủ lạn, còn ăn đĩ gì được nữa mà mời? Cho nên bài Tiểu Chú trong Kinh Thi, Châu thị viết: *Nhược phụ mẫu chi ký một, dung mạo chi bất khả dĩ phục kiến, âm hưởng chi bất khả dĩ phục văn, tuy hữu cam chi khinh noãn, vô sở phụng chi dã.* Bằng linh hồn là tính thiêng liêng hằng sống mãi, chẳng hay mòn, chẳng hay nát, cùng chẳng hề có ăn uống của dưới thế gian này sót. Vả lại linh hồn trọng hơn xác muôn vạn phần, nếu lại lấy của phàm trần xác ăn mà mời linh hồn ăn, chốc ấy chẳng những là chẳng làm ích gì cho người về phần linh hồn, mà lại mất lòng người ra như trêu người, nhạo người vậy. Cũng như cha mẹ còn đang thời khỏe mạnh mà con cái đem com mềm đến, hay là khi đã già nua khuyết xỉ mà lại đem tấm mía, bánh dày khô đến xin cha mẹ ăn hưởng cho thỏa sự con cái có lòng thành kính người, chốc ấy lòng cha mẹ thế nào? Khi khỏe mạnh mà thấy com mềm cùng khi đã già mà thấy tấm mía, bánh dày khô có lấy làm thích chí vui trong lòng chẳng? Có lấy sự ấy làm hiếu chẳng? Ấy là cũng một kiếp, khi xác còn sống thì cũng là những của người đã dùng khi trước, mà bây giờ còn lấy làm buồn, phương chi rày đã về kiếp khác, mà lại lấy của xác hèn ăn xưa, mà mời hồn thiêng ăn hưởng làm sao cho đáng?

hư nát, ngũ tạng đã rã rời, còn ăn gì đáng nữa mà mời? Cho nên trong tiểu chú Kinh Thi Châu thị viết: *Phụ mẫu ký một, dung mạo bất khả dĩ phục kiến, âm hưởng bất khả phục văn, tuy hữu cam chi khinh noãn, diệc vô sở phụng chi dã,* nghĩa là khi cha mẹ đã chết rồi, thì hình tượng chẳng còn thấy đặng, tiếng tăm chẳng còn nghe đặng, đâu có những vật ăn ngon ngọt, đồ mặc nhẹ ấm, cũng chẳng có lẽ mà dung cho cha mẹ nữa. Còn linh hồn là tính thiêng liêng hằng sống, chẳng hay mòn chẳng hay nát, cũng chẳng ăn uống của thế gian này đặng. Vả lại linh hồn trọng hơn xác muôn phần, nếu lại lấy của phàm trần xác ăn mà mời linh hồn ăn, thì chẳng những là chẳng làm ích gì, mà lại ra như trêu chọc nhạo cười cha mẹ vậy. Cũng như khi cha mẹ đã già nua rụng răng, mà con lại đem tấm mía bánh khô đến mời cha mẹ ăn, thì cha mẹ có lấy làm toại lòng chẳng? Có lấy sự ấy làm hiếu chẳng? Ấy là cũng một kiếp khi xác còn sống, cũng là một của ăn người đã dùng khi trước, song khi già nua rụng răng chẳng đặng, khi thấy con cái đem của ăn dùng chẳng đặng, còn lấy làm buồn, huống chi rày đã về kiếp khác, mà con cái còn lấy của xác hèn ăn xưa, mời linh hồn thiêng liêng ăn hưởng làm sao cho đáng? Cha mẹ có lẽ nào lấy sự ấy làm hiếu sao?

NHU SĨ RẰNG:

Chớ thì thánh Khổng Tử dạy: *Sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã*, ấy là làm sao? Chẳng phải là cha mẹ còn sống đã ăn dùng của gì, thì khi người ta thế đoạn, lại phải lấy của ấy mà phụng dưỡng người ru? Thầy cứ đâu mà nói điều cha mẹ chẳng ăn chẳng hưởng?

TÂY SĨ RẰNG:

Ví bằng ông cứ điều ấy mà nhận rằng: phải nuôi cha mẹ khi chết cũng bằng khi sống, chốc ấy phải phụng dưỡng com nước một ngày là ba bữa, ít nữa một ngày hai bữa, thì mới phải. Nhân sao khi mới chết có thiết diện là đơm com bữa tối bữa sáng, rồi thì cắt quãng đi, bảy ngày một lần đơm, ba mươi ngày một lần, năm mươi ngày một lần, một trăm ngày một lần, sau hết một năm có một lần đổi kỵ mới mời một bữa, còn những ngày khác thì cha mẹ lấy đâu mà ăn cho sống? Ông đã biết thật phải nuôi cha mẹ, chẳng nên để người đói khát vất vả mà có tội, thì sao một năm một lần mới nhớ đến người một bữa, rồi thì lại tống người đi? Thế ấy có hợp chữ sự vong như sự tồn ru? Cứ đâu, sách nào dạy muốn cho người ăn thì cho, muốn bỏ thì bỏ? Thế ấy có gọi là *hiếu chi chí dã ru*? Sách làm vậy có nên cứ ru? Ấy ông xem hai bên: một bên thì tin thật linh hồn ông bà cha mẹ đã về kiếp khác thì thôi, chẳng còn trở lại ăn của dương thế nữa, cho nên con cháu chẳng đơm

NHU SĨ RẰNG:

Chớ thì ông Khổng Tử dạy *sự vong như sự tồn hiếu chi chí dã*, là thờ chết như thờ sống, ấy là đều rất hiếu, thì làm sao? Chẳng phải là cha mẹ còn sống đã dùng của gì, thì khi người ta thế đoạn, lại phải lấy của ấy mà phụng dưỡng sao? Thầy cứ đâu mà nói điều cha mẹ chẳng hưởng?

TÂY SĨ RẰNG:

Ví bằng ông cứ điều ấy mà rằng: phải nuôi cha mẹ khi chết cũng bằng khi sống, chốc ấy phải phụng dưỡng com nước một ngày là ba bữa, ít nữa là một ngày hai bữa, thì mới phải. Nhon sao khi mới chết có đặt tế đơm com bữa tối bữa sáng, rồi thì cắt khoản ra, bảy ngày một lần đơm, ba mươi ngày một lần, năm mươi ngày một lần, một trăm ngày một lần, sau hết một năm mới mời một bữa; còn những ngày khác thì cha mẹ lấy đâu mà ăn cho sống? Ông đã biết thật phải nuôi cha mẹ, chẳng nên để cho người đói khát mà có tội, mà sao một năm mới nhớ đến người một bữa rồi lại đưa người đi? Thế ấy có hiệp chữ *sự tử như sự sanh* sao? Sách nào dạy muốn cho người ăn thì cho, muốn bỏ thì bỏ? Thế ấy có gọi là *hiếu chi chí dã* chăng? Sách làm vậy có nên cứ chăng? Ấy ông xem hai bên: một bên thì tin thật linh hồn ông bà cha mẹ đã về kiếp khác thì thôi, chẳng còn trở lại ăn của dương thế nữa, cho nên con cháu chẳng đơm quải, chẳng mời khấn nữa; mà bên kia tin rằng: linh hồn còn về

cúng, chẳng mời khấn nữa. Mà bên kia tin rằng linh hồn còn đi về, còn ăn uống của nuôi xác như thuở bình sinh và lại có phép vâng hộ con cháu, tin làm vậy mà lại bỏ chẳng cho ăn uống, hay là một năm mới cho ăn một bữa, rồi lại tổng người đi; thế thì bên nào thật, bên nào hư? Kia lời vua Vũ rằng: *Sinh ký dã, tử quy dã*, là làm sao? Ất là khi chết thì đã về quê rồi. Mà ví bằng kẻ lành đã được về quê thật thiên đàng, châu chực Thiên Chúa, chịu phúc vui vẻ vô cùng rồi, lẽ nào còn phải đói khát, bỏ Thiên đàng mà lại tìm về nhà ăn hưởng một bữa với con cháu thì mới được no, mới được phi chí ru? Lẽ nào dám bỏ việc rất trọng châu chực Thiên Chúa, để chốn rất thanh nhàn đường ấy mà trở về chốn *trần ai khổ hải*, cho được thăm con cháu, thì lấy làm trọng hơn ru? Nhược bằng kẻ dữ đã phải giam cầm nơi ngục vĩnh khổ, dầu muốn ước ao hết sức cho được ra khỏi đấy, phép nào mà mình lại về được ru? Cho nên lời Vua Vũ nói rằng: *Tử quy dã*, thì đã thật.

Còn sự có phép vâng hộ con cháu là thế nào. Thử xem có nhiều cha mẹ khi còn tại đường thì con cháu đều được thịnh sự. Người thì giàu có, điền liền thiên mạch, người thì thăng chức nên tiến sĩ, quận công, được tọa triều bàn việc trong triều, cùng ra trấn xứ; đến khi cha mẹ khuất núi rồi có nhiều con cái liền ra khốn nạn đói khát thất

ăn uống như thuở bình sanh, lại có phép phù hộ cho con cháu, tin làm vậy mà lại bỏ chẳng cho ăn uống, hay là một năm mới cho ăn một bữa rồi lại đưa đi; vậy thì bên nào thật, bên nào hư? – Kia lời vua Hạ Võ rằng: *Sanh ký dã, tử quy dã*, là làm sao? Nghĩa là, sống là tạm gởi, thác là về quê. Ví bằng kẻ lành đã đăng về quê thật thiên đàng, châu chực Thiên Chúa, đăng phước vô cùng, lẽ nào còn phải đói khát, tìm về nhà ăn hưởng với con cháu một bữa, thì mới đăng phi chí sao? Lẽ nào dám bỏ việc rất trọng châu chực Thiên Chúa, để chốn rất thanh nhàn thế ấy mà về chốn trần ai khổ hải, cho đăng ăn uống với con cháu, thì lấy làm trọng hơn sao? Nhược bằng kẻ dữ đã phải giam cầm nơi ngục đời đời, dầu muốn ước ao hết sức cho đăng ra khỏi đó mà về, phép nào mà mình về đăng sao? Cho nên lời vua Hạ Võ rằng: *Tử qui dã*, thì là thật lắm.

Còn về sự phù hộ cho con cháu thì khi chết rồi cũng như khi còn sống. Hãy xem khi cha mẹ còn sống, con cháu hoặc phải đau bụng, hoặc phải đau mắt, hoặc phải nóng rét, thì cũng chẳng có phép cất bệnh ấy cho nó khỏi đau đăng; lại có khi thấy nó hấp hối nằm trên tay mình mặc lòng, cũng chẳng có phép gì cầm lại cho nó khỏi chết đăng; huống chi bây giờ đã cách

ngiệp; kẻ thì mất chức quyền, mất hết dinh cơ trấn xứ; ví bằng cha mẹ có thiêng, có phép tắc sao chẳng vâng hộ con cháu được phú quý thịnh sự, trước là cho được giỗ chạp cung cấp, tự sự mình cho trọng thể chẳng hay hơn ru? Sau là để dương danh ở hậu thế, chẳng nỡ mặt mình hơn nữa ru? Sao để cho nó ra khó khăn hèn hạ, người thế khinh để chê cười chẳng hổ đến cha mẹ ru? Ấy là thật khi cha mẹ đã chết chẳng có phép vâng hộ được hơn khi còn sống đâu. Lại như khi còn người, bình nhật dù thấy con cháu hoặc phải đau bụng, đau mắt, hay là sốt rét, thì cũng chẳng có phép cất bệnh cho nó khỏi được. Lại có khi thấy nó hấp hối nằm trên tay mình mặc lòng, cũng phải có phép cầm lại cho nó khỏi chết được; huống chi bây giờ đã cách biệt, đã về kiếp khác vâng hộ làm sao được?

NHU SĨ RẰNG:

Nhân sao chẳng lạy, hay là người đã chết ấy chẳng phải là cha mẹ mình nữa ru?

TÂY SĨ RẰNG:

Có phải thật; song vì lẽ này là trong nhân thân người ta có hai phần: phần trọng nhất là *linh hồn*, *vi vạn vật chi tối linh*, phần kém hèn là xác thịt: *sinh thổ phản thổ*. Vậy khi cha mẹ còn tại đường, con cái muốn lạy tỏ ra lòng cung kính, yêu mến cùng mừng người, thì nên, cũng là việc phải lẽ; song khi cha mẹ đã tạ thế,

biệt, đã về kiếp khác, mà phù hộ làm sao cho được?

NHU SĨ RẰNG:

Nhơn sao chẳng lạy cha mẹ, hay là cha mẹ đã chết chẳng phải là cha mẹ mình nữa sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Phải biết trong mình người ta có hai phần: phần trọng hơn là *linh hồn*, *vi vạn vật chi tối linh*, là rất thiêng hơn muôn vật; phần kém hơn là xác thịt *sinh thổ phản thổ*, là sinh ra bởi đất rồi trở về đất. Vậy khi cha mẹ còn sống, con cái muốn lạy mà tỏ ra lòng cung kính, mến yêu cùng mừng người, thì nên, cũng là việc phải lẽ; song khi cha mẹ

linh hồn là phần cực trọng đã ra khỏi xác đoạn, thì cũng như khi Đức Vua đã ngự khỏi đèn rồi, dù xác đang nằm trên giường, thì xác khi ấy cũng như cái áo vóc long cổn Đức Vua mặc, song đã cởi ra để đấy. Vậy xưa nay có quan nào khi Đức Vua đã ngự ra phương ngoài mà còn châu chực lạy cái áo không để đấy mà lấy làm phải lễ chăng? Hay là như khi cha mẹ đang giấc ngủ mê, tuy là con cái có kính lạy cùng mời người ăn uống mặc lòng, thì người cũng chẳng hay gì sốt. Song từ xưa đến nay, nào có thấy ai lạy cha mẹ đang khi người ngủ mê mà lấy làm hiếu kính ru. Nào có thấy ai mời ăn uống đang khi người ngủ *bất tỉnh nhân sự*, mà kể là đã cho cha mẹ ăn uống ru?

Kìa vua Tống Huy Tông, khi bại trận bắc hành mà Cao Tông là con, nghĩ rằng: Vua Huy Tông là cha ta, mà chẳng thấy mặt cha làm sao cho yên lòng kẻ làm con được, liền làm lễ giao bá ở đất Việt Châu, lại làm lễ ấy ở đất Thiệu Hưng nữa; song nghĩ giả là Hoàng Phát Trai chê rằng: Vua Cao Tông dù có lạy khi ấy thì cũng chẳng thấy thiên hạ khen rằng có hiếu, mà chẳng lạy khi ấy thì cũng chẳng thấy thiên hạ chê rằng chẳng có hiếu. Nếu vua có biết sự hiếu thật, thì chẳng làm sự hư văn làm chi, vì vua Huy Tông đang phải giam cầm ở cõi bắc, nào có trông cho con lạy thể ấy làm sự hiếu ru? Một trông cho con lo liệu cách nào để đem được cha

đã tạ thế, thì linh hồn là phần cực trọng đã ra khỏi xác đoạn, cũng như đức vua đã ngự ra khỏi đèn rồi dầu xác đang nằm trên giường, thì xác ấy cũng như áo long câu đức vua mặc, đã cởi ra để đó vậy. Xưa nay có quan nào, khi đức vua đã ngự ra ngoài, mà còn châu chực lạy cái áo không để đó, có lấy làm phải lễ chăng? Hay là khi cha mẹ đang giấc ngủ mê, con cái có kính lạy cùng mời người ăn uống mặc lòng, thì người cũng chẳng hay gì sốt. Song từ xưa đến nay, nào có thấy ai lạy cha mẹ đang khi người ngủ mê mà lấy làm hiếu kính sao? Nào có thấy ai mời người ăn uống đương con ngủ bất tỉnh nhân sự, mà kể rằng: đã cho cha mẹ ăn uống sao?

Kìa vua Tống Huy Tông, khi bị người nước Kim bắt đem về phương bắc, mà ông Cao Tông là con, người rằng: Vua Huy Tông là cha, cách mặt ở cõi bắc, thì con an lòng sao được, liền làm lễ vọng bá ở đất Việt Châu, lại làm lễ ấy ở đất Thiệu Hưng nữa; mà ông Huỳnh Phát Trai chê trách: Vua Cao Tông khi ấy dầu có lạy vọng, cũng chẳng ai khen rằng: có thảo cùng cha; dầu không lạy, cũng chẳng ai chê rằng: không thảo cùng cha. Nếu vua biết sự thảo cho thật, thì chẳng làm việc hư văn thể ấy làm chi, vì vua Huy Tông đang phải giam cầm ở cõi bắc, nào có trông cho con lạy thể ấy đâu? một trông cho con liệu cách nào mà đem cha về khỏi chốn ấy mà chớ. Cho

về khỏi chốn ấy mà chớ. Cho nên thòi thần là người Hồ Dần khuyên vua Cao Tông: *Vụ thật hiệu khử hư văn* thì gọi sự lễ giao bái làm vậy là *hiếu chi hư văn*. Bởi vậy trong đạo, khi cha mẹ qua đời đoạn, con cái cứ việc đọc kinh cầu nguyện cùng làm các việc khác, để giúp linh hồn người mà chẳng có làm sự hư văn là lạy bóng lạy gió, lạy quăng không làm vậy, vì chẳng được ích gì cho cha mẹ.

nên Thị Thần, là Hồ Diễn khuyên vua Cao Tông *vụ thật hiệu khử hư văn*, là lo việc thật mà đem cha về, đừng làm việc hư văn làm chi? Bởi đó trong đạo, khi cha mẹ qua đời đoạn, con cứ việc đọc kinh cầu nguyện cùng làm nhiều việc lành khác, để giúp linh hồn người, mà chẳng có làm sự hư văn là lạy bóng lạy gió, lạy quăng không làm vậy, vì chẳng được ích gì cho cha mẹ đâu.

Khi ấy quan lớn mới phán đoán rằng:

Thầy Nhu sĩ dạy thờ thánh Khổng Tử ở nước Lỗ, và Tú Phối Thập Triết; thầy Hòa Thượng thì dạy thờ Phật Thích Ca ở nước Thiên Trúc và các bụt; thầy Pháp sư dạy thờ Lão Quân ở xứ Hồ Quảng, cùng 12 vua Hành Khiển; còn thầy Tây sĩ dạy thờ Thiên Chúa là Đấng dựng nên trời đất thần người muôn vật; và thờ phượng đấng Cứu Thế, giáng sinh bởi Thiên Chúa đã định mà cứu chuộc loài người ta cho đặng sống đời đời; lại thứ nhứt, dạy thờ thượng phụ là Thiên Chúa, cầm quờn sanh tử thưởng phạt muôn dân muôn nước, đời này và đời sau chẳng cùng; thứ hai, dạy thờ trung phụ là đấng làm vua, cầm quờn sanh tử thưởng phạt ở đời này trong cả và nước; thứ ba, dạy thờ hạ phụ là cha mẹ là đấng sanh thành dưỡng dục con cái, cùng làm bề trên một nhà. Những sự lễ đã nói, cùng những tích kinh sách đã trưng, thì ta cũng đã nghe rõ ràng. Song sự lễ thầy Tây sĩ nói thì ta lấy làm vững chắc hơn lễ ba

NGÀY THỨ BA.
GIẢI CÂU TAM VIẾT NHÂN CHI
CỨU CÁNH TỬ VẮNG HÀ SỞ?

NHO SĨ GIẢI RẰNG:

Thấy trong sách nói: *khí tự sinh, khí tán vong, dữ cầm thú vô dị*. Lại lời ông Ôn công rằng: *Nhân tử tắc hình thể tiêu diệt, dữ mộc thạch đẳng, kỳ thần phiêu như phong hỏa*. Lại nơi khác rằng: *Nhân tử cốt nhục quy vu thổ, huyết quy vu thủy, hồn khí quy vu thiên*.

TÂY SĨ RẰNG:

Nếu cứ điều ấy, một là chết đoạn thì mọi sự tan đi mất; chẳng còn tội, chẳng còn phúc, chẳng có thưởng, chẳng có phạt. Chết đoạn người ta cũng như muông chim, cây cối vậy; chốc ấy kẻ khi trước đã gia công suất tính tu đạo, bấy giờ có lẽ mà phàn nàn vì đã mất công chẳng được ích gì; mà kẻ ngộ nghịch, phóng túng theo tính mê đắm, khi ấy thì mừng,

thầy đã nói trước, cho nên trong điều thứ hai, là *Người ta ở đời này phải làm thế nào*, thì ta đoán đạo Thiên Chúa phải lẽ hơn và vững chắc hơn mọi đảng.

NGÀY THỨ BA
GIẢI ĐỀU THỨ BA, LÀ SỰ SAU
CÙNG HẾT, NGƯỜI TA CHẾT RỒI
ĐI ĐÂU?

I.

NHU SĨ RẰNG:

Vốn loài người ta, trong sách có nói: *khí tự tắc sanh, khí tán tắc tử, dữ cầm thú vô dị*, nghĩa là, loài người ta, khí nhóm lại thì sống, khí tan ra thì chết, chẳng khác chi cầm thú vậy. Lại ông Ôn công rằng: *Nhơn tử tắc hình thể tiêu diệt dữ thảo mộc đẳng, kì thần phiêu như phong hỏa*, nghĩa là, người ta chết thì hình thể tiêu mất cũng như cỏ cây vậy, còn thần hồn thì bay đi như gió như lửa vậy. Lại nơi khác rằng: *Nhơn tử cốt nhục qui vu thổ, huyết qui vu thủy, hồn khí qui vu thiên*, nghĩa là người ta chết, xương thịt trở về đất, máu trở về nước, hồn khí trở về trời.

TÂY SĨ RẰNG:

Cứ như điều ấy, khi chết đoạn thì mọi sự tan đi mất; chẳng còn tội, chẳng còn phước, chẳng còn thưởng, chẳng còn phạt; chết đoạn, người ta cũng như muông chim, cây cối vậy; chốc ấy kẻ khi trước đã gia công sửa tánh tu đạo, bấy giờ sẽ phàn nàn vì đã mất công, chẳng ích gì; mà kẻ ngộ nghịch, luông tuồng theo tính mê đắm, khi ấy vui mừng, vì chết rồi thì

vì chết rồi thì thôi. Như quân hồi vô lệnh chẳng còn phép tắc nào, không sự thưởng phạt, thì khỏi lo ru? Hai là chết đoạn, cốt nhục quy vu thổ, hồn khí quy vu thiên thể thì ai ai hồn nào cũng được quy vu thiên cả; kẻ tu nhân tích đức lộn đời hồn khí cũng quy vu thiên, mà kẻ làm ngụy làm giặc, tà dâm trộm cướp giết người, hồn cũng quy vu thiên, cũng bằng nhau ru? Như đạo Nho sĩ nói làm vậy, thì tha hồ thiên hạ tung hoành, ai muốn làm thể nào thì mặc ai ru? Dù lành dù dữ thì cũng chẳng nề, chết đoạn cũng chẳng khùng, vì hồn quy vu thiên mà lo làm gì. Nói thể ấy có phải lẽ mà nghe được chăng?

THỨ HAI:

THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY
MÀ RẰNG:

Bên đạo chúng tôi dạy đời sau *bất sanh bất tử, bạch nhật phi thăng, đằng không nhi khứ*, vì đã có bài tiên được *trường sinh toàn kỳ thiên niên bất tử*.

TÂY SĨ RẰNG:

Nếu vậy, nhân sao các đấng thượng cổ đế vương đã thăng hà hết? Ấy những đấng đế vương thiếu gì sự khôn ngoan, mà sao chẳng tìm được bài thuốc ấy. Thiếu chi vàng bạc, mà sao chẳng mua được vị thuốc ấy? Lại như những người đã mời các thầy chữa cũng đã chết hết

thôi. Như quân đi chiến trận về, không thưởng không phạt, thì còn ai lo thắng bại làm chi? – Lại rằng: chết đoạn, *cốt nhục qui vu thổ, hồn khí qui vu thiên* thể thì ai ai hồn nào cũng đặng quy vu thiên cả. Vậy kẻ tu nhơn tích đức trọn đời, hồn khí cũng về trời; kẻ làm ngụy làm giặc, tà dâm trộm cướp, giết người, hồn khí cũng về trời bằng nhau. Như đạo Nhu sĩ nói làm vậy, thì để mặc thiên hạ tung hoành, ai muốn làm thể nào, thì nên thể ấy sao? Dầu lành dầu dữ cũng chẳng hề chi; chết đoạn cũng chẳng sợ chi, vì ai ai cũng về trời cả. Nói thể ấy, có phải lẽ mà nghe đặng chăng?

II.

THẦY PHÁP SƯ GIẢI CÂU ẤY
RẰNG:

Bên đạo chúng tôi dạy đời sau *bất sanh bất tử, bạch nhật phi thăng đằng không nhi khứ*, nghĩa là chẳng sống chẳng chết, ban ngày bay lên trên không mà đi, vì đã có *bài thiêng được trường sanh toàn kỳ thiên niên bất tử*, là có bài thuốc thần linh trọn sống ngàn đời chẳng chết.

TÂY SĨ RẰNG:

Nếu vậy, nhơn sao các đấng thượng cổ, đế vương, đã thăng hà hết. Ấy những đấng vua thiếu chi sự khôn ngoan, mà sao chẳng tìm đặng bài thuốc ấy? thiếu chi vàng bạc, mà sao chẳng mua đặng bài thuốc ấy? Lại những người đã mời các thầy chữa, cũng đã chết hết chẳng còn sót một

chẳng còn sót một người nào sót thì làm sao? Nào điều trường sinh bất tử ở đâu?

THẦY PHÁP SƯ RẰNG:

Hoặc người ta chẳng có tu đức tu tiên cho được sống lâu, hoặc khi ốm đau chẳng tìm được thầy hay cao tay mà chữa, hoặc đã đến kỳ thiên mệnh thì thôi. Vì chúng tôi chữa bệnh chẳng có chữa mệnh đâu.

TÂY SĨ RẰNG:

Ấy ông Thái thượng Lão quân, ông Trương Lương, Trương Nghi, Trương Đậu, Trương Linh, Trương Lỗ, Trương Giác và các sư đã truyền đạo *Thái bình Phù chú*, đều đã chết hết. Chớ thì các ông ấy chẳng có tu đức tu tiên cho được sống lâu ru? Hay là chẳng gặp thầy nào hay, cao tay mà chữa ru? Ấy các thầy những thờ phượng Ngọc Hoàng là Vua cả trên trời, sao chẳng khẩn kỳ xin Ngọc Hoàng đổi thiên mệnh cho được sống mãi, sao chẳng dùng bài *tiên dược trường sinh toàn kỳ thiên niên*? Chớ thì bài thuốc ấy để chữa những ai, mà chẳng chữa mình cho sống làm sao? Nói thế ấy có thật ru?

THẦY PHÁP SƯ RẰNG:

Hễ ai ai tu đạo nào thì tin đạo ấy, lấy lời trong sách đại thánh đã truyền lại làm cứ làm thật thì thôi. Phúc phần thời tại thiên, trời cho ai nấy được, nào có tại ta muốn lấy mà được ru? Thầy đừng nói nữa. Nào tôi có lập nên đạo, mà tra hỏi tôi làm chi?

người, thì làm sao? Nào đều *bất sanh bất tử* ở đâu?

THẦY PHÁP SƯ RẰNG:

Hoặc người ta chẳng tu đức tu tiên cho được sống lâu, hoặc khi ốm đau chẳng tìm được thầy hay cao tay mà chữa, hoặc đã đến khi mạng trở định mà thôi, vì chúng tôi chữa bệnh chẳng có chữa mạng đâu.

TÂY SĨ RẰNG:

Kìa ông Thái Thượng, Lão quân, Trương Lương, Trương Nghi, Trương Bửu, Trương Đậu, Trương Linh, Trương Lỗ, Trương Giác và các sư đã truyền đạo *thái bình bùa chú*, đều đã chết hết. Chớ thì các ông ấy chẳng có tu đức tu tiên cho được sống lâu sao? Hay là chẳng gặp thầy nào hay cao tay mà chữa sao? Ấy các thầy những thờ phượng Ngọc Hoàng, sao chẳng cầu khẩn Ngọc Hoàng đổi thiên mệnh cho được sống lâu mãi? Sao chẳng dùng bài thuốc tiên dược trường sinh bất tử? Chớ thì bài thuốc ấy để cho ai, mà chẳng chữa lấy mình cho được sống lâu, thì làm sao? Nói thế ấy, có phải lẽ mà nghe được chăng?

THẦY PHÁP MÔN RẰNG:

Hễ ai tu đạo nào thì tin đạo nấy, lấy lời trong sách đại thánh đã truyền lại làm cứ làm thật thì thôi. Phước phận thì tại trời, trời cho ai nấy được, nào có tại ta muốn mà được sao? Thầy đừng nói nữa. Nào có phải tôi đã lập nên đạo, mà tra tôi làm chi?

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy từ rày đừng khoe khoang bởi gặp thầy hay, cao tay, khéo chữa mới sống; bởi đi đạo chẳng chữa thì chết. Đã biết rằng mệnh tại thiên, thì thôi.

THỨ BA:

THẦY HÒA THUỢNG GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Trong mình người ta có ba giống hồn: đến khi chết đoạn thì thần bì tan đi mất; mà thần xác thì theo xác, còn thần hồn, nếu có rước được thầy niệm kinh Bảo Đường cho, mới được thăng thiên vào nước nhà Phật thụ phúc; chẳng vậy thì khổn nạn phải sa địa ngục.

TÂY SĨ RẰNG:

Niệm kinh Bảo Đường là thế nào?
HÒA THUỢNG RẰNG:

Khi người ta rình chết thì niệm rằng: Phật tính hồi, Phật tính hồi, hãy ra lỗ thóp trên đầu, chó ra cửa con mắt, lỗ tai, mũi, miệng cùng âm môn mà lạc, như lời trong sách bí truyền rằng: *Đầu giả thiên dã; nhược tử đảo thiên hải ngoại, không thăng thiên dã. Nhược xuất nhân, nhĩ, tị, khẩu, âm môn, bất thành tiên dã.* Khi chết đoạn mà chân linh đi đàng, thì phải xưng mình là Phật tử, mới khỏi lạc vào địa ngục cùng tam đồ ác lộ. Phải có sắc Bụt mới được đi cầu Âm Không, đến tuổi Hoàng Tuyền, đến giếng có cây dừa, mới được qua sông Đài Hà, qua đò Tự Nhiên, mới đến bãi cát Trường Sa, mới qua ngã tư có

TÂY SĨ RẰNG:

Đã vậy, từ này đừng khoe bởi gặp thầy hay cao tay khéo chữa mới sống; bởi chẳng gặp thầy hay cao tay khéo chữa thì chết. Đã biết rằng mạng tại trời, thì thôi.

III.

THẦY HÒA THUỢNG GIẢI CÂU ẤY RẰNG:

Trong mình người ta có ba giống: đến khi chết đoạn, da tan đi mất; xác thịt xương cũng tan đi nữa; còn thần hồn, nếu có rước thầy niệm kinh bảo đàng cho, mới đặng thăng thiên vào nước Phật chịu phúc; chẳng vậy, thì phải sa địa ngục khổn nạn.

TÂY SĨ RẰNG:

Niệm kinh bảo đàng là thế nào?
THẦY HÒA THUỢNG RẰNG:

Khi người ta gần chết, thì niệm rằng: Phật tánh hồi, Phật tánh hồi hãy ra lỗ chóp trên đầu chó ra cửa con mắt, lỗ tai, mũi, miệng cùng âm môn mà lạc, như lời trong sách bí truyền rằng: *Đầu dã thiên dã; nhược tử đảo thiên hải ngoại không, thăng thiên dã, nhược xuất nhân nhĩ tị khẩu âm môn, bất thành tiên dã;* nghĩa là đầu là trời, bằng chết mà ra chốn biển trời ngoài không, thì là lên trời; bằng ra nơi con mắt lỗ tai lỗ mũi miệng âm môn, thì thăng nên tiên. Vậy khi chết đoạn mà linh hồn đi đàng, thì phải xưng mình là con Phật, mới khỏi vào địa ngục cùng ba nẻo đàng dữ; phải có sắc Phật mới đặng đi cầu Âm không, đến tuổi Huỳnh

cầu đồng ván sắt, hiệu là Âm Không. Có hát thơ rằng: Sống làm lành dữ mặc thân ta. Thác thì trừ khử nghiệp gian tà. Chân linh nhớ lấy kinh niệm Phật. Dù vào địa ngục lại được ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Linh hồn là tính thiêng liêng, vô hình, vô tượng, khi vào trong xác cùng khi lìa khỏi xác là cách mầu nhiệm, chẳng phải là chẳng ra cửa nào mới được thoát đâu. Nếu vậy kẻ hiền lành nhân đức khi chết mà hồn chẳng lẽ ra lỗ mắt thì sa địa ngục; mà kẻ có tội lỗi độc dữ gian ác cả đời, đến khi chết, hồn nó lẽ ra được lỗ thóp thì được thăng thiên ru? Nói làm vậy có hợp lẽ công bình ru?

Tây sĩ lại rằng: Những linh hồn đã sa địa ngục phải chịu hình khổ khổ nạn làm vậy, có lẽ nào cứu được cho ra khỏi chẳng?

THẦY HÒA THUẬN RẰNG:

Cũng có thể được, vì Đức Phật đại từ đại bi, chẳng muốn cho ai phải sự khổ khổ khó sót, cho nên Ngài đã truyền nhiều cách cho người ta được khỏi tội. Dù người ta yếu đuối chẳng có sức giữ được các sự răn mặc lòng, song le đã có chúng tôi giữ thay cho người ta. Tây sĩ hãy xem kinh Đại Thừa Diệu Tiên Liên Hoa. Hễ ai năng đọc kinh ấy thì mới đắc trí thăng thiên thụ phúc; lại kinh Nam mô A di đà Phật, mà ai đọc kinh ấy

Tuyền, đến giếng có cây dừa, mới đặng qua sông Đà Hà, qua đò Tự nhiên, mới đến bãi cát Trường sa, mới qua ngã tư có cầu đồng ván sắt hiệu là Âm không. Có kệ thơ rằng: *Sống làm lành dữ mặc thân ta, thác thì trừ khử nghiệp gian tà, chơn linh nhớ đến kinh niệm Phật, dẫu vào địa ngục lại đặng ra.*

TÂY SĨ RẰNG:

Linh hồn là tính thiêng liêng không hình tượng, khi vào trong xác cùng khi ra khỏi xác là cách mầu nhiệm, chẳng phải ra cửa nào mới khỏi đâu. Nếu vậy kẻ hiền lành nhơn đức, khi chết mà hồn chẳng ra nơi lỗ chóp, thì sa địa ngục; mà kẻ tội lỗi độc dữ gian tà cả đời, đến khi chết, linh hồn nó ra nhằm nơi lỗ chóp, thì đặng thăng thiên sao? Nói làm vậy, có hiệp lẽ công bình sao?

Tây sĩ lại hỏi rằng: Những linh hồn sa địa ngục, đã phải chịu hình khổ khổ nạn làm vậy, có lẽ nào cứu đặng cho ra khỏi chẳng?

THẦY HÒA THUẬN RẰNG:

Cũng có thể đặng, vì đức Phật rất nhơn lành, chẳng muốn cho ai phải khổ khổ nạn, cho nên người đã truyền nhiều cách cho người ta khỏi tội. Dầu người ta yếu đuối, chẳng có sức giữ đặng các sự người răn mặc lòng, song đã có chúng tôi giữ thế cho người ta. Tây sĩ hãy xem kinh Đại Thừa Diệu Tiên Liên hoa. Hễ ai đọc kinh ấy, thì mới đặng lên trời hưởng phước. Lại ai đọc kinh Nam mô A Di Đà Phật, thì khỏi các tội từ bây giờ về trước, cùng

thì khỏi các tội phạm từ bây giờ về trước, cùng khỏi sa địa ngục nữa. Bằng những kẻ đã chết rồi, nếu con cháu có mời chúng tôi làm chay làm tiểu, thì Đức Phật đã cho chúng tôi phép phá ngục cho các linh hồn trong ấy được ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Các kẻ có tội trong địa ngục được như vậy hết chăng?

THẦY HÒA THUỘNG THƯA
RẰNG:

Đều được thay thay, có một kẻ khinh để phép Phật, thì Ngài chẳng tha mà thôi.

TÂY SĨ RẰNG:

Phép phá ngục là làm sao?

THẦY HÒA THUỘNG RẰNG:

Khi làm việc ấy phải ăn chay, niệm kinh, đơm tế nhiều ngày, chữa tội ông bà cha mẹ, mà ngày sau hết làm lễ phá ngục cho linh hồn tổ tiên được ra. Vì vậy cắm bốn cột giữa nhà, lấy giấy mà dán vây chung quanh, cùng làm bốn cửa bốn bên. Lại làm một cửa ở giữa, đặt làm hình địa ngục, rồi thì tế Thập Điện Minh Vương là mười vua cai trị âm phủ gọi là Diêm vương; lại tế năm vua giữ năm cửa là Đông Phương Thanh Đế, Tây Phương Bạch Đế, Nam Phương Xích Đế, Bắc Phương Hắc Đế, Trung Ương Hoàng Đế. Đi chung quanh ba lần niệm kinh Sái Tịnh Thủy rồi gieo hai đồng tiền cho được âm dương lấy làm dấu các vua đã chịu sự tế cùng của lễ, đoạn thầy

khỏi sa địa ngục nữa. Bằng những kẻ đã chết rồi, nếu con cháu có mời chúng tôi làm chay làm tiểu, thì đức Phật đã cho chúng tôi phép phá ngục cho các linh hồn trong ấy được ra.

TÂY SĨ RẰNG:

Các kẻ có tội trong địa ngục có được ra như vậy hết chăng?

THẦY HÒA THUỘNG RẰNG:

Đều được thay thay, có một kẻ khinh để phép Phật, thì người chẳng tha mà thôi.

TÂY SĨ RẰNG:

Phép phá ngục là làm sao?

THẦY HÒA THUỘNG RẰNG:

Kẻ làm việc ấy phải ăn chay, niệm kinh, đơm tế nhiều ngày, chữa tội ông bà cha mẹ, mà ngày sau hết làm lễ phá ngục cho linh hồn tổ tiên được ra, Vì vậy cắm bốn cột giữa nhà, lấy giấy mà dán xông quanh, cùng làm bốn cửa bốn bên, lại làm một cửa ở giữa, đặt làm hình địa ngục, rồi thì tế Thập Điện Diêm Vương, là mười vua cai trị âm phủ; lại tế năm vua ở năm cửa, là đông phương Thanh Đế, tây phương Bạch Đế, nam phương Xích Đế, bắc phương Hắc Đế, trung phương Huỳnh Đế, đi xông quanh ba lần, niệm kinh rưới linh thủy, rồi gieo hai đồng tiền lấy sắp ngựa, làm dấu các vua đã chịu sự tế cùng của lễ. Đoạn thầy thứ nhứt cầm gậy phá các cửa ngục cho các linh hồn trong ấy được ra khỏi. Mà lễ phá

thứ nhất cầm gậy phá các cửa ngục cho các hồn ấy được ra khỏi, mà lễ phá ngục này Phật giáo đã truyền tỏ tường trong sách Hoàng đồ Vĩnh quyết.

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói Phật giáo truyền lễ ấy tỏ tường, nhân sao trong sách Tứ Thập Nhị Chương Kinh, chẳng thấy Thích Ca chép lời chi về lễ ấy sốt, mà sách Đăng Tâm rằng: Lương Vũ Đế lập vi trai hội. Nghĩa là từ Lương Vũ Đế mới bày ra lễ ấy. Thế thì từ Thích Ca cho đến vua Lương Vũ Đế đã cách nhau một ngàn năm trăm năm, mới lập ra lễ làm chay làm hội để mà phá ngục, mà thầy nói rằng: Phật giáo truyền lễ ấy tỏ tường, điều ấy đã chẳng hợp.

Lại điều phá ngục thì làm sao? Kìa xem vua chúa thế gian lập ngục ra trước mắt giam cầm kẻ có tội trong ấy, dù ai muốn phá, có phá được chăng? Phương chi Đấng chí tôn, chí trọng, có phép lập nên ngục giữa trái đất này là chốn rất sâu hiểm, con mắt xem chẳng thấy, mà các sư là người dương thế có xác thịt, biến đi đường nào mà xuống phá ngục được, và lại áng này đã mời các thầy phá, áng khác lại mời phá, muốn phá bao giờ thì phá bấy giờ, chốc ấy còn đi gì mà gọi là ngục nữa? Nếu vậy những linh hồn trong ấy đã được ra hết, thì còn có ai trong ngục ấy, mà năm khác con cháu còn chữa tội làm chi nữa,

ngục này, đạo Phật đã truyền tỏ tường trong sách Huỳnh Đồ Vĩnh Quyết.

TÂY SĨ RẰNG:

Thầy nói đạo Phật truyền lễ này tỏ tường, nhân sao trong sách kinh, bốn mươi hai trương, chẳng thấy Thích Ca chép lời gì về lễ ấy sốt, mà sách Đăng Tâm rằng: Vua Lương Võ đế đã lập vi trai hội, là từ Lương Võ đế bày ra lễ ấy. Thế thì từ Thích Ca cho đến Lương Võ đế đã cách nhau 1500 năm, mới lập ra lễ làm chay làm hội để, mà phá ngục; mà thầy nói rằng: Phật giáo truyền lễ này tỏ tường, thì điều ấy đã chẳng hiệp.

Lại điều phá ngục là làm sao? Kìa xem vua chúa thế gian lập ngục ra giam cầm kẻ có tội, dầu ai muốn phá, có phá được chăng? Phương chi Đấng chí tôn, chí trọng, có phép lập nên ngục giữa trái đất này, là chốn rất sâu hiểm, con mắt xem chẳng thấy; mà các thầy cũng là người thế gian có xác thịt, biết đi đường nào mà xuống phá ngục được? Vả lại, áng này đã có mời thầy phá, áng khác lại mời phá, muốn phá khi nào thì phá, chốc ấy còn đi gì mà gọi là ngục nữa? Nếu vậy những linh hồn trong ấy đã được ra hết, thì còn có ai trong ngục ấy, mà năm khác con cháu còn làm chay chữa tội làm chi nữa, hay là có thầy nào lại xây ngục lại chăng?

hay là có thầy nào lại xây ngục lại chẳng?

THẦY HÒA THUỘNG RẰNG:

Bên đạo Tây sĩ cũng thường có làm lễ cầu hồn phá ngục đi chung quanh mồ mà sái thánh thủy, thì nào có ai bắt nét, nào có ai chê? Ấy cũng một tuồng, mình làm thì được, mà lại nhạo báng kẻ khác làm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Đạo chúng tôi làm lễ cầu hồn thì có, song chẳng có lễ phá ngục đâu. Vậy có hai thứ linh hồn, một là linh hồn mắc tội trọng đã phải giam cầm trong địa ngục, thì chúng tôi chẳng dám cầu cho những linh hồn ấy đâu, vì chẳng có lẽ nào mà được khỏi. Hai là linh hồn mắc tội mọn, và còn mắc nợ chưa đền cho đủ, thì phải tạm giam nơi ngục luyện hồn, chúng tôi có ý làm lễ cầu khẩn cùng Thiên Chúa tha thứ công nợ, và bớt phần phạt cho những linh hồn nơi ngục tạm cầm ấy mà thôi. Cũng như sự đòi nay vua chúa lập ngục ra có thứ tù trọng tội đã phải bỏ vào ngục đông, ngục đoài, kiên giam trí tử, thì chẳng ai vào kêu cho tù ấy nữa đâu; song còn thứ tù tạm giam vạ mọn, vì mắc tội nhẹ, hay là mắc công nợ thì con cháu cũng còn có thể mà chạy chuộc cho lại được ra khỏi. Ấy lẽ chúng tôi cầu hồn cũng như làm vậy, nào chúng tôi có dám phá ngục như các sư đâu?

THẦY HÒA THUỘNG RẰNG:

Bên đạo tây sĩ cũng thường có làm lễ cầu hồn phá ngục, đi xông quanh mồ rẩy nước thánh, thì nào ai bắt nét, nào ai chê đều ấy? Cũng một tuồng mình làm thì đặng, mà nhạo báng kẻ khác làm sao?

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo chúng tôi làm lễ cầu hồn thì có, song chẳng có lễ phá ngục đâu. Vậy có hai thứ linh hồn, một là linh hồn mắc tội trọng đã giam cầm trong địa ngục, thì chúng tôi chẳng dám cầu cho những linh hồn ấy đâu, vì chẳng có lẽ nào mà đặng khỏi. Hai là linh hồn mắc tội nhẹ hay là đền tội chưa đủ, mà phải giam cầm trong ngục luyện tội, thì chúng tôi có ý làm lễ cầu khẩn cùng Thiên Chúa thứ tha, bớt phần phạt cho những linh hồn nơi ngục tạm ấy mà thôi. Cũng như sự đòi này, vua chúa lập ngục ra, có thứ tù trọng tội đã phải bỏ vào ngục Khám Đường, giam cầm cho đến chết, thì chẳng ai vào kêu cho tù ấy nữa đâu. Còn thứ tù tạm, giam vạ mọn vì mắc tội nhẹ, hay là mắc công nợ đền chưa đủ, thì con cháu có thể chạy chuộc cho, lại đặng ra khỏi. Ấy lẽ chúng tôi cầu hồn cũng như làm vậy; nào chúng tôi có dám phá ngục như các thầy đâu?

NHO SĨ RẰNG:

Ba đạo đã giải rồi, thì đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao?

THỨ BỐN:

TÂY SĨ GIẢI RẰNG:

Trong đạo chúng tôi dạy có bốn sự cả thể sau hết, gọi là tứ chung: một là sự chết, hai là sự phán xét, ba là sự địa ngục, bốn là sự thiên đàng.

Vậy trước hết: sự chết; vì bởi tội cho nên Thiên Chúa đã phán đoán cho loài người ta đều phải chết, dầu ai ai, đáng nào bậc nào, khôn khéo cách nào mặc lòng thì cũng phải chết hết, chẳng ai trốn khỏi sự chết sót.

Hai là sự phán xét, là hễ người nào vừa hết hơi đoạn dù xác còn nằm trên giường mặc lòng, tức thì thánh thiên thần bản mệnh đem linh hồn người ấy đến trước tòa Thiên Chúa rất uy nghi công thẳng, mà chịu Ngài phán xét về sự đã tư tưởng kín nhiệm trong lòng, các lời đã nói, các việc đã làm, dù lành dù dữ từ có tuổi khôn cho đến giờ ấy, bao nhiêu tội, cùng bao nhiêu phúc, sát sạt đều bày ra cả, chẳng sót một sự gì sót, cùng chẳng chữa mình mà đổ cho ai được nữa.

Ba là sự địa ngục, vì thuở tạo thiên lập địa, Thiên Chúa đã dựng nên một ngục là nơi rất sâu hiểm, song phân làm bốn tầng là *nhất viết: linh bực; nhị viết: hải sở; tam viết: luyện ngục; tứ viết: vĩnh khổ*. Tầng thứ nhất

NHU SĨ RẰNG:

Ba đạo đã giải rồi, thì đạo Tây sĩ giải câu ấy làm sao?

IV

TÂY SĨ RẰNG:

Trong đạo chúng tôi dạy bốn đều cả thể sau hết, gọi là tứ chung: một là sự chết, hai là sự phán xét, ba là sự địa ngục, bốn là thiên đàng.

Vậy trước hết sự chết, bởi tội tổ tông nên Chúa đã đoán định cho loài người ta phải chết, dầu ai ai, đứng bực nào, dầu khôn khéo thể nào mặc lòng, thì cũng chẳng ai khỏi đặng.

Hai là sự phán xét, là hễ người nào khi tắt hơi vừa đoạn, dầu xác còn nằm trên giường, tức thì thánh Thiên thần bốn mạng đem linh hồn người ấy đến trước tòa Thiên Chúa rất oai nghi công thẳng, mà chịu Người phán xét về mọi việc mình; những sự tư tưởng kín nhiệm trong lòng, mọi lời đã nói, mọi việc đã làm, dầu lành dầu dữ, từ khi có trí khôn cho đến khi ấy, bao nhiêu tội bao nhiêu phúc, thảy thảy đều bày ra hết, chẳng sót sự gì cả, cũng chẳng chữa lỗi mình mà đổ cho ai đặng; mỗi một người đều phải gánh lấy của mình, là những việc lành dữ đã làm khi còn sống.

Ba là Địa ngục, vì thuở tạo thiên lập địa, Chúa đã dựng nên chốn ấy cách xa nước thiên đàng, song phân làm bốn tầng: một là Lâm bô, hai là Hải sở, ba là Luyện tội, bốn là Ngục Vĩnh khổ. Lâm bô là tầng ở ngoài và ở trên hết,

ở ngoài và trên hết, là ngục linh hồn thánh tổ tông xưa khi sinh thì đoạn còn phải ở đấy, thì trông Chúa Cứu Thế. Tầng thứ hai là ngục các linh hồn trẻ mới sinh ra mà chết khi chưa được chịu phép Lãnh tẩy. Tầng thứ ba là ngục giam các linh hồn kẻ có đạo, song còn mắc tội mọn và còn phải mắc nợ chưa đền cho đủ thì phải chịu lửa nung đốt luyện tội cho đến khi sạch hết tội hết nợ thì mới được ra khỏi mà lên Thiên đàng. Tầng thứ bốn là ngục rất sâu, giam cầm các ma quỷ và các kẻ theo ý nó thờ phụng nó, cùng các kẻ vong ân bội nghĩa, chẳng thờ phụng Thiên Chúa, chẳng giữ luật giới Ngài phán dạy. Ngục này đầy những lửa sinh lửa diêm, cùng muôn muôn vạn vạn sự khốn khó khác hợp làm một mà những kẻ đã phải giam cầm trong ấy thì phải thiêu đốt vô cùng vô tận, cùng chẳng bao giờ chết được cho khỏi sự cực khốn ấy.

Bốn là Thiên đàng, là chốn rất sang rất trọng, rất thanh nhàn, rất vui vẻ, gồm no mọi sự phúc Đức Thiên Chúa đã dựng nên để mà thưởng các Thánh Thiên thần cùng các Thánh nam nữ là những kẻ khi còn sống ở đời này đã thờ phụng Thiên Chúa, đã giữ luật giới Ngài cho trọn, thì khi chết đoạn linh hồn lên trên ấy châu chực Thiên Chúa, hưởng phúc vô cùng. Ấy là sự tứ chung thì làm vậy.

là nơi linh hồn các thánh tổ tông xưa khi sanh thì đoạn còn phải ở đó, đợi trông Chúa Cứu thế ra đời chuộc tội cho thiên hạ, đoạn các thánh ấy mới đăng lên thiên đàng. Hai sở là nơi những linh hồn con trẻ mới sinh ra, mà chết khi chưa đăng chịu phép rửa tội. Luyện tội là nơi giam cầm của linh hồn kẻ có đạo, khi còn sống hoặc mắc tội nhẹ, hoặc đền tội chưa đủ, thì phải chịu lửa nung đốt cho đến khi sạch hết tội vạ, mới đăng ra khỏi đó mà lên Thiên đàng. Ngục Vĩnh khổ là nơi rất sâu hiểm, giam cầm các ma quỷ và các kẻ đã theo ý nó mà thờ phượng nó, cùng quái lạy đơm tế ông bà chạ mẹ, và giam cầm các kẻ vong ân bội nghĩa, chẳng thờ phượng Thiên Chúa, chẳng giữ luật phép Người răn dạy. Ngục này những lửa sinh lửa diêm, cùng muôn muôn vạn vạn hình khổ rất khốn nạn vô cùng. Những kẻ bị giam cầm trong ấy phải thiêu đốt đời đời, cũng chẳng hề có bao giờ chết đăng cho khỏi sự khốn ấy.

Bốn là thiên đàng, là chốn rất sang rất trọng, rất thanh nhàn rất vui vẻ, gồm no mọi sự phước đức. Thiên Chúa đã dựng nên để mà thưởng các thánh Thiên thần cùng các thánh nam nữ, là những người khi còn sống ở đời này đã thờ phượng Thiên Chúa và giữ luật Người cho trọn, thì khi chết đoạn linh hồn lên trên ấy châu chực Thiên Chúa, hưởng phước vô cùng. Ấy là tứ chung thì làm vậy.

Còn một việc cả thấy sau hết nữa, là khi thiên địa cùng tận, Thiên Chúa sẽ làm cho khắp mọi người đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến ngày ấy đều sống lại cả thay thay, mà bao nhiêu kẻ lành ở trên Thiên đàng sẽ xuống và bao nhiêu linh hồn kẻ dữ ở địa ngục sẽ ra, đoạn các linh hồn lại phải vào xác cũ mình, đến một nơi gọi là đồng Giu-ra-phát mà chịu phán xét chung trong một ngày ấy; rồi thì kẻ lành linh hồn và xác sáng láng tốt lành lên Thiên đàng sống lâu vui vẻ vô cùng; kẻ dữ linh hồn và xác xấu xa, khốn nạn, sa địa ngục, chịu phạt đời đời kiếp kiếp.

NHU SĨ RẰNG:

Khi nầy đã nói: hễ ai chết đoạn tức thì Thiên Chúa đã phán xét, kẻ lành đã cho lên Thiên đàng chịu phúc, kẻ dữ đã bỏ xuống địa ngục chịu phạt rồi. Nhân sao bây giờ thầy rằng, sẽ có ngày Thiên Chúa lại gọi khắp mọi người sống lại đến một nơi mà chịu phán xét chung làm sao nữa? Chớ thì khi trước Thiên Chúa chưa xét đoán nên ru? Ấy chính việc Ngài đã làm, nào có phải việc ai làm, mà phải làm đi làm lại nhiều lần, thêm việc chi thể ấy?

TÂY SĨ RẰNG:

Việc Thiên Chúa làm đã có nhiều ý sâu nhiệm. Vì một là khi phán xét lần trước, mới có một linh hồn chịu thưởng hay là chịu phạt mà thôi, xác thì còn ở dưới đất nầy. Ngày ấy mới cho xác cũ sống lại, bởi vì xác kẻ lành

Còn một việc cả thể sau hết nữa, là khi thiên địa cùng tận, là ngày tận thế, thì Thiên Chúa cho mọi người đã chết từ tạo thiên lập địa cho đến ngày ấy đều sống lại thay thay: những linh hồn kẻ lành ở thiên đàng, những linh hồn kẻ dữ dưới địa ngục, đều phải nhập vào xác cũ mình, tựu đến một nơi gọi là đồng Giosaphat mà chịu phán xét chung trong một khi ấy; đoạn linh hồn và xác kẻ lành lên thiên đàng sáng láng tốt lành, vui vẻ vô cùng; còn linh hồn và xác kẻ dữ phải phạt xuống địa ngục khốn nạn đời đời kiếp kiếp.

NHU SĨ RẰNG:

Khi nầy đã nói: hễ ai chết đoạn thì Thiên Chúa đã phán xét, kẻ lành cho lên thiên đàng hưởng phúc, kẻ dữ bỏ xuống địa ngục chịu phạt rồi. Nhơn sao thầy lại nói rằng sẽ có ngày Thiên Chúa lại gọi khắp mọi người sống lại, đến một nơi mà chịu phán xét làm sao nữa? Chớ thì trước khi Thiên Chúa chưa xét đoán nên sao? Ấy chính việc Người đã làm, nào có phải việc ai làm, mà phải làm đi làm lại nhiều lần, thêm việc thể ấy làm chi?

TÂY SĨ RẰNG:

Việc Thiên Chúa làm thì có nhiều ý sâu nhiệm, vì một là khi phán xét lần trước, mới có một linh hồn đăng hưởng phúc hay là chịu phạt mà thôi, xác thì còn ở dưới đất nầy. Ngày ấy mới cho xác cũ sống lại, vì xác kẻ

xưa đã làm bạn cùng linh hồn đã làm nhiều việc đức hạnh, đã thờ phụng Thiên Chúa trọn, thì bây giờ cho linh hồn hợp với xác, cả và hai đều chịu thưởng. Lại bởi vì xác kẻ dữ xưa đã làm bạn cùng linh hồn đã làm sự tội lỗi, phạm vi thánh đạo, thì bây giờ lại cho xác hợp với hồn, cả và hai đều chịu phạt nữa mới hợp phép công bình.

Hai là phán xét lần trước, kẻ lành, kẻ dữ chịu thưởng hay là chịu phạt, thì thiên hạ muôn đời chưa tỏ, vì những việc lành phúc đức nào mà người kia được thưởng dường ấy, cùng những tội lỗi xấu xa trọng nặng thể nào mà kẻ nọ phải phạt khổ nạn làm vậy, cũng như ngày thi hội. Cáo nào đỗ thì nhà vua đã lấy rồi; song còn treo bảng ba ngày để cho thiên hạ xem thấy tỏ tường tên người đỗ mà ngợi khen càng sáng danh hơn nữa. Sự phán xét cũng một lẽ ấy; vì khi ấy thiên hạ muôn đời đều xem thấy các việc lành phúc đức kẻ lành xưa đã làm, đã giữ đạo nên mà rày được thưởng nên thánh sang trọng dường ấy thì danh kẻ lành càng cả sáng hơn nữa. Bây giờ lại thấy các sự độc dữ gian dâm tà nghịch và các giống tội lỗi dơ dáy rất xấu xa, gồm giết kẻ xưa đã phạm, cho nên rày phải hình khổ vô cùng làm vậy, thì kẻ dữ càng xấu hổ khổ cực trước mặt thiên hạ, cùng ước chớ chi có núi nào lớn lở xuống đè lấp mình chết đi cho rồi, cùng ước: chớ chi sa địa ngục

lành xưa đã giúp linh hồn làm nhiều việc phước đức, đã thờ phụng Thiên Chúa hết lòng, thì bây giờ cho linh hồn hiệp với xác, cả và hai đều chịu thưởng. Lại xác kẻ dữ xưa cũng đã giúp linh hồn làm việc tội lỗi, chẳng thờ phụng Thiên Chúa cho nên, thì bây giờ lại cho xác hiệp với linh hồn, cả và hai đều chịu phạt; làm vậy mới hợp phép công bình.

Hai là phán xét lần trước, kẻ lành, kẻ dữ chịu thưởng hay là chịu phạt, thì thiên hạ chưa biết rõ, vì những việc lành phước đức nào mà người kia được thưởng dường ấy, vì những tội lỗi xấu xa nào mà kẻ nọ phải phạt dường ấy; lần này thì cả và thiên hạ muôn đời đã rõ biết Chúa là đúng công bình vô cùng, vì kẻ làm việc lành phước đức khi ở đời này, những chịu người ta khinh rẻ nhạo báng, bắt bớ làm khổ cực chẳng khi dừng, mà khi ấy được phần thưởng vui vẻ thanh nhàn, thì càng thêm sang trọng sáng láng cho kẻ lành hơn; lại kẻ dữ khi còn sống ở đời này làm những việc gian dâm tà nghịch, phạm tội lỗi xấu xa ô uế, nên khi ấy phải hình khổ, thì càng thêm xấu hổ khổ cực cho kẻ dữ hơn. Ấy là ý Thiên Chúa định có ngày phán xét chung thì làm vậy.

cho chóng, kéo phải chịu sự xấu hổ lâu mà càng thêm sự khốn hơn nữa. Ấy là sự phán xét chung thì làm vậy.

– Ba hôm nay, chúng tôi được đến trước mặt Đức Nhà Quan mà trình qua các lễ trong đạo chúng tôi, tất vậy, để Đức Nhà Quan xét thưởng cho, thì chúng tôi lấy làm ơn trọng lắm. Song bởi tôi chưa được thuộc lễ phép và nói tiếng trong nước cho đủ, hoặc đang khi nói có điều gì chẳng được lịch sự, ra thất lễ, thì trước là trông ơn Đức Nhà Quan rộng xét thứ cho tôi. Sau nữa là xin các thầy miễn trách cho, vì chẳng có bao giờ được gặp các thầy mà đàm đạo thể này thì tôi lấy làm mừng bội phần lắm. Các thầy đã cứ trong sách các thầy, tôi đã cứ lễ sách đạo tôi mà nói; dù lễ bên nào hư thật, đạo nào chân ngụy thì có lượng Đức Nhà Quan làm quyền hành để phân thị phủ vì chữ rằng: *Lý giả nhân loại chi công sư, quân tử dĩ lý vi chủ, tà thuyết nan đào lý biện*. Vậy bây giờ chúng tôi xin lạy tạ ơn Đức Nhà Quan, cùng xin Thiên Chúa phù hộ người được *trường thọ xuân thu đỉnh thịnh*, để chúng tôi được nhờ hồng phúc Đức Nhà Quan và xin già các thầy nghỉ lại được *bình ninh trường cửu* để chúng tôi về mồ sở.

CHUNG TẤT

– Trong ba ngày nay, chúng tôi đến trước mặt quan mà trình qua các lễ trong đạo chúng tôi tất vậy, để quan lớn xét cho, thì chúng tôi lấy làm ơn trọng lắm. Song bởi chúng tôi chưa thuộc tiếng nói cùng lễ phép trong nước cho đủ, hoặc đang khi nói, có điều gì chẳng đặng lịch sự ra thất lễ, thì trước là xin quan lớn rộng xét thứ tha cho chúng tôi, sau là xin các thầy miễn chấp, vì chẳng có mấy khi đặng gặp các thầy mà đàm đạo thể ấy. Vậy các thầy đã cứ trong sách các thầy, chúng tôi đã cứ lễ sách đạo tôi mà nói, đầu lễ bên nào phải trái, đầu đạo bên nào chon giả, thì để mặc lượng quan lớn quyền hoành là cân xét cho.

Bấy giờ quan lớn mới phán đoán rằng:

Trong điều thứ ba, là sự sau cùng hết, người ta chết rồi đi đâu, có lẽ thầy Nhu sĩ, thầy Hòa thượng, thầy Pháp sư nói, thì xưa nay ta cùng đã có nghe nhiều lần, mà thật trong lòng ta chưa biết thể ấy là nhằm hay là chẳng nhằm; còn sự Tây sĩ nói Bốn sự sau, là người ta sinh ra rồi phải chết, chết rồi phải chịu phán xét, phán xét rồi kẻ lành đặng thưởng lên thiên đàng, kẻ dữ phải phạt xuống địa ngục; lễ ấy rất công minh chính trực, chẳng còn nghi hoặc đặng nữa. Như vua trị nước, nếu chẳng dùng phép công bình, dùng quờn thưởng phạt thì trị nước làm sao đặng? Huống chi Thiên Chúa đã sinh

nên trời đất thần người muôn vật, lại cai trị giữ gìn trời đất thần người muôn vật đời đời; nếu chẳng dùng phép công bình, chẳng dùng quờn thưởng phạt kẻ lành dữ, thì cai trị làm sao đặng? Ấy là lẽ nhĩn tiền phải có như vậy chẳng sai, cho nên trong đều thứ ba này, ta đoán đạo Thiên Chúa dạy phải, và rõ ràng chắc thật hơn các đạo thấy thấy. Lại ta đã biết rõ sự thật ở đâu, thì ta cũng tin tưởng noi giữ theo đó cho đến cùng.

Nay giã các thầy lui gót bằng an, cho ta đặng bãi hầu về nghỉ.

CHUNG (Hết)

PHẦN 5

PHỤ LỤC

Đạo Thiên Chúa, nay gọi là đạo Công giáo, là đạo mặc khải, vì không phải do tâm trí của con người nghĩ ra, nhưng chính là ơn Thiên Chúa soi sáng. Bởi vì Thiên Chúa đã nói: *"Tư tưởng của Ta không phải là tư tưởng của các ngươi, và đường lối các ngươi không phải là đường lối của Ta - sấm ngôn của ĐỨC CHÚA. Trời cao hơn đất chừng nào thì đường lối của Ta cũng cao hơn đường lối các ngươi, và tư tưởng của Ta cũng cao hơn tư tưởng các ngươi chừng ấy"* (Is 55,8-9). Ai trong chúng ta có thể nói đo được tư tưởng của Thiên Chúa? Bởi vì vốn có một khoảng cách vô tận giữa Thiên Chúa và con người, nên khi dùng ngôn ngữ con người để giải thích về Thiên Chúa là điều bất cập, khiến cưỡng! Vì vậy, cần có thái độ khiêm tốn khi trình bày về Thiên Chúa với người ngoài Công giáo và thái độ bao dung khi nghe những người ngoài Công giáo nói về Ngài. Tín ngưỡng dân gian, đạo Nho, đạo Lão Tử, đạo Phật xuất phát từ suy tư của con người, vốn là hữu thể có giới hạn, thao thức về nguồn gốc và ý nghĩa của đời mình. Thánh Kinh là Lời Chúa mặc khải cho con người, các kinh sách của đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật là những suy tư mang tính triết học của con người. Vì vậy, không thể suy diễn các kinh sách ấy dưới góc nhìn thuần túy khoa học mà phải tìm thấy những thông điệp muốn chuyển tải nơi lời dạy trong các kinh sách.

Trong thời Lê Trung Hưng, đạo Lão được các chúa coi trọng để dựa vào đó xác định căn tính của mình được định ra từ trời cao. Đặc biệt, các chúa Nguyễn còn thực hiện chính sách tam giáo đồng nguyên, cụ thể là *cư Nho mộ Thích* 居儒慕釋. Nghĩa là lấy tư tưởng đạo Nho để trị quốc và lấy căn bản giáo lý đạo Phật để an dân và làm giảm bớt sự hà khắc của luật lệ từ đạo Nho. Trên văn bia *Ngự kiến Thiên Mục tự* (1715) có nói rõ: 居儒慕釋，以政治無不行仁信道崇僧，就因果而思種福承平國界，安樂身心。Phiên âm: *Cư Nho mộ Thích, dĩ chính trị vô bất hành nhân. Tín đạo sùng tăng, tựu nhân quả nhi tư chủng phúc. Thừa bình quốc giới, an lạc thân tâm*. Dịch nghĩa: Làm theo đạo Nho, sùng mộ đạo Phật, việc trị nước không thể không thi hành điều Nhân. Tín đạo, chuộng tăng, kết nhân - quả mà

gieo trồng giống “phúc”. Đất nước an bình, lòng người yên vui”. Chính vì vậy, trong *Hội Đồng Tứ Giáo*, tam giáo hầu như thuộc về một bên.

Từ khi con người ý thức mình đang hiện diện trong cuộc đời thì từ văn hóa phương Tây hay phương Đông đều có những thắc mắc về vũ trụ quan và nhân sinh quan, đó là: Nguồn gốc con người được sinh ra từ đâu? Hiện nay, người ta sống ở đời này như thế nào? Sau cùng, người ta chết rồi đi đâu? Người viết không có ý phân định đúng sai trong triết lý của các tôn giáo, chỉ xin trình bày nhận định từ tín ngưỡng dân gian của người Việt và tứ giáo (Nho giáo, Lão giáo, Phật giáo và Công giáo) về ba vấn nạn của con người, đó là:

I. NHÂN CHI BẢN NGUYÊN, SINH TỰ HÀ LAI? 人之本原生自何來 (Nguồn gốc con người được sinh ra từ đâu?)

I.1. Theo tín ngưỡng dân gian của người Việt

Vũ trụ quan của người Việt bắt đầu từ việc:

– Sùng bái sự sinh sôi nảy nở, sự phát triển cách phong nhiêu¹ để mong có được cuộc sống sung túc (tín ngưỡng phồn thực).

– Sùng bái các hiện tượng tự nhiên như mây, mưa, sấm, chớp... và có quan niệm vạn vật hữu linh để mong muốn được bình an (tín ngưỡng thờ nhiên thần).

– Sùng bái người quá cố có công với làng xã, đất nước để tỏ lòng biết ơn (tín ngưỡng thờ nhân thần).

– Sùng bái thần linh do con người tự tạo ra để mong muốn có cuộc sống sung túc, bình an (tín ngưỡng thờ thiên thần)

Tiếp đến, người Việt nhận thức mình sống trong và sống nhờ ba cõi (còn gọi là phủ hay mừng), đó là trời, nước và đất – như người con sống nhờ người mẹ, qua việc khai thác sản vật, tài nguyên từ ba cõi ấy để phục vụ cho đời sống của mình. Từ đó, họ đặt ra người đứng đầu các cõi ấy là Mẫu và Mẫu Tam Phủ ra đời với Mẫu Thiên (Mẫu cai quản cõi trời), Mẫu Thoải (Mẫu cai quản cõi nước, chữ thoải là cách đọc trại của chữ thủy), Mẫu Địa (Mẫu cai quản cõi đất). Ngày 1 tháng 12 năm 2016, UNESCO đã công nhận tín ngưỡng Mẫu Tam Phủ là di sản văn hóa phi vật thể. Về sau, một số địa phương miền Bắc đã thêm một Mẫu là Công

1. Phong nhiêu (豐饒) là tốt tươi và đầy đủ.

Chúa Liễu Hạnh, là con người thật sự, để hình thành ra Tứ Phủ. Từ đó, trong Đạo Mẫu ngoài nhiên thần còn thờ thêm các nhân thần (Cô, Cậu, Ông Hoàng, Bà Chúa...).

Người Việt cũng nhận thấy trong ba cõi trời, nước, đất thì trời quản lý tất cả – trời là cội nguồn của tất cả – và từ đó có tín ngưỡng thờ Trời. Tín ngưỡng thờ Trời của người Việt là một nét rất riêng, không lẫn lộn với quốc gia nào. Tín ngưỡng thờ Trời ảnh hưởng văn hóa phương Bắc qua lễ tế đàn Nam Giao của vua chúa ngày xưa – từ miền Bắc đến miền Trung. Việc lập đàn tế trời là một đặc quyền của nhà vua, để nhà vua thể hiện căn tính con trời (thiên tử) của mình. Thế nhưng trong dân gian vẫn khao khát quyền được thờ Trời. Tín ngưỡng thờ Trời trong dân gian còn gọi là thờ Thiên, được thể hiện cụ thể qua bàn Thiên của người Nam Bộ. Ở địa phương miền Bắc và miền Trung, người ta không dám lập đàn thờ Trời mà thay vào đó là bày bàn cúng sao ở ngoài sân. Thật ra theo dân gian, ngôi sao chính là thiên thần hay người của nhà Trời. Trong Nam Bộ, nơi xa kinh đô, người ta lập bàn Thiên để thờ Trời. Nhưng ông Trời là ai thì người Việt cũng chỉ nhận thức cách lơ mơ. Với tư duy của tín ngưỡng phồn thực, người xưa cho rằng Trời là cha (dương), Đất là mẹ (âm) và Trời sinh Đất dưỡng. Tinh dịch của Trời là nước mưa, thấm nhuần cho Đất khiến vạn vật sinh sôi nảy nở.

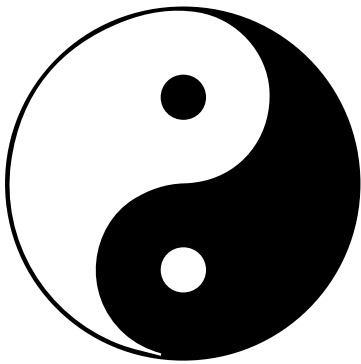
Bởi thế, qua Nhất Dạ Trạch Truyện (Đầm Dạ Trạch) và câu ca dao “Bút thủy chấm với nghiên xanh / Ông Trời kia đã định em phải kêu anh bằng chồng”, từ xa xưa, người Việt đã tin rằng có một Đấng Tối Cao se duyên vợ chồng. Chuyện vợ chồng không chỉ là duyên nợ mà còn là một món quà do Trời ban.

Qua Tây Qua Truyện (Dưa hấu), của Lĩnh Nam Chích Quái và câu ca dao “Trời sinh người có lộc trời / Đất sinh ra cỏ, rể nào lại không?”, từ rất lâu, người Việt tin vào sự quan phòng của Đấng Tối Cao trên vũ trụ nói chung và trên đời sống con người nói riêng.

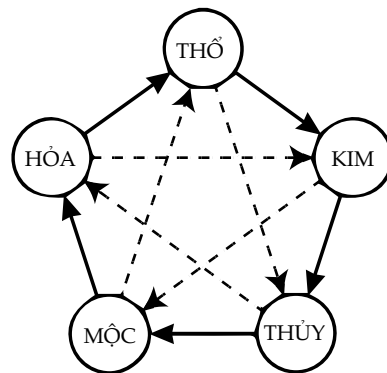
Thế nhưng ông Trời là ai thì trong dân gian lại có nhận thức không rõ ràng, chung quy đó chỉ là Đấng Tối Cao gần gũi với con người. Bởi thế, khi không được như ý, người ta thường than trời trách đất: “Ngồi buồn mà trách ông xanh, / Khi vui muốn khóc, buồn tênh lại cười” (trích Vịnh Cây Thông, Nguyễn Công Trứ).

I.2. Theo Nho giáo

Thế khí ban đầu là Thái Cực. Thái Cực động sinh dương, tĩnh sinh âm. Dương biến âm, âm biến dương rồi sinh ra Ngũ Hành là kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Trình Tử đời nhà Tống nói rằng: *Vạn vật chi thủy bất quá tán tụ nhi dĩ* 萬物之始不過散聚而已 (Nguyên thủy của vạn vật, bất quá do khí âm dương tán hợp mà ra). Vì vậy, theo Nho giáo, tự ban đầu, thế khí hay Thái Cực động tĩnh sinh ra âm dương, rồi âm dương sinh ra ngũ hành và ngũ hành biến hóa ra vạn vật là đầu cội rễ mọi sự. Việc âm biến dương và dương biến âm trong Dịch Kinh cũng có đề cập đến: *Vô cực chi tiên âm hàm dương dã* 無極之前陰含陽也 (Trước vô cực âm ngậm trong dương). Nghĩa là tự khởi thủy âm đã có trong dương. *Âm vi dương chi mẫu, dương vi âm chi phụ* 陰為陽之母, 陽為陰之父 (Âm là mẹ dương, dương là cha âm). Nghĩa là âm sinh ra dương và được sinh ra từ dương và ngược lại. Cũng như người làm cha mẹ của con cái mình thì cũng từng là con cái của cha mẹ mình. Tuy nhiên, cái gì làm cho Thái Cực có trạng thái tĩnh để sinh âm và động để sinh dương? Như vậy, Thái Cực có lẽ chưa phải là nguồn gốc khởi thủy của vũ trụ.



Sơ đồ Thái Cực



Sơ đồ Ngũ Hành

I.3. Theo Đạo giáo

Cội rễ muôn vật được tóm lại trong *Đạo Đức Kinh*, chương 42, Đạo Hóa 道化: *Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi báo Dương, xung khí dĩ vi hòa* 道生一, 一生二, 二生三, 三生萬物. 萬物負陰而抱陽, 沖氣以為和 (Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Vạn vật công Âm và âm Dương. Ở giữa là nguyên

khí dung hòa). Thuở sơ khai chưa có trời đất, trước cả hỗn mang, chỉ mới có nguyên khí được gọi là Nguyên Thủy Thiên Vương. Thể chất của Nguyên Thủy Thiên Vương kết tinh thành Bàn Cổ và thần Bàn Cổ sáng tạo ra vũ trụ, muôn loài muôn vật. Thể khí của Nguyên Thủy Thiên Vương phân thành ba, đó là Tam Thanh: Đạo Đức Thiên Tôn, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Linh Bảo Thiên Tôn. Bàn Cổ thì chết đi nhưng Tam Thanh thì vĩnh hằng. Đạo Đức Thiên Tôn trong Tam Thanh chính là Thái Thượng Lão Quân, vào thời Chu đầu thai hạ giới để viết Đạo Đức Kinh và được tôn là giáo chủ của Đạo Tổ hay Đạo Giáo. Ngọc hoàng Thượng đế là do Tam Thanh chỉ định.

Thế nhưng là sao Đạo lại xuất hiện được từ hư không, để rồi từ Đạo sinh nhất, là cái hiện hữu? Rồi cái gì tác động để nhất sinh nhị? Trong sách nói *hư vô chi đạo* 虛無之道 (hư không là đạo) và *hư vô đại đạo* 虛無大道, (hư không là đạo lớn) nhưng làm sao hư không lại có thể trở nên cội rễ mọi sự được?

I.4. Theo Phật giáo

Theo sách *Tâm Đăng* 心燈 (Phật pháp đều do tâm người tạo ra), đầu bài *Cửu kiếp* 九劫 nói rằng: “Khởi đầu có một hạt sương là hư vô, là Phật tính. Hạt sương ấy tự nhiên chia ra làm ba phần: màu xanh, màu vàng, màu trắng. Ba phần lại hóa nên một cái trứng lớn và cái trứng ấy hóa ra trời, đất, cha mẹ.” Thế nhưng, Phật Thích ca mâu ni sinh ngày 8 tháng 4 tại nước Thiên Trúc, thân phụ là Tịnh Phạn (Suddhodana) vua nước Thích-ca (Shakya) có kinh đô là Ca-tì-la-vệ (Kapilavastu) và mẹ là vương phi Ma Da (Maya) người tiểu quốc Koli. Như vậy thì làm sao mà ngài sinh ra trời đất được? Thật ra Phật Thích ca mâu ni không phải là Thượng Đế, Ngài cũng chưa bao giờ tuyên bố như thế. Ngài là người chỉ dạy con đường đưa đến giác ngộ từ kinh nghiệm thực chứng của Ngài.

Theo Phật pháp, con người được tạo ra từ cha mẹ và nghiệp. Nghiệp là sự vận hành của tâm thức, tâm thức ấy có được từ việc một thể lý nào đó đã qua đời. Khi đó nghiệp ra đi và tìm một gia đình có nghiệp tương thích, gọi là “họ hàng nghiệp” – lý giải theo khoa học là gen di truyền, để công nghiệp và sinh ra ở gia đình ấy. Đi tìm khởi nguyên của sự sống là vô nghĩa, vì không ai trả lời được. Học thuyết *Mười hai Nhân*

*duyên*² cho rằng, vô minh (tình trạng tâm thức không thấy sự vật “như nó là” (*như thật tri kiến* 如實知見), cho ảo giác là sự thật và vì vậy sinh ra khổ. Nó ngăn trở không cho con người thấy thế giới đích thật) chính là yếu tố đầu tiên đưa nghiệp vào trong sinh tử luân hồi để tìm gia đình có nghiệp tương thích. Có hai nguồn kinh của Phật giáo lý giải sự có mặt của con người trên trái đất. *Kinh Khởi Thế Nhân Bản* (Agganna sutta) thuộc *Trường Bộ Kinh* (Digha Nikaya), Đức Phật nói nguồn gốc của con người trên Trái Đất là những loại chúng sanh từ các hành tinh khác đã đến trái đất này, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không. Họ nếm được sự hưởng thụ và thấy thích nên đã ở lại. Đến một giai đoạn nào đó, sau một thời hạn rất lâu, thế giới này chuyển thành, một số lớn chúng sanh từ nơi khác tới thác sanh qua tại đây. Họ trở thành những cư dân đầu tiên trên Trái Đất. Ở các bài kinh khác, Đức Phật nói, Trái Đất không phải là hành tinh duy nhất có sự sống của con người mà có vô số hành tinh có sự sống khác. Trong thuyết Duyên khởi, còn gọi là học thuyết tương quan – tương duyên – tương thuộc, Đức Phật đã giải thích: *Cái này có dẫn đến tình trạng cái khác có, cái này phát sinh tạo điều kiện cho cái khác phát sinh, cái này vắng mặt dẫn đến sự kết thúc của cái khác, cái này không tồn tại dẫn đến tình trạng mất tồn tại ở cái khác.*

Từ đó, Phật giáo không chấp nhận nguyên nhân khởi thủy của sự sống. Việc tìm về nguồn gốc không thể và không cần thiết. Phật giáo không nhìn nhận có thượng đế, bởi vì đó là nguyên nhân khởi thủy. Bởi lẽ “*Thế gian chuyển biến thành lập, thế gian chuyển biến tan hoại, thế gian chuyển biến tan hoại rồi thành lập; thế gian chuyển biến thành lập rồi an trụ.*” (*Kinh Khởi Thế Nhân Bản*, phẩm 1: Châu Diêm Phù). Thật vậy, “*tất cả thế gian, mỗi pháp đều tùy theo nghiệp lực mà hiện khởi, thành lập.*” (*Kinh Khởi Thế Nhân Bản*, phẩm 1: Châu Diêm Phù). Đức Phật chưa bao giờ nói, chỉ thừa nhận thế giới vật chất hoặc chỉ thừa nhận thế giới tinh thần. Ngài nói rằng con người vốn từ duyên sinh, thế giới cũng từ duyên sinh, nên tất cả đều không có thực ngã. Đức Phật đã dùng *Thập Nhị Nhân Duyên* 十二因縁 để nói về quá trình trưởng thành của con người. Đó là:

1) Vô minh 無明 là sự nhận thức sai lầm bản ngã và thế giới, là sự
2. (*nhân* 因: năng lực chính phát sinh ra sự vật; *duyên* 緣: năng lực phụ giúp năng lực chính phát sinh). *Nhân duyên* là mối ràng buộc giữa người này với người khác, sự việc này với sự việc khác.

không sáng suốt, mê lầm, không nhận được bản tính duyên khởi chân thật. Chính vì không biết nên nhận lầm thật có cái ta, thật có cái thân, thật có hoàn cảnh, rồi phát khởi ra những tâm niệm sinh diệt chuyển biến không ngừng. Đây là giai đoạn đầu của nhân quả các việc trong quá khứ. Vô minh là nền tảng của mười một nhân duyên còn lại.

2) Hành 行 do vô minh sinh ra, là cái tâm niệm khiến có điều lành hay điều dữ để rồi tạo nghiệp, khiến phải chịu quả báo về sau. Hành động này có thể tốt, xấu hay trung tính. Hành có thể ở trong ba dạng: thân, khẩu và ý. Vì có vô minh nên mới có sự chuyển dịch thành tâm niệm. Những hành động trong vô minh gây ra nhiều tội lỗi và trói buộc chúng sinh vào kiếp luân hồi. Đây là giai đoạn tiếp sau vô minh, nhân quả các việc trong quá khứ hình thành tâm niệm. Vô minh và Hành phân phối vào nhân quả trong ba đời thì thuộc về nghiệp nhân ở quá khứ sẽ có kết quả ở hiện tại.

3) Thức 識 do Hành sinh ra, là ý niệm của nghiệp báo đời trước trở nên mãnh liệt khiến chúng sinh đầu thai kiếp sau và làm nền tảng cho một đời sống tới. Thức đi vào bụng mẹ và lựa chọn cha mẹ đúng như Hành tốt xấu quy định. Đây là giai đoạn tiếp sau hành, chuẩn bị nhập thể và nhập thể. Ý niệm của nghiệp báo đời là một trong ba phần “thọ, noãn, thức” để thụ thai và tạo thành thân mạng.

4) Danh sắc 名色 do Thức sinh ra, là giai đoạn ngay sau khi đầu thai. Thức theo nghiệp báo duyên sinh ra danh sắc. Lúc ấy tâm thức chưa rõ ràng, hình thể chưa hoàn chỉnh nên không gọi là thân tâm mà gọi là danh sắc. Danh bao gồm những cái không có hình tướng tức tinh thần hay tâm thức. Sắc bao gồm những cái có hình tướng tức hình thể – do sự phối hợp của Tứ Đại: Đất, Nước, Lửa, Gió – có trạng thái tự tiêu hoại. Nghiệp thức tạo ra sự luân chuyển, nhờ tâm thức (danh) và tinh huyết của cha mẹ (sắc) hòa hợp nương tựa nhau, sự sống nảy nở và tồn tại.

5) Lục căn 六根 do Danh sắc sinh ra, là giai đoạn tiếp theo của danh sắc là thân thể và tâm thức được tạo thành trong bào thai, gọi là thân tâm. Khi sự sống được hình thành và tăng trưởng (kết thai) thì thân tâm hay sáu căn được hình thành: Mắt, Tai, Mũi, Lưỡi, Thân, Ý. Sáu căn tương ứng với sáu trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Sáu căn giao hòa với sáu căn tạo ra lục nhập từ khi bào thai tượng hình trong dạ mẹ. Lục nhập

khiến MẮT có thể lĩnh nạp SẮC trần, TAI có thể lĩnh nạp THANH trần, MŨI có thể lĩnh nạp HUƠNG trần, LƯỖI có thể lĩnh nạp VỊ trần, THÂN có thể lĩnh nạp XÚC trần, Ý có thể lĩnh nạp PHÁP trần.

6) Xúc 觸 do Lục căn sinh ra, là giai đoạn từ khi ra đời đến khoảng hai tuổi, lúc biết nhận xét vui, buồn, tốt, xấu. Ở giai đoạn này những lãnh nạp nơi lục căn chưa có đủ lý trí để phân biệt, cảm nhận một cách rõ ràng và tinh tế.

7) Thụ 受 do Xúc sinh ra, là giai đoạn khoảng từ ba đến mười ba tuổi, hình thành cảm nhận của con người với thế giới bên ngoài. Tâm thức của con người trong thời kỳ này đã rõ nét, đã biết ham muốn đồng thời cũng có những tình cảm vui buồn, sướng khổ. Năm giai đoạn Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thụ phân đều vào nhân quả ba đời thì chúng thuộc quả hiện tại, do nghiệp nhân quá khứ là Vô minh và Hành gây ra.

8) Ái 愛 do Thụ sinh ra, là giai đoạn từ mười bốn tuổi đến mười tám tuổi – giai đoạn đang trưởng thành thùy trước để phân định và lòng ham muốn xuất phát từ vô minh. Con người mà sinh lòng ưa ghét: yêu cái gì mình thích và ghét cái gì mình không ưa. Con người bắt đầu có đam mê với tài sắc.

9) Thủ 取 do Ái sinh ra, là giai đoạn từ mười chín tuổi trở đi, thân thể phát triển đầy đủ, sự tham ái càng mạnh cho nên yêu thích cái gì thì muốn giữ lấy cái đó. Chính vì điều cá nhân mới muốn chiếm lấy cho mình, vì sự giành giữ để thỏa mãn nên có việc lành việc dữ xảy ra tạo nên thiện và ác nghiệp phải chịu quả báo đời sau.

10) Hữu 有 do Thủ đưa đến, là giai đoạn tạo nghiệp, là toàn bộ những gì ta gọi là tồn tại, sự sống và thế giới. Vì tâm niệm Ái và Thủ làm nghiệp nhân nên phải có (hữu) thân sau để chịu quả báo lành dữ. Vậy, Ái, Thủ, Hữu là nhân của hiện tại mà con người đã tạo nên.

11) Sinh 生 do Hữu đưa đến, là giai đoạn mà cái nhân hiện tại đang gây ra, do Hành Nghiệp quyết định trong cuộc sống hằng ngày bao gồm dục là tham ái và lòng ham muốn, để dựa vào đó, con người sẽ phải thọ sinh ở đời sau.

12) Lão Tử 老死 do Sinh mà dẫn đến hoại diệt. Lão Tử tính từ khi thọ sinh cho đến khi tử diệt ở đời sau. Sinh và Lão Tử đem phân phối nhân quả trong ba đời là quả ở vị lai của con người. Như thế, từ nhân

quá khứ sang quá hiện tại, quá hiện tại lại làm nhân cho quá tương lai, ba đời cứ nối tiếp xoay vần mãi mãi không dứt, như một bánh xe xoay tròn không dừng nghỉ. Nghĩa là con người chẳng những chỉ sống trong một đời hiện tại này mà trong quá khứ đã từng trải qua nhiều kiếp sống rồi, trong vị lai cũng sẽ còn vô lượng kiếp sống nữa nếu phiền não chưa được tận diệt.

I.5. Theo Công giáo

Con người được Thiên Chúa dựng nên để sống hạnh phúc với Ngài. Thiên Chúa đã khắc ghi vào trong tâm hồn con người niềm khao khát Thiên Chúa và ban cho họ khả năng nhận biết, yêu mến và hiệp thông với Ngài. Con người có thể nhận biết Thiên Chúa, qua việc nhìn xem vẻ đẹp kỳ diệu và trật tự lạ lùng trong vũ trụ, mà nhận ra Đấng dựng nên trời đất muôn vật và nhờ tiếng lương tâm, sự tự do và khát vọng hạnh phúc đời đời, mà nhận ra Đấng là nguồn mọi điều thiện hảo.

Từ khi tạo dựng con người, *“Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ”* (St 1,27), nghĩa là Thiên Chúa ban cho con người có lý trí và có lòng yêu mến. Thiên Chúa đã ban cho con người có khả năng nhận biết và khắc ghi trong thâm tâm họ niềm khao khát tìm kiếm Ngài: *“Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với mình vì chỉ nơi Thiên Chúa thì con người mới tìm gặp chân lý và hạnh phúc mà họ không ngừng tìm kiếm: Khía cạnh cao quý nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi hiệp thông với Thiên Chúa. Ngay từ lúc mới sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa: thực thể, sở dĩ con người hiện hữu là vì Thiên Chúa đã vì yêu thương mà tạo dựng nên, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn; và con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhìn nhận tình yêu ấy và phó thác cuộc đời cho Đấng tạo dựng nên mình”* (GLHTCG 27).

Vì thế, con người tìm kiếm Thiên Chúa bước đầu qua tín ngưỡng: *“Trong lịch sử loài người và cho tới ngày nay, loài người đã thể hiện việc tìm kiếm Thiên Chúa bằng nhiều cách, qua các tín ngưỡng và các hành vi tôn giáo (cầu khẩn, cúng tế, sùng bái, tịnh niệm, v.v...). Các hình thức thể hiện này, mặc dù có thể còn bao hàm nhiều yếu tố mơ hồ bất minh, nhưng hết sức phổ biến, cho*

nên có thể gọi con người là một hữu thể tôn giáo” (GLHTCG 28). Trong khi thực hành tín ngưỡng, con người biểu hiện những giới hạn và những sai lầm làm méo mó hình ảnh Thiên Chúa. Thế nhưng, Hội Thánh luôn tin tưởng có thể nói về Thiên Chúa cho tất cả mọi người và với mọi người. (x. GLHTCG 39 & 844)

Đặc tính của người Việt nói riêng, người châu Á nói chung là sống hài hòa, xem trọng các giá trị của gia đình, có mối tương quan mật thiết với tha nhân, thích sống chiêm niệm, nặng tính giai cấp. Người châu Á luôn tự hào về truyền thống cổ xưa của mình. Người Việt cũng như các dân tộc châu Á có tinh thần bao dung tín ngưỡng tôn giáo và sống chung hòa bình... Nhận thức này được khẳng định là cách tốt nhất, không phải trong sự chạm trán và đối nghịch nhau, nhưng trong tinh thần bổ sung và hòa hợp. Trong sự bổ sung và hòa hợp này, Lời Chúa có thể được trình bày phù hợp với truyền thống và tâm hồn của người Việt cũng như của các dân tộc châu Á (x. Ecclesia in Asia, 6).

II. NHÂN CHI HIỆN TẠI, TẠI THẾ HÀ NHƯ? 人之現在在世何如
(Hiện nay, con người sống ở đời này như thế nào?)

II.1. Theo tín ngưỡng dân gian

Khi Nho giáo du nhập vào Việt Nam đã có tác động đến vũ trụ quan của người Việt:

*Tự xưa trời đất cấu tinh
Dương thư âm trưởng mới sinh ra người
Nuôi ta sinh sẵn nước nôi
Lại sinh lúa gạo đủ mùi cam trôn
Sấm sanh nhà cửa áo quần
Tơ bông tre nứa cỏ cây để dành
Lo ta tật bệnh để lành
Đã sinh ra thuốc lại sinh ra thầy
Lo ta đại đột ngu si
Sinh vua sinh thánh sinh thầy sinh cha
Sinh ta rồi lại nuôi ta
Y như cha mẹ trong nhà với con.
(Ca dao)*

Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, đỉnh cao của vũ trụ quan là Đạo Trời, đỉnh cao của nhân sinh quan là Đạo Làm Người, trong đó Đạo Hiếu đứng hàng đầu, kế đó là Đạo Nghĩa Vợ Chồng, sau cùng là đạo làm người với tha nhân. Cả vũ trụ quan và nhân sinh quan của người Việt đều bắt đầu từ chữ ÂN / ƠN 恩.

Tìm hiểu chữ ân / ƠN 恩: Theo chiết tự, chữ *ân* 恩 thuộc bộ *tâm* 心 (tấm lòng) và chữ *nhân* 因 (nhờ vào). Chữ *nhân* 因 thuộc bộ *vi* 口 (bao quanh) và chữ *đại* 大 (lớn lao, thẳm sâu, vô cùng). Vậy, *ân / ƠN* 恩 có hai chiều tương tác: Chiều từ ngoài vào (từ người làm ơn): Hành động giúp đỡ phát xuất từ lòng yêu thương. Chiều từ trong ra (từ người nhận ơn): Hành động tiếp nhận với ý thức khắc ghi trong lòng cách sâu thẳm.

1. Đạo hiếu

Tìm hiểu chữ *hiếu* 孝: Theo chiết tự, chữ *hiếu* 孝 thuộc bộ *tử* 子 (con cháu, thế hệ sau) và chữ *lão* 耂 (người già, thế hệ trước). Chữ *hiếu* 孝 có chữ *lão* 耂 trên chữ *tử* 子. Vậy, *hiếu* 孝 có hai chiều tương tác: Chiều từ trên (thế hệ trước): yêu thương, dưỡng nuôi, che chở cho con cháu, cho thế hệ sau. Chiều dưới lên (thế hệ sau): yêu kính, chăm sóc, biết ơn ông bà, cha mẹ và tiền nhân.

Vì thế, người Việt là một trong những dân tộc có tục thờ cúng tổ tiên sâu đậm và sớm nhất, nó gần như là một tôn giáo: Đạo ông bà.

*Thà đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn sáng mắt cha ông không thờ.
(Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu)*

Người phương Tây coi trọng ngày sinh, người Việt coi trọng ngày mất. Họ cho rằng người đã mất đi về nơi chín suối. Bàn thờ tổ bao giờ cũng được đặt ở nơi trang trọng nhất. Ngày xưa khi cúng lễ bao giờ cũng có nước (hoặc rượu) cùng với những đồ tế lễ khác như vàng mã. Sau khi cúng xong thì đem đốt vàng mã rồi đổ rượu hoặc nước lên đồng tro tàn khói bay lên trời, nước hòa với lửa thấm xuống đất – theo họ như thế tổ tiên mới nhận được. Hành động đó được cho là sự hòa quyện Nước – Lửa (âm dương) và Trời – Đất – Nước (tam tài) mang tính triết lý sâu sắc.

Người Việt xưa tin linh hồn không mất đi, khi lìa khỏi xác vẫn hoạt

động để trợ giúp hay đối nghịch lại với người sống. Linh hồn của người chết vẫn có những nhu cầu như khi còn sống. Vì vậy, họ cần được tôn kính và săn sóc cẩn thận qua việc cúng tế để khi nhận lễ vật, các hồn sung sướng và có thiện cảm với người dâng cúng, ban cho họ những ơn huệ. Từ đó cảm thấy giao cảm được cùng cõi nhân sinh khi thờ cúng các vong hồn, thờ kính tổ tiên và tôn thờ các danh nhân.

Theo người Việt, tổ tiên được định đến mức bốn đời hay nhiều hơn nữa. Bởi vậy, nơi một số các đình đền hay gia đình người Việt có khám thờ hay bàn thờ CỬU HUYỀN THẤT TỔ 九玄七祖: Chín đời ông cháu và bảy đời tổ tiên. Trong đó:

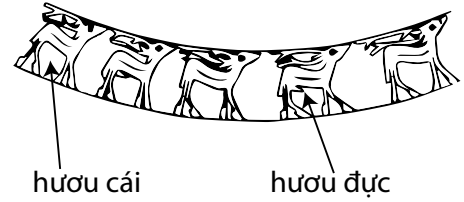
– CỬU HUYỀN: Kỳ 己 (bản thân) là một đời, lên trên bốn đời và xuống dưới bốn đời. Tính từ dưới lên trên như sau: *huyền tôn* 玄孫 (chít, cháu so), *tằng tôn* 曾孫 (chắt, cháu cố), *tôn* 孫 (cháu nội), *tử* 子 (con trai), KỶ 己 (chính mình), *phụ* 父 (cha), *tổ phụ* 祖父 (ông nội), *tằng tổ* 曾祖 (ông cố), *cao tổ* 高祖 (ông sơ). Theo quan niệm này, mình (kỷ) đã vay công ơn của bốn đời trên thì sẽ trả lại cho bốn đời con cháu sau này. Do chữ hiếu có hai chiều: cách cư xử của người trên đối với người dưới và cách cư xử của hậu nhân đối với tiền nhân.

– THẤT TỔ: bảy đời tính từ dưới lên trên: *phụ* 父 (cha – nhứt tổ), *tổ phụ* 祖父 (ông nội – nhị tổ), *tằng tổ* 曾祖 (ông cố – tam tổ), *cao tổ* 高祖 (ông sơ – tứ tổ), *tiên tổ* 先祖 (ngũ tổ), *viễn tổ* 遠祖 (lục tổ), *thỉ tổ* 始祖 (thất tổ). Theo quan niệm này, thờ từ cha mình đến thất tổ rồi cũng mở rộng đến tổ tiên của dân tộc là các vua Hùng (giỗ của các vua Hùng nay là quốc giỗ – ngày 10 tháng 3 âm lịch).

Người Việt Nam lấy đạo hiếu làm trọng. Trong đó, con cháu nhớ công ơn của cha mẹ, ông bà, tổ tiên và hết lòng chăm sóc, phụng dưỡng khi các ngài còn sống; khi các ngài đã qua đời, việc thờ kính để tưởng nhớ tổ tiên đồng thời dâng hiến lễ vật để các ngài hưởng dùng.

2. Đạo nghĩa vợ chồng

Trên mặt trống đồng Ngọc Lũ (một dạng trống đồng Đông Sơn, có niên đại khoảng 2.500 năm) thể hiện triết lý âm dương của tộc Bách Việt với hoa văn các cặp đôi của chim trống mái, hươu đực cái, nam nữ, vợ chồng và con nhỏ trong nhà... nhằm cầu mong có được sự sinh sôi nảy nở, sự phát triển tốt đẹp và sự bền vững trong hạnh phúc vợ chồng cũng



Một số hình ảnh trên mặt trống đồng Ngọc Lũ.

như cộng đồng.

– Đạo nghĩa vợ chồng trong dã sử

Lĩnh Nam Chích Quái (嶺南摭怪) là dã sử được danh sĩ Trần Thế Pháp biên soạn vào cuối thế kỷ XV, trong đó tập hợp một số truyền thuyết Việt Nam. Các truyện thời Họ Hồng Bàng trong Lĩnh Nam Chích Quái được đưa vào bộ chính sử *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* (大越史記全書) do Sử Quán Triều Hậu Lê biên soạn hoàn tất năm 1479. Trong đó có nhiều tích xưa nói về đạo nghĩa vợ chồng của người Việt, như:

+ *Hồng Bàng Thị Truyền* (鴻龐氏傳): Truyện kể rằng, Long Quân nói: “Ta là loài rồng, đứng đầu thủy tộc, nàng là giống tiên, sống ở trên đất. Tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, giống nòi bất đồng, khó ở với nhau lâu được; nay đành ly biệt, Ta đem năm mươi con về Thủy Phủ chia trị các xứ; năm mươi con theo nàng ở trên đất, chia nước mà trị. Lên núi, xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên”. Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi. Câu “Hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên” cho thấy

cuộc sống vợ chồng tuy phải phân ly để phát triển dân tộc nhưng luôn quan tâm và tương trợ lẫn nhau. Đoạn cuối của *Hồng Bàng Thị Truyền* có ghi: “Trai gái cưới nhau trước hết lấy muôi làm lễ hỏi, rồi sau mới giết trâu để làm lễ thành hôn, đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết, rồi sau mới tương thông; lúc bấy giờ chưa có trâu cau nên phải thế”. Do vậy, nghi thức hôn nhân của người Việt xưa chỉ có hai lễ: hỏi và cưới. Sau này, nghi thức *lục lễ* (六禮) hình thành do ảnh hưởng văn hóa Hán: *nạp thái* (納采), *vấn danh* (問名), *nạp cát* (納吉), *nạp trưng* (納徵), *thỉnh kỳ* (請期), *thân nghênh* (親迎).

+ *Tân lang truyện* (檳榔傳): Truyện kể rằng, người anh Cao Tân lấy con gái họ Lưu và tình vợ chồng ngày càng thân mật khiến người em Cao Lang hờn giận bỏ nhà đi và chết hóa thành cái cây bên bờ suối. Người anh đi tìm em, biết em chết và hóa thành cây thì tự tận hóa thành hòn đá phủ lấy gốc cây. Người vợ thấy lâu chồng không về liền đi tìm chồng. Khi biết chồng đã chết và hóa thành tảng đá thì gieo mình chết và ôm lấy tảng đá, hóa thành dây leo vắt trên tảng đá, ngọn lá có mùi thơm và say.

+ *Nhất dạ trạch truyện* (一夜澤傳): Truyện kể rằng, nàng Tiên Dung, con gái vua Hùng thứ ba, gặp chàng trai nghèo tên Chử Đồng Tử trong một tình huống éo le. Tiên Dung nói: “– Ta đã không thích lấy chồng, nay lại gặp người này cùng lộ thân với nhau trong một bãi cát, có lẽ trời khiến thế chăng? Thôi người hãy dậy mà tắm rửa đi”. Rồi ban cho áo quần, cùng nhau xuống thuyền ăn uống hoan lạc; người trong thuyền đều cho là một sự gặp gỡ tốt lành xưa nay chưa từng có. Đồng Tử nói rõ sự tích cho Tiên Dung nghe; Tiên Dung thương xót, bảo làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ. Tiên Dung nói: – *Việc này tự trời tác hợp, việc gì mà từ chối?*” Câu chuyện trên mặc dù muốn phá bỏ những ràng buộc lễ giáo của Nho giáo nhưng vẫn chịu ảnh hưởng bởi tin rằng việc vợ chồng là do trời tác hợp và định khiến.

3. *Lục lễ* (六禮): *nạp thái* (納采): nhờ người đến nhà gái uôm ý rằng muốn kén chọn con gái nhà ấy làm dâu; *vấn danh* (問名): nhờ mối lái đến hỏi tên họ và ngày sanh của cô gái; *nạp cát* (納吉): báo cho nhà gái biết đã xem tuổi, xem quẻ, mọi chuyện tốt đẹp và muốn tiến hành hôn lễ; *nạp trưng* (納徵): đem sính lễ đến nhà gái để làm lễ từ đường và ra mắt, còn gọi là lễ Hỏi; *thỉnh kỳ* (請期): xin nhà gái định ngày rước dâu; *thân nghênh* (親迎): lễ cưới, rước dâu về nhà trai.

+ *Kim quy truyện* (金龜傳): Truyện kể rằng, An Dương Vương mắc mưu của Triệu Đà, gả công chúa My Châu cho Trọng Thủy – con của Triệu Đà. Trọng Thủy tráo vuốt Kim Quy ở nỏ thần khiến quân Âu Lạc bị đại bại. Thần Kim Quy đón An Dương Vương nơi bờ biển và cho vua biết giặc chính là công chúa My Châu. Nhà vua tuốt gươm chém con gái mình. My Châu ngửa mặt lên trời mà cầu xin: “– *Thiếp là con gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại đến phụ thân thời chết hóa thành bụi trần, bằng như một niềm trung tín, bị người phỉnh phờ thời hóa làm ngọc châu để rửa cái thù nhục nhã này.*” My Châu chết ở bờ biển, máu chảy trên nước, hàu hến ăn vào lòng hóa thành minh châu. Vương cầm sừng văn tê bảy tấc, Kim Quy rẽ nước dẫn Vương vào biển, đòi truyền tại núi Mộ Dạ, làng Cao Xá, châu Diên tức là chỗ đó vậy. Quân Triệu Đà đến chỗ ấy không thấy gì hết, chỉ thấy tử thi của My Châu; Trọng Thủy ôm thân nàng mà về chôn ở Loa Thành, hóa làm ngọc thạch. Trọng Thủy thương cảm vô cùng, thấy là những chỗ trang điểm hay tắm gội của My Châu, tưởng nhớ đến hình dung của nàng bèn nhảy xuống giếng mà chết. Sau này, ai được Ngọc Châu ở Đông Hải, càng múc nước giếng ấy mà rửa thì sắc ngọc càng thêm rực rỡ...

Mặc cho gian kế của hai đấng quân vương, Trọng Thủy và My Châu vẫn một lòng yêu thương nhau và muốn sống chết bên nhau trọn đời. Ôi! Đạo nghĩa vợ chồng của Trọng Thủy – My Châu đã thoát ra khỏi không gian của xứ sở, đã vượt ra khỏi lòng tham xâm chiếm đất đai.

– Đạo nghĩa vợ chồng trong văn học Việt Nam

+ Vợ chồng là một món quà: Từ xa xưa, người Việt đã quan niệm rằng, việc vợ chồng là duyên nợ hay là một món quà mà trời định cho đôi lứa:

*Cổ tay vừa trắng vừa tròn
Mó vào mát lạnh như hòn tuyết đông
Đôi ta xứng vợ xứng chồng
Duyên trời đã định, tơ hồng đã xe.*
(Ca dao)

Một số người trích câu Thánh Kinh “*Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly*” (Mt 19,6b) để in vào thiệp cưới và hiểu nhầm đó là lời giáo huấn buộc phải theo. Thật ra, khi xét câu nói trên

trong mạch văn đầy đủ Mt 19,1-9 thì thấy rõ việc Thiên Chúa phối hợp người nam và người nữ thành vợ chồng đó là một món quà: người vợ là món quà Thiên Chúa ban cho chồng và người chồng là món quà Thiên Chúa ban cho vợ. “Thuở ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ”, và Người đã phán: “Vì thế, người ta sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt.” Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt” (Mt 19,4-6a).

+ Đạo nghĩa vợ chồng bao hàm hai đặc tính đơn hôn và vĩnh hôn: Hai đặc tính đơn hôn (một vợ một chồng) và vĩnh hôn (bất khả phân ly) không phải chỉ dành riêng cho hôn nhân Công giáo. Đạo nghĩa vợ chồng trong hôn nhân tự nhiên tự xưa đến nay vẫn luôn bao hàm hai đặc tính đơn hôn và vĩnh hôn.

Chim kia còn có đôi có bạn

Em hãy xem cặp nhận vấn vương

Làm người giữ đạo tao khương

Thủy chung như nhất, giữ đường ngãi nhơn.

(Ca dao)

Hai câu sáu và tám đầu tiên thể hiện đặc tính đơn hôn: “*có đôi có bạn*”, “*cặp nhận vấn vương*”. Hai câu sáu và tám cuối cùng thể hiện đặc tính vĩnh hôn: “*giữ đạo tao khương*”, “*thủy chung như nhất*”, “*giữ đường ngãi nhơn*”.

+ Đạo nghĩa vợ chồng là yêu thương và bao dung: Ngoài lời hứa thủy chung, đạo vợ chồng còn đòi hỏi sự bao dung, sự chấp nhận, cho dù đó là vị mặn mà (biểu trưng bằng muối), nồng thắm hay là vị cay cực (biểu trưng bằng gừng) của cuộc sống. Trong ngũ hành, vị cay của gừng thuộc hành Kim (金), vị mặn của muối thuộc hành Thủy (水). Kim sinh Thủy, đó là quy luật *tương sinh* (相生). Cuộc sống vợ chồng có lúc cay cực thì mới thấy giá trị lúc mặn nồng.

“Muối mặn ba năm⁴ muối hãy còn mặn⁵”

Gừng cay chín tháng gừng hãy còn cay

4. “Muối mặn ba năm”, “gừng cay chín tháng”: biện pháp tu từ trong hai câu đầu không có ý nói đến số từ mà ám chỉ về thời gian lâu dài.

5. Vị mặn thuộc hành thủy (水), vị cay thuộc hành kim (金). Kim sinh thủy, đó là *tương sinh*. Bởi lẽ, hết cay cực rồi đến mặn nồng, hết *bĩ cực* (否極) sẽ đến *thái lai* (泰來).

*Đạo nghĩa cang thường⁶ chó đổi đừng thay
Dầu có làm nên danh vọng, hay rủi có ăn mày ta cũng theo nhau
Theo nhau cho trọn đạo Trời
Dầu rằng không chiếu, trái toi mà nằm.*

(Ca dao)

Đạo nghĩa vợ chồng không chỉ đơn thuần chấp nhận mà còn đòi hỏi chấp nhận trong sự vui vẻ và hạnh phúc, cho dù cái ăn còn thiếu thốn:

“Râu tôm nấu với ruột bầu

Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.” (Ca dao)

Cái mặc còn chấp vá:

“Chồng ta áo rách ta thương

Chồng người áo gấm xông hương mặc người.” (Ca dao)

Chốn ở còn tuềnh toàng:

“Thương nhau chẳng quản chiếu giường

Một tàu lá chuối che sương cũng tình.” (Ca dao)

IV.2. Theo Nho giáo

Khổng Tử đã truyền dạy: (1) xét vật rồi mới biết trọn, (2) biết trọn rồi mới tạo nên ý, (3) ý có rồi thì lòng mới ngay chính, (4) ngay chính trong lòng rồi mới sửa mình, (5) sửa mình rồi mới xếp đặt việc nhà, (6) xếp đặt việc nhà rồi mới trị nước, (7) trị nước rồi thì mọi nơi mới yên. Từ thiên hạ cho đến kẻ thứ nhân, tất cả đều lấy việc sửa mình làm gốc⁷.

Nho cũng dạy thờ Thượng Đế, thờ thần, tế lục tông, tu ngũ đức, giữ đạo ngũ luân (quân thần, phụ tử, phu phụ, huynh đệ, bằng hữu). Trong đó: – Thượng Đế là trời, song chẳng phải là bầu trời xanh mà mắt thường xem thấy. Thượng Đế là Đấng Thượng trí soi xét, cai trị trời đất mà mắt thường chẳng xem thấy được. Trong Kinh Dịch, thầy Trình tử nói rằng:

6. Đạo nghĩa cang thường hay đạo nghĩa cương thường là đạo làm người theo Nho giáo, gồm: tam cương 三綱 (quân thần (君臣), phụ tử (父子), phu phụ (夫婦)) và ngũ thường 五常 (nhân (仁), lễ (禮), nghĩa (義), trí (智), tín (信)).

7. (1) Cách vật nhi hậu tri chí, (2) tri chí nhi hậu ý thành, (3) ý thành nhi hậu tâm chính, (4) tâm chính nhi hậu thân tu, (5) thân tu nhi hậu gia tề, (6) gia tề nhi hậu quốc, (7) trị quốc trị nhi hậu thiên hạ bình. Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. (1) 格物而後知至. (2) 知至而後意誠. (3) 意誠而後心正. (4) 心正而後身修. (5) 身修而後家齊. (6) 家齊而後國. (7) 治國治而後天下平. 自天子以至于庶人, 一是皆以修身為本

Lấy hình thể gọi là *thượng* 上, lấy chủ thể gọi là *đế* 帝⁸. Chu Tử nói rằng: “Trời đất có lòng, lòng là Đấng cai quản”⁹ như thế “Chữ tâm là đế, đế của trời là Đấng cai quản”¹⁰, hay Thượng đế là Đấng cai quản – thiên chi chủ thể 天之主宰. || – Thần chính là khí âm dương biến hóa¹¹ – khí loãng ra là thần, co lại là quỷ¹², hay vì có công đức nên gọi là thần, vì màu nhiệm nên gọi là thần¹³. Vậy, thờ phụng thần để có ý cậy thần bảo trợ quốc gia, giúp cho người được khỏe mạnh, xã hội phồn vinh¹⁴. Tuy nhiên, Khổng Tử cũng dạy, với thần thì kính nhưng không gần, còn việc cần làm là lo cho dân, đó mới là người có trí¹⁵. || – Lục tông là sáu thứ cần lễ tế: tế mùa lạnh nóng, tế Mặt Trời, tế Mặt Trăng, tế sao, tế lũ lụt, cả tế núi sông nữa¹⁶. Khi tế có ý thờ phượng, tạ ơn bấy nhiêu các thần trông coi lục tông soi sáng, xuống khí lành cho thiên hạ được bình an. – Ngũ đức, theo Hán Nho, là năm phẩm chất tốt đẹp của con người: nhân (lòng yêu thương đối với vạn vật), nghĩa (cách cư xử với mọi người công bình theo lẽ phải), lễ (tôn trọng, hòa nhã trong khi cư xử với vạn vật), trí (thông biết lý lẽ, phân biệt thiện ác, đúng sai), tín (giữ đúng lời hứa). Tuy nhiên, ngũ đức trong chương 4, sách Đại Học lại là NHÂN - KÍNH - HIẾU - TỬ - TÍN: Làm vua phải đạt đến đức nhân; làm bề tôi phải đạt đến đức kính, làm con phải đạt đến đức hiếu; làm cha phải đạt đến đức từ; giao thiệp với người trong nước phải đạt đến đức tín¹⁷. Theo Mạnh Tử là tu tứ đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. Theo Khổng Tử là tu tam đức: nhân, trí, dũng. Cho dù là tam, tứ hay ngũ đức thì đức nhân luôn đứng hàng đầu để mình biết thương yêu người, để mình và người cùng đạt đến chỗ chí thiện. Cần

8. *Dĩ hình thể vị chi thượng, dĩ chủ thể vị chi đế* 以形體謂上.以主宰謂之帝.

9. *Thiên địa chi tâm, tâm thị chủ thể* 天地之心.心是主宰.

10. *Tâm tự tự đế, đế giả thiên chi chủ thể dã* 心字自帝.帝者天之主宰也.

11. *Âm dương bất trắc vị chi thần* 陰陽不測謂之神.

12. *khí chi thân giả vi thần, khuất giả vi quỷ* 氣之伸者為神.屈者為鬼.

13. *dĩ công đức vị chi thần, dĩ diệu dụng vị chi thần* 以功德謂之神以妙用謂之神.

14. *nhân khang vật thịnh* 人康物盛.

15. *vụ dân chi nghĩa, kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị trí dã* 務民之義.敬鬼神而遠之.可謂智也.

16. *tế thì dã, tế hàn thử dã, tế nhật dã, tế nguyệt dã, tế tinh dã, tế thủy hạn dã lại tế sơn xuyên dã* 祭時也.祭寒暑也祭日也祭月也祭星也.祭水旱也.吏祭山川也.

17. *vi nhân quân chỉ ư nhân; vi nhân thần chỉ ư kính; vi nhân tử chỉ ư hiếu; vi nhân phụ chỉ ư từ, dữ quốc nhân giao, chỉ ư tín.* 為人君,止於仁;為人臣,止於敬;為人子,止於孝;為人父,止於慈;與國人交,止於信.

tu ngũ đức bởi lẽ ở hiền gặp lành, ở dữ gặp ác¹⁸. Bởi vì làm lành thì trời xuống trăm sự lành, làm ác thì trời xuống trăm tai vạ¹⁹. Cho dù người ở hiền lành trung hiếu cho đến chết mà chẳng được trời ban ích lợi chi thì con cháu sẽ được nhờ. Bởi lẽ: Cây xanh thì lá cũng xanh, Cha mẹ hiền lành để đức cho con. (Ca dao) || – Ngũ luân là cách cư xử trong năm mối quan hệ: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè.

Hiếu kinh, tác phẩm chính của Nho Giáo xem hiếu là chuẩn mực của người quân tử, là nguồn cội của đức nhân. Chương đầu Khai tông minh nghĩa của Hiếu Kinh thuật lại lời Khổng Tử nói với Tăng Tử: “*Này đây, HIẾU là căn bản của ĐỨC, do giáo dục mà sinh ra. Hãy ngồi trở xuống, ta nói cho ngươi biết. Thân thể, hình hài, tóc tai, da thịt là do cha mẹ sinh ra không được gây hư hại là nết đầu của chữ Hiếu. Sau lo lập thân, hành đạo để lại tiếng thơm cho đời sau là nết cùng của chữ Hiếu. Này đây, chữ Hiếu lấy việc phụng dưỡng cha mẹ làm đầu, kế đến thờ vua, sau rốt là lập thân.*”²⁰ Thế nhưng trong Hiếu kinh chỉ đề cập chữ hiếu theo một chiều từ dưới lên.

Dù hiếu là hạt giống của lòng Nhân không được vun xới thường xuyên thì nó sẽ bị hư hoại và có thể biến mất và nếu điều này xảy ra thì lòng Nhân sẽ bị mất đi nền tảng như cây không cội, nước không nguồn và rồi nó lại bị biến dị sang một hình thái khác. Hình ảnh của những kẻ hung ác, bạo ngược trong xã hội đã phần nào chứng minh được sự thật này. Họ là những người đã đánh mất đi hạt giống của hiếu hạnh, quan hệ gia đình bị rạn vỡ để rồi trở thành những tâm hồn lạc loài giữa sa mạc nông cuồng chỉ biết bám trụ vào những ốc đảo của lòng ham muốn thấp hèn, bại hoại. Do vậy hiếu và Nhân không thể tách rời nhau. Người có hiếu thì dễ dàng phát triển lòng Nhân mà một khi đã có Nhân thì hạnh hiếu càng sáng tỏ. Chỉ khi nào con người biết bắt đầu từ sự hiếu thảo với cha mẹ, từ sự gắn bó với thân quyến, thì người ấy mới có

18. thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo 善有善報.惡有惡報.

19. tác thiện giáng chi bách tường, tác bất thiện giáng chi bách ương 作善降之百祥.作不善降之百殃.

20. phù hiếu, đức chi bản dã, giáo chi sở do sinh dã. Phục tọa, ngô ngữ như. Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm hủy thương, hiếu chi thủy dã; lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã. Phù hiếu, thủy ư sự thân, trung ư sự quân, chung ư lập thân. 夫孝，德之本也，教之所由生也 復坐，吾語汝 身體髮膚，受之父母，不敢毀傷，孝之始也；立身行道，揚名於后世，以顯父母，孝之終也 夫孝，始於事親，中於事君，終於立身

thể thương yêu người khác. Đó là thứ lớp thăng tiến của Nho giáo hay là lộ trình tu đạo của người Quân tử. Sách Trung Dung có viết rằng: đạo Quân tử cũng giống như đi đường xa, muốn đi ắt phải khởi sự từ gần; cũng ví như lên cao, muốn lên ắt phải bắt đầu từ dưới thấp.

Trong cuộc sống, ngoài những cố gắng sống theo chuẩn mực đạo đức, Nho giáo có cách lý giải số phận để giải thích những điều ngoài ý muốn của con người qua một số trường phái triết học khác nhau, như:

– Túc mệnh luận giải thích rằng, mỗi người đều có một số mệnh do quá khứ an bài và xếp đặt, mọi cố gắng đều vô ích.

– Định mệnh luận giải thích rằng, mỗi người đều có một số mệnh do quá khứ an bài, khi đã xếp đặt thì không thể thay đổi được, cho dù cá nhân có nỗ lực như thế nào đi nữa.

– Thiên mệnh giải thích rằng, số phận là do trời định đoạt. Nên dù có cố gắng đến đâu nhưng số may rủi là do ý trời. Nghĩa là mỗi người đều có một số phận đã được an bài, định đoạt bởi một đấng siêu nhiên nào đó. Khi số phận đã xếp đặt, con người phải chấp nhận vì không thể thay đổi được số phận đó.

II.3. Theo Đạo giáo

Việc con người cần làm ở đời này là *vật vi, vật ý, vật biện* 勿爲勿意勿辨 (chớ làm gì, chớ có ý gì, chớ biện phân gì). Nếu thực hiện như vậy thì sẽ được bình an vui sướng. Đạo Giáo thờ Tam Thanh, nhất là Thái Thượng Lão Quân, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thập Nhị Hành Khiển Vương để xin chư tiên phù hộ cho thiên hạ khỏi mọi sự dữ, được mọi sự lành cùng cho trường sinh bất tử. Trong Đạo Giáo lấy Đạo Đức Kinh làm gốc. Tuy nhiên, Đạo Đức Kinh chỉ là vũ trụ quan và nhân sinh quan với mục đích tu luyện để đạt tới trạng thái trường sinh bất lão, không nhằm mục đích dùng đạo để phát huy đức – phẩm chất tốt đẹp của con người. Lão Tử khuyên biết người khác chỉ mới là trí, nhưng tự biết mình thì mới là sáng²¹. Như vậy Lão Tử chú trọng đến việc tự chinh phục bản thân hơn là chinh phục kẻ khác, lo cho mình hơn là lo cho kẻ khác. Người theo Đạo Giáo thường cầu xin tam đa (ba cái nhiều): nhiều phúc, nhiều lộc, nhiều thọ.

21. tri nhân giả trí, tự tri giả minh. 知人者智，自知者明。

II.4. Theo Phật giáo

Đức Phật đưa ra kinh nghiệm giác ngộ, đó là tứ diệu đế: (1) khổ đế: chân lý về sự khổ. Mọi dạng tồn tại đều mang tính khổ não, không trọn vẹn. Sinh, lão, bệnh, tử, xa lìa, không đạt sở nguyện, không thích... đều là khổ. (2): tập đế: chân lý về nguyên nhân sự khổ. Nguyên nhân của khổ là tham ái, thỏa mãn dục vọng, thỏa mãn được trở thành, thỏa mãn được hoại diệt. (3) diệt đế: chân lý về diệt khổ. Khi gốc của mọi tham ái được tận diệt thì sự khổ cũng được tận diệt. (4) đạo đế: chân lý về con đường diệt khổ. Phương pháp diệt khổ là con đường Bát chính đạo. Tuy nhiên khái niệm tứ diệu đế quá lớn với người bình dân. Có thể dựa vào những điều Phật dạy cụ thể hơn trong cuộc sống như: – Tu ngũ đức, đó là: (1) bố thí, (2) chay tịnh, (3) nhẫn nhịn, (4) tu đức, (5) giữ lòng ngay thật. || – Giữ ngũ giới, đó là: (1) Không sát sanh: không được giết hại mạng sống của con người và loài vật. Đức Phật đã đưa tội sát sanh vào giới cấm thứ nhất trong ngũ giới, nghĩa là Ngài muốn nhấn mạnh hậu quả khôn lường của việc sát sanh. (2) Không trộm cướp: không xâm phạm đến của cải tài sản của người. Trộm cướp là do lòng tham lam ác độc, chỉ nghĩ lợi mình, quên nỗi đau khổ của người, mất công bằng và vô nhân đạo. (3) Không tà dâm: không quan hệ tính dục ngoài đời sống vợ chồng. (4) Không nói dối: không nói lời trái với sự thật để mưu lợi, hoặc để hại người. (5) Không uống rượu: không dùng chất kích thích để giữ được sự điềm đạm, tỉnh sáng. || – Báo đáp tứ ân: Từ Điển Phật Học Hán Việt (tập II), trang 1726, Hòa thượng chủ biên: Kiêm Cương Tử, xuất bản tại Hà Nội năm 1994, đưa ra hai quan điểm về Tứ Ân. Quan điểm thứ nhất: Theo Kinh Tâm Địa Quán, bốn ơn gồm có: 1. Ôn cha mẹ; 2. Ôn chúng sanh; 3. Ôn quốc vương; 4. Ôn Tam Bảo. Quan điểm thứ hai: Theo Thích Thị Yếu Lãm, bốn ơn gồm có: 1. Ôn cha mẹ; 2. Ôn Sư trưởng; 3. Ôn quốc vương; 4. Ôn thí chủ. Tứ ân của hai thuyết có cách dùng từ và sắp xếp có khác nhau. Kinh Tâm Địa Quán trình bày tứ ân bao quát hơn. Bởi lẽ ôn chúng sanh bao gồm ôn thí chủ. Ôn Tam Bảo bao gồm ôn Sư trưởng. || – Hiếu ân: Trong kinh *Tương Ưng II* Đức Phật dạy công ơn cha mẹ thật vô biên, dòng sữa mẹ trong vô lượng kiếp còn nhiều hơn nước của đại dương. Đức Phật dạy cách đền đáp đúng đắn và ý nghĩa nhất của người con đối với cha mẹ là báo ơn cha mẹ theo năm cách như: nuôi dưỡng cha

mẹ, làm tròn bổn phận người con, giữ gìn gia đình với truyền thống, bảo vệ tài sản thừa tự, làm tang lễ khi cha mẹ qua đời – *Trường Bộ Kinh IV*. Quan hệ giữa cha mẹ và con cái là một quan hệ hỗ tương mật thiết nên cha mẹ cũng chính là một trợ duyên để người con giữ gìn đạo hiếu được trọn vẹn. Do vậy để con mình sống đúng với đạo lý ấy bản thân cha mẹ cũng thể hiện trách nhiệm đối với con. Đức Phật đã dạy về trách nhiệm đó như sau: ngăn con làm điều ác, khuyến khích con làm điều thiện, dạy con nghề nghiệp, lo việc cưới hỏi cho con thật xứng đáng, trao tài sản thừa tự cho con đúng thời điểm – *Trường Bộ Kinh IV*.

Trong cuộc sống, ngoài những cố gắng sống theo chuẩn mực đạo đức, Phật giáo có cách lý giải số phận không phải do định mệnh hay thiên mệnh mà là kết quả của nhiều kiếp trong vòng luân hồi. *Theo Kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt – Trung Bộ III*: Con người là chủ nhân của nghiệp, là kẻ thừa tự nghiệp... Điều đó nghĩa là sự hiện diện của mỗi người trên thế gian là sự hiện hữu của nghiệp của họ từ quá khứ. Nghiệp chủ động tạo điều kiện để tái sinh trong kiếp hiện tại và cho những kiếp tương lai. Mọi sướng khổ, đẹp xấu, thông minh hay khờ dại... trong kiếp này là quả do nghiệp từ quá khứ, chứ không do sự thưởng phạt của ai cả.

II.5. Theo Công giáo

1. Đạo hiếu dưới lăng kính Đức Tin Kitô Giáo

– Tình phụ tử của Thiên Chúa là nguồn mạch của tình phụ tử, tình mẫu tử nơi loài người (Ep 3,14-15); vì vậy, luật Chúa dạy con người phải sống hiếu thảo – người làm con phải vâng phục và có trách nhiệm với cha mẹ về vật chất lẫn tinh thần (GLHTCG 2214–2218).

– Trong Mười Điều Răn, điều răn thứ tư (luật buộc) nói về lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà cha mẹ, trước các điều răn hướng về con người.

– Sách Huấn Ca đề cập đến lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ. Theo đó, lòng hiếu thảo đối với cha mẹ đem lại nhiều lợi ích: đền bù được tội lỗi; được con cái cháu chắt hiếu thảo lại; được Thiên Chúa nhận lời.

– Gương hiếu thảo của Chúa Giêsu: "*Rồi Ngài theo cha mẹ trở về Nazareth và vâng lời các Ngài*" (Lc 2,51).

– Lời khuyên của thánh Phaolô: “Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo. Hãy tôn kính cha mẹ. Đó là điều răn thứ nhất có kèm theo lời hứa: để người được hạnh phúc và hưởng thọ trên mặt đất này”(Ep 6,1-3).

Trong phụng vụ Công giáo, Kinh Nguyện Thánh Thể luôn có lời nguyện cho những người thân đã qua đời nói riêng và cho các linh hồn nói chung:

– Lời nguyện trong thánh lễ I ngày 2 tháng 11: “Giờ đây, xin Chúa thương nhận lời chúng con khẩn nguyện mà làm cho lòng chúng con luôn trông cậy vững vàng: chính Đức Giêsu sẽ cho các tín hữu đã lìa cõi thế được phục sinh vinh hiển...” (Nhập lễ). “Lạy Chúa, xin thương nhìn đến lễ vật chúng con dâng, và cho mọi tín hữu đã qua đời vào chung hưởng vinh quang với Con Một Chúa...” (Tiến lễ). “Lạy Chúa, chúng con vừa cử hành bí tích Vượt Qua để cầu cho anh chị em tín hữu đã qua đời. Xin thương đón nhận họ vào nhà Chúa, nơi đây ánh sáng và bình an...” (Hiệp lễ).

– Lời nguyện trong thánh lễ mừng hai Tết âm lịch cũng diễn tả lòng hiếu thảo của con cháu đối với ông bà tổ tiên: “Hôm nay nhân dịp đầu năm mới chúng con họp nhau để kính nhớ tổ tiên và ông bà cha mẹ. Xin Chúa trả công bội hậu cho những bậc đã sinh thành dưỡng dục chúng con, và giúp chúng con luôn sống cho phải đạo đối với các ngài...” (Nhập lễ). “Lạy Chúa, chúng con hoan hỷ dâng lên Chúa lễ vật đầu xuân này. Cúi xin Chúa vui lòng chấp nhận mà tuôn đổ hồng ân xuống trên tổ tiên và ông bà cha mẹ chúng con, để chúng con cũng được thừa hưởng phúc ấm của các ngài...” (Tiến lễ). “Chớ gì nguồn sinh lực thần linh này giúp chúng con ngày nay sống sao cho tròn chữ hiếu đối với tổ tiên và ông bà cha mẹ, để mai sau được cùng các ngài vui hưởng phúc trường sinh...” (Kết lễ).

– Lời nguyện trong thánh lễ an táng đặc biệt chỉ cho người qua đời. Các lời nguyện cầu cho tín hữu qua đời “cùng được sống lại”, “được hưởng ơn cứu độ”, “được vào Nước Chúa”: “(Hôm nay) X. là người tín hữu Chúa và là người anh (chị) em của chúng con đã cùng an giấc với Đức Giêsu, Con Một Chúa. Nhưng chúng con biết rằng Chúa đã cho Đức Giêsu sống lại, Chúa cũng sẽ cho X. được cùng sống lại với Người. Vì vậy, chúng con tin tưởng cầu xin Chúa cho X. được chia sẻ vinh quang với Đấng đã từ cõi chết sống lại...” (Nhập lễ). “Lạy Chúa, chúng con dâng những lễ vật này để cầu cho X. được hưởng

on cứu độ. Khi còn sống, X. đã vững tin Đức Giêsu Con Chúa là Vị Cứu Tinh nhân hậu, thì giờ đây, xin Chúa cho X. được thấy rằng Người cũng là Vị Thẩm Phán khoan dung..." (Dâng lễ). "Lạy Chúa, Đức Giêsu Con Chúa đã để lại cho chúng con bí tích Thánh Thể làm lương thực đi đường giúp chúng con đủ sức tiến về nhà Chúa, ước chi nhờ bí tích này, người anh (chị) em tín hữu của chúng con là X. được vào Nước Chúa dự tiệc vui muôn đời..." (Kết lễ).

– Lời nguyện trong thánh lễ giỗ, vẫn tiếp tục cầu xin cho người qua đời hưởng lòng từ bi vô biên của Chúa, được "thứ tha... thanh tẩy" nếu còn vướng mắc, và được "sum họp cùng các thánh": "Lạy Chúa, hôm nay, nhân ngày giỗ (đâu) của X., chúng con họp nhau đây, để một lần nữa, phó thác tín hữu này cho Chúa. Người thân yêu này, chúng con không thể quên, lẽ nào Chúa lại không nhớ đến! Xin cho X. được hưởng ân tình vô biên của Chúa là được sống với Chúa giữa cộng đoàn các thánh trên trời..." (Nhập lễ). "Lạy Chúa, nhân ngày kỷ niệm X. qua đời, chúng con dâng lễ tạ ơn và xá tội này lên trước Tôn Nhan. Cúi xin Chúa vui lòng chấp nhận và ban cho X. được về sum họp cùng các thánh..." (Dâng lễ). "Lạy Chúa, chúng con đã dâng lễ tạ ơn để cầu cho X. Vậy nếu tín hữu này còn mang vết nhơ tội lỗi, xin Chúa cũng rộng lượng thứ tha và khoan hồng thanh tẩy..." (Kết lễ).

– Đặc biệt, các Kinh Nguyện Thánh Thể đều dâng lời cầu xin cho những người đã qua đời, xin cho họ được vào chốn trường sinh với Chúa: "(Xin nhớ đến tôi tớ Chúa là T. mà (hôm nay) Chúa đã gọi ra khỏi đời này về với Chúa. Xin ban cho kẻ đã chết như Con Chúa, thì cũng được sống lại như Người.) Xin Chúa cũng nhớ đến anh chị em chúng con đang an nghỉ trong niềm hy vọng sống lại, và mọi người, đặc biệt các bậc tổ tiên, ông bà, cha mẹ và thân bằng quyến thuộc chúng con đã ly trần trong tình thương của Chúa. Xin cho hết thảy được vào hưởng ánh sáng Tôn Nhan Chúa."

– Trong Kinh nguyện Thánh Thể IV, lời cầu xin còn dành cho mọi người quá cố mà chỉ một mình Chúa biết lòng tin của họ: "Xin Chúa cũng nhớ đến những người đã qua đời trong bình an của Đức Kitô, đặc biệt các bậc tổ tiên, ông bà, cha mẹ và thân bằng quyến thuộc chúng con, cùng tất cả mọi người quá cố mà chỉ một mình Chúa biết lòng tin của họ".

2. Đạo nghĩa vợ chồng dưới lăng kính Đức Tin Kitô Giáo

Từ chương đầu của Sách Sáng Thế, mở đầu Thánh Kinh Công giáo, người đọc được dẫn vào khung cảnh gia đình đầu tiên của con người:

gia đình Adam và Eva (St 1,26-31 đến chương 2, 3 và 4). Ở những trang cuối của sách Khải Huyền, kết thúc Kinh Thánh Công giáo, người đọc được giới thiệu về tiệc cưới của tân nương và tân lang là Con Chiên (Kh 21,2.9). Tiệc cưới của vợ chồng là dấu chỉ của Tiệc Cưới Con Chiên. Chúa Giêsu đã khẳng định, nơi vợ chồng thể hiện ý định thuở ban đầu của Thiên Chúa (Mt 19,4-5) (St 2,24):

– *Thuở ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ*: Người nam và người nữ hiện hữu do ý muốn của Thiên Chúa và hiện hữu theo cách thức riêng. Cả hai bình đẳng với tư cách là những nhân vị và có cùng một phẩm giá.

– *Vì thế, người ta sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình*: Khi dựng nên con người có nam có nữ, Thiên Chúa muốn người này sống cho người kia. Việc gắn bó ở đây chỉ sự hòa điệu sâu xa về thể xác lẫn tâm hồn, sự hiệp thông mật thiết với nhau, trong đó cả hai trợ giúp và bổ túc cho nhau.

– *Cả hai sẽ thành một xương một thịt*: Thiên Chúa kết hợp người nam và người nữ đến độ, khi nên “một xương một thịt”, họ có thể lưu truyền sự sống con người và cộng tác vào công trình tạo dựng của Thiên Chúa.

– *Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly*: Chúa Giêsu đưa hôn nhân về lại với dạng nguyên thủy của nó; đó là hình thức một vợ một chồng cho đến chết, tức đơn hôn và bất khả phân ly. Tính bất khả phân ly theo Đức Thánh Cha Phanxicô không phải là gánh nặng, nhưng là quà tặng Thiên Chúa ban cho những ai kết hợp với nhau trong hôn nhân (x. NVTY 62).

Hai chương đầu của sách Sáng Thế cho thấy hình ảnh và mối duyên nợ vợ chồng nhân loại là một món quà mà Thiên Chúa trao ban và con người mừng rỡ hân hoan đón nhận: “đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi!” (St 2,23). Bởi vì khả năng sinh sản của đôi vợ chồng nhân loại là con đường mà lịch sử cứu độ diễn tiến. Dưới ánh sáng này, mối quan hệ phong nhiêu của đôi vợ chồng trở thành một hình ảnh để khám phá ra và diễn tả mẫu nhiệm Thiên Chúa, nền tảng trong cái nhìn Kitô giáo về Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi, chiêm ngắm Thiên Chúa như là Cha, Con và Thánh Thần Tình Yêu. Thiên Chúa Ba Ngôi là mẫu nhiệm hiệp thông tình yêu, và gia đình là phản ảnh sống động của mẫu nhiệm hiệp thông ấy. Những lời nói sau đây của thánh

Gioan Phaolô II soi sáng cho chúng ta: “Thiên Chúa trong mẫu nhiệm sâu thẳm nhất của Ngài không đơn độc nhưng là một gia đình vì lẽ Thiên Chúa trong Ngài có Cha, có Con và có Yếu tính của gia đình, tức là tình yêu. Trong gia đình thần linh, tình yêu này Chính là Chúa Thánh Thần (NVTY 11).

Trong nghi thức bí tích Hôn phối, phần trao đổi lời thề hứa có câu: “Tôi là T., nhận anh (em) làm chồng (vợ) và hứa giữ lòng chung thủy với anh (em), khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, khi ốm đau cũng như lúc mạnh khỏe, để yêu thương và tôn trọng anh (em) mỗi ngày suốt đời tôi”. Sự chung thủy, tình yêu thương và sự tôn trọng trong đạo nghĩa vợ chồng phản ánh một phần tấm gương trung tín và yêu thương của Thiên Chúa đối với con người, là dấu chỉ hữu hình sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa. Tự muôn đời, Thiên Chúa muốn con người được hiệp thông trong tình yêu của Ngài. Thiên Chúa đã ký kết với Dân được chọn một giao ước trên núi Xinaï, trong đó Thiên Chúa hứa bảo vệ Dân và đòi hỏi Dân phải tuyệt đối trung tín với Ngài (x. Xh 19,5-8). Hai từ chung thủy hay trung tín nghe chừng đơn giản, thế nhưng để đôi lứa giữ được lời đã hứa “mỗi ngày trong suốt cuộc đời” như một món quà tình yêu trọn vẹn thì nơi họ đòi hỏi phải có nỗ lực phi thường và phải có ơn Chúa luôn ở cùng gia đình của họ.

III. NHÂN CHI CỨU CÁNH, TỬ VÃNG HÀ SỞ? 人之究竟死往何所 (Cuối cùng của con người, chết rồi đi đâu?)

III.1. Theo tín ngưỡng dân gian

Trong tín ngưỡng dân gian của người Việt, con người có ba phần: hồn, xác và phách. Tín ngưỡng dân gian của người Việt cho rằng con người có ba hồn²² bảy vía²³ (với nam), ba hồn chín vía²⁴ (với nữ). Hồn

22. Ba hồn hay tam hồn 三魂 là sinh hồn 生魂, giác hồn 覺魂, linh hồn 靈魂. Có quan niệm khác cho rằng, ba hồn gồm: tinh 精 (sự tinh anh trong nhận thức), khí 氣 (năng lượng làm cho cơ thể hoạt động) và thần 神 (thần thái của sự sống).

23. Vía hay phách 魄 là tinh khí của con người phụ vào khiếu 噉 (miệng lỗ) của xác. Bảy vía nơi đàn ông cai quản bảy khiếu: hai tai, hai mắt, hai lỗ mũi và miệng. Chín vía ở nữ giới cai quản bảy khiếu như ở nam giới cộng thêm hai khiếu nữa là hai núm vú.

24. Người thì chẳng đáng đồng chùi / Ba hồn chín vía đòi đi vãng đạo. (Ca dao)

(tinh, khí, thần)²⁵ và vía dùng thể xác làm nơi trú ngụ, trường hợp hồn mê được giải thích là vía và hồn rời bỏ thể xác ở các mức độ khác nhau. Nếu phần thần và khí của hồn mà rời khỏi thể xác thì người đó chết, nhưng phần tinh anh vẫn lưu lại với người sống: “Kiều rằng: Những đấng tài hoa, / Thác là thể phách, còn là tinh anh” (Truyện Kiều, Nguyễn Du), ảnh hưởng của Nho giáo, vong hồn người quá cố vẫn hiện diện kề cận người thân. Thí dụ:

“Em đâu có thác xuống suối vàng
Hồn em cũng bận bịu theo chàng sánh đôi.” (Ca dao)
“Hồn rằng hồn chẳng có cửa có nhà
Ở rào ở giậu cùng là bờ tre.” (Ca dao)
“Hồn rằng hồn chẳng được ăn gạo ăn cơm
Hồn ăn những cháo cùng bầu quanh năm.” (Ca dao)
“Hồn rằng: hồn thác ban ngày
Thương cha, nhớ mẹ, hồn rày thác đêm.
Hồn rằng hồn thác ban đêm
Thèm cơm thèm cháo hồn đêm thác ngày.” (Ca dao)
“Hồn tôi là hồn con cua
Tám chân hai mắt biết bò ngang ngang.” (Ca dao)
Khi chết, hồn có thể lên thiên đàng hay trời:
“Chim bay về núi Biên Hòa
Chồng đây vợ đó ai mà muốn xa
Sự này cũng bởi mẹ cha
Cho nên đưa ngọc mới xa mâm vàng
Phải chi lên đến thiên đàng
Tôi xem số bộ, coi duyên nàng ra sao.” (Ca dao)
Hoặc đi xuống âm phủ:
“Cùng nguyên một tấm lòng son
Anh đâu có phụ keo sơn có trời
Sống dương gian hai đứa đôi nơi
Thác xuống âm phủ cũng nhớ lời thề xưa.” (Ca dao)
Âm phủ còn gọi là suối vàng hay chín suối:
“Chim loan chim én chim phụng chim nhàn

25. Mặc dù anh ở nhà anh / Hồn anh vẫn ở chung quanh nhà nàng. (Ca dao)

Ba bốn con bay thẳng một đàng
 Bỏ con tước rũ, đậu cây liễu ủ, cây tùng tán
 Mai sau anh có thác xuống suối vàng²⁶
 Hồn thiêng anh dật dựa bên nàng anh chơi.
 Dâu em có thác xuống suối vàng
 Oan hồn em cũng theo chàng báo oan." (Ca dao)
 "Bậu nói với qua, có nhứt có nguyệt
 Có đèn thủy kiệt, có núi sơn lâm
 Ai mà lỗi đạo tình thâm
 Hồn về chín suối, xác cầm dương gian." (Ca dao)
 Noi có Diêm La hay Diêm Vương cai quản (ảnh hưởng Phật giáo):
 "Em đừng ỷ em có nhan sắc khuynh thành
 Mà toan rẽ rúng lòng thành của qua
 Xa em cũng tại mẹ cha
 Thôi đành thác xuống diêm la cho gần." (Ca dao)
 Noi đó là chốn vong hồn đầu thai (ảnh hưởng Phật giáo):
 "Em thác bao năm xương tàn cốt rụi
 Em đâu thai con nhận bạch về đậu bụi chanh
 Cát tiếng kêu anh đi hỏi vợ,
 Đừng chờ đợi em như hồi buổi xuân xanh không còn." (Ca dao)
 Đối với vong hồn người quá cố là thế, còn với người sống thì cần
 để tang người quá cố:
 "Mình đưa khăn trắng cho tôi gắn chữ đồng
 Mai sau mình có thác trước, tôi trọn lòng để tang." (Ca dao)
 Nhưng để tang người quá cố cũng có quy định:
 "Chồng cô, vợ cậu, chồng dì
 Trong ba người ấy chết thì không tang." (Ca dao)
 Người sống cần phải làm nghi thức an táng cho người quá cố:
 "Cóc chết lại có minh tinh"²⁷

26. Suối vàng: Chữ Hán hoàng tuyền 黄泉 là suối vàng ở âm phủ, theo quan niệm mê tín. Tà truyện có câu Bất cập hoàng tuyền vô tương kiến già 不及黄泉, 無相見也, nghĩa là không đến suối vàng thì không thấy nhau được. Td. Họa là người dưới suối vàng biết cho (Truyện Kiều).
 27. Minh tinh 冥旌: mảnh lụa (hoặc vải, giấy) đề tên, tuổi chúc vạ người chết dán vào một khung bằng tre rước đi trước quan tài.

Thất nghiệp nằm đình có trống cầm canh." (Ca dao)
 "Bà kia bận áo xanh xanh
 Ngồi trong đám họ nói hành con dâu
 Bà ơi! tôi không sợ bà đâu
 Tôi xe sợi chỉ, tôi khâu miệng bà
 Chừng nào bà chết ra ma
 Trong chay ngoài hội, hết ba chục đồng
 Không khóc thì sợ lòng chồng
 Có khóc cũng chẳng mặn nồng chi đâu." (Ca dao)
 "Cái cò chết tối hôm qua
 Có hai hạt gạo với ba đồng tiền
 Một đồng mua trống, mua kèn
 Một đồng mua mỡ đốt đèn thờ vong
 Một đồng mua mớ rau rong
 Dem về thái nhỏ, thờ vong con cò." (Ca dao)
 "Con cá lóc nằm trên bụi sặt
 Con cò mắc dò mà chết
 Con quạ mua nếp làm chay
 Con cu đánh trống ba ngày
 Con ngỗng thức dậy dọn bầy mâm ra
 Công cốc ăn cá nghi nga
 Con chim cà cưỡng phải ra ăn mày." (Ca dao)
 "Con cò chết rũ trên cây
 Bồ cu mở lịch xem ngày làm ma
 Cà cưỡng uống rượu la đà
 Bao nhiêu cóc nhái nhảy ra chia phần
 Chào mào thì đánh trống quân
 Chim chích mặc quần vác mỗ đi rao." (Ca dao)
 "Con cò đi đâu mắc dò mà chết
 Con quạ ở nhà mua nếp làm chay
 Con cu đánh trống vỗ tay
 Chào mào đội mũ làm thầy đọc văn
 Chiền chiện vừa khóc vừa lặn
 Một bầy se sẻ bịt khăn cho cò." (Ca dao)

“Con cò mắc dò mà chết
 Mẹ con cái diệc giã gạo làm chay
 Bồ câu mở sách xem ngày làm ma
 Cà cuống uống rượu la đà
 Con cua trong lỗ bò ra chia phần
 Chào mào mà đánh trống quân
 Chim chích ở trần vác mỗ đi rao
 Tôi trình ông xã ông thôn
 Ông uống chén rượu, ông chôn con cò.” (Ca dao)
 “Con quạ nó ăn tâm bậy tâm bạ nó chết
 Con diều xúc nếp làm chay
 Tu hú đánh trống bảy ngày
 Con bịp nó dậy nó bày mâm ra
 Con cuốc nó khóc u oa
 Mẹ nó đi chợ hàng xa chưa về.” (Ca dao)
 Người sống cần phụng thờ người quá cố:
 “Chết ba năm sống lại một giờ
 Để coi người nghĩa phụng thờ ra sao?
 Thờ chàng đĩa muối đĩa rau
 Thờ cha cúng mẹ mâm cao cỗ đầy.” (Ca dao)

Tín ngưỡng người Việt ảnh hưởng của tam giáo nên nghi thức thờ phụng cũng thế. Ảnh hưởng tam hồn thất phách của Đạo giáo, người Việt cúng vong trong thất tuần, vì mỗi tuần vong mất đi một phách. Khi đủ bảy tuần vong sẽ tiêu tán cả bảy phách, lúc này hồn phách thật sự lìa khỏi thân xác. Người sống lúc này không còn thương khóc vong hồn quá cố nữa. Thí dụ: “Chồng chết chưa kịp làm tuần / Mở rương lấy lụa may quần cho trai.” (Ca dao)

III.2. THEO NHO GIÁO

Theo Nho giáo, con người được tạo bởi khí và lý. Sự sống và sự chết là do sự vận hành của khí. Khi khí tụ lại thì sinh ra, khí tán ra thì chết đi, người hay loài vật cũng chẳng khác chi²⁸. Khi người ta chết thì hình hài của thể xác bị tan mất cũng như gỗ đá, lý thoát ra tạo nên vong hồn bay

28. Khí tụ sinh, khí tán vong, dữ cầm thú vô dị. 氣聚生.氣散亡.與禽獸無異.

đi như gió lửa²⁹. Nói cách khác, người ta chết thịt xương thành đất, máu thành nước, vong linh về trời³⁰ hoặc về với tổ tiên, quay quần nơi con cháu. Như vậy, Nho giáo không có khái niệm Thiên đường, Niết bàn, Địa ngục... mà sau khi con người chết đi sẽ ở bên cạnh con người đang sống. Bởi thế, người sống làm điều có tội, là có tội với trời, với tổ tiên. Nho giáo cũng đề ra thế giới thần linh, gồm: Thánh, Thần, Quỷ... (do sự giao thoa tâm linh của Phật giáo và Lão giáo).

III.3. THEO ĐẠO GIÁO

Đạo giáo không bàn đến Thượng đế, linh hồn, Thiên Đàng, Hỏa ngục. Theo Đạo Giáo, nếu tu đạo thành tiên thì sẽ chẳng sống chẳng chết, ban ngày bay lên trên không mà đi³¹. Bởi vì Đạo gia có tiên được để sống dài lâu, cả ngàn đời không chết³². Nguồn gốc của con người và vạn vật là từ Đạo mà ra, và cuối cùng thì trở về Đạo, hòa vào với Đạo. Để hòa với Đạo, con người phải thấm nhuần lý vô vi, nghĩa là phải thuận với tự nhiên và cùng với tự nhiên biến hóa. Trong lý vô vi bao gồm tứ vô: vô cầu (không vọng tưởng điên đảo), vô tranh (không hơn thua, cao thấp), vô đoạt (không cầm nắm để còn mất, có không), vô chấp (không trọc thanh, không hỗn loạn).

III.4. THEO PHẬT GIÁO

Theo Phật giáo nguyên thủy Theravada, chúng sinh sẽ tái sinh ngay sau khi chết vào một trong sáu cõi luân hồi, đó là: cõi trời (deva), cõi thần (asura), cõi người (manussa), cõi súc sinh (tiracchānayani), cõi ngạ quỷ (quỷ đói) (petta), cõi địa ngục (niraya). Lúc này các hoạt động cầu siêu, thờ cúng, chăm sóc phần mộ v.v... không có ý nghĩa gì đối với người chết đã tái sinh mà chỉ để cho người sống thấy yên lòng. Theo quan điểm đạo Phật, cái chết của con người chỉ là một trạng thái biến dạng của nghiệp thức. Thế xác phân tán nhưng phần tâm thức tiếp tục cuộc truy cầu đối

29. *Nhân tử tắc hình thể tiêu diệt, dữ mộc thạch đẳng, kỳ thần phiêu như phong hỏa.* 人死則形體消滅。與木石等。其神飄如風火。

30. *Nhân tử cốt nhục quy vu thổ, huyết quy vu thủy, hồn khí quy vu thiên.* 人死骨肉歸于土。血歸于水。魂氣歸于天。

31. *Bất sanh bất tử, bạch nhật phi thăng, đằng không nhi khứ.* 不生不死。白日飛升騰空而去。

32. *Trường sinh toàn kỳ thiên niên bất tử* 長生全其千年不死。

tượng (cảnh giới) tương ứng. Nếu như chưa đạt đến mức thoát được cõi vô minh, thì mãi luân hồi huyền mộng hư hư thực thực. Trong Bát Nhã Tâm Kinh, đức Phật đề cập: chư pháp “*bất sinh bất diệt*”. Điều này có ý nghĩa rất sâu sắc, vì mọi sự vật, hiện tượng không tự sinh ra và không tự mất đi vĩnh viễn. Theo đạo Phật, Thượng đế có tồn tại nhưng không có năng lực sáng tạo ra vũ trụ, không có quyền ban phúc họa cho chúng sinh. Vũ trụ là do nghiệp lực của chúng sinh cảm ứng mà có. Chỉ có Nghiệp là hành động có tác ý tạo thành nghiệp lực. Nghiệp lực chi phối việc tái sinh của con người.

III.5. Theo Công giáo

Đời sau là sự sống vĩnh cửu của con người sau khi chết, phân biệt với đời này hay chốn khách đày. Niềm tin vào sự sống đời sau dựa trên kinh nghiệm về sự Phục Sinh của Đức Kitô, Đấng đã sống lại từ cõi chết và đang hiện trị với Đức Chúa Cha. Ai tin vào Đức Kitô thì sẽ được sống lại như Người ở đời sau (x. Ga 3,16; 11,26; Rm 6,8).

Theo niềm tin Kitô giáo, khi con người chết đi thì sẽ chịu phán xét riêng và phán xét chung. Bởi vì trong niềm hy vọng đón chờ ơn cứu rỗi mà Thiên Chúa ban cho mọi thụ tạo. Phán xét riêng hay “Bốn sự sau” của từng cá nhân cần được xem xét trong bối cảnh mục đích chung của toàn thể nhân loại và vũ trụ. Bốn sự sau (N 眾事攸), còn gọi là tứ chung, gồm: sự chết, sự phán xét, Thiên Đàng, Luyện Ngục hoặc Hỏa Ngục.

Theo Thánh Kinh, sự chết có hai phương diện: sự chết phần xác (x. St 3,19; Lc 7,12) và sự chết phần hồn (x. Lc 15,24.32). Sự chết phần xác được hiểu theo nghĩa phổ thông. Sự chết phần hồn là không sống theo Thần Khí của Chúa Giêsu Kitô mà theo tính xác thịt (x. Lc 15,24.32; St 2,17).

Theo GHLTCCG, phán xét riêng xảy ra cho mỗi người sau khi chết. Tùy theo sự lành, điều dữ đã làm trong cuộc sống, mỗi người được xét xử và được vui hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trong tình yêu Thiên Chúa, hoặc phải trải qua một thời gian thanh luyện, hoặc phải vĩnh viễn xa lìa Thiên Chúa và đời đời ở trong Hỏa Ngục (x. GLHTCG 1021-1022). Phán xét cuối cùng cũng gọi là phán xét chung, xảy ra vào ngày tận thế khi Đức Kitô quang lâm. Qua Chúa Giêsu, “Chúa Cha sẽ công bố phán quyết

chung thẩm của Ngài về toàn thể lịch sử” (x. GLHTCG 1040).

Theo truyền thống, Thiên Đàng, Quê Trời, Nhà Cha là một trong “bốn sự sau”, là “nơi” người lành hưởng kiến vinh phúc muôn đời. Đó là nơi có Thiên Chúa là Cha và mọi người là anh chị em và cũng là quê hương đích thật mà các tín hữu đều hướng tới. Luyện Ngục hay Luyện Tội, Luyện Hình là các từ thường được dùng để chỉ tình trạng thanh luyện, khác hẳn với tình trạng bị án phạt đời đời còn được gọi là Hỏa Ngục (x. GLHTCG 1031). Tuy nhiên, các từ Luyện Ngục, Luyện Hình có thể gây hiểu lầm vì chúng gợi lên hình ảnh ngục tù, nơi đó linh hồn bị giam giữ và phải chịu hình phạt để trả nợ, đền bù lại các tội đã phạm. Thực ra, Luyện Tội không phải là một nơi chốn, cũng không phải là một “quá trình” trong thời gian, mà là một “tình trạng” thiêng liêng. Đó cũng không phải là một áp đặt từ bên ngoài theo kiểu đòi hỏi của một thứ công lý của tòa án, nhưng thuộc bản chất của tội, vì tội làm con người xa cách Thiên Chúa và tha nhân. Trong tương quan nhân loại, con người phải tự mài giũa để trở nên hòa hợp với nhau. Cũng thế, tương quan của con người với Thiên Chúa – Đấng tuyệt đối hoàn thiện – cũng đòi họ phải trải qua một cuộc thanh luyện bằng “lửa” tình yêu để có thể kết hợp mật thiết với Ngài. Giáo lý về Luyện Tội được củng cố bởi truyền thống cầu nguyện cho người quá cố vốn đã tồn tại từ rất lâu đời, như được mô tả trong Thánh Kinh (x. 2 Mcb 12,46). Hỏa Ngục là tình trạng con người tự loại trừ mình cách vĩnh viễn khỏi sự hiệp thông với Thiên Chúa và các thánh (x. GLHTCG 1033). Hội Thánh khẳng định có Hỏa Ngục và tính vĩnh cửu của nó. Linh hồn kẻ chết trong tình trạng tội trọng, tự ý thù ghét Thiên Chúa và cố chấp cho đến cùng, sẽ chịu phạt trong Hỏa Ngục. Hình phạt Hỏa Ngục là việc muôn đời con người bị tách biệt khỏi Thiên Chúa – Đấng mà chỉ nơi Ngài, con người mới có sự sống và sự vinh phúc (x. GLHTCG 1035-1037).

– HẾT –

MỤC LỤC

PHẦN 1:	3
Lời tựa	4
Lời nói đầu	9
Hướng dẫn sử dụng sách	10
PHẦN 2:	13
Nội dung bản Hán Nôm <i>Hội đồng tứ giáo danh sư</i>	
PHẦN 3:	175
Chú giải từ ngữ và diễn tích sách <i>Hội đồng tứ giáo danh sư</i> bản Hán Nôm.	
PHẦN 4:	293
Bản <i>Hội đồng tứ giáo bản quốc ngữ</i> , phiên bản 1887	294
So sánh hai văn bản Hội Đồng Tứ Giáo	371
PHẦN 5: Phụ lục	444

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com

nhaxuatbanhongduc@yahoo.com

Điện thoại: 043 9260024 - Fax: 043 9260031

HỘI ĐỒNG TƯ GIÁO DANH SƯ

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập

LÝ BÁ TOÀN

Biên tập

PHẠM THỊ NGỌC MINH

Trình bày, minh họa

NGUYỄN HẠNH

Sửa bản in

NGUYỄN HẠNH

In 1.000 cuốn, khổ 17x24cm, tại Cty TNHH In Ấn DV - TM Siêu Tốc
Địa chỉ: 7/3 Nguyễn Văn Quý - P. Phú Thuận - Q.7 - Tp. Hồ Chí Minh
Số XNĐKXB: 956-2020/CXBIPH/40-14/HĐ
Số QĐXB của NXB: 555/QĐ-NXBHĐ - cấp ngày 27/03/2020

“Hội đồng Tứ giáo danh sư” còn được gọi tắt là “Hội đồng Tứ giáo”. Sách viết theo dạng đối thoại giữa đạo Thiên Chúa và Tam giáo (đạo Nho, đạo Lão tử và đạo Phật). Mục đích không phải để đạo Thiên Chúa bài xích Tam giáo nhưng nhằm hộ giáo và trình bày nội dung giáo lý của đạo Thiên Chúa qua ba chủ đề nhân sinh ở dạng Hán Nôm:

- nhất viết: nhân chi bản nguyên, sinh tự hà lai 一曰。人之本原生自何來 thứ nhất: nguồn gốc người ta sinh ra từ đâu?
- nhị viết: nhân chi hiện tại, tại thế hà như 二曰。人之現在在世何如 thứ hai: người ta ở đời này phải làm sao?
- tam viết: nhân chi cứu cánh, tử vãng hà sở 三曰。人之究竟死往何所 thứ ba: sự cùng sau hết, người ta chết rồi đi đâu?

Trong quyển sách này, người chú giải không chủ đích phân định đúng sai những tư tưởng trong nội dung sách. Bởi lẽ, việc “đối thoại” trong Hội đồng Tứ giáo danh sư ở bối cảnh đạo Thiên Chúa đang bị cấm đoán và bị xem là dị giáo, nghịch lại với chính giáo (đạo Nho, đạo Lão tử và đạo Phật) nên không thấy được những đặc tính cơ bản của đối thoại, đó là: tôn trọng sự khác biệt, bao hàm thái độ dần thân, bỏ qua những định kiến, có thái độ bao dung thay vì bất bao dung, không có thái độ “cải đạo” khách thể. Qua việc chú giải từ ngữ, người chú giải muốn làm rõ vũ trụ quan và nhân sinh quan theo tín ngưỡng dân gian và theo tứ giáo (đạo Nho, đạo Lão, đạo Phật và đạo Công giáo) theo cách hiểu hiện đại để giúp người đọc nhận ra được điểm chung của bốn tôn giáo lớn trên đất Việt, đó là thần học tam phụ (thượng phụ đối với Thượng Đế, trung phụ đối với Hoàng đế và hạ phụ đối với phụ mẫu) và “đạo làm người – cách sống chuẩn mực ở đời”. Trong đó không có việc phân định “đạo của tôi đúng, đạo của anh sai” mà cùng nhau nhìn về một hướng trong việc đối nhân xử thế và hướng về cánh chung.

Khi chú giải, người viết nhận ra một điều thú vị, đó là quyển Hội đồng Tứ giáo danh sư được viết ít nhất bởi hai người. Xin xem nơi phần Hướng dẫn sử dụng sách.

Michel Nguyễn Hạnh,

Giáo sư Đại chủng viện Thánh Giuse Saigon,

Học viện Công giáo, và một số Học viện ở Saigon, Tp.HCM

Giá 160.000đ